NGÔ VĂN

VIỆT NAM 1920-1945

CÁCH MẠNG VÀ PHẢN CÁCH MẠNG THỜI ĐÔ HỘ THUỘC ĐỊA

CHUÔNG RÈ ~ L'INSOMNIAQUE

Hòai niệm Sophie



Vương quốc Annam do giáo sĩ Alecxăndrơ đơ Rôđơ họa (1653)

Khuyến khích tự do sao lại, nhứt là ở Việt Nam.

Việt Nam
1920-1945

Cách mạng và phản cách mạng

thời đô hộ thực dân

Chuông Rè / L'insomniaque



Xứ Việt Nam thời Pháp thuộc
TRUNG HOA
Sông Hồng
Hà giang
Cao bằng
Lao Cay
Bắc Kỳ
Bắc kạn
Tuyên quang
Lạng sơn
Yên báy
Thái nguyên
Phú thọ
Bắc ninh
Móng Cái
Điện biên phủ
Vĩnh yên
Hòn Gay
HÀ NỘI
Hải dương
Hải phòng
Hòa bình
Hà đông
Nam định
Thái bình
Ninh bình
LUANG PRABANG
VỊNH BẮC KỲ
Thanh hóa
Đảo Hải Nam
(Trung hoa)
Nghệ an
Nam đàn
Vinh
VIENTIANE
Hà tĩnh
Quảng Bình
Đồng hới
L À O
Sông Mêkông (Cửu Long)
Quảng trị
Thuận an
HUẾ
Tourane (Đà nẵng)
Hội an
Quảng nam
BIỂN ĐÔNG
Quảng ngãi
Quảng Ngãi
THÁI LAN (XIÊM)
Trung Kỳ
BÌNH ĐỊNH
Qui nhơn
PHÚ YÊN
Túy hòa
C A O M I N
KHÁNH HÒA
Nha trang
Đà lạt
NAM KỲ
PHNOM PENH
Tây ninh
Biên hòa
Thủ dầu một
Gia định
Châu đốc
SÀI GÒN
Phan thiết
Đồng Tháp Mười
Chợ lớn
Hà tiên
Sa đéc
Bà Rịa
Gò công
Long xuyên
Vĩnh long
Vũng tàu
VỊNH XIÊM LA
Bến tre
Cần thơ
Trà vinh
0
150
300
km
Sóc trăng
Bạc liêu
Cà mau
Ngục Côn Nôn

LỜI PHÀM B IỆT

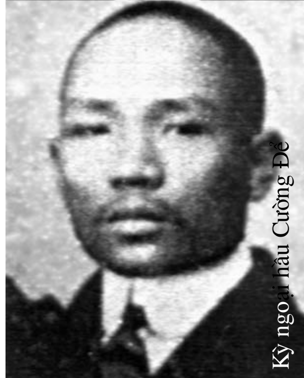
Kể từ 1887 cho đến 1954, xứ Việt Nam là bộ phận xứ Đông Dương thuộc Pháp đô hộ, chia ra làm ba Kỳ:
Bắc Kỳ, kinh đô Hà Nội
Trung Kỳ, kinh đô Huế và
Nam Kỳ, kinh đô Sài Gòn
(Nay là Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ).
Dân số năm 1940 độ 20 triệu người: ở Bắc 9,4 - Trung 6,4 - Nam 4,8.
Dân cư 9/10 là người Việt (Kinh), ngoài ra còn có những dân tộc ít người mà người ta ít nói đến, họ bị lấn ép vào miền rừng núi. Ở Bắc có dân Tày, Thái, Mường, Máng, Nùng, Mèo (Hmông), Dao..., ở miền Trung có dân Chàm, cùng các dân /tục gọi mọi Giarai, Eđê, Bana, Sơđăng, Mnông, Ma, Xtiêng ..., ở Nam có người Chàm và Khơme, tục gọi người Caomên. Dân tộc ít người đông nhất là Hoa kiều gồm người Tàu di cư sang Việt Nam và người Minh Hương (Tàu lai).
Từ trước đến 1945, các tài liệu thông thường đều dùng hai chữ An Nam đồng như chữ Annamite trong văn kiện Pháp. Thế nên chúng tôi vẫn giữ nguyên văn theo các văn kiện thời ấy, hai chữ Việt Nam trở nên thông thường kể từ 1945.

Những chữ viết tắt

ĐCSĐD - Đảng Cộng Sản Đông Dương
ĐVNĐL - Đảng Việt Nam Độc Lập
VNQDĐ -Việt Nam Quốc Dân Đảng
sđd - sách đã dẫn
ntr - như trên
vt - và tiếp theo



Phan Bội Châu



Kỳ ngoại hầu Cường Để



Hoang hoa Tham, dit le đ De Tham ề

MỘT VÀI MỤC PHIÊU LỊCH SỬ

THAY LỜI TỰA

Kể từ thế kỷ 16, bọn lái buôn và truyền giáo sĩ người xứ Pottugalơ và spa-nhơ đã từng lui tới các ven biển Đông Dương. Sau đó thì có những người Hòa Lan, Ănglê. Các giáo sĩ giêzuýt (Thiên Chúa Giáo) tới Nam Kỳ vào năm 1615. Mười năm sau, giáo sĩ Alecxăndrơ đơ Rôđơ chỉ dẫn cùng họ tạo ra chữ quốc ngữ, lấy chữ a b c viết ra tiếng An Nam, thay thế chữ nôm, chữ viết hiện hành thời đó, mượn chữ Hán mà viết ra thành ra ít người đọc nổi. Chẳng bao lâu về sau, ở thành Rôma có xuất bản quyển Giáo Lý bằng tiếng latin và quốc ngữ. Lẽ cố nhiên, xin nhắc lại rằng việc phát minh chữ quốc ngữ sau này rất quan trọng trong việc truyền bá văn hóa Việt vào thế kỷ 20.

Truyền đạo và bán buôn trục lợi – cây thánh giá hội hiệp với đòn cân – ta có thể xem truyền giáo sĩ và lái buôn là những kẻ đi tiên phong trong cuộc xâm chiếm thuộc địa.

Chúa Trịnh, chúa Nguyễn

Thời ấy dân Việt Nam sống dưới ách đô hộ của hai gia tộc cường hào thù nghịch nhau, cả hai đều là gian thần vua Lê và thường cùng nhau chinh chiến. Chúa Trịnh thống quản Bắc Kỳ (Đàng ngoài) đóng đô ở Thăng Long, chúa Nguyễn trị vì Trung Kỳ (Đàng trong), đóng đô ở Huế.

Phía Nam lãnh thổ Việt, quốc vương Chàm chạy dài tới Phan Thiết (Bình Thuận), còn xuống thẳng tới Cà Mau thì có những đất phì nhiêu châu thổ tam giác sông Cửu Long là xứ người Cao Mên hay Khơme.

Từ đầu thế kỷ thứ 17, chúa Nguyễn khởi đầu xâm chiếm xứ Chàm (tới Qui Nhơn năm 1602) rồi thôn tính toàn bộ quốc vương Chàm vào lối cuối thế kỷ (tới Phan Thiết năm 1897). Một tảng đá có khắc chữ

Chàm ghi nhớ việc người Chàm bị người An Nam áp bức trên đường Nam Tiến: « Con của người An Nam sai khiến người Chàm như sai khiến trâu. Người An Nam sai khiến rồi cười, bên họ có vua! còn người Chàm mồ côi... »

Đồng một lượt người Việt tiếp tục xuống miền Nam, khởi đầu khẩn hoang, kinh doanh đồn điền, có lúc tiếp xúc hòa bình với người bản xứ, lúc lại tác chiến xâm chiếm đất Khơme bấy giờ rất ít dân cư. Họ chiếm Bà Rịa từ năm 1658 rồi lấy Sài Gòn, bấy giờ là Pơrây Nôkoo năm 1675 [1].

Năm 1673, chúa Nguyễn vừa ký kết đình chiến với chúa Trịnh, thừa nhận sông Gianh, gần lối vĩ tuyến 18, là bờ cõi phân hai lãnh địa [2].

Trong công cuộc bành trướng lãnh thổ, chúa Nguyễn được trợ giúp: một đạo binh người Tàu 3000 người trên 50 chiếc thuyền chạy thoát quyền đô hộ Mãn Châu tới Đà Nẵng xin lánh nạn. Chúa Nguyễn bèn tống họ đi về phía Nam khai khẩn và chiếm đất, lúc bấy giờ vua Khơme đã phục tùng chúa Nguyễn. Những người lánh nạn ấy an bài ở Biên Hòa, Gia Định, Mỹ Tho, sau cùng ở Chợ Lớn; họ bán buôn, trồng tỉa và cướp giật. Họ là thủy tổ Hoa kiều ở Nam Kỳ.

Một số người Tàu di dân khác ở Quảng Đông tới lập nghiệp trong vùng Hà Tiên, đó cũng vẫn là đất Khơme, sau đó họ khuếch trương lĩnh vực của họ từ đảo Phú Quốc tới Rạch Giá và Cà Mau. Thủ lĩnh của họ, tên phiêu bạc Mạc Cửu chịu dưới quyền đô hộ nhà Nguyễn vào năm 1714, Việt Hoa ăn chung ở lộn sinh ra những người lai, tục gọi Minh Hương.

Trong nhóm di dân có tín đồ hội kín « phản Thanh phục Minh » cảm hóa người đồng cảnh ngộ, hiệp nhau tạo ra bên ngoài xã hội công khai, một trật tự xã hội kín đáo có nghi thức riêng, đây là cội rễ các phái chính trị tôn giáo có tính chất mưu toan lật đổ đương quyền - đặc biệt như Thiên Địa Hội - thù sâu chống người Âu Tây đột nhập.

Năm 1698, nhà Nguyễn chế định Sài Gòn là đầu phủ các tỉnh Gia Định và Đồng Nai (Biên Hòa); năm 1733, tới lượt Long Hồ (Vĩnh Long) rồi đến Định Tường (Mỹ Tho) đều bị chiếm. Năm 1754, một quan tổng trấn ngự tại Sài Gòn đặt các lãnh thổ đã chiếm theo luật nhà Nguyễn rồi người An Nam tiếp tục thâm nhập cho tới cuối miền Nam.

Tuy nhiên các chúa Nguyễn còn phải đương đầu cùng nhiều địch thủ mới.

Giặc Tây Sơn lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh

Nông dân nổi dậy thường xuyên, làm rung động cả hai trào chúa Nguyễn Trịnh.

Có ba anh em, cả ba đều thuộc hạng sĩ phu - quê quán ở ấp Tây Sơn (ngày nay là An Khê, Qui Nhơn), vì vậy tên gọi Tây Sơn - Nguyễn Văn

Nhạc làm biện lại, cùng hiệp sức với hai em là Nguyễn Văn Lữ và Nguyễn Văn Huệ, nhờ « đoạt của nhà giàu để cứu giúp người nghèo »[3] mà họ chiêu tập được ít ngàn nông dân. Ba anh em chiếm thành Qui Nhơn năm 1773, sau đó đoạt toàn Trung Kỳ và đánh đuổi chúa Trịnh ở Bắc Kỳ.

Họ tiến thẳng tới Gia Định năm 1776 rồi hạ sát chúa Nguyễn đang cư trú ở đó. Chỉ một mình hoàng tử Nguyễn Ánh, 16 tuổi được thoát thân. Rồi đây Nguyễn Ánh sẽ cầu Pháp giúp để phục hồi ngôi chúa.

Tây Sơn đang làm chủ tể toàn xứ, từ Bắc Kỳ tới Nam Kỳ.

Thánh giá mở đường gươm súng

Vừa tới Nam Kỳ năm 1767, giám mục Bá Đa Lộc (tên thật là Pigneau de Behaine), người của Hội truyền giáo ngoại bang ở Paris, bèn ra tay cứu vớt Nguyễn Ánh lúc bấy giờ bị Tây Sơn đuổi theo, đang cùng sáu viên quan và độ trăm người tùy tùng trung thành ẩn lánh tại cù lao Phú Quốc. Giám mục làm thầy và người chỉ dẫn cho Nguyễn Ánh.

Nguyễn Ánh trao trọn quyền thay mặt mình cho giám mục Bá Đa Lộc khi ông này trở về Pháp hồi tháng 12 năm 1784, để yêu cầu vua Lu-i XVI trợ giúp về mặt binh bị. Giám mục tới Paris năm 1787, chính năm thủ lĩnh Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc xưng đế ở miền Trung, lấy niên hiệu là Thái Đức, đóng đô tại Qui Nhơn (Bình Định), đồng thời Nhạc phong Huệ làm vua các tỉnh ở Bắc còn Lữ ngự trị các tỉnh miền Nam.

Giám mục tâu với vua Lu-i XVI:

> Ông vua chính tông ở Nam Kỳ bị một kẻ soán ngôi lật đổ, ngài sai tôi (cùng đứa con một của ngài năm nay 16 tuổi) đến khẩn cầu vua nước Pháp trợ giúp. Xứ Nam Kỳ giàu có lắm và hoạt động sinh sản thật phi thường. Những vật liệu đặc dùng trong cuộc nội thương và ngoại thương là: vàng, hạt tiêu, quế, lụa là, bông vải, màu chàm, sắt, trà, sáp ong, ngà voi, nhựa gôm guýt, vét-ni, các thứ cây, chỉ thôm, gạo khô, cây để kiến trúc, v.v. Tóm lại, kiến lập một cơ sở Pháp ở Nam kỳ sẽ là phương hướng chắc chắn của ta để trừ bì ảnh hưởng lớn lao của Ănglê trong toàn các thuộc địa phủ Ấn Độ .
>
> Số tiền người ta xuất ra để kiến lập, dù sao cũng là một việc bỏ vốn thâu lợi thật nhiều cho ảnh hưởng chính trị và thương mại mà nước Pháp sẽ hưởng trong thời gian ngắn ngủi tới [4].

« Vua Nam Kỳ » và vua xứ Pháp liền ký tờ hiệp ước tương trợ ngày 28 tháng 11 năm 1787 ở thành Vetsâydơ: Pháp giúp binh thì vua Nam Kỳ phải nhượng lại cho Pháp hải cảng chính ở Hội An (Đà Nẵng), đảo Pulô Côngđo

(Côn Nôn) Pháp làm chủ, thần dân của « đức vua tận tâm theo Thiên Chúa Giáo được tự do hoàn toàn về thương mại trong các lãnh thổ của đức Vua Nam Kỳ, trừ tuyệt toàn cả các nước Âu Châu khác. Người Pháp có thể gây dựng được những cơ sở họ xem là nhu cần cho việc hàng hải và thương mại của họ, cùng là để bồi bổ và đóng tầu.» [5]

Thế thì giám mục Bá Đa Lộc là người tiên phong của giai cấp tư sản Pháp trong công cuộc xâm chiếm thuộc địa. Sự nghiệp này đã được phóng đại vào thời Đệ nhị Đế quốc (1852-1870) và nhất là trong thời kỳ Đệ tam Cộng Hòa (1870...) Pháp.

Giám mục lìa xứ Pháp vào tháng chạp 17 năm 1787, chỉ được nhà vua hứa giúp thôi. Ông không nhận được trợ giúp chính thức chút nào, nhưng ông được những người Pháp buôn bán giầu có ở Ilơ đơ Fơransơ (bây giờ là đảo Rêuyniôn), ở Ilơ đơ Buôcbon (bây giờ là đảo Môrixơ) và ở các cơ nghiệp Pháp ở Ponđixêry. Ngày 24 tháng 7 năm 1789, giám mục cập bến ở Vũng Tàu, cùng với bọn đánh giặc mướn, tốp lính đào ngũ hoặc bị đuổi khỏi các chiến thuyền của nhà vua và «vọng tưởng phiêu lưu phù phiếm ». Theo sau đó, nhiều chiếc tầu Pháp khác chở khí giới và đạn dược cùng cập bến.

Lúc bấy giờ, Nguyễn Ánh đã thu phục Sài Gòn, vua Tây Sơn Nguyễn Văn Lữ đã từ trần năm 1787 rồi đạo binh của ông bị bại trận và rút lui. Cần phải chinh phục Trung Kỳ, nơi Nguyễn Văn Nhạc trị vì, và xứ Bắc Kỳ do Nguyễn Văn Huệ trấn thủ.

Quân của Nguyễn Ánh, vũ trang theo lối Âu châu, luyện tập với những người lính thủy Pháp đã từng trải, còn đoàn chiến thuyền của ông có chiến hạm do người Pháp chỉ huy hỗ trợ, nhờ đó mà Nguyễn Ánh thắng nổi Tây Sơn.

Nguyễn Văn Huệ bị bệnh mất năm 1792, Nguyễn Văn Nhạc qua đời năm sau đó, toàn quân trấn giữ Qui Nhơn kinh đô của Nhạc, cầm cự đến tháng 7 năm 1799 mới hàng. Cũng trong năm đó, vào tháng 10, vị giám mục háo chiến Bá Đa Lộc bị kiết lỵ mà từ giã cõi đời. Vương thành Huế chỉ thất thủ năm 1801.

Thế thì phải 13 năm ròng rã mà họ Nguyễn vũ trang đầy đủ mới thắng nổi một cuộc nông dân chiến tranh.

Nhà Nguyễn tức vị

Nguyễn Ánh thắng trận nhập thành Huế ngày 12 tháng 6 năm 1801, liền đó ra lệnh quật mồ Bắc Bình Vương Nguyễn Văn Huệ, đem thây chặt đầu và lên án lăng trì người con gái cùng 31 thân nhân gia tộc vua Tây Sơn.[6] Ngày

20 tháng 7 năm 1802, Nguyễn Ánh chiếm lĩnh thổ chúa Trịnh. Bấy giờ ông 40 tuổi. Năm 1806, ông xưng hoàng đế nước Việt Nam, lấy niên hiệu Gia Long sau khi thọ ấn tước của hoàng đế Trung Quốc ban cho.

Gia Long quan niệm Quốc gia của ông - tương tự như Trung Quốc - ở miền Nam khắc phục dưới quyền chủ tể của mình các quốc vương Khơme, Lào, Xiêm, các bộ lạc Mọi... Ông công bố hình luật - luật Gia Long - luật cổ hủ chép theo sách Tàu, lập Văn Miếu chế định phụng thờ Khổng Tử, mở trường học như ngày xưa để đào tạo quan chức. Nhiều trước tác bằng chữ nôm xuất hiện năm 1811, trong đó có truyện *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du (1765-1820).

Mọi sự việc ấy thực hiện giữa đám nhân dân khốn khổ vì sưu quá cao, thuế quá nặng đến đỗi vô số dân làng bỏ hoang ruộng đất của họ vì không đóng nổi thuế, không chịu nổi sưu dịch. Người ta tu bổ thành trì hoặc xây dựng thành lũy mới:

> Ở đây người ta tạo lại những bước tường thành vua. Lính xây tường, dân chúng lấp vũng ao: nhiều người bị chết vì quá mệt đuối; người ta phải làm ban ngày cho tới một phần ban đêm; còn một phần đêm lại phải canh gác; người ta vừa có chút thì giờ để ăn uống. Những sự bất công và hà lạm [thời Gia Long] còn quá hơn thời Tây Sơn.

Đấy là bức tranh miêu tả trong *Chỉ giáo thơ mới* (Nouvelles lettres édifiantes VIII) [7].

Thời Gia Long (1802-1819), người ta đếm tới 73 cuộc nông dân nổi loạn, 234 thời Minh Mạng (1820-1841) và 103 thời Tự Đức (1847-1883), trong đó kể cả những cuộc nổi loạn của các chủng tộc thiểu số. Những người cầm đầu là tù trưởng nông dân, sĩ phu, hoàng tộc nhà Lê, quan lại, hương mục.

Sắc lệnh cấm đạo Thiên Chúa

Kế vị vua Gia Long, vua Minh Mạng không theo lối cha mà dung túng việc truyền đạo Thiên Chúa, đạo này xoi bói nền tảng trật tự xã hội truyền thống theo Khổng giáo, tức là cơ bản uy quyền nhà vua. Năm 1825, ông ra sắc lệnh lần đầu cáo giác « tà đạo của người Âu Châu làm bại hoại lòng người và thuần phong mỹ tục ». Năm 1833, ông truyền lệnh cho các quan đô buộc tín đồ Thiên Chúa giáo phải dậm đạp cây thánh giá trước mặt mình, rồi tha họ lần đó. Các quan phải quan sát kỹ nhà thờ và nhà ở của cố đạo phải hoàn toàn tiêu diệt.[8]

署潋郎武文利

和義府慕華縣四段胥渡蔓

泰德十二年三月二十五日謹

Chử ký của Nguyễn Văn Nhạc, anh cả trong ba anh em Tây Sơn. Nguyên niên Thái Đưc năm thứ 12, ngày 25 tháng ba âm lịch (1789).

Từ năm 1835 đến 1838, 9 truyền giáo sĩ (Pháp và Êspa-nhơ) bị giết; cố đạo và tín đồ An Nam cũng đồng tan xương nát thịt.

Bên Tàu cấm giao dịch thuốc phiện từ năm 1729, bấy giờ chính phủ Bắc Kinh lại cấm một lần nữa, nhưng bọn Ănglê không đếm xỉa đến vì họ thu lợi lớn trong việc bán buôn thuốc phiện. Họ thắng người Tàu trong trận giặc Nha phiến, năm 1842, họ cưỡng bách người Tàu phải nhượng hải cảng Hồng Kông và mở 5 hải cảng khác cho họ khuếch trương thương mại vô luân đó.

Vua Thiệu Trị nối ngôi Minh Mạng, ông rất kinh khủng trước tình thế đó, sợ người Âu Tây cùng tôn giáo của họ tăng cường. Tháng 2 năm 1843, vì ông bị hăm dọa nên ông thả năm truyền giáo sĩ ra khỏi ngục rồi giao lại cho một chiến hạm Pháp. Sau khi đội chiến thuyền của ông bị thủy quân Pháp đánh tan ngày 15 tháng 4 năm 1847, ông bắt đầu sát phạt trở lại (ba sắc lệnh cấm đạo).

Vua Tự Đức lên ngôi nối Minh Mạng, trong một sắc lệnh công bố năm 1848, nhận định rằng:

> Đạo Gia Tô là tà đạo vì trong đạo đó người ta không thờ cúng mẹ cha đã quá vãng, người ta móc con mắt những người hấp hối để làm nước thánh dùng mê hoặc lòng dân. Vì lẽ đó những người Âu Tây đầu thầy là những kẻ phạm tội trọng hơn hết, phải buộc một hòn đá nơi cổ họ rồi xô họ xuống biển. Các cố đạo An Nam thì khảo tra họ coi họ có muốn chữa lầm lỗi của họ hay không. Nếu họ chối từ thì phải xâm dấu trên mặt họ, rồi đày họ đi những chỗ rừng sâu nước độc. Còn đối với thường dân thì không nên giết chết để trừng phạt họ nữa, mà chỉ đày lưu hoặc bỏ tù thôi. Các quan chỉ nên sửa trị họ một cách nghiêm khắc thôi.[9]

Bốn truyền giáo sĩ Pháp và một giám mục Êspa-nhơ bị chặt đầu năm 1852. Tín đồ Thiên Chúa giáo không hối hận như không bị vong mạng trong tù, thì bị đầy lưu nơi độc hiểm, má trái xâm hai chữ « Tà đạo », má mặt tên chỗ lưu đầy.

Tự Đức trị vì vừa được mười năm. Đến cuối thời kỳ tại vị dài lâu ông đã bị thất bại và thất bại về mặt quân sự cũng như về mặt chính trị và luân lý, ông thường chống lại sự « mê hoặc quái gở » của những kẻ theo một « đạo giáo vô lý dẫy đầy hoang mang ». Ông thường dò hỏi ý kiến các quan về việc Thiên Chúa giáo bành trướng, có khi ông khiển trách họ hờ hững trước tình thế ấy, khi thì nghe theo các quan đàn áp gắt gao, có lúc cũng cùng các quan lấy thái độ khoan hồng đối với Thiên Chúa giáo. Năm 1869, ông ban bố các sắc lệnh khoan dung việc truyền giáo.

Việc xâm chiếm thuộc địa vào thời Napôlêon III

Tháng giêng năm 1857, truyền giáo sĩ phái Lazarit tên Huc kiến nghị cùng hoàng đế Napôlêon III « thành lập cơ sở vững vàng cho ảnh hưởng Pháp ở Đông Dương ». Ông viết cho hoàng đế:

> Chiếm Nam Kỳ, - tức là một lãnh thổ mà Pháp có quyền chiếm không thể đối lại được (nguyên văn) - thật là dễ vô cùng. Dân chúng (theo đạo Thiên Chúa) than vãn dưới chế độ áp chế ác ố. Dân chúng sẽ tiếp rước chúng ta như người giải thoát họ, như người ban phúc cho họ.[10]

Napôlêon quyết định đưa quân đi cứu Thiên Chúa giáo. Về sau đại úy Gôsơlen viết « ủng hộ truyền giáo sĩ chỉ là một cớ mà chúng ta dựa vào đó để đánh xứ An Nam ».

Trong thời gian hai mươi năm, giai cấp tư sản Pháp thiết lập chủ quyền trên xứ Việt. Chúng dựa vào chính sách ngoại giao bằng súng đồng và một loạt hiệp ước ăn cướp, cưỡng bách vua chúa Việt. Giai cấp sĩ phu và quan lại rường cột chế độ vua chúa, thấy mình bị hâm dọa rụi tàn theo chế độ, thế nên họ kháng chiến một cách vô hy vọng chống lại bọn xâm lăng.

Trong báo *Diễn đàn Nhật báo Niêu Yok* (New York Daily Tribune) ngày 8 tháng 8 năm 1853, Kac Mac viết về việc Ănglê áp bức Ấn Độ: «Văn minh giai cấp tư sản bày chán chường tính chất giả dối sâu sắc và nguyên bản dã man trước mắt ta không che đậy, ngay từ chỗ phát sinh văn minh ấy còn mang những hình thức có thể tôn kính, cho đến các xứ thuộc địa, nơi mà văn minh ấy chường mặt giả dối và dã man không giấu giếm.»

Chiếm Sài Gòn năm 1859

Ngày 11 tháng 2 năm 1859, đoàn tầu của đội quân viên chinh vượt lên sông Sài Gòn, có giám mục Lơfevơrơ và tên Thế, người An Nam tín đồ Thiên Chúa giáo dẫn đường. Ngày 18 tháng 2, quân đội Pháp và Êspa-nhơ hãm thành Sài Gòn, lực lượng trợ giúp họ gồm « một toán lính tập tín đồ Thiên Chúa giáo, độ sáu mươi người thường dân An Nam, cũng đồng một đạo, họ lái tàu chở người và thuốc đạn, trợ giúp khiêng người [bị thương và xác chết] và kéo những súng đồng và trái phá »[11]

Thơ Nam Kỳ kể lại:

Thỏa thanh nông phố thời bình,
Kỷ vì xảy thấy thình lình Tây qua;
Tai nghe tiếng súng vang xa,

Nhơn dân xao xác đặng ba đêm ngày.
Tháng giêng mùng chín mới hay,
Cần giờ Tây lại bắn ngay pháo đài.
Nào hay tàu khói máy tài:
Chạy vào Tắc nghĩa chẳng nài ngược ngang.
Mùng mười quân chạy lang thang,
Thất đồn Ông Nghĩa tàu sang Tam Kỳ
Gieo neo phát pháo tức thì,
Xa Tam Kỳ bảo còn gì đỡ ngăn?[12]

Mùng 1 tháng 11 năm 1859, hải quân thượng tướng Rigô đơ Giơnuôidy trao quyền lại cho hải quân trung tướng Pagiơ. Ông này tả cảnh Sài Gòn mà ông kế nghiệp trong một bức thư đề ngày 8 tháng 11:

> Ở Sài Gòn, chỉ thấy những đống tro tàn, ta chỉ biết phá hủy và đốt nhà; dọc theo bờ sông, hàng trăm chiếc thuyền chở gạo và những món cần yếu khác đều bị thiêu hủy; dân chúng giận dữ đối với ta, họ la lên rằng chúng ta còn dã man hơn các quan [An Nam], binh lính ta thì bị bệnh hoạn mà kiệt sức và chán ghét.[13]

Thật cảnh đã cảm xúc một thi sĩ lúc bấy giờ:

Bến Nghé của tiền tan nước bọt,
Đồng Nai tranh ngói nhuộm mầu mây...
Tứ phía bủa giăng giây thép kéo,
Chân trời mù mịt khói tàu bay...

Tới Sài gòn ngày 2 tháng chạp, tướng Pagiơ thi hành các phương pháp kinh tế: mở thương cảng cho tàu buôn để thâu vào quỹ người Pháp « hàng trăm ngàn forăn, trọn năm 1860, có 110 chiếc tàu Âu châu và 140 thuyền người Tàu ghé cảng và số xuất cảng thương phẩm độ 100.000 tấn. »

Tháng 2 năm 1861, quân tiếp viện khá đông đảo tấn công các vị trí An Nam ở Chí Hòa, mặt trận do đô thống Nguyễn Tri Phương chỉ huy. Vị trí bị thất thủ, đô thống bị thương rút về Biên Hòa cùng những người sống sót, binh Pháp tiến tới Thủ Dầu Một và Tây Ninh.

Cũng trong *Thơ Nam Kỳ* việc Chí Hòa thất thủ:

Dậu niên mười bốn [tháng giêng] tớ thầy gian nan,
Tảo nhìn súng nổ vang vang,
Liên thinh đại pháo dầm đàng đạn rơi
Quan quân kinh hãi chơi vơi,

Bình minh Chí mộ chi nguôi sở lòng.
Cả đêm Tây đóng giữa đồng,
Mười lăm thái tảo nước chông leo đồn
Phía sau Bà Quẹo hậu môn
Xạ liên trái khói ám hôn tối trời.
Chập tàn rạng thấy bóng người,
Hậu đồn trắng dã sáng ngời nón tây.
Các đồn vỡ chạy bức mây,
Tài hay tướng mạnh khó vầy cầm binh.
Nguyễn quang Táng lý xuất chinh,
Hậu đồn mạng một thông tình dân thương.
Nguyễn Tri [Phương] đại sứ nang đương,
Tay lâm thương đạn quân tương phục dài.
Hết người trí cả anh tài,
Vạn binh thiên tướng chạy dài hồi quê.

Tự Đức hiệu triệu nổi dậy chống Pháp

Mùng 1 tháng 3 năm 1861, vua Tự Đức khuyến khích dân nổi lên, ra giá thưởng mỗi đầu người Pháp hoặc người An Nam giúp việc cho Pháp.

Tuy thế, quân đội Pháp vẫn tiến tới luôn ở Nam Kỳ: miền Đông, Biên Hòa thất thủ ngày 17 tháng chạp năm 1861, Bà Rịa ngày 7 tháng giêng năm 1862 còn miền Tây, thành Vĩnh Long ngày 23 tháng 3, thành Mỹ Tho ngày 12 tháng 4, trong lúc cuộc khởi nghĩa lần lần bùng cháy khắp Nam Kỳ. Quản cơ Trương Công Định, thủ lĩnh cuộc kháng chiến quân sự dán yết thị ngay tại chợ Mỹ Tho tuyên cáo kêu gọi dân chúng vũ trang và ra giá đầu bọn « Tây Âu dã man » nhưng vô ích. Khắp nơi quân lực Pháp - Êspanhơ đều thắng trận.

Hiệp ước ngày 5 tháng 6 năm 1862

Hiệp ước này thừa nhận chủ quyền của Pháp trên ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ: Biên Hòa, Gia Định và Định Tường (Mỹ Tho) và luôn cả cù lao Pulô Côngđo; triều đình An Nam phải trả 20 triệu forăn tiền bồi thường trong thời hạn 10 năm. Triều đình phải chuẩn y hiệp ước này trong thời hạn một năm, nhưng họ không làm chi cả.

> Hải quân thượng tướng Bôna tuyên bố ngày 30 tháng 7: Từ nay ba tỉnh là tài sản tuyệt đối của Đức Hoàng đế Pháp. Từ nay dân cư đều là con cái và là dân của đại Hoàng đế ấy.[14]

Qua tháng chạp, dân cư nổi loạn ở Biên Hòa tuyên bố với người Pháp:

> Xứ các ông ở về biển Tây, xứ chúng tôi thuộc biển Đông. Cũng như trâu với ngựa khác nhau, chúng ta khác nhau về tiếng nói, chữ viết và cách ăn ở. Các ông có tàu chiến và súng canông, không ai chống nổi các ông. Nhưng ơn vua nghĩa chúa ràng buộc chúng tôi theo chân vua chúng tôi. Nếu các ông cố định đến đây để giết người cướp của đốt nhà thì trong xứ sẽ rối loạn vĩnh viễn. Chúng tôi hành động theo lẽ Trời, Trời sẽ giúp chúng tôi và rốt cuộc sự nghiệp của chúng tôi sẽ thành công. Thế thì chúng tôi nguyện thề đánh trả các ông đời đời và không ngưng.[15]

Năm 1864, độ 5000 sĩ phu họp tại Huế vào lúc thi hội, khi họ được tin về hiệp ước 1862, họ khẩn cầu Hoàng đế trừ diệt tín đồ Thiên Chúa giáo nào đồng lõa cùng quân xâm lăng, bằng không thì họ tẩy chay cuộc thi hội. Sĩ phu Nam Định cũng phản đối như thế. Giới trí thức giao động, triệu chứng rằng keo sơn Khổng giáo gắn bó vua « dân » hiện đang tan rã, văn thân sắp nổi loạn có ý nghĩa cụ thể hiện tượng tan rã ấy.

Đồng Tháp Mười, Tổng hành dinh quân khởi nghĩa

Trong quyển *Cuộc chinh phục Đông Dương*, A. Thômazi viết:

> Người cầm đầu quân phiến loạn, Trương Công Định bị giết ngày 20 tháng 8, năm 1864. Quân phiến loạn đóng ở miền Tây Bắc Mỹ Tho, quần tụ rất đông trong Đồng Tháp Mười, nơi đó họ xây lũy giữa đất lầy hẻo lánh, có tiếng là khó đi đến được. Họ tung ra những tờ tuyên cáo. Những ngày đầu tháng 4 năm 1865, 100 lính Pháp và 200 lính An Nam thúc giục đến trung tâm Tháp Mười nơi đồn trú Tổng hành dinh loạn quân. Lũy Đồn Tả [bị xung phong triệt hạ ngày 15 tháng 4], chứa 40 súng đồng và 350 người phòng thủ, trong đó có một người Pháp trốn lính và ăn ở theo lối người bản xứ.[16]

Trung tâm Đồng Tháp Mười bị phá hủy nhưng bạo động vũ trang vẫn tiếp tục.

Nhiều người có tuổi hiện nay vẫn nhớ tên những tín đồ Thiên Chúa giáo An Nam trợ lực quân xâm chiếm, nổi danh vì họ nhiệt tâm đàn áp: Trần Bá Lộc, chủ tể Đồng Tháp Mười, y đã tham gia cuộc đánh chiếm miền Tây Nam Kỳ (Trong Đồng Tháp Mười có ngọn kinh mang tên Tổng đốc Lộc); đốc phủ Trần Tử Ca, khát máu nổi tiếng ở Hóc Môn, rốt cuộc bị quân khởi nghĩa chặt đầu hồi tháng 2 năm 1885. Còn Huỳnh Công Tấn phản phúc ám

sát Trương Công Định được quân Pháp phong chức lãnh binh. Mình cũng không thể quên được tên của một kẻ khác trợ lực quân đội Pháp, tên Đỗ Hữu Phương cũng là một tên khát máu (một con đường ở Chợ Lớn còn mang danh Tổng đốc Phương).

1867, ba tỉnh miền Tây bị chiếm

Ngày 25 tháng 6, phó đại tướng hải quân Đơ Lagơrănđierơ tuyên bố:

> Ta đã chiếm ba tỉnh thành Vĩnh Long (ngày 21), Châu Đốc (ngày 22) và Hà Tiên (ngày 24), nước Pháp thống trị ba tỉnh phía Tây xứ Nam Kỳ miền dưới, thay thế cho vương triều An Nam.[17]

Ông Phan Thanh Giản, kinh lược toàn quyền ba tỉnh, muốn tránh đổ máu vô ích, ông tế Trời rồi tự tử ngày 1 tháng 8 năm 1867. Các con ông nổi dậy phía Nam thành Vĩnh Long.

Trong hịch truyền ngày 9 tháng 10, vua Tự Đức thở than:

> Từ trước đến giờ không lúc nào xảy ra những bất hạnh như thời kỳ chúng ta, không bao giờ có nhiều thảm họa như năm nay. Toàn một tỉnh vì nắng hạn mà trở nên cùng khổ, xứ Bắc Kỳ bị bão tố vào mùa hè, còn ba tỉnh Nam Kỳ thì bị mất. Trên đầu trẫm sợ mạng Trời, ngó xuống dưới ngày đêm xót thương dân chúng: tấm lòng trẫm vừa run vừa sợ vừa hổ thẹn. Trẫm luôn luôn nhận lấy những điều gây nên oán hận để cho dân khỏi chịu trách nhiệm. Trẫm chưa đền tội thì những tai họa mới xuất hiện. Năm nay trẫm tuổi chưa đến 40 mà tóc râu đã bạc, gần như một lão già, trẫm sợ vì nỗi buồn lo thầm kín, trẫm không còn có thể sớm hôm phụng thờ tiên tổ.[18]

Cũng trong năm ấy, quyển *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) ra đời, do một người Pháp dịch chữ nôm ra chữ quốc ngữ. Trong đó tác giả tán dương truyền thống Khổng giáo, bài bác văn hóa Âu Tây. Thời buổi chúng tôi quyển thơ này rất phổ thông ở Nam Kỳ. Trong một quyển khác tựa là *Dương Từ Hà Mậu*, ông chỉ trích đạo Phật và đạo Hòa Lan (Thiên Chúa Giáo) cũng đồng như ông lên án những điều « dị đoan tà mị »:

> Cớ sao mình ở nước Trung,
> Lòng theo nước ngoại còn mong đạo gì.
> Ông bà mồ mả bỏ đi,
> Gốc mình chẳng kính lại vì gốc ai?

Khói lửa bùng lên trong tam giác Cửu Long Giang: văn quan, võ quan cùng hương chức đều nổi dậy trong một cuộc chiến đấu bất đồng lực lượng chống quân xâm chiếm và lính bản xứ tiếp lực cho Pháp. Phía kháng chiến năm 1867 thì có Đinh Sâm ở tỉnh Cần Thơ; người Pháp sai Lộc và Tấn dẫn lính tập An Nam đến đánh phó đốc binh Lê Đình Đường, ông này cùng 17 người nghĩa quân vong mạng ở Trà Vinh; Lê Văn Quan, đề đốc Triều và đốc binh Sây từ Bình Thuận vào đây, ba ông đều bị bắt trong vùng Ba Động, làng này bị quân Pháp và lính An Nam đốt rụi, nơi đó 5 thủ lĩnh khởi nghĩa bị chặt đầu, dân chúng chạy tản lạc.

Rạch Giá cũng bị chiếm trong năm ấy, nhưng vào tháng 6 năm 1868, Nguyễn Trung Trực đánh phá được đồn binh Pháp: 30 lính Pháp bị tàn sát trong đồn. Nguyễn Trung Trực bị lính của Trần Bá Lộc bắt ở đảo Phú Quốc rồi bị chém đầu.[19]

Những quan lại hương chức không đầu hàng, nổi tiếng như huyện Toại, phủ Cầu, đề đốc Huân, nguyên soái Trần Văn Nhíp, thiên hộ Dương...

Đệ tam Cộng hòa tuyên bố ngày 4 tháng 9 năm 1870 tiếp tục chính sách xâm chiếm

Chính sách thuộc địa của Đệ tam Cộng hòa do Giulơ Fery phát biểu như thế này:

> Đi xâm chiếm thuộc địa là con đẻ của chính sách phát triển kỹ nghệ. Xuất khẩu sản vật là một yếu tố căn bản làm cho nước được giàu có, và đó cũng là phạm vi đầu tư tư bản, cũng như sự nhu yếu cho lao động. Cuộc xuất khẩu có thể đo lường tùy theo bề rộng của thị trường ở ngoại quốc.[20]

Sông Cửu Long đã rõ ràng là không thể dùng làm đường buôn bán với xứ Tàu, còn nếu đi theo sông Hồng hà mà lên đến Vân Nam thì trước hế phải được phép triều đình An Nam cho tàu được thông thương tự do trên dòng sông ấy. Chính vì mục đích ấy mà thống đốc Nam Kỳ phái Forănxi Gacniê ra Bắc Kỳ, ở đấy bấy giờ tên lái buôn Pháp Đupuy chuyên chở khí giới trái phép quan trọng nên bị các quan làm khó.

Đấy không phải là một sứ mạng ôn hòa: ngày 20 tháng 11 năm 1873, Forănxi Gacniê xua 250 lính Pháp xung phong đánh thành Hà Nội do thống đốc Nguyễn Tri Phương trấn thủ. Ông này trước kia chỉ huy đồn Chí Hòa năm 1861. Ông bị thương mà chết, rồi qua tháng chạp, Gacniê cũng theo ông xuống mồ, sau khi y đã đánh chiếm được miền tam giác sông Hồng nhờ trợ quân do đường biển đến.

Hiệp ước 15 tháng 3 năm 1874

Cuộc thương thuyết giữa triều đình và Pháp đã bắt đầu, bây giờ tiếp tục với trung úy hải quân Philastrơ, rốt cuộc hai bên ký tờ « hiệp ước hòa bình, hữu nghị và liên minh vĩnh viễn giữa nước Pháp và Vương quốc An Nam » tại Sài Gòn ngày 15 tháng 3 năm 1874.

Hiệp ước này buộc Tự Đức nhìn nhận chủ quyền Pháp trên lãnh thổ Nam Kỳ, ban bố quyền tự do cho người theo Thiên Chúa giáo, được thu nhận vào các cuộc thi cử và được bổ làm công chức, cùng là mở đường sông Hồng cho Pháp được giao thông buôn bán với Tàu và các hải cảng Qui Nhơn, Hải Phòng và Hà Nội.

Văn thân nổi loạn

Sĩ phu nổi dậy chống Triều đình về việc chuẩn y nhượng xứ Nam Kỳ và việc hủy bỏ các sắc lệnh chống đạo Thiên Chúa. Ngày 19 tháng 3 năm ấy, họ kêu gọi dân chúng « bình Tây sát tả! »

Loạn nổi lên khắp nơi. Ở Nghệ An và Hà Tĩnh thì có Trần Tấn, Đặng Như Mai, Trần Quang Hoan...chiêu tập ít ngàn người đồng lòng đánh phá các làng theo đạo Thiên Chúa. Người ta nổi dậy chống việc vua Tự Đức khuất phục người Pháp và cuộc nội chiến khởi đầu này bùng nổ tràn lan tới Quảng Bình. Vua Tự Đức thất vọng sai quân trấn áp, trong vài tháng phong trào bị đánh tan. Tới lượt những người theo đạo Thiên Chúa trả thù đốt nhà những người ngoại đạo (không có đạo).

Chỉ có một mình Nguyễn Trường Tộ,
một văn thân theo Thiên Chúa giáo...

Chúng ta mất thái độ khách quan nếu chúng ta làm thinh không nhắc đến nhà văn thân theo đạo Thiên Chúa Nguyễn Trường Tộ, người quê quán Nghệ An, được các truyền giáo sĩ Pháp bảo trợ, được giao du ngoại quốc và trú ngụ ở Pháp. Ông là tiền bối các sĩ phu canh tân sau này, kể từ 1863, sau khi ông từ chức phiên dịch phụng sự các thượng tướng hải quân, ông dâng một loạt biểu khẩn cầu Triều đình, kiến nghị một chương trình cải cách để hiện đại hóa xứ nhà theo con đường Âu Tây. Chẳng những ông đề nghị gửi học sinh qua Pháp để học tập kỹ thuật sinh sản, mà còn yêu cầu mở trường kỹ thuật có giáo viên người Pháp, người Anh, cần phải tập nghề cho thợ, kỹ thuật viên, mua máy móc để đóng tàu, khẩn mỏ khai rừng.

Khi ông nghe tin nước Pháp bại trận vào tháng 2 năm 1871 trong cuộc chiến tranh Đức Pháp, cùng các cuộc đảo lộn chính trị liền theo đó,

Nguyễn Trường Tộ dân biểu đến thượng thư bộ binh để trình bầy « Kế hoạch thu hồi sáu tỉnh Nam Kỳ », trong đó điều cần yếu là về dự bị binh lực: tìm ra tiền (vay tiền của bọn lái buôn giàu có ở Hương Cảng, vay độ 8 đến 9 triệu fơrăn trả lại bằng hàng hóa, nhất là gỗ...) để mua ở Manidơ (Philippin) 500 con ngựa để đánh giặc, 500 khẩu súng kiểu tối tân, mướn độ 100 kỵ mã người Manidơ để tập luyện Việt binh, đồng thời mua 20 khẩu canông và đạn dược. Dùng canông ấy, bộ binh bắn phá đồn binh địch, quân lính thủ đồn toán loạn, bấy giờ kỵ binh lẹ như chớp nhoáng tàn sát tàn quân ...

Rốt lại, Nguyễn Trường Tộ đề nghị tự mình trá ra một viên quan phạm tội, Triều đình giả đày lưu vào Nam, vào đó ông sẽ sắp đặt tổ chức những người đồng tâm để đến lúc thuận tiện thì phát động « tấn công bất ngờ vào Gia Định »; để « quét sạch quân thù và thu hồi sáu tỉnh Nam Kỳ ».

Nhưng Triều đình vẫn nghi kỵ đối với những người theo Thiên Chúa giáo, Nguyễn Trường Tộ khẩn cầu vô hiệu quả. Ông mất vào tháng 11 năm 1871, thọ 41 tuổi, chết một cách khả nghi.[21]

Xứ nhà đang trải qua một cuộc khủng hoảng sâu sắc: tiếp theo tai họa chiến tranh lại còn bão lụt, nắng hạn, mất mùa, thiếu gạo. Tháng 3 năm 1878, Triều đình cấm xuất cảng gạo.

Thượng tướng hải quân Lafông, thống đốc Nam Kỳ viết trong một tờ báo cáo đề ngày 9 tháng 4 năm 1878:

> Nhiều lần tôi thử can thiệp để bỏ lệnh cấm ấy đi. Nhưng thật khốn nạn quá, các tỉnh trung ương Vương quốc đều bị nạn đói hơn một năm rồi, tai hại ấy còn lan rộng đến các tỉnh miền Nam Bắc Kỳ. Triều đình trả lời cho tôi rằng dân chúng đang đau khổ vì đói kém, sẽ nổi loạn chắc chắn nếu lúa gạo được phép xuất cảng, bởi vì dân chúng cho rằng họ bị khốn khổ là do biện pháp ấy, rồi họ sẽ tố cáo chính phủ muốn cho họ chết đói để làm lợi lãi cho người Âu và người Tàu.[22]

Vua Tự Đức sầu thảm mà chết ngày 17 tháng 7 năm 1883. Triều đại thực ra đã tàn rụi, vương triều còn hấp hối theo bèo bọt tháng ngày trên nửa thế kỷ.

Chúng ta trở lại tiếp câu chuyện.

Bọn hải phỉ Tàu đánh cướp thương thuyền Pháp trên sông Hồng. Người An Nam trấn giữ thành Hà Nội đều có thái độ thụ động thế thì người Pháp ra tay trở lại: tháng 4 năm 1882, đại tá Rivierơ thình lình đánh chiếm thành Hà Nội; tháng 8 năm 1883, thiếu tướng Cuôcbê bắn phá các đồn lũy ở

Thuận An nơi cửa sông vô Huế; Triều đình bị hăm dọa trực tiếp bèn « thừa nhận và ưng thuận chịu thuộc quyền bảo hộ của nước Pháp » (Hiệp ước Hacmăn ngày 25 tháng 8 năm 1883).

Hiệp ước Patơnôtrơ, ngày 6 tháng 6 năm 1884

Tuy vậy xứ Bắc Kỳ không chịu đầu hàng, quân Pháp tiếp tục xâm chiếm trong thời chính phủ Giulơ Fery (1883-1885). Trung Quốc đã từ bỏ quyền đô hộ xứ An Nam kể từ ngày 11 tháng 5 năm 1884, qua tháng 6, nước An Nam ký tờ hiệp ước Patơnôtrơ. Đây là lần thứ hai mà nước An Nam thừa nhận và ưng thuận chịu thuộc quyền bảo hộ của nước Pháp. « (Từ nay về sau) nước Pháp sẽ thay mặt cho nước An Nam trong toàn cả ngoại giao. Quan chức An Nam tiếp tục cai trị trong xứ từ biên giới Nam Kỳ cho tới biên giới Ninh Bình, dưới sự kiểm soát một công sứ thay mặt chính phủ Pháp. Tất cả đồn lũy dọc theo bờ sông vô Huế sẽ phá sạch. »

Phong trào Cần Vương

Vì bọn thắng trận muốn làm oai, rồi đây một cuộc tổng khởi nghĩa nổ bùng lên, cuộc nội chiến chống Triều đình và chống Pháp bắt đầu tái diễn. Ngày 2 tháng 7 năm 1885, Tướng Đơ Cuôcxy chỉ huy đạo quân viễn chinh Bắc Kỳ, vừa tới Huế với một số đông quân lực tùy tùng để thị oai khi y trình quốc thư cho vua Hàm Nghi (13 tuổi) để được nhìn nhận y là lãnh sự nước Pháp. Hai ông phụ chính Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường đột khởi đánh úp quân Pháp, nhưng thất bại, bèn cùng vua thoát thân, ngày 13 tháng 7, truyền hịch kêu gọi Cần Vương. Khói lửa khởi nghĩa đỏ rực Trung Kỳ, quan làng triệu tập vệ binh sở tại, lấy tầm vông vạt nhọn vũ trang nghĩa binh; những người sống còn trong phong trào văn thân chường mặt trở lại xung pha đánh phá chống những người theo Thiên Chúa giáo một lần nữa. Tờ báo *Người Sài Gòn* (Le Saigonnais) viết:

> Người ta tiếp tục tàn sát nhau ở miền Nam Trung Kỳ. Cuộc náo động lan tràn nhanh chóng như luồng thuốc súng; khẩu hiệu (Tàn sát bọn Tây bên trong rồi sau chúng ta sẽ liệu đối với Tây bên ngoài) truyền ra khắp nơi đều được thực hiện, làng xóm người đạo Thiên Chúa đều bị xâm nhập, cướp phá, đốt rụi. Sĩ phu, quan chức mọi đẳng cấp đều tự mình đứng ra chỉ huy phong trào bạo động.[23]

Từ bấy giờ tới lúc vua Hàm Nghi bị bắt vào tháng 11 năm 1888, bên khởi nghĩa vẫn đương đầu chống cuộc « bình định » của Pháp. Người Pháp mộ 6 đội lính tập, rồi đến năm 1887, họ đem lính An Nam hỗ trợ việc xâm chiếm ở Nam Kỳ ra các tỉnh miền Nam Trung Kỳ (Phú Yên, Bình Thuận), lính này do tên khát máu Trần Bá Lộc chỉ huy, tục danh của Lộc là « Hùm Xám Cái Bè » mà chúng ta đã nói đến trong đoạn trên, Lộc tàn sát tù nhân không cần xét xử.

Phong trào khởi nghĩa dường như lụn bại, thì năm 1893 lại nổi trở lên mạnh bạo do ông lão bảy tám mươi tuổi Phan Đình Phùng chỉ huy. Ông này trước kia là quan cáo chức ở trào vua Tự Đức. Hà Tĩnh, Nghệ An khói lửa một lần nữa. Nghĩa quân kháng cự lại những toán lính An Nam do người Pháp chỉ huy trên hai năm trường. Phan Đình Phùng bị thương mà chết năm 1896. Những chiến sĩ bị bắt đều bị chặt đầu ở Huế. Như thế, cuộc chiến đấu bất đồng lực lượng giữa nho sĩ và quan viên chống xâm lược và chống cả Triều đình đến đây là dứt.

Kể từ vua Đồng Khánh (1885-1888), Triều đình trở thành khí cụ thống trị thực dân (tuy vậy không phải bao giờ cũng cúi đầu đâu, chứng cớ là hai ông vua bị đày: Thành Thái (1889-1907) và Duy Tân (1907-1916). Chính phủ bảo hộ có vua Khải Định (1916-1925) là người cộng tác thật lòng. Trên giường chết trước mặt triều thần, Khải Định giao sứ mạng cho toàn quyền Paskiê, người thay mặt chính phủ bảo hộ đã trị vì vương quốc. Rõ ràng Triều đại đã bị diệt vong.

Nhưng giới trí thức không ngưng nổi dậy chống đối. Những lực lượng mới đã bắt đầu hoạt động chống thực dân Pháp từ bình minh thế kỷ 20.

PHỤ CHÚ

1.TRỊNH HOÀI ĐỨC, *Gia Định Thông chí*, Histoire et description de la Basse Cochinchine, bản dịch tiếng Pháp do G.Aubaret, Paris 1863, tr.2-3.
2. J. SYLVESTRE, *L'Empire d'Annam*, Paris 1889, tr. 244.
3. Ch.B. MAYBON, *Histoire moderne du pays d'Annam (1592-1820*), Paris 1931, tr.185.
4. Alexis FAURE, *Mgr Pigneau de Behaine*, Paris 1891, tr. 83-84.
Theo *Khâm định Việt sử*, giáo sĩ người Tây đã khởi đầu truyền đạo Thiên Chúa ở Việt Nam thời vua Lê (1533). Vua Lu-i XIV ở Pháp có viết cho chúa Trịnh Tạc một bức thơ khuyên chúa Trịnh gia nhập Thiên Chúa giáo, vì đạo nầy « rất đặc biệt tác dụng cho vua chúa tuyệt đối trị vì dân đen ». Theo đây là đoạn chót:

Nous avons commandé qu'on vous portât quelques présents que vous avons cru qui vous seraient agréables. Mais la chose du monde que nous souhaiterions le plus, et pour vous et pour vos Etats, ce serait d'obtenir pour vos sujets qui ont déjà embrassé la loi du seul vrai Dieu du ciel et de la terre la liberté de la professer, cette loi étant la plus haute, la plus noble, la plus sainte et surtout la plus propre pour faire régner les rois (absolument) sur les peuples.
Nous sommes même très persuadé que, si vous connaissez les vérités et les maximes qu'elle enseigne, vous donneriez le premier à vos sujets le glorieux exemple de l'embrasser...
Ecrit à Saint-Germain-en-Laye, le 10e jour de janvier 1681.
Votre très cher et bon ami,, Louis.

Tạm dịch:
Trẫm có ra lịnh cho người dến vâng Bệ hạ một vài món quà trẫm tưởng sẽ được đẹp lòng Bệ hạ. Song cái trong đời mà trẫm ước mong hơn hết, vừa ước mong nơi Bệ hạ cùng tất cả Đất nước của Bệ hạ, là cho thần dân của Bệ hạ, những kẻ [đã theo đạo Thiên Chúa] đã tín phụng pháp tắc của Thiên Chúa, đấng thiết thực một mình là chủ tể trời đất, họ được tự do hành đạo và truyền bá pháp tắc ấy, vì pháp tắc đạo ấy là cao thượng, thánh thiện hơn hết và nhất là rất đặc biệt tác dụng cho vua chúa (tuyệt đối) trị vì dân đen.
Trẫm còn tự tin chắc chắn rằng, nếu Bệ hạ thấu đáo các chân lý va các danh ngôn của đạo [Thiên Chúa], thì Bệ hạ sẽ hân hoan nhập đạo làm một gương quang vinh thứ nhứt cho thần dân.]
(E. VÕ ĐỨC HẠNH, *La place du catholicisme dans les relations entre la France et le Vietnam entre 1851 à 1870* (Vị trí Thiên Chúa giáo trong liên hệ giữa Pháp và Việt Nam từ 1851 đến 1870), Leiden 1969, II tr.5.
5. Ch. GOSSELIN, *L'Empire d'Annam*, Paris 1904, tr.495.
7. Ch.B. MAYBON, sđd. tr.359.
6. - ntr. tr.104.
8. Ch.GOSSELIN, sđd. tr.114.
9. - ntr. tr. 124.
10. E. Võ Đức Hạnh, ntr. I tr.46.
11. - ntr. tr.239-240.
12. *Thơ Nam Kỳ* ou Lettre cochinchinoise sur les événements de la guerre franco-annamite, traduite par M.D.CHAIGNEAU, Paris 1876, tr.2, 16-18.
13. E. Võ Đức Hạnh, sđd. tr.116.
14. - ntr. tr.147.
15. - ntr. II-III, tr.211.
16. A. THOMAZI, *La conquête de l'Indochine*, Paris 1934, tr. 72.
17. E. Võ Đức Hạnh, sđd., I, tr.170.
18. Ch. GOSSELIN, sđd. tr.546 vt.
19. J.- C. BAURAC, *La Cochinchine*, Saigon 1894, tr.254 vt.
20. Henri BRUNSCHWIG, *Histoire de la colonisation française*, Paris 1949, tr.53.
21. Trương Bá Cầm, *Nguyễn Trường Tộ*, con người và di thảo, Hồ Chí Minh city 1988, tr.325-358.
22. Nguyễn Thế Anh, *Monarchie et fait colonial au Vietnam*, Paris 1992, tr.22.
23. Paulus VIAL, *Nos premières années au Tonkin*, Paris 1889, tr.485-488.

PHẦN THỨ NHẤT

NGỌN LỬA ẤP Ủ GIỚI TRÍ THỨC

1920 -1929



Nguyễn Ái Quốc



Phan Văn Trường



Phan Châu Trinh



Nguyễn An Ninh



Nguyễn Thế Truyền

I
Ngũ Long tại Paris

Vào những năm đầu của thập kỷ 20 tại Paris, con người bị lưu đày Phan Chu Trinh, đã nhiều tuổi, vẫn liên hệ mật thiết với Phan Văn Trường, rồi sau đó ít lâu, với Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn An Ninh. Điều làm cho họ liên kết với nhau không phải là tuổi tác (giữa người nhiều tuổi nhất và người ít tuổi nhất chênh nhau 27 năm), cũng không phải là nguồn gốc (người thì ở đất bảo hộ Trung Kỳ và Bắc Kỳ, người thì ở Nam Kỳ, đất thuộc địa), mà là do họ có cùng một niềm say mê, đó là giải phóng dân tộc thoát khỏi tình trạng nô lệ hèn mọn và bất công, thoát khỏi tình trạng tù đọng bế tắc do đế quốc Pháp gây nên. Họ thường được những người Việt Nam gọi là Ngũ Long – năm Con Rồng. Phải chăng những người Việt Nam từ nhiều thế kỷ nay đã tự nhận mình là Con Rồng Cháu Tiên? Họ là những người cắm những mục tiêu đầu tiên cho chặng đường mà từ năm 1930 người ta gọi là cuộc « Cách mạng Đông Dương ».

Thế kỷ 19 đã khép lại với hai cuộc nổi dậy đẫm máu chống lại cuộc chinh phục của thực dân Pháp, đầu tiên là cuộc nổi dậy của các sĩ phu, phong trào Văn Thân, từ 1867 tới 1874, rồi đến cuộc nổi dậy của các quan lại triều đình, phong trào Cần Vương, từ 1885 tới 1896 [1]. Hai cuộc nổi dậy đều thất bại, và từ năm 1897 người Pháp làm chủ toàn bộ đất nước Việt Nam.

Đầu thế kỷ 20, tầng lớp trí thức hăng hái đã từ bỏ con đường nổi dậy vô vọng. Không khí thời đại không còn phù hợp với những cuộc phiêu lưu đẫm máu theo xu hướng của một chế độ phong kiến bảo thủ không có tương lai; người ta dự cảm khác hẳn tới những điều kiện để giải phóng dân tộc Việt Nam: hiện đại hóa về kinh tế và văn hóa là điều cần thiết. Cùng chung cái đích đó, có hai khuynh hướng nảy sinh, một khuynh hướng do Phan Bội Châu đề xướng, theo quân chủ, ngả về nền giáo dục hiện đại kết

hợp với chiến tranh giải phóng [2], một khuynh hướng do Phan Chu Trinh chủ trương, theo hướng cộng hòa và dân chủ, trên tinh thần chung của các nhà triết học Pháp thế kỷ 18 mà ông đọc qua những bản dịch chữ Hán.

Hai nhà trí thức trên có đi cùng nhau một chặng đường, thống nhất với nhau về « cải cách văn hóa và phát triển tinh thần dân tộc » nhằm « tránh cho người Việt Nam trở thành nô lệ »[3]. Đó chính là mục đích của Hội Duy Tân do Phan Bội Châu bí mật thành lập năm 1904, biểu hiện đầu tiên của sự nảy sinh giai cấp tư sản bản xứ. Cả hai đều tán thành việc phổ biến một nền giáo dục tự do bằng chữ quốc ngữ; họ kêu gọi « những người giàu và có ảnh hưởng » đứng ra thành lập các hội đoàn ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ để phát triển thương mại, thủ công và kỹ nghệ bản xứ, đồng thời mở các lớp học trong công xưởng, và từ năm 1906 ngầm tổ chức những cuộc du học sang Nhật (phong trào Đông Du) [4]. Con đường của hai người chia tách hẳn khi Phan Bội Châu và các du học sinh bị trục xuất khỏi Nhật vào năm 1909, Phan Bội Châu tuyên bố tán thành khủng bố và tuyển mộ một đội quân.

Cuộc đời của người đứng đầu nhóm Ngũ Long ra sao trước khi ông tới Paris? Phan Chu Trinh sinh năm 1872 tại làng Tây Lộc (tỉnh Quảng Nam, Trung Kỳ), làm quan tại Bộ Lễ vào năm 1903, nhưng đến năm 1905 ông bất mãn với sự thối nát và trì trệ cổ hủ của Triều đình cố giữ thái độ dè dặt dưới bóng bảo hộ của người Pháp. Phan Chu Trinh từ quan, ông đôn đáo khắp ba kỳ để lắng nghe người dân nghĩ gì và để tìm hiểu về những sự « những lạm của quan lại » ở khắp nơi.

Vào đầu năm 1906, giả trang làm cu li, ông được những người làm đầu bếp trên tầu che giấu, vượt biển tới gặp Phan Bội Châu ở Quảng Châu rồi cùng đi với Phan Bội Châu sang Nhật để Phan Bội Châu chuẩn bị đón tiếp du học sinh và chuẩn bị cho họ được nhận vào các trường võ bị. Phan Chu Trinh cho rằng dựa vào sự giúp đỡ của Nhật Bản để đuổi Pháp là một ý tưởng nguy hiểm (« một khi quân Nhật vào thì có thể sẽ khó mà đuổi họ ra »); hơn nữa « nếu có quyết tâm nổi dậy thì dân tộc cũng thiếu chỗ dựa, thiếu vũ khí và tài chính » .

Trở về đất nước, Phan Chu Trinh gửi cho toàn quyền Pôl Bô, vào tháng 10 năm 1906, một bản *Ghi nhận về những điều tệ hại mà dân An Nam phải chịu* [5], kêu gọi ông ta chú ý tới nạn tham những của quan trường đã làm tăng thêm gánh nặng sưu thuế cho dân. Ông nhấn mạnh vào trách nhiệm của người Pháp, kẻ đồng lõa với tình trạng trên, và kêu gọi người Pháp tiến hành những cuộc cải cách nhằm tuyển lựa kỹ lưỡng quan lại, bãi bỏ chế độ khoa cử cũ, cải tiến pháp luật, sửa đổi bộ Luật dã man của Vua Gia Long [6] còn hiện hành ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, mở rộng hệ thống giáo dục, xây dựng

một nền giáo dục hiện đại hướng về phát triển thủ công, kỹ nghệ và thương mại bản xứ,[7] nhằm đưa đất nước ra khỏi « tình thế cấp bách ».

Từ sau khi có bản tường trình đó, giới quan lại tham nhũng tỏ ra căm thù Phan Chu Trinh đến xương tủy.

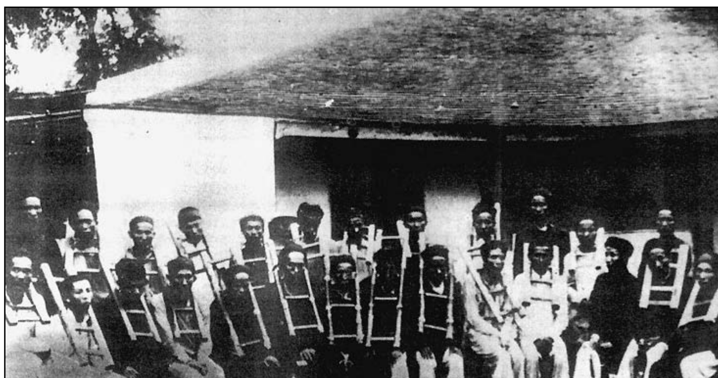
Trong quá trình vận động của Hội, Lương Văn Can mở trường Đông Kinh Nghĩa Thục vào năm 1907 với mục đích dùng chữ quốc ngữ để phổ biến những kiến thức mới hữu ích cho sự phát triển nền kinh tế của đất nước, thay vì đóng khuôn trong nền học kinh sử của đạo Khổng qua chữ Hán. các thầy giáo tự nguyện bỏ bộ quần áo cổ truyền bằng lụa tàu, và mặc âu phục, bỏ búi tóc, cắt tóc ngắn. Những việc nho nhỏ đó cũng làm cho đám quan lại không chấp nhận được và coi đó như một chứng cứ mưu toan nổi loạn, một dấu hiệu tập hợp. Chính quyền bảo hộ cũng sớm lo ngại về cái trung tâm của chủ nghĩa quốc gia đang tỏa sáng khắp nước: đ Đối với các ngài thực dân, bọn An Nam bẩn thỉu này lại dám cho phép mình bắt chước kiểu người Âu! » (Phan Chu Trinh). Thế là chẳng bao lâu nhà trường bị đóng cửa.

Vào mùa xuân năm 1908, tại Trung Kỳ đột khởi những cuộc biểu tình của nông dân, phong trào lan nhanh như dây thuốc súng. Lần đầu tiên chủ nghĩa đế quốc thực dân phải đương đầu trực tiếp với quần chúng nông dân bị đè nén trong bần cùng đã nổi dậy chống lại thuế thân và sưu dịch. Cuộc đàn áp của Pháp và Nam Triều diễn ra mau lẹ và đẫm máu. Nhân cớ này triều đình Huế tiến hành ngược đãi tầng lớp sĩ phu Duy Tân. Trong tất cả các tỉnh, nơi nào có trường học và hội buôn, hội thủ công đều diễn ra những cuộc lục soát thanh trừng dữ dội. Trường sở bị phá hủy, thày giáo bị tra khảo, công xưởng bị đóng cửa. Lính khố xanh (lực lượng cảnh sát của quan lại) được thể tha hồ cướp bóc, biến những nơi đó thành chuồng ngựa hoặc nhà ở cho vợ con họ...Tại làng Phú Lâm chẳng hạn, người hương trưởng bị kết án ba năm tù khổ sai vì đã xây dựng trường học, lập các hội làm vườn, xây cầu và đường xá cho nông dân; cô em gái họ của ông, một nữ giáo viên, bị giải lên tỉnh lỵ, cổ đeo gông. Ba trường học trống rỗng vì thiếu vắng 150 học sinh.

Ngày 9 tháng ba, Phan Chu Trinh đang ở Hà Nội thì nông dân của làng ông tuần hành lên tỉnh lỵ Đại Lộc (Quảng Nam). Bị vu cho là gây nên những cuộc biểu tình đó, ông bị bắt cùng với một số sĩ phu bị chính quyền thực dân nghi ngờ và bị triều đình Huế bêu xấu, cái triều đình mà họ khinh bỉ. Phan Chu Trinh bị giải về Huế, ở đó ông tuyệt thực làm reo. Triều Huế kết án tử hình Phan Chu Trinh vì đã « tiến hành những mưu đồ cùng với kẻ phản nghịch Phan Bội Châu, đã thu thập những ghi nhận hưởng ứng Phan Bội Châu ».



Banh Côn Nôn



Sĩ phu bị đóng gông sau những cuộc nông dân biểu tình chống sưu thế năm 1908 ở Trung Kỳ.

Nếu không có Hội Nhân Quyền can thiệp, Phan Chu Trinh đã bị hành quyết sau một thời gian ngắn. Án tử hình được giảm thành quản thúc chung thân, qua tháng năm ông bị đưa ra ngục Côn Nôn.

Chính thời gian ở Côn Đảo, Phan Chu Trinh sáng tác một số bài thơ, trong đó có bài *Đèn Sáp* mà học sinh Sài Gòn đã hăng hái đọc thuộc lòng lên vào năm 1926, năm ông chết :

Năm nhồi mười nắn thế không oai?
Đèn sáp khen cho thật dẻo dai.
Thẳng rẳng sợi tim trong mấy tấc,
Lăn tròn bao sáp biết nhiêu ngoai.
Đốt đầu dốc tỏ đêm tăm tối,
Nóng ruột vì chưng sự sáng soi.
Hé cửa trách ai cho gió lọt,
Canh tàn rơi giọt tỏ cùng ai !

Vào năm 1911, Hội Nhân Quyền lại can thiệp cho Phan Chu Trinh ra khỏi nhà tù Côn Đảo, vụ án của ông được xét lại, và nhà nước bảo hộ chấp thuận lưu đày ông qua Pháp, cùng với con trai nhỏ của ông là Phan Chu Dật, kèm theo một niên bổng là 5.400 forăn.

Vừa tới Pháp, Phan Chu Trinh bắt tay ngay vào việc « đòi xét lại những phán quyết bất chính đáng » sau những vụ biểu tình hòa bình 1908-1909, và đòi thả những nạn nhân còn sống sót ra khỏi các nhà tù. Trong một bức thư gửi cho Bộ Thuộc địa, « Những cuộc biểu tình của người An Nam ở Trung Kỳ năm 1908 » ông đã nêu lại lịch sử các sự biến, phân tích một số điều xét xử, mô tả trần trụi cuộc di chuyển quân sự của chuyến tàu chở tù nhân ra đảo Côn Nôn, nơi những sĩ phu bị bắt ở Hà Tĩnh và Nghệ An bị trói chân tay như súc vật nằm rải rác trên boong tàu, giữa giông bão. Ông kết luận : « Phải ân xá đầy đủ và toàn bộ cho những người còn sống sót. Còn giữ họ lâu hơn nữa, tức là đã kết án họ phải chết trong một thời gian ngắn đối với hàng trăm người dân lành vô tội.»

Trong khi tường thuật lại sự việc, ông có ngỏ lời tri ân hai con người đã dám kháng lại sự dã man, đó là công sứ Pháp ở Bình Thuận, ông Gacniê, người đã không chịu phá hủy các trường học bản xứ theo lệnh của quan chánh sứ Lêvêc; và người thứ hai là quan chưởng tên Nguyễn Đinh (quan thu thuế) ở Thanh Hóa, ông này đã từ chức để phản đối việc đánh đập những nhà trí thức bị bắt.

Gợi ra trường hợp nhà trí thức Lê Bá Trinh bị bắt vào tù chỉ vì đã dạy dỗ « tán thành những nhà ái quốc là một bổn phận đầu tiên ẻ, Phan Chu Trinh hỏi rằng khi nói tới dân quyền liệu người ta có đáng bị phạt giam hay không?



Đầu lính tập bị chém về vụ Hà thành đầu độcnăm 1908



Lính tập bị cáo trong vụ Hà thành đầu độc

> Tại sao các nhà cai trị lại cứ luôn mồm rêu rao những câu huênh hoang mà rỗng tuếch như công bằng, bác ái, khai hóa văn minh. Thà cứ cao thượng mà nói toạc ra với chúng tôi rằng: « Chúng ta đã chinh phục được các ngươi, các ngươi là nô lệ của chúng ta. Các ngươi đã bị loại ra khỏi đại gia đình nhân loại ».

Phan Chu Trinh không mệt mỏi vận động ở Bộ Thuộc địa, nơi ông đã gửi bức thư vào tháng 9 năm 1912. Phan Văn Trường, nhân vật thứ hai trong nhóm Ngũ Long, đã kể về Phan Chu Trinh hồi đó: « Họ mời ông ra cửa trước, ông lẻn vào cửa sau ». Thời kỳ này Phan Văn Trường, người đã tới Paris trước Phan Chu Trinh một năm, đã cùng với Phan Chu Trinh lập ra nhóm đ Đồng bào thân ái ẻ, về sau chủ chốt cho « Hội người An Nam yêu nước », đặt trụ sở tại nhà hai ông Phan, số 6 Villa đê Gôbơlen, quận 13, Paris.

Lúc này Phan Bội Châu đang ở Trung Quốc. Hội Duy Tân đã bị tan rã sau cuộc đàn áp năm 1908. Hội này được thay thế bằng Việt Nam Quang Phục Hội, mà mục tiêu hành động cấp thời là « hạ sát một trong ba tên đầu sỏ đại diện cho Pháp » nhằm « hâm nóng nhiệt tình của dân chúng và làm cho kẻ thù khiếp sợ ». Dự định này được thể hiện qua hàng loạt những cuộc ám sát và bạo động từ 1912 đến 1917,[8] và ngày 3 tháng 5 năm 1913 trong cuộc phỏng vấn của báo *Nhật Trình* (Le Journal) về vụ ám sát hai sĩ quan Pháp ở Hà Nội, Phan Chu Trinh đã nhấn mạnh là phía Pháp phải chịu trách nhiệm. Ông nhắc lại rằng ông luôn luôn chống lại sự chính phủ không chịu tiến hành những cải cách, chống lại độc quyền rượu và thuốc phiện; ông tán thành giáo dục tự do, ân xá tù chính trị ở Côn Đảo, và đòi cải tổ bộ luật bản xứ. Ông yêu cầu người ta bỏ thói khinh miệt dân bản xứ. Và ông nói thêm một cách đại lược là một chế độ đàn áp giống như một đống củi khô chất trong lò, chỉ cần một tàn lửa nhỏ sẽ bốc cháy. Ông nói ở Huế gần đây người ta đã dám đào cả mộ Tự Đức để tìm vàng: Tôi run sợ khi hay tin đó, tôi đã lường trước những hậu quả khủng khiếp, bởi người dân sẽ nghĩ sao đây? Hiện nay người ta đang nói tới một sự đàn áp thẳng tay ở Trung Kỳ; chính quyền có thể bắt bớ tới 500 hay 1000 người và chặt đầu họ... Nhưng rồi sau đó thì sao? Việc đó chỉ thúc đẩy người dân hành động mà thôi. Người Việt Nam không muốn nghe những lời hứa xuông nữa, họ không muốn bị ép phải uống rượu, mà họ muốn học hành, được tôn trọng, được giải phóng.[9]

Chúng ta hãy nói về Phan Văn Trường mà cuộc đời từ đó gắn bó chặt chẽ với cuộc đời Phan Chu Trinh. Gốc ở Hà Nội sinh năm 1878, Phan Văn Trường sang Paris học Luật, và để có tiền học ông nhận làm giảng viên

giảng đọc tại Trường Ngôn ngữ Đông Phương. Vào năm 1913, ông nhận được tin hai em ông là Phan Tiên Phong và Phan Trường Khiên, bị bắt nhầm trong vụ mưu sát ngày 26 tháng 4 và vừa bị kết án người thì 5 năm biệt xứ, người thì 10 năm lưu đày. « Mười năm, một thời gian đáng kể trong đời một con người! ẻ, ông đã viết khi gợi lại cái hành động bất công của chế độ thực dân. Chiến tranh kết thúc, ông đáp biên môt luật án tiến sĩ *Bình luận về Bô luât Gia Long*, rồi ông ghi danh làm trạng sư tại tòa án Paris.

Trong giai đoạn đầu cuộc chiến tranh 1914 - 1918, ngày 14 tháng 9 Phan Chu Trinh bị bắt; hai ngày sau đến lượt Phan Văn Trường, lúc đó đã bị động viên nhập ngũ tại trung đoàn bộ binh 102 ở Sactrơ. Hội đồng quân sự thứ nhất ở Paris khép tội hai người là đ âm mưu chống lại nền an ninh quốc gia ẻ, và « Hội người An Nam yêu nước » bị giải tán. Bảy tháng sau, ngày 17 tháng 4 năm 1915, họ được xóa án, trả lại tự do [10] và Trường được cử đi làm thông ngôn tại Binh công xưởng ở Tulusơ. Ở đây ông tiếp xúc với phu phen, lính tập và thủy thủ Việt Nam được « nhập cảng » từ Đông Dương qua để làm trong các xưởng quân nhu hoặc ra tiền tuyến. Sau này Trường có kể lại vụ giả âm mưu trong *Câu chuyện những người An Nam âm mưu tại Paris hay Sự thật về Đông Dương (*Une histoire de conspirateurs annamites à Paris ou la vérité sur l'Indochine*)*, đăng tải từng kỳ trên tờ báo *Chuông Rè* (La Cloche fêlée*)* của Nguyễn An Ninh năm 1925. Bài văn châm biếm này, có giọng châm biếm gần với kiểu nhạo báng, có lời diễu cợt sau:

> Những người An Nam âm mưu ở Paris? Vậy thì có những người An Nam đến tận Paris để âm mưu chống nước Pháp, tìm cách đuổi người Pháp khỏi Đông Dương để lập lại nền độc lập của đế quốc An năm xưa. Thế thì họ đã biết và muốn ứng dụng sớm cái nguyên tắc về dân tộc, quyền dân tộc tự quyết trước khi nguyên tắc ấy phát sinh tại trong mười bốn điểm trứ danh do Wilson đê xướng; vừa phát sinh rồi liền theo đó, Trời biết, nó bị các cường quốc chôn vùi một cách long trọng, các cường quốc ấy đã xưng hô công lý và văn minh trong lúc chiến tranh! Đấy là một chuyện quái gở không thể tưởng tượng! Tuy vậy đấy là chuyện có thật theo ý nghĩa này, nó chính thức có thật, nó có thật bởi vì chính phủ Pháp đã bày đặt nó ra.

Nếu như tình trạng kinh tế ở Đông Dương do hậu quả của tình trạng chiến tranh ở Pháp gây nên, cũng như việc đăng lính của người An Nam (gọi là tình nguyện) không sao tránh khỏi làm nổi dậy ở Việt Nam một làn sóng bất mãn và một sự sôi động mà những cuộc rối loạn mới ở thuộc địa sẽ xảy ra minh họa cho tình trạng trên, thì vụ đ âm mưu » tại Paris chỉ là

một sản phẩm hoang tưởng xuất phát từ nỗi lo lắng thực sự của chính phủ Pháp.

Chẳng bao lâu nhóm của hai người anh cả Trinh và Trường có thêm người gia nhập. Đó là ba chàng thanh niên mới mà tâm hồn bị dày vò dằn vặt vì số phận của quê hương.

Nguyễn Ái Quốc, sinh năm 1890, tên thật là Nguyễn Tất Thành, con nhà quan, được gia nhập học tại Quốc Học Huế sau khi tốt nghiệp tại địa phương. Vào tháng giêng năm 1910, cha bị bãi chức (vì đã dùng gậy đánh chết một người tù) có lẽ đó là nguyên nhân làm cho Nguyễn Ái Quốc rời bỏ trường Quốc Học, rồi đi dạy học ở trường Dục Thanh, một trường do sáng kiến của Phan Chu Trinh lập ở Phan Thiết vào năm 1905.

Không hiểu bởi nhà trường bị đóng cửa hay chính người thanh niên Nguyễn Tất Thành nhu cầu ra đi để tìm đường cứu nước hay đề kiếm ăn sinh sống? Ta chỉ biết Nguyễn xuống tàu buôn Đô đốc Latusơ-Trêvilơ của hảng Sacgiơ Rêuyni, đường Hải Phòng-Đonkec. tại chặng dừng tàu ở Macxâydơ vào năm 1911, anh Thành làm đơn xin Tổng thống Cộng hòa Pháp được nhập học có học bổng nội trú tại Trường Thuộc địa ở Paris, nơi không những đào tạo những nhân viên cai trị thuộc địa tương lai mà còn đào tạo cả nhân viên bản xứ phụ tá về kỹ thuật.

Trong đơn có đoạn viết: « Tôi hoàn toàn không có nguồn kiếm sống và rất ham học hỏi. Tôi muốn vì đồng bào tôi mà có ích lợi cho nước Pháp, đồng thời muốn cho đồng bào tôi được hưởng những lợi ích do học vấn mang lại » (Nguyên văn tiếng Pháp).

Lá đơn bị bác bỏ. Năm sau, anh Thành vẫn làm bồi bêp ở tàu, viết về cho khâm sứ Trung kỳ ở Huế, một bức thơ đề ở Niêu Yok ngày 15 tháng chạp năm 1912, với giọng như sau :

> Tôi yêu cầu ngài vui lòng nhận cho cha tôi một công việc như Thừa biện ở các Bộ hay là Huấn đạo hay Giáo thụ để cha tôi sinh sống dưới sự quan tâm cao quý của ngài. Hy vọng nơi lòng tốt của ngài sẽ không từ chối lời yêu cầu của một đứa con để làm tròn phận sự của mình mà chỉ trông cậy nơi ngài, và trong lúc chờ đợi ngài trả lời, tôi xin Ngài Khâm sứ nhận lời chào kính cẩn của người dân con và kê tùy thuộc thọ ơn của ngài.
>
> Paul Tất Thành (con Ông Phó bảng Nguyễn Sanh Huy).

Từ năm 1914, anh Thành bỏ việc làm bồi bếp trên các chuyền tàu, sống môt cách khó khăn tại Luân Đôn (số 8 Tottenham Road), và trao đổi thư từ với Phan Chu Trinh, người bạn cũ của cha anh.Trong bức thư anh gửi cho Phan Chu Trinh vào tháng 8 có đoạn:



Marseille le 15 Septembre 1911

Monsieur le Président de la République

J'ai l'honneur de solliciter de votre haute bienveillance la faveur d'être admis à suivre les cours de l'Ecole Coloniale comme interne

Je suis actuellement employé à la Compagnie des Chargeurs Réunis (Amiral Latouche Tréville) pour ma subsistance

Je suis entièrement dénué de ressources et avide de m'instruire. Je désirerais devenir utile à la France vis à vis de mes compatriotes et pouvoir en même temps les faire profiter des bienfaits de l'Instruction

Je suis originaire de la province de Nghê-an, en An-nam

En attendant votre réponse que j'espère favorable, agréez, Monsieur le Président, l'assurance de ma reconnaissance anticipée.

Nguyễn-tât-Thanh,
né à Vinh, en 1892, fils
de Mr Nguyễn-sinh-Huy
(sous-docteur ès-lettres)
Etudiant français
quôc-ngu
caractères chinois.

Đơn Nguyễn Ái Quốc xin nhập Trường thuộc địa.

> Số mệnh dành cho chúng ta nhiều điều ngạc nhiên và không thể nói trước ai sẽ là kẻ chiến thắng... Trong vòng ba bốn tháng tới đây số phận của Á Châu sẽ thay đổi, thay đổi lớn lao. Mặc cho những ai đang tranh đấu và những ai đang khuấy động [11].

Nguyễn Ái Quốc ám chỉ ai khi viết « những ai đang tranh đấu và những ai đang khuấy động »? Phải chăng anh định nói tới Việt Nam Quang Phục Hội, tới vụ ném bom năm 1912 ám sát hụt toàn quyền Albe Sarô,tới các vụ nổ bom làm mất mạng hai sĩ quan Pháp ở Hà Nội năm 1913, tới âm mưu của Đỗ Cơ Quang, rốt lại 50 hội viên và những người bị tình nghi ở Hekou cùng 14 người khác ở Yên Bái bị chém đầu « để nêu gương » vào tháng chạp năm 1914 ?[12.]

Năm 1919 Nguyễn Tất Thành tham gia vào « Nhóm người An Nam yêu nước » của hai chí sĩ lưu vong tại Villa đê Gôbơlen. Nhóm này chính trước kia là « Hội người An Nam yêu nước » bị giải tán năm 1914 - nay Thành đã thay đổi tên Nguyễn Ái Quốc lúc này cũng làm nghề rửa ảnh như Phan Chu Trinh, vì từ sau khi bị bắt năm 1914, Phan Chu Trinh không có tiền trợ cấp như trước nữa.

Ngày 1 tháng giêng năm 1919, Hội nghị Hòa bình nhóm họp tại Paris. Những nguyên tắc của chủ nghĩa Wilson về quyền các dân tộc tự quyết[13] đã gợi lên những hy vọng lớn lao và ngây thơ. Ngây thơ tới mức là khi Wilson tới Pháp để tham dự Hội nghị, một phái đoàn nghiệp đoàn Pháp đưa tới tay ông một bản thông điệp, trong có đoạn viết:

> Những người lao động tập hợp trong tổ chức CGT (Tổng Liên đoàn Lao động Pháp) xin gửi lời chào Ngài. Với Ngài, chúng tôi tin rằng những bản hiệp ước và thỏa ước sẽ chính thức kết thúc cuộc chiến và sẽ thực hiện được nguyên tắc về quyền tự do của các dân tộc tự quyết định vận mệnh của mình.[14]

« Nhóm người An Nam yêu nước », vào giữa tháng 6 có thảo một bản yêu sách về cải cách chính trị dân chủ « trong khi chờ đợi quyền dân tộc tự quyết chuyển từ lý tưởng thành hiện thực ». « Những yêu sách của nhân dân An nam » rất khiêm tốn:

> 1. Đại xá toàn bộ chính trị phạm bản xứ;
> 2. Cải cách nền tư pháp ở Đông Dương bằng cách tạo cho người bản xứ cũng có những đảm bảo về pháp lý như đối với người Âu, và hủy bỏ vĩnh viễn và toàn bộ những tòa án đặc biệt;

3. Tự do ngôn luận và báo chí;
4. Tự do hội họp và lập hội;
5. Tự do di trú và xuất ngoại;
6. Tự do giáo dục và xây dựng ở các tỉnh những trường kỹ thuật và chuyên môn;
7. Thay thế chế độ nghị định bằng chế độ luật pháp;
8. Có đại biểu thường trực của người bản xứ được bầu bên cạnh Nghị viện Pháp để phản ảnh kịp thời những nguyện vọng của người bản xứ.[15]

Không có một vang vọng nào từ phía các cường quốc phe Đồng minh mà bản yêu sách đã vinh danh họ như là « những chiến sĩ của Văn minh chống lại Man rợ ». Sau đó, Phan Chu Trinh viết: « Rõ ràng chúng ta lầm lạc vì đã quá hy vọng. »[16]

Nhóm Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường và Nguyễn Ái Quốc chẳng bao lâu được củng cố thêm: một người Nam Kỳ là Nguyễn An Ninh, đến Paris học luật, và một người Bắc Kỳ là Nguyễn Thế Truyền, sinh viên khoa học ở Tulusơ năm 1919, đến Paris năm 1921 để chuẩn bị thi cử nhân Văn chương. Truyền, hơn Ninh một tuổi, là con một quan huyện ở Ninh Bình. Cả hai đều dốc hết sức mình vào những hoạt động của Nhóm.

Nguyễn An Ninh mới có 20 tuổi khi đến Paris vào năm 1920. Đó là một con người có cao vọng duy tâm lãng mạn luôn hết lòng tha thiết với dân quê trong nước. Anh sẽ vong mạng tại nhà tù Côn Đảo vào năm 43 tuổi. Thân phụ anh là Nguyễn An Khương, là người nổi tiếng vì đã dịch sang chữ quốc ngữ những tiểu thuyết lịch sử lớn của Trung Hoa, là người đã ủng hộ Hội Duy Tân của Phan Bội Châu do Trần Chánh Chiếu (Gilbert Chiếu) vận động ở Nam kỳ, và là người hỗ trợ du học sinh sang Nhật (phong trào Đông Du). Tại Paris, Ninh giao thiệp, không phân biệt với những người theo chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản và vô chính phủ, trong đó có Sáclơ Ráppôpo, người đã phản đối chiến tranh vào năm 1914, trở thành cộng sản năm 1919 và đã xuất bản quyển *Cuộc Cách mạng thế giới* (La Révolution mondiale) năm 1921.

Nguyễn Ái Quốc nhập Đảng Xã hội Pháp, tham gia đại hội nhóm ở thành Tua vào tháng 12 năm 1920. Quốc theo một số đảng viên nhập vào hàng ngũ Đệ tam Quốc tế, lúc đó tán thành việc giải phóng thuộc địa.[17]

Thời kỳ này, Phan Chu Trinh sống bằng nghề rửa ảnh tại Pôngxơ, vùng Sarăngtơ Maritimơ và gặp gỡ các bạn trong Nhóm ở Paris. Ngày 13 tháng 6 năm 1921, ông cùng Nguyễn Ái Quốc tham gia vào môt kế hoạch chuẩn bị thành lập Liên minh Thuộc địa. Liên minh này bao gồm Nhóm những

người An Nam yêu nước và Hội đòi quyền công dân cho người Mađagasca, tập hợp nhiều nhóm người như An Nam, Mactinicơ, Gađơlupơ, Mađagasca, Sênêgal và Angiêri. Ngày 1 tháng 4 năm 1922, cùng với Mônnecvilơ, Xăngoo, Mêtxali Hatgiơ, v.v... họ xuất bản tờ báo hàng tháng *Người cùng khổ* (Le Paria), « Diễn đàn Vô sản thuộc địa ». Ảnh hưởng của tờ báo lan nhanh chóng tới các giới bồi bếp, thợ sơn lắc, thủy thủ An Nam. Trong khi đó, Ninh có cảm tình đặc biệt đối với những người theo chủ nghĩa vô chính phủ, viết ít bài trong báo *Người Tự Do* (Le Libertaire).

Năm 1922, Phan Chu Trinh ở Macxâydơ. Tổ chức SFIO (Chi hội Quốc tế Công nhân Pháp, tên của Đảng Xã hội Pháp lúc đó) và Liên minh Nhân quyền đã giúp ông tập hợp đồng bào của ông trong các cuộc mít tinh để ông giúp họ nhận thức thân phận nô lệ và nhu cầu tập hợp để tự bảo vệ. Ở Paris, Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường cũng đấu tranh theo hướng đó qua tờ Le Paria và trên mục thuộc địa của tờ *Nhân Đạo* (L'Humanité). Hiệp hội Bồi bếp, ở số 8 phố Hôsơ, mở rộng thành Hiệp hội Lao động Đông Dương vào tháng 5 năm 1923, cũng đấu tranh theo hướng đó.

Cũng vào năm 1922, hoàng đế Khải Định đến viếng cuộc Triển lãm thuộc địa tổ chức ở Macxâydơ. Phan Chu Trinh lên án Khải Định, trong một bức thư ngỏ nêu lên 7 tội « đại ác » :

- Quên lời giáo huấn của Mạnh Tử (Dân vi quí, quân vi khinh);
- Cai trị tùy hứng, thưởng phạt bất minh;
- Duy trì một cách ngu ngốc lễ khấu đầu (quan lại phải quì lạy trước vua) làm trò cười cho thế giới văn minh;
- Xa hoa vô đạo: vua còn bóc của dân vốn đã bị kiệt quệ vì nghèo đói;
- Trang phục bất xứng;
- Tùy tùng quá lộng lẫy phô trương trong cảnh thôn quê xứ Việt ;
- Tự tôn một cách lố bịch khi gọi cuộc du hành sang nước Pháp là chuyến du hành khảo sát trong một nước cộng hòa dân chủ, nhất lại là cho những viên quan không có một trình độ trí thức bằng một đức trẻ mười tuổi người Pháp đi tháp tùng.

Kết luận, ông khuyên Khải Định nên « nhường quyền lại cho dân, dân có thể hợp tác trực tiếp với dân Pháp. »[18]

Ngày 12 tháng 2 năm 1922, Phan Chu Trinh viết cho Nguyễn Ái Quốc giục trở về nước, sống lẫn lộn trong nông dân mù chữ để tuyên truyền bằng lời nói những tư tưởng giải phóng :

> Bấy lâu nay, tôi cùng anh và Phan (Văn Trường) đàm đạo nhiều việc, mãi tới bây giờ, anh cũng không ưa cái phương pháp khai dân trí, chấn dân trí, hậu dân sinh của tôi. Còn tôi lại không thích cái phương pháp « ngoại ngọa chiêu hiền đãi thời đột nội » của anh, và cả cái dụng lý thuyết thâu nhân tâm của Phan. Bởi phương pháp bất hòa mà anh đã nói với anh Phan là tôi là hạng hủ nho thủ cựu. Anh lấy cái lẽ ở nước mình lưới giăng tứ bề, mà về nước ắt là sa cơ, bởi thế mà anh cứ khư khư cái phương pháp ngoại ngọa chiêu hiền đãi thời đột nội, cứ như cái phương pháp ấy, thời anh viết bài đăng báo chương trên đất người để mà hô hào quốc dân đồng bào bên nhà đem tinh thần nghị lực ra làm việc nước. Tôi coi lối ấy phí công mà thôi. Bởi vì quốc dân đồng bào mấy ai biết chữ Tây, chữ quốc ngữ, cầm tờ báo mà đọc nổi. Theo ý tôi mình đừng có dùng cái lối nương náu ngoại bang để rung chuông gõ trống, mà phải trở về ẩn náu trong thôn dã, hô hào quốc dân đồng bào, đồng tâm hiệp lực đánh đổ cường quyền áp chế, ắt là thành công. Bởi cái lẽ đó mà tôi khuyên anh thu xếp mà về.
>
> Lại còn cái điều ngộ bất trắc sa cơ, đương nhiên là sự phòng xa, thời ắt là lợi hơn thiển cận, song lẽ từ xưa đến nay biết bao nhân nhân, chí sĩ nước mình hoặc khởi sự hay ôn hòa đương đầu với cường quyền áp chế, mấy ai khỏi vùng lao lung tù tội, đày ải chém giết. Ngại vì sa cơ thì e rằng bỏ mất cái tài tình của mình, cơ hội chạy qua như dòng nước. Bởi thế cho nên phương pháp quy sào giác thế mà anh làm được thì may mắn cho quốc dân đồng bào ta biết chừng nào.

E rằng Nguyễn Ái Quốc có thể sang Môskơva để dựa vào nước Nga, Phan Chu Trinh tiếp:

> Anh cứ xem ông Phan Bội Châu hồi trước chẳng nghe lời tôi, mang người mang của đến cái đất Phù Tang, cầu cứu nghĩa cử đồng văn đồng chủng, chạy đông chạy tây, đi ngoài đột nội, rốt cuộc chỉ làm được mấy lần khởi sự. Thẳng như cái phương pháp của ông Phan mà thành công, thì quốc dân đồng bào vẫn nguyên là cái lưng con ngựa, chỉ thay người cưỡi mà thôi.[19]

Bức thư không đạt hiệu qủa, vì Nguyễn đã sớm quyết định ra đi. Ông tới Môskơva, vào tháng 7 năm 1923 và được huấn luyện trở thành một nhà cách mạng chuyên nghiệp. Trong *Tạp chí Cộng sản* (Revue Communiste) tháng 5 năm 1921 ông viết: « Chế độ cộng sản phải chăng có thể áp dụng

được cho Châu Á nói chung và cho Đông Dương nói riêng ? Với câu hỏi đó, ta có thể trả lời khẳng định rằng được.» Ông chỉ trở về Việt Nam vào năm 1945, dưới tên gọi Hồ Chí Minh, để xây dựng ở xứ nhà« một xã hội chủ nghĩa thực sự » hữu danh vô thực, « thực sự không, có chi là xã hội chủ nghĩa cả »(Maximilien Rubel), phủ trên một xã hội buồn tẻ trong một nước Việt Nam mà ngay cả đến nền độc lập quốc gia cũng không có thực lại kèm thêm những xiềng xích mới cho người vô sản và nông dân nghèo.

Ngược lại, Nguyễn An Ninh trở về Nam Kỳ năm 1922 sau khi ngao du khắp các nước Ý và Đức, những nước đã công nghiệp hóa. Ông sẵn sàng đối mặt công khai với chính quyền thực dân ở Sài Gòn trong thử thách hướng dẫn thanh niên theo tư tưởng giải phóng.

Vào năm 1923, một trong hai người em của Phan Văn Trường được ra khỏi tù. Lúc ấy Nguyễn Thế Truyền, một người luôn hoạt động tích cực trong Hội Liên hiệp Thuộc địa, đã nhắc lại vụ án hai anh em này trong tờ *Paria,* mục Diễn đàn Đông Dương, tháng giêng năm 1924 như sau:

> Chúng ta hãy nhớ lại.
> Hai anh em đó phạm tội gi ? Không ai biết được, nhưng sự việc là nước Pháp bảo hộ đã ban cho họ cùng một lúc người thì 5 năm biệt xứ, người thì 10 năm lưu đày. Ít ra tôi cũng hy vọng rằng, tất cả đồng bào chúng ta đã khắc sâu trong tâm trí hai anh em bị bắt bớ trong những tình trạng khốn nàn, và những lời kết án của tòa án đại hình đặc biệt Hà Nội đột xuất vào năm 1913 dưới quyền đại diện của ông Albe Sarô, và tôi nghĩ rằng đồng bào cũng không quên thái độ bình thản của hai anh em đối diện bọn tra tấn.

Ngày 2 tháng giêng năm 1924, sinh viên Hội Ái hữu Đông Dương (trụ sở ở số 15 Sommơrac, Paris 6e), một tổ chức được Bộ Thuộc địa bảo trợ để « đón tiếp » (thực ra là để canh chừng về chính trị) mời Phan Chu Trinh chủ tọa cuộc mít tinh tại Hội quán Bác học. Trong số khoảng 300 người tham dự, có 200 người An Nam, đại biểu Hội Lao động Đông Dương. Cuộc hội họp này, có lẽ được triệu tập trên tinh thần « Pháp Việt liên minh » nhưng tới nửa đêm lại chuyển thành cuộc mít tinh chống đế quốc chủ nghĩa. Bài diễn văn của một Phan Chu Trinh đã gạt bỏ mọi ảo tưởng, những lời kêu gọi của sinh viên Trần Văn Khá, phó chủ tịch Hội Ái hữu hô hào đuổi bọn chiếm đóng ra khỏi đất nước, lôi cuốn hàng năm chục người tham dự đi tuần hành tại khu latin theo sau Trinh, Khá và một người Pháp tên Gơrăn Giăn.

Sau khi Phân Châu Trinh khởi hành về Sài Gòn, vào tháng 5 năm 1925, một luận văn châm biếm nảy lửa do Thư điếm Lao động (Librairie du

Travail) phát hành và lập tức bị cấm ở Đông Dương. Đó là tập *Bản án chế độ thực dân Pháp* (Procès de la colonisation française) ký tên Nguyễn Ái Quốc, nhưng có thể là do Phan Văn Trường và Nguyễn Thế Truyền viết. Những ấn bản bí mật được đưa lọt vào Việt Nam đã được tầng lớp thanh niên ngấu nghiến. ta hãy trích vài dòng trong chương « Thuế máu » :

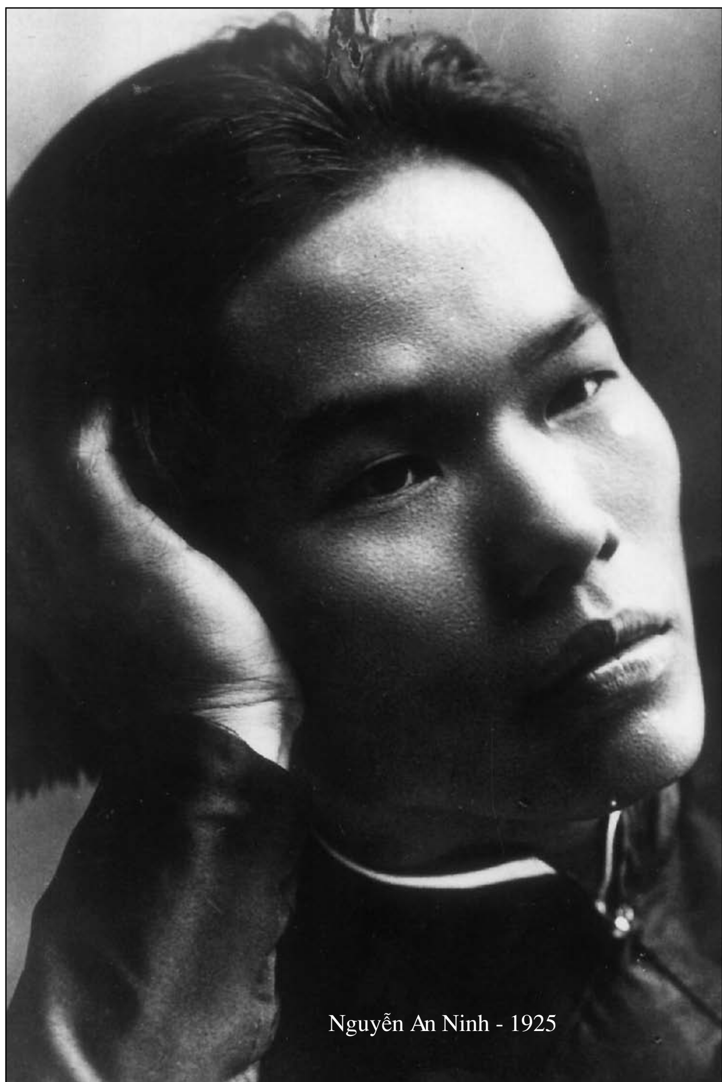
> Trước năm 1914, họ chỉ là những người mọi rợ da đen bẩn thỉu, chỉ là lũ anamit bẩn thỉu, chỉ đáng làm công việc kéo xe và chịu những trận roi cá đuối do tay các nhà cai trị chúng ta. Cuộc chiến tranh tươi vui được công bố, thế là họ trở thành « những đứa con thân yêu ẻ, và « những người bạn dũng cảm » của các quan chủ tỉnh nhân từ như cha mẹ và cả các quan toàn quyền lớn bé của chúng ta. Họ [dân bản xứ] bỗng chốc được thăng trật đến cấp bậc tối cao là « những người đi bảo vệ công quyền và nền tự do ». Tuy nhiên, cái vinh dự thình lình họ được hưởng như thế ấy, họ phải trả giá khá đắt, bởi lẽ để bảo vệ cho cái công quyền ấy, cái tự do ấy mà chính họ cũng không có được, họ đã phút chốc phải từ bỏ ruộng vườn, vợ con, bò cừu, để vượt qua bao đại dương đến những bãi chiến trường Châu Âu rồi bị vùi thây ở đó. Trên đường vượt biển, có rất nhiều dân bản xứ, sau khi được mời tham dự vào những màn trình diễn khoa học kỳ diệu về thủy lôi, đã lặn sâu xuống đáy đại dượng để bảo vệ tổ quốc của các loài thủy quái. Những kẻ khác đã phải bỏ mình trên sa mạc thơ mộng vùng Banhkăn vẫn tự hỏi phải chăng cái Bà Mẹ -Tổ quốc chắc là có ý định là người đầu tiên dấn thân vào hậu cung của vua xứ Tuyêtky, chứ nếu không thì sao lại đẩy họ đến chết chui chết nhủi ở cái đất này? Còn những người khác nữa, bên bờ sông Macnơ hay trong bãi lầy ở tình Sâmpanhơ, đã chịu tàn sát một cách hùng dũng để tưới máu mình trên vòng nguyệt quế của chủ tướng hay lấy xương mình để điêu khắc gậy chỉ huy cho các thống chế. Rồi đến những kẻ làm quần quật tại hậu phương, trong những xưởng thuốc súng khủng khiếp, tránh được nạn ngửi khí ngạt của bọn « Bôsơ » (Boches, tiếng người Pháp miệt thị gọi người Đức), thì lại phải chịu những luồng hơi độc hại loang loáng của người Pháp; rút cục cũng vẫn như nhau bởi lũ người khốn khổ ấy cứ phải khạc phổi mãi như bị « sặc hơi độc » vậy.[20]

Trong Nhóm còn lại có Nguyễn Thế Truyền, vẫn ra sức tập hợp đồng bào không mệt mỏi. ta lại thấy Truyền xuất hiện vào năm 1926 giữa đám sinh viên mới di chuyển sang Pháp toan lôi kéo họ ra khỏi đảng Lập hiến, một đảng của giai cấp tư sản và địa chủ Việt Nam thành lập ở Sài Gòn năm 1923 do Bùi Quang Chiêu, với ý đồ hợp tác với chính quyền thực dân để xây dựng

một thể chế tự pháp lĩnh (dominion) ở Đông Dương. Truyền phát biểu:Một nạn nhân của kẻ cướp không được phép cộng tác với kẻ cướp. Mục đích của chúng ta là giành lại nền độc lập chứ không phải là hợp tác Pháp -Việt (Pháp Việt đề huề). Phương thức hành động của chúng ta là để tổ chức làm cách mạng chứ không phải là dể đạt tới những cải cách.[21]

Nguyễn Thế Truyền cho rằng không nên nói tới chủ nghĩa cộng sản, là cái không thể thực hiện được ở các thuộc địa trước khi giải phóng dân tộc, và cho rằng điều cần thiết là phải đoàn kết mọi tầng lớp xã hội, do đó Truyền tách khỏi phân bộ thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp vào tháng 5 năm 1927 và thành lập Đảng An Nam Độc lập.

> Chúng tôi không phải những người theo chủ nghĩa bè phái, cũng không phải những người theo chủ nghĩa cộng sản, mà cũng không phải những người theo « chủ nghĩa quốc gia » theo lối Châu Âu định nghĩa. Chúng tôi là những người nô lệ muốn trở thành những người tự do. Chúng tôi gồm 20 triệu người bị áp bức muốn tạo lập một quốc gia độc lập. Chẳng gì khác hơn, đảng của chúng tôi chính là một đảng vì độc lập, dân chủ và hòa bình. [22]


Nguyễn An Ninh - 1925

II
Sài Gòn 1924 -1926
lớp trí thức trẻ thức tỉnh
Luồng sáng đầu tiên thấp thoáng không tưởng Kac Mac

Nhóm Ngũ Long được coi như tượng trưng cho bước chuyển tiếp vào đầu thế kỷ 20 giữa tầng lớp sĩ phu theo Nho học cổ truyền với trí thức mới, trẻ, được đào tạo theo kiểu Châu Âu, đóng vai trò tiền cảnh trên sân khấu chính trị những năm 20.

Nguyễn An Ninh và báo Chuông Rè (La Cloche Fêlée)

Trở về nước vào năm 1922 với bằng cử nhân luật, Nguyễn An Ninh vốn đã có thể tham gia dễ dàng vào xã hội thuộc địa, nhận một chức quan tòa án, được tặng thêm hàng trăm mẫu đất để khai khẩn, thế nhưng mối quan hệ xã hội giữa tầng lớp thực dân Pháp với người An Nam đã coi như sự phủ định cái quan niệm về đạo lý của anh. Do vậy Ninh đã dốc hết tâm lực vào công cuộc giải phóng anh em đồng chủng của mình. Cũng như Phan Chu Trinh, anh coi văn hóa như một phương tiện hành động « chậm mà chắc » trên bước đường giải phóng xứ sở.

Noi theo phương pháp các đảng chính trị ở Pháp, anh phát biểu ngay với lớp thanh niên đất nước trong những cuộc hội họp công khai « nhằm thúc dục thanh niên làm quen với nền văn hóa Âu Tây và cũng để cho người Pháp hiểu tôi hơn nhằm đánh tan mối nghi kỵ vô căn cứ của chính quyền coi chừng tôi », đó là lời phát biểu bằng tiếng Pháp của anh trong khi trình bày về « Cao vọng của thanh niên An Nam » ngày 15 tháng 10 năm 1923.

Khi đó Ninh mới có 23 tuổi. Anh muốn lay động giới thanh niên học sinh, thúc đẩy họ dấn bước trên con đường nỗ lực tự học hỏi để có « khả năng hiến thân vì dân tộc ».

Nhằm mục đích giải phóng, anh tố cáo nền Khổng học cổ truyền du nhập theo hàng hóa Trung Hoa, đã lỗi thời và hủ lậu, chỉ làm sản sinh một tầng lớp xã hội thượng lưu huyênh hoang tự mãn. Anh cũng tố cáo cái học thực dụng của nhà trường Pháp nhằm đào tạo « nô lệ cho chính phủ Pháp ».

Cho tới hiện nay, Ninh nói, ở Việt Nam chỉ có vài con người đủ sáng suốt để chăm lo đào tạo lớp trẻ trở thành những người có khả năng gánh vác nền độc lập trong tương lai và giữ gìn tự do, trong khi đó ở Ấn Độ, một xứ sở cũng trong vòng nô lệ như nước ta, lại có những thi sĩ như Rabinđơranat Tagorơ, những nhà văn, những nhà phê bình như Ananda Coomaraxơoamy tránh những hoạt động vô hiệu, đã hết lòng vì sự nghiệp giáo dục nhân dân. Những người Ấn Độ đó đã thành lập nên ba trường học quan trọng; đó là trường của Tagorơ ở Bôlơpua, trường của Kalasala ở Masulipatam và trường của Gurukula ở Harđoar.

Ninh đã mô tả trường của Gurukula như một mẫu mực. Trường này lấy học sinh vào học bất kể giàu nghèo. Giáo dục được miễn phí, các thày giáo đều tình nguyện. Bảy năm đầu dành cho việc học tập về đạo đức và luân lý thông qua các văn bản tiếng Phạn ở miền Bắc Ấn Độ và rèn luyện thể lực. Trong mười hai năm sau đó, nhà trường giảng dạy về văn học, triết học và khoa học Phương Tây. Học trò sống với thày giáo; đối với gia đình, chỉ được gặp người mẹ thôi. Tới hai mươi nhăm tuổi, họ đã trở thành một người có ích cho xã hội. Cái tinh túy của nền văn hóa cổ Ấn Độ rất hòa hợp với những kiến thức hiện đại hữu ích. Một nỗ lực tương tự đối với nữ sinh nhằm sau này trở thành những đôi vợ chồng có ngang tầm trí tuệ.

Nước ta, cả trường công lẫn trường tư đã làm mù trí óc của thanh niên, bởi chính phủ thực dân cần có một dân tộc yếu hèn và nô lệ. Thật đáng thương thay khi thấy nhà trường sản sinh ra một loại người bị thuần hóa thành tôi tớ như thế.

Trong khi đại đa số người An Nam lao động quần quật để có miếng cơm manh áo thì một thiểu số lại còn cố trích máu mủ của họ dâng cho một cường quốc Châu Âu. Sứ mạng của chúng ta hiện nay là phải chuẩn bị cho nông dân đứng lên đấu tranh, là « làm sản sinh những hạt nảy mầm thành cây trong tương lai ».

Nền độc lập mà chúng ta mong muốn không nằm trong hiện tại. Muốn có tự do ta phải chuẩn bị thông qua những nhu cầu và phương thức hành động của nó. Không phải cái nền văn học do ông cha ta truyền lại làm cho đầu óc chúng ta sáng sủa, bởi nó chỉ toát lên một tinh thần suy thoái, mệt mỏi, hấp hối. Chúng ta phải tự thoát ra khỏi cái luân lý chật hẹp làm cho chúng ta tê liệt và què quặt, phải thắng được những dư luận ngu ngốc, vượt lên trên cái tầm thường là hy vọng một cuộc sống dễ chịu, vượt qua sự hèn

nhát nó làm mê muội ta đi. Cái cần cho thanh niên hiện nay là phải nắm được những nền tảng về trí tuệ và về khoa học cần thiết cho việc xây dựng nền tự do bước đầu cho đất nước.

Các bạn hãy rời khỏi núi non sông hồ của chúng ta. Đến khi nào, bằng con mắt sáng sủa, chúng ta đã nhìn ngó thế giới và xã hội loài người, chúng ta sẽ hiểu chúng ta hơn, và chúng ta sẽ lại trở về đây, trở về nơi chôn rau cắt rốn của chúng ta, nơi mà tinh thần sáng tạo và trí sáng suốt của chúng ta đem lại hữu ích.

> Cái mà chúng ta cần, không phải là những cái bắt chước nô lệ theo người ta, bởi nó sẽ không giải phóng cho chúng ta mà tệ hơn nó còn trói buộc ta lệ thuộc vào những kẻ mà ta bắt chước. Chúng ta cần có những cái sáng tạo của riêng mình xuất phát từ bầu máu nóng của chúng ta, xuất phát từ những sự nghiệp do chính chúng ta phản ứng mà tạo nên. Người ta thường hay nói tới vai trò văn minh khai hóa của nước Pháp mà đại diện là tầng lớp cầm quyền hiện nay. Người ta đã tôn sùng một cách đê hèn « những người đem ánh sáng tới »,« những người tạo nên những đều kỳ diệu ở Á Châu », tưởng chừng như những kẻ thô kệch do bộ Thuộc địa gửi sang, chứ không phải do nước Pháp trí tuệ gửi sang, sẽ có khả năng trong một thời gian ngắn nặn được, như với một chất bột nhão, cái tâm hồn của một chủng tộc trở thành một tác phẩm hoàn hảo. Người ta đã viết một cuốn sách có nhan đề *Sự mầu nhiệm của nước Pháp ở Á Châu.* Thế thì sự mầu nhiệm đó là gì ? Quả là một sự mầu nhiệm vì chỉ cần một thời gian quá ngắn ngủi người ta đã hạ thấp được tới mức ngu tối dày đặc một cái trình độ trí tuệ vốn đã quá thấp rồi, dồn đẩy một dân tộc có những tư tưởng dân chủ vào một tình trạng nô lệ hoàn toàn. Nói đến vai trò giáo dục, vai trò khai hóa văn minh của bọn đầu thầy ở xứ Đông Dương này, thưa các ngài, thật buồn cười. Những kẻ chính thức đại diện cho nước Pháp ở Đông Dương chỉ có thể nói tới những công trình xây dựng hoang phí, những đường sắt, những công xưởng hao người tốn của, những đường cáp ngầm, việc duy trì một đội quân công chức khổng lồ, những công trái quốc gia hàng năm, tóm lại, đó là sự bóc lột quá mức ở Đông Dương [23]

Sau bài diễn thuyết phê phán quyết liệt trên, Ninh được Cô-nhac, thống đốc Nam Kỳ gọi lên :

> - Chắc ông thống đốc cũng đã nhận xét là tôi nói toàn những điều có tính chất trí tuệ...

> - Đất nước này quá tầm thường, thống đốc ngắt lời, nếu ông muốn làm công việc trí tuệ, xin mời ông sang Môskơva. Hãy hiểu rỏ rằng cái hạt giống mà ông muốn gieo ở đất này không bao giờ mọc mầm cả đâu, ông đi bất cứ nơi nào cũng vẫn gặp ông đốc tơ Cô-nhac này, người của tôi luôn báo cho tôi bất kỳ một hành động nhỏ nào của ông, cái đất Nam Kỳ này, chốn chốn phải tuân lệnh tôi, và nếu như ông vẫn cứ ngoan cố thì đốc tơ Cô-nhac sẽ sẵn sàng dùng đến những phương tiện cuối cùng.[24]

Thái độ thô bạo của thống đốc chỉ thúc đẩy thêm con người đầy cao vọng Nguyễn An Ninh về phía đối lập chính trị cụ thể hơn.

Một giai thoại sau đây sẽ cho ta rõ tính thô bạo thực dân và thái độ phản ứng quyết liệt của Ninh :

> Một buổi tối ở rạp chiếu bóng. Một viên đại úy và một viên trung úy bộ binh thuộc hải quân [Pháp] đang ngồi xem ở phía sau Ninh. Ghế của Ninh ở ngay trước ghế của viên trung úy. Viên trung úy nắm lấy lưng ghế lay mạnh và bảo Ninh: « sao mày không chịu ngồi yên hả...mày không cho tao xem à...». Ninh trả lời bằng một giọng lễ phép kiểu Á Đông rằng anh không quen nghe người ta nói với mình bằng cái giọng ấy, hơn nữa nếu như người ta bảo Ninh làm ơn dịch ghế ra thì anh sẵn sàng làm ngay. Viên trung úy vẫn tiếp tục sẵng giọng mày tao với Ninh; Ninh cũng mày tao trở lại làm cho viên trung úy nổi điên. Khi viên trung úy buông một lời thô tục, Ninh nhấc ngay chiếc ghế giơ cao lên. Những người An Nam có mặt vội giữ cánh tay Ninh. Nếu lúc ấy Ninh đập cái ghế xuống thì tất cả người Châu Âu có mặt trong rạp sẽ nhảy xổ vào Ninh.[25]

Chưa đầy hai tháng sau lời cảnh cáo của thống đốc Nam Kỳ, ngày 10 tháng chạp năm 1923, Ninh tung ra tờ báo *Chuông R*è (La Cloche fêlée), có đề câu « cơ quan truyền bá tư tưởng Pháp », thoạt nghe có vẻ lạc lõng, nhưng vừa có tính mềm dẻo ngoại giao vừa có tính thành thực. « Những tư tưởng Pháp » này không phải là những tư tưởng của bọn chủ tỉnh và bọn thực dân, mà là những tư tưởng về tự do dân chủ. Ninh tuyên bố: « Sự đè nén áp bức chúng ta xuất phát từ nước Pháp, nhưng tinh thần giải phóng cũng xuất phát từ nước Pháp ».[26]

Tờ báo ra bằng tiếng Pháp vì mọi sự ấn hành bằng quốc ngữ đều phải được phép trước. Người đứng ra làm quản lý tờ báo là một người có cảm tình với Ninh, một người Pháp lai, tên là Đơgiăn đơ la Bati.

Báo *Chuông Rè* tấn công vào chính quyền thực dân và xã hội thực dân, từ thống đốc Cô-nhac tới những tên thực dân khác; tờ báo mở đầu cho sự đối lập công khai ở Nam Kỳ giữa báo chí với chính quyền, thử nghiệm những khả năng hợp pháp để kêu gọi đồng bào (nghĩa đen là cùng một bào thai) thức tỉnh và thúc dục họ tự mình chuẩn bị cho tương lai của« dân tộc Đông Dương ».

Số báo ngày 21 tháng 4 năm 1924 hô hào thanh niên học sinh, tương tự như nội dung cuộc nói chuyện hồi tháng 10 năm 1923, hãy sang Pháp học hỏi, bên ấy có nền văn hóa tự do và sự tiếp xúc xã hội dễ dàng hơn :

> Không phải là ở đất nước này mà chúng ta tiếp thu học hỏi được những gì mà chúng ta cần. Không phải những chính quyền ở Đông Dương hiện nay là nơi mà chúng ta đặt những hy vọng về tương lại của dân tộc. Một dân tộc nô lệ tin cậy ở người chủ để nhanh chóng quên đi những nguyên nhân mà người ta bắt mình làm nô lệ. Cái mà chúng ta cần, đó là những con người chỉ tin cậy ở chính mình, biết rằng có một nhiệm vụ, một sứ mạng được giao cho họ và dốc lòng hết sức vì giống nòi của mình. Quả là một niềm tự hào khi thấy từ đất nước chúng ta xuất hiện những con người như Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Nguyễn Ái Quốc, những con người như Đề Thám, Lương Văn Can, Lương Ngọc Quyến và biết bao anh hùng vô danh khác; thế nhưng đối với đất nước An Nam không phải chỉ là việc lấy lại một nền độc lập sớm sủa, một nền độc lập sẽ có thể bị mất ngay sau khi chiến thắng do thiếu một ý thức kỷ luật và giáo dục về chính trị. Cái ngày mà đất nước ta có khả năng gìn giữ được tự do, cái ngày đó sẽ đến. Cũng còn một vấn đề là phải cách tân tâm hồn An Nam, không phải chỉ là nuôi dưỡng những ước mộng lớn lao, mà còn phải có được một nhóm người có khả năng chuẩn bị cho tương lai.

Ta thấy đó là điều quan tâm thường trực của tầng lớp trí thức An Nam, kể từ đầu thế kỷ 20 với Phan Bội Châu đã nỗ lực vượt qua sự ngăn cản của chính quyền thực dân để tổ chức một tầng lớp thanh niên xuất dương du học -tất nhiên bí mật- sang Nhật Bản, chỉ một khi thoát khỏi được cái lồng sắt Đông Dương, mới có thế tự hiện đại hóa và có một tầm nhìn thế giới về mọi vấn đề.

Bản thân Ninh tự đi bán rao tờ báo trên các đường phố Sài Gòn. Các độc giả của Ninh, ngấm ngầm, chỉ là những người có khả năng hiểu biết tiếng Pháp, thầy giáo, học sinh, công chức người An Nam, họ liều đọc trong nỗi lo sợ bị rầy rà hoặc bị đuổi việc một khi bị bắt chợt đang đọc những « bài viết phản loạn ». Chính quyền thực dân ép buộc, chủ nhà in không dám tiếp tục

cộng tác với Ninh; anh đành phải tự lập một nhà in thô sơ tại phố Pierơ Fơlanđe, rồi từ một người vừa biên tập vừa đi bán báo, bây giờ kiêm cả thợ in.

Tại Pháp, cuộc bầu cử tháng 5 năm 1924 đưa được phái Tả vào Nghị viện. Thuộc địa Nam Kỳ có quyền cử một đại biểu, thế nhưng tất nhiên để bầu được một đại biểu người Pháp vào đó thì số cử tri phải là công dân Pháp, hoặc gốc Pháp hay nhập quốc tịch Pháp như một số rất ít người An Nam và Ấn Độ. Pôlơ Mône, một trạng sư xu hướng tự do, bất bình với những mưu đồ của chính quyền Cô-nhac, kể cả hợp pháp hay bất hợp pháp, đứng ra tranh cử chống đối Ecnêt Utrây, ứng cử viên về phái tài chính thuộc địa. Ông phô bài rõ ràng những nhũng lạm, những bất công của chính quyền thực dân đối với người An Nam, rồi tờ báo của Nguyễn An Ninh lên tiếng ủng hộ Mône. Tiếc thay, trong cuộc bầu ông thất thế với 626 phiếu, so với 1555 phiếu của Utrây. Sau đó vào tháng 6, tờ báo *Sự Thật* (La Vérité) của Mône bị cấm. Chính quyền thuộc địa phản ứng càng quyết liệt hơn khi xảy ra vụ Phạm Hồng Thái - một lưu học sinh An Nam - ném bom vào toàn quyền Mecle khi hắn ghé qua Quảng Châu, vào ngày 19 tháng 6 năm 1924.[27]

Báo *Chuông Rè* phải im tiếng một thời gian sau số 19 (14 tháng 7-1924) khi Ninh, mượn cớ chuẩn bị thi lấy bằng tiến sĩ luật khoa, lên đường sang Pháp lần thứ hai để trú tại Paris trong một năm ngắn ngủi. Ở Paris, Ninh gặp lại Phan Chu Trinh và Nguyễn Thế Truyền. Truyền vẫn cộng tác với Hội Liên hiệp Thuộc địa và tờ báo *Người Cùng khổ* (Le Paria), còn Trinh vẫn đấu tranh đòi những quyền cơ bản đồng thời vẫn tiếp tục vận động để trở về nước một cách hợp pháp. Nằm ở nước ngoài để rung chuông gõ trống chẳng là một việc tốn công vô ích sao? Cuối cùng, vào tháng 5 năm 1925, Trinh nhận được giấy thông hành về Đông Dương cùng một vé tàu thủy hạng nhì, với số tiền là 5000 fơrăn, đó là tất cả các khoản gộp lại đối với số tiền trợ cấp mà ông đã bị cắt từ năm 1914, khi ông bị bắt.

Trước khi lên đường ba hôm, Ninh và Trinh tham dự cuộc mít ting tập hợp hơn 800 người Pháp và Đông Dương tại Khách sạn Hội Bác học (Hôtel des Sociétés Savantes); kết cuộc mit ting quyết nghị như sau:

> Những người Pháp và Đông Dương tập hợp ngày 25 tháng 5 năm 1925 vào hồi 21 giờ, do ông Phan Chu Trinh chủ tọa, sau khi nghe các bản tường trình của ông Nguyễn An Ninh, Diệp Văn Kỳ và Dương Văn Giáo về tình hình chung ở Đông Dương, đã thông qua nghị quyết sau đây để gửi tới chính phủ Cộng hòa, yêu cầu chính phủ xem xét tình hình hiện nay của Đông Dương để dự định những biện pháp khẩn cấp hầu đảm bảo cho Liên bang Đông Dương:
>
> - Một thể chế chính trị phù hợp với tình hình tiến triển hiện nay ở Đông Dương;

-Một đại diện hữu hiệu cho những quyền lợi cơ bản của Đông Dương tại Pháp và tại Đông Dương ;
-Cho dân bản xứ được nhập quốc tịch Pháp;
-Tự do báo chí bằng tiếng bản xứ và tiếng Hán;
-Tự do hội họp và lập hội;
-Tái lập quyền tự do giáo dục (đã bị bãi bỏ do nghị định ngày 14 tháng 5 năm 1924) [28];
-Bãi bỏ chế độ đặc biệt đối xử với người bản xứ (Indigénat);
-Đối xử bình đẳng giữa viên chức người Pháp và người bản xứ;
-Tự do di trú sang Pháp và sang nước ngoài;
-Xóa bỏ sự bất bình đẳng trong quân dịch;
-Áp dụng cho người bản xứ những luật lao động (nhất là về nghiệp đoàn và tai nạn lao động);
-Cải cách nền tư pháp ở Đông Dương bằng cách cung cấp cho dân bản xứ những đảm bảo pháp lý như người Châu Âu; chấp nhận cho người Đông Dương được dự thẩm án;
-Thành lập ở Paris một Ủy ban Nghiên cứu Đông Dương bao gồm các chuyên viên và kỹ thuật viên người Pháp và Đông Dương để giải quyết những vất đề cấp bách và thông báo cho chính phủ được biết kịp thời những nguyện vọng của dân bản xứ.[29]

Ngày 28, Nguyễn An Ninh và Phan Chu Trinh lên tàu trở về Sài Gòn. Phan Văn Trường đang chờ họ ở đó. Thế là ba Con Rồng trong nhóm Ngũ Long lại cùng nhau đứng hàng đầu trận tuyến đối mặt với thực dân phản động.

Ninh mời Phan Chu Trinh về trú tại nhà anh ở Mỹ Hòa (Quán Tre, Gia Định), ở đó nhiều người có cảm tình tìm cách đến thăm ông già chiến sĩ bị ngược đãi này mặc dầu bọn lính kín và săn đầm kiểm soát gắt gao.

Phan Văn Trường lập văn phòng luật sư tại số 119 phố Mac-Mahon. Từ ngày 17 tháng 3 năm 1925 ông kêu gọi thanh niên Sài Gòn suy nghĩ về Việc giáo dục học vấn trong dân tộc An Nam[30]. Ông lên án việc « sùng bái bằng cấp », do chế độ giáo dục của thực dân duy trì, thúc giục đồng bào lao vào học hỏi, sao chép và dịch sách để phát triển, làm phong phú, làm tinh tế thêm cho chữ quốc ngữ, thứ ngôn ngữ của đất nước đang kỳ thai nghén, sau sẽ trở thành thứ ngôn ngữ đóng vai trò xứng đáng trong mọi lĩnh vực, văn học, nghệ thuật và khoa học, tất cả sẽ góp phân làm nảy nở « tâm hồn dân tộc ».

Ngày 17 tháng 6, Pôl Mône và Anđơrê Malrô tung ra tờ báo *Đông Dương* (L'Indochine) để « bảo vệ dân bản xứ ». Lúc đó có những tin tức

vang vọng từ Trung Hoa về những cuộc phu phen, thợ thuyền và thủy thủ Trung Quốc đình công phản đối những điều kiện lao động gần như nô lệ ở Thượng Hải, Hương Cảng, Quảng Châu. Tin về những cuộc biểu tình chống đế quốc Nhật, Pháp, Anh đã diễn ra sau vụ bọn Nhật tàn sát công nhân ở Thanh Đảo, sau những loạt liên thanh của bọn Anh và Pháp bắn chết mười hai sinh viên ở Thượng Hải và khoảng 50 người khác ở Quảng Châu. Trên tờ *Đông Dương* ngày 30 tháng 6, Phan Văn Trường viết:

> Chúng ta hãy theo dõi chăm chú những sự biến ở Trung Hoa. Những sự kiện này sẽ có ảnh hưởng khắp thế giới. Chúng ta đừng bao giờ quên rằng số phận của chúng ta có liên quan mật thiết với số phận của cả vùng Viễn Đông.

Những người bị bóc lột ở Trung Hoa nổi dậy đã ảnh hưởng đến anh em của họ ở Đông Dương phải chăng? Họ có hưởng ứng chăng, ta chỉ biết rằng cuộc bãi công đã nổ ra ở sở Ba Son (xưởng Thủy binh) Sài Gòn ngày 4 tháng 8 năm 1925 khi một trong ba tàu chiến, chiếc Giulơ Fery, cần sửa chữa gấp rút để điều động sang Trung Hoa. Một ngàn người gồm thợ, phu và nhân viên Sở Ba Son ngừng làm việc và tập hợp tại đại lộ Lurô dọc theo xưởng tàu binh. Chưa bao giờ người ta thấy có một cuộc đình công qui mô như vậy trong một công sở nhà nước, nơi mà những người lao động có được công việc tương đối ổn định và đồng lương không đến nỗi khốn khổ như những nơi khác. Nguyễn An Ninh kêu gọi thợ thuyền và nhân viên ở khắp các công xưởng khác hãy đoàn kết với các bạn đang đấu tranh. Đến ngày thứ 8, viên chỉ huy hàng hải phải chấp nhận thương lượng với bốn đại biểu công nhân đòi tăng 20% lương, đòi xếp việc cho những công nhân bị giảm trước đó và đòi phải dừng giờ làm việc vào hồi 17 giờ chứ không phải là 17 giờ 15 vào ngày trả lương. Phía đình công thắng cuộc.

Alecxăngđơrơ Varennơ, toàn quyền Đông Dương

Phong trào thợ thuyền sôi nổi trong các cảng ở miền Nam Trung Hoa và sự sôi động trong dân chúng ở Nam Kỳ đã đủ làm bận tâm Cánh Tả nắm quyền ở Pháp, họ tìm cách làm dịu phong trào của nhân dân An Nam bằng cách cử Varennơ, đảng viên Đảng Xã hội, một đại biểu quốc hội có tinh thần cải cách, sang làm toàn quyền Đông Dương, ngày 29 tháng 7 năm 1925.

Trong khi tầng lớp thực dân coi sự chỉ định này như một sự khiêu khích thì giới tư bản bản xứ xu hướng lập hiến lại cảm thấy có hy vọng. Tại Paris,

Dương Văn Giáo, lãnh tụ lập hiến là tuyên bố: « Chính phủ của nền Cộng hòa ngày nay dường như cũng đã đồng ý soi rọi đôi chút ánh sáng vào cái đống đổ nát do một thứ chủ nghĩa thực dân lỗi thời tích tụ từ nhiều năm nay ở Đông Dương. » Rồi ở Sài Gòn họ lo chuẩn bị để trình cho quan toàn quyền những điều trần và nguyện vọng của họ.

Ngày 18 tháng 11, Varennơ bước chân lên cảng Sài Gòn trong bộ âu phục thường chứ không phải trong bộ quan phục hào nháng chướng mắt. Tờ báo *Đông Dương bị xiềng* (Inđochine enchaînée), thay thế cho tờ *Đông Dương*, đã được đem phát không. Trên đó có đăng một bức thư ngỏ của hai người phụ trách tờ báo là Mône và Malơrô gửi cho vị toàn quyền mới. Bức thư trình bày những điều kiện bất hợp pháp trong các cuộc tuyển cử ở Nam Kỳ dưới áp lực của chính quyền Cô-nhac. Bức thư tố cáo những mưu đồ về tài chính, những mưu mô kiềm chế báo chí, việc Cô-nhac có dính líu tới vụ bê bối về ruộng đất ở Cà Mau trong đó 387 nông dân bị tước đoạt ruộng đất (tác giả công bố sẽ gửi tới Varennơ « hơn năm chục lá đơn kêu nài hợp lệ, rõ ràng và và có ký tên liên quan tới vụ bê bối đó »), cuối cùng lá thư tố cáo Cô-nhac và bạn bè của ông ta mưu đồ muốn biến Nam Kỳ thành khu rừng cấm dành riêng cho họ săn thịt.

Sáu ngày sau, viên hội đồng quản hạt Nguyễn Tấn Dược phê phán nghiêm khắc những điều không chính xác trong *Sách Xanh* (Livre Vert), bản báo cáo hàng năm của thống đốc thông tư Hội đồng quản hạt. Làm sao Cô-nhac có thể cho rằng tình hình dân chúng là ổn định và sung sướng khi hắn đề nghị một khoản tăng lớn trong ngân sách, không phải để xây dựng trường học và dịch vụ y tế, mà là để cung cấp sở Mật thám, một cơ quan giám sát chính trị chi phí tốn kém « chuyên theo dõi và tìm bắt những con người chỉ sai lạc là phát ngôn những ý tưởng có tính chất phiến loạn bất kể là đúng hay sai, và không tuyệt đối tận tâm với các nhà cầm quyền đương thời ».

Dược tố cáo tất cả những điều tai hại đã giãi bày qua bức thư ngỏ, chẳng e ngại gì Cô-nhac cùng số đông chủ tỉnh người An Nam thường hay nịnh bợ chủ Pháp để vinh thân phì gia. Ông nhắc lại sự bất công về mặt thuế khóa, sự khốn khổ của người nông dân chỉ có thể đi vay nặng lời, trong khi chính quyền lại cho những nhà kinh doanh và bọn chủ vườn cao su vay nhẹ lời; ông nhắc cái thời hạn quá lạm, người An Nam xấu số bị bắt đi lính - bốn năm -, bị bất kỳ gửi đi sang tận Syri và Bắc Phi để đàn áp những cuộc nổi dậy... Một số hội đồng quản hạt khác, như luật sư Galê, người bảo vệ Nguyễn An Ninh trước tòa án, như Trương Văn Bền cũng theo hướng phê phán đó. Tuy vậy ngân sách mà Cô-nhac đề nghị cũng được hai phần ba số hội đồng bỏ phiếu chấp thuận, còn Varennơ y tỏ thái độ như không biết mọi

chuyện. Các báo chí theo chính phủ im lặng không nêu lên chút gì đáng kể trong buổi họp đó, trong bầu không khí giông bão; chỉ có tờ *Đông Dương bị xiềng* số 7 có tường thuật chính xác và tỉ mỉ.

Trước hôm lên đường ra Huế và Hà Nội, ngày 28 tháng 11, Varennơ lại có dịp để nắm tin tức. Thủ lĩnh lập hiến Nguyễn Phan Long trình lên toàn quyền những đơn dân bản xứ khiếu nại và một Tập đơn thỉnh nguyện của khoảng 600 nhà tư bản, địa chủ và hương lý từ các tỉnh chạy đến. Varennơ hứa hẹn mơ hồ sẽ ra lịnh điều tra và trấn chỉnh những hà lạm, nhưng tới việc xuất bản tự do báo chí bằng chữ quốc ngữ thì Varennơ khước từ : Những người làm báo quốc ngữ, vì chưa chuẩn bị để hưởng dụng quyền tự do một cách khôn ngoan, sẽ lạm dụng và tung ra những lời quá khích trong tư tưởng của họ do đó gieo rắc sự rối loạn trong xứ, rồi một làn sóng phản đối sẽ sớm nổi lên.

Không biết có phải do Cô-nhac và những người xung quanh nịnh hót xoa dịu không, để đến mức Varennơ thốt ra một cách mềm dịu: Thôi, chúng ta hãy quên quá khứ ! một thái độ đã bị báo *Đông Dương bị xiềng* châm chọc: « Hôm qua là đảng viên xã hội, hôm nay đã là bảo thủ thượng thặng trong số những kẻ bảo thủ danh tiếng, lại thêm một sự đổi thái độ dưới dấu hiệu của đồng bạc Đông Dương ».

Varennơ chỉ giữ chức toàn quyền cho tới tháng 10 năm 1927, bởi lẽ cánh hữu ở Pháp cũng như bọn thực dân ở Đông Dương khó mà chấp nhận việc ông ta ân xá ông già phiến loạn Phan Bội Châu, cái xu hướng ông ta cho phép thêm nhiều sinh viên sang Pháp học, sự ông khước từ lập lại ngạch trưng thuế cờ bạc, cùng sự ông ta quan tâm đến các Viện Dân biểu ở Trung Kỳ và Bắc kỳ[31]; hai viện này rồi sẽ được các viên thống sứ cải thành những cơ quan tư vấn theo đuôi, và từ đó những người An Nam trung thực sẽ từ chối tham gia. Phái hữu ở Pháp cũng không tha thứ ông ta khi đọc bài diễn văn, Varennơ chỉ có hơi hướng của chủ nghĩa nhân văn, phần nào còn mang ảo tưởng về một nước Pháp thi ân bố đức, mà tờ báo *Thời Đại* (Le Temps) ngày 12 tháng 3 năm 1926 đăng lại cái đoạn văn đáng để lên án sau đây:

> Xứ Đông Dương đang tìm số phận của mình. Người ta có thể nghĩ rằng nước Pháp một khi sứ mạng đã hoàn thành, sẽ không đòi hỏi vai trò nào nữa trong cuộc sống ở bán đảo này, hoặc để lãnh đạo hoặc tư vấn cũng không nữa. Liên hợp với nước Pháp hay tách khỏi nước Pháp, thống nhất hay phân chia, không ai có thể biết được tình hình sẽ ra sao trong vòng một thế kỷ nữa đối với nhóm dân tộc mà chúng ta đã tập hợp lại dưới quyền bảo hộ của chúng ta.

Rồi tờ *Thời Đại* kết luận:

> Chính phủ của ông Bơriăn hiện nay thấy có hai điều cần thiết là phải cảnh báo cho toàn quyền Đông Dương về những lời của ông ta đã phát ngôn rất hiểm nguy và yêu cầu ông ta phải minh định cho rõ cái chủ thuyết thực sự của ông ta.

Một tập đoàn thực dân đang bị thất vọng trong việc kiếm lợi lớn trong việc cho thuê các sòng cờ bạc cùng một bộ máy quan quyền đang khát khao quyền lực và tiền bạc, đã toan rập nhau cổ động đầu độc oai thế quan toàn quyền Đông Dương, rốt cuộc chiến dịch ấy đã thắng « người chính nhân quân tử » là ông Alecxănđơrơ Varennơ.

Phan Chu Trinh:
Đạo đức và Luân lý Đông Tây

Vào hôm sau ngày Toàn quyền xu hướng xã hội chủ nghĩa tới Đông Dương, Cụ Phan (Phan Chu Trinh) được một mớ thanh niên tri thức Việt Nam mời nói chuyện về Đạo đức và Luân lý Đông Tây[32] trong một quán cà phê của người Pháp tại góc phố Risô và đại lộ Albe Thứ nhất, hôm ấy nhằm ngày 19 tháng 11 năm 1925. Một ngàn người tập hợp tại đó, phần lớn là thanh niên, trước hết họ đến là để tỏ lòng ngưỡng mộ đối với người chiến sĩ già từ chốn lưu đày trở về xứ sở. Đám đông tràn ra cả ngoài sân. Cụ khởi nói:

Anh em đồng bào thấy tôi là người tuổi tác, ở lâu năm bên nước Pháp mới về, anh em đồng bào có lòng quá yêu, nhường cho tôi bước đầu lên diễn đàn để tỏ ý kiến và hy vọng của tôi đối với xã hội Việt Nam ta từ ấy đến giờ, thì tôi lấy làm cảm tạ vô cùng.

> Không nói, tưởng anh em đồng bào cũng đã biết, tôi vì quyền lợi của dân tộc Việt Nam mà phải lăn lóc đến mười tám năm nay. Trong khoảng 18 năm (hơn 14 năm ở Pháp) thường mong mỏi được gặp mặt anh em đồng bào nơi cố hương, đặng tỏ chút ý kiến về những sự đã được nghe thấy trong khi trôi nổi nơi đất khách quê người. Không ngờ giấc mộng được thành, trở về nơi chôn nhau cắt rốn, giáp mặt anh em đông đủ thế này. Tôi vui mừng quá.

Sau đó cụ trình bày đại lược như sau: Cái nền đạo đức của chúng ta giống như một trái quả khô héo, chúng ta phải tự trách lấy chúng ta và phải làm sao làm sống lại cái đạo đức đó. Đạo Đức, chính là cái làm cho nên người, ở mọi thời đại, ở khắp mọi nơi chính đạo đức là cái làm cho con người xứng đáng làm con người, nghĩa làn có lòng nhân, sự công bằng, tương kính lẫn

nhau, biết lẽ phải, giữ lời hứa, tham gia sự lao động cần thiết. Cái đạo đức ấy nằm trong lời dạy của Khổng Tử: « Khi ta làm điều thiện, Trời Đất sẽ giúp ta, khi ta làm điều ác, Trời Đất sẽ diệt ta », hay như câu của Mạnh Tử: « Khi mình tự khinh mình thì người khác sẽ khinh minh ».

Ngược lại luân lý là tùy thuộc từng nơi chốn từng thời đại, nó giống như y phục, thay đổi theo quyền lực; cái chế độ quân chủ cổ lỗ của chúng ta kéo theo nó những qui tắc luân lý, không những là cái luân lý gia đình mà theo thời gian đã đi tới chỗ độc đoán đáp ứng với sự chuyên chế của nền quân chủ, trong đó trẻ con đã phải tập thói quen tuân phục và tiếp thu tinh thần nô lệ, trong đó vợ phải vâng lời chồng, đồng thời nó còn kéo theo cả một nền luân lý quốc gia còn tệ hại gấp đôi, bởi lẽ từ thời cổ xưa, nó chỉ gồm trong hai chữ, vua tôi; người dân không có quyền can thiệp vào công việc quốc gia, họ không có quyền công dân. Tại Châu Âu, nền luân lý gia đình đã nhường bước trước nền luân lý quốc gia, song những quốc gia Châu Âu là những quốc gia hiếu chiến, gây những cuộc chiến tranh chẳng có lợi cho ai. Những quốc gia ấy và quốc gia của ta ngày nay phải cùng tiến tới thời đại xã hội xóa bỏ bất công và phân chia giai cấp. Thời đại xã hội đã được hé mở bởi nhiều triết gia lớn, những văn sĩ, thi sĩ, ở phương Đông cũng như phương Tây; đó sẽ là thời đại của đạo đức, của « tâm đạo » chứ không còn là thời đại của tương quan lực lượng. Ở Châu Âu hiện đã có những tầng lớp thanh niên xã hội chủ nghĩa, những thanh niên dân chủ, mà tầm nhìn của họ vượt biên giới quốc gia. Con đường sẽ còn dài, bởi lẽ nếu như xu hướng xã hội chủ nghĩa nẩy nở ở Châu Âu, thì ở nước ta vẫn có phương châm sống chết mặc bay; người ta quên nhân dân; quên nỗi thống khổ nghèo nàn của họ; người ta còn lo học vì danh lợi, vì địa vị; dân càng nô lệ, ngôi vua càng mạnh và các quan càng giàu; cái tinh thần ấy lan đến cả những thầy thông, thầy ký, thậm chí đến cả cậu bồi, anh bếp; ai ai cũng mong trở thành thầy ký, ông chánh... để lại đè nén người khác. Nếu chúng ta muốn rằng một ngày nào đó nước nhà độc lập thì hãy tuyên truyền lý tưởng *xã hội chủ nghĩa,* tinh thần tương thân tương ái.

Từ hơn sáu mươi năm nay, dưới sự bảo hộ của một nước dù sao cũng rất văn minh, thế mà sở mật thám Pháp vẫn cứ ghi tên chúng ta vào sổ đen khi chúng ta nói đến yêu nước, họ ghép chúng ta vào tội âm mưu lật đổ chính quyền. Chúng ta đừng để bị tê liệt nữa. Nếu như người Pháp không cho phép chúng ta yêu nước và đẩy chúng ta vào chỗ tuyệt vọng, thì ta sẽ không mắc tội lỗi gì nếu ta tỏ ra không trung thành với họ. Tôi không nói đến chuyện khích động nổi dậy hay phải ép mình nhờ vả nước này nước khác để tạo nên những sự khuấy động trong nước, vì điều đó sẽ làm chúng

ta lệ thuộc vào người. Chúng ta phải trải qua một giai đoạn hai ba chục năm theo một nền luân lý quốc gia mới, giành được một tinh thần tự do, rồi chúng ta mới tiến tới một nền luân lý xã hội. « *Người ta có thể giết chứ không thể làm nhục một kẻ sĩ* » (Sĩ khả sát bất khả nhục). Chớ để giàu sang làm ta mê đắm, chớ để nghèo nàn làm ta biến đổi, chớ để cường quyền làm ta cúi đầu, đó mới là người chân chính (Phú qúi bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất, thị chi đại trượng phu). Mạnh Tử nói rằng dân là qúi nhất. Dân phải làm gì khi vua là hôn quân? Mạnh Tử không trả lời câu hỏi đó, nhưng lịch sử đã có câu trả lời: vua ác thì dân diệt.

Chúng ta hãy coi chừng đừng giục dân nổi dậy với giáo mác, gậy gộc; đừng phơi mình ra để chết vô ích; làm như thế chỉ tạo thêm sự cao ngạo và đè nén áp bức của những kẻ xu nịnh.

Ngày 27 tháng 11, trong một cuộc nói chuyện thứ hai, Phan Chu Trinh bàn về Quân chủ và Dân chủ.[33]

Vụ án Phan Bội Châu, tháng 11 năm 1925

Ngày 23 tháng 11, đám người nhiệt tình và sôi nổi bao quanh tòa án Hà Nội, khi mở phiên tòa xử ông già phiến loạn, Phan Sào Nam, người đã bị kết án tử hình vắng mặt vào năm 1913 khi xảy ra vụ ném bom ở Hà Nội. Đứng trước các quan tòa, bị cáo tuyên bố:

> Thành thực mà nói, tôi tự nhận đã có âm mưu chống lại vua của tôi nhằm lật đổ chế độ quân chủ, tạo nên một nước Việt Nam Cộng hòa. Tôi cũng tự nhận đã có nhiều nỗ lực, bằng lời nói và cây bút, để thức tỉnh đồng bào tôi một tấm lòng yêu nước mà từ trước chưa có, đã phê phán chính phủ bảo hộ trong bước đầu của giai đoạn lưu đày và trách cứ họ để cho nước Nam ngập ngụa trong vòng ngu tối; tôi cũng tự nhận quá nghiêm khắc đối với quan trường và trách cứ họ về những sự nhũng lạm thái quá. Nếu như các ông thấy rằng những hành động của tôi xứng đáng phải tội chết, thì hãy lấy đầu tôi đi, tôi sẽ sẵn lòng rơi đầu cho các ông bởi đã từ lâu tôi đã tự biến thân mình phục vụ cho lý tưởng của mình. Tôi đã hăng say tranh đấu vì hạnh phúc của tổ quốc tôi, của dân tộc tôi, song chưa hề một phút nào đi chệch khỏi phẩm chất của tôi.[34]

Việc kết án tử hình Phan Bội Châu, mặc dù đã giảm xuống thành án khổ sai chung thân, khích động giáo viên và học sinh rầm rộ bãi công, biểu tình tuần hành ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, nhất là ở Hà Nội, Hải Phòng và Huế. Truyền đơn, điện tín đòi tha cụ Phan tung ra khắp nơi. Nhiều bà cao tuổi

tập trung đông nghẹt trên con đường nơi xe chở toàn quyền đi qua, họ qùi xuống, xin ân xá cụ Phan.

Tại Nam Kỳ, cái tên Phan Bội Châu chưa được thanh niên biết đến nhiều. Cuộc du hành chớp nhoáng của Phan vào năm 1904 tới Sài Gòn rồi tới Lục tỉnh, đến tận cùng Thất Sơn gần Châu Đốc, chỉ để lại đấu vết trong tâm trí của những người lớn tuổi hoạt động trong hội của Cường Để. Thế nhưng, qua bài tường thuật tỉ mỉ và nhắc lại cuộc đời hăng say hoạt động của « Cụ Phan Sào Nam » (bút danh của Phan Bội Châu), tờ *Đông Pháp Thời báo* đã làm cho các tầng lớp nhân dân xúc động đặc biệt là đối với những thanh niên cấp tiến. Báo *Chuông Rè*, sau hai mươi tháng im tiếng, lại được Nguyễn An Ninh tung ra vào ngày 25 tháng 11, phát động chiến dịch bảo vệ Phan Bội Châu. Khi Varennơ đã thả Phan Bội Châu vào ngày 24 tháng chạp 1925, báo ấy kêu gọi lạc quyên giúp ông, mọi tầng lớp nhân dân khắp nơi đều hưởng ứng nhiệt liệt.

Bị quản thúc ở Huế, Phan Bội Châu sống trong cảnh khó khăn. Với số tiền lạc quyên, ông dựng một túp lều bên bờ sông Hương. Thời gian đầu ông day chữ quốc ngữ và chữ nho cho các trẻ em. Nhưng sau đó các phụ huynh đã phải ngăn không cho con đến học, do sức ép ngầm của sở mật thám. Thiếu sự giúp đỡ của những người có cảm tình, ông phải sống một cách chật vật, đôi khi nhà cửa trống trơn. Trong số những thanh niên gần gũi để học tập tấm gương một thời đã quên mình vì đại nghĩa, ta thấy có con rể của ông là Vương Đức Cảnh, phụ trách bí mật đảng Thanh Niên ở Trung Kỳ; thư ký của ông là Phan Đăng Lưu, (sẻ bị bắn vì là cộng sản vào năm 1940); Phan Văn Hùm (sẽ bị những người thuộc đảng của Nguyễn Ái Quốc ám sát năm 1945).

Phan Bội Châu mất ngày 29 tháng 10 năm 1940, để lại nhiều bài thơ, một cuốn phê phán đạo Khổng, *Khổng Học Đăng*, và tập hồi ký *Tự phán*, viết trong mười lăm năm cuối đời.

Mùa Xuân Sài Gòn, tháng 3-4 năm 1926

Ngày 30 tháng 11 năm 1925, trên tờ báo *Chuông Rè* của anh, Nguyễn An Ninh lên án chính sách Pháp Việt hợp tác của đảng lập hiến trong bài: « Người ta chỉ hợp tác với những người bình đẳng ». Ngay từ trước, ngày 19 tháng 5 năm 1924, anh đả viết « chỉ nên trông cậy nơi mình »:

> Tại Nam Kỳ, chúng ta có mảnh đất hợp pháp mà trong những phạm vi giới hạn của nó chúng ta có thể hoạt động được nhiều. Chúng ta có quyền mạnh dạn công bố ở xứ này những nguyên tắc căn bản của Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền, từ mục đầu tiên nói rằng





Đám táng Phan Châu Trinh, Sài Gòn 1926: Nhóm Jeune Annam

> người ta sinh ra ở đời đều có quyền tự do và bình đẳng về công quyền, cho tới mục cuối cùng, mục này công bố bổn phận người công dân nào bị người xâm phạm quyền là phải đứng lên cầm vũ khí chống lại những kẻ áp bức vi phạm quyền của mình. Tự do là phải giành lấy chứ không phải là do người ta thỏa thuận cho. Muốn giành lấy tự do trong tay một cường lực có tổ chức thì phải có một lực lượng đối lập có tổ chức.

Ngày 14 và 24 tháng chạp, anh xác định lập trường đối với chủ nghĩa Gănđi và chủ nghĩa quốc tế:

> Hiện nay chỗ nào cũng thấy người An Nam nói tới chủ nghĩa Gănđi. Tốt thôi. Tuy nhiên, ta phải công nhận rằng chúng ta đang rạp mình trước những kẻ áp bức, trong khi đó chủ nghĩa Gănđi khuyên chúng ta phải chống đối bằng một tinh thần kiên trì thụ động nhưng tự hào, biểu lộ được ý thức về nhân phẩm của mình. Quả vậy, Gănđi đã tuyên bố rằng « Ở nơi nào phải lựa chọn giữa sự hèn nhát và bạo động, tôi khuyên nên bạo động. Tôi mong muốn được nhìn thấy một nước Ấn Độ tự do bằng bạo động mà giành được còn hơn là chịu xiềng xích nô lệ dưới bạo lực của những kẻ thống trị.»
>
> Thế giới đang tiến về chủ nghĩa quốc tế như một con thuyền trôi trên môt dòng nước mạnh không sao cưỡng lại nổi. Và chủ nghĩa quốc tế không thể có được nếu không có chủ nghĩa quốc gia. Trước hết các chủng tộc lạc hậu phải thành lập các quốc gia, các dân tộc bị nô lệ bởi bạo lực phải được giải phóng, để cho mọi người và mỗi người có thể đóng góp phần mình một cách tự do tạo nên sự hài hòa của chủ nghĩa quốc tế.

Vào đầu năm 1926, ngọn gió lành do Nguyễn An Ninh thổi lên bị giới thực dân coi như một trận cuồng phong. Thanh niên Sài Gòn thức tỉnh làm sai lạc những dự đoán của Cô-nhac: cái hạt mà y cho rằng không thể nảy mầm được đã lặng lẽ ló ra khỏi mặt đất.

Nhóm dân nhỏ bé ở Sài Gòn hưởng ứng một cách không e ngại lời kêu gọi của Ninh, họ tham dự cuộc mít ting phản đối ở phố Lanxarôttơ, họ tuần hành ra tận cảng để đón tiếp ông Bùi Quang Chiêu « người đã đòi những cải cách », và tham gia đám tang Phan Chu Trinh, con người vì dân vì nước. Nhưng chúng ta hãy theo dõi sự kiện từng bước.

Ngày thứ bảy 20 tháng 3, Phan Chu Trinh đang hấp hối, truyền đơn tung ra giữa ban ngày ở Sài Gòn, ký tên Đơgiăn đơ la Bati và Nguyễn An Ninh. Tờ truyền đơn kêu gọi một cuộc tập hợp tại Vườn Xoài để phản đối

việc trục xuất nhà báo Trương Cao Động về Trung Kỳ. Ngày hôm sau, lính mả tà và mật thám tràn ngập phố Lănxarôttơ từ sớm. Vào lúc 8 giờ, thợ thuyền, nhân viên, học sinh, viên chưc lũ lượt kéo đến, không tỏ ra e ngại chút nào. Báo *Chuông Rè* ngày 23 tường thuật lại như sau:

> 3000 người An Nam đã tới dự cuộc mít ting. Miếng vườn lớn của Bà đốc phủ Tài tràn ngập người. Có chỗ chật ních như nêm cứng người lại với nhau. Trên khóm cây xoài, những trùm người làm trĩu cả cành. Có khoảng 600 người là học sinh các trường Sacsơlu Lôba, trường sư phạm, trường tư. Thợ thuyền cũng chiếm một lượng tương đương. Chủ tịch: ông Lê Quang Liêm, tục gọi ông Bảy, lập hiến; cùng với ông Trương Văn Bền, tư vấn Hội đồng lập hiến thuộc địa, và ông Phan Văn Trường, luật sư, giám đốc báo *Chuông Rè.* Với tư cách người tổ chức chính, ông Đơgiăn đơ la Bati phát biểu đầu tiên. Ông Nguyễn An Ninh đọc bài diễn văn cuối cùng. Ông Ninh thấp bé mà bục không cao lắm, thế nên những người tham dự đề nghị ông đứng lên chiếc ghế dựa để mọi người thấy mặt.
> Quyết nghị: Ba ngàn người An Nam sau khi đã nghe ông Đơgiăn đơ la Bati, Nguyễn Pho, Nguyễn An Ninh, Phan Văn Lang vá các thư ký của Đảng An Nam Thanh niên, nhận thấy rằng việc trục xuất những người An Nam gốc ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ ra khỏi lãnh thổ Nam Kỳ là một hành động độc đoán, kịch liệt phản đối sự lạm quyền quá đáng đó, đặc biệt đối với việc trục xuất ông Trương Cao Động, kiên quyết đòi chính phủ Pháp phải tôn trọng ở Đông Dương những quyền tự nhiên bất khả xâm phạm thuộc nhân quyền và dân quyền đã được Hiến pháp nước Cộng hòa Pháp công nhận, nhất là quyền tự do báo chí xuất bản bằng chữ quốc ngữ, hủy bỏ việc giam câu lưu về dân sự tố tụng và thương mại, bảo đảm quyền tự do giáo dục, hội họp và du hành.
> Vào hồi 10 giờ cuộc mít ting giải tán trong tiếng hô vang An Nam vạn tuế !
>
> Đơgiăn đơ la Bati

Ngày 24, Đơgiăn , Nguyễn An Ninh bị bắt cùng Lâm Hiệp Châu, phóng viên tờ *Đông Pháp Thời báo*. Phải chăng chính quyền thuộc địa muốn ngăn chặn quyết liệt mọi cuộc phản kháng, dù là hợp pháp? Cũng ngày hôm đó, chính quyền thực dân đã phải há mồm ngạc nhiên mà ngó dân chúng Sài Gòn tuần hành biểu tình lần đầu tiên trên đường phố.

Do sáng kiến của *Đông Pháp Thời báo* và Trịnh Hưng Ngẫu (Đảng An Nam Thanh niên), nhiều truyền đơn tung ra mời dân chúng chuẩn bị tiếp

đón Bùi Quang Chiêu từ Pháp trở về ngày 24 tháng 3. Tạ Thu Thâu, một trong những người tổ chức Đảng An Nam Thanh niên, về sau viết :

> Hầu hết chúng ta đều không ưa gì thái độ ôn hòa của Bùi Quang Chiêu. Song vấn đề không phải ở đó. Những nghị lực dồn nén cần phải được biểu lộ, và đây là một lý do quyết định khiến chúng ta, những thanh niên trẻ, không cần lẩn tránh (*La Vérité* 18- 4 -1930).

Từ lúc 18 giờ, lối vào cảng Mêtsagiơri Maritim, và các phố dẫn tới đó đông nghịt người, và đám đông ngày càng lớn hơn sau giờ đóng cửa các công sở, cửa hàng và xưởng thợ. Dân ở các tỉnh kép về tập trung tại mé sông Ke đơ Belgít từ Cột cờ Thủ ngữ (Mât des Signaux) cho tới Cầu Mống và trên cầu quây Khánh Hội, đen nghẹt người. Từng chùm người bám vào dãy rào chắn trên cầu. Nhưng con tàu mãi đến 21 giờ mới xuất hiện. Nhiều thanh niên đeo băng vàng và khoảng 800 dân thợ sở Thủy binh Ba Son đi bảo vệ quanh Bùi Quang Chiêu, được đám đông chào đón một cách im lặng. Trong khi đó những kẻ phá phách biểu tình do Đơ la Sơvrôtierơ, giám đốc báo *Trung Lập* (L'Impartial), điều động, hô vang lên « Giết chết nó đi! ». Hai lần thằng nầy cố tìm cách đá vào người « quan lớn » Chiêu, nhưng hắn thình lình bị Trịnh Hưng Ngẫu đá đít gạt ra.

Từ trong đoàn người đi hộ tống Bùi Quang Chiêu qua các phố cho tới trụ sở của đảng lập hiến ở đường Lagrăngđierơ vang lên những lời hô đồng loạt: « Hãy thả Nguyễn An Ninh ! ». Nhưng thật là điều vô ích khi người ta hy vọng Bùi Quang Chiêu can thiệp để Nguyễn An Ninh được thả ra. Trong một bức thư Bùi Quang Chiêu gửi cho bạn mình, y tỏ ra lo ngại không phải về sự bắt bớ Ninh, y lo ngại « dân An Nam thức tỉnh ẻ, lớp « thanh niên quá khích và kém giáo dục » thức tỉnh. Ông ta dự định ép họ vào « khuôn khổ ở ăn nề nếp ».

Cũng ngày 24 tháng 3 đó, Phan Chu Trinh mất. Tin đó làm tăng xúc động dân chúng, họ đã dấy lên từ vụ bắt Nguyễn An Ninh. Phan Tây Hồ - người Sài Gòn hay dùng từ đó để chỉ Phan Chu Trinh - bị bệnh lao làm hao mòn sau mười tám năm tù ngục và lưu đày, đã thở hơi cuối cùng. Mọi người cảm thấy sự mất mát này như một điều bất hạnh. Hưởng ứng lời kêu gọi của *Đông Pháp Thời báo*, hàng ngàn người, nam giới, phụ nữ, thanh niên, thuộc đủ mọi tầng lớp cứ diễu hành hàng tuần lễ trước thi hài của người quá vãng, trước bàn thờ khói hương nghi ngút đặt tại 54 phố Pelơre.

Bắt đầu từ 6 giờ sáng ngày chủ nhật mồng 4 tháng 4, phố Pelơre và các phố lân cận tràn ngập người tập hợp. Quanh linh cữu, nhóm thanh niên thuộc đảng An Nam Thanh niên đêo băng trắng mở đầu đoàn tang lễ. Họ

giương lên biểu ngữ lớn « Cách mạng An Nam muôn năm! ». Rồi đến học sinh các trường ở Sài Gòn và các tỉnh, dân thợ và thơ ký sở Ba Son, thợ và phu khuân vác các nhà máy xay lúa Chợ Lớn rời bỏ công việc, rồi đến nông dân Bà Điểm, Hóc Môn những địa điểm nổi danh về tinh thần phản kháng...

Những người tổ chức có mặt cả ở đó và người ta thấy dự tang nhiều người từ Bắc kỳ, Trung Kỳ vào, các tỉnh Nam Kỳ đến, với hàng trăm khăn tang trắng và những dòng chữ kính viếng Phan Tây Hồ. Làn sóng người yên lặng đổ vào đại lộ Nôrôđôm, diễu qua Dinh toàn quyền, rồi vượt lên phố Pôl Bơlănsy để tiến về nghĩa trang những người quê quán Gò Công tại Phú Nhuận.

Trong số thư cùng tang trướng gửi lời từ biệt, có bức của Nguyễn An Ninh từ trong tù gửi ra, gợi lại cuộc đấu tranh chung chống bất công và áp bức; có thư của Phan Bội Châu, từ nơi quản thúc ở Huế gửi vào – không còn đối lập quan niệm chinh phục độc lập bằng bạo lực với kế hoạch thu hồi xứ sở bằng cách thấm nhuần sâu sắc về văn hóa và kiên trì của Phan Chu Trinh. Đó là một bài ca thắm thiết tình huynh đệ đối với tinh thần đấu tranh bền bỉ của người đã khuất để cứu giống nòi ra khỏi cảnh « bần cùng lạc hậu ».

> Ba tấc lưỡi nào gươm nào súng, nhà cầm quyền trông giộ đã gai ghê,
> Một ngôi lòng vừa trống vừa chiêng, cửa dân chủ, treo đèn thêm sáng chói.
> Trước đã giỏi thời sau nên giỏi nữa, dấu cộng hòa xin ráng sức theo đòi,
> Thác còn thiêng thời sống phải thiêng hơn, độc lập quyết đều tay xin với!

Đứng trước mộ cụ Phan, Bùi Quang Chiêu đọc bài điếu văn, chỉ định một cách quá đáng Phan Chu Trinh là người đề xướng tinh thần Pháp Việt đề huề. Huỳnh Thúc Kháng, bạn chiến đấu của Phan, cũng bị bắt và đày ra Côn Đảo năm 1908, nhấn mạnh tinh thần bền bỉ của một con người suốt một đời đấu tranh chống đế quốc áp bức, triệt hạ phong kiến, hy sinh vì nhân quyền.

Nguyễn An Ninh bị bắt, Phan Văn Trường phụ trách tờ *Chuông Rè* từ số 52. Ông đưa vào tờ báo một tiêu đề bằng câu nói của Mạnh Tử bằng chữ Hán và lời dịch bằng chữ Pháp: *Dân vi quí, xã tắc thứ chi, quân vi khinh.* Ông tiếp tục in trừng kỳ bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, cùng với lời kêu gọi về triển vọng một thế giới mới: « Vô sản toàn thế giới, đoàn kết

lại! ». Vào thời kỳ này, ở Pháp, bản Tuyên ngôn của Kac Mac và Ăng ghen được phổ biến rộng rãi in ra sách nhỏ rẻ tiền. Nó không chứa đựng điều gì làm choáng váng đầu óc của tầng lớp thanh niên trí thức An Nam. Trong đó hai tác giả bản Tuyên ngôn dự kiến cách mạng thợ thuyền trong các xứ kỷ nghệ tiền tiến như Anh, Pháp, Đức, là điều dường như chưa thiệp cập tới một xứ An Nam còn đang ở trong tình trạng kinh tế tự nhiên tự túc, và chương trình quá độ sơ thảo trong Tuyên ngôn có thể làm cho những thanh niên đầy cao vọng phải suy nghĩ.

Trong một xứ mà giai cấp vô sản vừa mới hình thành, những từ ngữ khẩu hiệu như: chũ nghĩa xã hội, chủa nghĩa quốc tế vô sản, đoàn kết vô sản, đôi khi mịt mờ như đám mây sao lóng lánh giữa trời đêm đối với người nghe, nhưng cũng mang lại nhiều điều mơ mộng. Những tên tuổi như Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh luôn luôn làm xúc động trong lòng, nhưng thời đại đã thay đổi màu sắc. Nếu như chủ nghĩa quốc gia còn đáp ứng được với thống trị thực dân, thì người ta cũng đã thấy le lói một điều là một khi giành được độc lập, con đường có thể mở ra để xây dựng một xã hội thân ái trong đó tầng lớp dân cày nghèo, phu phen công nhựt và thợ thuyền không còn phải chịu thống khổ vì đói nghèo, và thế là cái « quái tượng của chủ nghĩa cộng sản » bắt đầu ám ảnh xã hội thuộc địa.

Phan Văn Trường mở rộng bộ biên tập khi tờ L*a Cloche Fêlée* (Chuông Rè) đổi thành tờ *L'Annam* kể từ ngày 1 tháng 5, mời những cộng tác viên không đồng xu hướng nhập vào, trong đó bên cạnh Đơgiăn đơ la Bati có Tạ Thu Thâu, Trịnh Hưng Ngẫu, Nguyễn Khánh Toàn, Diệp Văn Kỳ...

Tờ báo tố cáo « cái trò Pháp Việt đề huề »:

> Không một lời hứa nào được thực hiện, không một cải cách nào được tiến hành chỉ trừ những cái, nếu được coi như xếp vào loại cải cách: tăng số công chức ngồi không để lãnh lương, cung cấp thêm những ưu quyền công phẫn, tăng thêm thuế má, tạo thêm những khoản đóng góp mới, những hoang phí và nhiều loại tước đoạt dân bản xứ. Trước khi nói tới hợp tác đáng lẽ phải xét xem nó có thể thực hiện được không. Rất nhiều người An Nam vẫn còn chạy theo cái bóng ma hợp tác đó.[35]

Trong tờ *L'Annam* ngày 16 tháng 9, Tạ Thu Thâu luận chiến cùng Pôl Mônê về cùng một đề tài này:

> Sự hợp tác được thực hiện ở Đông Dương đó là sự hợp tác giữa vài ngàn người Pháp với vài ngàn người An Nam đầy tham vọng và đã

> mất phẩm chất người An Nam. Vì dân tộc An Nam là một dân tộc nô lệ bị khóa mồm nhân cách tinh thần của họ là không tồn tại, thế thì sự hợp tác Pháp Việt chỉ là một trò hề.

Tờ *L'Annam* xuất bản cho tới tháng 2 năm 1928, trong thời gian cách quãng từ tháng 8 đến tháng chạp năm 1927. Báo đình bản hẳn khi Phan Văn Trường bị kết án vào ngày 27 tháng 3 năm 1928 hai năm tù vì đã « kêu gọi khêu khích quân lính bất tuân lịnh nhằm mục đích tuyên truyền vô chính phủ ».Tòa Thượng thẩm Sài Gòn xác nhận bản án ngày 11 tháng 5. Mặc dầu Trường chống án ở tòa phá án ở Paris, rồi sang Pháp vào tháng 6 để tự bảo vệ, ông bị cảnh sát đến bắt tại nhà, 11 phố Bơlenvilơ, Paris 5e, và tống giam tại nhà ngục Cơlecvô. Chúng ta sẽ không nghe thấy nói về ông nữa cho tới khi ông mất ở Hà Nội vào tháng 5 năm 1933.

Vụ án Nguyễn An Ninh lần thứ nhất

Ta hãy trở lại tháng 4 năm 1926. Ngày 24 bắt đầu xử vụ Nguyễn An Ninh. cảnh sát và lính lưu động kiểm soát cổng Tòa án Sài Gòn; trong hội trường, nhân viên sở mật thám nhiều hơn khán giả được phép vào. Ninh xuất hiện trong bộ quần áo bà ba đen và tự bào chửa, anh yêu cầu hai luật sư của anh là Galê và Lơfevơrơ không nên xin khoan hồng cho anh. Anh không cần đến sự khoan hồng mà đòi phải có sự công bằng. Anh bị kết án hai năm tù vì « những hành động phiến loạn », sau đó án này giảm còn 18 tháng.

Khắp xứ lại xúc động lên, giới học sinh lại nổi lên bãi khóa để phản đối. Cũng như sau khi Nguyễn An Ninh bị bắt lại có những cuộc bãi khóa ở trường nữ sinh áo tím Sài Gòn, ngày 28 tháng 3, ở trường Đạo Tabe ngày 1 tháng 4, ở trường tiểu học Phú Lâm (Chợ Lớn) ngày 12..., thì sau khi Ninh bị kết án, học sinh bỏ học hàng loạt tại 16 trường lớn ở Sài Gòn, Cần Thơ, Bến Tre, Mỹ Tho, Vĩnh Long... Từ tháng 3 đến tháng 5 năm 1926 hơn môt ngàn học sinh bị đuổi học.

Sau này, Tạ Thu Thâu viết trong tờ *Sự Thật* (La Vérité) ở Paris ngày 1 tháng 5 năm 1930:

> Nếu như người ta biết chúng ta đã biểu dương những lực lượng nào để đòi thả Ninh vào thời kỳ ấy! Chúng ta đã nghĩ đến những giải pháp cách mạng nhất. Tổng bãi công! Tổng bãi công trong khi lực lượng thợ thuyền và thơ ký chưa hề được tổ chức và trong khi chúng ta mới chỉ liên hệ được với một vài công nhân sở Bưu điện, Truyền thanh và Xưởng thủy binh Ba Son.

Được thả ra khỏi tù có điều kiện vào tháng giêng năm 1927, Nguyễn An Ninh xuống tàu sang Pháp. Tại Paris, anh gặp lại Nguyễn Thế Truyền, lãnh tụ Đảng Việt Nam Độc lập.

Còn Đảng An Nam Thanh niên có một đời hoạt động ngắn ngủi. Điều lệ và tuyên ngôn của đảng này chỉ đến 20 tháng 5 năm 1926 mới được đăng tải trên tờ *Tiếng vọng nhà Nam* (L' Echo annamite). Đảng nầy hô hào đấu tranh đòi nhân quyền và dân quyền cho người An Nam ở giai đoạn đầu tiên. Trong tờ *Sự Thật* vừa kể trên, Tạ Thu Thâu nhắc lại việc thành lập và kết thúc của nhóm tổ chức tí hon này, coi như một « sự điên cuồng thời niên thiếu » :

> Trong mấy năm cuối cùng của tôi ở trường trung học (1923-1925), phong trào cách mạng nổi lên rầm rộ. Chúng tôi đọc báo cấm giữa giờ học, tổ chức họp kín vào những buổi ra chơi. Sau những cuộc hội thảo bất tận, chúng tôi đi đến một kết luận cụ thể: phải tập bắn súng, tất cả chúng tôi đi theo khuynh hướng khủng bố. Chúng tôi chỉ có hai ý tưởng: ám sát cá nhân và xây dựng một đội quân ở Trung Quốc để phục hồi nền độc lập. Sau này vụ án Phan Bội Châu, vụ Trương Cao Động đã cung cấp cho chúng tôi những dịp tốt để cổ động. Lực lượng của chúng tôi được tập hợp, rồi kết tinh thàng Đảng An Nam Thanh niên vào đầu năm 1926. Trong vòng 3 ngày chúng tôi mộ được hơn một trăm đảng viên, không kể hàng ngàn người cảm tình.

Trên kia chúng ta đã thấy Đảng An Nam Thanh niên hoạt động như thế nào trong dịp tiếp đón Bùi Quang Chiêu và đưa tang Phan Chu Trinh. Khẩu hiệu tổng bãi công vào ngày 4 tháng 5 do truyền đơn tung ra, coi như tiếng hát tống chung của đảng.

> Nhiều đồng chí bị xét nhà. Những kẻ do dự rời chúng tôi, và chúng tôi lánh xa những người bạn nghi ngờ hoặc khiêu khích. Trong cuộc họp cuối cùng chúng tôi chỉ còn có 6 người. Nhóm tự tan rã. Một bộ phận lẩn vào những nhóm nghiên cứu, một số ẩn vào đạo Cao Đài, một thứ tôn giáo mà bọn linh cảm thần bí ấy hy vọng tìm chỗ nương dựa trong cuộc đấu tranh.

Tạ Thu Thâu thêm rằng anh kể lại việc đó chỉ cốt chứng minh một chủ nghĩa quốc gia chủ quan và lãng mạn sẽ chẳng đem lại hiệu quả gì, mà cần phải có một lý tưởng cách mạng và một tổ chức cách mạng.



Phạm Hồng Thái (1896-1924)



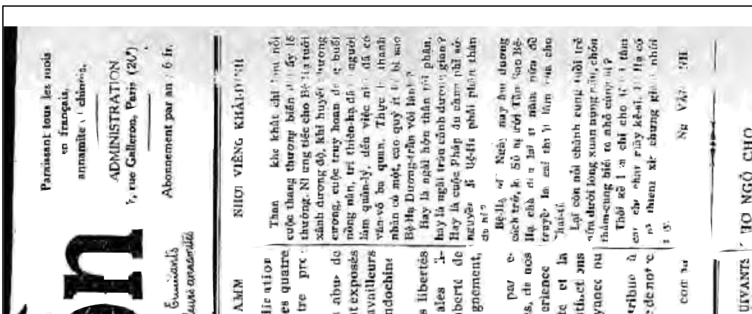
Ảnh Aline Koenig

Mộ tại Hoàng Hoa Cương, Quảng Đông

Cuộc bầu cử Hội đồng quản hạt tháng 10 năm 1926, đảng lập hiến thắng cử, đó là một đảng đại diện cho tầng lớp tư sản địa chủ An Nam, đứng đầu là Bùi Quang Chiêu và Nguyễn Phan Long. Tạ Thu Thâu và Nguyễn Khánh Toàn phản ứng lại bằng cách tung ra tờ báo *Le Nhà Quê* từ 1 tháng giêng năm 1927, nhưng lập tức bị cấm trước khi phát hành :

> Trước những lời xa hoa của nhưng người đàn anh, lớn tuổi nhưng không phải lớn về tinh thần phương pháp, từ nay chúng tôi để ngoài tai, và chính là nhờ vượt khỏi sự bảo trợ của họ chúng tôi sẽ thực hiện được nhiệm vụ của mình.

Nhóm chủ chốt đảng An Nam Thanh niên không lìa cuộc chiến đấu. Hà Huy Giáp ở lại Nam Kỳ, gia nhập bí mật Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội rồi vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930; Bùi Công Trừng và Nguyễn Khánh Toàn sẽ sang học tại trường Stalin ở Môskova; còn Trịnh Hưng Ngẫu cùng Tạ Thu Thâu sẽ theo chân Nguyễn An Ninh và Nguyễn Thế Truyền ở Pháp.



Paraissant tous les mois
en français,
annamite, chinois.
ADMINISTRATION
rue Galleron, Paris (20e)
Abonnement par an : 6 fr.



PREMIÈRE ANNÉE Nº 1 LE NUMÉRO : 10 CENTS LUNDI, 10 DÉCEMBRE 1923

La Cloche Fêlée

ORGANE DE PROPAGANDE DES IDÉES FRANÇAISES

Un grand pays comme le nôtre qu'il aille où qu'il agisse, doit pouvoir dire et se dire que, partout il est fidèle à lui-même. Il doit pouvoir regarder même sa politique coloniale bien en face comme le miroir de sa conscience.

Albert SARRAUT

Nous sommes Français. Tout ce qui est large, généreux, noble est nôtre.

LA CLOCHE FÊLÉE

AU PUBLIC FRANÇAIS

LE PREMIER SON DE CLOCHE

III
Đợt sinh viên du học mới đang tìm đường lối cách mạng 1925-1929

Đợt du học đầu tiên (bí mật) do Phan Bội Châu khởi xướng vào năm 1906 đã đưa sang Nhật được khoảng 200 sinh viên, sau đó họ bị trục xuất vào năm 1909 dưới sức ép của ngoại giao Pháp.

Phong trào quốc gia bồng bột những năm 1925 đã đề khởi một đợt du học lần thứ hai, lần này chủ yếu là sang Pháp theo đường hợp pháp, và bí mật sang Trung Hoa sang Nga. Tầng lớp thanh niên du học sang Pháp một mặt hưởng ứng lời kêu gọi xuất ngoại của Nguyễn An Ninh, một mặt do tham vọng của tầng lớp tư bản bản xứ và địa chủ An Nam giàu có mơ mộng bằng cấp cho con em. Những học sinh và sinh viên du học sang Pháp tăng từ 177 vào tháng 5 năm 1924 lên tới 1700 vào tháng giêng năm 1929. Trong số đó Đảng Cộng sản Pháp chọn khoảng ba chục sinh viên đưa sang học tại Đại học Lao động Đông phương ở Môskova.

Tầng lớp trí thức trẻ An Nam nhanh chóng tập hợp dưới lý tưởng làm cách mạng để giành lại nền độc lập. Tại Paris cũng như tại các tỉnh ở nước Pháp, họ tập hợp thành nhiều nhóm nhỏ để thảo luận, tung ra những tờ báo nhỏ, nỗ lực tìm con đường chính trị của mình. Trong các nhóm đó không có người trí óc sáng tân, có năng lực làm đảo lộn tư tưởng của thời đại, nhưng họ đều là những con người đầy thiện chí và sẵn sàng dấn thân. Vào năm 1927 họ sấp thành lập Đảng Việt Nam Độc lập chống lại chủ nghĩa cải cách ảo tưởng của những người theo chủ nghĩa lập hiến, nhưng cũng không vì thế mà họ bị thu hút vào Đảng Cộng sản Pháp.

Mặt khác, những thanh niên lưu trú ở Trung Hoa đã hưởng ứng lời kêu gọi của Nguyễn Ái Quốc, ông này sau khi được huấn luyện xong ở Môskova, đứng ra thành lập Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội ở Quảng

Châu -đấy là nòng cốt của Đảng Cộng sản Đông Dương tương lai- và mở một trường đào tạo cán bộ cách mạng chuyên nghiệp, rèn luyện trước sau tất cả khoảng 200 người.

Nguyễn Thế Truyền và Đảng An Nam Độc lập

Tờ báo *Việt Nam Hồn* (L'Âme annamite) do Nguyễn Thế Truyền tung ra ở Paris vào tháng giêng năm 1926, ấn bản 2000 tờ. Cùng hai em và môt người chú của Truyền, chung nhau kiên định làm việc, đăng báo liên tiếp từ tháng này sang tháng khác những tin tức về sự biến mới nhất xảy ra ở đất nước nhà, nhất là ở Nam Kỳ, đặc biệt là tin về hoạt động của toàn quyền Varennơ, vụ án Phan Bội Châu năm 1925, cuộc mít ting ở Vườn Xoài và vụ bắt Nguyễn An Ninh. (Trên tờ *Việt Nam Hồn*, bố của Nguyễn An Ninh có viết: « Ta hãy lưu ý chổ thời vận, ngày con trai tôi bị bắt là ngày bạn tôi Phan Chu Trinh mất »). Nguyễn Thế Truyền phát động chiến dịch đòi thả Nguyễn An Ninh, tường thuật những cuộc đình công vừa bùng nổ năm 1925: 1000 công nhân nhà máy sợi Nam Định, công nhân hãng buôn Magase Satne và sở thủy binh Ba Son Sài Gòn; những cuộc đình công năm 1926 tiếp theo của công nhân nhà bưu điện trung ương Sài Gòn và nhà máy rượu Hải Dương để phản đối việc đánh đập. Tiền đặt mua báo hàng năm là 6 forăn, nhưng thực ra thì tờ báo sống được là nhờ những món tiền ủng hộ. Tờ báo thường được phát không cho sinh viên, thợ thuyền binh lính An Nam. Nhà chức nghiệp đoàn Lao động (Bourse du Travail) Paris giúp cho tờ báo phát hành rộng rãi.

Chương trình của nhóm *Việt Nam Hồn*, đăng trong số 1, tóm thành bốn điểm sau: – bảo vệ người An Nam chống lại sự lạm quyền – đấu tranh đòi những quyền tự do chính trị và thành lập nghiệp đoàn – học hỏi lẫn nhau bằng cách trao đổi những ý tưởng, những niềm hy vọng và những kinh nghiệm – đoàn kết giữa trí thức và lao động chân tay.

Vào giữa mùa hè năm 1926, nhóm *Việt Nam Hồn* đưa ra *Lời kêu gọi gửi Hội Quốc Liên đòi quyền dân tộc tự quyết của nhân dân An Nam.* Trong đó có câu mô tả tình trạng « áp bức dân tộc và bóc lột xã hội gây đau khổ cho một dân tộc 20 triệu người bị phó mặc cho thực dân và chính quyền thuộc địa », nêu lên rằng nếu Hội Quốc Liên không can thiệp thì nhất định toàn dân bản xứ sẽ nổi dậy.

Đảng lập hiến vận động thành lập môt xứ tự trị (dominion). *Lời kêu gọi* vượt khỏi triển vọng ấy, dự kiến thành lập một cộng hòa liên bang Đông Dương.

Tại Macxâydơ, một sinh viên và hai thủy thủ An Nam bị bắt vào tháng 10 vì đã phân phát *Lời kêu gọi* đó, và tới tháng 2 năm 1927 bị kết án 5 tháng tù vì đã « tuyên truyền phản đối quân dịch và manh động vô chính phủ »!

Bị đình bản ngày 23 tháng 8 năm 1926, tờ báo hàng tháng lại xuất hiện vào tháng sau bằng chữ quốc ngữ, tên báo *Phục Quốc*, ấn bản : 5000 tờ. Báo này lại bị cấm ngày 11 tháng 10 năm đó, sau khi đảng lập hiến thắng cử trong cuộc bầu cử Hội đồng quản hạt ở Nam Kỳ rồi được công nhận là một đảng chính trị. Tờ *Phục Quốc* được tờ *L'Âme annamite* thay thế vào tháng giêng năm 1927, « cơ quan của Phục Việt, Đảng Việt Nam Độc lập » (Parti Annamite de l'Indépendance, PAI). Như vậy với tư cách là một đảng, nghĩa là bình đẳng, nhóm Nguyễn Thế Truyền từ nay đối lập với Đảng lập hiến. Tờ báo toàn chữ Pháp, đồng thời có tờ *Hồn Nam Việt* viết bằng chữ quốc ngữ, bí mật xuất bản, không có tên chủ nhiệm và tên nhà in.

Những vụ bê bối ở Đông Dương, nhất là việc tước đoạt đất đai của dân bản xứ khai phá ở Đắc Lắc (Trung Kỳ)[36] gây nên tình hình bối rối và xáo động trong Quốc hội Pháp. Lợi dụng cơ hội đó, ngày 26 tháng 3 năm 1927, Đảng Việt Nam Độc lập thảo môt Thông điệp (Mémorandum) gửi cho Bộ Thuộc địa yêu cầu phải lập một ủy ban, không phải để điều tra như chính phủ Pháp dự kiến, mà để tiến hành toàn diện Pháp tự rút ra khỏi Đông Dương, kể cả về quân sự, hành chính và kinh tế.

Để tuyên truyền phổ biến bản Thông điệp, Nguyễn Thế Truyền cùng Hoàng Quang Giụ tổ chức, từ tháng 4 tới tháng 5, một loạt hội nghị tại Nhà chức nghiệp đoàn Lao động ở Paris, cũng như ở Havơrơ, Macxâydơ, Monpeliê, Bocđô, và Lilơ. Ở Lilơ cuộc hội họp bị cấm.

Ủy ban mà Đảng Việt Nam Độc lập đề nghị sẽ bao gồm số người An Nam và Pháp bằng nhau. Trong đó có thể có những người đã bị bắt giữ hay lưu đày như Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, Lê Huân... và đại biểu lập hiến Bùi Quang Chiêu, người đề khởi hợp tác Pháp-Việt và chắc chắn là chống ý tưởng Pháp phải rời khỏi Đông Dương... Ủy ban này sẽ chủ trương đưa quân đội Pháp về nước và triệu tập về nước các binh lính An Nam ở Pháp, ở Maroc, Syri, Trung Hoa. Ủy ban này sẽ xóa bỏ những chức vụ như thống đốc, công sứ, chưởng lý... và cả triều đình Huế cùng bộ máy quan lại. Ủy ban sẽ thiết lập chế độ phổ thông đầu phiếu ở mọi cấp; quốc hội được bầu ra sẽ xây dựng một bản hiến pháp và một bộ luật; đồng thời xây dựng một chính phủ lâm thời. Ủy ban sẽ xóa bỏ những độc quyền về muối, rượu và thuốc phiện (và sẽ cấm). Ủy ban sẽ chuyển giao cho Ngân hàng Nhà nước nhiệm vụ phát hành tiền tệ, quốc hữu hóa đường xe lửa và hầm mỏ, lấy lại những phần đất nhượng cho Hội truyền giáo nước ngoài và những lô

đất nhượng lớn để trả lại cho nông dân. Ủy ban sẽ niêm phong những hãng lớn các nước ngoài để sau đó sẽ giao việc quản lý cho Nhà nước An Nam, hoặc giao cho các tư nhân hay các nhóm chủ thầu, công nhân, nhân viên, tôn trọng luật lao động, do Nhà nước kiểm soát. Nhân dân Pháp sẽ được đối xử bình đẳng như người An Nam. Những nhân viên kỹ thuật, nhân viên các loại và thợ thuyền người Pháp đã tham gia từ trước có thể ở lại phục vụ cho chính phủ An Nam. Tóm lại là cả một « chương trình quá độ » tới môt xã hội đạo đức và tương thân tương ái. Trong khi chờ đợi, bản Thông điệp cũng yêu cầu chính phủ Pháp thực hiện « 8 điều khẩn cấp », trong đó có việc ân xá tù chính trị và ban hành ngay những quyền tự do cơ bản.

Vào tháng 6, Đảng Việt Nam Độc lập đến đăng ký tại sở cảnh sát để hoạt động, nhưng bị từ chối, không được ghi nhận.

Nguyễn Thế Truyền, với tư cách một người sáng lập Đảng Việt Nam Độc lập, không thể thuộc vào một đảng phái khác. Vì vậy trước đó Truyền ra khỏi phân bộ thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, đồng thời phát hành tờ báo hàng tháng *Dân Tộc An Nam*, (La Nation annamite, lấy lại giọng điệu của tờ *Chuông Rè*) hoàn toàn tiếng Pháp, đặt trụ sở tại nhà riêng, số 6 phố Senlu-i- ănlilơ. Truyền xác định rõ mục đích của Đảng Việt Nam Độc lập trong giai đoạn lịch sử hiện thời của Việt Nam là nhằm giải phóng dân tộc, chứ không phải là hướng tới chủ nghĩa cộng sản « không thể đạt được trong tình thế hiện nay ». Trong số 2 và cũng là số cuối cùng, vào tháng 8, nêu rõ thái độ ấy:

> Một đảng của người An Nam ở cả ba kỳ, Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ đã thành lập, lấy tên là Đảng An Nam Độc lập. Trụ sở: số 4 phố Vôgiraa, Paris 6ᵉ. Mục đích và phương pháp: Dựa theo những nguyên tắc mà thế giới văn minh và nước Pháp đề cao, về quyền phản kháng chống lại áp bức và về quyền dân tộc tự quyết, đồng thời hợp tác thực sự giữa các dân tộc và chủng tộc, Đảng An Nam Độc lập đề ra mục đích giành lại nền độc lập cho An Nam, hợp tác với nước Pháp và tham gia Hội Quốc Liên; về phương pháp: tập hợp một tầng lớp người xuất sắc về tổ chức, tổ chức quần chúng, kêu gọi mọi người Pháp tham gia, cùng bất kể người nào có tâm hồn cao cả, không phân biệt quan điểm chính trị, tính ngưởng tôn giáo và địa vị xã hội của họ, nếu họ công nhận sự nghiệp chúng tôi là chính đáng.

Ba bài khác trong số 2 đó xác định rõ xu hướng Nguyễn Thế Truyền. Bài báo nhiệt tình nhất là bài « Chúng tôi không phải là những người quốc

gia chủ nghĩa theo cái nghĩa Phương Tây của danh từ này » đã soi sáng sự hội tụ sâu sắc giữa Truyền và Phan Chu Trinh. Trong bài báo, Truyền có nhắc lại cuộc nói chuyện của Phan Chu Trinh về Đạo đức và Luân lý Đông Tây, nhưng giọng văn cay đắng, tác giả đã quá đà: chỗ mà Phan Chu Trinh nói về « các dân tộc hiếu chiến », Truyền đâm ra thóa mạ quốc gia chủ nghĩa phương Tây.

> Chúng tôi e ngại đụng chạm tới lòng kiêu hãnh [của người Phương Tây] vẫn phải nói tới cái sự thật chối tai nhất đối với họ, cái sự thật mà chúng tôi đã đọc qua các biên niên sử của đất nước họ. Đó là cái tình trạng mà tổ tiên họ đã sống và ngày nay chính họ cũng đang sống dưới áp lực của một di căn! Di căn gì vậy? Chính là cái di căn về sự tàn sát, sự cướp bóc và hiếp dâm.
> Hãy thử nhìn xéo một cái về phía người Rôma, họ là những kẻ cướp nổi tiếng. Còn người Giec-men thì sao? Họ có giá trị gì đối với thuần phong mỹ tục, nếu như ta tin tưởng nhà sử học Taxitơ?
> Đạo Thiên Chúa, đã lăn lưng vào những cuộc Thập tự chinh chiến (croisades), một cuôc cướp bóc tập thể khủng khiếp. Rồi đến thời gọi Phục hưng (Renaissance) là thế nào? Sao không phải là thời kỳ mà những sự thèm khát cổ xưa về cướp bóc và tàn sát, vừa mới được thỏa mãn trong các cuộc Thập tự chinh chiến, lại được phục hồi rồi nhờ chiếc địa bàn hướng dẫn, đã phi nhanh đi khắp thế giới.
> Thế rồi, cùng với cái di sản khủng khiếp của quá khứ và của chủng tộc đè nặng lên các dân tộc phương Tây, lại có thêm cả máy móc. Tự thân nó máy móc không tốt không xấu, nhưng nó đã nhanh chóng trở thành công cụ hoàn hảo trong các cuộc hành động bạo tàn. Đây chính là kỷ nguyên xuất sắc của những cuộc tàn sát quốc tế, những cuộc cướp bóc thuộc địa tàn phá đất đai trên toàn thế giới. Lịch sử các dân tộc phương Tây có thể tóm lại thành vài chữ: tính tàn ác di truyền được kích thích qua nhiều thế kỷ, ngày nay lại được tăng cường thông qua việc sử dụng máy móc.
> Người ta có quyền gì mà đem đánh đồng chúng ta với chủ nghĩa quốc gia phương Tây? và tại sao lại ghép tội chúng ta là những kẻ phong kiến, bọn bài ngoại?

Sự suy nghĩ của Nguyễn Thế Truyền về máy móc « tự thân nó không tốt không xấu, nhanh chóng trở thành công cụ hoàn hảo trong các cuộc hành động bạo tàn », và nhất là sự bao tàn của thực dân, gợi lại sự nguy hiểm của mổi« tiến bộ » (progrès) mà Kac Mac đã nêu ra 71 năm về trước:

> Ngày nay, mọi vật đều hiện ra cái mặt trái xấu xa của nó. Máy móc có sức mạnh kỳ diệu là rút ngắn thời gian lao động của con người và làm cho sản xuất hữu hiệu hơn nhưng lại có kết quả là con người đói khó và kiệt lực. Do một sự thay đổi bất chợt kỳ lạ của số phận, những nguồn tài phú mới lại trở thành những nguồn tạo nên sự khốn cùng. Dường như mỗi thắng lợi kỹ thuật đều phải trả giá bằng một sự suy thoái của con người. Nhân loại càng làm chủ thiên nhiên thì cá nhân con người càng để cho đồng loại thống trị mình hoặc tự mình vấn thân vào cảnh suy tàn bĩ ổi. Ngay đến cái ánh sáng thanh cao của khoa học muốn cho rực rỡ lên dường như cũng cần phải có những lớp người ngu dốt tối tăm. Tất cả mọi phát minh của chúng ta, tất cả mọi tiến bộ của chúng ta dường như chỉ đem lại một kết quả là cung cấp sự sống và trí tuệ cho những sức mạnh vật chất và hạ thấp đời sống con người xuống ngang hàng với một sức mạnh vật chất.[37]

Trong bài *Lời kêu gọi những người An Nam tán đồng chủ nghĩa tư bản*, người em của Ngyuễn Thế Truyền là Song không bàn luận trên lĩnh vực tâm lý-triết học mà bàn luận trên lĩnh vực kinh tế:

> Tố cáo những vụ tham nhũng và tội ác của cơ quan cai trị, làm mất mặt chính phủ và bọn quan lại cai trị, kêu gọi đồng bào đứng lên tự bảo vệ, cũng tốt thôi nhưng quên mất cái nguyên nhân đầu tiên làm cho dân tộc ta khốn khổ, là do chủ nghĩa đế quốc tài chính, thì chỉ làm lợi cho bọn lý tài Fontên, Homberg và các tập đoàn của chúng! Nếu như đúng là « sự hợp tác » với chính quyền về mặt hành chính chỉ là sự hợp tác giữa cái cày và con bò, thì cũng là đúng nếu có sự hợp tác về phương diện kỹ nghệ, thương mại và nông nghiệp với những « con cá mập » lớn của Ủy ban Đông Dương, là phản phút đối với toàn thể dân tộc ta và cả nhân dân Pháp vì chính nhân dân Pháp cũng không có chi là đồng loạt với bọn cá mập thực dân.

Bùi Ái, nguyên là giáo viên, viết bài nói về sự cần thiết phải có một nền giáo dục chuyên nghiệp thực sự để đào tạo những thợ lành nghề và những kỹ thuật viên cao cấp, đem lại lợi ích cho việc giải phóng nền kinh tế An Nam còn hơn là đào tạo một nhóm trí thức tách ngoài đời sống của đại đa số nhân dân. Thế lực tối cao của bọn thực dân sở cậy vào máy móc làm vũ khí, ta phải đem máy móc quay ngược trở lại đập vào chúng. Người An Nam phải tự xuất tiền xây dựng những trường chuyên nghiệp thay đổi

chương trình của các hội đoàn giáo dục tương tế theo hướng kỹ thuật, bãi bỏ những cuộc bình thơ bất tận, mở một qũi ủng hộ quốc gia để giúp đỡ những học sinh kém may mắn và cấp học bổng cho họ ra học nước ngoài... Tóm lại, là phải bù đắp vào chổ kém khuyết mà chính quyền thuộc địa chẳng làm nên điều gì trong vòng nửa thế kỷ nay:

> Tôi đã học tập 18 tháng tại Trường Chuyên nghiệp ở Huế. Buổi sáng từ 6 đến 12 giờ, buổi chiều từ 1 giờ 30 đến 6 giờ học trò vào xưởng để học việc thoa mỡ thoa dầu vào các máy móc, mài sắc các công cụ, rèn những êke và vòng tròn, tiện gỗ và sắt, rồi lau hết và quét dọn công xưởng. Học sinh không được nghe giảng về lý thuyết.

Nghe Bùi Ái người ta nhận ra một chương trình tương tự như của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh và những sĩ phu Duy tân đầu thế kỷ, một nỗ lực bị đàn áp vào năm 1908 nhưng vẫn không ngưng tiếp tục nảy sinh.

Vào tháng 9 năm 1927, đảng này mới đăng lời tuyên bố thành lập bằng chữ quốc ngữ trên tờ *Việt Nam*, cơ quan ngôn luận mới của Đảng Việt Nam Độc lập. Tờ báo do Đặng Văn Thu chủ nhiệm, nhằm phục vụ cho các tầng lớp bồi bếp, thợ sơn lắc, thủy thủ và nhất là dân chúng ở trong nước, nhờ các thủy thủ cách mạng chuyển giao bí mật về xứ nhà.

Toàn quyền Đông Dương trong một điện tín gửi cho Bộ trưởng Thuộc địa ngày 10 tháng 4 năm 1927 có ghi: « Mặc dù kiểm soát gắt gao từ các bến nhập cảng và trong nội địa xứ thuộc địa, nhiều báo chí ấy đã đến tay người nhận rồi lưu hành từ tay này sang tay khác trong các giới cách mạng Đông Dương ». Vào tháng giêng, sở mật thám tịch thu được 345 tờ *Phục Quốc* tại Nam kỳ và 242 tờ ở Bắc Kỳ. Tại Sài Gòn, những trẻ em rao báo thường ngầm trao những báo bí mật, đồng thời rao bán *Đông Pháp Thời báo*, một tờ báo đối lập được phép lưu hành ở địa phương.

Báo *Việt Nam* chỉ ra được một số. Ngày 14 tháng 10, Đặng Văn Thu - chủ nhiệm tờ báo, nguyên là chủ tiệm cơm ở Lơ Havơrơ, người đã được cảnh sát lưu ý từ 1920 - bị khởi tố vì « tội phân phát tờ báo bị cấm trên đường phố, cùng tội đánh đập và làm tổn thương nhân viên nhà nước, cùng tội thóa mạ các quan tòa ». Anh bị kết án 1 tháng tù giam và 600 forăn tiền phạt.

Nguyễn Thế Truyền đi vận động khấp nhiều nơi. Vào tháng 9 đồng cùng Nguyễn An Ninh đến chống đối chủ trương của Dương Văn Giáo và Trịnh Đình Thảo tại Đại hội sinh viên họp ở Ecxơ- ăn -Pơrôvănxơ. Hai luật sư nầy tuyên truyền rằng dân thuộc địa có thể hợp tác với bọn thực dân. Truyền và Ninh cố ngăn ngừa thế hệ thanh niên mới khỏi sa vào ảo vọng

ấy, ảo vọng do đảng lập hiến duy trì bền cố từ lâu. Ngày 17 tháng 10, Truyền lên tiếng tại Paris, nơi Hội các Nhà bác học, trong một cuộc họp do Fêlixien Salâydơ chủ trì, gồm « Liên minh chống áp bức thuộc địa và chống đế quốc » và « Liên minh bảo vệ chủng tộc da đen ».

Cuối tháng 10, có tin bọn chủ đồn điền Misơle ở Phú Riềng săn lùng bắt độ trăm phu đã nổi dậy chống đối[38]. Cùng với Hội Nhân quyền, với thủ lĩnh lập hiến Dương Văn Giáo và thủ lĩnh của đảng An Nam Thanh niên Trịnh Hưng Ngẫu, Nguyễn Thế Truyền báo động công chúng Pháp, trong một loạt hội họp mới « chống khủng bố ở Đông Dương »: ở Tulusơ ngày 23, ở Monpeliê ngày 24, ở Bocđô ngày 25 và Macxâydơ ngày 27. Rồi tại đây người ta phân phát một truyền đơn « kêu gọi lương tâm nhân dân Pháp ».

Sau mươi năm tự nguyện lưu vong tại Pháp, Nguyễn Thế Truyền cảm thấy nhu cầu trở lại đắm mình vào bầu không khí quê hương. Người giao phó trách nhiệm đảng An Nam Độc lập cho các bạn chiến đấu cũ cùng Tạ Thu Thâu, một thanh niên trẻ mà Nguyễn An Ninh vừa giới thiệu. Sau đó vào tháng chạp năm 1927, Truyền xuống tàu cùng vợ (người Pháp) và hai con gái. Nguyễn An Ninh cũng đồng đi một chuyến. Tới Sài Gòn ngày 7 tháng giêng năm 1928, họ được hàng trăm thanh niên tiếp đón với những bó hoa và những lời hô vang « Việt Nam vạn tuế! ».

Trước mắt hai nhà cách mạng đâu là triển vọng? Vào tháng 3 năm 1928, Phan Văn Trường bị kết án « tuyên truyền vô chính phủ », và sau đó báo *L'Annam* bị cấm, hai sự việc ấy dường như báo hiệu không còn có thể hoạt động hợp pháp ở xứ này nữa.

Trần Văn Thạch
và tờ Báo của Sinh viên An Nam

Xuất thân từ một gia đình trung lưu ở Chợ Lớn, Trần Văn Thạch rời Sài Gòn sang Pháp ngày 3 tháng 5 năm 1926, khi anh 23 tuổi. Tại Tulusơ, nơi anh ghi danh khoa học cử nhân triết học, liền thấy mình khấp khởi giữa bầu không khí suy tưởng về chính trị. Anh đọc báo *Việt Nam Hồn*, báo ấy đã ra tới số 5. Qua ngày 14 tháng 6, anh làm cho cảnh sát đặc biệt lưu ý đến anh về một bài báo anh viết về tình hình Đông Dương đăng trong báo *Miền nam xã hội chủ nghĩa* (Le Midi socialiste). Từ Tulusơ anh tham gia tìm đường giải phóng đất nước. Quá trình này dường như song song với con đường của đảng Việt Nam Độc lập. Vào tháng 3 năm 1927, anh tung ra tờ *Báo của Sinh viên An Nam* (Journal des étudiants annamites). khoảng đó vào tháng 4 ở Ecxơ-ăn-Porôvănxơ, sinh viên cho ra tờ *An Nam Học hiệu* (L'Annam scolaire) bằng hai thứ tiếng, bao gồm những bài viết chuẩn bị cho cuộc đại hội vào tháng 9 mà chúng ta đã thấy Nguyễn An Ninh cùng

Nguyễn Thế Truyền luận chiến chống lại phái lập hiến. Từ ngày 10 tháng 6, tình hình sôi động của sinh viên làm cho viên chưởng lý ở Ecxơ lo ngại, y viết thư cho Bộ Tư pháp:

> Dường như ta cần phải chọn lọc những đợt du học từ thuộc địa sang Pháp, nếu như ta không muốn cho các trường cao đẳng dẫy đầy những đám người không được chuẩn bị hoàn hảo để học theo hệ thống giáo dục của chúng ta, để noi theo tinh thần tự do về tư tưởng và về ngôn luận; những con người không được chọn lọc như thế thì họ dễ bị những phần tử có hại (mà ta đã biết) cám dỗ họ.

« Những phần tử có hại mà ta đã biết » chính là những người lưu vong An Nam tại Pháp đã gia nhập Đảng Cộng sản Pháp và Đảng An Nam Độc lập; những đảng viên của Đảng An Nam Độc lập đang được tuyên truyền rầm rộ tại các trung tâm đại học ở các tỉnh và các cảng lớn như Lơ Havorơ, Macxâydơ, Bocđô.

Tờ *Báo của Sinh viên* tháng 5 công bố muốn « làm bước quá độ giữa một nước An Nam đã kết cuộc và một nước An Nam mới bắt đầu ». Vào tháng 7, tờ báo phân tích một cách vô tư hai khuynh hướng của sinh viên: khuynh hướng « già ẻ, tự cho mình là thiết thực, gồm những người theo hướng hợp tác giữa người Pháp và người Việt; còn khuynh hướng kia là « trẻ » chỉ một mực giản đơn là đòi nền độc lập cho xứ sở. Những người « già » cho rằng chỉ cần đề huề với Pháp để được Pháp ban cho người Việt những quyền cơ bản như người Pháp được hưởng, không cần gì hơn, bởi vì An Nam không có lực lượng quân sự, lực lượng kinh tế, lực lượng nghiệp đoàn, và cũng chẳng có dư luận công chúng. Còn những người « trẻ » muốn được độc lập ngay, họ không thể chịu đựng lâu nữa « cái chế độ bất công mà chính phủ Pháp áp đặt ở Đông Dương, một chế độ nô dịch không để một mức độ nào cho thanh niên tự phát biểu, một chế độ mà ở đó công quyền bị khinh thường, còn sức mạnh lại được hoan nghênh cổ vũ ». Xu hướng trẻ vẫn biết chắc rằng « sự kiên trì cuối cùng này về cao vọng tập thể của họ » sẽ chẳng đi đến đâu. Ngoài ra, chủ trương của xu hướng già là hợp tác giữa chủ và nô lệ căn cứ trên tình trạng không có bình đẳng, rồi ra cũng không đem lại kết quả gì xứng đáng cho dân tộc.

Trần Văn Thạch dường như không biết đến phân ban thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, dường như cũng không thoáng nghĩ tới việc có thể dựa vào Đệ tam Quốc tế và Liên Sô.

Ngày 15 tháng chạp 1927, *Báo Sinh viên* đăng bài « Một giấc mơ độc đáo », trong đó Thạch mơ đến một xã hội Sài Gòn vào năm...1953, vẫn còn dưới chế độ thực dân, trong đó hai đảng lớn luôn luôn chạm trán, một đảng độc lập do giai cấp tư sản An Nam chủ trương và đảng kia là của những người lao động; anh kết luận dự đoán của mình bằng lời kêu gọi của một nhà tư sản năm 1955 để đạt với đảng của mình như sau:

> Một chương trình hành động tốt nhất mà chúng ta có thể chấp nhận được, là cái chương trình vừa bao gồm giải pháp cho vấn đề xã hội vừa là giải pháp cho vấn đề quốc gia dân tộc. Sự đoàn kết của người An Nam là điều cần thiết và sự đoàn kết này chỉ có thể thực hiện được bằng cách giai cấp tư sản An Nam tự nguyện hy sinh cho giai cấp vô sản, bằng cách chìa tay nhân đạo và thân ái ra với họ.

Nếu như then chốt giải quyết vần đề độc lập nằm trong sự đoàn kết dân tộc thì sự đoàn kết này chỉ có thể tiến hành được trong một triển vọng xã hội mới; triển vọng này được biểu đạt qua các tờ *Báo của Sinh viên*, báo *Tương lai xứ An Nam* (L'Avenir de l'Annam), báo *Tái sinh* (La Résurrection), và thông qua mọi tổ chức hội đoàn sinh viên. Các lớp thượng lưu trí thức phải tự phán, đó là một nhã quan xã hội mới được coi như cốt cán của công cuộc giải phóng.

Tháng giêng năm 1928, Trần Văn Thạch viết :

> Tôi mong rằng một khi những sinh viên trở về Đông Dương, họ phải giữ mình không nên kết thành một lớp tư sản mới, nhà giàu mới trong giới giáo dục, và sống với thái độ khinh bỉ nhân dân. Trái lại họ phải chia xẻ khốn cùng và khổ nhọc với nhân dân, và chung cùng nhân dân để hoạt động đẩy nhanh tới ngày giải phóng chúng ta. Tôi có những người bạn theo khuynh hướng hợp tác với thực dân. Tôi đã chia xẻ ý tưởng đó với họ. Bây giờ tôi không cùng quan điểm với họ chút nào nữa.

Tháng 10 và 11 năm 1928, tờ *Tương lai xứ An Nam* nêu rõ:

> Muốn phát động được quảng đại quần chúng nông dân thì không phải chỉ cần hứa hẹn nền độc lập hình thức cho xứ sở là đủ, mà phải gắn bó cuộc đấu tranh giành độc lập ấy vào cuộc thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của nhân dân, mà cái nhu cầu cơ bản cấp thiết nhất là vấn đề ruộng đất. Phải chặt đứt những mối giây ràng buộc nô dịch phong kiến không sao chịu đựng nổi, phải chấm dứt cái quyền sở

> hữu đất đai của các đại địa chủ. Ruộng đất trở về tay người cày! Xứ An Nam hoàn toàn độc lập! Đó là hai mục đích không thể tách rời nhau được.
> Muốn được tự do thực sự, giành được độc lập về chính trị chưa đủ đâu. đồng thời phải giành được độc lập về kinh tế, đối kẻ áp bức là người Pháp đồng như đối kẻ bóc lột là người đồng hương.

Tulusơ, sinh viên đã đề khởi xu hướng liên minh chống lại du học về làm công chức và chống việc xin nhập quốc tịch Pháp. Các hội viên đều thề nguyện là sẽ khước từ bất kỳ một chức vụ nào trong quan trường khi họ trở về Đông Dương.

Sau một thời gian ngắn ở Sài Gòn, từ tháng giêng đến tháng 8 năm 1928, Thạch trở sang Paris, tiếp xúc Tạ Thu Thâu và cả nhóm lãnh đạo đảng An Nam Độc lập được tổ chức lại. Anh gặp gỡ Phan Văn Trường, lại phát hành tờ *Báo Sinh viên* và viết bài trong tập kỷ yếu của Liên minh chống đế quốc, tổ chức nầy thành lập vào tháng 2 năm 1927 ở Bơruytxelơ.

Ngày 12 tháng 2, Trần Văn Thạch chủ trì cuộc họp khoảng 200 sinh viên và lao động An Nam, tại số 3 phố Sufơlô, để phản đối bài diễn văn của chủ tịch Tổng hội sinh viên Đông Dương, khuyến khích hợp tác với Pháp và khuyến học để thành chức nghiệp, đọc tại Khu Đại học Paris nhân dịp đặt viên gạch đầu tiên để xây dựng Ngôi nhà Đông Dương. Một lần nữa anh khẳng định rằng cái mục đích duy nhất của sự học tập là để giải phóng quê hương. Năm tháng sau, văn phòng của Tổng hội Sinh viên Đông Dương tại Paris chuyển sang tay những người tán thành đảng An Nam Độc lập.

Tháng giêng năm 1929, Thạch nhấn mạnh trên tờ *Báo Sinh viên* về sự đoàn kết giữa trí thức với lao động là quan trọng nhất. Anh lên tiếng phản đối Bộ Thuộc địa về việc trục xuất sinh viên An Nam.

Tháng giêng năm 1930 Thạch về ở luôn Sài Gòn, dạy văn học Pháp trong các trường tư để sống. Nhằm năm đầu tiên cuộc khủng hoảng thế giới ghê tởm này, có hai vụ bùn nổ chính trị long trời lở đất làm rung chuyển toàn xứ, cuộc lính tập Yên Bái khởi nghĩa và một phong trào nông dân lan rộng, kéo theo cuộc khủng bố trắng không tránh khỏi.

Tạ Thu Thâu với báo Tái sinh (La Résurrection)

Sau khi Nguyễn Thế Truyền về xứ, các đồng chí của ông đã phát hành vào ngày 1 tháng 4 năm 1928, một bản chương trình sơ thảo, khổ bỏ túi, đóng bìa vàng có 5 ngôi sao, nhan đề *Lời kính chào đồng bào*, dưới ký Đảng Việt Nam Độc lập, một lần nữa xác định

> Mục đích của đảng là tìm mưu đặt kế để khôi phục quyền độc lập cho dân Việt Nam, độc lập rồi sẽ dựng chính thể dân chủ hay chính thể quân chủ, bênh vực và cởi mở cho đồng bào bị bọn qúi tộc và kẻ tư bản ức hiếp, nâng đỡ cho họ lên cái địa vị xứng đáng với họ cho hợp lẽ công bình và nhân đạo.

Đối với đảng Việt Nam Độc lập thì phong kiến chính là vua « tên bù nhìn đã ký vào hòa ước bán nước », và giới quan lại, «bọn chó săn hung dữ chỉ có một việc là săn đuổi dân chúng». Còn những ai là bọn tư bản nếu không phải là những chủ thầu và những nhà đầu tư người Pháp? Và sẽ thực hiện nền dân chủ nào? Đó là một nền dân chủ thấm nhuần đạo đức phương Đông, có khả năng hạn chế những tệ nạn của chế độ tư bản. Giai cấp tư sản Việt Nam sẽ biết cách thiết lập nền dân chủ mang tính nhân đạo và họ sẽ quản lý nền dân chủ đó làm số phận của nông dân và thợ thuyền sẽ dễ chịu hơn.

Ở đây ta thấy còn xa với tư tưởng của Kac Mac về sự công nhân tự giải phóng lấy mình, và ngay cả « giai cấp đông đảo nhất và nghèo khổ nhất » tự giải phóng. Chính hạng trí thức sẽ lãnh đạo và cầm quyền trong công cuộc biến đổi xã hội.

Tuy nhiên, đảng Việt Nam Độc lập cũng hứa sẽ từ bỏ việc lãnh đạo chính trị một khi đã giành được độc lập. Bi kịch của Trung Hoa năm 1927 đã làm đảo lộn suy nghĩ của đảng VNĐL: đảng không muốn có một chính quyền độc đoán kiểu Quốc dân đảng. Đảng VNĐL mong muốn rằng giới thợ thuyền, nông dân, nhà buôn, công chức, quân nhân, v.v. bầu lấy đại biểu của giới mình nhằm thiết lập một chính phủ « thỏa mãn quyền lợi của mọi người ».

Giọng văn bản chương trình này gây xúc động trong khi gợi lại cuộc sống của tầng lớp thợ thuyền và nông dân đồng như trong lời kêu gọi kết thúc:

> Đồng bào! Người ta to miệng cả lời mà ta phải cầm hơi ngậm tiếng; người ta hống hách vui cười, mà ta thì sẽ bẽ bàng sầu tủi. Kìa tai to, kia mắt lớn, nào tự đại, nào tự cao, thế nào đành nhắm mắt làm thinh, thế mà đành cúi đầu chịu nhục, còn trách chi ai!
> Muốn khôn thì phải học, muốn khéo thì phải làm, muốn tự do sung sướng ngồi đó có được không?
> Việt Nam Độc lập Đảng là một đảng không muốn làm thinh, không chịu cúi đầu; là một đảng lo cho nước sung sướng, cần cho dân tộc, mong rằng anh em sẽ tán thành phù trợ cho!

Tại Paris, đảng VNĐL tổ chức 150 đảng viên thành ba phân bộ: Sinh viên khu Latin, thợ sơn lắc ở Cổng Otlêăn, bồi bếp ở Quảng trường Êtoilơ. Đảng này nhấn mạnh vào mặt tuyên truyền hơn là hoạt động. Đảng lập một ủy ban tổ chức những cuộc trao đổi thân mật và một Hội khuyến học. Đảng phối hợp công việc bí mật với hoạt động hợp pháp. Tại các tỉnh, khỏang 50 đảng viên giữ mối liên hệ với các hiệp hội thủy thủ và sinh viên.

Mật thám kiểm soát tại sở bưu điện Nam Kỳ tịch thu các gói bưu kiện có những tập sách trên gửi cho bí thư nông hội Long Xuyên, gửi cho một giáo viên ở Gò Công, một thông ngôn ở tòa án Cần Thơ... rồi ngày 16 tháng 9, toàn quyền Đông Dương ra lệnh giải tán đảng VNĐL.

Ngày 17 tháng 7, khi ban cán sự đảng lại đến xin đăng ký hoạt động của đảng tại sở cảnh sát một lần nữa, họ vẫn bị từ chối mặc dù có hai luật sư Tôres và Rôsenthal can thiệp.

Được tin Nguyễn An Ninh bị bắt lần thứ hai, ghép vào tội âm mưu, đảng VNĐL tổ chức một cuộc mít ting phản kháng ngày 16 tháng chạp năm 1928 và gửi cho Ninh cùng các bạn của người bản thông điệp đoàn kết hữu ái của 250 người An Nam ở Pháp. Những đại biểu ở các nơi như Lơ Havơrơ, Tulusơ, Bocđô, Macxâyđơ đều có mặt. Năm hôm sau, Liên minh chống áp bức thuộc địa và chống đế quốc của Fêlixien Salâydơ cũng lên án sự đàn áp, đồng thời cũng lên án các thế lực tài chính bóc lột Đông Dương, lên án các độc quyền khả ố đã vận động ép buộc dân phải tiêu thụ một số rượu, và để cho tự do hút thuốc phiện do Nhà nước độc quyền bán ra. Liên minh phản đối mạnh mẽ sự quyết định tăng thêm khoản thu nhập từ các thuộc địa và dự án luật phạt tù từ 1 đến 5 năm và từ 100 đến 5000 fơrăn, đồng thời tước quyền chính trị và đày lưu xứ « những ai hoạt động chạm đến sự toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, hoặc phân ly phần lãnh thổ mà chính quyền Pháp cai trị ». Liên minh tán thành ý đồ của thanh niên Đông Dương đòi quyền độc lập hoàn toàn cho xứ sở, thậm chí Liên minh còn tuyên bố hết sức ủng hộ.

Cũng trong tháng đó,Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương, Phan Văn Chánh... tung ra tờ báo hằng tháng *Tái sinh* (La Résurrection), « cơ quan thanh niên cách mạng An Nam », đặt trụ sở tại nhà Phương ở Casăn, ngoại ô Paris. Tờ báo bị cấm ngay từ trong nhà in. Số 3 là số cuối cùng in bí mật tại Tulusơ. Báo lên tiếng phản kháng dữ dội chống tịch thu, trong bài « Tư tưởng bị cầm tù »:

> Thời hoàng đế Tiberơ người ta không trừng phạt tư tưởng: *Nemo cogitationis poenam in foro patitur.*
>
> Thế mà ngày nay, dưới sự bảo hộ của chính phủ Đệ tam Cộng hòa, các nhà in hầu như trở thành những nấm mồ chôn Sự Thật. Chẳng

> thế mà vừa ló mặt ra với đời, hơn bốn ngàn ấn bản của tờ *Tái Sinh* bị thủ tiêu, bị ám sát.
>
> Những cung cách đó không còn làm chúng tôi ngạc nhiên nữa. Những nguyên tắc cộng hòa và dân chủ không phải đặt ra cho chúng tôi được hưởng, chúng tôi những kẻ khốn cùng ở thuộc địa. Vả lại, chính phủ Pháp chỉ làm cái việc mà họ phải làm, đó là: một uy quyền nảy sinh từ võ lực liệu có thể duy trì được không nếu như không độc đoán? Tại sao chúng tôi lại phàn nàn? Chúng tôi xứng đáng với số phận kẻ tùng phục. Chính Cơlêmănsô đã nói thẳng với chúng tôi rằng: « Không có công lý, không có tổ quốc, không có tự do đối với những kẻ nhẫn nhục, những kẻ cứ chịu mãi mãi phục tùng ». Vậy từ nay chúng tôi không còn gì ngân ngại nữa trên bước đường chúng tôi theo đuổi.

Trong thời gian ra đời ngắn ngủi, tờ báo đã đăng bản báo cáo của Đơlamarơ, viên thanh tra có khuynh hướng nhăn văn, được phó trách nhiệm điều tra sở cao su Mimôt tháng 3 năm 1928, vạch trần cảnh sống phu phen cao su dưới chế độ nô lệ sát nhân ở đó (xem phụ chú 38). Tờ báo đã thử đưa ra những bài lý luận về tiến hóa xã hội và các phong trào cách mạng, đôi chỗ có dùng đến từ ngữ của Kac Mac, nhưng hầu như không minh giải chút nào theo duy vật lịch sử quan, xáo trộn tư tưởng đấu tranh giai cấp vào tư tưởng quốc gia như đã thấy trong tập chương trình phát ra hôm tháng tư:

> Nếu người ta quan sát cẩn thận một sự biến đổi nào đó thì người ta sẽ thấy trong quá trình ấy có hai sự việc kế tiếp nhau, mà sự việc thứ hai là kết quả tất yếu của sự việc thứ nhất. Trước hết là một sự biến đổi từ từ về những ý tưởng, về nhu cầu, về những phương tiện hành động trong nội bộ một xã hội. Đến một lúc sự biến đổi tiến tới mức cao rồi phát hiện trong mọi sự việc, lúc ấy xã hội đột ngột khủng hoảng một cách quyết liệt, đó là cách mạng. Vậy cách mạng chỉ là sự biểu hiện đột ngột của một quá trình thay đổi đã được chuẩn bị từ rất lâu và không thể tránh khỏi. Ở An Nam hai giai cấp đứng lên chống chọi nhau, có một đặc điểm là không cùng chung một chủng tộc. Và cuộc đấu tranh giai cấp, đặc tính mọi cuộc nội chiến, đối với chúng ta lại trở thành cuộc đấu tranh chủng tộc. Tại xứ An Nam, cái giai cấp được hưởng những đặc quyền bất công, cái giai cấp mà cách mạng phải đánh đổ, đồng thời cũng chính là kẻ thù chủng tộc của chúng ta, kẻ đã chiến thắng, thống trị và bóc lột chúng ta.

Tờ báo không chủ trương như Kac Mac, cho rằng mọi triết thuyết chỉ đưa ra những giải pháp hư ảo đối với các vấn đề của loài người nếu các điều kiện kinh tế chưa hiệp hội đầy đủ. Tờ báo chỉ ra rằng đạo đức cổ đại là nguyên động lực của một hành động cách mạng có khả năng không những đạt được nền độc lập mà còn xây dựng được một xã hội công bằng và đoàn kết lâu dài.

Đồng thời tờ báo cũng lên tiếng chỉ trích những người theo đảng lập hiến, không những chỉ vì họ tin tưởng ngoan cố rằng có thể hợp tác với chủ nghĩa thực dân, « một hành động thô bạo và vạn ác », mà còn chỉ trích họ là đã toan tính làm cho đồng bào hãi sợ, họ « phơ phất cái bóng ma nội chiến ». Mạnh hơn nữa, tờ báo còn thóa mạ lòng ích kỷ của bọn lập hiến vì đối với họ lợi tư của họ là trọng hơn nền độc lập. Một đảng viên lập hiến phải chăng đã từng trắng trợn tuyên bố trong một cuộc phỏng vấn của tờ *Trung lập* (L'Impartial), được đăng lại trong tờ *Tái sinh* số 3 như sau:

> Trong giới thượng lưu An Nam, chúng tôi mọi người đều có những quyền lợi, tài sản và chắc các ông cũng biết rằng chúng tôi không có ngu ngốc đến nỗi bỏ liều quyền lợi và tài sản của mình trong một cuộc đảo lộn chính trị.

Nhóm Cộng sản An Nam: Lao Nông
(1928 - 1930)

Đệ tam Quốc tế lúc này đã đến đâu?

Vào tháng 10 năm 1917, những người Bônsơvic đã hy vọng « báo hiệu một cuộc cách mạng vô sản ở phương Tây », cuộc cách mạng mà Kac Mac đã dự kiến coi như một điều kiện để nước Nga có thể tiến đến chủ nghĩa cộng sản [39], mà họ không cần phải chờ đến khi những sinh sản lực trong xứ của họ phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa của giai cấp tư sản.

Nhưng cuộc toan mưu cách mạng vô sản đầu tiên trong một nước công nghiệp hóa như nước Đức năm 1918 đã bị thất bại. Kac Liebknec và Rôsa Luxâmbua, hai nhà lý luận của cuộc cách mạng ấy sẽ bị ám sát ngày 15 tháng giêng năm 1919 và các Hội đồng công nhân (Conseils ouvriers) mọc lên từ tháng 11 năm 1918 đã bị đặc quân của Nôskơ tàn sát. Nôskơ là thủ lĩnh đảng dân chủ xã hội, rồi cuộc Cách mạng Đức phải dừng lại ở giai đoạn cộng hòa cải lương.

Tại Môskơva, ngày 4 tháng 3 năm 1919, « Đại hội quốc tế các đảng vô sản cách mạng » do đảng Bônsêvic triệu tập, Đại hội tuyên bố thành lập Quốc tế Cộng sản, nhằm tập hợp lực lượng công nhân để thanh toán chế độ

nô dịch tư bản chủ nghĩa trên toàn thế giới. Trong thư mời, do Trôtski viết, có kêu gọi hướng chung tiến tới một nền « dân chủ vô sản », tiến tới « chính quyền của các hội đồng thợ thuyền hay những tổ chức công nhân », nói cách khác, là gây dựng chính thể mà Kac Mac gọi là « vô sản chuyên chính ».

Mặc dầu cách mạng thợ thuyền Đức 1918 thất bại và phong trào công nhân thế giới suy thoái, tinh thần lạc quan về cách mạng không diệt vong liền theo đó, vả lại Hồng quân do Trôtski lãnh đạo lần lượt giải phóng những đất đai bị quân binh của Yuđênich, Đênikin, Kôlơsac, Kotnilôp... chiếm đóng. Trong diễn văn khai mạc Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ hai, ngày 17 tháng 7 năm 1920, Lênin tỏ niềm trông cậy mới vào « các quần chúng bị áp bức trong các thuộc địa và ở phương Đông », và tỏ hy vọng mới cho họ. « Một trong các nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta bây giờ là đặt ngay một viên đá đầu tiên của phong trào Sôviêt trong các xứ không phải là xứ tư bản. Những Sôviêt có thể thành lập ở đây sẽ không phải Sôviêt công nhân mà là những Sôviêt nông dân » [40]. Mặc dù Hồng quân đang lâm nguy trước vành đai Vacsôvi, Lênin vẫn kết luận bằng lời công bố niềm tin tưởng này:

> Nếu các đồng chí chúng ta ở tất cả các xứ hiện nay đều có thể giúp đỡ chúng ta, thì không có gì có thể ngăn cản chúng ta hoàn thành sự nghiệp của chúng ta, là thực hiện cách mạng vô sản toàn thế giới, là xây dựng nền Cộng hòa Sôviêt thế giới.

Tuy nhiên, giai cấp vô sản ở các nước công nghiệp hóa không nổi dậy hoặc bị thất bại. Sự chuyển hướng về chính trị bắt đầu và ngay từ trước khi Lênin mất, vào tháng giêng năm 1924, Stalin đã dựa trên một giả tưởng mà ông sẽ xây dựng thành học thuyết, đó là « xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một xứ riêng biệt ». Triệt tiêu dần dần mọi xu hướng đối lập, Stalin ra sức làm biến đổi nhanh chóng Nhà nước cách mạng Sôviêt thành Nhà nước quan liêu của Đảng. Từ đó là sự tăng cường bóc lột công nhân và nông dân, cái nguồn tích lũy nguyên thủy của chủ nghĩa tư bản nhà nước, một chế độ thống trị và nô dịch trong đó những quyền lực về kinh tế và chính trị tuyệt đối thuộc về bộ máy quan liêu – giai cấp hoặc đẳng cấp xã hội mới này – đã thay thế cho giai cấp tư sản và địa chủ truyền thống.

Lúc bấy giờ không còn nói đến vấn đề cách mạng vô sản ở các nước công nghiệp hóa nữa. Người ta kích động những phong trào nổi dậy trong các nước thuộc địa và bán thuộc địa nhằm làm giảm bớt vòng vây đe dọa của chủ nghĩa đế quốc bằng cách gây rối các cường quốc. Đệ tam Quốc tế từ đó phụ thuộc vào quyền lợi của đẳng cấp thơ lại quan liêu, tục gọi là Sôviêt.

Vì vậy ở Trung Hoa, Môskơva đã ủng hộ và vũ trang độc nhất cho quân đội tư sản của Quốc dân đảng, chỉ thị cho đảng Cộng sản Trung Quốc buộc phải nhập khối vào Quốc dân đảng, nghĩa là biến thành bộ phận phụ thuộc của đảng này. Lãnh tụ sáng suốt nhất của đảng Cộng sản Trung hoa là Trần Độc Tú, bị Stalin giận dữ và trấn áp khi người đòi hỏi quyền độc lập và võ trang cho đảng mình, một điều kiện sống còn đối với cuộc cách mạng ruộng đất và phong trào công nhân. Chính với vũ khí Nga mà Tưởng Giới Thạch đã tàn sát công nhân và đảng viên Cộng sản ở Thượng Hải và Quảng Châu vào tháng 4 và tháng chạp năm 1927.

Năm 1928, tại Đại hội thứ sáu Quốc tế Cộng sản, Bukharin buộc Đảng Cộng sản Trung Quốc phải chịu trách nhiệm về những sai lầm của Stalin. Thế rồi Tổng bí thư Stalin phải chấn chỉnh lại sách lược của mình áp dụng ở Á Châu, không phân tích và cũng chẳng sám hối. Từ đó Môskơva dứt ủng hộ các đảng quốc gia ở các nước thuộc địa, và chỉ còn dự kiến việc đào tạo hoặc củng cố các đảng tôi tớ, các đảng gọi là cộng sản.

Một hậu quả tất nhiên là phân bộ thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp ly khai với đảng Việt Nam Độc lập.

Người thanh niên lưu vong Nguyễn Văn Tạo (sau này là Bộ trưởng Lao động của chính phủ Hồ Chí Minh) bí mật đến Pháp vào tháng 5 năm 1926. Chẳng bao lâu anh là đảng viên đảng Cộng sản Pháp, làm thường vụ có ăn lương. Vào tháng mà đảng Việt Nam Độc lập công bố tập chương trình, anh đã tập hợp vào tháng 4 năm 1928, một nhóm nhỏ gồm những người theo chủ nghĩa quốc gia như Hoàng Quang Giụ, hai thủy thủ ở cảng Lơ Havơrơ, bốn chiến sĩ ở Macxâydơ và môt người cháu của Nguyễn Thế Truyền là Nguyễn Thế Vinh vừa học xong một năm tại trường Đại học Lao động Đông Phương ở Môskơva. Họ phát hành tờ báo mới ra hàng tháng *Lao Nông*, số 1 bí mật ra mắt vào tháng 6. Tờ báo này, chủ yếu dành cho lớp người lao động chân tay, bước đầu hướng dẫn họ theo ABC ngôn ngữ cộng sản, trong đó tuyên bố như sau:

> Mục đích của chúng ta là giành lấy độc lập để lật đổ chủ nghĩa tư bản. Khi cách mạng thành công, đảng của công nhân và nông dân[41] phải nắm lấy chính quyền.

Nguyễn Văn Tạo được cử đi dự Đại hội thứ sáu Quốc tế Cộng sản, không lên tiếng phê phán gì về sách lược Stalin-Bukharin ở Trung Quốc. Anh chỉ an lòng đề đạt nguyện vọng làm cho Moskơva lưu ý đến việc thành lập một đảng cộng sản ở Đông Dương.

Vụ Café Tuyêtkêtti

Một cuộc ấu đả diễn ra tại tiệm café Tuyêtkêtti (84 đại lộ Sen Giecme, Paris 6e) ngày 9 tháng giêng năm 1929 đã làm lộ rõ sự chia rẽ giữa đảng Cộng sản Pháp liên minh với Nhóm Lao Nông và đảng Việt Nam Độc lập. Nhân cuộc họp của nhóm Thanh niên ái quốc của Tettingiê, đại biểu của đảng VNĐL tới đó để phản đối môt người tên là Đỗ Đình Thạch đã nói tới « công ơn khai hóa » của thực dân Pháp. Cuộc họp biến thành cuộc ấu đả. Đỗ Đình Thạch và hai «Thanh niên ái quốc » bị thương. Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương và hai đồng chí công nhân của họ bị dẫn tới bót cảnh sát phố La Huysêttơ, hai hôm sau được thả ra. Chiều 10, trụ sở của đảng VNĐL bị lục soát, bàn ghế bị đập gẫy. Ngày 11, tờ *Nhân Đạo* (L'Humanité) cơ quan của đảng Cộng sản Pháp tường thuật vụ trên một cách sai lạc tới mức dối trá:

> Mọi người đều nhận thấy rõ ràng, các lãnh tụ của Đảng gọi là Việt Nam Độc lập đều vắng mặt một cách thận trọng, một đảng đã bốn lần thay đổi chương trình, nay họ cũng không dám đến phản đối những đồng bào phản bội sự nghiệp độc lập của Đông Dương.

Ba tờ truyền đơn – Hỡi đồng bào! Gian xảo hay khiêu khích? Sự thật cứ tiến – chỉ rõ rằng phía bị đả kích đã phản ứng. Tại sao đảng Cộng sản Phap muốn chia rẽ sinh viên và vô sản An Nam, tại sao họ không phản đối việc bắt bớ và lục soát, tại sao họ tung ra cái tin vu khống rằng các « lãnh tụ vắng mặt »? Tạ Thu Thâu đã dùng ngòi bút của mình mà nguyền rủa « những kẻ ăn lương của phân ban thuộc địa trong đảng Cộng sản Pháp », đã quyết định khai tử đảng VNĐL, nguyền rủa « những chỉ dụ kiểu Nga Hoàng » (ukases), « đế quốc Đỏ », « cái mặt nạ mới của Châu Âu ». gần như một tiếng kêu tuyệt vọng chống lại bọn An Nam làm « cách mạng chuyên nghiệp » để tìm địa vị.

Sự phẫn uất ban đầu đã êm dịu, tờ *Tái sinh* số 3 không muốn gây thêm chuyện, họ chỉ ra lời cải chính như sau:

> Những người tới dự cuộc họp đó hẳn đã chú ý là các chiến sĩ của đảng VNĐL có mặt ở đó, nhưng người ta có thể từ lời dối trá của báo *Nhân Đạo* mà kết luận rằng đảng Cộng sản Pháp đã làm như vậy để lùa vào cái bẫy phát xít những người cách mạng An Nam nào không được Đệ tam Quốc tế công nhận? Qủa thực chúng ta phải công nhận là trong các vụ bê bối ở thuộc địa và trong sự việc mà chúng ta quan tâm, chỉ có tả phái và đặc biệt đảng xã hội và cộng sản đã cố gắng bảo vệ chúng ta.

«*Xứ An Nam không phải là một bộ phận nước Pháp* »

Ngày 21 tháng 3 năm 1929, tòa án dân sự ở Paris tuyên bố giải tán đảng VNĐL, với tội danh là « chia rẽ nước Pháp ».

Trước tòa án, Tạ Thu Thâu ó lên:

> Làm sao người ta có thể nói rằng nước An Nam là một phần của nước Pháp, khi mà An Nam có lịch sử từ bốn ngàn năm nay và chính người Pháp đã dùng quân lực để chia rẽ nước Nam.

Lúc đó Phan Văn Trường đang ở Paris, ông tiếp xúc Tạ Thu Thâu cùng các bạn với thái độ một người đàn anh hiểu đời giàu kinh nghiệm đấu tranh. Ông khuyên không nên phục hồi đãng VNĐL, có thể vì đã lổi thời, và nên xem xét cẩn thận những vấn đề khó khăn về chính trị, và lại đi tìm tiếp xúc mới trong cánh tả Pháp. Sau đó Nhóm Xuất dương Đông Dương (Groupe des Emigrés Indochinois), một tổ chức khiêm tốn hơn, thay thế đảng VNĐL. Nhóm nầy tập họp Ta Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương, Phan Văn Chánh, Lê Bá Cang, Hồ Văn Ngà, Ngô Quang Huy và những người trung thành của đảng đã giải tán, còn những người khác như Hoàng Quang Giụ họ nhập nhóm Lao Nông

Tháng 7 năm 1929, Thâu bí mật sang Fơrănfo ở Đức để dự Đại hội của Liên minh chống đế quốc chủ nghĩa, nhóm lần thứ hai. Anh tỏ lòng khâm phục thanh niên Đức đầy « nhiệt tình và hoạt động hăn hái » (trích thư gửi Trịnh Hưng Ngẫu do mật thám giữ lại). Anh không dè bốn năm sau, thể hệ thanh niên ấy lại không ngăn Hitler lên chính quyền, nếu như họ không đóng góp vào lực lượng fát xít?

Tạ Thu Thâu cùng các bạn bắt đầu tiếp xúc những người ly khai đảng Cộng sản Pháp, như Rôsmer,[42] nhóm *Ngược Giòng* (Contre le Courant) của Môrixơ Paz,[43] rồi họ tiến về xu hướng cộng sản phê phán. Họ đã đoạn tuyệt với « thành kiến về chủng tộc » và thứ chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi của họ. Trong tầm con mắt những thanh niên theo chủ nghĩa quốc gia, sự « đối kháng chủng tộc » che mờ đối kháng giai cấp. Phải thoát khỏi thành kiến ấy, nhiệm vụ của ta là làm nảy sinh một thế giới mới. Rôsmer sẵn dành cho họ những cột trong báo *Sự thật* (La Vérité) để họ có thể tự do phát biểu. Trong những số báo từ ngày 1 tháng 5 tới 13 tháng 6 năm 1930, Tạ Thu Thâu viết rỏ về sự chuyển biến đó:

> Trong các thuộc địa, người thanh niên phiến loạn không khỏi trải qua giai đoạn quốc gia chủ nghĩa. Những người cấp tiến hơn thì nói đến đế quốc chủ nghĩa, nhưng không vượt khỏi giai đoạn không tưởng, đặc gồm những danh từ trừu tượng như công lý, tự do, bình

> đẳng, quyền dân tộc tự quyết. Những kẻ nói phải được độc lập tức thời, họ chỉ có một khái niệm máy móc và hình thức về cuộc tranh đấu. Họ tưởng tượng cuộc cách mạng giống như cuộc bạo động của một nhóm âm mưu ít nhiều anh dũng, ít nhiều tài năng khéo léo. Chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa Gănđi (bất bạo động, bất hợp tác, bất tuân luật lệ) tất cả đều không giải quyết được vấn đề thuộc địa. Giai cấp tư sản thế giới liên hệ chặc chẽ nhau trên trường quốc tế, giai cấp tư sản bản xứ bất lực từ lúc nảy sinh, thế nên ở Đông Dương, tranh đấu giành độc lập là sứ mạng của quần chúng vô tài sản. Chỉ có quần chúng đồng nhất, về mặt xã hội là kẻ thù đế quốc chủ nghĩa, họ đứng lên hành động có tổ chức, mới có năng lực lật đổ đế quốc. Phải nhập một vấn đề độc lập với vấn đề cách mạng vô sản theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Tạ Thu Thâu và các bạn vẫn trung thành với chủ nghĩa quốc tế cách mạng, liên minh toàn thể nô lệ của tư bản khắp thế giới, cho đến ngày anh và các bạn bị « thủ tiêu về chính trị » (Hồ Chí Minh nói vậy), nói đúng hơn, cho đến khi đảng viên của Hồ Chí Minh ám sát họ năm 1945...

IV
Phong trào quốc gia bí mật ở trong nước thời kỳ này

Được thừa hưởng cả một truyền thống đấu tranh chống thống trị thực dân, những phong trào này, cũng như những phong trào trước đó, là sự nghiệp của tầng lớp trí thức thuộc giai cấp trung lưu. Đối trước sức đàn áp dữ dội, những nhóm cách mạng này chỉ có thể nảy sinh và phát triển hoàn toàn bí mật. Cuộc chiến đấu của họ cũng không thể tách khỏi con đường cũ, như là âm mưu, mưu đồ quân sự, hành động khủng bố. Những thanh niên thức tỉnh cảm thấy mình như bị nhốt trong một khám tù mênh rộng

> Trong đó niềm hy vọng, như một chim giơi,
> Đập đôi cánh rụt rè trong bốn bức tường
> Rồi chạm đầu vào những trần nhà mục nát.
>
> (*Baudelaire)*

Những thanh niên không ra nước ngoài sẽ tham gia vào các tổ chức quốc gia bí mật lần lượt được thành lập từ Nam chí Bắc trong khoảng thời gian từ 1925 đến 1928:

Tân Việt Cách mạng đảng, hay Tân Việt (1925-1929)

Hội kín Nguyễn An Ninh (1928-1929)

Việt Nam Quốc dân đảng, viết tắt là VNQDĐ (1927-1930)

Thanh Niên Cách mạng Đồng chí Hội, hay Thanh Niên (1925-1930), sẽ biến thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

Quan điểm chung của các tổ chức trên là chuẩn bị chiến đấu vũ trang để giành độc lập quốc gia. Một kỷ luật sắt chế ngự trong Thanh Niên và trong

VNQDĐ: đảng viên phải giữ bí mật tuyệt đối về công việc của đảng, và không bao giờ được lộ ra cho cả cha mẹ mình, bạn bè và những người quen biết của mình, nếu không sẽ bị tử hình, đó là điều lệ của Thanh Niên. Đó chính là một thế giới âm u và im lặng.

Đảng Tân Việt

Đảng Tân Việt khởi đầu lấy tên Phục Việt, do các trí sĩ bị lưu đày tại ngục Côn Nôn thể hội từ năm 1917, những trí sĩ đồng như Phan Chu Trinh ra đây sau những cuộc nông dân biểu tình năm 1908 tại Trung Kỳ [44]. Những người trung kiên tập hợp quanh Lê Huân, trong đó có ba người là Trần Hoành, Tú Kiên và Phạm Cao Đại đã vượt ngục nhằm liên lạc với những người cùng hội của Phan Bội Châu, chủ yếu ở Trung Quốc. Họ vào được đất liền sau đó một người bị bắt ở Sài Gòn vào tháng 9, hai người kia vào tháng 2 năm 1918 ở Thượng Hải, tất cả đều bị đưa trở lại Côn Nôn. Như vậy lần đầu họ mưu toan tập hợp bị thất bại.

Bẩy năm sau, ngày 14 tháng 7 năm 1925, các nhà cách mạng ra khỏi nhà tù gặp nhau ở Vinh. Nhiều thanh niên ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ như Tôn Quang Phiệt, Trần Phú, Ngô Đức Trì, Hà Huy Tập... đến tăng cường lực lượng cho nhóm « đàn cựu » của Lê Huân. Họ tổ chức những lớp học người lớn cho các công nhân nhà máy ở Vinh, rồi Hà Huy Tập nhanh chóng gây được cảm tình và được họ tin cậy. Vào tháng 11 năm 1925, Phục Việt tung truyền đơn đòi thả Phan Bội Châu. Đối với một đảng bí mật và sự bí mật tuyệt đối là điều kiện sống còn, thì đây là một hành động sai lầm. Do đó nhà giáo Trần Mộng Bạch đề nghị đổi tên Phục Việt thành một cái tên khác vô hại để che mắt dễ dàng hơn, đó là Hưng Nam, một hội có nhiệm vụ chính thức là chuẩn bị « cuộc cách mạng hòa bình » bằng con đường giáo dục miễn phí nhằm chống « mê tín và tệ nạn », và phát triển kinh tế.

Đồng thời với Phục Việt, ở Quảng Châu Nguyễn Ái Quốc tổ chứcThanh Niên vào tháng 6 năm 1925. Hưng Nam cho rằng có thể liên minh với Thanh Niên và sẵn sàng hợp tác các hoạt động với « đảng ở ngoài nước » này. Hưng Nam lấy tên bí mật là Tân Việt Cách mạng Đảng và gửi thanh niên sang Quảng Châu để huấn luyện. Phần lớn những thanh niên này thọ giáo xong lại gia nhập tổ chức Thanh Niên, một tổ chức được Quốc tế Cộng sản tài trợ và được đảng Cộng sản Trung Quốc ủng hộ, có một hệ thống tư tưởng và cấu trúc theo kiểu mẫu bônsôvic.

Trần Phú, được cử sang thương lượng việc hợp nhất hai tổ chức lại gia nhập Thanh Niên và thề trung thành đến cùng. Nguyễn Ái Quốc đưa Trần Phú đi học trường Đại học Lao động Đông Phương ở Môskova. Tuy vậy họ không bỏ qua ý tưởng hợp nhất. Cả hai tổ chức đều cử đại biểu đến Quảng

Châu thảo luận thủ tục thành lập chung một đảng. Các đại biểu về nước mang theo tập Đường Cách mệnh của Nguyễn Ái Quốc mà đảng Thanh Niên coi như cơ sở chính trị của việc hợp nhất lúc đó, nếu có thể. Trong những năm 1927-1928 nhiều cuộc thương thảo đôi lúc cũng tiến bước, song không đi đến kết quả. Đồng lược bên này tận lực thu hút đảng viên bên kia. Hai bên không thỏa thuận được về cả phương diện học thuyết, nghĩa là hoặc theo chủ nghĩa quốc gia đơn thuần hoặc có mầu sắc bônsơvic. Cũng như về cả phương diện cách thức hợp nhất (Tân Việt đề nghị hợp nhất hai tổ chức một cách bình đẳng, Thanh Niên đề ra việc kết nạp từng cá nhân đảng viên Tân Việt sau khi giải tán đảng này). Thanh Niên phê phán gay gắt « ý thức giai cấp » của các lãnh tụ Tân Việt - được gán cho là ý thức tư sản - lại càng làm cho việc dàn xếp khó khăn.

Năm 1928, Tân Việt gồm 42 chi bộ, mỗi chi bộ có từ 3 đến 5 đảng viên, trong đó 30 chi bộ ở Trung Kỳ, 7 ở Nam Kỳ, 5 ở Bắc Kỳ. Lúc này đảng hướng cuộc vận động vào Nam Kỳ, nơi mà ảnh hưởng của phong trào Nguyễn An Ninh khởi đầu phát triển sâu rộng trong vùng nông thôn. Ban chấp hành trung ương nhóm họp tại núi Thuận Nhan vào tháng 2, cử Tú Kiên và Hà Huy Tập tìm cách bước đầu thương thảo việc liên minh với phong trào trên. Nhưng đề nghị đó không đặt được kết quả khi Nguyễn An Ninh bị bắt vào tháng 10.

Trong lúc đó Tân Việt bắt đầu bị đàn áp. Những người sáng lập ở Vinh, Trần Mộng Bạch và các đồng chí, bị đày lên vùng Tây Nguyên. Đào Duy Anh, một đại biểu mới gia nhập đảng Tân Việt, được giao phó chức vụ bí thư Xứ ủy Trung Kỳ. Vào cuối tháng 6, ông triệu tập xứ ủy tại nhà riêng ở Huế để thảo luận về việc thay đổi bộ mặt bên ngoài của đảng vì từ nay sở mật thám rất quan tâm đến đảng. Tân Việt đề ra một chương trình thành lập một khối đoàn kết quốc gia, chương trình cho thấy rõ xu hướng tách khỏi Thanh Niên, và được chứng tỏ rõ ràng qua lời khai của Đào Duy Anh viết lúc ông bị bắt:

> Đảng chúng tôi không thể dựa trên một giai cấp duy nhất: không dựa vào giai cấp công nhân còn quá ít ỏi; cũng không dựa vào giai cấp nông dân là một khối không đồng nhất, bảo thủ và phân tán đối với phong trào của chúng tôi; cũng không dựa vào giai cấp tư sản mà quyền lợi thường đối lập với quyền lợi của cách mạng; cũng không dựa vào giai cấp tiểu tư sản không có lực lượng và không thống nhất. Chúng tôi phải tuyển lựa vào đảng những phần tử tiến bộ của mọi giai cấp xã hội. Chúng tôi tránh mọi ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản, đường lối chính trị của chúng tôi hoàn toàn là quốc gia chủ nghĩa.

Khuynh hướng xã hội chủ nghĩa của Tân Việt còn mơ hồ nhưng có thực. Điều này được xác định qua lời khai của những người do Ủy ban Motsê chất vấn (Motsê, tên quan tòa điều tra những sự biến đẫm máu ở Trung Kỳ 1930-1931)[45]. Đặc biệt là lời khai của hai nhà giáo Ngô Đức Diên và Hoàng Đức Thi, bị kết án 7 năm tù chỉ vì tham gia Tân Việt và bị khám thấy trong nhà có lưu giữ tờ *Người Cùng khổ* (Le Paria) và tờ *Việt Nam Hồn* (L'Âme annamite) từ Paris bí mật gửi về:

> Chúng tôi không có ý định vận động quần chúng, mà chỉ vận động những người có học. Tân Việt là một đảng của trí thức. Đảng này được thành lập nhằm xây dựng một nền cộng hòa xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa cộng sản là một học thuyết lý tưởng đơn thuần và không áp dụng vào được thực tế [của đất nước]. Chúng tôi mong muốn xây dựng một nền cộng hòa xã hội chủ nghĩa.

Đến tháng chạp năm 1928 Tân Việt bị đàn áp ở Nam Kỳ. Sau vụ ám sát ở phố Bacbiê (xem phần dưới) mật thám tổng ruồng bố tiếp liền làm tan vỡ Xứ ủy: Nguyễn Duy Trinh 20 tuổi, và Đào Xuân Mai, 27 tuổi, bị bắt. Trần Ngọc Danh, Phan Đăng Lưu và một số người khác trốn sang Môskơva hoặc sang Trung Quốc; sau này lại thấy họ ở trong Đảng Cộng sản Đông Dương. Còn hai đại biểu cử đi công tác thì Tú Kiên bị bắt, còn Hà Huy Tập thoát được, sau đó sang Môskơva.

Hai người trong Xứ ủy bị kết án người thì 10 năm tù, người thì 18 tháng. Tú Kiên bị 5 năm tù treo, bị giải về làng ông ở Trung Kỳ và quản thúc ở đó. Đến chặng dừng chân tại nhà tù Vũng Tàu (Cap Saint-Jacques), con người đấu tranh không mệt mỏi này - đã bao lần thất bại - Tú Kiên bị giam cùng với những kẻ thất bại khác, những nạn nhân khốn cùng nhất của chế độ thực dân: những phu đồn điền cao su Nam Kỳ trốn ra khỏi cái địa ngục đó nhưng bị bắt.

Cuộc tổng ruồng bố tháng 7 năm 1929 ở Trung Kỳ quyết liệt phá tan Tân Việt. Lê Huân bị chết trong tù, Đào Duy Anh bị giam một năm. Rồi trong khi Thanh Niên bị phân liệt thành hai đảng cộng sản cạnh tranh nhau, thì một nhóm Tân Việt còn sót lại đề ra việc thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn, đối lập với đường lối xây dựng khối quốc gia chủ nghĩa. Dự định này bị phá vỡ từ trong trứng: 8 đại biểu - 2 ở Nam Kỳ, 5 ở Trung Kỳ, và 1 ở Bắc Kỳ - tập hợp tại Huế bị bắt ngày 1 tháng giêng năm 1930. Sau hai tháng giam giữ họ bị kết án: 1 người bị 3 năm tù, mấy người kia bị quản thúc [46]. Tân Việt ngừng lên tiếng.

Sau khi ra tù, Đào Duy Anh, cựu bí thư đảng Tân Việt bị Đảng Cộng sản Đông Dương qui là chống cộng sản, ông khước từ mọi hoạt động chính trị.

Hội kín Nguyễn An Ninh

Ngày 4 tháng 10 năm 1928, tờ *Đông Pháp Thời báo* đăng « thông cáo của chính phủ » như sau:

> Nguyễn An Ninh trước kia là một nhà làm báo, hồi năm 1926 đã bị án mười tám tháng tù, qua ngày tháng janvier 1927, nhờ ơn của quan Toàn quyền tạm tha cho ra ngoài. Mới bữa 28 septembre vừa rồi, Nguyễn An Ninh diễn thuyết ở gần ga xe lửa Bến Lức, trước mặt lối sáu chục người. Nhơn mấy người lính đến hỏi tụ hội để làm chi, thì Nguyễn An Ninh lại đánh một người lính, đến nỗi phải cho vào nhà thương. Hiện nay quan trên đã có ra lệnh bắt Nguyễn An Ninh, nhưng y đã đi đâu mất. Người ta đương tìm kiếm dữ lắm.

Nguyễn An Ninh từ Pháp trở về nước hồi tháng giêng, sống ở Sài Gòn, một châu thành khuấy động do các tổ chức cách mạng bí mật khai sinh ở miền Bắc tiến nhập: Việt Nam Quốc dân đảng ở Bắc Kỳ, Tân Việt ở Bắc Trung Kỳ, Thanh Niên ở Quảng Châu đang biến Sài Gòn thành nơi tranh giành vai trò giáo dục về chính trị. Nhóm nầy thuyết giảng về chủ nghĩa Tam Dân, nhóm kia giải thich về lịch sử những cuộc cách mạng Pháp, Nga hoặc Trung Hoa. Tất cả đều theo chủ nghĩa quốc gia một cách hăng hái, nhằm vận động chủ yếu là tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, thợ thủ công ở các thành phố. Lĩnh vực kinh tế rất thuận lợi cho việc tuyên truyền của họ: những độc quyền do tư bản Pháp đào tạo ra, như độc quyền thương cảng Sài Gòn, các hầm mỏ ở Trung và Bắc Kỳ bóp nghẹt sáng kiến công nghiệp của người bản xứ.

Trong cảnh êm tịnh bên ngoài, những tổ chức chính đảng sơ khai thành lập ở Sài Gòn, ẩn núp ngụy trang bằng các cửa hàng cửa hiệu (giặt là, cắt tóc, xưởng cơ khí). Lứa thanh niên chịu ảnh hưởng của Ninh thời kỳ « Mùa Xuân Sài Gòn », những học sinh bị đuổi học những năm 1926-1927 dường như biến đâu cả. Tuy nhiên, một số vẫn đi tìm đường một cách bí mật.

Nguyễn An Ninh không quên lời Phan Chu Trinh khuyên Nguyễn Ái Quốc, hãy về sống chen lộn với dân nghèo đói và dốt nát để giúp họ thoát vòng trì trệ, để làm chất men gây mầm đạo lý cách mạng về tình tương thân tương ái và tinh thần trách nhiệm chung trong công cuộc giải phóng chính trị trước mắt và trong việc tổ chức lại đất nước tương lai. Nguyễn An Ninh cho đó là sứ mạng của mình.

Vả lại, tờ *L'Annam* bị cấm và Phan Văn Trường bị kết án, vấn đề tái bản tờ *Chuông Rè* không thể đặt ra được nữa, Ninh liền bán nhà in để giúp Nguyễn Thế Truyền với vợ và các con về Bắc. Sau đó Ninh về quê anh ở

Mỹ Hòa cùng với bố, lúc bấy giờ tàn tật hầu như không làm gì được mà vẫn kiên trì thiết tha với việc phát triển chữ quốc ngữ (ông Nguyễn An Khương đã dịch cuốn tự điển *Khang Hi*, bộ sách nổi tiếng của Trung Quốc).

Ninh bỏ kiểu tóc dài để bù xù, cạo trọc đầu như các nhà sư, mặc bộ bà ba đen như hàng xóm láng giềng. Giống như những nông dân có tín ngưỡng, anh lập một bàn thờ Phật trong nhà, tiêu biểu cho tấm lòng từ bi khấn trong hoàn vũ, và một bàn thờ Quan Công, một anh hùng huyền thoại thời Tam Quốc, con người hiển thánh được nhân dân Trung Quốc thờ phụng trong các ngôi đền dân gian. Thân thế Quan Công tượng trưng đạo đức Khổng Mạnh thống truyền, nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, đời đời không cổ hủ như Phan Chu Trinh đã gợi trong cuộc nói chuyện về đạo lý năm kia.

Khi anh xuất bản quyển *Tôn Giáo*, một số người tưởng anh đã ngã về chủ nghĩa thần bí. Sự hiểu nhầm đến mức nguy hiểm khiến anh giật mình khi anh đến thăm một gia đình nông dân, thấy bên cạnh bàn thờ tổ tiên có một bàn thờ có ảnh của anh đằng sau bát hương. Điều mà anh định trình bày trong cuốn *Tôn Giáo* là một quan niệm khách quan về hiện tượng tôn giáo. Khi anh gợi lại những người ở Pháp, những góa phụ, những người già cô đơn, trở lại với nhà thờ Thiên Chúa sau cuộc thảm sát chiến tranh 1914-1918, anh không phê phán họ... Đối với anh, lòng tin ngưởng của họ chỉ là « tiếng thở dài của kiếp nhân sinh chĩu nặng khổ đau, là linh hồn của một thế giới vô nhân ái » (Kac Mac). Đối với anh, việc đi « tìm một niềm an ủi nơi cõi trời kỳ bí » chỉ là chổ yếu của con người.

Anh cũng viết một vở kịch: *Hai Bà Trưng*, kể lại lịch sử đấu tranh của hai chị em bà Trưng đầu thế kỷ thứ nhất, đánh đuổi được tên tướng Tàu ra khỏi lãnh thổ, nhưng cuối cùng hai bà thất bại. Dường như Ninh tỏ ý chí mình trong lời nói của một bà:

> Từ xưa, những ai theo đuổi một lý tưởng cao thượng bao giờ cũng chịu khổ đau; họ chịu đêu bất hạnh chỉ vì tính cách cao cường của họ.

Anh mang về nhà 5000 ấn bản có đánh số rồi tự mình phát hành để tránh bị lợi dụng như hồi ăm 1926. Thời ấy, thừa lúc anh ngồi tù, có kẻ đoạt những ấn bản *Cao vọng của bọn thanh niên An Nam, Dân Ước* [47] của anh rồi dối rằng bán ra để giúp đỡ vợ con anh.

Cùng Phan Văn Hùm, người bạn và cũng là môn đệ của anh, kém anh hai tuổi, hai người đạp xe đạp khắp các vùng Gia Định, Chợ Lớn, Tây Ninh, tuyên truyền tư tưởng giải phóng. Anh khêu gợi dân cày tập họ thảo luận, cố mở rộng tầm nhìn của họ ra khỏi lũy tre xanh, để biến chuyển lực lượng sản xuất lúa thóc trở thành lực lượng cách mạng. Anh gây liên hệ

cảm tình chặt chẻ và thông đồng ý chí trong các vùng quê xa xôi, mưu đồ vạn sự cùng các bạn như Lê Văn Từ ở Trà Vinh, Mai Văn Ngọc ở Mỹ Tho, ông giáo Giai, ông thanh tra tiểu học Dinh ...

Nông dân tin tưởng anh xem anh như một vị thần bí. Nhiều người cảm thấy mình sẵng sàng theo anh mà không cần biết đích xác là sẻ đi đâu và đi cách nào. Như vậy, năm 1928, trong bóng tối im đìm, Ninh tạo nên một phong trào nông dân tiềm thế, không giống chi với một phong trào có tổ chức và có kỷ luật (theo Lê Văn Thử, *Hội kín Nguyễn An Ninh*). Uy tín của Nguyễn An Ninh làm cho chính quyền thực dân chủ ý. Phải chăng anh ta đang núp sau cái đời sống khổ hạnh và thiên về văn học để ngấm ngầm xây dựng một hội kín kia giống như Thiên Địa Hội, có năng lực lúc nào đó thình lình xúc động nông dân nổi dậy như lửa bừng lên thiêu hủy bộ máy thống trị?

Ngày 28 tháng 5 năm 1928, một bọn côn đồ trong đó có thầy lang Gạo và bạn hắn tên Nghĩa, gây rối vùng Củ Chi (Gia Định) vừa ó lên xưng mình là môn đệ của Nguyễn An Ninh.

Chúng ẩu đả, đập bể chén bát trong một quán cơm ở Tân An Tây, chửi rủa và khêu khích hương chức làng khi các người nầy can thiệp. Cả thảy bị bắt giam. Xét xử tại tòa thẩm phán Sài Gòn, chúng được tha liền sau đó. Ngày 29 tháng 6, tờ *Diễn Đàn Đông Dương* (La Tribune Indochinoise,báo đảng lập hiến), sau khi thuật sơ lược những việc đã xảy ra, lại bàn rằng có thể đây là sở mật thám sử dụng bất chính bọn vô lại để hạ uy tín của Nguyễn An Ninh:

> Trong vùng Hóc Môn và lân cận, có nhiều người tụ họp lại tự xưng là người của Nguyễn An Ninh để đe dọa dân cư ở nông thôn. Chúng tôi nghĩ rằng ông Ninh chắc hoàn toàn xa lạ với những hành động trên vì nó chỉ làm giảm uy tín của ông mà thôi; nhưng điều kỳ lạ nhất trong vụ này là chính quyền dường như ngoảnh mặt làm ngơ trước những việc làm ác hại của kẻ vô lại mắng chửi hương chức làng và đánh đập dân cư.

Chúng ta nhớ rằng báo lập hiến ấy không phải bênh vực một đảng viên, họ lên tiếng che chở một người đã từng phê phán lập trường chính trị của họ trên tờ *Đông Pháp Thời báo* ngày 21 tháng 5.

Bốn tháng sau, chiều ngày 28 tháng 9 năm 1928, ở Bến Lức, Phan Văn Hùm bị lính lưu động gọi lại để xét giấy tờ. Hùm phản đối, bị người cai là Trần Văn Nên đập roi gân bò trên đầu. Hùm chưa kịp đánh trả, Ninh đã vung tay đấm đá cai Nên. Trong đêm tối bọn lính không biết ai là ai đã ra tay, họ cứ dẫn Hùm tới cùm tại nhà hội làng Long Phú. Khi giải tới Tòa án

Sài Gòn, Hùm bị gán tội một cách tưởng tượng, là đã « đánh bị thương nhân viên làm công vụ, làm kẻ ấy không làm việc được một thời gian dài », rồi anh bị tống vào Khám lớn (Maison centrale). Vài hôm sau, khi xuất hiện bản thông cáo của chính phủ, Ninh quyết định theo bên Hùm, anh liền cạo trọc và mặc đồ trắng. Thế là cả hai trở thành phạm nhân PJI (Prévenu Juge d'Instruction - bị giam phòng bồi thẩm), theo dấu ghi số trên thẻ gỗ đeo nơi khuy áo.

Chính đây lại thấy tên Nghĩa và Gạo chường mặt một lần nữa. Lần này chúng bị bắt và bị tố cáo là thuộc hội kín Nguyễn An Ninh. Sở mật thám tra tấn, bỏ đói chúng, bắt một bà mẹ 68 tuổi, một ông bố 60, và thế là chúng phải tố cáo hoang mang. Sở mật thám biến chúng trở thành những kẻ buộc tội.

Dường như mật thám tin rằng có một hội kín Nguyễn An Ninh đang chuẩn bị vũ trang, tuyển mộ theo tập quán uống máu thề thọ tử theo lối các hội kín xưa kia, một kiểu thề chẳng ăn nhập chút nào với con người lý trí Nguyễn An Ninh.[48]

Hàng trăm người bị bắt bớ liên tiếp khoảng tháng 10, tháng 11 và tháng chạp 1928. Trong Khám lớn, gian khám tập trung những người bị giam người ta gọi « khám hội ». Mỗi buổi sáng, hàng trăm vợ con những người bị giam từ bỏ thôn quê làng xóm đến trước cửa ngục từ 3 giờ sáng, chờ đợi được thăm nuôi một người cha hay người con trai của mình. Sau khi thăm nuôi, họ cũng được yên lòng vì giờ đây người bị giam đã dứt bị tra tấn, được chuyển khỏi những xà lim sở Mật thám sang Khám lớn. Một số người chỉ được tha ra sau khi đã bị thương tật nặng nề, như hương trưởng Trần Văn Tiên ở Tân Trụ, còn hương chủ Cang thả về ít lâu thì chết.

Ngày 27 tháng 11, theo báo *Đuốc Nhà Nam*, hơn 160 người bị bắt vì nghi có chân trong Hội kín được thả ra tự do tạm thời. Ngày 13 tháng chạp, tờ *Đông Pháp Thời báo* cho đăng lời công bố của một người tên là Võ Văn Ngân, vô cớ bị bắt giam trong vòng hơn một tháng:

> Lúc tôi mới bị bắt thì còn giam tại bót để tra. Nghĩ lại lúc tra mà bây giờ tôi còn khiếp. Trong khi tra thì chân trói, tay buộc, thôi mặc sức đánh đập, không biết bao nhiêu mà kể, đánh đã rồi hỏi: Vậy chớ mày có vô hội kín Nguyễn An Ninh không? Tôi trả lời không, rồi đánh nữa, đánh mệt rồi nghỉ, nghỉ rồi lại hỏi, hỏi rồi dỗ tôi rằng: Mầy khai đi, nói có vô hội kín Nguyễn An Ninh. Tôi trả lời: nào có biết Nguyễn An Ninh đâu mà khai, dầu có đánh tôi cho lắm tôi cũng không biết việc gì mà khai cho đặng. Thì biểu tôi khai như vậy: Mầy nói lấy kim đâm vô đầu ngón tay, chảy máu ra rồi hòa với rượu

> uống chung với Nguyễn An Ninh, thề thốt với nhau, rồi tao tha mày. Chủ ý tao chỉ cốt bắt Nguyễn An Ninh chớ không cần chi mầy. Tôi nói: Trời đất ơi! Người ta không có mà ông biểu tôi nói có sao đành. Ôi! lúc đó rồi đánh tôi không biết bao nhiêu mà kể cho xiết? Đánh rồi đem vô khám mà nhốt thì tôi nằm trong khám nghĩ rằng: Chánh phủ xưa nay lập cò bót để tra khảo những người gian trá chớ tôi không ngờ cò bót gian trá hơn những người bị tra khảo.

Ngày 14 tháng chạp, Phan Văn Hùm được thả. Lập tức anh viết ngay những ngày bị nếm trải trong ngục, vạch trần cảnh « sầu thành một bức, nhốt lại ngót ngàn người, cách tuyệt cõi đời, cảnh tình thống khốc ». Đến lúc giờ thành sầu vẫn còn là một nơi huyền bí mặc dầu ở tại trung tâm Sài Gòn, bao quanh bằng bốn bức tường cắm đầy mảnh chai và đầu tường có ba vọng gác. Cổng vào nhà ngục này - ở đường Lagơrănđierơ - làm cho những ai đi qua phải lạnh lưng sởn gáy vì cái tượng đầu quỷ Gotgônơ. (theo thần thoại xứ Hy lạp, tóc nữ quỷ là bầy rắn chằng chịt, quỷ nhìn ai người đó hóa đá - N.D.).

Hùm đăng hồi ký này trên báo đều đặn, từ tháng giêng đến tháng 2 năm 1929, văn thể theo lối mới. Độc giả hoan nghênh, trước tác xuất bản thành sách nhan đề *Ngồi tù Khám lớn.* Tiêu đề « Trong ngục thất lòng phải ngấu như tương hoặc phải rắn như đồng » (Nguyễn An Ninh). Lập tức sách bị cấm lưu hành. Trong cuốn sách này, Hùm phản bác rằng không có « Hội kín Nguyễn An Ninh » theo như mật thám đã bịa đặt. Trong đó anh tố cáo những đòn tra tấn dã man và kích động mối xúc cảm lớn trong dư luận. Sự việc đó diễn ra trong hoàn cảnh khủng bố dữ dội suốt từ Nam chí Bắc.

Tháng giêng năm 1929, anh lính tập Lê Văn Lợi lấy trộm hai khẩu liên thanh và bốn khẩu súng ngắn nòng trong trại Ô ma (Camp des Mares), giao cho Hồ Văn Hẹ và Nguyễn Văn Lép (người đã lộ mặt trong cuộc phá khám lớn Sài Gòn năm 1916), cả hai đều có chân trong phong trào « Hội kín Nguyễn An Ninh ». Lê Văn Lợi sẽ bị đưa ra tòa trong vụ án 122 đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1933.

Ngày 22 tháng 3, Phan Văn Kim, 35 tuổi, cải trang làm Hoa kiều, bắn thẩm phán Nađaida tại tòa án Sài Gòn. Khi bị bắt, y khai là bởi vì Nađaida đã phát lệnh quá lạm dụng để bắt ba bốn trăm người An Nam « thuộc hội kín », y còn nói không những là định giết Nađaida, mà còn giết cả chưởng lý Duyxơna và phó chưởng lý Laforicơ.[49]

Ngày 26 tháng 3, báo *Thần Chung* đăng bản báo cáo của viên san đầm Cơrêpen, đề ngày 27 tháng giêng năm 1927, tại Mỹ Tho, dịch ra chữ quốc ngữ. Đấy là một văn kiện chính thức phát lộ những sự tra tấn sử dụng từ lâu

nhưng không bao giờ chính quyền phủ nhận. Viên san đầm khai rằng vì lóng nghe « những tiếng đánh đập trên da thịt người ta và những tiếng kêu la đau đớn », y liền trông thấy trong trại của mình một con người khốn khổ « nằm sấp mặt, tay bị trói quặt ra đằng sau lưng, chân cũng bị trói bằng dây thừng, miệng đầy máu », đang bị hai tên lính kín dùng gậy tre lớn đánh vào hai gan bàn chân. Viên san đầm ra lịnh ngưng hành hạ. Quan chủ tỉnh và viên cò mật thám được báo đã tới tận nơi. Sau khi ra lệnh cởi trói cho nạn nhân, viên cò hứa sẽ sa thải hai thằng bạo ngược.

Trong số dân quê bị bắt một cách ác độc, làm họ phải bỏ công ăn việc làm hằng mùa, rồi bị xô ngã vào cái thế giới phi lý đó, Nguyễn An Ninh gặp được hai người bạn cùng xu hướng chính trị là Võ Công Tồn và Nguyễn Hòa Hiệp. Anh liên lạc với những người tù đã bị mật thám tra tấn mà họ không « thú nhận một cách đột nhiên », và cả những người đã chịu khai nhưng sẽ phản cung khi xử án. Anh gặp một ông thầy thuốc nam, ông nầy xé áo lót treo cổ, để hết bị lính kín ép tố cáo kẻ khác. Có hai người phi thường là Sáu Chiếu, một anh chị 40 tuổi, anh ta đã bị nhiều người tố cáo, và ông hương thân Ngà, kẻ bắt các sòng bạc phải cúng tiền, cả hai sẵn sàng khoe khoang kể lại những chuyện phản kháng của họ như thế nào. Khi người ta tát vào má phải, Chiếu cũng tự tát vào má trái; khi người ta đánh y một loi, y tự loi hai cái mạnh hơn, khi người ta lấy điếu thuốc đang cháy dí vào các ngón chân thì y từ chối không nói rằng Ninh là thủ lĩnh của y, y đòi có người chứng. Y khước từ không ký vào tờ khai viết bằng tiếng Pháp, y chỉ ký sau khi y viết « nó nói láo » bằng chữ quốc ngữ. Những câu chuyện như thế làm cho người bị nhốt trong ngục đỡ buồn. Tinh thần cứng rắn cùng nhu nhược, hài hước cùng chán nản, đó là vũ trụ thu nhỏ trong đám người tập hợp ở « khám hội ». Từ bên ngoài cũng có vài sự việc an ủi. Ninh được biết hàng ngày có nông dân ở Gia Định, Chợ Lớn, Tân An, mặc dù bị khủng bố vẫn ký tên thỉnh nguyện xin ân xá cho mình, và biết rằng một giáo viên ở Bến Lức là Nguyễn Văn Tiếp xin ở tù thế cho Ninh.

Ngày 8 tháng 5 năm 1929 là ngày xử Nguyễn An Ninh. Người dự thính tràn ngập phòng xử. Khi bắt đầu phiên tòa, họ bị đuổi ra ngoài. Lời khai của Ninh thật rõ ràng:

> Nếu như các ông thấy tôi vi phạm pháp luật của chính phủ thì các ông đưa ra những chứng cớ không thể chối cãi được, không còn nghi ngờ gì, và sau đó sẽ kết án tôi như một tội phạm không được miễn giảm. Song, nếu như sau khi đã nghe những lời khai của người này, những lời mớm cung của người khác rồi kết luận tôi là kẻ tội phạm, thì không có công lý, cũng chẳng có chân lý. Tôi thề rằng tôi

> không có chút quan hệ nào đối với 115 người đứng trước mặt các ông; nếu như có một người nào trong số đó phạm tội gì, tôi cũng chẳng hề có dính líu gì. Họ bị bắt, nhiều người đã vơ cả tôi vào trong công việc của họ; nếu tòa tin tưởng vào lời khai của họ mà kết án tôi, thì có phù hợp với công lý hay không? Hội kín theo chiều Thiên Địa Hội ở đất An Nam này bao giờ cũng vẫn có, đó không phải là do sáng kiến của tôi, và tôi đoán chắc với các ông rằng, những hội đó không bao giờ có thể bị tiêu diệt hết được.

Chánh án đáp lại, giọng trắng trợn và phán quyết:

> Trong hội kín của ông, điều lệ rất nghiêm khắc: người ta đã lấy máu ăn thề và kẻ nào làm lộ bí mật của hội sẽ bị tử hình. Ông chối không thú nhận là thủ lĩnh của hội đó để khỏi mất thể diện và không phản bội lời thề độc. Vì vậy, tôi vẫn giữ ý kiến trong cuộc thẩm vấn này.[50]

Án quyết: Nguyễn An Ninh, 3 năm tù, 1000 forăn tiền vạ và 5 năm mất quyền công dân, vì tội lập hội kín; Phan Văn Hùm, 8 tháng tù và 500 forăn tiền vạ; những người khác từ 2 tháng đến 4 năm tù, trong đó 91 người xử án treo.

Ngày 17 tháng 7, 25 người bị án ra trước tòa phúc thẩm xử lại. Trong tòa tràn ngập người. Người Pháp đến cũng nhiều. Ninh đi chân trần, mặc bộ bà ba đen kiểu nông dân An Nam; Hùm mặc âu phục. Những người bị cáo bị hỏi cung từng người một. Ba trong số đó là Gạo, Cội, Nghĩa lại khẳng định một lần nữa là « Hội kín Nguyễn An Ninh » có thực và Ninh đã ra lệnh cho họ phải phủ nhận. Công chúng ngạc nhiên vì tòa lại chọn bọn chúng đóng vai buộc tội. Phóng viên tờ *Đuốc Nhà Nam* ngày 20 tháng 7 gọi người chủ ý ba thằng đó không có nghề nghiệp và đã bị kết án nhiều lần. Ngược lại, những bị cáo trong khi thẩm vấn đã thú nhận là hội viên « hội kín », bấy giờ họ lại khẳng định rằng họ nhận vì họ bị tra tấn.

Ninh lại phản đối một lần nữa việc bị cáo thành lập một hội kín. Nếu những hội như thế có thể thành lập thật thì trong vụ án này người ta chỉ lợi dụng cái tên của anh mà thôi. Nếu tòa án, trong cái lôgic quanh co của mình, lại đem gán tội trọng cho anh mỗi khi có việc gì có gợi tên anh, thì tòa án có thể quy trách nhiệm cho anh về một nhóm lấy tên là « Thanh niên cao vọng đảng ». Họ đã tập hợp nhau dưới danh nghĩa bài diễn thuyết của anh phô ra năm 1923, tựa là *Cao vọng của bọn thanh niên An Nam.*

Sau khi sáu trạng sư người Pháp biện hộ Ninh – trong đó trạng sư Loye là người theo xu hướng xã hội – tòa quyết định y án Nguyễn An Ninh. Thế là Ninh sẽ bị khóa mồm hơn một ngàn ngày. Phan Văn Hùm 4 tháng tù

treo. Gạo và Nghĩa giảm còn 2 năm. Mười chín người khác: từ 3 đến 18 tháng tù. Hai người được tha bổng.

Các ông lập hiến liệu có hối tiếc vì bài báo *Diễn đàn Đông Dương* tháng 6 năm 1928 (biện hộ cho Ninh) hay không? Chỉ biết rằng từ đó họ im tiếng. Diệp Văn Kỳ viết tờ *Thần Chung* ngày 31 tháng 5, đả kích thái độ lẩn tránh của họ và tuyên bố: Chân lý buộc tôi phải nói rằng Nguyễn An Ninh vô tội.

Ninh sau đó bị đưa đi Hà Tiên đập đá sỏi. Nhưng hai ngày sau khi anh tới, chủ tỉnh lo ngại ảnh hưởng của Ninh lan rộng trong tù, liền tống anh trở về Khám lớn Sài Gòn.

Ngày 3 tháng 9 năm 1929, Phan Văn Hùm lên tàu Athos II đi tìm chân trời mới. Anh sống ở Pháp rồi chuyển từ chủ nghĩa quốc gia tiểu tư sản sang chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Trong thời đó, đảng Tân Việt bị xóa tên khỏi lịch sử. Phân bộ Nam Kỳ đảng Thanh Niên tan vỡ. Việt Nam Quốc dân đảng lần đầu bị phá hủy. Chính quyền thực dân chắc tưởng tượng đã thắng các lực lượng phiến loạn phải chăng? Năm 1930 họ sẽ thấy rằng việc đàn áp khủng bố chỉ tạo nên một thế tình êm lặng trước cơn bão tố.

Việt nam quốc dân đảng

Năm 1925 ở Pháp, giữa không khí tương đối tự do, đảng Việt Nam Độc lập thành lập, thì ở Bắc Kỳ, đảng Việt Nam Quốc dân đảng ra đời trong bóng tối. Nhà Xuất bản Nam Đồng Thư Xã gây dựng ở Hà Nội cũng năm 1925, do nhà giáo Phạm Tuấn Tài, làm tấm bình phong tập hợp một số người như Nguyễn Thái Học, sinh viên trường sư phạm Hà Nội, Phó Đức Chính, Nguyễn Thế Nghiệp và Hoàng Phạm Trân bí danh Nhượng Tống. Họ cảm hứng nơi cao vọng Cách mạng Pháp và Quốc dân đảng Trung Hoa, thời kỳ đó đảng nầy đang sôi nổi. Mục đích của Việt Nam Quốc dân đảng trùng với mục đích của đảng Việt Nam Độc lập: xây dựng một nước Cộng hòa tư sản độc lập. Tháng 2 năm 1929, khi VNQDĐ bị phát giác và phá hủy thì đảngVNĐL ở Pháp cũng bị giải tán.

Nếu như VNQDĐ, cũng như VNĐL, không chấp nhận quan điểm đấu tranh giai cấp là nền tảng hành động, họ cũng không phải là ít quan tâm tới vấn đề xã hội. Song song với hoạt động bí mật, chương trình của họ cũng gồm công khai ủng hộ thợ thuyền trong các cuộc đình công và lập những lớp học cho công nhân hết mù chữ. VNQDĐ mở một trường tư giảng dậy bằng chữ quốc ngữ, mở rộng ảnh hưởng đến tầng lớp tiểu tư sản có học và đến cả tầng lớp nông dân đông đảo ở đồng bằng sông Hồng. Mặt khác, họ xuất bản bí mật, in bằng rônêo, những tác phẩm như *Hồn Cách mệnh*, *Tam*

Dân chủ nghĩa [51] và những cuốn khác về Cách mạng Trung Hoa. Họ dự định âm mưu binh biến và khủng bố cá nhân. Để cướp được chính quyền, rồi sau khi đó, họ tin rằng lẽ tất nhiên với thiện chí dân tộc sẽ cải thiện được xã hội An Nam trong hòa bình.

Bấy giờ nhân việc mộ phu đi các đồn điền cao su ở Nam Kỳ, ở Cao Miên, ở Nam Trung Kỳ, ở Tân Calêđôni và Tân Hêbơriđơ, họ gặp cơ hội cổ động dễ dàng. Họ thông tin lan rộng về cuộc sống vô nhân đạo ở các đồn điền cao su, để kêu gọi hàng ngàn phu phen khốn khổ hảy coi chừng bị người dụ dỗ bằng những lời hứa hẹn hão huyền. Thế nên số phu phen tầu chở tới Sài Gòn sụt từ 17606 người năm 1927 còn 7428 người năm 1929. Qua năm 1930 cựu đại úy bộ binh thuộc địa Pôl Mônê, còn đưa vụ buôn người nầy ra tố cáo trong cuốn *Bọn lái buôn người da vàng, câu chuyện thật* (Les Jauniers, histoire vraie), để báo động dư luận Pháp. Trong đó ông bày biện bản tường trình nổi tiếng của Đơlamarơ. Những sự bất công quá bê bối ở Nam Kỳ đã vượt khỏi biên giới. Ngay đến cả một tờ báo khuynh hữu *Bạn dân* (L'Ami du Peuple) – liệu có thể sẽ mất thuộc địa chỉ vì sự tàn ác ngu ngốc của những kẻ cai trị ở đó hay không ? – đã đăng bài của Saclơ Belăn cựu công sứ Pháp ở Đông Dương, viết ngày 14 tháng 9 năm 1928, vạch trần bộ mặt của chính quyền thực dân, qua bản liệt kê những tội ác của chúng ở thuộc địa từ năm 1917. Bài báo công kích khâm sứ Bôđue, một « kẻ bạo ngược » bị kết tội là « tham nhũng, giả dối, ăn hối lộ và sát nhân ẻ, công kích tên công sứ Đaclơ bạo dâm, kẻ tổ chức những đòn tra tấn và những cảnh cùng khốn trong 8 năm ở Bắc Kỳ. Bài báo nhắc lại cuộc nổi dậy ở Thái Nguyên ngày 31 tháng 8 năm 1917, sự căm thù đè nén trong lòng dân chúng, nguyên nhân các vụ bùng nổ.

Thiếu chi biến động sấp xảy ra .

Ngày 7 tháng giêng năm 1929, toàn quyền Paskiê bị ám sát hụt.

Ngày 9 tháng 2, lối 8 giờ tối, Baze, giám đốc văn phòng mộ phu cho các đồn điền cao su, vừa ra khỏi nhà số 110 phố Huế ở Hà Nội, ngã chết dưới ba phát súng lục. Hắn làm một nghề tàn khốc. Phu phen chịu đi phải ký giao kèo trói buộc họ trong những điều kiện vô cùng khắc khổ. Ở các đồn điền điều kiện sinh hoạt và làm việc quá khốc liệt, số người chết 40% hàng năm. Baze lĩnh 10 đồng bạc Đông Dương mỗi đầu phu mộ được.

Ngày hôm sau Lê Văn Sanh bị bắt bởi tình nghi có dúng tay trong vụ này. Anh là một học sinh đã bị theo dõi vì rải truyền đơn chống mộ phu. Mật thám thu được quyển ghi danh sách trong nhà anh, do đó họ túm thêm 221 người có chân trong VNQDĐ hoặc bị tình nghi: 40 lính khố đỏ, 36 giáo viên trường công, 4 giáo viên trường tư, 2 thầy dạy chữ Hán, 36 thư ký hành chính Pháp, 13 nhân viên văn phòng hành chính bản xứ, 10 nhân viên

thư ký thương mại và kỹ nghệ, 4 nhà báo, 39 nhà buôn và thợ thủ công, và 37 người khác gồm dân cày, thày lang, địa chủ.[52] Những nhân vật chủ chốt của đảng còn ngoài vòng.

Ngày 3 tháng 7 năm 1929, tòa đại hình Hà Nội kết án 83 người trong số bị cáo từ 2 năm tù tới 20 năm lưu đày về tội « âm mưu làm cách mạng để thành lập một chính phủ cộng hòa ». (Ta hãy nhớ lại cũng tháng này đảng Tân Việt hoàn toàn bị tiêu diệt trong đợt khủng bố lớn này ở Trung Kỳ).

VNQDĐ hành tội những kẻ phản đảng. Nguyễn Văn Kinh, họ tin chắc chắn nhiều người mới bi bắt trong tuần tháng 8 là tại Kinh. Anh ta bị đâm chết bằng dao găm trên ghế đá vườn Bách thảo Hà Nội đêm 5 rạng ngày 6 tháng 10- 1929

Trước đó, ngày 31 tháng 5, hai phụ nữ trẻ đảng viên đảng Thanh Niên, Thị Nhu và Thị Uyển, bị nghi ngờ định giao nộp Nguyễn Thái Học để cứu lấy người anh bị bắt, đã bị chung số phận trong một đường phố nhỏ ở Hải Phòng.

VNQDĐ sôi sục tuyển mộ đảng viên trong khi lưới mật thám thắt chặt vòng vây. Ngày 20 tháng 11-1929 mật thám phát hiện được một cái chum có chứa 78 quả tạc đạn tại đám ruộng gần trại lính ở Sept pagodes (?). Ngày 23 và 26 tháng chạp, lại thu được 150 quả tạc đạn ở làng Nội Viên và 250 quả ở Thái Hà. bắt sáu người tình nghi chế tạo tạc đạn. Ngày 10 tháng giêng năm 1930, mật thám tìm thấy ở Bắc Ninh những chum chứa đầy truyền đơn cách mạng. Một tháng trước đó, Nguyễn Thái Học, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính, Đoàn Trần Nghiệp, các thủ lĩnh VNQDĐ tập hợp ở Võng La, suýt bị bắt. Họ cảm thấy đúng lúc cần phải nổi lên bạo động.



Chiến sĩ Thanh Niên và sinh viên trường võ bị Hoàng Phố trước mộ Phạm Hồng Thái ngày 19-6-1928.
Hàng trước, Lý Tử Trọng người thứ hai từ bên tả, sẽ bị chém ở Sài Gòn ngày 20-11-1931.

V
Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội mầm móng quốc gia chủ nghĩa của Đảng Cộng sản Đông dương

Chương trước đã nói tới đảng Thanh Niên, gắn với lịch sử thành lậpcác tổ chức chính trị bí mật trong xứ. Bây giờ chúng ta hảy theo dõi từng bước phát triển của tổ chức nầy, từ bản luận văn nhuộm màu bônsơvic trên nền tảng quốc gia chủ nghĩa, cho tới khi chuyển thành đảng cộng sản vào năm 1930.

Trong các nhóm quốc gia chủ nghĩa bí mật chỉ một mình nhóm nầy có trụ sở an toàn ở nước ngoài, do đó tổ chức Thanh Niên không bao giờ bị mất ban chỉ đạo, đã thành công trong việc tạo cơ sở trong nước suốt từ Bắc chí Nam bắt đầu từ năm 1925.

Nguyển Ái Quốc, người sáng lập

Tới Môskơva vào mùa hè năm 1923, Nguyển Ái Quốc hấp thụ được một quá trình huấn luyện rõ ràng theo lối quan liêu hóa, lối mà bộ máy đảng bônsơvic đang tiến triển [53]. Tứ nặm 1922 Stalin đã trở thành tổng bí thư của đảng Bônsơvic, rồi đẳng cấp bí thư trở thành một tầng lớp xã hội mới, ngày càng xa rời ý thức công nhân. Bộ máy nầy đã ăn tiêu phần lớn trong số thu nhập toàn quốc. Lênin từ tháng 11 năm 1922 đã đề nghị Trôtski tổ chức chống lại nguy cơ nầy. Sự phản kháng nầy đã thành việc cụ thể từ tháng mười năm 1923. Trôtski can thiệp gay gắt tại Bộ chính trị, rồi năm 1924, phát hành quyển Giòng nước mới (Cours nouveau).

Đường lối chính trị mà điện Kơremlen đề ra cho Đảng Cộng sản Đức vào năm 1923 bị chỉ định theo quyền lợi quốc gia Nga: cuộc cách mạng ở Đức bị hy sinh để Nga được giao thiệp thân thiện với Strêsơman. Vào mùa xuân, khi Strêsơman hướng làm dịu tình hình giữa Nga và Đức thì điện Kơremlen ra lệnh cho đảng Cộng sản Đức đứng im. Qua tháng 10, khi Strêsơman tiếp cận với nước Anh, điện Kơremlen giục đảng Cộng sản Đức lao vào cuộc bạo động phiêu lưu, nhanh chóng bị tàn sát.

Sau khi Lênin chết năm 1924, đẳng cấp hưởng đặc quyền do Stalin đứng đầu đã chiếm ưu thế rõ rệt đối với những người ủng hộ Trôtski, những người chưa rời bỏ viễn cảnh cách mạng xã hội chủ nghĩa toàn địa cầu. Nếu như vào tháng tư, trong lần xuất bản đầu tiên cuốn Những vấn đề về chủ nghĩa Lênin, Stalin đã trình bày tư tưởng của Lênin như sau: « Đối với thắng lợi cuối cùng của chủ nghĩa xã hội những nỗ lực của một nước duy nhất, nhất là đối với một nước nông dân như nước Nga, là không đủ nữa; phải có nỗ lực của những lực lượng vô sản ở nhiều nước tiên tiến », thì qua tháng 10, trong lần tác phẩm xuất bản thứ nhì (Stalin ra lệnh thu hồi những ấn bản lần thứ nhất), rồi tuyên bố thẳng rằng nước Nga có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội riêng một mình, với điều kiện là xứ Nga phải được ủng hộ chống lại các cường quốc đế quôc tái can thiệp.

Đẳng cấp quan liêu theo Stalin tìm đến « những lực lượng cách mạng sẵn có ngoài lực lượng vô sản, vì vậy đã vượt giai cấp mà bắt tay với Quốc dân đảng » (Trôtski, Quốc tế Cộng sản sau Lênin). Đẳng cấp quan liêu lấy lý do tránh vượt qua các giai đoạn, mà ứng dụng một chính sách thỏa hiệp với giai cấp tư sản quốc gia ở các xứ thuộc địa và bán thuộc địa. Đệ tam Quốc tế đang quan liêu hóa, liền theo chính sách thỏa hiệp ấy, và tự chuyển hóa thành một bộ phận phụ thuộc trợ lực chính sách ngoại giao của Nga, chỉ định các đảng cộng sản đóng vai trò « quân đề phòng biên giới » Liên Sô. Vì thế đảng cộng sản còn trẻ trung ở Trung Hoa được lệnh trở thành một bộ phận phụ trợ Quốc dân đảng, một đảng quốc gia tư sản mà Liên Sô muốn tìm cách biến thành tường lũy chống các đế quốc chủ nghĩa.

Ở đây nên nhắc lại vào tháng 8 năm 1920 Lênin đã từng lưu ý Quốc tế phải đề phòng đối với một sách lược như thế:

> Nhiệm vụ của Quốc tế chính là phải ủng hộ những phong trào cách mạng trong các xứ thuộc địa và những xứ lạc hậu, nhưng không phải vì thế mà xen lẫn vào phong trào đó, ngược lại, phải bảo vệ tính chất độc lập của phong trào vô sản, dù phong trào đó chỉ mới có mầm mống [54].

Khi chưa đến mức thúc giục đảng Cộng sản Trung Hoa phải phụ thuộc

vào Quốc dân đảng, Quốc tế Cộng sản đã tuyên bố ngày 10 tháng giêng năm 1923 rằng cái đảng còn non trẻ này (thành lập năm 1920) không thể mãi xem mình là « một lực lượng hoàn toàn độc lập ». Thế rồi Stalin liền kết giao đặc huệ với Tôn Dật Tiên, người sáng lập Quốc dân đảng. Vào tháng 10, Stalin cử Bôrôdin sang làm cố vấn cho Tôn Dật Tiên, với nhiệm vụ tổ chức lại đảng Quốc dân theo kiểu tập trung như đảng Bônsơvic, với một chương trình vừa quan tâm đến quyền lợi công nhân và nông dân, vừa đồng thời tránh vi phạm tới lợi quyền cơ bản của giai cấp tư sản và địa chủ.

Bôrodin thuyết phục Tôn Dật Tiên dựa vào lực lượng công nhân và nông dân, bằng cách ban hành bộ luật Lao động và giảm địa tô 25%, hai việc này đã hứa với họ thực hiện từ đầu năm 1924.

Vào tháng 5, Bôrodin dùng tiền trợ cấp, vũ khí và các huấn luyện viên Nga, sáng lập một trường quân sự để tăng cường lực lượng cho Quốc dân đảng, tại đảo Hoàng Phố, cách Quảng Châu 20 km.

Nguyễn Ái Quốc, gia nhập vào phân ban Thuộc địa của Quốc tế Cộng sản kỳ Đại hội thứ Năm, được cử sang Trung Quốc, chính thức coi như thư ký kiêm phiên dịch cho Bôrodin, chủ yếu cốt để khuấy động phong trào cách mạng trong xứ mình, từ nơi « thánh địa » này, một phong trào quốc gia thân cộng, chống lại chủ nghĩa đế quốc Pháp.

Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu khoảng 6 tháng sau vụ Phạm Hồng Thái ném bom. Tổ chức Tâm Tâm xã mà Phạm Hồng Thái là một thành viên, đang suy thoái. Những người sáng lập tổ chức này như Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Lâm Đức Thụ... mới vừa đưa ra lời kêu gọi tập hợp một lực lượng đông đảo hơn, mở rộng cho « tất cả những ai là người thông minh mẫn tuệ không phân biệt đảng phái để phục hồi nhân cách người Việt ». Một khi tổ quốc được giải phóng thì « ý nguyện của đa số » sẽ quyết định tính chất chế độ tương lai.

Nguyễn Ái Quốc lập tức liên hệ với nhóm mới này, gọi Tân Việt Thanh Niên đoàn, với ý đồ chỉ đạo.

Ngày 19 tháng chạp, trong bản báo cáo đầu tiên của ông về Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản, ông than phiền những chàng trai đầy nhiệt tình yêu nước này « không hiểu biết chi về chính trị ». Ông hứa sẽ hướng họ chuyển dần theo chủ nghĩa bônsơvic. Qua ngày 2 tháng 2 năm 1925, ông báo cáo về những kết quả bước đầu trong bản tường trình thứ 2 của ông như sau:

> Lúc này, tôi không phải là một người An Nam mà là một người Tàu. Vì thế tên tôi là Lý Thụy chứ không phải Nguyễn Ái Quốc. Chúng tôi lập được một nhóm gồm 9 người hoạt động bí mật. Hai trong số đó đã gửi về nước; ba người ra tiền tuyến (trong quân đội của Tôn Dật

> Tiên), còn một người làm nhiệm vụ quân sự (giúp quân Quốc dân đảng). Năm người trong số đó đang chuẩn bị kết nạp vào ĐảngCộng sản. Hai người đã được gia nhập đoàn Thanh niên Cộng sản.[55]

« Nhóm bí mật » trên đây tự gọi Thanh Niên Cách mạng Đồng chí Hội, trụ sở tại số 13 đường Wang Ming ở Quảng Châu, ở đó Nguyễn Ái Quốc tổ chức trường học đào tạo cán bộ tương lai cho xứ An Nam.

Từ tháng 6 năm 1925, Nguyễn Ái Quốc phát hành tờ tuần báo Thanh Niên [56] bằng chữ quốc ngữ, in bằng rônêo, tuyên truyền hai xu hướng: vừa khuyến khích kích động tinh thần nòi giống An Nam, vừa động viên đi theo con đường của đảng bônsơvic. Số 1 tờ Thanh Niên xác định rõ lý do phát hành báo này và kêu gọi đồng bào chuẩn bị đứng lên làm cách mạng:

> Trong đất nước chúng ta, chúng ta đều bị người Pháp kiểm soát chặt chẽ; ở nước ngoài, chúng ta lại xa cách nhau.Vì lẽ đó phải xây dựng tờ báo này để chúng ta trao đổi những kinh nghiệm thực tế, để cùng nhau hiệp lực tiến hành sự nghiệp đó. Hỡi anh em cách mạng! Từ nay trở đi, chúng ta hãy vất bỏ những mong ước ão huyền về danh vọng và giầu sang. Vì lòng yêu quê hương đất nước, yêu đồng bào, chúng ta hãy đoàn kết lại! Các bạn hãy làm hết sức mình cho sự nghiệp cách mạng.

Ngày 28 tháng 6, tờ Thanh Niên định nghĩa về cách mạng và cung cấp một tự diển nhỏ, một công cụ trí tuệ mới trong việc thành lập một đảng theo con đường của Lênin ở Việt Nam:

> Cách mạng, đó là sự thay đổi cái xấu thành cái tốt, là sự bao gồm những hoạt động do đó một dân tộc bị áp bức trở thành mạnh mẽ: Lịch sử toàn các xứ cho chúng ta một bài học là bao giờ họ cũng nhờ làm cách mạng mà tiến tới một chính phủ hình thức tốt hơn, mà tăng tiến về giáo dục, về công nghệ, về tổ chức xã hội.

Ngôn ngữ cách mạng được hướng dẫn một cách đơn giản phỏng theo Trung Hoa, khó hiểu đối với những ai chưa nhập môn:

Tiến bộ: có những bước tiến phát triển.

Tản văn: Chuyện ngắn.

Tả phái: những người đại diện phái Tả. Trong từng quốc hội, người ta phân biệt ba nhóm: phái hữu, phái trung và phái tả. Nhóm thuộc phái Hữu thì hèn nhát, nhóm thuộc phái Trung thì lưỡng lự, nhóm thuộc phái Tả thì kiên quyết.

Tự do: không bị bó buộc. Nước Nhật chẳng hạn là một nước tự do. Việt Nam không được tự do, bị người Pháp cai trị.

Tiền phong: người đi trước, làm gương. Người Nga chẳng hạn, là những người tiên phong trong công cuộc cách mạng.

Đế quốc chủ nghĩa: Những nước dùng gươm súng chiếm đất đai của người khác, là những nước theo chủ nghĩa đế quốc. Nước Pháp là một nước đế quốc chủ nghĩa vì nó chiếm đoạt đất nước ta.

Tư bản chủ nghĩa: nhà tư bản, những kẻ không làm gì, chỉ lợi dụng sức lao động của người khác. Chủ tàu chẳng hạn, là một nhà tư sản. Không bao giờ người ta thấy chủ tàu làm ra sắt thép, tham gia vào công việc đóng tầu, cho than vào lò, nhổ neo. Hắn chẳng làm gì cả nhưng thu toàn bộ lời lãi, chứ không đem chia cho thợ thuyền là những người lao động suốt đêm ngày.

Tại sao dân tộc An nam chịu để người Pháp đè nén áp bức trong hơn năm mươi năm nay? Người dân Việt phải chịu thuế khóa quá nặng nề, tình cảnh khốn cùng của họ quá cực khổ. Tại sao họ còn chưa rũ bỏ cái ách nô lệ? Bởi vì cái lý tưởng về tổ quốc còn xa lạ đối với họ, bởi lẽ họ tưởng rằng cách mạng là một điều nguy hiểm, bởi lẽ họ không hiểu rằng mỗi người dân phải có nhiệm vụ đối với tổ quốc, bởi vì họ thiếu sáng kiến chủ động và trông thấy người Pháp còn run sợ.

Ngày 19 tháng 7, tờ Thanh Niên chỉ ra một thần phương: « Nếu nhân dân muốn đòi quyền của mình thì phải có những đảng chính trị. Muốn vậy, họ phải đoàn kết lại ». Cũng số báo đó có đăng bản Tuyên Ngôn của Hội Liên hiệp các Dân tộc bị áp bức ở Á Châu, hội do Nguyễn Ái Quốc cùng Roy, người Ấn Độ vừa mới thành lập nhằm tập hợp những người An Nam, Trung Hoa, Triều Tiên, Đài Loan, Ấn Độ và Philipin. (Hội này, cũng giống như Hội Liên hiệp Dân thuộc địa ở Paris, vẫn chỉ dừng ở mức dự án).

Ngày 26 tháng 7, việc hướng dẫn nhập môn lại tiếp tục:

> Người ta phân biệt ba loại cách mạng:
> - Cách mạng chính trị: Người dân ở những nước bị chính quyền độc đoán áp bức nổi dậy giành lấy tự do và trở thành những nước độc lập. Nước An Nam phải bắt đầu bằng cuộc cách mạng chính trị để giành lại nền độc lập.
> - Cách mạng xã hội: nông dân và công nhân đều bị giới chủ trả tiền công rẻ mạt. Người dân lao động cực khổ suốt đời, giới chủ chẳng làm gì mà thu mọi mối lợi trong tay. Cách mạng là cần thiết để xóa bỏ sự bất công đó và phân phối lại số thu hoạch giữa tư bản và vô

> sản. Công nhân và nông dân Nga đã hoàn thành một cuộc cách mạng xã hội. Nông dân và công nhân các nước khác cần tổ chức lại để làm như anh em mình ở Nga.
> - Cách mạng thế giới: Sau khi có những cuộc cách mạng chính trị và cách mạng xã hội thành công, vẫn còn có những nước bị áp bức, vẫn còn có sự phân biệt giữa các dân tộc. Cần phải có một cuộc cách mạng thế giới. Sau đó, các dân tộc trong bốn biển sẽ đoàn kết như anh em một nhà, khi đó sẽ là kỷ nguyên đoàn kết tương thân tương ái toàn thế giới.

Sau đó Nguyễn Ái Quốc trình bầy những phong trào chính trị hiện hành trên thế giới như vô chính phủ, cộng sản, bảo thủ, Ku Klux Klan, fát xít, cần lao, dân chủ, tự do, quốc gia, cộng hòa, bảo hoàng và xã hội chủ nghĩa.

Ngày 9 tháng 8, ông trình bầy về phong trào cách mạng Trung Hoa. Ngày 12 tháng 9, tung ra lời kêu gọi lòng yêu nòi giống, hòa lẫn tinh thần tự hào dân tộc:

> Chúng ta hãy yêu thương lấy nòi giống của ta. Anh em cùng chung giòng máu hãy yêu thương lẫn nhau! Chúng ta, hai mươi triệu con người máu đỏ da vàng, đều là con cháu Vua Hùng. Biết bao anh hùng đã sinh ra trên đất nước này! Đất nước ta rực rỡ hơn bốn ngàn năm văn hiến. Bao lần quân ta đánh bại quân Nguyên quân Minh. Chúng ta khuếch trương thanh thế đến tận đất Chàm, đất Miên, và vinh quang của chúng ta vang dội khắp Viễn Đông.[57]

Thế thì Nguyễn Ái Quốc đã tôn vinh tổ tiên của mình trong công cuộc « Nam tiến », một danh từ dè dặt để nói về sự chinh phục dân Chàm ở Trung Kỳ và người Khơme ở Nam Kỳ vào thế kỷ 17. Đó là những giai đoạn lịch sử chiến tranh đen tối đã để lại trong lòng người Khơme ở Cămpuchia nỗi lo sợ và thù nghịch đối với « kẻ thù truyền kiếp ».

Ngày 20 tháng 9, Nguyễn Ái Quốc cho tái đăng *Hải ngoại huyết thư* của Phan Bội Châu, sách đã phát hành từ lâu. Đáy là một lời kêu gọi thiết tha dân chúng nổi dậy, năm 1908. Lúc này Phan Bội Châu vừa mới bị bắt cóc ở Thượng Hải ngày 30 tháng 6 năm 1925, từ đây người có uy tín kêu gọi đồng bào tập hợp này sẽ không trở lại Trung Hoa nữa. Những người xuất dương ở Quảng Châu sống vào tình trạng rắn không đầu, lúc nào họ cũng giữ tình cảm lưu luyến với con người khích động đầu tiên và bất hạnh của họ. Tình thế đó tạo cho Nguyễn Ái Quốc một triển vọng lớn để tuyển mộ tại chỗ.

Xu hướng về chủ nghĩa bônsơvic trở nên rỏ rệt :

> Những người bônsơvic giúp đỡ cho các dân tộc bị áp bức giành lại tự do và họ không ngừng nhắc lại: các bạn hãy luôn luôn học tập; các bạn chớ để mình bị mê hoặc bởi những bài diễn văn đường mật và hay ho của bọn đế quốc; các bạn là những người bình đẳng đối với chúng tuy rằng thuộc các chủng tộc khác nhau. Như vậy nên chúng ta phải yêu mến người bônsơvic và căm ghét những kẻ thù của họ là bọn đế quốc.

Thật ra, ngày 18 tháng 10 năm 1925, tờ Thanh Niên in tiêu đề, ở trang hai, « Vô sản toàn thế giới, hãy đoàn kết lại! », lời kêu gọi trong bản Tuyên ngôn Cộng sản năm 1848: với hình ảnh búa liềm, biểu trưng nước Nga bônsơvic. Ngày 8 tháng 11, tờ báo kỷ niệm cuộc Cách mạng Tháng mười. Ngày 22, trong phần kết luận của bài tường trình về những cuộc cách mạng và phong trào chính trị các nước khác nhau, Nguyễn Ái Quốc lên án những người theo khuynh hướng xã hội và vô chính phủ, – tuy nhiên ông thận trọng để khỏi mất lòng những kẻ theo hai xu hướng ấy – và ông tuyên bố chỉ tán thành cộng sản mà thôi.

> Các thủ lĩnh đảng Xã hội đều có liên hệ với bọn đế quốc và tư bản, sau khi được chúng dành cho vinh dự và tiền bạc thì họ khuyến khích những người bạn của họ nên kiên nhẫn hoặc là im lặng một khi họ nhờ sự ủng hộ của công nhân đưa lên nắm chính quyền... Những đảng viên xã hội Pháp đã giúp sức cho chính phủ trong những cuộc chiến tranh chống Marôc và Syri, và đã cử những người lãnh đạo có uy tín nhất của họ đi cai trị các thuộc địa, như trường hợp ông Varennơ.
>
> Những người theo phái vô chính phủ có tư tưởng và mục đích cao thượng, nhưng họ không hề có tổ chức, không có chương trình hành động và không có hệ thống cấp bậc nào, như thế thì làm sao có thể gây được phong trào cách mạng?
>
> Những người cộng sản được tổ chức một cách rất chặt chẽ, những mục tiêu của họ được xác định rõ ràng, hơn nữa, họ dồn hết sức lực của họ đi tiêu diệt bọn đế quốc và chủ nghĩa tư bản, hai thảm họa của nhân loại.

Ngày 22 tháng 8 năm 1926, sau mười bốn tháng kiên trì hướng dẫn nhập môn bằng những công thức tương tự như những câu thần chú, Nguyễn Ái Quốc tung ra câu hỏi cho lớp thanh niên yêu nước: « Chúng ta phải gia

nhập đảng nào?... chỉ duy nhất một đảng kiên quyết có khả năng thực hiện, đó là đảng cộng sản ». Chúng ta hãy lưu ý rằng cái « đảng » đó sẽ ra đời một cách chính thức bốn năm sau.

Ngày 20 tháng chạp, ông lập lại những lời trong Tuyên ngôn Cộng sản – những người lao động không có tổ quốc – ông tiến thêm một bước trong việc phân biệt hẳn với những khuynh hướng quốc gia chủ nghĩa khác, rồi hướng thanh niên chỉ nên gia nhập tổ chức của ông; đó chính là một cú sét đánh vạch ngang bầu trời ái quốc, lòng yêu nước của ông và lòng yêu nước của những đối thủ:

> Cái danh từ tổ quốc là do các chính trị gia tạo ra để đè đầu nhân dân dưới pháp luật và buộc những người vô sản phải cầm vũ khí bảo vệ tài sản của địa chủ và lợi quyền của giai cấp tư sản. Thực ra, chẳng có tổ quốc, cũng chẳng có biên giới. Tất cả những người cách mạng đem hết sức mình ra để cải thiện số phận của toàn nhân loại đều là anh em, và tổ quốc duy nhất của họ chính là trái đất này. Việc chứng minh cho thái độ đó chính là việc các đồng chí người Pháp cùng đứng về phía chúng ta chống lại đồng bào của họ kẻ theo chủ nghĩa đế quốc đã cướp nước ta.

Nền giáo dục thân cộng đa tạp do Thanh Niên phổ biến không những bao hàm trong việc hòa hợp về mặt học thuyết giữa chủ nghĩa quốc gia tư sản với chủ nghĩa quốc tế vô sản, mà còn hàm chứa trong sự hòa đồng về mặt văn hóa: chủ nghiã Lênin cùng Khổng giáo, người ta kỷ niệm Cách mạng Tháng mười nhưng cũng không quên Khổng Tử.

Ngày 20 tháng 2 năm 1927, kỷ niệm Khổng Tử, Nguyễn Ái Quốc viết: nếu ông thày tư tưởng của Trung Quốc còn sống vào thời đại này thì có lẽ ông đã nhanh chóng trở thành đảng viên xứng đáng của Lênin. Rồi Nguyễn Ái Quốc khuyên nên đọc Khổng Tử để tu thân trở thành con người chân chính và đọc Lênin để chuẩn bị đứng lên làm cách mạng.

Ngày 29, Nguyễn Ái Quốc nhắc lại những cuộc đấu tranh quá khứ chống lại chính quyền thuộc địa không thể thành công được do thiếu sự giáo dục về chính trị, rồi ông kêu gọi đồng bào hãy tập hợp lại và « tuân theo mệnh lệnh của đảng cách mạng ».

Tháng chạp năm 1927, báo Thanh Niên mở ra một diễn đàn phụ nữ. Trong mục này người ta bày tỏ lòng bi phẫn đối với tình cảnh phụ nữ An Nam và lên tiếng khuyến khích chị em có điều kiện thuận lợi và có trình độ tiến bộ hơn nên giúp đỡ chị em công nhân và nông dân nghèo thoát vòng hủ bại quá khứ. Mục diễn đàn này bao gồm một loạt những tiểu sử những phụ nữ được lựa chọn không những trong số những người tham gia cách

mạng như Lu-isơ Misên, Rôsa Luxâmbua, Cơlara Zêtkin, Bà Lênin (nguyên bản viết như vậy), mà có cả những phụ nữ yêu nước mang tính chất thần bí, như Giannơ Đac.

Thanh Niên nhằm mục đích giáo dục đường lối chính trị cho các đảng viên trong nước, cho in lại những bài giảng ở Quảng Châu. Phần cốt yếu được trình bầy trong tập sách Đường Cách mệnh, xuất bản vào đầu năm 1927 dùng cho đảng viên. Đây là tóm lược nội dung: Cách mạng Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, có nhiệm vụ lật đổ đế quốc Pháp và bè lũ tay sai của chúng là vua quan phong kiến. Cuộc cách mạng này do một đảng theo chủ nghiã Kac Mac và Lênin lãnh đạo, sẽ là sự nghiệp của đa số quần chúng chứ không phải là kết quả của một cuộc đảo chính, một cuộc âm mưu binh biến hay những hành động khủng bố cá nhân. Dưới sự lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản, cuộc cách mạng này sẽ đi theo con đường Cách mạng Tháng mười Nga 1917.

Đường đi Quảng Châu

Nguyễn Đình Tú, một thanh niên 17 tuổi, sau khi đọc Cuộc đời của Phan Bội Châu, Hồi trống Tự do của Trần Hữu Độ, cùng một số sách cấm do anh giáo Hà Huy Tập – một chiến sĩ đảng Tân Việt – đưa cho, chàng bị kích động, bèn bỏ học để đ đi vào Cách mệnh ».[58] Ta hãy nhớ lại thuở ấy đảng Tân Việt đang gửi các thanh niên được tuyển mộ sang Quảng Châu để được đào tạo trong trường của tổ chức Thanh Niên.

Cuối tháng 9 năm 1926, Tú cùng với năm thanh niên nữa được bí mật tuyển chọn vì tinh thần cách mạng, rời đất nước, cùng nhau trốn trong sút chứa hành lý dưới hầm một chiếc tầu buông Trung Hoa. Hành trình suốt bốn ngày từ Hải Phòng sang Quảng Châu. Lâm Đức Thụ đón họ và xếp chỗ trọ trước cửa trường Đại học Trung Sơn (Tôn Dật Tiên), trong một ngôi nhà lầu, nơi đó đã có một số người trọ từ trước. Đấy là: Ngô, làm bếp và in báo; Quang, sau đó được cử sang phân bộ Xiêm năm 1927; Lý Phương Đức và Lý Phương Thuần từ Xiêm tới, hai nữ đồng chí sinh viên trường Đại học Trung Sơn; A Trân, trước kia sang Trung Quốc cùng với Phan Bội Châu.

Người ta phân phối cho họ các tập sách chính trị. Ngày hai buổi sáng chiều, họ nghe giảng về các cuộc cách mạng Trung Hoa và Nga, lịch sử phong trào công nhân ở Châu Âu và Châu Mỹ, những cuộc đấu tranh chống đế quốc ở các nước thuộc địa Châu Á và châu Phi. Trong số giảng viên có: Trương Văn Lênh, mặc quân phục thiếu úy Quốc dân đảng; ông Vương (Nguyễn Ái Quốc), trên ngực áo có gắn huy hiệu búa liềm bằng

đồng; Lâm Đức Thụ, Lê Hồng Sơn, Quí... Các giảng viên hướng dẫn họ học chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Dật Tiên, chủ nghĩa cộng sản của Kac Mac và Lênin, chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa Gănđi, phân tích những cuộc đấu tranh chống thực dân ở An Nam. Họ được hướng dẫn phê phán quan điểm quân chủ của Cường Để và ảo tưởng của Phan Bội Châu, về hành động khủng bố của ông trù tính vô hiệu quả. Nhưng các giảng viên không nhắc gì đến Tân Việt, để tránh làm một điều không khôn khéo.

Sau mỗi bài học, học sinh viết thu hoạch về những điều vừa được nghe giảng. Giảng viên chữa ngay bài và nhận xét trình độ từng người để sắp xếp họ vào cuộc hoạt động tương lai.

Người chiến sĩ cách mạng học hỏi lý luận xong, được bổ túc huấn luyện về mặt thực hành cần yếu trong việc hoạt động bí mật, nhằm tạo cho họ có khả năng tuyển chọn những đồng chí mới khi về nước. Làm cách nào để hướng dẫn công nhân thành lập nghiệp đoàn, tổ chức những cuộc bãi công đòi tăng lương hoặc rút ngắn ngày lao động; làm thế nào để thuyết phục người nông dân hợp đoàn tương tế, gây sức mạnh để cùng nhau đứng lên đòi giảm sưu thuế, giảm địa tô; làm thế nào để thâm nhập vào giới lính tập, giới học sinh? Những vấn đề trên được đề cập đến tỉ mỉ từng chi tiết, đồng như phổ biến cách tổ chức một cuộc họp (khai hội), và những điều cần thận trọng về phương diện an toàn. Nếu bị bắt anh chớ có khai gì, dù bị tra tấn. Nếu không, anh sẽ bị tử hình.

Sau ba tuần lễ học tập và thảo luận, lớp nhập môn kết thúc, những thành viên mới chỉ được coi là đồng chí sau khi đã tuyên thệ trước mộ Phạm Hồng Thái, trên đồi Hoàng Hoa Cương, nơi chôn cất « 72 vị anh hùng của cuộc Cách mạng Trung Hoa » năm 1911.

Các giảng viên (trong đó có ông Vương) chứng kiến khi làm lễ kết nạp vào đảng. Nguyễn Đình Tú và bốn đồng chí khác đã tuyên thệ và hứa nếu họ phản lại đảng hoặc làm trái lời thề thì sẽ chịu sự hình phạt của đảng, kể cả tử hình.

Trong nghi lễ thần bí về sự hiến mình cùng việc chấp nhận hình phạt cao nhất nếu phạm « lỗi nặng », đấy là một nghi thức thừa hưởng từ những hội kín xưa kia, gắn bó cả thể xác lẫn tinh thần người gia nhập vào đảng Thanh Niên, một tổ chức đòi hỏi phải « hy sinh cho đảng về cả ý nghĩ, quyền lợi và đời sống của mình ».

Trong trường hợp tuyên án tử hình mà người thi hành án vắng mặt, thì hai người đỡ đầu, chịu trách nhiệm về người bị kết án, phải tự lãnh trách nhiệm hành hình.

Sau lễ kết nạp, các đảng viên phải nhớ thuộc lòng chương trình và điều

lệ của đảng. Trước khi lên đường trở về nước, Lâm Đức Thụ chụp ảnh Tú và ghi vào sổ đăng ký bí danh của Tú là Văn Cẩm. Cuối cùng Vương và Lâm Đức Thụ dặn dò Tú:

> Hãy giữ bí mật những gì mà đồng chí biết: không được nói cho ai hay, kể cả bố mẹ, vợ con, họ hàng, bạn bè, và cả những đảng viên Cách mệnh ... Trong vòng sáu tháng, đồng chí xây dựng ở Quảng Trị một chi bộ từ hai đến mười người và gửi về tổng bộ bản báo cáo viết bằng nước gạo trong một lá thư bình thường viết bằng chữ nho gửi cho Cô Lý Huệ Quỳnh, học sinh trường thuốc Quang Hoa ở Quảng Châu. Khi một người của chúng ta đến gặp đồng chí giơ tay lên trán làm hiệu và gọi tên Cẩm thì đồng chí phải thi hành mệnh lệnh của người đó. Hãy làm tròn nhiệm vụ một cách hăng hái và tận tâm, nếu không đồng chí sẽ bị Tổng bộ Cách mệnh trừng phạt.

Vào tháng chạp năm 1926, Tú trở về nước cùng hai đồng chí cũng theo cách thức như khi ra đi.

Ở Vinh, Hà Huy Tập đưa Tú đến gặp ban lãnh đạo của Tân Việt (Lê Huân, Trần Mộng Bạch và Phạm Kim Huy) để báo cáo tình hình du học ở Quảng Châu. Tú tường trình những nguyên tắc chung của chương trình « đảng ở ngoài nước » đề ra: đoàn kết mọi người dân An Nam chống thực dân Pháp để thực hiện cuộc cách mạng dân tộc và tuyên bố nền cộng hòa; chính phủ mới tùy thuộc vào trình độ tiến hóa của nhân dân. Một cuộc tiến triển tốt đẹp sẽ có thể đưa tới chế độ cộng sản, nhưng nếu những người cộng sản còn thiểu số thì đảng Cách mệnh sẽ thành lập một chế độ khác.

Hoạt động của đảng Cách mệnh bao gồm ba giai đoạn: bí mật, với việc tổ chức các chi bộ; nửa bí mật, với việc phát truyền đơn và có thể ngẫu nhiên huy động bạo hành mưu sát để « kích động quần chúng »; khi đảng đã có đảng viên ở trong mọi tầng lớp và rộng khắp đất nước đảng sẽ hoạt động công khai, sẽ đoạt chính quyền, huấn luyện quần chúng, tổ chức lại xã hội theo sự chỉ đạo của ban lãnh đạo tối cao.

Tú mắc lời thề với Thanh Niên, cảm thấy mình như không còn dính dáng gì với Tân Việt. Cùng với người em tên là Cường, nhân viên ty Công chính Quảng Trị, anh lập ra một chi bộ gồm 4 người: một bí thư (chính anh), một thủ quĩ (Cường), một phụ trách tuyên truyền và một chịu trách nhiệm điều tra.

Ban lãnh đạo Tân Việt cử một cựu đảng viên là Tú Kiên đến thuyết phục Tú không nên bỏ Tân Việt. Họ những tưởng thực hiện hợp tác với Thanh Niên khi giao cho tổ chức này một số thanh niên để đào tạo, và họ đã bị lúng túng trước tình hình đó.

Nguyễn Ái Quốc gửi trở về nước phần lớn số thanh niên đã được huấn luyện cấp tốc, nhưng trong số đó, ông đưa một ít vào học trường quân sự Hoàng Phố [59]: khi thời cơ tới, ở Việt Nam họ sẽ là những người tổ chức các nhóm tự vệ và những người chỉ huy hoạt động quân sự.

Những người « từ Quảng Châu về » không chỉ tuyển mộ đảng viên từ môi trường riêng của họ là giới học sinh, mà còn tuyển mộ trong số những hào lý nhỏ ở nông thôn, trong giới thợ mỏ và công nhân các ngành công nghệ ở Bắc Kỳ, trong giới nông dân Trung Kỳ, đồng ruộng Nam Kỳ và trong số các phu đồn điền cao su. Sách báo biên soạn ở Quảng Châu được bí mật đưa về nước, qua các thủy thủ tuyến Hải Phòng - Quảng Châu và qua những người đưa người vượt biên giới Trung Hoa với Bắc Kỳ [60]. Ngoài báo Thanh Niên, tờ báo lý luận, có hai tờ báo cổ động được đưa vào trong nước từ tháng 2 năm 1927 là Báo Công Nông và Lính kách mệnh kêu gọi lính mới nhập ngũ đừng bắn giết đồng bào khi xảy ra hỗn loạn.

Ở Xiêm (Thái Lan) từ năm 1926, có tờ Thân Ái kết mối liên hệ giữa 30.000 người trong cộng đồng Việt Kiều và trở thành tờ báo hữu nghị của « Xiêm La An Nam Thân ái Hội ».

Trong bóng tối, song song với bộ máy thống trị thực dân, đảng Thanh Niên dần dần xây dựng bí mật một mạng lưới cách mệnh, một chính quyền phôi thai. Tổng bộ đặt ở Quảng Châu là đầu não của đảng và là tòa án tối cao. Ở mỗi kỳ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ) có một Kỳ bộ. Các Kỳ bộ chỉ định ở mỗi tỉnh một Tỉnh bộ, rồi lần lượt xuống dưới là Huyện bộ hay Quận bộ nắm các Chi bộ hay các Tổ ở làng, cơ sở của cả một hệ thống kim tự tháp, trong đó gồm cả các Thành bộ nắm các Chi bộ đường phố và nhà máy.

Yếu tố hỗ trợ đắc lực cho Thanh Niên xây dựng được các tổ chức của đảng ở trong nước không phải chỉ nhờ sự giúp đỡ về vật chất của Kơremlen, cùng vì trụ sở được an toàn ngoài tầm mật thám Pháp. Mà chính là do lòng yêu nước thiết tha theo khuynh hướng quốc gia đã nung nấu và khơi dậy bầu nhiệt huyết của tầng lớp thanh niên học sinh ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ sau vụ án Phan Bội Châu, nhà cách mạng già khuynh hướng khủng bố, hồi năm 1925, và của giới thanh niên Nam Kỳ sau các vụ án Nguyễn An Ninh, một con người yêu nước theo khuynh hướng vô chính phủ lãng mạn những năm 1926 và 1929.

Được tổ chức chặt chẽ, đảng Thanh Niên phát triển mạnh mẽ nhờ kết nạp những phần tử còn sót lại của các đảng quốc gia trong nước khi các tổ chức này bị tan vỡ.

Vào năm 1927, Bắc Kỳ và Nam Kỳ đã có Kỳ bộ, còn ở Trung Kỳ vẫn thuộc ảnh hưởng của Tân Việt. Tổng bộ quyết định triệu tập một cuộc đại

hội toàn quốc ở Quảng Châu, và vào tháng 10, Nguyễn Đình Tú được lệnh vào Huế liên lạc với Lương Béo, con rể của Phan Bội Châu. Ở Huế Tú được biết là mình được cử làm một trong hai đại biểu Trung Kỳ đi dự Đại hội. Lương Béo trao nhiệm vụ cho Tú trình bày trong đại hội ba đề nghị, đó là: lập một Kỳ bộ cho Trung Kỳ, thúc dục tăng số người gửi sang học trường Quảng Châu, và thường xuyên gửi về nước những sách báo của Thanh Niên.

Tú lên đường vào tháng chạp cùng với Quốc Anh. Người phụ trách vượt biên giới là Hoàng Lùn chờ họ ở Hà Nội. Từ đó họ lên tầu hỏa đi Đồng Đăng ở biên giới, rồi xuyên rừng tới làng Vĩnh Miên của người Thổ, trọ tại nhà một thổ dân địa phương có vợ là người Việt theo Cách mệnh. Cải dạng ra người Tàu – Quốc Anh biết nói được tiếng Tàu – họ tới Long Châu sau ba giờ đi bộ. Tại đây Tú gặp lại A Trân, rồi sau hai tuần lễ vượt sông bằng thuyền bè, họ tới Quảng Châu lúc đó đang khuynh động trong tình trạng máu lửa.

Vương (Nguyễn Ái Quốc) và Lâm Đức Thụ không còn ở đó nữa. Ở đây đã xảy ra chuyện gì từ lần du học đầu tiên của Tú đến giờ? Anh không biết gì về cuộc thất bại lớn lao của của công nhân và nông dân, mà màn cuối đang diễn ra ở Quảng Châu.

Trong nước Trung Hoa ngập lửa

Quốc Dân Đảng và giai cấp công nhân Trung Hoa sau cuộc Cách mạng Cộng hòa 1911.

Triều đại phong kiến cuối cùng cai trị Trung Hoa tỏ ra bất lực trước những yêu sách và lấn lướt của các nước đế quốc. Tầng lớp trí thức thanh niên khuynh hướng duy tân thừa thế lật đổ triều đại đó năm 1911. Xuất phát từ Vũ Hán, phong trào cách mạng đã lan nhanh từ miền trung tới miền nam Trung Hoa. Tôn Dật Tiên được bầu làm tổng thống lâm thời nước Cộng hòa ngày 29 tháng chạp năm 1911, lại nhượng quyền cho tướng Viên Thế Khải, kẻ thống lĩnh quân đội miền Bắc dưới triều phong kiến, y hứa sẽ buộc Hoàng đế cuối cùng thoái vị. Nhưng Viên Thế Khải ý đồ tự xưng vương, bèn đem quân xuống đánh quân cộng hòa ở miền trung và miền nam, làm những năm 1912 tới 1914 là những năm đề kháng chóng bị thất bại, những năm bắt bớ, ám sát và lưu đầy lung tung. Cuộc bạo loạn mãnh liệt bất ngờ hồi tháng chạp năm 1915 làm đảo điên Viên Thế Khải, y bị các tướng lĩnh bỏ rơi, không được trông thấy cái « năm thứ nhất của triều đại » mình mà y đã công bố một cách kiêu hãnh. Y chết trong thời thất bại ngày 6 tháng 6 năm 1916.

Trải qua những năm tháng bạo tàn đó, nước Trung Hoa vẫn ở trong chế độ Cộng hòa nhưng rã rời từng mảnh. Bọn quân phiệt thoái hóa vẫn tiếp tục cai trị từng vùng, từng tỉnh. Các nước ngoài càng ngày càng tăng cường lấn ép để khuếch trương khu vực ảnh hưởng.

Tôn Dật Tiên sau đợt lưu vong dằng dưa ở Nhật, trở về Trung Hoa thành lập Quốc dân đảng năm 1919. Tướng quân phiệt Chen Jiong Ming – bấy giờ chủ tể Quảng Châu – cho phép ông thành lập một chính phủ ở đô thành nầy. Chính phủ Tôn Dật Tiên tuy còn yếu ớt nhưng đã mường tượng đến cuộc Bắc phạt, nói cách khác, mơ mộng một nước Trung Hoa tái thống nhất bằng quân lực võ trang, một quốc gia có khả năng chống lại sức ép của nước ngoài về chính trị, kinh tế và văn hóa.

Ở đây, một giai cấp công nhân năng động ra đời, do nhu cầu kinh tế của một châu Âu đang chinh chiến. Từ trước năm 1919 đã từng có nhiều cuộc bãi công nho nhỏ. Năm 1920, công nhân đường sắt Quảng Châu đã thắng lợi trong một cuộc bãi công lớn. Năm 1922, thủy thủ Hương Cảng bãi công chống người Anh đòi được tăng lương, nghiệp đoàn của họ được chấp nhận. Một Tổng liên đoàn lao động phát sinh, thợ thuyền và phu phen muốn thoát khỏi chế độ nô dịch (một từ ngữ được áp dụng một cách đích đáng).

> Trong các công xưởng của người Trung Hoa hoặc thuộc quyền người nước ngoài ở Quảng Châu, Thượng Hải, Hán Khẩu, Thiên Tân và nhiều thành phố khác, thợ thuyền trong nhà máy sống và làm việc trong những điều kiện tương đương với nhân công nô lệ làm công trong các nhà máy, ở giai đoạn đầu cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh. Người lớn, trẻ em, phụ nữ phải làm việc hàng ngày 12, 14, 16 giờ như họ đang tiếp tục hiện nay (những năm 30) để đổi lấy đồng lương 8 xu một ngày mà không hề có chút biện pháp nào để đảm bảo an toàn lao động và sức khỏe cho họ. Một số nhân công trẻ em đông đảo phải làm việc từ 18 đến 20 tiếng đồng hồ một ngày để đổi lấy bát cơm và tấm ván ngủ.61

Tổng Liên đoàn Lao động họp đại hội lần thứ nhất tại Quảng Châu tháng 5 năm 1922. Đại biểu của 230.000 đoàn viên tới dự. Tôn Dật Tiên đã tuyên bố hợp pháp hóa các nghiệp đoàn. Những cuộc bãi công lan tràn tới miền Trung và miền Bắc Trung Hoa.

Vào năm 1923 Bôrôdin thúc đẩy Quốc dân đảng dựa vào lực lượng dân chúng. Nhờ sách lược đó mà tháng 7 năm 1925, đảng này nắm được chính quyền vững chắc trong tay toàn hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây.

Ngày 1 tháng 5 năm 1924, 100.000 công nhân tuần hành ở Thượng Hải cùng một số gấp đôi số công nhân đó tuần hành ở Quảng Châu để đòi cải

thiện điều kiện làm việc, tôn trọng sinh hoạt, giáo dục con cái và quyền nghiệp đoàn.

Tại Đại hội lần thứ hai của Tổng Liên đoàn Lao động ngày 1 tháng 5 năm 1925, 570.000 đoàn viên cử đại biểu tới dự. Những cuộc bãi công vĩ đại nổ ra ngay sau đó tại các cảng quan trọng ở phía Nam, như Hồng Kông, Quảng Châu, Thượng Hải và những thành phố công nghiệp khác, lên tới cả Bắc Kinh, chủ yếu là chống chủ nghĩa đế quốc Anh mà sự tàn bạo đã gây mầm nổi loạn (tàn sát 12 sinh viên ở Thượng Hải ngày 29 tháng 5 năm 1925, 8 sinh viên ở Hán Khẩu ngày 11 tháng 6, 52 người ở Quảng Châu ngày 23). Phong trào tẩy chay hàng hóa Anh cùng với các cuộc bãi công làm tê liệt Hồng Kông, thành lũy của chủ nghĩa đế quốc Anh ở Trung Hoa. Hơn 250.000 công nhân bãi công rời bỏ Hương Cảng (Hồng Kông) và Sa Diện (Shameen), nhượng địa thuộc Anh-Pháp, rút tới Quảng Châu theo chính phủ Quốc dân đảng.

> Công nhân sung công các tiệm thuốc phiện và các sòng bạc để biến thành phòng ngủ và làm căng tin. Họ tổ chức các ban củ sát bãi công, toàn thể cấu thành một đội quân thường trực 20.000 người, bày bố một vành đai ngăn chặn chặt chẽ bao quanh Hương Cảng và Sa Diện. Cứ 5 công nhân tham gia bãi công cử 1 đại biểu dự cuộc họp đại biểu, cuộc họp này chọn ra ban chấp hành gồm 13 người. Đấy là mầm mống đầu tiên một chính quyền công nhân ở Trung Quốc. Ban chấp hành bảo trợ xây dựng được một bệnh viện và mười bảy trường học cho công nhân nam nữ và con cái của họ. Có những ủy ban đặc biệt quản lý các quỹ, tổ chức các cuộc bán đấu giá những hàng hóa tịch thu và thành lập các kho lưu trữ tại liệu.[62]

Phải chăng đấy là bước đầu thực hiện « quyền tự quyết của những người bị áp bức ẻ?

Vào tháng giêng năm 1926, trong các tỉnh mà Quốc dân đảng quản trị, có độ 800.000 công nhân tổ chức trong nghiệp đoàn và khoảng 600.000 nông dân gia nhập nông hội. Trên những tuyên cáo của Phòng Thương mại ở Quảng Châu người ta thấy kết thúc bằng khẩu hiệu « Cách Mạng muôn năm! ». Chính quyền lúc ấy nắm trong tay Uông Tinh Vệ, một người thuộc cánh « tả » Quốc Dân Đảng, vừa là chủ tịch đảng, vừa là thủ tướng chính phủ kiêm thanh tra quân đội. Lúc đó Tưởng Giới Thạch mới chỉ là Hiệu trưởng trường quân sự Hoàng Phố và chỉ huy trưởng Quân đoàn 1.

Trong thời kỳ này, Quốc tế Cộng sản thường mô tả Quốc dân đảng như một « lực lượng cách mạng bao gồm công nhân, nông dân, trí thức và giới

dân chủ thành thị », dường như họ không thấy tính chất cơ bản tư sản giai cấp của đảng nầy.

Giai cấp tư sản Trung Hoa, bọn mại bản, bọn lái buôn lớn, các chủ thầu, và cả các chủ ngân hàng, quyền lợi chúng mật thiết gắn bó với tư bản ngoại quốc, chúng lo sợ trước cuộc vận động công nhân ngày càng cấp tiến. Đồng thời giai cấp địa chủ cũng hoảng hốt trước hoạt động của nông dân. Tưởng Giới Thạch chính là người mà họ đang cần. Tưởng làm yên tâm giới tư sản, hướng lên nắm chính quyền.

Sớm ngày 20 tháng 3 năm 1926, Tưởng cho bắt 50 chính ủy trong các đơn vị quân đội của y, phần đông là đảng viên cộng sản. Y đưa quân chiếm trụ sở Ủy ban bãi công ở Quảng Châu-Hương Cảng, tước vũ khí hai ban củ sát bãi công. Tưởng chiếm cơ quan hành chính của Quốc dân đảng (Uông Tinh Vệ trao ấn triện quyền lực cho y rồi trốn sang Âu châu). Ngày 14 tháng 5, Tưởng ra lệnh thiết quân luật, qua ngày 15 nắm trọn quyền hành.

Tưởng ra lệnh phe cộng sản phải giao cho Quốc dân đảng bản danh sách đầy đủ những người là thành viên của hai đảng phái, họ không được quyền giữ những chức vụ quan trọng nữa và cũng không được quyền chiếm quá một phần ba số chức vụ bực thấp trong bộ máy Nhà nước. Y buộc những người cộng sản phải ủng hộ y trong chiến dịch tấn công các lực lượng miền Bắc. Và trong thời gian đó mọi cuộc đình công đều coi là bất hợp pháp. Tóm lại, chính phủ Quảng Châu đã trở thành một chế độ độc tài quân sự chống cộng trong tay Tưởng Giới Thạch.

Stalin không bộc lộ thái độ. Hơn thế nữa, y ra lệnh cho báo chí im tiếng. Ngay đến Quốc tế Cộng sản một năm sau mới biết được tình thế nói trên.

Cũng trong tháng đó, Tưởng Giới Thạch được mời dự Đại hội Lao động toàn quốc lần 3, một lần nữa y lại đội lốt cộng sản. Kết thúc bài diễn văn y giơ nắm tay lên hô « Cách mạng muôn năm! », những tràng pháo tay làm rền vang phòng họp. Đảng Cộng sản Trung Hoa không thông báo cho các nghiệp đoàn biết cái tin Tưởng Giới Thạch đảo chính .

Vào tháng 7, quân đội của Tưởng bắt đầu tiến lên phía Bắc, giao quyền cai trị Quảng Đông cho tướng Lý Tế Thâm. Bọn cường hào gian ác trong vùng, thừa cơ bọn quân phiệt sở cậy nơi chúng bèn tập hợp lại, thành lập « Liên đoàn lao động trung ương » được tung ra để chống lại Tổng Liên đoàn Lao động. Thợ thuyền đứng lên tự bảo vệ. Từ ngày 3 đến 9 tháng tám, 50 công nhân bị giết. Những quyền lợi đoạt được sau nhiều năm tranh đấu mất hết. Cờ bạc lan tràn, các sòng bạc lại mở ra. Trong hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây, nông dân đã từng chiến đấu hỗ trợ Quốc dân đảng nay bị đội quân thô bạo của Tưởng tấn công, ám sát những người lãnh đạo, triệt hạ các nông đoàn.

Còn về cuộc bãi công ở Hương Cảng bắt đầu từ tháng 6 năm 1925 khí thế mãnh liệt như thế, bị chính phủ mới ở Quảng Châu nhận chìm hoàn toàn để gây mối quan hệ thân thiện với thống đốc Anh ở Hương Cảng.

Đó là đoạn đầu trong cuộc thất bại của giới lao động Trung Hoa mà người chứng kiến tận mắt là Harôlđơ Isaac đã mô tả trong Tấn bi kịch của cuộc cách mạng Trung Hoa.

Tấn bi kịch Trung Hoa

Thượng Hải, tháng 2 đến tháng 4-1927.

Khi quân Tưởng Giới Thạch tiến lên phương Bắc thì chính quyền ở Thượng Hải nằm trong tay bọn quân phiệt miền Bắc. Tổng Liên đoàn Lao động dưới ảnh hưởng cộng sản,vẫn có uy thế để kêu gọi lực lượng công nhân 350.000 người đứng lên tổng bãi công. Tên quân phiệt chỉ huy đạo cảnh binh sở tại tung bọn sát thủ ám sát công nhân. Chúng cầm trường kiếm gieo kinh khủng khấp đường phố. Lực lượng cảnh sát ở các khu vực nhượng địa ngoại quốc cũng tiếp tay tham gia bắt bớ.

Tưởng Giới Thạch hạ lệnh dừng cuộc tiến quân.

Ngày 21 tháng 3, TLĐ Lao động lại kêu gọi bạo động vũ trang. Chiều ngày 22, công nhân tự vũ trang súng trường và liên thanh, khí giới tước đoạt nơi đồn quân cảnh vệ, bày bố kiểm soát khấp Thượng Hải.

Ngày 26, Tưởng xung quân nhập thành, được hoan nghênh bằng những tiếng hô « Cách mạng quốc gia muôn năm! Hoan nghênh Tưởng Giới Thạch! ». Rồi trong khi ban lãnh đạo TLĐ Lao động hoan hỉ và tuyên bố sẽ đòi các đế quốc phục hồi ngay các nhượng địa, thì Tưởng đưa người của y nắm các chức vị then chốt, tuyên bố thiết quân luật và buộc công nhân nộp vũ khí.

Ngày 31, Tưởng trấn an các đế quốc: hắn sẽ không dựa vào bạo lực của quần chúng để làm thay đổi chế độ các cơ sở thuộc nước ngoài. Cùng ngày hôm đó, Môskơva nhắc lại chỉ thị là phải tránh tạo ra một phong trào công nhân độc lập: phải cất dấu vũ khí, nói một cách khác là khoanh tay phó mặc chúng tàn sát mình.

Ngày 12 tháng 4, vào 4 giờ sáng, Tưởng giục thả bầy thú dữ săn người, 3000 quân bắt tay cùng lũ côn đồ đàn em phái Lục Lâm đang trấn giữ cửa sông Dương Tử. Bên cạnh họ còn có lực lượng cảnh sát của các khu vực nhượng địa của Pháp, Anh và Nhật Bản. Các đội hành quyết không ngưng nổ súng. Tên « Pilsuđski Trung Hoa » đã chuyển từ « cuộc cách mạng quốc gia sang chủ nghĩa fátxít quốc gia », như Trôtski đã nói trước từ ngày 3.tháng tư.Thế mà ngày 21 Stalin còn tuyên bố rằng cac

biến cố vừa xảy ra xác nhận hoàn toàn đường chính trị Quốc tế Cộng sản là đúng đắn.

Vũ Hán, 15 tháng 7- 1927

Đảng cộng sản Trung Hoa bị loại ra ngoài vòng pháp luật ở Thượng Hải, những người lãnh đạo chạy đến Vũ Hán trú chân một thời gian ngắn. Nơi đó Uông Tinh Vệ sau khi lưu vong trở về, bèn cùng một số tướng lĩnh đầy tham vọng xây dựng lại một chính phủ mà Môskơva vẫn cứ gọi là thuộc phái tả. Các bộ Lao động và Nông nghiệp trong chính phủ đó do cộng sản nắm, nhưng Uông Tinh Vệ vẫn cứ để quân sĩ của mình treo cổ nông dân khốn khổ tập hợp trong các nông hội. Nối gót Tưởng Giới Thạch, Uông ra lệnh cấm bãi công, chiếm đóng 25 trụ sở nghiệp đoàn và hạ lệnh cho đảng viên Quốc dân đảng tuyệt giao với Đảng Cộng sản Trung Hoa.

Sau cùng, Môskơva phản ứng: ngày 14, điện Kơremlen tuyệt giao với Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch. Ngày 27, trong lúc các lãnh tụ cộng sản phải chạy trốn, máu của công nhân đang đổ ra ở Vũ Hán, những chùm người bị treo cổ ngày càng nhiều ở nông thôn các tỉnh miền Trung, thì đặc phái viên Nga là Bôrôdin được nghinh tống trong lúc ông rời bỏ thành phố. Người ta phải dành cho ông ta vinh dự đó, lẽ cố nhiên: phải chăng ông đã từng tuyên bố rằng « trong giai đoạn hiện thời những người cộng sản phải làm phu phen cho Quốc dân đảng »?

> Trên đường trở về Nga, Bôrôdin thổ lộ cùng bà Lu-isơ Si-trong, người đồng đi với ông, sự nhận định cuối cùng của ông về cuộc cách mạng Trung Hoa:
> Giai cấp đại tư sản chẳng bao giờ có thể thực hiện được việc thống nhất Trung Hoa, bởi lẽ họ không thực sự chống lại chủ nghĩa đế quốc. Họ là đồng minh của đế quốc và chia lợi nhuận với đế quốc. Giai cấp tiểu tư sản không thể thống nhất Trung Hoa, bởi họ lưỡng lự, đứng giữa một bên là lực lượng công nhân và nông dân và bên kia là tư sản, để rồi cuối cùng sẽ liên kết với tư sản. Công nhân và nông dân cũng không thống nhất được Trung Hoa bởi lẽ họ quá tin tưởng vào giai cấp tiểu tư sản.[63]
> Bôrôdin bị hạ ngục ở Môskơva vào tháng 2 năm 1949, chết trong một sà lim nhà tù Lubiănka tháng 3- 1951.

Những cuộc nổi dậy tuyệt vọng

Ngày 7 tháng 8, 1927, Quốc tế Cộng sản đánh điện gọi đảng cộng sản Trung Hoa « tổ chức công nhân và nông dân nổi dậy dưới bóng cờ tả phái Quốc dân đảng ».

Đảng Cộng sản Trung Hoa phát biểu một số ý kiến phản bác (chủ yếu là của Trần Độc Tú, người bị đổ lên đầu những lỗi lầm gây nên tổn thất) chống lại chủ trương phiêu lưu đó bị gạt đi. Hướng theo chỉ thị Quốc tế, hai tướng cộng sản chỉ huy đạo binh « Bắc phạt » gần ba ngàn người tại Nam Xương, tỉnh Giang Tây, phất cờ khởi nghĩa, huy động quần chúng nông dân nổi dậy với triển vọng thiết lập ché độ Sô viêt. Liền theo đó, họ bị quân đội tả phái Quốc dân đảng đánh tan. Nông dân nổi dậy liên theo đó lần lượt bị thất bại ở Hồ Bắc, Hồ Nam, cũng như ở Quảng Đông, Quảng Tây.

Quảng châu, 11 tháng chạp 1927

Hàng ngàn đảng viên cộng sản vong mạng trong cuộc đàn áp và khủng bố. Vào tháng 11, Môskơva chỉ thị cho các đồng chí trung thành ở Quảng Châu phát động khởi nghĩa dưới khẩu hiệu « Tất cả chính quyền về tay các sôviết đại biểu công nhân, nông dân và dân nghèo ». Ngày khởi nghĩa được ấn định vào hôm 13 tháng chạp, ngày khai mạc Đại hội lần thứ 15 Đảng Cộng sản Liên Sô; nếu Quảng Châu mà được thành công thì có thể loại trừ Trôtski và phái tả đối lập rất dễ dàng.

Tương quan lực lượng thật nguy hại: các tổ chức công nhân bị Lý Tế Thâm tấn công vào tháng 4, rồi lần thứ hai lại bị đối thủ của Lý Tế Thâm là Trương Phát Khuê đàn áp. Qua tháng 10, Ủy ban Cách mạng thành phố chỉ còn trông cậy ở lực lượng cựu thiếu sinh quân trường Hoàng Phố trong đó 500 người chịu ảnh hưởng đảng Cộng sản Trung Quốc, cùng với khoảng 500 công nhân còn sống sót sau cuộc bãi công ở Hương Cảng, bị đuổi ra khỏi ký túc xá và chỉ được trang bị một số vũ khí quá ít ỏi: ba chục khẩu súng lục, năm chục khẩu súng trường và hai trăm lựu đạn.

Sau đây là đại lược những gì đã xảy ra qua câu chuyện kể lại trong cuốn Bạo động vũ trang của A. Nơbecgơ (Heinz Neuman), người cộng sản Đức được giao nhiệm vụ chỉ huy các chiến dịch.

Âm mưu khởi nghĩa bị lộ, cần phải quyết định hành động sớm; những thiếu sinh quân cộng sản nổi dậy đêm 10 và 11 tháng chạp giết chết tên chỉ huy và một số sĩ quan, rồi cùng với nhóm chỉ huy công nhân có vũ khí, chuyển sang tấn công những phân đội Quốc dân đảng đóng rải rác trong thành phố. Nhờ họ đánh bất ngờ mà những người bạo động làm chủ phần lớn thành phố sau một ngày dài chiến đấu ác liệt trên đường phố. Những phân đội Quốc dân đảng bị tước vũ khí và bị giải tán.

Cơ quan « Sô viết đại biểu công nông binh » đặt trụ sở hành chính tại Tổng Hành dinh quân cảnh sát và tuyên bố thành lập Công xã Quảng Châu.

Công xã giải phóng thích hàng ngàn tù chính trị, họ liền gia nhập các

lực lượng khởi nghĩa. Công xã hạ lệnh tịch thu tài sản của giai cấp tư sản và các chủ ngân hàng, biến các nhà cửa của những người giàu có thành cư xá cho công nhân, quốc hữu hóa đất đai của đại địa chủ, hủy bỏ những khoản nợ của bọn cho vay nặng lãi, công bố tự do báo chí, ngôn luận và hội họp cho quần chúng công nhân, quyền bãi công..., tóm lại là cả một chương trình lẽ ra có khả năng tập hợp được đông đảo dân nghèo nếu như họ không bị thường xuyên lừa dối từ một năm rưỡi nay.

Chiều ngày 13, Công xã Quảng Châu khởi đầu đối diện cuộc khủng bố vô cùng quyết liệt. Chiến si khởi nghĩa ngã gục trước làn đạn của quân Lý Tế Thâm và Trương Phát Khuê hợp sức đàn áp. Những khẩu đại bác của quân Anh, quân Nhật và Trung Hoa bắn chặn để mở đường tiến cho các đội quân tiếp viện.

Bọn sát nhân lập ra những tòa đặc biệt để tiếp tục giết người. Tất cả những ai tàng trữ sách cấm, vũ khí và đạn dược đều bị xử bắn. Những kẻ tố giác được thả tự do. Những người bị tình nghi bị đưa vào những « trại trừng giới » trong 2, 3 năm, trừ phi những kẻ thuộc về những gia đình « danh giá ». Những người An Nam, Triều Tiên, Nga, nếu xác nhận là cộng sản đều bị hành hình; những người Âu thì trao trả cho sứ quán và bị trục xuất.

Tờ Thanh Niên ngày 17 tháng chạp năm 1927 phác họa tổng kết tình hình đó như sau, trong lúc thây người vẫn còn chất đống trên các đường phố:

> Theo gương Công xã Paris, ngày 11 tháng chạp, công nhân, nông dân và binh lính đó ở Quảng Châu đã cầm vũ khí lật đổ chính phủ quốc gia và thiết lập chế độ Sô viết. Chiến thắng to lớn đầu tiên này của giai cấp vô sản là sự kiện nổi bật nhất trong lịch sử cách mạng ở Viễn Đông. Nhưng chẳng may, ba ngày sau chiến thắng, những người cộng sản phải chịu thất bại nặng nề và phải từ bỏ chính quyền. Tổn thất bên cộng sản như sau: bị giết 10.000 người, bị xử bắn 2.500 người, người Nga bị ám sát 18 người. Ngoài ra vô số phụ nữ, trẻ em và những người cách mạng nước ngoài đã vong mạng trong những ngày đẫm máu đó.

Những rắc rối nhỏ trong tổ chức Thanh Niên

Vào tháng 4 năm 1927, trong lúc Tưởng Giới Thạch vừa mới công bố thiết quân luật ở Thượng Hải và Lý Tế Thâm trở về Quảng Châu để săn lùng giết hại những công nhân nghiệp đoàn, thì Nguyễn Ái Quốc không còn ở Quảng Châu. Ông ở Môskơva trong mùa hè, trong khi Tổng bộ Thanh Niên vẫn

đóng tại chỗ mà không có gì lo lắng nghiêm trọng, mặc dù họ có liên hệ mật thiết với Đảng Cộng sản Trung Hoa. Lâm Đức Thụ được thả sau một tháng bị tù, đến trú tại Hương Cảng.

Khi Nguyễn Đình Tú tới số 5 phố Nhân Hưng tuy không gặp được Vương và Lâm Đức Thụ nhưng lại gặp được những đồng chí mới, đó là:

Nguyễn Sĩ Sách và Trần Hậu Toàn, người của Tân Việt phái sang để thương lượng việc thống nhất hai đảng. Sau đó Sách gia nhập Thanh Niên, còn Toàn một mình trở về Trung Kỳ mang theo mình những đề nghị của Tổng bộ. Năm 1929, Sách bị lính ngục ám sát ở Lao Bảo.

Hồ Lan Sơn, một thiếu sinh quân trường Hoàng Phố, 5 năm sau, dưới tên là Phạm Kim Sơn, là bị cáo số 41 trong vụ án 122 đảng viên đảng cộng sản tại Sài Gòn.

Bàng Thông, sinh ở Bắc Kỳ, chiến đấu ở Nam Kỳ, là người sau này được đảng bộ phân lập ở Bắc Kỳ vào năm 1929 giao cho nhiệm vụ kết hợp với phân bộ Nam Kỳ để thành lập một đảng cộng sản.

Nguyễn Trung Nguyệt, một nữ đồng chí trẻ « da rất trắng mặc theo lối tầu ẻ, đến từ phương Nam cùng với Lê Duy Diễm vào tháng 10 năm 1927; cô đã viết bài cho báo Thanh Niên trên mục Diễn đàn Phụ nữ.

Nguyễn Văn Cường, cũng từ phương Nam tới; sau này đã được tha trong vụ án đường Bacbiê, và theo báo Tranh Đấu (La Lutte) ngày 18 tháng 3 năm 1936, anh bị các đồng chí nghi ngờ là phản bạn.

Sinh hoạt chính trị của tổ chức Thanh Niên gần như vẫn tiếp tục hoạt động theo nếp cũ. Vào tháng chạp, có vài sự biến đột xuất xảy ra dù sao cũng làm xáo trộn đôi chút không khí yên tĩnh của tổ chức này. Đó là: 3 học sinh sĩ quan trường Hoàng Phố người Việt đảng viên Thanh Niên ghé vào số 5 phố Nhân Hưng. Rồi một vụ suýt cháy nhà tại đó (do Quốc Anh bất cẩn khi đun nước pha trà). Hai vụ ấy gây nên ba lần cảnh sát đột nhập vào trụ sở Thanh Niên. Cũng có những vụ bắt bớ lớn các đại biểu và sinh viên, như Tú, Quốc Anh, Hoàng Thanh Tuyền, Trần Nhất, Hồ Lan Sơn, Lý Phương Thuần, bị bắt trói quặt tay sau lưng, (Tú Hứa thì không bị trói vì tuổi tác) đem đi. Lê Văn Phát và Nguyễn Văn Thinh, đại biểu Nam Kỳ, cùng với Đại, một trong số đại biểu từ Xiêm sang vào tháng giêng, cũng bị bắt giam.

Những lần bắt giam này – lần thứ nhất tại nhà giam quận 4, hai lần sau, từ ngày 19 tháng 1 đến ngày 21 tháng 5 năm 1928, tại cơ quan Công An – cũng không đưa tới tình hình gì nghiêm trọng, và nhờ có người quen can thiệp, nên rốt cuộc mọi sự được giải quyết êm thấm.

Cuộc đại hội đã được dự kiến tổ chức ở Hương Cảng tại nhà Lâm Đức Thụ, vào ngày 25-26 tháng 5. Đại hội này mang tính chất lâm thời vì các

đại biểu Bắc Kỳ vắng mặt, thảo luận đề nghị của Tân Việt về hợp nhất, rồi tán đồng sự lựa chọn của Tổng bộ: Thành lập Kỳ bộ cho Trung Kỳ năm 1928, với Lương Béo, Nguyễn Sĩ Sách, Lộc, Nghĩa, Tú, Hoàng Lùn; thông qua danh sách chỉ định người đại diện cho cơ quan tối cao ở mỗi Kỳ bộ: Bắc Kỳ là Quốc Anh; ở Trung Kỳ là Hoàng Lùn, người chuyên tổ chức đưa người sang Tàu; và ở Nam Kỳ là Lê Văn Phát.

Tất cả đều lên đường với nhiều nghị quyết trong tay. Các đại biểu mang mệnh lệnh của Tổng bộ Quảng Châu, viết bằng nước gạo (khi muốn đọc thì thấm vào nước có pha iôđơ) để giao cho các Kỳ bộ. Quốc Anh về Bắc Kỳ qua đường Hải Phòng còn Tú và Phát, Thinh về Sài Gòn lẫn với hành khách người Trung Hoa trên tầu Đại Phúc Tinh.

Trước khi rời Sài gòn về Trung Kỳ, Tú còn gặp lại người giác ngộ chính trị cho mình là Hà Huy Tập, và được tin Thanh Niên định mời Nguyễn Thế Truyền tham gia nhưng không thành công. Chúng ta không còn tin tức chi về người sáng lập đảng Việt Nam Độc lập từ khi người ở Pháp trở về nước hồi đầu năm. Về tới Trung Kỳ, Lương Béo điều động Tú ra Hà Tĩnh, vì chi bộ của anh ở Quảng Trị vẫn có thể sinh hoạt vắng mặt anh, anh cần phải giành lấy ảnh hưởng tại vùng căn cứ của Tân Việt. Vào tháng 7, tại Vinh, Tú báo cáo với Kỳ bộ kết quả hành trình của mình ở Trung Hoa.

Một năm sau đó, Tú được cử làm đại biểu đi dự Đại hội Toàn quốc lần thứ nhất và cũng là lần cuối cùng của Thanh Niên. Cả ba Kỳ đều có đại biểu, và sau đại hội, đảng Thanh Niên tan vỡ.

VI
Thanh Niên Cách mạng Đồng chí Hội tan vỡ Đảng Cộng sản Đông Dương phát sanh

Vụ án mạng đường Bacbiê, Sài Gòn

Trong đêm 8 rạng ngày 9 tháng 12 năm 1928, một vụ ám sát quá cổ hủ thô bạo đã diễn ra trong giữa phân bộ Thanh Niên Cách mạng Đồng chí Hội ở Nam Kỳ. Lê Văn Phát (bí danh Mỹ, Lang) bị đồng chí kết án tử hình vì tội phản bội, theo điều lệ của đảng, vì anh ta « ve vãn người chị em của chúng ta là Thị Nhứt ». Tội của Phát là « không gạt bỏ tình riêng để toàn tâm toàn ý phục vụ cách mạng ». Ba người trong số các đồng chí trẻ nhất của Phát (23, 24 và 26 tuổi) phải thi hành án quyết đã được tòa án cách mạng chuẩn y. Tôn Đức Thắng chủ trì tòa án, lúc đó 40 tuổi, đứng đầu Kỳ bộ. Vì đâu, (vì tự ái, vì ghen tương?) án quyết thủ tiêu một đồng chí không tương xứng với « lỗi lầm », bí mật ấy vẫn âm u trong bóng tối.[64]

Một vụ sát nhân chính thức, ba nạn nhân cùng một lúc, đáp lại vụ ám sát trên: Tòa đại hình Sài Gòn ngày 15 tháng 7 năm 1930 kết án tử hình ba người thi hành án quyết trên kia. Tòa chỉ tuyên phạt Tôn Đức Thắng (người sau này kế vị chủ tịch Hồ Chí Minh vào năm 1969) 20 năm tù khổ sai, và Phạm Văn Đồng (về sau là thủ tướng của chính phủ Hồ Chí Minh) 10 năm tù cấm cố. Hai mươi ba người khác trong phân bộ phải chịu án tù tổng cộng 100 năm. Phân bộ Thanh Niên Nam Kỳ hoàn toàn tan vở.

Hai năm năm tháng sau vụ ám sát, trong hoàn cảnh phong trào nông dân thoái trào và giữa tời kỳ khủng bố trắng, bọn cầm quyền bí mật chuẩn bị hành quyết những người bị kết án tử trong đêm 20 rạng ngày 21 tháng 5 năm 1931.



Những người liên can trong vụ án mạng đường Bacbiê: Tôn Đức Thắng - Nguyễn Trung Nguyệt - Trần Trương (chết chém) - Trần Văn Công (chết chém)

Máy chém dựng sồ sộ trước cổng Khám lớn Sài Gòn, lính cảnh sát sếp hàng dầy đặc ngăn đón các con đường, chánh sở mật thám có mặt tại đó, tay lăm lăm khẩu súng lục. Vào lúc bốn giờ sáng, ba cái đầu người cách mạng trẻ tuổi rơi suống sau tiếng hô cuối cùng « Đả đảo đế quốc Pháp »

Trong giờ liền theo đó trong Khám lớn, tù chính trị - kể cả tù đàn bà - nổi lên phản đối: « Đả đảo khủng bố trắng! Đả đảo đế quốc Pháp! », rùm lên náo động châu thành. Nước vòi rồng chữa lửa tưới ngộp những người tù phản kháng, bọn ngục tốt táo bạo đánh đập họ, cùm chân họ vào khoen sắt.

Sử chính thức cùng truyện ký về lãnh tụ không bao giờ nhắc lại vụ sát nhân thô bỉ. Nó có thể làm lu mờ hình ảnh của « người anh hùng Hắc Hải », Tôn Đức Thắng được phong danh hiệu như vậy để kỷ niệm cuộc nổi dậy tháng 4 năm 1919 trên chiến hạm Pháp mà người dân thuộc địa là Tôn Đức Thắng được đội thủy thủ Pháp chỉ định kéo lá cờ đỏ thượng lên.

Nếu ai muốn biết rõ hơn, thì đây:

Sáng ngày 9 tháng 12 năm 1928, mật thám phát hiện trong sân đàng sau căn phố số 5 đường Bacbiê, Sài Gòn, một xác người đàn ông đã bị biến dạng, mặt và tóc cháy xém, tay bị trói quặt sau lưng, họng bị cắt, ngực bị đâm hai chỗ.

Sau này người ta được biết người bị ám sát là Lê Văn Phát, đã từng là đại biểu đi dự Đại Hội lâm thời của Thanh Niên ở Hương Cảng. Sinh tại tỉnh Bến Tre, Phát làm thầy thuốc và cũng là hương lễ, một hương chức trông coi việc tế tự ở làng. Khi trở về Sài Gòn vào tháng 6 với danh nghĩa đại diện của Tổng bộ bên cạnh Kỳ bộ Nam Kỳ – Kỳ bộ từ trước đến giờ do Tôn Đức Thắng chỉ huy. Thắng là người lớn tuổi hơn hết trong nhóm. Phát bị tòa án cách mạng do Tôn Đức Thắng chủ trì, xét xử bí mật và kết án tử hình vắng mặt. Người ta kết tội Phát « lạm dụng quyền hành do chức vụ đảng giao phó để hãm hiếp một nữ đồng chí. »

Dù cho có những hình phạt nghiêm khắc theo như điều lệ qui định, – mà Nguyễn Đình Tú phải nhớ kỹ khi gia nhập Thanh Niên năm 1926 – thì một hành vi không trong sáng (như uống rượu, cờ bạc, hay lui tới nhà điếm, cưới xin ngoài đảng, khước từ hoạt động chiến đấu do lãnh đạo giao phó) sẽ có thể dẫn tới bị khai trừ, chứ không phải là tử hình như kẻ phản đảng (trốn sang trại địch, tự động hành động không có chỉ thị làm cho các đồng chí mất an toàn, chậm trễ thi hành chỉ thị, làm lộ những bí mật của đảng, âm mưu phá đảng).

Kỳ bộ thành lập một tòa án vào đêm 29 tháng 11 gồm các ủy viên của Kỳ bộ Nam Kỳ và Tỉnh bộ Bến Tre tại nhà Bùi Văn Thêm, số 72 phố Pôlơ Bơlănsy. Trong số các thẩm phán đột xuất này có ba người là Trần Trương, Đặng Văn Sâm, Bùi Văn Thêm đã từng là thợ trong xưởng Kropff, nơi mà

Tôn Đức Thắng làm cập rằng; Trần Trương và Nguyễn Trung Nguyệt là bà con họ hàng với vợ Tôn Đức Thắng. Do đó uy tín của Thắng không phải chỉ vì có tuổi. Trước tiên ba thẩm phán trong phiên tòa đó bỏ phiếu chống tử hình. Nhưng áp lực của đa số là 5 thẩm phán kia làm xiêu lòng ba người, họ tự lấn áp « tình cảm cá nhân » của mình đúng theo giáo lý (le catéchisme) do Quảng Châu đặt ra.

Trong số các đồng chí của Phát, ai sẽ là người thi hành án? Với nhiệm vụ khủng khiếp này, ba đồng chí trẻ tuổi nhất rút trúng thăm. Đó là Ngô Thiêm, bí thư Kỳ bộ, người Nghệ An; Nguyễn Văn Thinh, bí thư của Lê Văn Phát và là chủ bút tờ *Công Nông Binh*, sinh ở Gò Công; và Trần Trương, người Mỹ Tho. Họ còn phải đốt mặt Phát làm biến dạng xác chết theo sáng kiến của Thắng.

Sau đó Ngô Thiêm sang ngay Quảng Châu để báo cáo với Tổng bộ, mang theo biên bản của tòa án cách mạng. Tổng bộ phê phán bản án là« không tương xứng với lỗi làm » rồi tuyên bố giải tán Kỳ bộ Nam Kỳ.

Mười sáu ngày sau vụ ám sát, sở mật thám nhận được tin tức do nhân viên « mật vụ ở nước ngoài » gửi về, nói đến tờ biên bản trên. Từ tháng 2 Tôn Đức Thắng đã bị bắt, rồi trong mùa hè, hơn hai chục chiến sĩ, dù có hay không dính líu tới vụ ám sát lọt vào tay mật thám.

Một khi phát hiện xác chết, mật thám mở đầu tung mạng lưới bủa giăng vây bắt các tổ chức bí mật. Vì thế không phải chỉ 8 người mà là 45 người bị cáo phải đồng lược ra trước tòa đại hình Sài Gòn, người thì bị khép tội « giết người có chủ ý trước », người thì bị cáo « âm mưu phá rối trị an Nhà nước ». Các trạng sư đề nghị xử riêng hai vụ việc nhưng bị bác bỏ. Tòa chỉ nhượng bộ ở một điểm là: hai vụ việc được xem xét lần lượt, và mỗi phạm nhân sẽ chỉ bị hỏi về những tội trạng mà mình có dính líu thôi. Nhưng dù sao xử án cùng một phiên tòa hai vụ việc hoàn toàn khác nhau cũng có một cái gì đó có tính chất gán ghép xáo lộn cốt để ảnh hưởng dư luận theo chiều hướng chính quyền.

Một năm rưỡi sau vụ ám sát mới đem xét xử, vào ngày 15 tới 19 tháng 7 năm 1930. Bầu không khí xã hội lúc đó đang hừng hực. Phong trào nông dân sôi động ở Nam Kỳ, còn ở Bắc Kỳ, 13 cái đầu của Việt Nam Quốc dân đảng bị rụng dưới máy chém ngày 17 tháng 6 ở Yên Bái.

Theo tờ *An Nam Hướng truyền* (Echo annamite), Tôn Đức Thắng tuyên bố như sau:

> Ngô Thiêm đã dẫn dắt tôi vào hoạt động cách mạng. Tôi gia nhập Hội Thanh Niên Cách mạng năm 1927. Tôi là đại diện của Tổng bộ Quảng Châu ở Kỳ bộ Nam Kỳ. Những mưu toan của Lang đối với

> em gái chúng tôi là Thị Nhứt khiến tôi lên án kẻ phạm tội đó. Tôi không hề đứng về phía tán thành cái hình phạt quyết liệt đó. Dù sao tôi cũng vì kỷ luật buộc phải tuân theo đa số. Chính tôi đã ra lệnh cho Thinh làm biến dạng bộ mặt xác chết.

Còn Phạm Văn Đồng, bị tố cáo âm mưu, thì tuyên bố rằng Đại Hội tháng 5 năm 1929 ở Hương Cảng quyết định là các đồng chí có dính líu đến việc thủ tiêu người đại diện của Tổng bộ vẫn có thể tái gia nhập đảng. Còn chính mình ông ông cũng hối tiếc vì thoạt tiên ông tán thành xử tử Phát, vì ông tưởng Phát « sắp phản đảng » (theo nguyên văn).

Từ trong văn bản biện hộ của các trạng sư Giaccôbbi, Lôyơ, Becnaa, Masơ, Đơgorăn, Ferăn, Pinô, Tavecniê và Cănxenliêri, chúng tôi ghi nhớ lời nhận xét của Cănxenliêri vì nó gợi lại lời nhận xét của Nguyễn An Ninh trước tòa án năm trước:

> Người ta trách cứ những thanh niên nầy tham gia các hội kín. Thế nhưng những hội kín đó bao giờ cũng vẫn có, bởi lẽ họ chẳng bao giờ những thanh niên nầy có thể tự do tập hợp với nhau, bởi lẽ họ hiện thân những kẻ bị áp bức. Có một tình thế căng thẳng hiển hiện, nhưng người ta không tìm biện pháp chữa chạy. Cái đó đơn giản thôi, biện pháp đó là ban bố tự do, cái tự do mà chúng tôi đòi hỏi cho họ được hưởng cũng như ta đang được hưởng. Đó là vấn đề cái nồi hơi và những cái sú páp an toàn của nó. Hơi nước sôi phải thoát ra, người ta không thể ép nén nó mãi được. Nếu các ông muốn ở đây có hòa bình, trước hết hãy thực hiện công lý, không phải là cứ xây dựng những khám tù mà các ông làm dịu tình hình được. Các ông đã gieo thù hận ở đây, các ông sẽ thu nhận thù hận.

Ngày 18 tháng 7 năm 1930, vào lúc 20 giờ, chủ tịch phiên tòa hạ lệnh « Giải tỏa phòng xử án, còng tay các tù nhân ngay sau khi tuyên án và dẫn chúng đi ngay, từng nhóm nhỏ. »

Án quyết như sau: Tử hình 3 người là Trần Trương, Ngô Thiêm và Nguyễn Văn Thinh.

Tôn Đức Thắng 20 năm khổ sai. Đặng Văn Sâm và Bùi Văn Thêm 10 năm khổ sai. Nguyễn Trung Nguyệt 8 năm khổ sai.

Cấm cố: 23 đảng viên hoặc cảm tình đảng Thanh Niên, trong đó có Phạm Văn Đồng, tổng cộng hơn 100 năm tù. 3 đảng viên Tân Việt, trong đó có Võ Công Tồn, nguyên là hội đồng địa hạt Chợ Lớn, cùng bị bắt với Nguyễn An Ninh năm trước; Nguyễn Phương Thảo (sau này tức là Nguyễn

Bình, tham gia Việt Minh năm 1945); và Trần Huy Liệu, nhà báo (chuyển theo Cộng sản ở Côn Nôn, sau này là Bộ trưởng trong chính phủ Hồ Chí Minh), tổng cộng 23 năm rưỡi.

Có 4 bị cáo được tha.

Những người bị án tù cấm cố, cũng như những người bị khổ sai, phần lớn đều bị đưa ngay ra nhà ngục Côn Đảo. Chỉ riêng nữ đồng chí Nguyễn Trung Nguyệt ngồi tù 8 năm tại Khám lớn Sài Gòn.

Người ta sửng sốt vì lứa tuổi trẻ trung của những người bị kết án. Trong mười người thì chín người chỉ có từ 17 đến 28 tuổi; tuy nhiên nhiều người trong số đó đã từng bị kết án tù với thời hạn ngắn. Trong số những người bị kết án chỉ có một người duy nhất làm báo chuyên nghiệp là Trần Huy Liệu, VNQDĐ, còn bao nhiêu người là thư ký và giáo viên dạy trường tư, như Phạm Văn Đồng, họ tự viết các tờ báo tuyên truyền cổ động. Một số chiến sĩ làm ở bến cảng và xưởng cơ khí Sài Gòn, chúng ta hiếm thấy có thợ thủ công, chỉ nhận ra hai nhà nông, tiểu địa chủ.

Quốc tế Cộng sản trở mặt, quá trình Thanh Niên vô sản hóa

Tại Đại hội lần thứ 6 Quốc tế Cộng sản (tháng 7 năm 1928) khi nói tới sự thất bại của cuộc cách mạng vô sản Trung Hoa, Bukharin cuối cùng phải công nhận sự hợp tác giai cấp với giai cấp tư sản là nguyên nhân thất bại cơ bản, « từ đó đảng ta mất độc lập, đôi lúc trở thành chướng ngại cho phong trào quần chúng, cản trở cuộc cách mạng ruộng đất và ngăn cản phong trào công nhân ».

Sự thừa nhận đó chẳng may lại đi kèm theo một quan niệm lạc quan nguy hiểm về thời kỳ đang mở ra, mà lúc đó Môlôtôp gọi là « Thời kỳ thứ ba », thời kỳ thế giới tư bản điêu tàn sụp đổ: (Thời kỳ thứ nhất, từ 1918 đến Cách mạng thợ thuyền Đức thất bại cuối năm 1923, đặc trưng khủng hoảng kinh tế sâu sắc của chủ nghĩa tư bản ở thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, và cao trào cách mạng châu Âu. Thời kỳ thứ hai là từ Đại Hội Quốc tế Cộng sản năm 1924 đến Đại Hội 1928, đặc trưng thế giới tư bản ổn định tạm thời cùng tình hình phong trào vô sản ở thế thủ).

Xuất phát từ cả hai quan điểm đó, Quốc tế Cộng sản thay đổi hoàn toàn sách lược đối với các xứ thuộc địa và bán thuộc địa, tuyên bố chấm dứt sự nhập khối với các đảng quốc gia, xây dựng các đảng cộng sản độc lập đối với giai cấp tư sản, thực hiện đường lối đấu tranh giai cấp, thực hiện vô sản hóa các đảng cộng sản - đại lược là theo như ý kiến Trôtski bênh vực đối với cách mạng Trung Hoa trước khi người bị khai trừ khỏi đảng Cộng sản

Nga tháng 11 năm 1927. « Quần chúng » các nước thuộc địa và phong trào của họ sẽ phát triển dưới sự chỉ đạo của « giai cấp vô sản chính quốc », phải hiểu theo nghĩa bóng là theo chỉ đạo của bọn quan liêu Nga.

« Xuống đường và tranh đấu trực tiếp cướp chính quyền » là những khẩu hiệu được Ban chỉ đạo Quốc tế Cộng sản đưa vào chương trình hoạt động cấp thời. Quốc tế thay đổi đường lối, thúc đẩy Thanh Niên Cách mạng Đồng chí Hội nhanh chuyển hóa thành đảng Cộng sản. Thế nhưng nhận định sai lầm về thời kỳ đang sấp đến sẽ dẫn tới hành động phiêu lưu bi thảm trong ba Kỳ ở Việt Nam. « Thời kỳ thứ ba của những sai lầm », như Trôtski đã gọi, thời kỳ đó khởi đầu.

Cho tới lúc bấy giờ Thanh Niên xây dựng tổ chức chính là trong tầng lớp nông dân nghèo và trí thức ở các tỉnh Hải Dương, Thái Bình, Bắc Ninh (Bắc Kỳ), Nghệ An và Hà Tĩnh (Bắc Trung Kỳ) cho tới vùng đồng ruộng miền Tây Nam Kỳ.

Bây giờ phải hoạt động trong tầng lớp thợ thuyền. Ngô Gia Tự, người lãnh đạo phân bộ Bắc Kỳ tập hợp các đồng chí lại để phác ra một kế hoạch vô sản hóa thực tiễn: từ nay các chiến sĩ sẽ thâm nhập vào « địa ngục than » ở Mạo Khê, Uông Bí, Cẩm Phả - nơi vô sản công nghệ tập trung đông đảo nhất trong các nhà máy dệt Nam Định, nhà máy xi măng Hải Phòng, các xưởng xe hỏa Trường Thi ở Trung Kỳ, cho tới tận các sở cao su ở Nam Kỳ, nơi mà một số vô sản nông nghiệp cu li nô lệ đã tự phát nổi dậy chống lại sự đối xử vô cùng tàn bạo, bằng cách ám sát những tên cai phu người An Nam cũng như người Pháp, đặc biệt là trong các sở cao su Misơle (Michelin) ở Phú Riềng.

Dĩ nhiên là phải đi tới chỗ chuyển đổi không phải là không sóng gió, Thanh Niên từ « một đảng đoàn kết mọi người An Nam để giải phóng dân tộc » thành một đảng giai cấp công nhân và nông dân.

Từ ngày 1 đến 9 tháng 5 năm 1929, Thanh Niên tổ chức Đại hội toàn quốc ở Hương Cảng, nhóm 17 đại biểu ở Trung Hoa, ở ba Kỳ Việt Nam và ở Xiêm. Các đại biểu Bắc Kỳ là Ngô Gia Tự, Trần Văn Cung (Quốc Anh) và Nguyễn Tuân (Kim Tôn) đòi phải chuyển ngay Hội thành một đảng bônsơvic. Tổng bộ không chấp nhận, họ xô cửa ra về rồi bị khai trừ vì « không tuân kỷ luật ».

Những ngày cuối cùng của Thanh Niên diễn ra như thế. Kết thúc công việc của Đại hội bằng việc phát hành một bản chương trình-tuyên ngôn dưới tiêu đề « Vô sản, hãy đoàn kết lại! », phù hợp với nghị quyết của Đại hội 6 Quốc tế Cộng sản, thế mà vẫn chưa tự nhận là một đảng cộng sản. Cái danh hiệu này khó mà đặt ở một nước Trung Hoa phản cộng của Tưởng Giới Thạch, nơi mà Tổng bộ đã dời trụ sở từ Quảng Châu sang Ngô Châu ở

Quảng Tây. Tổng bộ viết bài trong tờ *Thanh Niên* để biện minh việc khước từ danh hiệu đó, đưa ra những lý do chính trị: Trước kia chúng ta chỉ phát động một cuộc cách mạng dân tộc nhằm đoàn kết mọi lực lượng cách mạng để giải phóng cho nhân dân Việt Nam, và 4/5 số đảng viên được tuyển trong tầng lớp trí thức và tiểu tư sản, họ chiếm đoạt những vị trí chỉ huy; chúng ta chưa biết làm thế nào để tổ chức các chi bộ trong các xí nghiệp, các đảng viên của chúng ta đều không biết chi là « dân chủ tập trung »; chúng ta chưa đến độ trưởng thành để có thể thành lập một đảng bônsơvic.[65]

Đông Dương Cộng Sản Đảng ra đời

Từ Thanh Niên tan rã bước chuyển tới chỗ thành lập một đảng cộng sản thống nhất ở Việt Nam sẽ trải qua nhiều giai đoạn kéo dài trong gần một năm.

Vào tháng 6 năm 1929, kỳ bộ phân liệt ở Bắc Kỳ tập hợp các thành bộ Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh bộ Nam Định, Thái Bình, Bắc Ninh tự thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương.

Quốc Anh, người Trung Kỳ, cùng với hai đảng viên phân liệt Bắc Kỳ bắt đầu chiến dịch tuyên truyền trong cả nước. Họ phân phát bản tuyên ngôn phê phán, các tờ báo, các tập sách tố cáo « tinh thần tiểu tư sản » của Thanh Niên Hội, và sau đó vài tháng, họ lập ra một Đảng Cộng sản Đông Dương.

Về phía Thanh Niên, Tổng bộ cũng bí mật thành lập một đảng đặt tên là An Nam Cộng sản Đảng để tranh giành ảnh hưởng.

Ở Nam Kỳ, Ngô Gia Tự vào đó từ tháng 7 và kết nạp được một số đảng viên, đặc biệt gặp một người hoạt động tích cực trong Thanh Niên là Đào Hưng Long. Anh nầy từ đó trở đi làm đại diện đặc biệt (đặc ủy) của Đảng Cộng sản Đông Dương tại miền Tây Nam Kỳ rồi sau này anh đứng về phía Tả đối lập. Như vậy ĐCSĐD có thể phát hành báo chí khắp ba kỳ: tờ *Búa Liềm* do ban chấp hành trung ương ở Bắc Kỳ in ấn; tờ *Bôn-sê-vich* ở Trung Kỳ và tờ *Cờ Cộng sản* ở Nam Kỳ.

An Nam Cộng sản Đảng cạnh tranh với ĐCSĐD cũng tuyển đảng viên ở trong nước và cũng tung ra các tờ báo chiến đấu riêng của họ: tờ *Công Nông Binh* và tờ *Học Sinh*, đồng thời cũng như ĐCSĐD, họ cho phát hành tờ *Bôn-sê-vich.*

Nói chung, từ Bắc chí Nam, tổ chức Thanh Niên tan rã, các phân phái đều tự xưng là « cộng sản ».

Những phần tử lẻ tẻ của Tân Việt cũng như của Hội kín Nguyễn An Ninh gia nhập hoặc đảng này hoặc đảng kia, trong hai tổ chức cộng sản

mới thành lập.

Đảng Cộng sản Đông Dương đang thành lập đã kết án tử hình một đảng viên bị quy tội phản đảng. Ngày 3 tháng 2 năm 1930, trên bờ ke vắng vẻ ở Hải Phòng có một xác chết trên áo có gài một văn bản bằng chữ quốc ngữ như sau:

> Kim Tôn, đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương, bị đế quốc Pháp bắt ngày 11 tháng 10 năm 1929 tại bến đò Tân Đệ, đã không thực hiện nhiệm vụ của một đảng viên cộng sản. Tòa án cách mạng đã kết án y về tội
> 1. Không tuân thủ nội qui của đảng; 2.Đã thông báo cho đế quốc Pháp về tình hình và tổ chức của đảng; 3.Đã tố cáo và nhận mặt, ngày 16 tháng giêng năm 1930 trước tòa, những đồng chí đã tham gia vào phong trào cộng sản ở Nam Định. Do đó, Tòa án cách mạng kết án tử hình Kim Tôn. Bản án được thi hành ngày 2 tháng 2 năm 1930. Mục đích lời công bố này cốt để cảnh cáo những kẻ phản đảng, phản cách mạng và giai cấp vô sản Việt Nam.
>
> Việt nam cộng sản đảng [66]

Thanh Niên, Đảng Cộng sản Đông Dương cùng An Nam Cộng sản Đảng đều muốn được Môskơva công nhận và trợ giúp. Môskơva hứa sẽ ủng hộ với điều kiện rõ ràng là các đảng phải hợp nhất trước đã. Ngày 3 tháng 2 năm 1930, Đại hội hợp nhất họp ở Hương Cảng, do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Ông từ Xiêm tới và vẫn đại diện Quốc tế Cộng sản.

Ngoài Nguyễn Ái Quốc ra, còn có 7 đại biểu (3 Thanh Niên, 2 ĐCSĐD và 2 An Nam CSĐ), đồng tuyên bố thành lập Việt Nam Cộng sản Đảng. Về vấn đề này, cần nhấn mạnh rằng tên gọi Việt Nam có sức nặng gây xúc động mạnh trong tầng lớp trí thức tiểu tư sản, Việt Nam là cơ sở của đảng quốc gia Việt Nam Quốc dân đảng đã là đối thủ giành ảnh hưởng với Thanh Niên, do đó Nguyễn Ái Quốc - dù cần phải theo xu hướng chính trị nào, cũng không muốn để đảng đó một mình dùng hai tiếng Việt Nam làm lợi khí riêng cho mình. Môskơva sẽ can thiệp nhằm bỏ cái tên có hơi hướng quốc gia đó vào tháng 10-1930 và chấp nhận cái tên Đảng Cộng sản Đông Dương mà phân bộ Bắc Kỳ đã chọn trước đó.

Luận cương chính trị của đảng hợp nhất, cũng dựa trên những quan điểm của Đại hội 6 QTCS về vấn đề thuộc địa, như ĐCSĐD đã đề ra: đặc trưng cuộc cách mạng phải tiến hành là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, do lực lượng quần chúng công nhân và nông dân đứng lên lật đổ nền đô hộ của Pháp và đập tan « bọn phong kiến » (triều đình, bộ máy quan trường,

đại địa chủ) nhằm tới cuộc cách mạng ruộng đất (ruộng về tay người cày). Giai đoạn này chuẩn bị cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Ban chấp hành Trung ương Đảng không đặt trụ sở tại Trung Hoa nữa mà dời về Hải Phòng, sau đó đặt tại Sài Gòn vào tháng 10. Nguyễn Ái Quốc không tham gia Ban chấp hành, vẫn giữ tư cách là người trung gian giữa QTCS với ĐCSĐD.

Đảng Cộng sản xây dựng trên cơ sở cấu trúc cũ của Thanh Niên, chỉ có thay đổi tên gọi (Tổng bộ đổi thành Trung ương, Xứ ủy thay cho Kỳ bộ...). Sau khi hợp nhất, đảng cộng sản ở Bắc Kỳ có các thành ủy Hà Nội, Hải Phòng, các tỉnh ủy Nam Định, Thái Bình, Bắc Ninh. Ở Trung Kỳ các tổ chức của đảng chủ yếu phát triển ở phía Bắc và miền Trung. Còn ở Nam Kỳ, Mật thám ước tính số đảng viên vào tháng 3 năm 1930 là 53 đảng viên chính thức, 47 dự bị, phân bố trong 22 chi bộ, trong đó 11 chi bộ ở Sài Gòn, 5 ở Chợ Lớn, 5 trong các tỉnh Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long và 2 ở Mỹ Tho; các tổ chức xung quanh Đảng bao gồm 10 công hội đỏ gồm 234 công nhân vùng Sài Gòn - Chợ Lớn và 4 nông hội họp khoảng 465 nông dân.[67]

Ngày 1 tháng 5 năm 1930, ba tháng sau đại hội hợp nhất ở Hương Cảng, Đảng Cộng sản phát động phong trào nông dân có tổ chức.

Nếu như ở buổi đầu « thời kỳ thứ ba », đảng có đôi lúc phê phán Nguyễn Ái Quốc, người sáng lập, cho rằng tư tưởng của Quốc « còn lưu tồn chủ nghĩa quốc gia » và « những lý luận của Quốc mang tính chất cơ hội chủ nghĩa » [68], thế mà Đảng Cộng sản Đông Dương vẫn nườm nượp tuân theo đường lối « gấp khúc » (en zigzag) của Stalin, không hề lay chuyển. Cái « đường lối » đã đưa phong trào nông dân đi đến thất bại đẫm máu những năm 1930-1931.

Sáu năm sau, sau hiệp ước Laval-Stalin, ĐCSĐD hủy bỏ đấu tranh giai cấp và đấu tranh chống đế quốc chủ nghĩa, rồi cùng với Đảng Cộng sản Pháp, ủng hộ một Mặt trận Bình dân, để cùng gìn giữ toàn vẹn lãnh thổ của đế quốc thuộc địa Pháp. Cuối cùng, sau hiệp ước Hitler-Stalin, ĐCSĐD lại chuyển biến Nam Kỳ thành lò sát sinh khổng lồ năm 1940. Đồng thời họ phát động một phong trào cuồng nhiệt và mơ hồ chống xu hướng Trôtski, chẳng kém gì chủ nghĩa ngu muội dân của các phái tôn giáo cuồng nhiệt. Nối gót Stalin, họ ám sát những người cách mạng đã phê phán chính trị tai hại sát nhân của họ, những người đứng về Đệ tứ Quốc tế.



Nguyễn Thái Học

PHẦN THỨ HAI

NHỮNG VỤ BÙNG NỔ

1930 - 1933



Đầu người cách mạng phô trương ở Yên Báy

VII
Bạo động vũ trang Yên Bái, tháng 2 -1930

Những tổ chức Cộng sản vừa mới hợp nhất thì Việt Nam Quốc dân đảng phát khởi một cuộc bạo động nổi dậy toàn bộ Bắc Kỳ, suốt từ Lào Cai giáp Trung Hoa tới vùng châu thổ Sông Hồng.

Trong đêm 9 rạng ngày 10 tháng 2, vào 1 giờ sáng, ở Yên Bái, nơi đóng quân của trung đoàn 4 Bắc Kỳ (gồm 1000 lính khố đỏ do 20 sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp chỉ huy), hai nhóm đảng viên gồm tất cả 8 người xuất hiện, một nhóm trong thành, một nhóm tại trại lính đại đội 5 và 6. Những người lính tập đồng mưu đã mở đường cho họ. « Một hiệu kèn báo động nổi lên; theo nội qui, một khi có kèn báo động, thì viên đội người Pháp phụ trách kho súng phải phát ngay vũ khí và đạn dược cho lính tập. Việc đó được thực hiện ngay ». Năm sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp bị công kích trong lúc còn đang ngủ, rồi những người phiến loạn chiếm trại lính cho tới rạng sáng, nhưng cuối cùng họ phải rút lui, bỏ lại 20 người chết và khoảng 50 người bị bắt, phần lớn bị thương.[69]

Cũng trong đêm đó, Nguyễn Khắc Nhu, nhà trí sĩ nhiều tuổi thường gọi Xứ Nhu, cầm đầu một toán quân vũ trang đơn sơ vội vã, tấn công vào trại lính Lâm Thao và đồn lính khố xanh Hưng Hóa (Phú Thọ). Tại Lâm Thao lính gác đầu hàng quân khởi nghĩa, giao cho họ vũ khí và đạn dược. Huyện lỵ bị phá hủy và phóng hỏa. Nhưng lính khố xanh ở Hưng Hóa cố giữ đồn, quân cách mạng thất bại rút lui theo đường Sông Hồng, để lại nhiều xác chết và hai chục người bị bắt. Xứ Nhu bị thương nặng, tử tại trận.

Ngày 10 tháng hai ở Hà Nội, một đảng viên bắn ngã một tên cảnh sát trên cầu Đumer (cầu Long Biên), lập tức bị bắt. Nhiều thanh niên âm mưu khởi nghĩa đang học tại trường Mỹ thuật thực hành, ném tạc đạn vào nhà riêng của viên chánh sở mật thám, vào nhà tù, vào cơ quan cảnh sát trung ương và trại lính san đầm. Phong trào khởi nghĩa còn rung động các vùng khác trong châu thổ Sông Hồng, như Vĩnh Bảo (thuộc tỉnh Hải Dương), Phù Dực (Thái Bình), nhưng cũng không tiến đến một kết quả quyết định nào.

Về phía mật thám họ vẫn tiếp tục phát giác nhiều chỗ dấu vũ khí: bom, kiếm, dao găm, v.v. ở Hà Nội và các tỉnh Bắc Ninh, Kiến An... Mật thám cũng bắt 24 lính tập ở trại lính Lạng Sơn bị tình nghi đồng lõa âm mưu khởi nghĩa.

Ngày 12, toàn quyền Paskiê thiết lập một hội đồng đề hình – tòa án đặc biệt – để truy nã các tỉnh Yên Bái và Phú Thọ. Nhưng trước khi tiến hành truy nã, thì hắn đã phát động chóng vánh một cuộc đàn áp khủng khiếp bằng quân lực. Ngày 16 tháng hai, 5 máy bay ném bom xuống làng Cổ Am. Khoảng 50 quả bom trên máy bay thả xuống, liên thanh trên máy bay hạ thấp bắn bừa bãi trên các thửa ruộng có người, không phân biệt thường dân hay người khởi nghĩa. Ngọn lửa trả đũa thiêu trụi các mái nhà tranh, các cây ăn quả, các bụi tre, các đền chùa.

Sáng ngày 17, khâm sứ Bắc kỳ Rôbe gửi các công sứ một công văn như sau:

> Làng Cổ Am, thuộc tỉnh Hải Dương, nơi trú quân của nhóm nổi loạn, đã giết tri huyện Vĩnh Bảo, hôm qua đã bị phi đội Hà Nội ném bom. Nay sức cho các ông phải thông báo rộng rãi và nhấn mạnh rằng làng nào ở trong tình trạng tương tự sẽ phải chịu số phận như thế một cách tàn nhẩn. [70]

Các đội lính cảnh vệ người bản xứ càn đi quét lại vùng hạ lưu châu thổ sông Hồng, bắt bớ bắn giết những kẻ tình nghi. Các xã An Diên và Tiên An bị phóng hỏa. Một tháng rưỡi sau « đội cảnh vệ bản xứ do thanh tra Moghê chỉ huy vẫn tiếp tục đàn áp dữ dội tại các huyện Kiến Thụy, Tiên Lãng, và An Lão. Họ tiêu hủy trắng trợn nhà cửa của người dấy loạn. »[71]

Các đội quân này đã càn quét như thế nào ?

Xã trưởng Sơn Dương, thuộc tỉnh Phú Thọ kể lại những gì diễn ra trong xã của ông như sau:

> Chúng tôi, tất cả già trẻ, nam nữ bị lính cầm súng xua cả đến đầu

> làng trước hai khẩu liên thanh. Khi chúng tôi được trở về nhà chúng tôi chẳng thấy nhà cửa đâu cả, chỉ thấy trước mắt những đống than lửa đỏ với tro tàn. Trong số 69 chủ nhà bị đốt để trừng phạt, thì chỉ có 5 người đã tham gia khởi nghĩa. Chúng tôi không còn gạo để ăn, chúng tôi cũng không còn chăn để đắp mặc dù trời giá lạnh. Ngọn lửa đã thiêu hủy tất cả: không những chỉ nhà cửa mà cả thóc lúa, quần áo, đồ đạc, cho đến cả bàn thờ tổ tiên của chúng tôi cũng bị đốt ráo. Họ bắt chúng tôi phải mang 200 đồng bạc đến nộp trong thời hạn ngắn, và còn phải vác tre lên phủ để xây dựng lại những kiến trúc đã bị quân cách mạng phá hủy. Làng xóm nghèo của chúng tôi bị thiệt hại nặng nề hơn các làng Xuân Tùng, Cao Mai, Kin Ke, Phùng Nguyên, La Hào, Võng La.

Kèm theo bức thư trên là bản sao giấy biên nhận của viên công sứ Pháp:

> Đã nhận của làng Sơn Dương, thuộc phủ Lâm Thao (Phú Thọ) số tiền 200 đồng (200$) để góp vào việc chi phí sửa chữa do hành động của quân dấy loạn gây ra, trong đó có một số người ở làng này tham dự.
>
> Phú Thọ, ngày 28 - 2 - 1930
> Quan Công sứ Calasơ.[71]

Người ta nhớ lại câu nói của Pôl Be, khâm sứ Bắc Kỳ và Trung Kỳ trong thời hạn quá ngắn ngủi, vì ông đã chết ở Hà Nội năm 1886, ngay trong năm ông mới sang, ít lâu sau khi Huế thất thủ:

> Khi một dân tộc, vì một lý do nào đó, đặt chân lên lãnh thổ của một dân tộc khác, thì chỉ có ba cách đối xử, đó là: tiêu diệt dân tộc bại trận, nô dịch họ một cách nhục nhã hoặc gắn bó họ cùng số phận của dân tộc mình.[72]

Chính quyền thực dân chưa bao giờ chọn cách thứ ba.

Rồi đến công việc xét xử. Ngày 28 tháng 2, hội đồng đề hình Yên Bái kết án tử hình 13 trong số 15 người bị buộc tội. Ngày 23 tháng 3, lại xử tử 39 người trong số 86 người bị buộc tội. Những người còn lại kẻ bị kết án khổ sai, kẻ bị lưu đày vĩnh viễn hoặc có thời hạn. Trong đó có 44 lính khố đỏ, nhiều nông dân, tiểu thương, thợ thủ công, giáo viên, thầy thuốc.

Trước hội đồng đề hình, Nguyễn Thái Học không trả lời:

– Tôi đứng trước cường lực chứ không phải trước công lý (Je comparais devant la force, non devant la justice).

Thái Học và Phó Đức Chính, linh hồn cuộc khởi nghĩa,trong số bị kết án tử hình. Họ khước từ ký tên xin ân xá, vả lại những đơn này nói chung đều bị Hội đồng bảo hộ do Rôbe chủ trì bác bỏ.

Vào tháng 4, thêm vào số 52 án tử hình ở Yên Bái, tòa án Bắc Ninh do công sứ Pháp cai trị tỉnh này chủ trì, kết án tử hình (vắng mặt) 4 người nữa và công bố án khổ sai 15 người bị buộc tội.

Ngày 28 tháng 5, 87 người bị đưa ra hội đồng đề hình Phú Thọ: 10 người bị tử hình, 74 người khổ sai hoặc lưu đày, 2 người vào trại trừng giới.

Từ tháng ba, 2 người bị chặt đầu, họ bị tòa án quan lại An Nam ở Vinh xử tử. Tháng năm, 4 người bị chém ở Yên Bái; qua tháng sáu, cũng ở Yên Bái 13 người bị rơi đầu. Vào tháng mười một 5 người chết chém ở Phú Thọ. Thế thì 24 người bị chặt đầu trong số 66 người bị kết án tử. Từ tháng 2 đến tháng 4 năm 1930, hơn 2000 người bị hạ ngục.

Trong lúc đó ở Pháp phong trào phản đối bồng bột nổi lên. Vào tháng ba, tại mít ting ở Câu lạc bộ Fôbua, Tạ Thu Thâu lên tiếng phản đối cuộc đàn áp Yên Bái trước 600 người tham dự. Ở các tỉnh có trường đại học, các bến cảng, trong các cuộc diễu hành mùng 1 tháng Năm, cuộc đàn áp đã hiệp nhứt những người An Nam xuất dương thuộc mọi xu hướng chính trị, thị uy chung cùng một thái độ công phẫn. Hội Nhân quyền cũng tỏ ra lo ngại.

Ngày 22 tháng 3, Tổng thống Gaston Đumegơ và vua Bảo Đại khánh thành « Ngôi nhà Sinh viên Đông Dương » tại khu Đại học. Trước hôm ấy cảnh sát bắt giam những tay hay gây rối như Nguyễn Văn Tạo người phái Lao Nông, Tạ Thu Thâu và Nguyễn La Chân, nguyên là thủ qũy của đảng Việt Nam Độc lập, họ thuộc *Nhóm những người xuất dương Đông Dương* (Groupe des Émigrés Indochinois). Mặc dầu bắt bớ vẫn có người đi biểu tình. Thế rồi Phan Văn Chánh, Lê Bá Cang, Ngô Quang Huy và một người nữa bị bắt giữ vì đã tung rải truyền đơn: « Hãy thả 13 tù tử hình ở Yên Bái! hãy thả tất cả tù chính trị »

Sinh viên tẩy chay phòng trọ tại Nhà Sinh viên Đông Dương, làm nhiều căn phòng rỗng vắng trong một thời gian mặc dù khu vực này là nơi ai ai cũng mơ mộng được trọ ở đó. Tiền kiến trúc nhà trọ, món quà tẩm thuốc độc này ở đâu ra ? Phưởng phất hình ảnh mơ hồ của một ông Fontên, giám đốc nhà máy rượu ở Đông Dương, « Nhà Mạnh Thường Quân thuộc địa », làm cho tầng lớp trẻ tuổi đó phải dằn vặt dặt dè. Hơn nữa lại thêm cuộc khủng bố rùng rợn vừa ập xuống Bắc Kỳ. Ngày khai mạc trong số 80 phòng chỉ có 7 phòng có sinh viên ở. Trong số 35 người ghi tên xin trọ, 29 người

đã rút tên vì – theo những từ ngữ lưu hành trong giới sinh viên – là phải coi chừng « tình thân ái giả hiệu », phải chủ ý « lòng nhân ái của bọn thực dân », đừng để dáng lộng lẫy của ngôi Nhà Đông Dương mê hoặc mình.

Đảng Cộng sản Pháp, qua những truyền đơn gửi tới « giới cần lao và sinh viên Đông Dương », khuyến khích họ cùng biểu thị với giai cấp vô sản chính quốc nhằm cứu tử 13 chiến sĩ, và động viên họ nhập vào ĐCS và trong tổ chức Tổng Liên đoàn Lao động Thống nhất nhằm « đuổi tất cả bọn bóc lột ra khỏi Đông Dương ».

Tại Tulusơ, trong cuộc diễu hành ngày mùng 1 tháng Năm năm 1930 do Đảng Cộng sản Pháp và TLĐ Lao động Thống nhất tổ chức, sinh viên An Nam đòi thả những người bị án tử hình ở Yên Bái. Cảnh sát bắt sáu người, đặc biệt trong đó có Trần Công Vị, sinh viên Y Dược, người đã từng tuyên thệ khước từ làm công chức của thực dân, cùng với Trần Văn Giàu và Nguyễn Văn Dựt, hai người sau đó sang học ở Môskơva. Cũng tại Tulusơ ta gặp lại Phan Văn Hùm, trong Ủy ban đấu tranh của Những người xuất dương Đông Dương, phân phát truyền đơn « Người An Nam ở Tulusơ chống đàn áp », ký tên Tạ Thu Thâu. Đồng thời anh phát những khẩu hiệu bướm kêu gọi phản đối cuộc xử án ở Bắc Ninh làm tăng số án tử hình lên tới 56:

> Hỡi vô sản và những người bị áp bức, hãy ngăn tay sát nhân của chủ nghĩa đế quốc! Hỡi bọn sát nhân thuộc địa, hãy thả 56 người bị án tử hình ở Yên Bái và tất cả các tù chính trị! Giải phóng Đông Dương!
>
> Nhóm người xuất dương Đông Dương ở Pháp

Ngày 17 tháng 5, nhóm người xuất dương Đông Dương phân phát bản Tuyên bố với chính phủ Pháp, với giai cấp vô sản Pháp và vô sản quốc tế, trong đó nhắc lại cuộc hành hình ở Vinh, nơi mà tên đao phủ phải chặt đi chặt lại tới ba lần, và cuộc trảm quyết ngày mùng 8 tháng 5 ở Yên Bái, nêu lên trường hợp 39 người bị xử tử đang chờ đến lượt mình, những người mà hồ sơ vừa mới gửi tới Pháp để xem xét. Tờ Tuyên bố nhấn mạnh tính chất vô hiệu của chính sách đàn áp:

> Ngày nay tư tưởng cách mạng đã hướng dẫn ý thức tập thể của quần chúng bị bóc lột. Một sự đè nén bằng sức mạnh thô bạo chỉ làm tăng thêm bước tiến lan tràn và không thể chế ngự nổi của họ. Dưới sự bóc lột dữ dội của chủ nghĩa tư bản đang suy tàn, thế giới đang phân chia thành hai lực lượng cơ bản đấu tranh quyết liệt với nhau. Từ trong cuộc đối đầu vĩ đại giữa một thiểu số chiếm hữu của cải và đại

> đa số người làm ra của cải, sẽ dẫn tới một kết quả chắc chắn, đó là sự thắng lợi hoàn toàn của đông đảo quần chúng bị bóc lột đã tự giác ngộ.

Cầm ngục, lưu đày, tù khổ sai chung thân, tử hình, liên thanh và máy bay, không gì có thể khuất phục được chúng ta.

Kết thúc, bản Tuyên bố có lời mời những người lao động tới tham dự cuộc họp để phản đối tập thể những vụ chém đầu ở Yên Bái do Liên minh Cộng sản (phái Tả đối lập)[73] và Nhóm người xuất dương Đông Dương tổ chức ngày thứ tư 28 tháng 5, có các đại biểu thuộc các nhóm thuộc địa khác tham gia, cuộc họp tổ chức tại nhà Cà phê La Belơviloisơ, số 23 phố Bôyê, Paris 20e.

Một bản kêu gọi thứ hai, tựa đề *Những cuộc thảm sát ở Đông Dương*, nhắc nhở mọi người cần kiếp phản đối khẩn cấp: « Hỡi nhân dân Paris! Hỡi công nhân Pháp! Các bạn hãy ngăn chặn đừng để giết hại những người đã phải vùng dậy vì bị một chế độ đói nghèo triền miên, một tình trạng khốn cùng có tổ chức, một chế độ đẩy đến chỗ chết chóc, nó dồn đến đến bước đường cùng. »

Ngày 27 tháng 6, Đảng Cộng sản Pháp và tổ chức Cứu tế Đỏ Quốc tế tập hợp hơn 4000 người tại rạp Xiếc Mùa đông để phản đối những án quyết đẫm máu của Hội đồng đề hình Bắc Kỳ và các tòa án quan lại ở An Nam.

Cuộc biểu tình trước điện Elysê ngày 22 tháng 5 năm 1930

Ngày 21 tháng 5, tại Paris, một ủy ban tranh đấu gồm 17 người nhóm Lao Nông và Những người xuất dương Đông Dương, dự định ngày mai tựu hợp nhau hết sức đông đảo trước điện Elysê. Liên minh Cộng sản kêu gọi các đảng viên của mình tham gia. Báo *Sự thật* (La Vérité) của họ, ngày 30 tháng 5 đăng tin như sau:

> Ngày thứ năm 22 tháng 5, hồi 3 giờ chiều, một cuộc biểu tình quảng đại tập hợp hàng trăm thợ thuyền và sinh viên Đông Dương trước điện Elysê. Trong vòng nửa tiếng đồng hồ, các đồng chí chúng ta giương cao biểu ngữ có ghi: « Hãy thả 39 người bị án tử hình của chúng tôi! ». Họ tung ra hàng trăm truyền đơn qua các phố, họ hăng hái hô to phản đối dưới các cửa sổ chủ tịch Cộng hòa. Giao thông bị tắc nghẽn, giữa các hàng ô tô dừng lại, cảnh sát sửng sốt trước cuộc biểu tình rầm rộ và bất ngờ, đành chờ quân

> tiếp viện để can thiệp. Những người lao động tại các công trường gần đấy biểu lộ cảm tình với đoàn biểu tình. Khi tốp cảnh sát tiếp viện gấp rút gọi đến nơi, số cảnh sát tăng lên gấp mười, chúng liền xô nhập đoàn biểu tình một cách hung bạo. Mười hai người biểu tình bị bắt đưa về bót. Ở đó bọn cảnh sát giận dữ thả sức đánh đập. Đó là Nguyễn Văn Tạo, Đào Thành Phát, Trần Văn Chiêu, Đặng Bá Lênh, Huỳnh Văn Phương, Trần Văn Đởm, Albe Susiny, Tạ Thu Thâu, Trần Văn Ty, Trần Văn Giàu, Lê Văn Thử và Forănxi Giêra (Rosenthal). Một đồng chí trong số đó bị thương ở đầu máu chảy đầm đìa.

Ngày 25 tháng 5, một mẻ bắt bớ lần thứ hai. Trong cuộc biểu tình truyền thống tại « Bức tường Công xã » (Mur des Fédérés ở nghĩa địa Père-Lachaise), cảnh sát đi bắt từng người một, hễ ai khuôn mặt lộ ra gốc gác ở Đông Dương thì túm, và tiếp theo đó, chúng khám xét nơi trú ngụ nhiều người.

Trong số bốn chục người bị bắt, người thì bị giam tại nhà lao Santê, người thì bị nhốt ở khám La Rôkêttơ. Mười chín người bị chuyển xuống Macxâydơ rồi bị trục xuất. Họ lên tầu về Đông Dương ngày 30 tháng 5. Trong đoàn đó có Tạ Thu Thâu và các bạn như Phan Văn Chánh, Huỳnh Văn Phương. Nguyễn Văn Tạo, đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, vẫn bị giữ tại nhà lao Santê.

Ngày 28, những người An Nam tổ chức bị trục xuất vắng mặt, các đồng chí người Pháp trong Liên minh Cộng sản bắt tay sấp đặt cuộc mít tinh ở Càphê La Belơviloisơ.

Nhưng cũng chẳng đi đến đâu. Tại nghị viện, khai cuộc tranh luận ngày 6 tháng sáu. Đalađiê đề nghị lập một ủy ban quốc hội soạn thảo một qui chế hướng dịu tình hình Đông Dương. Không có kết quả. Cuộc cải cách những chế định chính trị sẽ không bao giờ được vạch ra.

Mặc dù có những cuộc phản đối, bọn thống trị không màng đến. Mười ba cái đầu thanh niên rơi tại Yên Bái rạng sáng ngày 17 tháng 6 năm 1930 . Lu-i Rubô, người chứng kiến cuộc hành huyết, đã kể lại vụ sát nhân theo luật pháp này trong cuốn sách của ông: *Việt Nam, tấn bi kịch Đông Dương* (ông nghe mười ba tiếng Việt Nam! hô lên trước đọan đầu đài) có ghi lại tiếng kêu xé ruột của bà mẹ khi thấy con mình bị dẫn đi chém « Ơi chao ôi, con ơi! ».

Nguyễn Thái Học, người sáng lập VNQDĐ, trước ngày bị hành hình, nhận trách nhiệm cuộc khởi nghĩa trong bức thư gửi cho các dân biểu Pháp, nhưng bức thư này không hề đến tay họ. Đây là mấy giòng căn bản:



Thi hài cô Nguyễn Thị Giang bạn đời của Nguyễn Thái Học

Tôi đã tổ chức Đảng Quốc dân Việt Nam vào năm 1927 để hoạt động chủ đích đánh đuổi người Pháp ra khỏi lãnh thổ và thành lập một chính phủ Cộng hòa Việt Nam thực sự dân chủ.
Tôi tự mình chịu trách nhiệm tất cả các biến cố chính trị đã xảy ra trong đất nước tôi từ ngày tháng đó và do tôi tổ chức. Tôi là thủ phạm thực sự và duy nhất, cái chết của tôi là đủ cho các ông rồi. Tôi xin các người khác được tha. Sau lời lẽ nói trên, tôi xin tuyên bố với người Pháp rằng nếu như từ đây về sau họ muốn chiếm Đông Dương một cách yên ổn, không bị bất kỳ một phong trào cách mạng nào quấy nhiễu, thì họ phải từ bỏ mọi phương pháp tàn bạo và vô nhân đạo, đối xử người Việt Nam như những người bạn, chứ không phải như những ông chủ độc ác; phải cố sức làm giảm bớt tình trạng khốn cùng về tinh thần và vật chất bằng cách khôi phục lại cho người Việt Nam những quyền lợi cá nhân cơ bản: tự do du hành, tự do học tập, tự do hội họp, tự do báo chí; không được dung túng sự những lạm công chức và những tệ lậu của họ; hãy cho người dân được học hành; hãy mở mang công thương nghiệp bản địa.

Kẻ thù của các ông, nhà cách mạngThái Học

Sau khi Nguyễn Thái Học bị hành quyết, người bạn đời của ông là Cô Giang (Nguyễn Thị Giang) tự treo cổ.

Bọn cung cấp người cho máy chém và nhà lao vẫn tiếp tục công việc của họ: Tại Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 1930, Đoàn Trần Nghiệp (Ký Con) Nguyễn Văn Nho (em của Nguyễn Thái Học) và mười người nữa bị kết án tử hình; 125 người bị cáo bị kết án khổ sai hay lưu đày. Ký Con, Nho, Lương Ngọc Tôn và Nguyễn Quang Triều sẽ bị chém đầu ngày 9 tháng 3 năm 1931 trước cửa nhà pha Hỏa Lò Hà Nội.

Ngày 17 tháng 11, 179 người bị buộc tội thuộc VNQDĐ bị đưa ra hội đồng đề hình Hải Dương: 6 người bị xử chém, 119 người bị khổ sai hoặc lưu đày và 6 (vị thành niên) bị đưa tới trại cải hối.

Ngày 21 tháng giêng năm 1931, hội đồng đề hình Kiến An đến lượt mình cũng kết án « âm mưu làm rối trị an Nhà nước, mưu toan giết người và chế tạo chất nổ »: 4 người bị khổ sai chung thân, 23 người tù giam từ 2 đến 10 năm, và 140 người bị lưu đày.

Ở Hải Dương, lính kín đào lên 76 quả bom chôn sâu dưới đất 2 thước, trong những ngày đầu tháng 3 năm 1931, ngay trước vụ hành quyết bốn người bị kết án hồi tháng 8 năm 1930.

Việt Nam Quốc dân đảng, một đảng cuối cùng theo truyền thống âm mưu quân sự của Phan Bội Châu, sẽ khuất dạng mươi năm... Dư đảng chạy sang Tàu. Vũ Hồng Khanh (tên thiệt Vũ Văn Giản) cùng Nguyễn Thế Nghiệp ẩn trú Vân Nam, Trần Trung Lập nương náo Quảng Tây, Nghiêm Kế Tổ ở Quảng Đông, họ sẽ hồi phục Việt Nam Quốc dân đảng vào những năm 1940.

Cùng trong giai đoạn VNQDĐ tung hoành, Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập. Một khi đảng quốc gia thất thủ, trào lưu dấy loàn tồn tại sáp nhập vào làn sóng vận động nông dân dưới cờ cộng sản.



Truyền đơn bươm bướm đòi thả những người bị xử tử ở Yên Báy

VIII

Đông Dương Cộng sản tả phái đối lập chống chủ nghĩa Stalin xuất hiện ở Pháp

Thử nghiệm đề xuất lý luận chính trị
Ý nghĩa cuộc khởi nghĩa Yên Bái

Từ tháng 4 năm 1930, hai cơ quan ngôn luận của Liên minh Cộng sản ở Pháp là *Đấu tranh Giai cấp* (La Lutte de classes) và *Sự Thật* (La Vérité) dành riêng những cột báo cho Nhóm xuất dương Đông Dương sử dụng. Huỳnh Văn Phương đăng bài « Cuộc kinh doanh xứ Đông Dương và giai cấp tư sản An Nam » trên tờ *Đấu tranh Giai cấp*, trong đó Phương hạ nhục giai cấp tư sản -– đại diện là đảng Lập hiến – về ý thức cầu lợi của họ, lợi dụng phong trào cách mạng quần chúng đang lên để đòi cho được những thuận lợi cơ bản cần thiết cho sự phát triển của họ. Còn Tạ Thu Thâu, anh viết trên tờ *Sự thật* từ tháng 4 tới tháng 6, bài ký tên là Một người Cộng sản Đông Dương, nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa Yên Bái và những triển vọng cách mạng hiện thời.

Tạ Thu Thâu điểm lại các phong trào chống thực dân, nhấn mạnh tính chất phản động của phong trào chống Pháp xâm nhập và đô hộ, từ buổi đầu tới năm 1900 (mưu sát, khởi nghĩa du kích và binh biến do các quan lại và sĩ phu trung thành với chế độ vua chúa cầm đầu). « Nguyên nhân chủ yếu là họ phản kháng chống lại cách thức sinh hoạt mới, kiểu sản xuất mới ». Thâu nói từ năm 1900 trở đi, các phong trào ấy tuy có khác nhau về nội dung xã hội và về tổ chức, nhưng tất cả đều có tính chất tư sản trong các diều đòi hỏi như quyền tự do về kinh tế và độc lập.

Thâu cho rằng cuộc khởi nghĩa Yên Bái là « sự nghiệp của tả phái quốc gia, tập hợp những sinh viên chịu ảnh hưởng Cách mạng Trung Hoa và theo học thuyết Tôn Dật Tiên – một học thuyết tổng hợp nền dân chủ, dân

tộc chủ nghĩa và có đôi chút xã hội chủ nghĩa –, họ là phái tán thành lật đổ chủ nghĩa đế quốc bằng bạo lực, ngược với phái hữu, tức là đảng lập hiến.

.

> Trong khi chúng tôi tuyên bố đứng về phía 52 người [chiến sĩ VNQDĐ] bị tử hình, 50 người bị khổ sai cũng như 5 người bị lưu đày, chúng tôi vẫn dành cho mình cái quyền của người cách mạng để phê phán phong trào này. Chúng tôi xem đấy là một cuộc nổi dậy tổ chức đơn sơ, phần lớn dân chúng vẫn giữ thái độ bình lặng (nhiều nông dân vẫn sẵn sàng giúp đỡ bọn lính đi đàn áp). Đấy là một thứ quốc gia chủ nghĩa thần bí, dựa trên nền tảng lý tưởng mơ hồ, trừu tượng, làm cho ta không thấy rỏ được những quan hệ giữa các giai cấp, cùng mối liên hệ thực sự giữa giai cấp tư sản bản xứ với chủ nghĩa đế quốc Pháp. Vấn đề khẩn cấp phải trù hoạch là việc đào tạo chiến sĩ cách mạng theo chủ nghĩa Kac Mac.

Sau Yên Bái phải làm gì ?

Tạ Thu Thâu đáp phải đào tạo ở các xứ thuộc địa một đội tiền phong có ý thức về vấn đề xã hội, không còn bị chủ nghĩa quốc gia xúc động, một thứ « chủ nghĩa chủ quan chính trị » làm cơ sở lý luận không những cho VNQDĐ mà cả « chủ nghĩa cộng sản duy danh » của đảng Thanh Niên cũng sở cậy vào nó. Chủ nghĩa quốc gia chỉ đưa đến thất bại. Phải tập hợp quần chúng công nhân và nông dân, làm cho họ giác ngộ về quyền lợi chung của họ, về khả năng đoàn kết của họ, và lôi cuốn họ đấu tranh có suy nghĩ. Phái tả đối lập phải « chinh phục số quần chúng chưa nhiễm phải những luận điệu theo xu hướng Stalin ».

Tiếp đó Thâu phân tích xã hội Đông Dương đã tiến hóa theo con đường tư bản chủ nghĩa do thực dân xâm nhập, đại khái quan hệ các giai cấp trong xã hội Đông Dương như sau:

> Một bên là: tầng lớp vô sản mới mẻ (hầm mỏ, các công ty tư bản lớn – tàu vét, tạo tác công trình công cộng, điện lực, xi măng, nấu rượu, vận tải – nói chung là những công nghệ mới) bị bóc lột thậm tệ, chưa có kinh nghiệm chính trị; một tầng lớp nông dân bị bóc lột, tước đoạt đất đai (bị tầng lớp đại địa chủ, bị các công ty nhượng địa lớn cùng Hội Truyền giáo). Ba phần tư dân số Đông Dương là nông dân. Bên cạnh lớp vô sản công nghiệp, một tầng lớp công nhân nông nghiệp và công nhân các đồn điền cao su còn phát triển một cách nhanh chóng ngạc nhiên. Còn một bên là giai cấp tư sản Châu

> Âu và Trung Hoa, chúng lôi kéo giai cấp tư sản bản địa, và đồng thời lệ thuộc một phần giai cấp tiểu tư sản bằng cách sử dụng họ trong bộ máy quân sự và hành chánh tương đối quan trọng. Giữa hai tập đoàn đó thì có những tầng lớp trung gian (tiểu nông, tiểu viên chức, trí thức) xao động khá đông đảo, quá trình phân hóa giai cấp còn chưa kết thúc.
> Thế giới, mặc dù về chính trị còn bao gồm nhiều quốc gia khác nhau, đang hướng tới một tổng thể về kinh tế, cuộc cánh mạng tư sản thế giới được tiến hành song song với sự phát triển bản thân chủ nghĩa tư bản. Thế nên trong thế giới cuộc cách mạng dân chủ không còn là vấn đề. Hiện nay chỉ phải thực hiện cách mạng vô sản xã hội chủ nghĩa. Phải nhập làm một vấn đề giành độc lập với cuộc cách mạng vô sản.
> Vấn đề lưỡng nan độc lập hay nô lệ ngày nay được đặt ra dưới một hình thức cụ thể hơn: hoặc hướng về chủ nghĩa xã hội hoặc theo chủ nghĩa quốc gia.

Qua bài viết này người ta đã thấy bộc lộ sự phân hướng cơ bản giữa lý luận « cách mạng tư sản -dân quyền » mà Đảng Cộng sản Đông Dương chấp nhận với cái lý luận gọi là « cách mạng thường trực », cơ sở lập trường của tả phái Đối lập.

Quốc tế Cộng sản ra chỉ thị định nghĩa « cách mạng tư sản dân quyền » là giai đoạn đầu của cuộc cách mạng ở Đông Dương, giai đoạn lịch sử nhằm giải phóng dân tộc, thông qua chính thể « công nông dân quyền chuyên chính », sẽ hoàn thành những nhiệm vụ cách mạng tư sản dân quyền trong đó gồm cải cách ruộng đất, mà không động đến các phương pháp sinh sản thuộc quyền sở hữu của giới chủ tư bản. Trong chương trình năm 1932, Đảng Cộng sản Đông Dương tỏ bày một cách cụ thể quan điểm của đảng như sau:

> Tịch thu không bồi thường toàn bộ đất đai và rừng rú, toàn bộ tài sản của bọn đế quốc, bọn địa chủ, bọn cho vay nặng lãi, của các gia đình vua chúa, quan lại, hào lý. Phân chia các đất đai ấy có cho các công nhật nam nữ, cho nông dân nghèo và những trung nông không bóc lột sức lao động của người khác. Trả lại cho người cày những công điền và công thổ mà họ đã bị tước đoạt.
> Đối với công nhân, ngày làm 8 giờ và cải thiện căn bản những điều kiện lao động. Bảo hiểm xã hội do giới chủ và Nhà nước chịu chi phí. Quyền tự do hoàn toàn về lập hội và hoạt động cho các nghiệp đoàn giai cấp.[74]

Còn lý luận cách mạng thường trực, do Trôtski thuyết minh năm 1905, vừa mới được diễn đạt tại năm 1929 lúc Trôtski bị lưu đày ở Pơrinkipo:

> Lý luận cách mạng thường trực đối với những nước lạc hậu đang phát triển theo xu hướng tư bản, và đặc biệt đối với những xứ thuộc địa và bán thuộc địa, có nghĩa là cái giải pháp chân chính và đầy đủ để giải quyết những nhiệm vụ dân chủ và giải phóng dân tộc chỉ có thể là chuyên chính vô sản (vô sản độc tài) kéo quần chúng nông dân theo cùng vô sản. Giai cấp vô sản một khi nắm chính quyền, thành một lực lượng lãnh đạo cuộc cách mạng dân chủ, sẽ không sao tránh khỏi và rất nhanh chóng thấy mình đứng trước những nhiệm vụ buộc họ phải tiến hành những cuộc đột nhập sâu vào quyền sở hữu tư sản (nghĩa là xâm phạm tài sản của giai cấp tư bản). Cuộc cách mạng dân chủ, trong quá trình phát triển của nó, sẽ chuyển trực tiếp thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và như vậy trở thành cuộc cách mạng thường trực. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể hoàn thành được trong phạm vi quốc gia. Cuộc cách mạng ấy bắt đầu trên phạm vi quốc gia, phát triển trên trường quốc tế và hoàn tất trên toàn thế giới, giữa thắng lợi quyết định của xã hội mới trên toàn quả địa cầu.[75]

Đó là một cuộc cách mạng liên tục, do giai cấp vô sản công nghiệp và nông nghiệp lãnh đạo, dựa vào lực lượng những tầng lớp nghèo nhất trong giai cấp nông dân.

Cộng sản đối lập tả phái ở Đông Dương tuyên bố tháng 8 năm 1930

Trong khi Tạ Thu Thâu và các bạn bị trục xuất khỏi nước Pháp, Phan Văn Hùm và Hồ Hữu Tường từ Tulusơ và Lyon đến Paris vào tháng 5, họ tham dự biểu tình phản đối vụ kết án tử hình Yên Bái nhưng thoát khỏi lưới cảnh sát. Trú ngụ ở Bơruxelơ (xứ Belgikơ), họ sắp đặt ra một tờ báo in rônêô, tờ *Tiền Quân*, để thanh minh về vấn đề cách mạng Đông Dương trước khi nhóm « An Nam Cách mạng xuất dương » họp đại hội. Trong báo đó, họ triển khai những ý tưởng đồng như Tạ Thu Thâu trong tờ *Sự Thật*, nhấn mạnh sự nguy hiểm khi bám vào chủ nghĩa Tam dân (của Tôn Dật Tiên) theo khuynh hướng « cựu học », và cũng nguy hiểm không kém khi tin tưởng như « một vài anh tân học », rằng chỉ sau vài tháng học tập ở

Môskơva thì đã thấm nhuần những lời chỉ dạy của Kac Mac và Lênin.

Đêm 13 rạng ngày 14 tháng 7, Hùm và Tường, cùng đi với hai đồng chí Pháp Navilơ và Môliniê, trở lại Paris không bị trở ngại gì. Họ gây dựng lại Nhóm người xuất dương cùng với La Văn Rớt (bí danh Lêon) và Nguyễn Văn Nhì, từ tỉnh lên tới, Trần Văn Sĩ (Ecnêst) và Nguyễn Văn Lịnh (Rơnê), sau đó có thêm một số người khác như Nguyễn Văn Nam (Ăntôny), sinh viên, và Nguyễn Văn Cử, vô tuyến hàng hải.

Đồng chí Rôsme mời họ tự do trình bày quan điểm của họ trên tờ *Sự Thật*, dầu họ không đồng ý với tất cả những thâm tín chính trị của phái Tả đối lập. Pierơ Fơrăn tổ chức cùng họ đi dạo trong các khu rừng quanh Paris: Fơrăn hướng dẫn họ hiểu biết tình hình suy luận về cách mạng trên thế giới; họ cũng thảo luận tiếp tục tại nhà trọ Ecnêt, 65 phố Monsiưa-lơ-Pơrenxơ. Chẳng bao lâu, họ lập thành Nhóm người Đông Dương trong Liên minh cộng sản (Phái Tả đối lập Pháp).

Vào tháng tám, khi cuộc đàn áp đã tàn sát phong trào nông dân trong nước, họ xác định thái độ của họ qua việc phát hành tờ *Tuyên bố của những người phái tả đối lập Đông Dương*, một mặt tuyên bố trung thành với Quôc tế Cộng sản, mặt khác biểu đạt những phân hướng tách họ khỏi Quôc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Đông Dương, theo đây một vài đoạn trích:

> QTCS là tổ chức quốc tế của chúng tôi, Đảng Cộng sản là đảng của chúng tôi. QTCS là một tổ chức cách mạng duy nhất của giai cấp vô sản, dù đã bị mắc những sai lầm to lớn. Vì kỷ luật, chúng tôi tuân theo những quyết định của QTCS, đồng thời vẫn khẳng định quan điểm của chúng tôi.
>
> Ban lãnh đạo hiện nay của QTCS (nhóm trung phái theo Stalin), với chính sách giáo điều đối với các nước thuộc địa, hỗn hợp chủ nghĩa Tam dân tiểu tư sản với quan điểm theo chủ nghĩa Kac Mac về cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp vô sản, đã đưa phong trào ở các xứ thuộc địa từ sai lầm này tới sai lầm khác. Ở Trung Hoa sau chính sách nhập cục bốn giai cấp lệ thuộc Đảng Cộng sản trong Quốc dân đảng, tới việc phản đối thành lập Sô viết trong cao trào cách mạng Trung Hoa, rồi đến việc tung ra khẩu hiệu thành lập Sô viết trong thời kỳ cách mạng thối triều. Rốt hết là cuộc đảo chính ở Quảng Châu. Chính sách đó làm cho cuộc cách mạng Trung Hoa bị thất bại năm 1927. Chính sách đó làm hại cho việc thành lập những đảng cộng sản ở Đông Dương. Phái tả đối lập đang phát triển cốt để xây dựng lại QTCS.

> Ở Đông Dương,QTCS chủ trương luận thuyết làm « cách mạng tư sản dân quyền quốc gia trước đã » với lý do sau đây: Nền kinh tế Đông Dương còn lạc hậu, công nghiệp còn ít phát triển và ít tập trung, do đó giai cấp vô sản Đông Dương còn yếu, thiếu kinh nghiệm và không có khả năng thiết lập nền chuyên chính vô sản. QTCS đã chủ trương một đường lối trung gian là lập một đảng gồm cả hai giai cấp công nhân và nông dân, bởi lẽ a) 95% dân số là nông dân, b) tiềm năng cách mạng của giai cấp nông dân, do tình trạng bị bóc lột, cũng ngang với mức tiềm năng cách mạng của giai cấp vô sản, nếu không nói là cao hơn.
>
> QTCS đã mắc phải một sai lầm rất nghiêm trọng, là phân chia chương trình cách mạng thành giai đoạn: 1. giải phóng dân tộc; 2. giành các quyền tự do dân chủ; 3. làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Khẩu hiệu của chúng ta là lật đổ chủ nghĩa đế quốc và giành lấy các quyền tự do dân chủ bằng chuyên chính vô sản.
>
> Vào lúc này, ở Đông Dương các xu hướng cách mạng khác nhau đang nhập khối thành một đảng duy nhất là Đảng Cộng sản Đông Dương. Nhiệm vụ của chúng ta là phải làm tỏ rỏ hệ thống tư tưởng của đảng, phải chống lại những khuynh hướng quốc gia và khủng bố chủ nghĩa trong nội bộ đảng, chống lại thái độ quan liêu và chủ nghĩa kinh nghiệm mơ hồ theo lối Stalin. QTCS đã đánh giá quá cao lực lượng cách mạng xu hướng quốc gia. Bao giờ chủ nghĩa quốc gia cũng là một hệ thống tư tưởng phản động. Chủ nghĩa quốc gia rốt cuộc chỉ rèn đúc một xiềng xích mới trói buộc giai cấp công nhân.[76]

(Các bạn xuất dương trẻ tuổi này dường như không biết rằng lúc đó Đảng Cộng sản Đông Dương non trẻ chủ trương « giai cấp chống giai cấp » chứ không phải xu hướng « quốc gia chủ nghĩa »).

Môliniê tự lãnh trách nhiệm chuyển giao bản tuyên bố nguyên tắc đó cho Trôtski, cùng với một bài khái lược của Hồ Hữu Tường về tình hình chính trị và xã hội ở Đông Dương, trong đó Tường nhấn mạnh đặc biệt đến những điều kiện cực kỳ bí mật bất hợp pháp của phong trào cách mạng, nó làm trở ngại cho việc liên hệ và làm cho việc thông tin khó chính xác và kịp thời.

Bản tuyên bố trên gửi từ Paris tới đảo Pơrinkipô, gần Cônstăntinôplơ (xứ Tuyêtki), tới tay ông già cách mạng lưu ly, thất bại về chính trị ở Nga, bị khai trừ khỏi Đảng Cộng sản Liên Sô và QTCS, bị áp giải từ Môskơva đến Alơma-Ata, rồi cuối cùng bị trục xuất ra khỏi Liên Sô.

Trôtski hoan nghênh « lời tuyên bố về mặt tư tưởng được rõ ràng đồng nhất ».

Đối với việc những người thanh niên mới nhập cuộc này lên án quyết liệt chủ nghĩa quốc gia, Trôtski nhận xét rằng không phải lúc nào chủ nghĩa quốc gia cũng mang tính phản động, và nếu tháp tùng chủ nghĩa quốc gia với vấn đề ruộng đất thì có thể sử dụng nó như một động lực then chốt trong cuộc giành độc lập quốc gia, động lực rất « cần thiết cho cuộc cách mạng Đông Dương », đồng thời cũng cần thuyết minh cho quần chúng hiểu rõ « nếu chỉ duy nhất giải phóng quốc gia thì sự giải phóng chỉ là một ảo tưởng ».

Phải chăng Trôtski đánh giá quá cao năng động lực một cuộc vận động quốc gia giữa khối nông dân nghèo chiếm 90% dân số. Vả lại họ đâu biết gì là chủ nghĩa quốc gia dân tộc, một dân tộc trong đó tầng lớp địa chủ và phú nông bóc lột sức lao động của nông dân đều là người đồng một xứ sở cũng như tầng lớp hào lý, chức dịch của một chính quyền thực dân, chính quyền ấy đè nén, áp bức họ nhưng họ ít khi thấy hình dạng. Khái niệm về quốc gia dân tộc chỉ là sản phẩm sở hữu riêng của tầng lớp trí thức, của những ông giáo làng, của những thầy đồ, những sĩ phu nho nhỏ khét mò dân túy.

Tổ quốc, đối với người nông dân nghèo, chính là nơi chôn cất mồ mả ông bà, cha mẹ gần gũi túp lều tranh mình đang ở, là mảnh đất đang cày dù thóc gạo từ đó không đủ nuôi sống gia đình. Còn đối với những người không mảnh đất cậm dùi, chỉ có đôi bàn tay lao động làm thuê, thì làm sao mà họ tưởng tượng được mình là *đồng bào* (cùng chung một bào thai) với những kẻ trực tiếp áp bức bóc lột họ? Cái ý nghĩ thường trực của họ là làm sao có được bát cơm ăn hàng ngày, nộp được món thuế thân kịp thời để khỏi bị đóng trăng giam ở nhà làng, làm sao thoát khỏi thói tham lam của bọn chủ.

Cuộc phát động nông dân trong phong trào 1930-1931 không cần thiết phải đống trống quốc gia dọng chuông dân tộc; đấy là một cuộc đấu tranh giai cấp chống lại địa chủ và chính quyền đế quốc.

Trôtski ngỏ lời xin lỗi vì người kém biết về tình hình Đông Dương, bởi người phát biểu không được cụ thể cho lắm.Trôtski khuyên nhóm Cộng sản tả phái nên phô bày tư tưởng cụ thể hơn để tránh « những ngộ nhận có thể xảy ra ». Người gợi ý cho họ nên từ một bản tuyên ngôn về nguyên tắc, tức là một thứ thảo án, chuyển thành những chỉ trích xác đáng hơn, và những hướng dẫn rành mạch chỉ đạo hành động.

> Không nên bác bỏ tất cả mọi sự hợp tác giữa các giai cấp. Trái lại, có một sự hợp tác giai cấp mà chúng ta đang tìm mọi cách

để thực hiện, đó là: sự hợp tác giữa giai cấp vô sản với bộ phần nghèo nhất giữa giai cấp nông dân cùng với những người bị áp bức bóc lột nhiều nhất trong các tầng lớp dưới thấp trong giai cấp tiểu tư sản thành thị. Sự hợp tác giai cấp theo lối cách mạng đó chỉ áp dụng trong cuộc đấu tranh không thỏa hiệp chống lại các khối liên minh của các giai cấp có của và chủ nghĩa đế quốc, sự hợp tác mang tính chất tạo cho giai cấp vô sản trở thành lực lượng lãnh đạo thực sự của dân tộc.

Cần phải nói rõ hơn, các quyền tự do dân chủ gợi ra nơi đây là những tự do nào. Nói chinh phục các quyền tự do dân chủ bằng chuyên chính vô sản là một cach tỏ ý kiến không rõ ràng. Ngoài các quyền tự do tư sản (tự do tư tưởng, báo chí, hội họp, v.v.) nền chuyên chính vô sản đặt vào tay giai cấp vô sản những phương tiện và những công cụ vật chất để tự giải phóng, đặc biệt là các nhà in, các gian phòng hội họp. Ngày làm việc ngắn hơn, đó là cái duy nhất để cho người công nhân có thể tham gia thực sự vào sinh hoạt xã hội trong xứ. Đối với nông dân, cuộc cách mạng dân chủ trước hết là giải quyết vấn đề ruộng đất và giải thoát khỏi gánh nặng thuế má và binh dịch. Nhưng chúng ta không thể thiết lập được nền chuyên chính vô sản nếu chúng ta chưa trãi qua thực nghiệm mà đã khước từ dân chủ quyền.[77]

IX
Phong trào Nông dân
1930 - 1931

Sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại, sau khi nhiều làng mạc ở Bắc Kỳ bị dìm trong máu lửa và các lãnh tụ của Việt Nam Quốc dân đảng bị đưa lên máy chém,. trong lúc những vụ bắt bớ giam cầm, những vụ xét xử kết án lưu đày đang tiếp diễn, thì tinh thần vùng dậy cách mạng vẫn không ngưng biểu thị mãnh liệt hơn bao giờ cả, và một cuộc bùng nổ thứ nhì đã diễn ra, đó là phong trào nông dân 1930-1931.

Trong vòng hơn một năm, chính quyền đế quốc thực dân phải đương đầu, không còn phải với tầng lớp trí thức yêu nước bất mãn âm mưu nổi dậy, mà phải đương đầu cả một phong trào rộng lớn nảy sinh từ trong giới bị khốn khổ bần cùng thúc dục, phát khởi từ trong phần đông quần chúng dân cày nghèo, dân không mảnh đất cậm dùi, những người công nhật, những người ở đợ.

Đảng Cộng sản huy động họ và tổ chức những cuộc biểu tình quảng đại quần chúng lúc đầu có tính cách hòa bình, để đòi thỏa mãn những yêu sách về kinh tế cấp bách. Sau đó Đảng Cộng sản hướng họ vùng lên lật đổ chính quyền đế quốc thực dân, đoạt lấy chính quyền, thiết lập một chế độ Soviêt công nông Thời đó tầng lớp thợ thuyền và phu phen trong các xí nghiệp mới chỉ là một lực lượng vừa phôi thai và do dự, còn chính quyền thực dân thì không có một biểu hiện nào tỏ rằng nó đang lần hồi bại hoại. Đỉnh cao phong trào này là Sôviết Nghệ Tĩnh, vừa thiết lập nhanh chóng bị dìm trong bể máu.

Đó là một thất bại có tiếng vang lừng. Sách lược về « thời kỳ thứ ba » (x.trên) của Quốc tế Công sản đã dẫn đến thảm trạng vô số nông dân bị tàn sát còn Đảng Cộng sản thì hoàn toàn bị phá hủy.

Vào năm 1929, cơn bão tháng bảy, nắng hạn, nạn châu chấu đã tàn phá cả ba kỳ. Tháng giêng năm 1930, tại Trung Kỳ, mùa lúa mới bị sương giá

phá hại. Giá bán lẻ một cân gạo tăng từ 10 xu lên 17 xu. Nông dân nghèo đang mấp mé chết đói. làm sao họ trả nổi thuế thân đây, một loại thuế quá nặng đánh theo đầu người, cùng với thuế ruộng đất, thuế chợ, thuế câu cá, thuế hái củi... đã tước đoạt của người nông dân nghèo số sản phẩm mà họ phải lao động trong một hai tháng mới làm ra. Thêm vào nỗi khốn khổ của họ lại còn có thuế gián thu về rượu, thuốc lào, diêm, và nhất là thuế muối làm cho giá muối cũng đắt như gạo.

Nông dân hiệp nhau tuần hành, kéo đến các trung tâm hành chính để xin giảm thuế thân và xin hoãn kỳ nộp thuế. Phong trào bắt đầu, chủ yếu ở Nam Kỳ và Trung Kỳ, vào ngày mùng 1 tháng Năm năm 1930, thời hạn cuối cùng phải nộp thuế thân.

Ở Bắc Kỳ

Có lẽ vì bị khủng bố dữ dội từ tháng hai trở đi còn tiếp tục, nên rất hiếm người cùng khổ ở đồng ruộng đáp ứng lời kêu gọi đấu tranh của Đảng Cộng sản. Trong tỉnh Thái Bình, vào ngày 1 tháng Năm chỉ có vài trăm người tuần hành đến tỉnh lỵ không vũ khí và không bạo lực. Tuy vậy họ cũng bị lính gát An Nam giải tán và bị viên công sứ bắn vài phát súng lục. Một người bị thương. Cũng thế, nhà cầm quyền không tiếp kiến dân biểu tình vào tháng chín và tháng mười ở Hải Phòng, Thiên Ái và Nam Định, nơi có truyền đơn và cờ đỏ xuất hiện và có một chiến sĩ cách mạng hô hào thợ thuyền đang trên đường đi làm, kêu gọi họ ủng hộ phong trào nông dân.

Ở Nam Kỳ

Ở vùng ngoại ô Sài Gòn, nơi Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương bí mật đóng trụ sở, không khí hoạt động sôi nổi từ trước ngày 1 tháng Năm.

Một cuộc động viên đấu tranh ngấm ngầm tiến hành mặc dù có những cuộc bắt bớ giam cầm hệ trọng tiếp sau vụ ám sát ở đường Bacbiê. Một bài hát mới lưu hành trong dân chúng theo một điệu dân ca xưa:

Mỗi năm đến ngày 1 tháng Năm
Khắp cả Năm Châu, anh em lao động
Biểu tình thị oai, nơi nơi đều tổng bãi công
Để kỷ niệm cái ngày đấu tranh

Của dân thợ Sicagô.
Ngày xưa nổi lên bắt buộc chính phủ Hoa Kỳ
Phải thi hành luật ngày làm tám giờ,
Cùng luật bảo hộ nhân công.
Cuộc tranh đấu được thắng lợi hoàn toàn...

Trong các ngõ xóm ở ngoại ô Sài Gòn, ở Gia Định, ở Gò Vấp, cũng như ở ngay trong thành phố Sài Gòn phất phới nhiều băng khẩu hiệu và truyền đơn xuất hiện tại khu chợ Bến Thành, tại Công xưởng thành phố, tại Nhà Bè, trước các trạm dầu hỏa của hãng Pháp-Á và Stănđa Oilơ, kêu gọi đấu tranh chẳng những đòi ngày làm tám giờ lại còn hô hào « đánh đổ đế quốc Pháp ».

Vào ngày 1 tháng năm, công nhân hưởng ứng rất kém: 250 phu và thợ nhà máy điện Chợ Quán (Chợ Lớn) tiến hành bãi công xung quanh anh cai Nguyễn Thái, đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương và là người khởi xướng tổ chức bí mật Liên đoàn công hội Nam Kỳ. Ở trạm hỏa xa Dĩ An, gần Biên Hòa, các xưởng thợ vắng người. Chánh mật thám Nađô hạ lệnh bắt những người đốc xuất làm reo.

Những trung tâm đầu não chế độ thuộc địa không bị xáo động, ngay cả ở Thủy binh xưởng Ba Son, nơi đã bị một cuộc bãi công lớn làm liệt bại hồi năm 1925. Ở các sở như sở Hỏa xa đường sắt cùng xưởng kỷ nghệ FACI (Forges, Ateliers & Chantiers d'Indochine) công nhân cũng không rục rịt. Các nghiệp đoàn hoạt động cực kỳ yếu ớt trong vòng bí mật. Kinh tế khủng hoảng, nạn thất nghiệp đe dọa, gây nên tình trạng do dự trong hàng ngũ thợ thuyền. Nông thôn càng thất vọng vì không được thợ thuyền hỗ trợ chút nào.

Chúng ta không thể xem như thợ thuyền tranh đấu để phò trợ nông dân, hai cuộc bãi công đã kể trên cùng các cuộc bãi công khác vào tháng mười, như 150 thợ và culi hãng Đông-Á và 80 phu đồn điền Phước Hòa ngưng việc, như qua tháng chạp 150 phu đồn điền cao su Misơle ở Phú Riềng làm reo, và cả một vài cuộc bãi công không có kết quả vào năm 1931.

Tại Nam Kỳ, nông dân bắt đầu quần hiệp tuần hành từ ngày 1, 3 và 9 tháng năm, trong các tỉnh trồng lúa ở trung tâm, ở Cao Lãnh (Sa Đéc), ở Chợ Mới (Long Xuyên). Dân biểu tình xin hoãn nộp thuế thân, thứ thuế đánh vào mọi người dân bản địa từ 18 đến 60 tuổi, rồi họ tự giải tán, tin tưởng yêu cầu của mình sẽ được xem xét.

Ngày 13, tại Tân Dương (Sa Đéc), một ngàn dân làng không thỏa mãn vì bị thất hẹn, bèn bắt lý trưởng phải mời quan chủ tỉnh người Pháp là Eskividôn tới để họ trực tiếp đưa yêu sách: giảm thuế thân một đồng bạc, bỏ

thuế sát sinh, trả tiền công những ngày đi sưu dịch. Eskividôn đối phó bằng cách hạ lệnh bắt hàng trăm người, trong đó có anh Bảy, cựu học sinh trước kia có tham gia bãi khóa, và thầy giáo Tư, hai người dẫn đầu đoàn biểu tình.

Tỉnh Cần Thơ, một phong trào đưa yêu sách tiến hành: ngày 12, ba làng bị buộc phải đi đắp con đường từ Cái Vồn đến Tân Phong, khước từ không cung ứng nhân công lao dịch bắt buộc. Ngày 20, 500 dân cày tuần hành tới Ô Môn, đàn bà trẻ em đi đầu. Cuộc diễu hành mang dáng dấp chính trị: cờ đỏ xuất hiện với biểu hiện búa liềm, và những biểu ngữ đòi thả những nông dân bị bắt. Vài loạt đạn cảnh cáo, khoảng hai chục người bị bắt, đám đông giải tán.

Tờ báo *Cờ Đỏ* bí mật in bằng bản kẽm, mang tiêu đề *Học lý thuyết Kac Mac mà không hành động thì cũng như không*, kêu gọi nông dân nghèo gia nhập vận động và chào mừng những dân làng biểu thị tình đoàn kết với những người biểu tình đã mang thức ăn và đồ uống để khuyến khích họ. Tờ báo ca ngợi những sự kiện có khả năng đưa tới thắng lợi cuối cùng (nhưng than ôi chỉ là ảo tưởng mà thôi!).

Từ đây chỉ những loạt đạn từ những khẩu súng muskơton, những khẩu súng lục bắn ra là tiếng trả lời duy nhất cho những đòi hỏi của nông dân.

Ngày 28, Chợ Mới lại nổi dậy lần nữa vì thấy không có gì đáp lại yêu sách hoãn nộp thuế đề nghị từ đầu tháng. Cuộc diễu hành tiến bước được ba trăm mét. Tên cò mật thám Nađô không ngăn cản nổi bước tiến của đoàn biểu tình, tốp lính tùy tùng nổ súng. Bốn người chết và một số bị thương. Ba người trong số bị thương chạy trốn được, nhưng hôm sau bị bọn hương chức giao nộp. Hàng chục người bị bắt.

Ngày 29, đoàn biểu tình kéo đến quận Ô Môn: 3.000 nông dân đòi thả những người bị bắt ngày 20. Lính lưu động giải tán họ, bắt ba chục người. Họ bị xử tại chỗ. Đó là vụ kết án « đầu tiên » mở đầu hàng loạt những vụ kết án những người bị bắt tại trận « những hành động phá hoại an ninh công cộng », án quyết lên tột tới 5 năm tù.

Một truyền đơn ký tên Tổng Nông hội Nam Kỳ phân phát trong tỉnh Gia Định ca ngợi tinh thần chiến đấu của nông dân, keu gọi « Đả đảo đế quốc Pháp, quan làng[78], địa chủ! »[79] Hoài niệm vong linh anh em bị tàn sát ở Vinh, ở Thái Bình.[80]

Nổ súng, bắt bớ, không chặn được những đoàn người cùng khốn diễu hành. Họ làm rung chuyển 13 trong số 20 tỉnh ở Nam Kỳ, tương tợ năm 1916 khi chính quyền thuộc địa tiến hành tuyển mộ quân « tình nguyện » sang Tây đánh giặc.

Ngày 2 tháng sáu, ông Thanh, một cựu hương chức dẫn đầu dân biểu tình ở Vĩnh Long. Hàng trăm người bị bắt và bị kết án liền tại trận như ở

Ô Môn vừa rồi.

Phong trào lan rộng ngoại ô Sài Gòn, huy động các vùng dân cư đã từng ủng hộ Nguyễn An Ninh những năm 1926 -1929, sau đó người ta mệnh danh là vùng ngoại ô đỏ thành phố Sài Gòn.

Trong đêm mồng 3, sáu trăm nông dân do thầy giáo Hồ Văn Long dẫn đầu biểu tình ở Bà Hom (Chợ Lớn): 1 người chết, 5 người bị thương. Viên cò mật thám Campana bắn họ bằng khẩu súng trường cỡ 22 (y xứng đáng với biệt danh tên cò 22 long. Hai chục người bị bắt giam tại nhà hội làng Bà Hom; một nhóm thứ hai tới giải thoát họ. Lính lưu động cùng san đầm đến tiếp viện bắt thêm ba chục người.

Ngày 4, tại Hóc Môn (Gia Định), nông dân các làng kế cận liên tiếp ba đợt kéo đến quận, đưa ra yêu sách không chỉ về giảm thuế thân và hủy bỏ ngày sưu dịch cùng các thứ thuế chợ, thuế xe giao thông, mà còn đòi bầu cử hương chức làng và đòi bỏ lối hương chức làng tự tuyển nhau, đòi thả những người bị bắt và ngưng đàn áp trả thù. Đó không phải là một tiếng hô xung trận, nhưng cơ quan mật thám ở Thủ Dầu Một và Thủ Đức vẫn đưa viện binh tới; lại thêm 5 người chết, 20 người bị thương và 30 người bị bắt.

Cũng ngày mồng 4 tháng sáu đó, trời vừa sụp tối, lính lưu động bắn vào đám đông vây quanh dinh chủ quận Đức Hòa (Chợ Lớn). Người ta không biết số người chết là bao nhiêu đêm hôm đó. Một ông hương chức làng nói người ta để mặc cho những người biểu tình mang đi những người bị chết và bị thương.

Trưa ngày mồng 5, một đoàn nông dân dài hai trăm mét đi ngang Bến Lức kéo lên Chợ Lớn để trình yêu sách cho quan chủ tỉnh Rơnô. Nông dân thật kiên nhẫn, họ đứng đợi dưới ánh nắng chang chang. Hôm sau, họ lại đến, và khi Rơnô tới, họ giao đơn thỉnh nguyện tập thể rồi về luôn để tránh điều thiệt hại có thể xảy ra.

Ngày 11, biểu tình ở Chợ Đệm (Chợ Lớn): 300 công nhân đòi thả những người bị bắt (ruộng lúa đang mùa cày cấy) và đòi bỏ thuế đánh cá. 127 người bị bắt.

Các phiên tòa tiểu hình liên tục nhóm xử ở Sài Gòn, ở Vĩnh Long, Mỹ Tho, tuyên án tù có kẻ bị tới 5 năm.

Nhiều truyền đơn rải rác khắp nơi. Một lá kêu gọi:

> Phản đối khủng bố. Hãy chiến đấu lật đổ đế quốc Pháp, địa chủ, quan làng, thành lập chính phủ công nông, tịch thu ruộng đất trong tay địa chủ An Nam và ngoại quốc chia lại dân cày nghèo!
>
> Đảng Cộng sản Đông Dương

Tháng sáu năm 1930, một tháng đáng ghi nhớ:

- Sát nhân chính thức 13 lãnh tụ VNQDĐ, ngày 17 tại Yên Bái;

- 19 người bị trục xuất khỏi nước Pháp tới Sài Gòn ngày 24, trong đó có Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương, Phan Văn Chánh... Họ sẽ gây dựng ở Đông Dương một trào lưu cộng sản phê phán, toan thức tỉnh ý thức phu phen thợ thuyền, còn chậm trễ so với tinh thần chiến đấu của nông dân.

- Ngày 25, trên một chiếc tầu thủy dừng lại ở Vũng Tàu thấy một lá cờ đỏ kéo lên. Tàu chở 132 tù nhân bị kết án ở Yên Bái họ kéo cờ trong lúc chuyển sang qua một chiếc tàu khác để đưa ra Côn Đảo.

- Bản công bố của viên chủ tỉnh Lalôrêttơ phát ra tại Cần Thơ, nhắc lại đạo luật ngày 7 tháng sáu năm 1841 và điều khoản 91 bộ luật hình do sắc luật ngày 4 tháng mười năm 1927 sửa đổi:

> Cấm bất kỳ một cuộc tụ tập nào trên đường sá. Những ai tham gia một cuộc tụ tập trên đường sá, sau khi bị cảnh cáo lần thứ hai, mà vẫn cứ tiếp tục thì sẽ bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm hoặc 5 năm tùy theo tụ tập ban ngày ban đêm, và tùy theo người tham gia có mang theo vũ khí hay không. Những kẻ chủ mưu triệu tập cuộc họp sẽ bị kết án ở mức tối đa, hoặc ở mức những tội trạng cao hơn. Tất cả những kẻ nào soạn thảo, phân phát hay dán những bài viết hoặc bài in xúi dục dân chúng làm loạn sẽ bị kết án trên 2 năm tù. Tất cả những kẻ nào cắt đường dây điện thoại và làm tắc nghẽn giao thông dưới bất kỳ hình thức nào cản trở nhà chức trách giao thông trong thời loạn thì có thể sẽ bị kết án nhiều năm khổ sai tại Côn Đảo. [81]

Cố ý trấn an dân chúng, thống đốc Nam Kỳ Kơrôthâyme đưa ra những biện pháp trì hoãn: không đòi thuế thân những năm trước 1930; người An Nam không bị buộc phải nộp thuế thân tại nguyên quán; cho tới ngày 1 tháng 8 họ có thể nộp thuế của mình; những người nộp thuế trễ có thể khỏi bị phạt (5 ngày tù và phạt tiền 15 fơrăn) nếu họ đóng đủ tiền ngay sau khi chủ tỉnh xem xét trường hợp của họ[82] ; thuế thân được giảm từ 6-7 đồng còn 5 đồng rưỡi.

Cuối tháng 6, sau vụ bắt bớ 11 nông dân biểu tình ở Bà Quẹo, mật thám càn quét và xét nhà lung tung làm náo động cả vùng.

Tháng 7- 1930, Đảng Cộng sản tuyên chiến công khai với đại biểu tư sản và địa chủ trong đảng Lập hiến. Chiều ngày chủ nhật 13, trụ sở của hai tòa báo *Đuốc Nhà Nam và Diễn đàn Đông Dương* (La Tribune Indochinoise) của đảng Lập hiến bị phá phách: Nguyễn Phan Long gợi ý cho thống đốc Nam Kỳ Kơrôthâyme dùng vòi rồng phun nước và hơi cay để giải tán nông dân thay vì dùng súng đạn. Từ đó trong dân chúng gọi y là Long-hơi-cay.

Ngày 14, hai tỉnh Sa Đéc và Long Xuyên, nơi khởi đầu các cuộc biểu tình, sôi động trở lại: hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng Cộng sản Đông Dương dân chúng tụ tập để phản đối việc tổ chức ngày lễ 14 tháng 7.

Ở Sài Gòn, ngày 19, nhân tòa kết án trong vụ ám sát đường Bacbiê đã làm Đảng Cộng sản mất khoảng ba chục đảng viên, và việc ba người Thanh Niên bị tử hình làm náo động dư luận.

Rạng sáng ngày 1 tháng 8, một lá cờ đỏ phất phới trên nóc nhà máy rượu Bình Tây. 200 thợ bãi công tại hãng dầu hỏa Pháp-Á ở Nhà Bè, trong khi ở các tỉnh Gia Định, Thủ Dầu Một, Chợ Lớn, Trà Vinh và Sa Đéc nhiều nơi có vài trăm nông dân tụ họp, nhưng họ tự giải tán khi làng lính khởi đầu cảnh cáo.

Ngày 22 tháng 8, thêm hai người bị bắn chết trong cuộc biểu tình ở Cao Lãnh (Sa Đéc), qua ngày 23, ở Hóc Môn, nhiều biểu ngữ đỏ nhắc nhở vụ đế quốc Mỹ ám sát Săccô và Vănzêtti ngày 23 tháng 8 năm 1927.

Phong trào còn lan ra các tỉnh Tân An, Vĩnh Long, Cần Thơ, Bến Tre. Nông dân thị oai rải rác khắp nơi và thường về đêm, tương tợ phong trào nông dân dấy loạn. Họ đánh trống (đoạt trong nhà hội làng) kêu gọi tập hợp, tự vũ trang bằng gậy gộc, rựa, và vài khẩu súng săn.

Trong làng mà hào lý địa phương truy nã kẻ tình nghi để nộp cho mật thám, nông dân bắt đầu trả thù. Nhóm tòa án cách mạng, họ xử tử bọn hương chức làng cảnh sát. Vào tháng 7, họ bắn chết tên Huợt, hương trưởng làng Tân Tạo, gần Chợ Lớn. Tháng 9, đến lượt hương cả Dương và hương quản Mây, làng Hựu Thạnh; hương cả Nam ở làng Đức Hòa cũng suýt chết. Tổng cộng ba hào lý bị hành quyết.

Qua ngày 24 tháng 8, nông dân phá hủy các nhà hội làng, đốt sạch các giấy tờ lưu trữ, sổ thuế, đốt nhà hương chức làng cảnh sát ở Phước Vân, Hựu Thạnh, Tân Bửu, Lang Sơn (thuộc tỉnh Chợ Lớn), Xuân Thới Tây (Gia Định), Phan Thới và Châu Bình (Bến Tre). Năm 1931 tháng 3, họ còn thiêu hủy giấy tờ, sổ thuế lưu trữ ở các làng Phước Thuận, Tân Hương, An Hiệp và Châu Bình, rồi đến làng Long Hòa, cũng trong tỉnh đó vào tháng 4.

Nếu số người tham gia các cuộc tập hợp chỉ còn độ vài trăm, thì trái lại, những biểu hiệu của đảng cộng sản lại thấy xuất hiện nhiều hơn, cùng những cờ đỏ và truyền đơn kêu gọi ủng hộ cuộc khởi nghĩa ở Nghệ Tĩnh.

Ngày 19 tháng 9 năm 1930, làng lính săn người và bắt bớ ở miệc Đức Hòa và Thạnh Lợi (Tân An). Xét nhà Nguyễn An Cư, chú của Nguyễn An Ninh ở Hóc Môn rồi bắt tất cả những ai có mặt tại đó. Ban đêm, Sài Gòn tràn ngập truyền đơn in bản kẽm. Liền sau đó, ngày 21, máy in truyền

đơn và báo Cờ Đỏ bị khám phá ở sở Ba Son (xưởngThủy binh), Nguyễn Hoàng, 21 tuổi, thư ký bị bắt quả tang tại phòng làm việc.

Tháng 10, tháng kỷ niệm Cách mạng Tháng mười, nhiều sự biến xảy ra.

Nhiều cuộc phát chẩn lúa ở Cà Mau và Giá Rây (Bạc Liêu), nơi cơn bão vừa phá hủy mùa màng, và cũng là nơi mà số điền chủ 7,2%trong dân số, tập trung trong tay 65% ruộng đất, bọn cầm quyền dùng biện pháp đó để làm yên lòng dân chúng.

Mặc dù mật thám làng lính hàng loạt bắt bớ, tra tấn lung tung, tòa án xét xử kết án không ngưng, truyền đơn vẫn rải đều, kêu gọi kỷ niệm Cách mạng Tháng mười Nga năm 1917, thông báo Sôviêt thành lập ở Nghệ Tĩnh (Bắc Trung Kỳ), thúc dục hành động quyết liệt:

> Đả đảo đế quốc, tư bản, quan làng, địa chủ! Ũng hộ phong trào tranh đấu Nghệ Tĩnh, hãy thành lập chính quyền của công nhân và nông dân! Cách mạng Đông Dương muôn năm! Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm!
>
> Ủy ban chấp hành lâm thời Nam Kỳ[83]

Trong đêm 11 rạng ngày 12 tháng 10 năm 1930, mật thám còn thâu cả một bộ đồ in sao trong một túp lều tại làng Thuận Kiều (Gia Định).

Chính quyền thực dân không ngăn chặn nổi nông dân ly loạn. Trong tháng đó, nhiều đồn bốt mới xây dựng ở Hóc Môn[84] , Bà Điểm, Đức Hòa (Gia Định), « mười tám thôn vườn trầu » một vùng nổi tiếng chống Tây từ buổi đầu - cũng như trong Đồng Tháp Mười trên sông Vàm Cỏ, đối diện Bến Lức (Tân An), ở Cao Lãnh (Sa Đéc)... Lính tập An Nam bị tình nghi, lính Cao Mên thay thế.

Từ 13 đến 18, 600 công nhân bãi công năm ngày tại hãng Đông-Á ở Vĩnh Hội. Một dự án luật chống đình công « bất hợp pháp » (nhưng cuộc đình công nào mà chẳng bất hợp pháp ?) công bố:

> Tất cả thợ thuyền và nhân viên người bản địa làm ở các sở tư phục vụ lợi ích công cộng, nếu đình công mà không báo trước từ hai tuần đến một tháng, sẽ bị phạt từ 6 ngày tới 6 tháng tù và phải nộp tiền phạt từ 16 đến 600 fơrăn hoặc một trong hai hình phạt đó. Bị coi là bất hợp pháp tất cả những cuộc đình công nào có tính chất gây rối ren lâu dài cho công chúng.
>
> Tất cả những ai tham gia hoặc xúi giục bãi công bất hợp pháp sẽ bị phạt tù từ 6 ngày đến 2 năm và phải nộp một số tiền từ 16 đến 2.000 fơrăn.[85]

Từ đó tới cuối năm nông dân còn biểu tình 7 lược, dân thành phố họp 3 cuộc mít ting trong các nẻo đường và các khoảng đất hoang ở Sài Gòn (từ 15 đến 200 người tham gia, một người bị thương, nhiều người bị bắt), rải truyền đơn khấp khấp. Nhiều vụ kết án.

Một lần nữa, những người theo phong trào Nguyễn An Ninh lại bị bắt, trong đó có cả hương thân Ngà vừa mới được thả ra sau hai năm ngồi tù. Lý do bắt Ngà: một người bạn của Ngà đã ra điều giễu cợt, anh ta treo một tấm biển đề cấm lính cảnh sát vượt qua một ngã tư gần chợ Bà Quẹo.

Khám Lớn Sài Gòn quá đầy ói, số thặng bị nhốt chật chội trong dải nhà tù mới cất thêm ở Phú Mỹ xóm Thị Nghè.

Tận cuối năm 1930, lại thêm một cuộc lùng sục săn người: 300 lính lưu động, san đầm cùng hương chức làng đổ vào khu vực Đức Hòa.

Vào tháng giêng năm 1931, bọn thống trị thiết lập một chế độ trách nhiệm tập thể tại Cao Lãnh (Sa Đéc), buộc 2300 nông dân phải ký vào một « bản tuyên bố tuân phục ».

> Những người ký tên vào chứng thư này chính thức khước từ học thuyết cách mạng mà họ bị lôi kéo vào, và xin cam đoan bằng cách ký tên hoặc in dấu tay: 1. Tôn trọng tuyệt đối quyền tối cao của người Pháp; 2. Không phản đối trật tự xã hội hiển hiện; 3. Đảm bảo tình trạng yên ổn công cộng trong làng xóm; 4. Tố cáo những hoạt động lật đổ chính quyền Pháp; 5. Không che dấu và đồng thời cam đoan giao nộp những kẻ đang bị hay sẽ bị pháp luật truy tố, dù cho kẻ đó đã là người chỉ huy trực tiếp hay là bạn cùng chiến đấu của họ.

Trong bài diễn văn của chủ tỉnh Lalôrêttơ thốt ra với họ, có đoạn:

> Nước Pháp, đó là quan chủ tỉnh, quan tòa và lính san đầm. Nhưng nước Pháp cũng là những cái cầu hiện nay bằng bêtông thay thế cho những cái cầu bằng tre mọt ngày xưa.[85]

Ngày 8 tháng 2 năm 1931, ngày kỷ niệm đệ nhất chu niên khởi nghĩa Yên Bái. Ở Sài Gòn, cổng sân banh tràn nghẹt người kéo nhau ra khi trận đá chấm dứt. Tiếng súng nổ. Thanh tra mật thám Lơgơrăn ngã gục khi hắn ta định bắt một diễn giả ca ngợi cuộc khởi nghĩa dân tộc. Người thiếu niên tên Hui (Lý Tử Trọng), 15 tuổi, từ Quảng Châu về, bị bắt giữ, bị xem là thủ phạm rồi bị chém đầu lúc tảng sáng ngày 20 tháng 11 trước cửa khám lớn Sài Gòn. Tù chính trị nổi lên phản đối cuộc sát nhân theo pháp luật này, họ

la lên vang dậy « đả đảo khủng bố! đả đảo đế quốc Phap! » tiếng hô hét vượt khỏi tường nhà ngục náo động phố xá giữa châu thành. Vòi rồng chữa lửa phun nước nhận chìm những tiếng thét của họ, ngục tốt áp vào tung hoành đánh đập đổ máu, đóng chân họ vào cùm sắt.

Ngày 13 tháng giêng 1931, 80 người làm công hãng dầu lửa Stănđa Oilơ ở Nhà Bè bãi công khi một người phu ở kho dầu bị đuổi việc. Vào tháng 3, cũng tại kho dầu đó, có kẻ lén phóng hỏa, cắt dây điện tín, điện thoại. Dân thợ tước vũ khí bọn lính lưu động trong lúc chúng cản ngăn mấy người diễn thuyết, trong khi đó một tên lính bị thương, tên Thọ, sau đó hắn chết ở nhà thương.

Trong tuần tháng giêng, tháng 3 và tháng 4, mật thám khám phá ở Sài Gòn ba « nhà in » (một ở phố Đại tá Buđonnê, một ở đại lộ Kitsơne và một ở phố Sâmpa-nhơ), là những nơi in ấn báo Cờ Đỏ, Cờ Vô Sản, Nhà Quê, và cả những truyền đơn và sách báo của Đảng Cộng sản Đông Dương, hơn hai chục người bị bắt.

Các ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần lượt lọt vào lưới mật thám. Dương Hạc Đính, người sáng lập báo Cờ Đỏ và Ngô Gia Tự bị bắt ngày 31 tháng 5 năm 1930; Lê Văn Kiệt từ Môskơva về, bị bắt vào tháng giêng năm 1931, Bùi Công Trừng vào tháng 2. Ngày 18 tháng 4 đến lượt Trần Phú, tổng bí thư của đảng, cùng với 200 người khác bị tình nghi, trong một trận bố ráp lớn ở Sài Gòn. Trần Phú sau đó bị mật thám tra tấn đến chết ngày 6 tháng 9 năm 1931. Những người bị giam khác đến tháng 5 năm 1933 mới bị xét xử.

Điểm lại trong bốn tờ báo hàng ngày ở Sài Gòn, ta thấy từ tháng 5 năm 1930 đến tháng 6 năm 1931 có tới 124 cuộc nông dân biểu tình. Sở mật thám ghi 24 cuộc bãi công ở Nam Kỳ. Từ ngày 9 tháng 12 năm 1929 đến ngày 30 tháng 4 năm 1931, tòa án kết án về tội phạm chính trị: 2791 nông dân, 374 công nhân kỷ nghệ, 28 giáo viên và 18 viên chức, trong số 3552 người bị truy tố.[86]

Ở Trung Kỳ
Sôviết nông dân Nghệ Tĩnh tháng 9 năm 1931

Ngày 1 tháng 5 năm 1931, 1500 nông dân vùng lân cận thành phố Vinh lặng lẽ tiến về phía nhà máy diêm Bến Thủy. Đoàn người không mang phù hiệu, không vũ khí, « người ta chỉ nghe thấy ba ngàn tiếng chân trần bước trên đất ». Không để cho nông dân lôi kéo công nhân vào phong trào,

thanh tra Pơti, phụ trách đội cảnh vệ An Nam, cho ba mươi lính gác trong xưởng, không một ai được động địa. Đoàn nông dân cứ tiến bước. Pơti hạ lệnh bắn. 5 người chết, 15 bị thương. Sau đó công sứ Lơ Fôl ước lượng khoảng 15 người bị chết và cho đó là « những người cộng sản biểu tình định chiếm nhà máy diêm Bến Thủy ».

Ngày 3, tại làng Hạnh Lâm (Thanh Chương), nông dân tập hợp nhằm chiếm lại những công điền công thổ bị tên Ký Viễn gian hùng thu đoạt. Tên chủ đồn điền nầy khoáng trương vùng đất nhượng của hắn bằng cách lấn sang cả đất làng, theo lời tổng đốc Phạm Bá Thọ ở Vinh. Những đơn khiếu nại từ trước tới lúc đó gửi đến công sứ ở Vinh nhưng không kết quả. Thanh tra Pơti, ngày 5, cũng can thiệp một cách tàn bạo như ở Bến Thủy. Hắn cho bắt 9 hương chức, cho họ là kẻ trách nhiệm, đem nhốt trong chùa. Dân làng bao vây ngôi chùa phản đối. Pơti hạ lệnh bắn: 16 người chết, 15 người bị thương. Cũng thằng Pơti nầy vào tháng 10, ra lệnh đốt các làng Yên Tha và Yên Phúc (như lời khai của hắn năm 1933 trong vụ án lính lê dương). Phạm Bá Thọ sau đó bị cách chức tháng chạp vì không thi hành những lệnh quá dã man trên.

Vào tháng 6 và tháng 7, những cuộc biểu tình đòi hỏi lợi quyền kinh tế lan rộng, tuy không đổ máu nhưng không đạt kết quả: trong tỉnh Nghệ An, tại các huyện Thanh Chương, Nghi Lộc, Đồ Lương, họ đòi bồi thường cho những nạn nhân ngày 1 tháng 5; rồi ở Hà Tĩnh, tại Can Lộc; ở Nha Trang, tại Tân Định. Bắt đầu từ tháng 8, những cuộc biểu tình biểu lộ tính chất chính trị một cách công khai.

Những tỉnh đầu tiên rung chuyển mạnh mẽ nhất là những tỉnh phía Bắc Trung Kỳ, những tỉnh nghèo đói cùng cực Nghệ An và Hà Tĩnh. Đi theo con đường đàn anh đã vạch trong phong trào 1908, nông dân trong hai tỉnh tuần hành nhằm đòi giảm thuế thân, bỏ sưu dịch và canh gác luân phiên, những yêu sách muôn thủa của người bần cùng. Nhưng lần này họ được những trí thức trẻ tuổi đào tạo ở Quảng Châu và Môskơva về, tổ chức và lãnh đạo. Ban chấp hành đảng bộ tỉnh của Đảng Cộng sản huy động lực lượng nông dân đứng lên cướp chính quyền.

Những cuộc tuần hành thị uy cứ bành trướng mạnh lên và biến thành một phong trào bạo động khởi nghĩa vào tháng 9 và tháng 10 năm 1931.

Dân biểu tình tấn công nhiều đợt vào các huyện lỵ Nam Đàn, Đồ Lương, Thanh Chương, Nghi Lộc (Nghệ An); Can Lộc, Kỳ Anh, Hương Sơn (Hà Tĩnh), cắt các đường dây điện tín, đập tan các trụ sở cảnh sát bản địa, thả các tù nhân, phá hủy các trạm phân phối rượu; phóng hỏa các nhà ga, một số nhà thờ; giết chết những tên quan lại và hương chức mà dân căm ghét.

Trong bản tường trình của viên thanh tra chính trị Trung Kỳ gửi cho khâm sứ ngày 3 tháng 10 năm 1930 có đoạn:

> Chức việc cai trị không kiểm soát nổi nhiều nơi thuộc Vinh và Hà Tĩnh. Không còn chính quyền ở đó nữa. Hai huyện Thanh Chương và Nam Đàn nằm trong tình trạng phiến loạn hoàn toàn. Các quan huyện không bước chân ra khỏi cửa các đồn bốt do lính bản địa bảo vệ họ. Quan trên triệu tập hương chức làng họ không hồi đáp nữa. Các lý trưởng bị buộc phải ký vào tờ khai không công nhận triều đình Huế và chính phủ bảo hộ, chỉ công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương. Lính không dám đi vào các làng. Các tòa án nhân dân bắt đầu xét xử, các nhà giàu phải đống góp vào qũy của Đảng Cộng sản Đông Dương. Các huyện Anh Sơn, Hưng Nguyên, và Nghi Lộc 50% trong số nhân dân không tùng phục chính quyền.[87]

Vào tháng 10, phong trào khởi nghĩa lan tới miền trung Trung Kỳ: phá huyện lỵ Đức Phổ (Quảng Trị) và Sơn Tịnh (Quảng Ngãi), nơi có những cuộc tấn công ngày càng nhiều.

Trong những làng ở Nghệ An mà hương chức và lính làng đã bỏ chạy, những đoàn tự vệ ũng hộ các tổ chức nông dân. Từ tháng 9, các tổ chức nông dân tự lập thành Sôviêt, nắm trong tay việc quản lý hành chính và tiến hành phân phối công điền công thổ trước nay bị chiếm đoạt, mà không đụng chạm đến quyền sở hữu ruộng đất của địa chủ, tịch thu các kho thóc, phân phát cho những người bị đói, tổ chức cấy cày lao động tập thể, hủy bỏ các thứ thuế, buộc các chủ ruộng đất giảm địa tô, khởi đầu mở lớp dạy học chữ quốc ngữ và giáo dục chính trị. Phong trào Sôviêt lan ra các huyện Can Lộc, Thạch Hà, Hương Sơn thuộc Hà Tĩnh.

Cuộc đàn áp khởi diễn: máy bay ném bom và bắn liên thanh vào đám đông để giải tán các cuộc tập trung; phóng hỏa các làng và giết người không cần xét xử. Đội quân lê dương chủ yếu hành binh, được lực lượng bộ binh thuộc địa và vệ binh bản địa tăng cường, tất cả đóng quân trong 112 đồn trại thiết lập trong hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh (như ở Nam Kỳ số đông bắt đầu xây dựng từ tháng 10). Cuộc đàn áp này lập lại một cách khóang đại hơn những cuộc ném bom và hành quân tháng 2 năm 1930 ở Cổ Am chống lại Việt Nam Quốc dân đảng, Những đội lính bổ sung An Nam ở các hương thôn cũng góp phần vào công cuộc đàn áp.

Một thực dân già ở Bắc Trung Kỳ viết trên báo Tiểu Bình dân (Le Petit Populaire) ngày 1 tháng 4 năm 1932:

> Quân lê dương xông vào nhà người ta muốn lấy gì thì lấy, chúng cưỡng hiếp đàn bà con gái. Đàn ông, thanh niên bị bắt rồi bị bắn ngay không cần xét xử.

Một bức điện tín mật của khâm sứ, ghi số 280 RS gửi đi ngày 8 tháng 10 năm 1930:

> Khâm sứ Trung Kỳ và Viện Cơ Mật sức cho các công sứ và các quan đầu tỉnh Trung Kỳ như sau: Phải giải tán tất cả mọi cuộc biểu tình bằng mọi cách [bằng vũ khí]; mọi kỳ mục và thân hào có ảnh hưởng thực sự trong làng đều phải chịu trách nhiệm về người và tài sản trong cuộc hỗn loạn trên đất đai làng họ. Coi tất cả những người cộng sản cầm đầu cuộc nổi loạn là kẻ ngoài vòng pháp luật và cần phải lập tức loại khỏi phong trào bất kể bằng biện pháp nào, không cần điều tra trước hoặc bắt một cách hợp lệ.[88]

Lệnh đó ban ra chỉ là thừa nhận cái tình trạng đang xảy ra trên thực địa. Ngay từ ngày 12 tháng 9 năm 1930, sáu quả bom do máy bay ném xuống đám biểu tình ở Hưng Nguyên cách Vinh 3 kilômet, đã giết chết hơn 200 người biểu tình.

Một kỹ sư Pháp kể lại cho bà Ăngđơrê Viôlis:

> Gần Sơn Tịnh (Quảng Ngãi), sau khi đội quân lê dương bắt đầu hoạt động, cuối tháng 12 năm 1930, người ta được báo tin cách đó vài kilômet có một đoàn biểu tình không vũ trang đang đi dọc theo bờ sông. Đó là vào lúc 6 giờ sáng. Người ta liền cử một khẩu đội liên thanh đặt tại một góc khuất đầu đường. Lúc hàng ngàn người bản địa tập trung tại ngã tư đó, người ta lia thẳng liên thanh vào đó. Thật là khủng khiếp, những tiếng la hét của những người không có vũ khí tự vệ, đầu óc ruột gan bị bắn tung lên mắc vào bụi cây. Có khoảng ba chục người bị chết. Sau đó ít lâu, cũng tại khu vực đó, một tên quan bản địa đến báo tin một cuộc biểu tình sẽ diễn ra vào đêm hôm sau. Viên quan đó nói: « Lần này không nên bắn, chẳng ích gì ». Viên công sứ trả lời: « Chớ có nài nỉ vô ích! Đó là bọn cộng sản, phải giết hết bọn chúng ».

Thế là lại một cuộc ẩu đả, lại những người chết. Đó là vào tháng giệng năm 1931. Tại Tung Ha, người ta báo có một cuộc biểu tình vào đêm hôm sau, trong một khu rừng thưa nào đó. Người ta cử 5 lính cùng một khẩu liên thanh. Họ núp sau bụi tre. Đến nửa đêm, khoảng 700-800 dân làng lặng lẽ tập trung lại. Đó là một đêm sáng trăng. Một vài diễn giả đứng lên, những người khác ngồi xổm xung quanh, chăm chú nghe. Bỗng hai tràng súng liên thanh bắn ra, cách 15 mét làm 130 người chết. Người ta lượm những người bị thương và người nào chữa khỏi đều bị bắt giữ. Trong những điều kiện vệ sinh của các nhà tù xây dựng vội vã để ứng phó trong mọi khu vực rối loạn, thì những kẻ bị giam trong đó cũng gần như bị tử hình.[89]

Trong tháng đó, tri huyện Nghi Lộc cùng với lính lệ đi tùy tùng bị đánh chết rồi vứt xác xuống sông. Đối phương trả thù: 30 nông dân bị giết, 200 người bị bắt.

Những người đứng lên không mất can đảm: họ hành huyết lối mươi hai kỳ hào và chức dịch bản địa. Viên đại úy Đuxe tại bốt ĐồLương báo cáo ngày 20 tháng 3 năm 1931: « Những kẻ nổi loạn vẫn tiếp tục kiểm soát trong vùng, phải có những biện pháp thật nghiêm khắc mới lập lại trật tự và an ninh ».

Ở Quảng Ngãi cũng vậy, dân chúng tập hợp và tuần hành đến các huyện lỵ, nhất là ở Sơn Tịnh, Mộ Đức và ở trung tâm tỉnh, ngày càng nhiều đông đảo.

Cuộc tấn công đồn bốt mở đầu ngày 7 tháng 11 năm 1930, ngày kỷ niệm cuộc Cách mạng Nga: 1500 quân khởi nghĩa tấn công thành Phủ Diễn (Nghệ An) và 600 tấn công bốt Can Lộc (Hà Tĩnh). Đó là các cựu học sinh trường quân chính Hoàng Phố chỉ huy hàng ngàn người chiến đấu sẵn sàng hy sinh. Ngày 8 tháng 2 năm 1931, họ nhằm tấn công bốt Châu Mỹ Đông (Quảng Ngãi), ngày 14 tháng 4, các bốt Lạc Thiên và Lai Thạch (Hà Tĩnh), ngày 12 tháng 5, lại bốt Lạc Thiên và Hương Khê (Hà Tĩnh), ngày 25 tháng 6, đến lượt bốt Đa Thọ (Nghệ An).

Sở mật thám ghi nhận ở Trung Kỳ từ 1 tháng 5 năm 1930, tới 11 tháng 9 năm 1931 có 153 cuộc biểu tình và 8 cuộc tấn công đồn bốt.

Một kế hoạch tấn công lọt vào tay quân nghịch ở Thuận Trung (Đồ Lương) ngày 30 tháng 4 năm 1931 qui định như sau:

Ngày 1 tháng 5, các tổng Lang Điền, Đang Sơn, Đồ Lương, Văn Trang, Cát Ngạn sẽ tấn công Đồ Lương (thủ phủ và đồn bốt). Các

> tổng Thuận Trung, Đại Đồng, Bắc Hà sẽ tấn công bốt Co Om.
> Ngày 30 tháng 4 vào buổi tối, tập họp tại những địa điểm đã định, họp và chuẩn bị khâu cuối cùng, xuất hành để tấn công vào lúc 6 giờ. Đúng 7 giờ tấn công vào tất cả các đồn bốt.
> Mọi đảng viên Đảng Cộng sản đều phải tham gia cuộc tấn công. Kẻ nào tìm cách chạy trốn sẽ bị tử hình vào hôm sau.[90]

Vào tháng 3 và tháng 4 năm 1931, tại Trung Kỳ và Bắc Kỳ, phần lớn những người khởi xướng phong trào rơi vào tay quân nghịch, các ban chấp hành, các chi bộ bị tan rã. Những người phụ trách thành lập Sôviêt như Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Phong Sắc, Cao Diệt, Lê Kiên đều bị bắt. Cảnh sẽ bị chặt đầu tại Hải Phòng ngày 31 tháng 7 năm 1932. Tại Quảng Ngãi, Nguyễn Nghiêm bị giao cho tòa án quan lại, bị chém đầu ngay, ngày 22 tháng 4 tại bờ sông Trà Khúc.

Cơ quan mật thám chính trị phá hủy các ban chấp hành mỏ Hòn Gai Cẩm Phả, Uông Bí, cũng như các tỉnh Nam Định, Hải Phòng (Vũ Đình Châu, Nguyễn Hữu Tạo). Một ủy viên trung ương đảng (Trần Văn Lan) và một trong những người sáng lập đảng (Trịnh Đình Cửu) lọt vào tay quân thù.

Dần dà phong trào tự tan rã. Quần chúng ở địa phương này không phải chỉ chịu sự đàn áp mà còn phải chịu một nạn đói nghiêm trọng: lúa tháng 5 và tháng 10 năm 1930 bị mất mùa và dân cư đành phải cầm hơi bằng khoai và kê nhập từ các tỉnh khác.

Chỉ riêng trong ngày 1 tháng 5 năm 1931, có gần 500 người biểu tình bị bắn chết tại Trung Kỳ, theo lời phản đối của luật sư Cănxenliêri – thông tín viên của Hội Cứu tế Đỏ Quốc tế ở Sài Gòn – trong bài đăng trên báo *Thư tín Đông Dương* (La Dépêche d’Indochine) ngày 18 tháng 6 năm 1931.

Ngày 29 tháng 5, viên đội Pêeriê bị những người nổi dậy giết chết. Quân lê dương thề trả thù cho y. Cùng ngày, các viên đội Layông (ở bốt Đồ Lương do đại úy Đuxe chỉ huy)và Von Bacghên (ở bốt Nam Đàn) giết hại dã man hàng chục người dân vô tội bị giam giữ trong bốt Nam Đàn từ một tuần lễ trước đó. Hai tên lính lê dương đó mãi hai năm sau mới bị đem ra xét xử, ngày 12 tháng 6 năm 1933, ở Vinh cùng với một tòng phạm khác. Chúng được tha bổng. Phải chăng viên chưởng lý Morô đã biến bản cáo trạng của hắn thành một bài tán tụng? Tán tụng chính quyền (« Tôi xin ký cả hai tay vào án lệnh số 280 », Morô tuyên bố như vậy). Tán tụng các bị cáo: y nói họ đã tuân theo lệnh của cấp trên.

Chính sau vụ án này, « vụ bê bối ở Vinh »[91] đã làm bộc lộ những mật lệnh của khâm sứ Lơ Fôl năm 1930, và truyền khẩu lệnh của toàn quyền Rôbe năm 1931. Thiếu tá Lambe công bố:

> Chúng tôi nhận được những lệnh đầu tiên khi cuộc nổi loạn lan đến Hà Tĩnh và xa hơn vào tháng 10 năm 1930 (và sau đó nữa), những lệnh ông toàn quyền Rôbe truyền khẩu. « Đàn áp, tàn sát, bắt tù binh càng ít càng tốt. »

Tên lính lê dương Fotbe khẳng định rằng công sứ ở Vinh đã nói phải giết 5000 người nếu cần để giữ lại 500 người tốt thôi. Y nhắc lại rằng có những sự việc cũng nghiêm trọng như thế đã xảy ra trước vụ Pêeriê, mà cũng không hề thấy một điều tra chính thức nào cả.[92]

> Phần đông người chứng bộc lộ thái độ vô lương một cách trắng trợn. Đây xin ghi đùa, không chọn lựa, ba lời khai sau đây:
> *Chánh án*: Ông đã cho tra tấn tù nhân.
> *Trung úy Lơmôan*: Làm thế để cảm ứng dân chúng.
> *Chánh án*: Các bị cáo nói rằng họ đã nhận những chỉ thị truyền k*hẩu.*
> *Đại úy Đuxe*: Nhà tù đã đầy ắp. mà người ta không ngưng bắt bớ. Mặt khác, có những chỉ thị chính xác đưa ra trong công văn mật số 280 đề ngày 8 tháng 10 năm 1930, ra lịnh phải hạ sát liền tất cả những người cộng sản bị bắt quả tang, hoặc người biểu tình. Tôi vẫn biết rõ lính lê dương đã lao vào những hành động đẫm máu. Thế nhưng, theo ý kiến riêng của tôi, họ vẫn chưa bắn giết đủ mức cần thiết!

Cha Gôtiê khẳng định liên minh giữa thanh gươm và nước thánh. Trước tòa, ông ta tuyên bố:

> Cần phải có người mạnh tay đôi chút đến làm cho họ (những người nổi loạn) hiểu biết phải trái. Những người lính lê dương, tôi xin đảm bảo trước tòa rằng những người lính lê dương đó đã làm một sự nghiệp tốt đẹp, sự nghiệp yêu nước, sự nghiệp nước Pháp, và mang lại hòa bình cho xứ sở này.

Ta hãy trở lại năm 1930-1931, trong tình hình khởi nghĩa ở phía Bắc Trung Kỳ và cuộc khủng bố bừa bãi. Ở chính quốc, dư luận công chúng và chính phủ tỏ ra lo ngại.

Ngày 1 tháng 6, toàn quyền Rôbe viết cho Bộ trưởng bộ Thuộc địa:

> Cuộc khủng hoảng chúng tôi đang chứng kiến rất nghiêm trọng. Chúng tôi không sao đoán trước được sức độc tố (virus) cộng sản thâm nhập vào một giai cấp bao gồm những kẻ mù chữ và những con người năng lực tiềm tàng dường bởi thói quen chịu đựng và thường thất vọng. Các biến cố đã phát lộ cho ta thấy việc đánh thức các giới dân cư ở nông thôn này, làm họ giác ngộ, có ý thức giai cấp, là một việc quá dễ dàng, ta không khỏi ngạc nhiên. Cuộc nổi dậy của nông dân ở Nghệ Tĩnh thực sự là một cuộc đấu tranh giai cấp.[93]

Ngày 2 tháng 6, ngày hôm sau vụ Layôn và Von Bacghên dã man giết người, toàn quyền Rôbe giao trách nhiệm cho chánh án tòa thượng thẩm Hà Nội là Motsê lập một ủy ban điều tra về cuộc nông dân khởi nghĩa ở Trung. Bản báo cáo của ủy ban này nêu rõ những nguyên nhân kinh tế và chính trị rồi kết luận về cần yếu cải cách.

Ủy ban điều tra hỏi những người cai trị ở đủ mọi cấp bậc, từ tác giả văn bản 280, Lơ Fôl, đương nhiệm khâm sứ Trung Kỳ từ tháng giêng năm 1929, cho tới những quan lại nhỏ hơn, kể cả người bản địa, như tổng đốc, tri huyện, đến cả các công sứ Vinh và Hà Tĩnh là các ông Bôttini và Becnay; rồi đến các ủy viên Hội đồng các tỉnh, các ủy viên Hội đồng Dân biểu, giám đốc Sở Địa chánh Vinh, chủ tịch Phòng thương mại và nông nghiệp Bắc Trung Kỳ, đại biểu Trung Kỳ trong Hội đồng kinh tế Tối cao, giám đốc Sở Nông nghiệp, một đốc công trong nhà máy xe lửa Trường Thi, các kỹ sư Sở Công chính, một tư vấn thành phố Vinh; cả đến những quân nhân và cảnh sát, có một số người mà chúng ta đã biết như Pơti và Lambe, chúng mô tả cảnh sát nhân của chúng một cách tự nhiên; hay như đại úy Đuxe nhấn mạnh về tình trạng khốn cùng. Những nhà truyền giáo không chỉ dừng lại ở chỗ nêu những điều mắt thấy tai nghe về cảnh khốn cùng mà còn nêu ra những nguyên nhân và những sai lầm của chức việc cai trị, họ nhấn mạnh: thuế thân là một điều bất công: Những người nghèo cũng phải nộp thuế như người giàu, họ phải được miễn thứ thuế đó. Đức Cha Đalennơ tố cáo:

> Người ta tăng các thứ thuế 30% năm 1929. Người ta xếp hạng ruộng đất quá mức. Để nộp được thuế, nông dân phải bán mọi thứ. Con trâu đáng giá từ 35 đến 45 đồng, chỉ bán được 9 đến 10 đồng. Đàn trâu bị lùa ra Bắc Kỳ trước đây một tháng. Tôi có biết một làng không theo đạo, họ phải trả tới 600 đồng tiền thuế. Cả làng

chỉ gom được 340 đồng. Tri huyện gọi chánh tổng lên giao hẹn hôm sau phải mang đủ số tiền nộp là 600 nếu không sẽ bị cách chức và bị tù.[94]

Ông Rulơ, thanh tra nông nghiệp ở Vinh, cũng nêu lên tình trạng thiếu trâu cày và nạn đói, đề ra một biện pháp dễ dàng có thể cứu vãn tình thế:

Công việc dẫn thủy nhập điền sẽ làm tăng thu nhập 50%. Lúa sẽ được cấy kịp thời, mùa gặt sẽ chắc chắn. Từ cuối tháng 4 năm 1931, người dân đã phải bán tất cả mọi thứ. Họ đã phải bán một phần ba số trâu bò của họ với giá hạ cho lái buôn ở Bắc Kỳ. Lúc trước người dân kêu « đói lắm! », còn bây giờ thì « đói chết! »[95]

Tù nhân cũng được chất vấn (không ai có thể nói được là cuộc điều tra chỉ tiến hành nửa vời!): một học sinh trường quốc học Huế bị đuổi, Trương Phong, ủy viên ban chấp hành Đảng Cộng sản Đông Dương, ba cựu giáo viên, một dân cày, một phu khuân vác, hai người đàn bà nghèo khổ bán gạo ở chợ. Trong số các tù nhân đó, 5 là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương, và 2 cựu đảng viên Tân Việt, bị bắt từ 1929.

Trương Phong và Thái Văn Giai, đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương, đòi hỏi người ta phải công nhận cái lý do chính đáng của cuộc nổi dậy ở một xứ mà « trẻ con 12 tuổi phải làm việc từ sáng đến tối ở nhà máy Diêm để kiếm từ 8 đến 10 xu , còn quan lại sống bám vào dân, lại còn đàn áp dân một cách mù quáng. »

Dân chúng không biết đến quan cai trị người Pháp vì họ ở quá xa. Người dân chỉ biết những quan lại đáng căm ghét. (Để lôi kéo những kẻ khốn cùng) người ta nói với họ về hủy bỏ thuế khóa, chia ruộng cho nông dân, tăng lương cho công nhân. Quần chúng không phải là cộng sản nhưng họ bất mãn.

Về bần cùng và nạn đói càng ngày càng thêm nghiêm trọng trong hai năm gần vừa qua, đấy là những nguyên nhân đầu tiên gây nên loạn lạc, thế mà toàn thể người chức trách đều đồng nhất mù quáng về chính trị, họ xem đó hầu như là một thứ vận mệnh.

Người ta đã khá nói về những cưỡng bách kinh tế không sao chịu đựng nổi, đổ vào đầu những người cùng khốn nhất, người ta nói về thuế thân, thuế muối, thuế rượu, thuế chợ, thuế củi đốn trong rừng, người ta nêu ra những đồng lương chết đói, những sưu dịch, địa tô quá nặng, nói

đến tình trạng quá sức chịu đựng của tầng lớp vô sản nông nghiệp, nạn thất nghiệp do khủng hoảng, do hầm mỏ ở Lào đóng cửa, do những công trình lớn ở Đắc Lắc và Công Tum dừng lại, buộc từng đoàn người không việc làm kéo trở về Nghệ An.

Phần lớn trách nhiệm về tình hình khuẩn bách đó, người ta đổ trúc trên đầu viên chức An Nam hối lộ tham nhũng. Đó là một bản miêu tả tình hình thấu đáo, nhưng phần trách nhiệm của chính quyền thực dân vẫn ẩn trong bóng tối: người ta nói về « sự nhận định sai lầm » (Bôttini), về « một vài lạm dụng có thể có » (Lơ Fôl), về thiếu khai dẫn nước vào ruộng đất.

Đối với một vấn đề nghiêm trọng như về độc quyền rượu, người ta nói thêm một cách phù phiếm: « dân bản địa không ưa rượu của chúng ta ». Còn về độc quyền muối, Lơ Fôl nhấn mạnh về tính chất làm mất lòng dân nhưng lại thêm: « Độc quyền muối tăng thêm thu nhập nhiều cho ngân sách ».

Thái độ viên quản đốc xưởng Trường Thi cũng trắng trợn không kém: y hoan nghênh « hành vi tẩy rửa » của tên đặc vụ mật thám Bidê, hành vi đàn áp đã làm cho đường sắt trở lại yên ổn.

Bác sĩ Lơmoanơ, đầu trưởng bệnh viện Vinh, ngày 22 tháng 7, thốt lời nhân đạo để nhấn mạnh việc cứu trợ khẩn cấp vì thấy nạn đói vẫn kéo dài ở Nghệ An. Ông nêu ra đồng lương khốn khổ của phu phen, những khoản thuế đã chiếm mất phần lương cần thiết để sống còn, ông gợi các bữa cháo cứu đói đang bắt đầu tổ chức, và cần phải tổ chức thêm nhiều lên (một người dân đói ngã chết ngay dưới mắt ông toàn quyền tại buổi phát chẩn cháo ở Nghi Lộc).

Nhiều bà mẹ không còn sữa cho con bú, hai vợ chồng bác sĩ cho họ sữa đựng vào các bình bú, họ sẽ đem bình trả lại ngày hôm sau.

Bộ trưởng Pôlơ Râynô sang Đông Dương thị sát nhằm lúc phong trào nông dân đã chìm đắm.. Ông ta tới Sài Gòn ngày 16 tháng 10 năm 1931. Ănđơrê Viôlis đã kể lại quang cảnh đầu tiên mà Bộ trưởng phải chạm trán ở Vinh vào tháng 11:

> Trong một khoảnh đất có hàng rào bằng gỗ có tới ba bốn ngàn con người mặc quần áo nâu rách tả tơi, tua tủa những cánh tay quờ quạng, những cánh tay khô xác, xương xẩu cầm những rổ rá đưa ra, không còn gì phân biệt tuổi tác, nam nữ, chỉ là một đám dân khốn cùng đến cửa chết. Bọn lính dán bộ cường tráng no đủ, mặc đồng phục trắng, chững chạc điều khiển và duy trì trật tự bằng những cú dùi cui đập vào đám dân màu đất đó. Những phụ

> nữ người bản địa dùng đấu gỗ đong độ một kilô gạo vào mỗi rổ rá; mấy đứa con nít trần truồng nhào xuống đất để nhặt những hạt gạo vãi trong bùn bằng móng tay của chúng.[96]

Nếu những điều ông Râynô thấy làm ông ngập ngượng, nếu ông có thể đau lòng theo như ông tỏ với bà Viôlis, ông ta cũng chẳng đưa ra biện pháp gì để tránh những cảnh bi thảm thế đó tái diễn. Ông chỉ có thốt ra những lời giận dữ đối với các tù chính trị.

Một trong số người tùy tùng ông khoe khoang rằng có tới 37 trung tâm phát chẩn như ở Vinh đã được tổ chức: « Chúng tôi nuôi độ 80.000 người có ghi tên, cứ năm ngày phát gạo một lần. » Những đợt phát gạo ở Nghệ An ngưng ngay sau khi ông bộ trưởng đi khỏi.

Nội bộ Đảng Cộng sản Đông Dương phân liệt

Chiến lược gọi là « thời kỳ thứ ba » của Quốc tế Cộng sản được đảng cộng sản chấp nhận đã dẫn phong trào nông dân tới thất bại đẫm máu. Ở Trung Kỳ tổn thất nặng hơn ở Bắc và Nam Kỳ: 4.000 người bị bắt từ ngày 1 tháng 8 năm 1929 tới 30 tháng 6 năm 1931 (số trong giấy ghi của mật thám tháng 7 năm 1931) và có tới 1760 « người phiến loạn bị giết » trong khu vực Vinh và Nghệ Tĩnh (công bố của công sứ Lơ Fôl).

Bi kịch nông dân Nghệ Tĩnh đặc biệt gieo ít nhiều rối loạn trong hàng ngũ của đảng cộng sản. Ban chấp hành trung ương chỉ trích xứ ủy đã phát động một cuộc bạo động non. Vào năm 1931, những chiến sĩ cách mạng ở Nghệ An, không đồng tình với tỉnh ủy, đứng ra lập một nhóm độc lập, Vừng Hồng[97]; ở Nam Kỳ, Đào Hưng Long, lúc đó là đặc phái viên của Đảng Cộng sản Đông Dương tại miền Tây, lập một nhóm độc lập ở Cà Mau gọi là Liên minh Cộng sản đoàn, phát hành tờ báo *Vầng Hồng* lưu hành ở vùng Bạc Liêu, phê phán đảng cộng sản về cuộc vận động phiêu lưu ở Nghệ Tĩnh và gieo khủng bố ở miền Nam, nơi đây phong trào nông dân chuyển biến thành manh động.

Một nhóm cộng sản khác có thái độ chỉ trích thành lập ở Sài Gòn, Chợ Lớn và Gia Định, do sáng kiến Lư Sanh Hạnh, thành ủy viên Sài Gòn. Đến tháng 8 năm 1932 Thành ủy Sài Gòn thành lập một Ban chấp hành lâm thời nhằm khôi phục đảng, ban chỉ đạo đảng bị hạ ngục từ tháng 4 năm 1931. Nhóm cộng sản này phát hành tờ *Lao Động*, tổ chức hoạt động trong đám thủy thủ, liên hệ với các chiến sĩ phân tán ở Bắc Kỳ, và tổ chức một số chi bộ mới, trong đó có chi bộ nhà máy rượu Bình Tây (3 người).[98]

Đào Hưng Long và Lư Sanh Hạnh sau đó chẳng bao lâu gia nhập phái Tả đối lập, thành lập ở Sài Gòn từ cuối năm 1931.

Khá lâu về sau, lịch sử chính thức của Hà Nội mới công nhận rằng trên toàn quốc chưa có những điều kiện chủ quan và khách quan đầy đủ, phong trào Sôviết Nghệ Tĩnh thiết lập chỉ trong khung khổ một vùng, cuối cùng phải thất bại.[99]

X
Phái Cộng sản
Tả đối lập Đông Dương
1931-1933

Cuộc đàn áp rung chuyển toàn xứ. Khấp khấp tràn ngập trong bầu không khí khủng bố rùng rợn, chỉ tiếng « cộng sản » thốt ra cũng làm cho mọi người sợ hãi. Ngay từ khi đặt chân lên đất Sài Gòn vào tháng 6 năm 1930, Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương và Phan Văn Chánh bị trục xuất từ Pháp, mật thám không mất dấu họ. Thoạt tiên họ tìm kế sinh nhai. Đầu năm 1931, Hồ Hữu Tường bắt liên lạc với họ ở Sài Gòn, rồi cùng nhau dự kiến bí mật lập một phân bộ Cộng sản tả đối lập quốc tế ở Đông Dương.

Tiếp xúc Hồ Hữu Tường từ tháng 5 năm 1931, Đào Hưng Long tán thành luận thuyết Phái tả đối lập phê phán Quốc tế Cộng sản chỉ đạo đã liên tiêp dẫn tới thất bại. Quân đội Tưởng Giới Thạch, với vũ khí do Môskơva trang bị, bấn giết thợ thuyền Thượng Hải, đánh ụp cuộc bạo động vũ trang tháng 4 năm 1927. Môskơva không cung cấp vũ khí Đảng Cộng sản Tàu lại buộc phải phục tùng Quốc dân đảng, đảng tư sản. Công xã Quảng Châu tháng chạp năm 1927 do phái Stalin quáng mù khích động cũng dìm trong máu lửa. Thảm kịch Sôviêt Nghệ Tĩnh không ngoài ảnh hưởng chỉ đạo của Môskơva.

Đảng Cộng sản hướng nỗ lực chủ yếu về nông thôn, kém chú ý giai cấp vô sản thành thị, các trung tâm công nghệ.Tả đối lập quan niệm vô sản là giai cấp duy nhất khả năng đóng vai tiền phong trong cuộc cách mạng. Mặc dù còn non yếu, giai cấp này vẫn nắm trong tay các trung tâm đầu não hệ thống khai thác kinh tế và thống trị thuộc địa.

Đào Hưng Long lìa tỉnh lên Sài Gòn, hướng « làm việc » trong giới phu phen thợ thuyền. Anh cùng Hồ Hữu Tường bí mật phát hành tạp chí lý luận *Tháng Mười* (8 số từ tháng 8 năm 1931 tới tháng 3 năm 1932), và tờ báo chiến đấu *Cộng sản*, in bằng xoa xoa.

Long gập Ngô Văn Xuyết, lúc đó làm công hãng Đêscua-ê-Cabô. Xuyết âm thầm vận động cu li, tài xế, nhân viên trong hãng, thân kết thành hội ái hữu bán công khai (nói tới công hội, nghiệp đoàn, đồng như tiếng « cộng sản », người ta sợ).

Tạ Thu Thâu cũng tập hợp quanh mình những chiến sĩ cộng sản hoang mang, ly tán sau khi đảng không còn. Vào tháng 11 năm 1931, hai nhóm Tường Thâu nhập một thành Phái tả đối lập. Họ vẫn giữ tờ báo *Tháng Mười* làm cơ quan lý luận. Nhà xuất bản bí mật của phái, gọi Tả đối lập Tùng thư phát hành những sách dịch ra chữ quốc ngữ, truyền bá tư tưởng Kac Mac (*Tuyên Ngôn Cộng Sản*, *ABC chủ nghĩa Cộng sản* của Bukharin, *Chủ nghĩa xã hội không tưởng và chủ nghĩa xã hội khoa học*, của Anghên,v.v.) độ khoảng 15 tựa sách.

Đó là một công trình quá sức một nhóm ít người như vậy.

Trong cuộc hội nghị thảo luận tháng 4 năm 1932, ý kiến bất đồng xuất hiện: Nên tiến hành bảo vệ những đề cương Phái tả đối lập trong nội bộ Đảng Cộng sản, hay đứng ngoài, trong một tổ chức đối lập tách biệt? Hội nghị không quyết định ngay lúc đó, nhưng không vì thế mà kém hoạt động. Họ xuất bản tờ báo chiến đấu *Vô Sản*, cơ quan Đông Dương Cộng Sản, hai tháng một lần.Số đầu ra ngày 1 tháng 5 năm 1932. In ấn theo lối thủ công. Đào Hưng Long thảo ra quyển *Cách tổ chức một chi bộ sản nghiệp*, hướng dẫn đồng chí mới nhập môn về hoạt động thực tế.

Ẩn bóng tối ở Sài Gòn không bao lâu, Phái tả đối lập bị phát giác. Mật thám túm « nhà in » báo *Vô Sản* tại nhà chữa ôtô Otly, phố Forer Lu-i, lục soát trong ngõ hẻm Trương Minh Ký. Ngày 6 tháng 8 năm 1932 và những ngày sau, 65 đồng chí cùng bạn cảm tình bị bắt giam. Trong đó có ba chục người ở Sài Gòn còn mấy người khác ở các tỉnh Gia Định, Bạc Liêu, Sóc Trăng và Bà Rịa. Đào Hưng Long và Hồ Hữu Tường bị bắt vào tháng 10 tháng 11. Một số người khác, như Phan Hiếu Kinh, Võ Bửu Bính, Huỳnh Văn Phương được thả vì thiếu chứng cớ. Tạ Thu Thâu đến tháng giêng 1933 được ngoại hầu tra .

Tạ Thu Thâu bị giam ba tháng ở bót mật thám đường Catinat. Sau khi được thả, anh kể lại tình cảnh giam cầm, tường thuật những cách mật thám tra tấn các bạn, để bắt họ « đột nhiên tự thú », buộc họ cáo giác những người khác. Trong tập *Ba tháng ở bót mật thám Catinat* (viết bằng

tiếng Pháp) mà sau này, năm 1934, Thâu trao cho Gabơriel Pêri – dân biểu thuộc Đảng Cộng sản Pháp tại Nghị viện – người dẫn đầu phái đoàn công nhân điều tra sang Sài Gòn. Anh nêu lên trường hợp của Nguyễn Văn Hoàng, vì không chịu nổi những đòn tra tấn tự treo cổ trong xà lim. Thoát chết, Hoàng lại bị cùm trần truồng trên hai tháng. Chị Nguyễn Thị Mỹ, khi rời phòng tra tấn bọn lính kin phải khiêng chị về xà lim, rồi ngày hôm sau đưa vô nhà thương Chợ Quán. Phạm Văn Đông chụp lưỡi dũa đâm vào cuống họng khi mật thám lục xét nhà bắt được khẩu súng lục của anh tự chế tạo (anh bỏ mình ở Côn Đảo sau này). Nguyễn Văn Thưởng và Nguyễn Văn Bé, đêm khuya cứ hai tiếng một lần bị dẫn lên phòng tra. Tạ Thu Thâu viết

> Tôi thất thần mỗi khi các bạn tôi bị tra tấn, mỗi khi nhìn thấy họ bị dẫn đi lên thang khu ốc. Tôi tự hỏi họ chịu đựng nổi tra tấn hay không, để giữ bí mật và tránh cho các đồng chí còn ở ngoài khỏi bị bắt.[100]

Chúng ta sẽ còn gặp Tạ Thu Thâu trong cuộc đấu tranh hợp pháp năm 1933, nhân dịp bầu cử hội đồng thành phố Sài Gòn.

Nhóm người Đông Dương
trong Liên minh Cộng sản (Phái tả đối lập) ở Pháp

Ở Paris, cuối năm 1930, một ít sinh viên An Nam thoát khỏi bắt bớ trong lúc tham gia biểu tình phản đối án tử hình ở Yên Bái, các sinh viên ấy tiếp xúc người thuộc Phái tả đối lập ở Pháp như Rôsmer, Navilơ, Fơrăn, rồi thành lập một nhóm cộng sản đối lập chính trị Quốc tế Cộng sản ở Đông Dương.

Họ bị đứt liên lạc với các đồng chí bị trục xuất về Sài Gòn, họ sống tách biệt xa xôi phong trào nông dân đang làm rung chuyển xứ sở, họ tự giới hạn chiến đấu trong giới đồng hương, gắng hành động hoặc độc lập, hoặc cộng tác với nhóm An Nam theo chủ nghĩa Stalin, mặc dù có những luận điểm bất đồng. Đồng thời họ mở rộng quan điểm chính trị rồi sau đó bắt đầu viết những bài phê phán Đảng Cộng sản Đông Dương, dựa vào tư tưởng Phái tả đối lập trong Quốc tế Cộng sản.

Cuộc Triển lãm Thuộc địa 1931, một hình ảnh dối trá tình duyên thơ mộng giữa chính quốc với các thuộc địa, sắp long trọng khai mạc vào ngày 6 tháng 5 năm tại khu vườn Venxennơ. Ngày 19 tháng 4, Nguyễn Văn Tạo lập một Ủy ban phản đối, bị trục xuất trước ngày khai mạc. Trần Văn Sĩ,

Nguyễn Văn Lịnh và các bạn trong Ủy ban đó tự mình đảm đương kế hoạch biểu tình vào ngày mở cửa.

« Đừng tới dự cuộc Triển lãm Thuộc địa! », một truyền đơn của nhóm siêu thực (surréaliste), ký tên Ănđơrê Bơrơton, Bengiame Pêrê và các bạn của họ kêu gọi tẩy chay. Tờ truyền đơn dục lòng Ủy ban phản đối, công kích ý niệm lường gạt của « Nước Đại Pháp », và trong phần kết luận, đòi phải « rút ngay ra khỏi các thuộc địa và kết án những tướng lĩnh và viên chức chịu trách nhiệm về những cuộc tàn sát » ở Đông Dương.

Vào tháng 6, nhóm cộng sản đối lập tổ chức một cuộc tuần hành tới đền Ăngko Vat để phản đối vụ trục xuất người An Nam mới đây. Không những họ đòi thả tù chính trị, mà còn đòi phải rút hồi toàn quyền Paskiê, « thủ phạm vụ đàn áp tàn nhẫn những người dấy loạn ở Đông Dương ».

Sau khi phong trào nông dân ở Trung Kỳ và Nam Kỳ thất bại lưu huyết, nhóm đối lập viết một bức thư dài, « Thư gửi các đồng chí Đảng Cộng sản Đông Dương » đăng trên tờ *Đấu tranh Giai cấp* tháng 9 năm 1931, hoan nghênh « cuộc đấu tranh vô cùng khó khăn để bênh vực công nhân và nông dân ». Họ mời đảng viên ĐCSĐD tranh luận về các biến cố 1930-1931:

> Những người bảo vệ luận thuyết « cách mạng quốc gia tư sản dân quyền » thường đưa ra ý kiến chống lại chúng tôi, cho rằng tình trạng kinh tế lạc hậu của xứ Đông Dương không thể tới được giai đoạn cách mạng vô sản mà không trải qua giai đoạn chín mùi của cuộc cách mạng dân tộc dân quyền. Nhưng thực ra thì tình hình các thuộc địa và bán thuộc địa không thể xem xét tách rời với tình hình toàn thế giới.
>
> Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc và cách mạng vô sản, cuộc cách mạng ở Đông Dương là một bộ phận nằm trong mặt trận cách mạng thế giới, mặt trận của giai cấp vô sản chống chế độ thống trị đế quốc chủ nghĩa toàn thế giới.
>
> Lý luận xã hội chủ nghĩa trong một nước duy nhất mà phái Stalin áp đặt trong Quốc tế Cộng sản làm nguy hại cho chủ nghĩa quốc tế vô sản và gây tác hại đến việc củng cố những thực hiện xã hội cấp tiến đã đạt được ở Liên Sô.

« Đảng của chúng tôi »! Thật là một ảo tưởng đậm đà, họ mong được gia nhập ĐCSĐD để chung cùng hoạt động, mặc dầu là trái nghịch với Môskơva.

Phái Stalin An Nam ở Paris làm cho họ phải tỉnh ngộ một cách thô bạo. Trên tờ *Vô sản* ngày 15 tháng hai năm 1932, thay vì trả lời cho nhóm đối lập về vấn đề cơ bản, phái Stalin chỉ truyền đạt cho các đồng chí của họ những lời vu khống của đẳng cấp thơ lại quan liêu Nga: Những kẻ theo chủ nghĩa Trôtski là đội tiên phong tư bản phản cách mạng.

Chúng ta hảy trở lại tháng tám 1932.

Cuộc Dại hội ở Amstecđam (Hòa Lan) chống đế quốc chiến tranh do Hănri Bacbuýt và Rôme Rôlăn khởi xướng, diễn ra từ ngày 27 đến 30, nhóm Tả đối lập ở Paris đưa đồng chí đi tham dự.

Được tin nhóm Tả đối lập ở Sàigòn bị băt bớ, họ kêu gọi biểu tình phản đối những vụ bắt giam ấy. Người ta không thể từ chối, không để cho một người dân thuộc địa lên phát biểu, vì đó Nguyễn văn Lịnh nói rằng cái gọi là « cuộc đấu tranh chống chiến tranh » do tính chất trừu tượng của nó, chỉ là một cái cớ, vô hiệu quả. Trôtski đã từng nói nếu người ta không đập tan cái chế độ đưa tới chiến tranh, thì chiến tranh không thế nào tránh khỏi, và cái gọi là « xây dựng xã hội chủ nghĩa trong một xứ duy nhứt » sẽ tạo nên tình trạng trì trệ suy vong cho giai cấp vô sản. Vô sản thuộc địa chỉ có thể đặt hy vọng của mình nơi liên hệ với giai cấp vô sản thế giới, chứ không phải nơi những ủy ban hô hào chống chiến tranh.

Năm 1933, Trôtski thay đổi quan điểm chính trị: Tả đối lập không còn mong phục hồi Đệ tam Quôc tế. Khấp khấp họ bị phái Stalin khai trừ, vu khống, hành hạ bằng bạo lực. Những phần tử cách mạng phải khươc từ việc tái nhập vào các đảng cộng sản chính thức, phải xem đó là không tưởng và phản động. Họ không thể chung cùng Stalin trong một Quốc tế, phải dự bị thành lập Đệ tứ Quốc tế.

Nhóm tả phái Đông Dương, do kinh nghiệm riêng của mình, cũng triển vọng như thế, như họ đã tỏ ý trong bức thư ngày 2 tháng 10 năm 1933 gửi cho Ban Bí thư quốc tế của Phái tả đối lập ở Paris.

Thàng bảy năm 1933, Phan Văn Hùm, người lớn tuổi trong nhóm Tả phái Đông Dương, quyết định tiếp tục chiến đấu tại xứ nhà. Về Sài Gòn, anh liên lạc với Nguyễn An Ninh, người thầy và bạn của anh trước kia, người đã theo lời dặn của Phan Châu Trinh: Chớ có lẩn trốn ở nước ngoài mà rung chuông gõ trống, phải trở về nước mà thức tỉnh đồng bào.

Ở Sài Gòn, Hùm gập lại những người Tả đối lập anh quen biết ở Paris, tất cả đồng tham gia phong trào hợp pháp của nhóm Tranh đấu. Để kiếm sống, anh đi dạy ngôn ngữ và giảng văn học Việt Nam trong các trường tư.

XI
Khủng hoảng kinh tế và đàn áp chính trị ở Nam kỳ 1932 -1933

Vào năm 1932 Nam kỳ chìm ngập giữa khủng hoảng kinh tế. Dân chúng suy sụp bần cùng trong bầu không khí gắt gao đàn áp. Thuế khóa không giảm chút nào, đời sống ngày càng bấp bênh.

Tháng tư, 40 thợ người Tàu xưởng dệt khăn lau bị giảm 50% lương. Tháng năm, những người làm công nhật sở Trường tiền (Công chính) tự nguyện xin giảm lương 20% để không một ai bị loại.

Đồn điền Phú Quốc gặp khó khăn phải đóng cửa, bỏ mặc phu Bắc kỳ và cả nhân viên người Pháp. Sau nhiều tháng trời lang thang đi tìm việc làm để kiếm sống, rốt cuộc những phu người Bắc được chính quyền đưa về xứ.

Hồi tháng chạp, tại sở cao su Misơle ở Dầu Tiếng, lương phu đàn ông bị giảm từ 40 xu còn 30 xu, đàn bà từ 30 xu xuống 23 xu. Họ bãi công bị đàn áp dẩm máu mà không đạt kết quả gì. Chỉ còn nước chọn một trong hai đường: nhận cảnh nửa no nửa đói hoặc ra đi.

Hoạt động cách mạng dường như bị tắt ngấm. Mặc dầu thỉnh thoảng một vài việc xảy ra, như tháng tư ở Sàigòn có mít ting cộng sản nhóm ở ngã tư đường Galiêni, Arassơ và Huỳnh Quang Tiên; trước ngày 1 tháng năm vài biểu ngữ đỏ treo nơi này nơi khác; phu xe kéo Gia Định bãi công phản đối tăng giá giấy phép kéo xe một cách hà lạm. Quái tượng cách mạng dường như ẩn mình. « Không một sự biến nào cả trong toàn cỏi Đông Dương ngày 1 tháng Năm 1932 », Văn phòng chính trị chứng minh như thế.

Tuy nhiên, âm thầm trong bóng tối biết bao chập chờn toan tính tái lập đảng cộng sản ở Sài Gòn, Chợ Lớn và khấp Nam kỳ lục tỉnh. Phái tả đối lập cũng lần hồi xây dựng.

Mặc dù tình hình chính trị bề ngoài có vẻ yên tĩnh đàn áp vẫn không ngưng.

Ngày 21 tháng giêng 1932, tòa đại hình Sài Gòn kết án tử Huỳnh Văn Đảm, có chân trong đội tự vệ Đảng Cộng sản Đông Dương. Tòa cáo anh đã ám sát một tên diềm chỉ.

Ngày 20 tháng sáu, Lê Văn Thử bị kết án 7 tháng tù. Sau khi bị trục xuất khỏi xứ Pháp về xứ, anh mở quán cà phê ở Gia Định để sống. Tòa buộc tội anh toan lập một phân bộ Cứu tế đỏ, trách anh có liên lạc với Cô Sâm, ủy viên tỉnh ủy cộng sản Chợ Lớn, và đã tiếp hai cựu chiến hữu đảng Thanh Niên là Trần Tú Chinh và Lưu Đình Tú trú ngụ nhà anh. Hai người nầy mỗi người bị 9 tháng tù.

Cuối tháng bảy, 32 nông dân bị bắt trong cuộc biểu tình hồi tháng sáu năm 1930 tại Bà Hom, – nơi nhiều người bị tên cò Campana bắn chết – nay bị đưa ra tòa đại hình ! Sau hơn hai năm giam ở Khám Lớn, 22 người bị kêu án từ 2 đến 5 năm tù, trong đó ba người đàn bà.

Ngày 6 tháng 8, ruồng bố rộng, 65 chiến sĩ hoặc người cảm tình Phái tả đối lập bị hạ ngục. Lần lược theo đó, 163 đảng viên ĐCSĐD đang xây dựng lại, gồm cả nhóm phân liệt Lư Sanh Hạnh cũng lọt vào lưới mật thám.

Qua tháng 11, Phạm Văn Thiên, gọi Hùng, học trò củ trường trung học Mỹ Tho, cùng hai đồng chí Trịnh Văn Ó và Nguyễn Văn Cầu, thành viên tỉnh ủy Mỹ Tho, bị tòa đại hình xử tử, buộc tội giết Lê Quang Chiêu, người bị coi là phản đảng. Phiên tòa nầy cũng kêu án lưu đày khổ sai 33 tù chính trị khác.

Cùng trong tháng 11 năm 1932, cảnh sát Anh ở Singapo giao cho mật thám Sài Gòn người Tây tên Đuycơru gọi Lơforăn, thanh tra của Đệ tam Quốc tế. Theo lời chánh mật thám L. Macty[101], ngày 23 tháng 3 năm 1931, Đuycơru có giao 16.000 forăn cho Ngô Đức Trì và Trần Phú, ủy viên Ban chấp hành Trung ương ĐCSĐD. Mối liên lạc giữa Moskơvâ với ĐCSĐD đứt đoạn: Nguyễn Ái Quốc bị bắt ở Hương Cảng ngày 6 tháng 6 năm 1931, mãi tới 1933 mới sang Nga đươc.

Các tay cách mạng chuyên nghiệp đã tốt nghiệp hoặc đương đào tạo tại trường Stalin ở Moskơvâ, như Hà Huy Tập, Dương Bạch Mai, Trần Văn Giàu, Nguyễn văn Dựt...sẽ thọ lãnh nhiệm vụ gây dựng lại cuộc vận động cách mạng đã tan vỡ trong xứ. Một *Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương* nhập Việt Nam năm 1933.[74]

Ba vụ án cộng sản năm 1933 ở Sài Gòn
Ngày 1 tháng 5 năm 1933, Phái tả đối lập ra tòa.

21 chiến sĩ gồm thợ, culi, thơ ký, thầy giáo. không người nào là cách mạng chuyên môn. Trong số đó, 16 người bị kêu án vì « có chân trong một hội kín và vận động phá rối trị an », có người bị ghi thêm tội tàng trữ đạn dược và súng sáu tự tạo. Họ thuộc lứa tuổi 20 chứ chưa tới 30.

Án quyết:

- Phan Văn Chánh và Hồ Hữu Tường, hai nhà lý luận, 4 và 3 năm tù treo.

- Nguyễn Văn Thưởng, bạn thời nhỏ của Phan Văn Chánh, trước đã bị tòa đại hình Hà Nội kết án khổ sai chung thân vắng mặt, cùng Pham Văn Đông, bị cáo chế tạo súng đạn: 5 năm và 4 năm tù thêm 20 và 10 năm biệt xứ.

- Nguyễn Hữu Hòa chuyên việc in tờ *Vô Sản* và sách; Nguyễn Văn Bé trách nhiệm liên lạc với các đảng viên ĐCSĐD; Lê Văn Hổ; Đào Hưng Long- thuộc xu hướng tả đối lập đầu tiên trong nội bộ ĐCSĐD từ cuối 1930 - trách nhiệm tổ chức và hoạt động thực hành: 18, 15 và 12 tháng tù.

- Nguyễn Văn Minh trách nhiệm tuyên truyền; Nguyễn Văn Đại với Trần Hải Thoại, cộng sự với Đào Hưng Long trong Liên minh Cộng sản đoàn ở Cà Mau; và Phạm Văn Lụa: 10, 8 hoặc 6 tháng tù.

- Võ Thị Bằng, cũng gọi Nguyễn Thị Mỹ; Trần Văn Xuân; Nguyễn Văn Hoàng, trách nhiệm thành lập chi bộ sản nghiệp: Nguyễn Huệ Minh, bạn đời của Hồ Hữu Tường: 3 hoặc 4 tháng tù.

- Trần Thị Mười, bạn đời của Đào Hưng Long được tha bổng.

Nguyễn Văn Thưởng và Pham Văn Đông bị đưa ra Côn Đảo, Đông bỏ xương ở đó.

Đào Hưng Long bị đày đến hầm đá Châu Đốc, bắt đập đá với tù thường phạm. Anh khuyến khích họ bãi công, liền bị nhốt vào khám hầm, cùm chân, rồi bị gửi tống trở về Khám Lớn Sài Gòn.

Chị Mỹ chết trong năm đó.

Tờ *Thư tín Đông* Dương (La Dépêche d'Indochine) gọi vụ án nầy « vụ án trôtkit », vụ án đầu tiên Phái tả dối lập Đông Dương.

Vụ án 122 đảng viên cộng sản ngày 3 tháng 5 năm 1933

Một trong số trạng sư binh vực bị cáo viết cho bà Ăndơrê Viôlis như vầy:

> Ở đây có sáu vụ riêng biệt không liên quan gì với nhau mà lại đem ghép nhau lại, trái với mọi thủ tục pháp lý, để cấu thành một tốp

cộng sản. Tuy nhiên cách thức nầy có cái lợi là họ nhọ được Đảng cộng sản và đặc biệt truy tố ghép đãng viên vào tội hội hiệp hung thủ bạo đồ.

Bên bị cáo không có người chứng. Phía nguyên cáo trừ hai người, đều là nhân viên sở mật thám.

Tòa gồm ba quan tòa Pháp và hai thẩm phán An Nam, hai người nầy không biết gì ráo về hồ sơ vụ án. Họ xét xử trong vòng năm ngày, 119 người bị truy tố, trong số có 7 người đàn bà, bị cáo « hội kín, âm mưu chống an ninh Nhà nước vá hội hiệp hung thủ bạo đồ ».[102]

Ba bị cáo vắng mặt: Huỳnh Văn Đảm, số 55, bị bắt ngày 4 tháng 6 năm 1930 tại Bà Hom, bị kết án tử hình sau một phiên xử vội vã ngày 21 tháng giêng năm 1932, và đã bị chém ngày 25 tháng 3 năm 1933, hơn một tháng nay: Nguyễn Văn Quý, số 64, và Phước, đã chết trong tù, giống như trường hợp hương quản Năng, xã trưởng Hiếu, Nguyễn Trung Hanh cùng Trần Phú đều bị tra tấn đến chết, như tờ Thư tín Đông Dương ngày 23 tháng 6 năm 1936 đã nhắc lại.

Vụ án nầy xử lẫn lộn hoạt động chính trị và nghiệp đoàn (tuyên truyền bằng truyền đơn và báo chí, bí mật thành lập công hội và nông hội, tổ chức nông dân nghèo tuần hành đòi giảm thuế, v.v.) cùng những hành động thường phạm (lấy trộm súng ống trong đồn Ô Ma năm 1929, giết ba hương chức săn người và vụ tên lính lưu động chết trong cuộc ấu đả ở Nhà Bè năm 1930, vụ đánh cướp tàu xà lúp vận tải ở Mỹ Tho năm 1933, và vụ tình nghi xử tử một người cho là phản đảng, vụ nầy đã xử rồi năm 1932.

Ai là những người bị cáo? Những trí thức trong đó có những người từ Moskơva và Quảng Châu về, mươi người trước theo Nguyễn An Ninh trong đó có hai anh lính tập, đa số người nông thôn, thầy giáo, hương chức nhỏ, dân cày, chiến sĩ vận động trong sản nghiệp, thư ký, thợ sấp chữ, thợ điện, culi,v.v.

Tranh tụng vô cùng chóng vánh. Trong vụ nầy cũng như trong tất cả các « vụ cộng sản », giao cho sở mật thám thẩm vấn (lẽ ra thẩm vấn là nhiệm vụ quan bồi thẩm, theo pháp lý, viêc sái luật ấy có thể khép vào tội vi phạm chức vụ). Những người bị cáo bị giam hằng tháng, có khi đến hai ba năm như trong trường hợp nầy.
Người ta dùng những cách tra tấn hết chổ nói, tỏ ra họ rất lọc lõi kiểu tra tấn theo lối Á châu. Nhiều bị cáo khi ra trước tòa đã bị thương tật suốt đời. Một bị cáo bị gãy cánh tay vì bị tra theo lối treo người, hai tay trói ké sau lưng. Điện cũng dùng để khảo tra, không

> kể nhiều ngón tay bị đập nát, kim đâm xỉa dưới móng tay. Đấy chỉ là những cách thông thường. Như thế đó người ta lấy khẩu cung người bị cáo thú nhận.
> Lời thú ghi xong vào biên bản, người ta dẫn bị cáo đến trước bồi thẫm để xác nhận. Người ta cũng vừa cho bị cáo biết nếu mình phản cung, thi người ta sẽ tiếp tục tra hỏi lại cho tới chết nếu cần.[103]

Khi Phan Bôi công bố trước tòa rằng anh bị tra tấn từ 6 giờ chiều tới 3 giờ khuya, chánh án Wâylơ vừa nhận lời vừa thản nhiên hỏi: « Có phải bị tra tấn thật hay không? Hay chỉ bị đấm đá, như cảnh sát loi vả là thói thường khắp thế giới! » Phan Bôi nói rỏ hơn: « Trước hết họ tay đấm chân đá, rồi đánh bằng gậy, tay trói ké sau lưng, miệng tôi ộc máu. Chinh bác sĩ Môntên đã châm sóc tôi nhiều lần. »[104]

Trong những lời biện hộ, chúng tôi ghi ít lời sau đây của trạng sư Cănxenliêri:

> Vụ xử ngày hôm nay vượt ngoài giới hạn tòa án nầy. Những cuộc dấy loạn đã có từ hàng ngàn năm nay: lúc đầu nổi dậy dưới hình thức Thiên Chúa giáo, rồi đến những phiến loạn thời Trung Cổ, rốt hết khi tư bản chủ nghĩa thiết lập, phiến loạn nổi lên dưới hình thức hợp lý và có tổ chức. Những cuộc đấu tranh ấy thất bại, tiếng tâm vang vọng lan tận dân tộc hòa bình và hiền hậu nầy. Người ta đã hứa hẹn với họ nhiều điều, nhưng người ta có giữ lời hứa không? Sáng hôm nay người ta nói đến hội kín. Phải chăng hội kín là một cần thiết trong xứ nầy? nơi mà nhóm họp trên hai mươi người thì bị cấm. Nếu người ta muốn tránh một cuộc bùng nổ thì hảy ban hành những quyền tự do. Đào tạo đảng phái, thành lập nghiệp đoàn, thì các ông sẽ nắm họ trong tay.Nhưng nếu người ta muốn trấn áp không màng hậu quả thì cuộc cách mạng sẻ nổ ra dữ dội.
> Những người bị cáo nầy không thành lập bè đảng hung thủ bạo đồ. Đấy là những người có lý tưởng và họ biết rằng ám sát cá nhân, cướp bốc bao giờ Đảng của họ cũng cấm.

Chưởng lý trưởng đòi sáu cái đầu để trả thù ba hương chức làng bị giết năm 1930, một cái đầu bù cho tên lính lưu động Thọ chết hồi tháng 3 năm 1931, và một cái đầu thứ tám hành tội kẻ hành quyết Lê Quang Chiêu.

Án quyết tuyên ra vào 4 giờ sáng chủ nhật ngày 7 tháng 5 năm 1933. Một án quyết không thể táo tợn hơn nữa được:

8 án tử hình: Huỳnh Văn Bỉnh, 53 tuổi - Nguyễn Văn Út, 52 tuổi - Nguyễn Văn Tồn, 47 tuổi - Huỳnh Văn Gọn, cũng tuổi đó - Đặng Văn Cu, 34 tuổi - Lê Quang Sung, 23 tuổi, ký giả báo *Nhà Quê*, bị buộc tội chủ trì tòa án cách mạng xử tử hương chức làng ở Đức Hòa - Phạm Văn Khương, 23 tuổi, làm thợ ở kho dầu Nhà Bè, can về vụ xung đột đã làm vong mạng tên lính Thọ. Người chót bị án tử là Cao Văn Lương,33 tuổi, can vụ giết Lê Quang Chiêu, vụ mà tòa đại hình Mỹ Tho đã xét xử năm 1932 và đã kêu án tử 3 người.

79 người bị khổ sai hoặc cấm cố có kỳ hạn, trong có một ông già 89 tuổi, tổng cộng 970 năm tù đày.

19 người bị khổ sai chung thân, trong đó có Dương Hạc Đính và Ngô Gia Tự, cả hai ủy viên ban chấp hành Trung ương ĐCSĐD. Ngô Gia Tự chết năm 1935, được 27 tuổi, khi vượt ngục Côn Nôn.

Dương Hạc Đính, năm 1931 đã bị tòa đại hình Hà Nội kêu án vắng mặt khổ sai chung thân và Ngô Đức Trì - con ông nghè Ngô Đưc Kế, người bị đày ra Côn Đảo năm 1908 - vừa bị án 15 năm, hai người thất thần khai nhận hoang mang, sau đó bị đồng chí khai trừ. Báo *Tranh Đấu* ngày 4 tháng 10 năm 1934, nhân dịp toàn quyền Rôbe ký lệnh ân xá 617 tù chính trị, còn chỉ trích thái độ Dương Hạc Đính và Ngô Dức Trì đã « giúp mật thám bắt bớ ».

Chưa đầy một tuần sau khi tuyên án, ngày thứ bảy 13 tháng 5, khoảng 90 người vừa bị kết án, bị hấp tấp tống xuống tàu Acmăn Russô chở đi Côn Nôn. Cũng bữa đó, tờ *Báo chí Đông Dương* (La Presse Indochinoise) đăng bài phản đối án quyết « tàn nhẩn và không giải thích nổi », rồi kể ra mươi trường hợp vô lý, như hai ca dưới đây :

> 71.NGUYỄN VĂN ÚT. Đảng viên Đảng Cộng sản, tham gia tòa án cách mạng đã quyết định xử tử hai hương chức làng Hựu Thạnh. Y đi cùng thủ lĩnh là Huỳnh Văn Bỉnh, người đãám sát hương chức Mây ....TỬ HÌNH
> 72. HUỲNH VĂN VO. Cựu huong quản, đảng viên ĐCS, tham gia tòa án cách mạng đã quyết định xử tử hai hương chức làng Hựu Thạnh, dự nhóm phụ trách hành quyết hương quản Mây..THA BỔNG

Tờ báo còn thêm: Chúng tôi sẽ chỉ rỏ rằng « việc thẩm vấn do mật thám tiến hành, điều đó theo các hình luật sư là vi phạm trong công vụ! » Bản tổng kết chính thức về đán áp theo pháp lý những năm 1930, 1931 và 1932 :

Số người An Nam bị kết án	6897
- do các hội đồng đề hình	1094
- do các tòa án bản địa ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ	5083
- do tòa án Pháp ở Nam Kỳ	720

Trong số đó có 164 án tử hình (88 vụ đã hành quyết:38 ở Bắc Kỳ, 46 ở Trung Kỳ và 4 ở Nam Kỳ). Số còn bị giam ở Bắc Kỳ 1091, Trung Kỳ 1879; được thả có điều kiện 2810.[105]

Những vụ xử năm 1933 thêm bi thảm vào bản thống kê trên.

Ở Pháp, Ủy ban đòi ân xá và bảo vệ người Đông Dương và các dân tộc thuộc địa do Fơrănxi Giuôcđe đề xướng, nhóm họp cùng Mari-uýs Mutê, Ănđơrê Viôlis, Lu-i Rubô...tức thời can thiệp, không những giáp mặt với bộ thượng thơ xã hội cấp tiến mà còn khich động dư luận công chúng bằng cách tổ chức thông tin và phản đối. Các đại biểu Ủy ban thấy thái độ ông bộ trưởng sẵn sàng; ông ta nói đã điện cho Sài Gòn không được thi hành một án nào trước khi đích thân ông xem xét hồ sơ.

Ngày 11 tháng 5, bốn thanh niên Pháp thuộc Liên minh Cộng sản (Phái tả đối lập) toan phát lên một tiếng vang làm cho báo chí im lìm phải lên tiếng. Họ đập vỡ vách kiến và một vài đồ đạt quí báu ở nhà Tổng Hội Đong Dương, nơi đó đang trưng bày những tác phẩm nghệ thuật đông phương. Cơrepô và Rôsăntal trốn thoát, còn Atlăn và Lasitêrađơ bị bắt. Ngày hôm sau, các báo tường thuật vụ biểu thị bất thường đó, cho rằng gốc ngọn là bản án quyết Sài Gòn, bản án « bỉ ổi » theo báo *Bình Dân* (Le Populaire), « công bằng » theo báo Lơ Figaro. Báo *Bình Dân* còn phát lời của Liên minh kêu gọi vô sản Paris: « Hảy ngăn cản đế quốc chủ nghĩa Pháp hành hình những người bị kết án ỏ Sài Gòn sát nhân một lần mới nữa! »

Phan Văn Hùm cùng Nhóm người Đông Dương thuộc Liên minh lên tiếng chung cùng nhửng ai thử thức tỉnh dư luận.

Ngày 16, Ủy ban đòi ân xá tập hợp 1200 người tham dự tại Hội các Nhà Bác học. Nguyễn Văn Lịnh kêu gọi giới vô sản Paris chủ nhật tới tập hợp tại Bức tường Công xã để phản đối những vụ kết án chính trị tại Đông Dương.

Ngày 20, một phái đoàn do dân biểu Mônecvilơ dẫn đầu đến bộ thượng thơ để « tỏ bày sự xúc động trong giới lao động trí thức và chân tay do án quyết của Sài Gòn mới đây ».

Ngày 3 tháng 7, Ủy ban lại triệu tập một cuộc họp tại Nhà Hội Tương tế (Mutualité). Fêlixien Salâydơ, Victo Macgơríttơ; Ănđơrê Malrô, kỹ sư thuộc địa Râymônđ, Lêon U-et... cũng tham dự. Một phái đoàn được cử tới gặp Alơbe Sarô. Ngày 5, Fơrănxi Giuộcđe gửi cho bộ trưởng một bản tường trình chi tiết về vụ xử án ghê tởm tại Sài Gòn. Ông nhấn mạnh tính chất cấp

bách phải « nhắc nhở những người có thẩm quyền (toàn quyền Đông Dương) về khoản 444 trong bộ luật xét hỏi hình sự để làm cho họ phải ngưng thi hành án ». Ông nói rằng Ủy ban ân xá đề nghị « những người bị kết án do một sự lầm lẫn đáng tiếc đã đưa ra Côn Đảo sẽ được trở lại Sài Gòn chờ được xem xét lại, một việc mà người ta không được khước từ ». Ông gợi ý cần phải xác định rõ sự phân biệt giữa việc đánh vả và việc tra tấn theo đúng nghĩa của nó, « một hành động bỉ ổi » . Ông nhấn mạnh tòa án không thể căn cứ vào những lời thú nhận trong lúc bị tra tấn mà xử đoán; ông tường trình những kết án có tính chất « độc đoán gần như hoang mang », sau khi ông đã phân tích lối năm chục trường hợp đặc biệt.

Ngày 5 tháng 8, toàn quyền Paskiê đích thân viết cho bộ trưởng bộ Thuộc địa đề nghị khoan dung: « Bản thân tôi cũng cảm thấy xúc động quá chừng khi biết được cái án quyết quá khắc nghiệt ».[106]

Khi những hồ sơ chuyển tới tòa thượng thẩm Paris, Ủy ban đòi ân xá ấn hành quyển *Văn minh Pháp tại Đông Dương*, một tiếng kêu từ đáy lòng của Macxel Mactinê để phản đối« công lý » bất công. Trong đó nhà thi sĩ này, bạn của Trôtski, phác họa bức tranh về những biến cố gần đây, cuộc khởi nghĩa đột khởi ở Yên Bái, tiếp diễn theo sau là những trận liên thanh và mưa bom bừa bãi, những bản án vội vã của các hội đồng đề hình « giống như những tòa án quân sự đặc biệt do chính phủ ở thành Vecsêidơ đặt ra [tàn sát Paris Công xã] năm 1871 ». Ông gớm « công lý quái gở » trong vụ án 122 người ở Sài Gòn, cùng với, một cách tương phản, công lý cũng không kém quái gở của tòa án Hà Nội vừa mới tuyên bố tha bổng những tên lính lê dương chuyên hành hạ và sát nhân, « những chiến tích của bọn vũ phu tăm tối », mà nhà truyền giáo Gôchiê mệnh danh là « sự nghiệp của nước Pháp », chúng được bọn chỉ huy quân sự và dân sự của chúng bao che.

Mactinê kết thúc kêu gọi Thủ tướng và bộ trưởng Bộ Thuộc địa, chất vấn: « Tiếp tục giết người có phải là hiền minh chăng? Liệu những bản án ghê tởm do tòa án tuyên bố sẽ cứ được thi hành chăng? ».

Các bản án tử hình được giảm khinh.

Tháng 9 năm 1933: 64 đảng viên cộng sản ra tòa

Bị giam từ tháng 10 năm 1932 vì toan tái lập Đảng Cộng sản, 64 đảng viên bị truy tố trước tòa tiểu hình chứ không phải tòa đại hình. Chắc chắn hành động của Ủy ban đòi ân xá có kết quả gì đó. Rốt cuộc không người nào bị kêu án quá hai năm tù.

Trong số các bị cáo, có tiểu thủ công, có thợ và phu phen, ba người đàn bà kể cả thi sĩ Mai Huỳnh Hoa (con của Mai Văn Ngọc, bạn cố cựu của Nguyễn An Ninh, sau này Hoa làm bạn với Phan Văn Hùm).

Lư Sanh Hạnh, đảng viên phân liệt đã nói trên, bị kết án 15 tháng tù, đưa ra Vũng Tàu đẩy xe rùa chở đá sỏi cùng với tù thường phạm. Anh lôi cuốn họ bỏ làm. Bị giam hầm tối, anh tuyệt thực dài ngày để phản đối, chung qui được tống về Khám Lớn Sài Gòn. Đến năm 1933, anh lại xuất hiện trong phong trào lập Quốc tế Đệ tứ.

PHẦN THỨ BA

CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN TRÊN DIỄN ĐÀN CÔNG KHAI

1933 - 1939

XII
Mặt trận thống nhất La Lutte (Tranh Đấu)

Phong trào bí mật đổ vỡ, làm sao tiếp tục đấu tranh? Những cựu chiến sĩ từ Pháp về như Nguyễn An Ninh, theo chủ nghĩa quốc gia, vẫn có uy tín trong dân chúng; Trịnh Hưng Ngẫu, vô chính phủ; Nguyễn Văn Tạo, cộng sản xu hướng Stalin; Tạ Thu Thâu, Phan Văn Chánh, Huỳnh Văn Phương, cộng sản theo tư tưởng Trôtski cùng những người cảm tình như Trần Văn Thạch, Lê Văn Thử, đồng tâm chủ động đấu tranh hợp pháp chống chính quyền thực dân, theo lối Nguyễn An Ninh, người đàn anh của họ, khởi xướng trong báo *Chuông Rè* (La Cloche Fêlée) năm 1923. Nhân dịp tuyển cử Hội đồng thành phố Sài Gòn, tháng 4 năm 1933, họ tham gia để mở đường tranh đấu công khai.

Mặt trận thống nhất đầu tiên, tháng 4 năm 1933

Họ thấy thời cơ đã đến, thuận lợi cho họ lợi dụng cuộc vận động bầu cử để thức tỉnh thợ thuyền. Họ đưa ra một « Sổ lao động », chống đối các sổ tư sản, đặc biệt chống nhóm Lập hiến, nhóm nầy từ mười năm nay vẫn chiếm ưu thế trong số đại biểu người An Nam tại Hội đồng thành phố.

Thế thường người nào có tên trong sổ danh mục thuế thân hợp lệ thì được quyền tuyển cử. Tuy nhiên, ở Sài Gòn - Chợ Lớn chỉ có 4332 cử tri trong số dân 300.000 người. Nhân viên thư ký, thương nhân, viên chức chiếm đa số. Thợ thuyền và phu phen cho tới lúc bấy giờ không mấy

quan tâm tới những cuộc bầu cử đó. Còn người ứng cử, phải đủ 25 tuổi là tối thiểu, và phải có đóng thuế môn bài ít nhất là 25 đồng.

Ngày 21 tháng 4, ứng cử viên sổ lao động triệu tập cuộc họp đầu tiên tại rạp hát Thành Xương, hôm ấy chật ních người. Dân Sài Gòn được nếm hương vị tự do hội họp, một thứ tự do mà họ mới chỉ được hưởng đôi chút trước kia qua những cuộc diễn thuyết của Phan Châu Trinh, ở mít ting tại đường Lănzarôttơ; trong cuộc tiếp đón Bùi Quang Chiêu, và đám táng Phan Châu Trinh những năm 1925-1926. Họ khởi xướng phương thức phổ thông đầu phiếu thô sơ bằng lối giơ tay lên để biểu quyết lựa chọn chủ tịch, và vị chủ tịch đó là Nguyễn An Ninh. Tạo và Thạch giới thiệu những người trong liên danh: Lê Văn Thử, vừa ở tù ra; Lê Văn Lưởng, thợ cơ khí, người đã từng đình công tại xưởng thủy binh Ba Son ; Nguyễn Văn Dinh, tài xế; Trần Văn Vân, thợ may cùng hai thợ in Nguyễn Văn Số và Nguyễn Xuân Vinh.

Các ứng cử viên trình bày mục tiêu của họ: đòi thực hiện luật lập nghiệp đoàn công nhân, luật bãi công, đòi ngày làm 8 giờ, phổ thông đầu phiếu, và đòi thực hiện ngay những bữa cơm không mất tiền cho người thất nghiệp, lập các ấu trĩ viện...

Thính giả được làm quen với những từ ngữ chưa từng nghe tại diễn đàn: tư bản, vô sản, công hội, bãi công, giai cấp tranh đấu... mà cho tới bây giờ họ chỉ được đọc bí mật trong sách báo cấm.

Ba ngày sau, các ứng cử viên phát hành tờ báo bằng tiếng Pháp *La Lutte* (Tranh Đấu) (Báo chí bằng chữ quốc ngữ sau khi được phép mới xuất bản), quản lý là người Pháp: Etga Ganôfsky. Trong số 1, in 10.000 tờ, không những chỉ nêu lên cương lĩnh chính trị của sổ Lao động mà còn có bài hướng dẫn về công hội và một bài công kích chi tiết chống lại phái Lập hiến.

Ngày 25, nhóm Tranh Đấu chống đối nhóm tư sản tự gọi « thanh niên công nhân », tại rạp hát Tân Định. Họ thuyết phục được đại đa số trong 2000 người dự giơ tay bầu chủ tịch cuộc họp: chàng thanh niên Tạ Thu Thâu - mới vừa ra khỏi Khám Lớn - được chọn, thay vì ông Trần Hữu Độ, người lớn tuổi của ban tổ chức đề nghị. Ông Độ có danh tiếng từ lúc ông bị tù vì tác phẩm *Hồi trống Tự do* của ông.

Buổi chiều ngày 27, rạp hát Thành Xương tràn ngập người mặc dù có mặt bọn mật thám đứng ám; quần chúng reo hò ủng hộ Nguyễn An Ninh và những ứng cử viên sổ Lao động khi những người này công kích cái gọi là lòng yêu nước của phái Lập hiến: « Họ quan tâm đến đồng bào tổ quốc thật, nhưng đồng bào họ no, đồng bào mình đói » Tạo thét lên như vậy. Còn Phương rút trong túi ra vài miếng giấy cắt trong báo cầm tay, lần lượt đập tan một cách có phương pháp những luận điểm về chủ nghĩa hợp tác với

thực dân của nhóm tư sản đó. Phu phen, thợ thuyền, tiểu dân (thầy giáo có bằng tiểu học, lương tháng 20 đồng rưởi bạc, so với phu phen hơn được 5 đồng) có thể cải thiện được đời sống của họ chỉ bằng cách tập hợp thành công hội theo gương thợ thuyền Pháp.

Báo *Tranh Đấu* ra số 2, ngày 29 tháng 4, ngày trước lần bỏ thăm đầu tiên. Tờ báo tập trung kêu gọi chú ý tới những nguyên tắc và sự cần thiết vận động nghiệp đoàn. Có thể có số 3 sẽ phát hành ngày 5 tháng 5 trước lượt bỏ thăm kỳ nhì, có in lại bản Hiến chương Amien (Charte d'Amiens)[107]. Sổ lao động triệu tập họp lần cuối cùng tại rạp hát Tân Định. Cò cảnh sát Sapuy trấn cửa ra vào, lạm quyền buộc ai tham dự phải có thẻ cử tri. Quần chúng bị ùn lại biến cuộc hội họp tuyển cử thành ra biểu tình trên đường phố do Tạo cầm đầu. Cuộc thị uy chỉ chấm dứt khi Tạo bị tống lên xe tù.

Ngày 7 tháng 5 năm 1933, trong khi tòa đại hình xử 122 người cộng sản tuyên án xử tử 8 người, Nguyễn Văn Tạo và Trần Văn Thạch được đắc cử.

Lần đầu tiên trong lịch sử thuộc địa, một sổ thợ thuyền ra mặt và hai hội đồng « cộng sản » dự Hội đồng thành phố Sài Gòn. Một chiến tích kỳ lạ, coi như một thách thức đối với xã hội thực dân. Sớm muộn gì chính quyền sẽ phản ứng lại.

Ngày 20 tháng 5, tờ báo hàng ngày *Trung Lập* bị cấm.Vì hướng về giới lao động, có Ninh, Tạo, Thạch và Hùm công tác. Ngày 12 tháng 8, Tạo Thạch bị hủy chức hội đồng thành phố.

Họ vẫn còn kịp thời tham gia vào các buổi nhóm Hội đồng ngày 1, 14 và 29 tháng 6, đòi số đại biểu người An Nam bằng số người Pháp, quyền bầu cử cho đàn bà, đề nghị trợ cấp hàng tuần người thất nghiệp, mổi năm ba tuần nghỉ có lương cho người làm mướn, lập nhà an dưỡng cho công nhân, bỏ thuế xe đạp và giảm thuế cho những người buôn bán nhỏ. Dĩ nhiên những đề bạt đó bị toàn thể Hội đồng bác bỏ, nhưng có tiếng vang trong các tầng lớp dân nghèo.

Tạo và Thạch chỉ được những người đắc cử trong giới thực dân và tư sản tán trợ khi hai người phản đối việc phá hủy các xóm nhà lá và khi họ đòi ân xá cho các tù chính trị.

Tuyển cử thắng lợi, báo *Tranh Đấu* ra số cuối cùng ngày 2 tháng 6, diễn giải cho thợ thuyền và dân cày những kiến nghị mà hai hội đồng đại diện họ đã đưa ra. Đồng thời phản đối việc « ám sát » tờ *Trung Lập*, đòi tự do ra báo bằng quốc ngữ. Đương nhiên là không có kết quả. Tạp chí văn học *Đồng Nai* do Phan Văn Hùm phụ trách, trong đó có những người như Ninh, Thâu, Tạo, Tường, Chánh... vẫn còn có thể trình bày quan điểm của mình, sẽ bị cấm từ tháng giêng năm 1934. Tờ *Phụ Nữ Tân Văn* nổi tiếng cũng sẽ

bị cấm, tờ báo nầy có cái tên vô hại đã đem lại cho tầng lớp thanh niên một ánh sáng mới rọi vào thế giơi. Trong khi đó, một phái đoàn từ Pháp lên đường đi Thượng Hải, đã tới Sài Gòn.

Phong trào hòa bình Amstecđam-Pơlâyel tới Sài Gòn Tháng 8 năm 1933

Phong trào này do những nhân vật cảm tình cộng sản, những « bạn đồng đi một đường » cùng Môskơva thành lập, họ tổ chức một cuộc đại hội ở Thượng Hải chống chiến tranh, một đề tài có mầu trung lập. Thật ra, họ nhằm hướng giới cần lao đi trệch khỏi nhiệm vụ cách mạng của mình (xem chương X). Phái đoàn do đại biểu Cộng sản Pháp là Pôl Vaidăn-Cutuyriê dẫn đầu, cùng với Thượng nghị viện Motlây phái lao động Ănglê, bác sĩ Mactô đại biểu ở Bơruselơ, Pupy thuộc đảng xã hội Pháp và nhà báo Haminton, người xứ Yêtlănd.

Các đại biểu được chính quyền thành phố chính thức đón tiếp, rồi người ta tổ chức cuộc hội họp đầu tiên phản đối chiến tranh tại nhà hàng Lơ Perôkê. Hội Nhân Quyền tập hợp tại đó được 700 người Pháp và Âu Châu. Vaidăn-Cutuyriê, người đã từng lên tiếng phản đối hùng hào bọn tư bản tài chính thuộc địa, được giới tư bản vổ tay hoan nghênh - họ hiện đang bị nhà Ngân hàng Đông Dương siết họng hay hâm he bóp cổ, cùng những viên chức bị giảm lương oán hận toàn quyền Paskiê, giới khai thác thuộc địa, chủ đồn điền, đại điền chủ, thương gia... bị cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới làm nghiên nghèo hoặc đe dọa phá sản.

Ngày 11 tháng 8, một cuộc họp thứ hai- lần này chống đàn áp và chống chế độ thực dân - tập hợp người An Nam tại rạp hát Khánh Hội. Trạng sư Cănxenliêri cùng Dương Văn Giáo chủ trì, Nguyễn Văn Tạo phó chủ tịch, Nguyễn An Ninh phiên dịch. Một số người An Nam tham gia phong trào thành lập phân bộ Sài Gòn lâm thời.

Ngày 18, phái đoàn rời Sài Gòn đi Thượng Hải, để lại một ảnh hưởng mập mờ trong dân chúng. Một mớ thực dân mặc dù ngịch cộng sản, họ rất thỏa mãn khi nghe ông nghị cộng sản Vaidăn-Cutuyriê công kích một trong những kẻ họ cho là khả ố nhất, chẳng ai khác hơn là toàn quyền Paskiê.

Qua ngày 19 tháng 9, Hội đồng quản hạt Nam kỳ yêu cầu Paris triệu hồi Paskiê về Pháp, đồng thời đề nghị hủy bỏ độc quyền phát hành giấy bạc của Ngân hàng Đông Dương. Giới thực dân tột bực bất mãn nhóm tư bản tài chính ở đây khi họ biết rằng hồi cuối tháng 9 nhóm này, chúng vừa mới mua được đồn điền LaSuserơ ở Long Thành với giá rẻ mạc một

trăm ngàn đồng, họ ước giá phải là hai triệu, chủ đồn điền ấy bị dồn đến bước đường cùng phải bán đấu giá.

Toàn quyền Paskiê bỏ mạng ngày 15 tháng giêng năm 1934 trong một tai nạn máy bay. Báo *Thư tín Đông Dương* ngày 19 viết:

> Ông Paskiê đã qua đời, nhưng trước khi ông rời bỏ chúng ta, ông thốt ra một lời thú nhận quan trọng trước lối 15 đại biểu của công chúng: « Bọn tài chính ở đây cũng mạnh thế lực như ở Pháp. Ông thủ tướng làm gì được đối với các nhà băng, một khi hàng tháng bộ trưởng Tài chính buộc mình đi gõ cửa các nhà băng để có tiền trả lương công chức? Mình phải xụi tay. »

Một tháng sau, chính tờ báo đó lại tố cáo chính phủ thông đồng với bọn tài chính trong vụ tai tiếng về muối: Công ty tài chính Pháp quốc và Thuộc địa được phép khai khẩn ruộng muối, ký giao kèo với chính phủ để cung cấp 450.000 tấn muối với giá 4$50 một tấn, trong khi giá muối trong xứ là 2$70 một tấn.

Nhưng chúng ta hãy quay trở lại tháng 9 năm 1933, với các bạn của chúng ta trong nhóm Tranh Đấu.

Nguyễn An Ninh lại bị truy tố lần thứ ba, lần nầy bởi anh mở phòng tư vấn pháp luật ở Sài Gòn sinh sống. Ngày 16 tháng 9 anh tuyên bố:

> Người ta muốn làm gì tôi? Từ lúc ra tù tôi thử làm tới năm nghề khác nhau. Tôi phải bỏ hết các nghề đó vì những lý do tương tự gần các cái lý do đã dẫn tôi đến trước tòa ngày hôm nay. Nếu như người ta ngăn cản không cho tôi kiếm sống thì tôi sẽ phải làm gì đây? Thật ngạo nghễ buồn cười mà thấy hiện nay tôi bị truy tố vì trước cửa nhà tôi có treo biển « Tư vấn pháp luật », thế mà năm 1923, ông thống đốc Cô-nhac đã mời tôi vào làm trạng sư kia mà.
> Dù sao tôi cũng cần phải sống. Nhưng người ta lại ngăn cản tôi kiếm sống. Không phải với một trăm đồng bạc một tháng tôi có thể kiếm được ở văn phòng tư vấn của tôi, mà tôi làm thiệt hại các ông trạng sư. Nhưng quả thật trong thời buổi này - anh kết thúc với một nụ cười cay đắng - công việc làm ăn thật hết sức khó khăn đối với họ.[108]

Anh nhớ lại trước khi bị bắt lần thứ hai, anh từng đi bán rong những sách anh viết. Anh từng thử kiếm sống bằng cách bán thứ dầu cù là tự mình

chế tạo, cù là An Ninh, mà chính anh cởi xe đạp đi giao cho các điểm bán lẻ ở các tỉnh. San đầm Pháp và lính cảnh sát làm khó dễ những người bán lẻ dầu cù là của anh. Ở Sa Đéc, tên cò Baze cấm anh qua lại trong tỉnh... Anh đã từng làm phu đánh xe thổ mộ.

Sau khi bị bãi chức hội đồng thành phố, Tạ Thu Thâu và các bạn tổ chức những cuộc diễn thuyết để truyền bá chủ nghĩa Kac Mac. Ngày 1 tháng 11, tại Hội Tương tế Giáo dục, Phan Văn Hùm nói về biện chứng, vượt qua những mâu thuẫn đi đến một tổng kết mới, một khái niệm có thể áp dụng được trong vận động của lịch sử. Ngày 15 Tạ Thu Thâu cũng nói tiếp về đề tài đó, một đề tài mặc dù khó khăn, nhưng trong những ngày tăm tối đó đã phấn khởi số đông thanh niên, thơ ký, giáo viên, thợ thuyền... Anh nhấn mạnh tới những mâu thuẫn xã hội dẫn tới những cuộc đấu tranh giai cấp, phong trào cách mạng sẽ đưa đến một xã hội tốt đẹp hơn. Không lâu, Hội Tương tế Giáo dục bị mật thám đe dọa, không dám tiếp họ nữa. Liền theo đó tạp chí văn nghệ *Đồng Nai* bị cấm. Thế chỉ còn cây viết: Tạ Thu Thâu dịch cuốn *Những nguyên lý triết học* (Politzer, Principes de Philosophie) ra quốc ngữ còn Phan Văn Hùm thảo và xuất bản quyển *Biện chứng pháp phổ thông*.

1934 ở Pháp: fát xit bạo động, Xã hội và Cộng sản hiệp nhứt

Chúng ta đang ở vào tháng 2 năm 1934. Hitler đã nắm chính quyền được một năm: Môskơva cảm thấy bị đe dọa và đi tìm đồng minh, trước hết họ ngó về Đảng Xã hội.

Tại Paris, một cuộc bạo động nổ ra trong đêm 6 tháng hai, toan lật đổ chế độ Cộng hòa. Các nhóm Bảo hoàng (Camelots du Roy), Ái hữu Pháp (Solidarité Française), Thanh niên Ái quốc (Jeunesses Patriotes), Hành Động Pháp (Action Française)... tập hợp tại đại lộ Săn lysê, thái độ hầm hầm đe dọa, rồi tỏa về phía Dinh Nghị viện, cảnh sát nạp đạn bắn tỉa: 15 người chết. Chính phủ Đalađiê từ chức. Báo *Nhân Đạo* (Humanité) ngày 7 và 8 tiếp tục tố cáo Đảng Xã hội là một trong số những kẻ chịu trách nhiệm thực sự, và cùng với phái cấp tiến, họ đã « dọn đường cho bọn phát xít ».

Nhưng đảng viên xã hội cơ sở thì khuynh hướng lập mặt trận thống nhất chống nguy cơ phát xít: ngay từ ngày 7, Tổng Liên đoàn Lao động (CGT) thuộc phía Đảng Xã hội kêu gọi tổng bãi công 24 giờ ngày 12 tháng hai, rồi Tổng Liên đoàn Lao động Thống nhất) (CGTU) dưới ảnh hưởng Đảng

Cộng sản cũng đồng thanh. Cuộc bãi công này sẽ được hưởng ứng đông đảo. Ngày 8, trong cuộc mít ting do Đảng Cộng sản Pháp triệu tập tại Quảng trường Cộng hòa lập tức một số thanh niên phái xã hội tham dự. Cảnh sát tiếp tục gây tiếng vang: 8 người chết.

Ngày 12, đảng viên xã hội và cộng sản ở cơ sở thân thiện đệ huynh nhau trong cuộc biểu tình khổng lồ tại vườn Venxennơ: hai đoàn biểu tình thuộc Cộng sản và Xã hội, đồng hô to « Mặt trận thống nhất! »

Chẳng bao lâu Đảng Cộng sản Pháp bỏ từ ngữ « xã hội-phát xít », miệt thị Đảng Xã hội rồi bắt tay với đảng nầy, phù hợp với sách lược mới của Môskơva. Ngày 27 tháng 7, hai đảng công nhân ký kết một « hiệp ước thống nhất hành động để bảo vệ các quyền tự do dân chủ »

Rồi sau đó không lâu, cùng đảng tư sản cấp tiến, họ sẽ thành lập một Mặt trận bình dân mạnh mẽ chống lại các đảng phái phát xít.

Sài Gòn, tiến tới một mặt trận thống nhất Tranh Đấu thứ hai tháng 10 năm 1934

Ngày 18 tháng 2, một « Phái đoàn công nhân điều tra » từ Paris tới. Một cách chính thức, phái đoàn này do Ủy ban đòi ân xá và Hội Cứu tế Đỏ quốc tế lập ra. Cuộc điều tra mà họ dự kiến tiến hành bao hàm một dự án mới của mặt trận thống nhất. Phái đoàn do Gabơriel Pêri, đại biểu của Đảng Cộng sản Pháp dẫn đầu cùng với Bactel (Cứu tế Đỏ) và Bơruynô (Công đoàn), đã rời Paris ít lâu trước cuộc bạo động nói trên. Pêri tiếp xúc Nguyễn An Ninh, sẽ trở thành người đối thoại chính của anh, cùng với Nguyễn Văn Tạo, Tạ Thu Thâu, Lê Văn Thử, Phan Văn Chánh... là những người sẽ hướng dẫn họ trong cuộc điều tra.

Họ đã thấu đáo được những gì? Họ nghe thấy trong những xí nghiệp thuộc khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn không hề có gì đảm bảo lao động về mặt luật pháp, thế nên giai cấp cần lao bị phó mặc cho giới chủ người Pháp, người Tàu, cũng như người An Nam. Ngày làm việc quá nặng nề (tới 12 tiếng đồng hồ tại các nhà máy lúa gạo Chợ Lớn, nơi mà người lao động phải thay nhau làm theo ca suốt ngày đêm; 10 tới 11 tiếng tại sở xe điện Sài Gòn; 10 tiếng tại các nhà máy đường ở Hiệp Hòa); tiền phạt, hay gọi là « tiền cúp » thường tương đương với một ngày lao động; những lời chửi mắng và những hành động thô bạo không phải là hiếm thấy trong những xưởng nhỏ cũng như trong các đồn điền, đuổi việc và giảm lương là những điều không kêu nài được. Việc bồi thường tai nạn lao động là do giới chủ tùy ý định đoạt. Bãi công là một sự phạm tội; nghiệp đoàn và cả ngay hội ái hữu cũng bị coi là những hội kín và bị truy tố. Từ khi khủng hoảng xảy ra,

nạn thất nghiệp càng nghiêm trọng (từ 1930 tới 1933, 40% những người làm công nhật bị sa thải trong 38 xí nghiệp Sài Gòn - Chợ Lớn), nhưng lao động của trẻ em lại được coi là hợp pháp! Tầng lớp phu phen và thợ thuyền không chuyên, chiếm một số lượng lớn trong nhân công Sài Gòn - Chợ Lớn, chỉ kiếm được cả nam lẫn nữ, mỗi ngày 55 xu và 43 xu. Vậy làm sao họ có thể trả được thuế thân, món thuế người nghèo cũng trả đồng như kẻ giàu? Nếu như các đại biểu phái đoàn điều tra ở lại cho đến tháng 6 thì họ sẽ được dự trên các đường phố Sài Gòn-Chợ Lớn những cuộc săn đuổi người không có giấy thuế thân hoặc chưa đóng thuế thân, thường thường trong thời gian hết hạn nộp giấy này, như tờ *Thư tín Đông Dương* ngày 18 tháng 6 mô tả:

> Các xe cam nhông nhỏ của mật thám cứ lừ lừ chạy, trong khi hai bên vệ đường mả tà lính kín hô khách qua lại giơ thẻ thuế ra. Những ai không có thẻ hoặc thẻ không hợp lệ đều bị tống lên xe bịt thùng. Mức thuế quá cao đối với giới phu phen và lao động nghèo, họ đành chịu nhốt một ngày và một đêm trong bót khi bị bắt, vì họ không sao kiếm nổi 6 đồng bạc để đóng thuế.

Trong vùng nông nghiệp quanh Sài Gòn, ở Bà Hom, Đức Hòa, Hiệp Hòa, Lộc Giang... những nơi mà trận khủng bố 1930-1931 còn làm cho con tim của từng người se thắt lại, những nơi mà biết bao kẻ « tay lấm chân bùn, cày sâu cuốc bẫm » đã ngã guc xuống trước làn đạn trong các cuộc biểu tình hòa bình chống lại thứ thuế thân ấy, cảnh tượng thật rõ ràng: dù là làm mướn thường trực, từng mùa hay công nhật, những công nhân nông nghiệp bao giờ cũng sống trong cảnh tột bực khốn cùng. Những người làm mướn thường xuyên (1 hoặc 2 người làm công khai thác 10 hecta) mỗi năm kiếm được khoảng 30 đồng bạc hèn mọn; nông dân làm mùa hay làm công nhật (công cấy, công gặt...) mỗi năm làm mướn từ 4 đến 5 tháng, di chuyển từ miệc ruộng này sang miệc bưng khác tìm cách cho thuê đôi cánh tay lao động của mình để đốn củi, chèo ghe, khuân vác, phu phen tạp dịch khi công việc đồng áng đã hết ...

Đối với tá điền, một điện tín của trạng sư Iđylơ, một nhà thực dân, gửi thống đốc Nam Kỳ, và một bức thư, cũng của ông Iđylơ, gửi chủ tỉnh Châu Đốc, đăng trong tờ *Thư tín Đông Dương* ngày 27 tháng 3 sẽ cho ta biết coi các vị đại biểu phái đoàn diều tra có thể nhận xét về điều gì:

> Xin trân trọng gửi tới qúy ông lời cực lực phản kháng những vụ khuấy nhiễu công việc nhà nông chủ yếu xảy ra trên đồn điền của ông Đacgiơlôt và Iđylơ ở Tri Tôn (Châu Đốc), vụ các đội lính lưu động đi tuần tra bắt thuế thân ngày thứ Sáu các tá điền bị đe dọa

> bắt bỏ tù, ngày thứ Ba họ áp dụng quá lạm Chế độ đặc biệt đối dân bản xứ (Indigénat), chế độ vô nhân đạo, chế độ ấy đã bị giả định là hủy bỏ.
> Những ai là tá điền trên những đồn điền của tôi và của ông Đacgiơlôt họ được cái may mắn là được lảnh trước thóc ăn và lúa giống mà họ chỉ có thể hoàn trả chút đỉnh thôi. Tôi phải buộc mình hủy bỏ tất cả các khoản nợ nần của họ toàn bộ và vĩnh viễn. Quả thực tôi phải nhìn nhận rằng số thóc còn lại cho họ, sau khi góp địa tô, sẽ không đủ cho họ - bởi giá lúa bị sụp -, chu cấp cho mình những nhu cầu tối cần thiết và càng không thể đóng nổi thuế thân.
> Những cư dân trong vùng mà không được trợ giúp, không vay mượn trước được giống má và thực phẩm thì họ còn rơi vào tình trạng thảm hại hơn nữa. Tất cả bỏ ruộng đồng, họ trở thành một chòm dân hoang đàng bị lính lưu động của ngài đi tuần tra giải tán.

Trong thời gian ba đại biểu của phái đoàn lưu lại trong xứ, luôn luôn một lũ mật thám bám gót. Người ta ngăn cản họ điều tra ở Trung Kỳ, nơi mà tình cảnh khốn khổ trần truồng trước mắt, và sau khi đi Phnom Pênh trở về, mọi cuộc hội họp điều trần của họ đều bị cấm.

Khi phái đoàn rời Sài Gòn ngày 18 tháng ba, Gabơriel Pêri đã trù bị được một dự án thỏa hiệp giữa các nhóm cách mạng theo Stalin, Trôtski và xu hướng quốc gia, đặng tái bản tờ báo *Tranh Đấu* có Đảng Cộng sản Pháp ủng hộ. Nguyễn An Ninh kiên trì nhấn mạnh với Pêri về sự cần thiết phải có Tạ Thu Thâu cùng các bạn của anh hợp tác, họ là những chiến sĩ đấu tranh nhiệt tâm hăng hái và có khả năng sử dụng Pháp văn, họ có thể là một thuận lợi may mắn cho tờ báo tiếng Pháp.

Cuộc liên minh nói trên, do một lãnh tụ quan trọng của Đảng Cộng sản theo Stalin ở Pháp gây dựng lên dường như nghịch lý: ở Liên Sô, phải chăng Stalin đã truy nã những phần tử khả nghi có đôi chút theo « chủ nghĩa Trôtski » đó sao? và các đảng cộng sản trên thế giới đã chẳng theo gương Stalin mà tới tấp chửi rủa cánh Cộng sản tả đối lập quốc tế đó sao? Tuy thế liên minh đó cũng tồn tại được gần ba năm.

Dù theo Stalin hay theo Trôtski, những người trong liên minh cũng đều đồng ý với Nguyễn An Ninh trong cuộc đấu tranh chung chống kẻ thù trước mắt là chính quyền thực dân và đảng Lập hiến, chỉ giới hạn trong một tờ báo chuyên bênh vực thợ thuyền, phu phen và dân quê, không màng đến chủ nghĩa Stalin hay chủ nghĩa Trôtski, trong khi cùng nhau truyền bá tư tưởng Kac Mac, cơ sở lý luận chung. Các bài báo sẽ không ký tên dưới (không quảng cáo cá nhân, không biểu lộ những xu hướng ly tâm).

Báo *Tranh Đấu* lại tái bản ngày 4 tháng 10 năm 1934.

Trịnh Hưng Ngẫu rời khỏi nhóm sau tờ số 3, dường như bất mãn vì anh không được phát biểu lý tưởng vô chính phủ trong tờ báo. Một người từ Môskơva về là Dương Bạch Mai, và một người khác từ Côn Đảo về là Nguyễn Văn Nguyễn, theo Stalin, nhập vào tăng cường nhóm vào năm 1935-1936.

Đợt phát hành đầu tiên của tờ Tranh Đấu mới (số 5) có mang tiêu đề *Một giai cấp bị áp bức là điều kiện sống còn của mọi xã hội xây dựng trên sự đối kháng giữa các giai cấp.* Chính giai cấp bị áp bức đó, bao gồm phu phen, thợ thuyền, bồi bếp, bần nông, cố nông... mà báo *Tranh Đấu* không ngưng lên tiếng bênh vực, bằng thông tin, bằng từng ngày tố cáo chế độ thực dân trong mọi sự bất công lớn nhỏ, hướng dẫn họ có mức độ vào cuộc đấu tranh cho một đời sống khác.

Thống đốc Pagies nói như thế nầy trong bản tường trình của y ngày 29 tháng 10 năm 1935:

> Tờ báo chuyền từ tay người này sang tay người khác, được dịch ra nếu cần thiết, được bình luận trong các nhóm nhỏ. Nó đại diện cho những tập đơn thỉnh nguyện của tất cả những ai bất mãn với nhà chức trách, hoặc bị kích thích hoặc tự phát ý, toàn cả những điều thỉnh nguyện từ trước tới giờ chưa hề có. Tờ báo thể hiện sự dũng cảm của lực lượng dân chúng tự ý thức được quyền lợi của mình, dám ngỏ lời với một chính quyền đang bị bối rối trươc làn sóng đấu tranh dâng cao.[109]

Ta hãy xem qua số 5 của tuần báo đó. Tờ báo mở đầu bằng một bài lý luận bàn về cuộc khủng hoảng kinh tế đã tác động đến Đông Dương từ bốn năm qua. Đối với các đề cập của giai cấp tư sản thực dân và bản xứ, để giải quyết từ hiện tượng địa phương bằng giải pháp hành chính, báo *Tranh Đấu* đưa ra giải pháp riêng của mình: cuộc khủng hoảng có nguồn gốc từ những mâu thuẫn đối kháng của chủ nghĩa tư bản; mở đầu là vụ phá sản phát ra năm 1928 ở NiêuYok, rồi lan tràn khấp các địa phận khác trên thế giới. Muốn tránh khỏi khủng hoảng thì phải đánh đổ chế độ kinh tế đó, « như nhà kinh tế học Kac Mac đã chứng minh »; giải pháp có tính chất cách mạng và toàn cầu.

Bên cạnh bài báo khó đó, có những bài công kích chớp nhoáng, dễ đọc, tập trung quanh những chủ đề xã hội An Nam, làm cho độc giả chú ý : một bài về tiểu sử trả nủa Bùi Quang Chiêu, một kẻ lập hiến hãnh tiến, tự nguyện phục vụ cho bọn « cá mập Rượu Fontên và Homberg »; một bài

công kích toàn quyền Rôbe về những biện pháp của hắn ân xá tù gần đây, những biện pháp để làm cho « những nhà cách mạng đích thực phải chết dần chết mòn trên nền đất ẩm ướt trong hầm giam »; một bài về « sự giễu cợt cay đắng », là việc giảm thuế thân một cách tiểu mọn (một nửa đồng), theo lẽ công bằng thì phải hủy bỏ thứ thuế đó đi; về việc không có tự do nghiệp đoàn, bài báo mới đây minh họa tình trạng ấy, lấy vụ Ngô Văn Hoan, thợ bạc, cộng sản, người đã chủ trương lập nghiệp đoàn thủ công bị kêu án một năm tù.

Báo *Tranh Đấu* sẽ luôn luôn giữ cái xu hướng kép là: một chút lý luận, nhưng cũng phô bày nhiều sự kiện lấy từ trong những diễn biến trực tiếp trong đời sống thợ thuyền (bãi công, công hội, lương, tai nạn lao động,v.v.), trong cuộc sống của nông dân (tố cáo bọn địa chủ tước đoạt đất đai, những hào lý tham nhũng, phô bài những hành động thô bạo của bọn thực dân), sự độc đoán và lạm dụng của bọn cầm quyền cai trị, những đòn tra tấn của bọn mật thám, những hành vi bạo tàn của lính cảnh sát. Có những bài về đời sống trong ngục thất tù đồ, những vụ án, thái độ trơ trẽn vô liêm của quân có của, về những người lập hiến... Cứ thế đó tờ báo toan dẫn dắt người đọc đi tới chỗ tự giải phóng.

Để giải thích những quan điểm của Kac Mac, tờ *Tranh Đấu* bàn về phong trào công nhân thế kỷ 19, và cứ hàng tuần như thế minh họa bằng lịch sử đang hình thành trên thế giới. Tờ báo làm cho độc giả xúc động qua việc giới thiệu những cuốn sách như *Người Mẹ* của Gotki, *Đông Dương kêu cứu* (IndochineSOS) của Andorê Viôlis, *Mười ngày rung chuyển thế giới* của Gion Riđơ. Tờ báo làm cho độc giả cười qua mục « Những cây đinh nhỏ » (Petits Clous) từ tháng 6 năm 1935 như: *Tuần lễ lố bịch nực cười* (La semaine du ridicule), *Tính e thẹn tư sản* (La pudeur bourgeoise), *Lợn vạn tuế!* (Vivent les cochons!), *Cảnh sát cấm cười* (La police défend le rire), *Vô khiếm nhã, đạo đức của thực dân* (Immodestie, vertu coloniale)... Tính hài ước khoáng đạt của tờ báo làm cho người ta ham đọc, những « truyện cực ngắn » vẫn hấp dẫn những ai buồn ngủ, và một mục « Diễn đàn độc giả » để mọi người tự do phát biểu ý kiến.

Ngày tháng dần qua, những thông tín viên tự nguyện nảy sinh khấp chỗ, họ viết bài thông tin tức lao động trong các xí nghiệp, các trường học ở Sài Gòn - Chợ Lớn, trong các đồn điền, sở cao su cũng ở tận những miền quê xa xôi. Thông qua họ, ảnh hưởng của những người hoạt động «hợp pháp » mở rộng thêm song song với những người hoạt động «bí mật».

Thường thường một tờ báo được truyền từ tay nọ sang tay kia, họ cùng nhau dịch, cùng nhau tìm cách hiểu được nội dung.

Năm 1935 tại Nam Kỳ

Đầu năm 1935 đã thấy nông dân Sóc Trăng (Cù Lao Dung) phản kháng, cầm dao mác chống lại bọn cảnh binh đến tịch thâu 8000 giạ lúa. Rồi đến dân ở rừng núi (Phnong và Mọi) tấn công các đồn lính, họ không sao trả được thuế thân vì cuộc khủng hoảng đã làm tê liệt các trại sở làm của nhà nước, nơi mà họ cố gắng một cách vô vọng để kiếm được đủ số tiền ghi trên thẻ.

Tháng 5 - 1935, một mẻ lưới mật thám tung ra: bốn người « từ Môskơva trở về », trong đó có Trần Văn Giàu, và hơn 150 đảng viên và cảm tình cộng sản (6 phụ nữ), cùng với cả Đêsăn, liên lạc viên giữa Đảng Cộng sản Pháp và Đảng Cộng sản Đông Dương, thợ cơ khí trên tàu ĐÁcta-nhăn, đều bị bắt. Hai mươi bốn người trong số đó bị tòa tiểu hình kết án từ 10 tháng đến 7 năm tù, vì mưu toan tái lập đảng cộng sản. Trong khi chờ đợi kháng án, họ bị đưa lên tàu ngày 29 tháng 7 ra Côn Đảo, một sự lạm pháp, mà chính ông biện lý Đuypơrê đã tố cáo với thống đốc Pagies (báo *La Lutte* ngày 9 tháng 11 có đăng thư ấy). Tòa thượng thẩm xét án lại vào tháng 8, chỉ xác nhận hoặc gia tăng án tù.

Đàn áp và náo động liên miên tới cuối năm. Tại tòa thượng thẩm xử mươi nông dân cộng sản Bến Tre vào tháng 11, họ phản đối tại pháp đình tung hô « Đả đảo đế quốc! ». Mổi anh bị tăng thêm án tù 5 năm vì tội « phản loạn ».

Ở Côn Đảo, vào tháng 8 và tháng 9, tù tuyệt thực nhiều đợt để phản đối việc ăn uống tồi tệ, lao dịch nặng nề và chống bọn ngục tốt đối xử vũ phu. Tại Khám Lớn Sài Gòn, tù chính trị cũng tuyệt thực như thế, thống đốc Pagies đành phải cho cải thiện đôi chút về chế độ nhà tù (hai gian khám giam lớn tương đối có thoáng khí và thường mở cửa, mổi gian khám có đặt vài khạp nước, mổi buổi sáng tù người Miên khiêng nước lên đổ đầy vào; mỗi tuần hai lần được tắm thoải mái ở hồ tắm chung đồng thời được giặt giũ ở đó; mỗi ngày được thả ra đi đứng trong sân hẹp dài theo cửa khám hai tiếng vào buổi sáng và buổi chiều; mỗi tháng một lần được phép mua đồ ăn, thuốc lá và các dụng cụ vệ sinh, có thể nhận sách vở).

Mấy anh phu đánh xe thổ mộ bãi công, họ bị bắt buộc phải mua giấy phép lái xe mới được lưu hành. Những khoản tiền phạt và những bó buộc khác nữa làm cho họ phải bỏ nghề, có lợi cho Công ty xe điện Pháp. Nhiều nhà nông trồng thuốc lá bị phá sản, họ bị nhà nước ra chỉ thị năm 1931 hạn chế bắt buộc nhiều đều gắt gao về việc trồng thuốc lá, nhằm thiết lập một độc quyền nhà nước, khiến nông dân trồng thuốc phải nhổ đi hàng ngàn cây thuốc lá trong các tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Thủ Dầu Một; tất cả những cái đó làm cho người ta bất mãn không xiết.

Cuộc tuyển cử Hội đồng quản hạt, tháng 3 và Hội đồng thành phố Sài Gòn tháng 5 năm 1935

Sau khi báo *Tranh Đấu* ra được hai chục số thì đến thời hạn bầu cử Hội đồng quản hạt, ngày 3 và 17 tháng 3 năm 1935, một loại hội đồng tư vấn không có quyền quyết định, nhưng đấy là một diễn đàn để các đại biểu đắc cử thuộc sổ Lao động có thể « phát biểu với toàn dân và đóng góp vào việc tổ chức cuộc đấu tranh giành chính quyền nhân dân ». Họ sẽ đòi ân xá hết thảy tù chính trị, lập một nghị viện theo lối phổ thông đầu phiếu, tự do lập nghiệp đoàn, tăng lương, phân chia ruộng đất công cho những người làm công nhật, và liền ngay bấy giờ phân phối cho nông dân nghèo số ruộng bỏ hoang 300.000 hecta và chia số lúa thóc trữ trong các kho vựa của địa chủ đã hà lạm vơ vét, và đồng thời đòi bỏ thuế thân.

Nhóm Tranh Đấu giới thiệu 6 ứng cử viên, 3 người xu hướng Stalin (Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn) và 3 người theo tư tưởng Trôtski (Phan Văn Hùm, Hồ Hữu Tường và Trần Văn Thạch). Bị cấm họp mít ting, họ tổ chức những cuộc họp dưới hai chục người, như vậy là hợp pháp, và phân phát hàng ngàn truyền đơn in. Không có người nào được đắc cử (đấy là một cuộc bầu cử hạn chế, phải đóng thuế đến một mức mới có quyền bỏ phiếu hoặc ứng cử, do đó trong số 4 triệu dân Nam Kỳ, chỉ có 28.000 cử tri có quyền bỏ phiếu), nhưng họ được số phiếu bầu hơn nhóm lập hiến 17%. Như vậy chương trình của họ có ảnh hưởng tích cực. « Sắc luật giết tự do » ngày 10 tháng 4 năm 1935 nhắc nhở ngay họ rằng « đụng chạm tới uy tín của chính quyền Pháp » sẽ bị đàn áp.

Hai tháng sau, ngày 6 và 12 tháng 5, cuộc tuyển cử Hội đồng thành phố đã khẳng định ảnh hưởng lớn mạnh của nhóm Tranh Đấu trong giới tiểu tư sản và dân đen ở châu thành: một đại biểu xu hướng Trôtski, Thâu và một bạn cảm tình là Thạch, và hai đảng viên theo Stalin, Tạo và Mai, được bầu làm hội đồng thực thụ, còn nhóm lập hiến thì chỉ được một hội đồng thực thụ.

Ngày 27 tháng 6 năm 1935, Tạ Thu Thâu bị kết án hai năm tù treo, về tội tham gia vào « hội kín Tả đối lập » những năm 1931-1932, bản án tòa thượng thẩm phúc chuẩn ngày 10 tháng 9; anh vẫn là hội đồng đang nhiệm và tờ báo *Tranh Đấu* càng được dân chúng hoan nghênh phổ biến thêm rộng rãi: ấn bản lên tới 1500.

Chính quyền thực dân khó mà chịu đựng được việc sử dụng cái diễn đàn đó để làm cách mạng: bốn đại biểu của nhóm Tranh Đấu bị bắt ngày 26 tháng chạp năm 1935, sau đợt lục soát nhà riêng của họ và trụ sở báo *Tranh Đấu*, lấy cớ là họ đã khuyến khích bãi công 2500 phu xe thổ mộ. Quả thực, họ được thả « sau khi xác minh căn cước », rồi tờ báo thực dân

Thư tín Đông Dương cũng đồng lòng với họ mà phản đối (báo ấy viết « nếu cứ cho phép người ta dẫm đạp quyền của các đại biểu nhân dân thì một ngày nào đó chúng ta cũng sẽ trở thành nạn nhân của những sự lạm quyền đó »). Vụ này đã gây ầm ĩ trong dư luận: việc bắt bớ đó tỏ ra bọn thống trị quá vụng về.

Hiệp ước Laval-Stalin

Một tiếng sét trong thế giới cách mạng: ngày 2 tháng 5 năm 1935, Stalin ký với Laval « hiệp ước tương hỗ Pháp-Sô »; Stalin chính thức chấp nhận cho nước Pháp phát huy lực lượng quân sự để bảo đảm an ninh. Ngày 3, báo *Nhân Đạo*, cơ quan của Đảng Cộng sản Pháp viết: « Stalin có lý », rồi ngay sau đó đảng cộng sản giải tán bộ máy hoạt động bí mật trong quân đội Pháp. Người ta sẽ thấy đảng cộng sản ngoan ngoãn cố gắng dập tắt mọi tinh thần chống quân sự và ra mặt ủng hộ toàn vẹn lãnh thổ của đế quốc tam tài. Mặc dù không sao tránh khỏi những phản kháng trong nội bộ, lần lần Đảng Cộng sản Pháp đứng hẳn theo chỉ thị Stalin, đến đổi họ không ngần ngại kêu gọi người An Nam, năm 1938, đứng lên bảo vệ cho « nước Pháp đang bị [Nhật Bản] đe dọa ở Đông Dương ».

Tại Môskova, Quốc tế Cộng sản nhóm Đại hội lần thứ 7 và cũng là lần cuối cùng (25 tháng 7 tới 20 tháng 8 năm 1935), hủy bỏ các chỉ thị năm 1928 do Đại hội trước gửi cho các phân bộ cộng sản, hủy bỏ chính sách « thời kỳ thứ ba », chính sách cấp thời lật đổ chế độ tư bản toàn thế giới. Để ngăn chặn nguy cơ Hitler, Liên Sô kiên quyết dấn bước trên con đường tìm cách liên minh với chủ nghĩa đế quốc Pháp.

Để chống « kẻ thù chính », lúc này phải thành lập những Mặt trận bình dân, đó là nhiệm vụ cấp thời của các đảng cộng sản; ở Pháp không những phải liên minh với đảng xả hội cải lương mà còn đưa tay với đảng tư sản cấp tiến. Nói cách khác: loại bỏ khẩu hiệu lật đổ chủ nghĩa tư bản. Xu hướng này có tiếng vang lớn trong giới cấp tiến Pháp: Đalađiê, bị đe dọa bên cánh hữu, nên rất hài lòng chuẩn bị một Liên minh mới, mở rộng cho Đảng Cộng sản Pháp vào, rồi từ đó cộng sản không còn tung hô « hãy treo cổ Đalađiê! » nữa, mà họ lại kêu gọi « Đalađiê lên chính quyền! ».

Ngày 14 tháng 7, theo lời kêu gọi của Hội Nhân Quyền, Bơlôm (thủ lĩnh đảng Xã hội), Thôrê (Cộng sản) và Đalađiê (Cấp tiến) công khai tuyên thệ « đoàn kết để bảo vệ những quyền tự do dân chủ nhân dân nước Pháp đã giành được ».

Từ tháng 9, người ta bắt đầu thảo luận một chương trình tuyển cử chung trong đó cấp tiến và cộng sản sẽ thanh toán mọi tinh thần cách mạng. Những lĩnh vực do đảng viên xã hội đề nghị quốc hữu hóa bị lược bỏ, chỉ giới hạn quốc hữu hóa kỷ nghệ chiến tranh. Tuần lễ làm việc 40 giờ không thấy nêu ra.

Đối với Đảng Cộng sản Đông Dương, một ít lâu về sau họ mới điều chỉnh con đường chính trị của mình. Ngày 1 tháng 7 năm 1935, bản Tuyên ngôn thảo cho Đại hội Macao còn viết: « Hãy phản đối khủng bố trắng trợn dã man của đế quốc Pháp ở Đông Dương. Cách mạng chống đế quốc và cách mạng ruộng đất ở Đông Dương muôn năm! ».

Cuối năm 1935, khuynh hướng cách mạng phản đế và cách mạng điền địa đó vạch ra từ năm 1930, bấy giờ phải thay đổi cho phù hợp với những quyết định cải lương của Đại hội 7 QTCS. Lần lược ĐCSĐD sẽ nối gót ĐCS Pháp, đứng dưới bóng cờ tam sắc để phòng thủ Đong Dương.

Phái đối lập theo Trôtski hoạt động bí mật

Báo *Tranh Đấu* im tiếng đối với hiệp ước Laval-Stalin. Họ dần lòng không phê phán chính sách hữu khuynh của Quốc tế Cộng sản. Những người xu hướng Trôtski hoạt động hợp pháp làm thinh, vì đã giao ước với phái theo Stalin - không chỉ trích nhau - trong mặt trận thống nhất Tranh Đấu. Sự suy thoái của QTCS, đường lối mới áp đặt cho Đảng Cộng sản Đông Dương cần phải cấp bách phê phán tận gốc. Những người theo Trôtski hoạt động bí mật sẽ thực hiện nhiệm vụ đó.

Người ta nhớ lại Lư Sanh Hạnh, phần tử phân liệt của Đảng Cộng sản Đông Dương, người đã tiếp xúc với phái Tả Đối lập, bị án 15 tháng tù hồi tháng 9 năm 1933. Vừa được thả ra năm 1935, anh gặp Hồ Hữu Tường khuyến khích, Lư Sanh Hạnh cùng Ngô Văn Xuyết, một nhân viên thư ký và Trịnh Văn Lầu, sinh viên (học trò cũ của Tạ Thu Thâu) bí mật thành lập « Chánh đoàn cộng sản quốc tế chủ nghĩa-Phái tán thành Đệ tứ Quốc tế », cảm hứng theo cái tên do Phái tả đối lập quốc tế đặt ra từ 1933, trước tình hình « không thể chiến đấu chung dưới một mái nhà cùng Stalin », như Trôtski đã nói.

Tháng 10 năm 1935 tổ chức này bí mật xuất bản một tạp chí lý luận, nhan đề *Cách mạng Thường trực*, (chử nhà in) và một tờ báo chiến đấu (in rônêo) *Tiền Đạo*. Hành động thực tế đầu tiên là ủng hộ cuộc bãi công những người đánh xe thổ mộ hồi tháng chạp năm ấy.

Tổ chức này nhắc lại những luận điểm phê phán cũ của những người cộng sản đối lập, và nêu thêm rằng các đảng cộng sản không nên để mình

biến thành một lực lượng chỉ đóng vai trò phò trợ chính sách đối ngoại của Liên Sô. Họ nói nếu chiến tranh đế quốc nổ lên, thì nhiệm vụ của các đảng cộng sản là phải biến đổi đế quốc chiến tranh thành nội chiến cách mạng. Giai cấp vô sản phải hành động cách mạng để bảo vệ Liên Sô.

XIII
Nhóm Tranh Đấu thời kỳ Mặt trận Bình dân Pháp 1936-1937

Chương trình tuyển cử chung do các phái cấp tiến, xã hội và cộng sản thảo ra được ấn hành ngày 10 tháng giêng năm 1936. Nó làm cho Phái cực hữu nổi giận. Môrasơ lên tiếng chửi thậm tệ hơn: « Lêon Bơlum? một kẻ phải đem xử bắn nhưng bắn từ sau lưng, cái cặn bã của nhân loại đáng được đối xử như thế ». Ngày 13 tháng 2, Bơlum bị một nhóm Bảo hoàng và bọn Cagula cực hữu đánh ở đại lộ Sanh-Giecmen, ông bị thương. Ngày 16, đảng viên cấp tiến, xã hội và cộng sản tập hợp đông đảo biểu tình phản đối, kéo đi từ lăng tẩm Pănthêôn tới quảng trường Naxiôn.

Ngày 3 tháng 5 năm 1936, trong cuộc tuyển cử lập pháp ba đảng liên minh chiếm đại đa số. Đảng xã hội 147 đại biểu, cấp tiến 116, cộng sản 72 và các nhóm xã hội cộng hòa 41, tổng cộng 376 đại biểu, còn phái « quốc gia » chỉ có 220. Lúc ấy trong xứ gần một triệu người thất nghiệp, số thu nhập của người ở châu thành giảm độ 15% từ 1930.

Ngày 4 tháng 6, chính phủ đầu tiên của Mặt trận bình dân với Lêon Bơlum làm thủ tướng đã thay thế nội các Albe Sarô. Đảng Cộng sản Pháp từ chối tham gia. Cấp tiến và xã hội chia nhau các bộ (có hai đảng viên xã hội ở Bộ Thuộc địa và Bộ Nội vụ là Mutê và Salăngrô).

Ngay khi biết tin đảng Xã hội thắng to trong cuộc tuyển cử thợ thuyền bắt đầu sáp nhập sân khấu chính trị để bênh vực quyền lợi riêng của mình. Ngày 11 tháng 5, họ bắt đầu chiếm nhà máy chổ họ làm, qua ngày 25 phong trào đình công chiếm xưởng lan rộng khắp nơi. Đến cuối tháng có

tới 100.000 công nhân chiếm nhà máy. Các dịch vụ y tế và an toàn được đảm bảo.

Ngày 6 tháng 6, đối mặt với một Nghị viện mà trong đó toàn thể đại biểu phái hữu rầm rộ la ó hết cỡ, thủ tướng Lêon Bơlum tuyên bố sẽ không sử dụng cảnh sát lẫn quân đội để đàn áp thợ thuyền bãi công. Ngày chủ nhật 7, ông triệu tập cả giới chủ và đại diện Tổng Liên đoàn Lao động họp ở điện Mati-nhôn, văn phòng thủ tướng. Đến 1 giờ sáng ngày 8, giới chủ cùng nghiệp đoàn lao động ký một thỏa ước trong đó bao gồm quyền tự do nghiệp đoàn, những hợp đồng lao động tập thể, và chủ công nhận các đại biểu công nhân được bầu ra, những ngày nghỉ có trả lương và tăng mức lương từ 7 lên 15%. Ngày 11, Bơlum trình bày trước Nghị viện những dự án luật cấp bách để phê chuẩn các thỏa ước: qui ước tập thể, những ngày nghỉ trả lương, tuần làm việc 40 giờ. Một phiếu phản đối hai dự luật trên, 160 phiếu tán thành tuần lễ 40 giờ. Ba dự luật được chấp thuận.

Trong ngành luyện kim, xây dựng, hầm mỏ, các cuộc bãi công tiếp tục với một mầu sắc cách mạng rõ rệt. Bãi công chấm dứt vào ngày 12, sau lời tuyên bố nổi tiếng của Môrixơ Thôrê, lĩnh tụ cộng sản : « Phải biết chấm dứt một cuộc bãi công ».

Tiếng dội Mặt trận bình dân Pháp chấn động Đông Dương

« Cuộc Cách mạng ở Pháp đã khởi đầu », Trôtski tuyên bố trên báo *Thợ thuyền Tranh đấu* (Lutte Ouvrière) ở Paris, cơ quan của đảng Thợ thuyền quốc tế chủ nghĩa ngày 9 tháng 6 -1936. Tờ báo ra liền bị tịch thâu.

Ngày 11, tại Sài Gòn, nhóm huy động Chánh đoàn Cộng sản quốc tế chủ nghĩa, bí mật thành lập một năm trước đó, bị bắt. Thế nhưng trong đêm khuya, vô số truyền đơn bằng chữ quốc ngữ rải khắp thành phố kêu gọi dân chúng thành lập ủy ban hành động nhằm phát động « cuộc tổng bãi công hưởng ứng giai cấp vô sản Pháp »:

> Anh em thợ thuyền dân cày và binh lính Đông Dương !
> Cách mạng vô sản ở Pháp đang sôi nổi dữ dội : Mấy trăm ngàn thợ đã đình công, chiếm lò máy và đang dự bị tổng đình công. Chúng ta hãy đứng lên. Trong mỗi lò máy, mỗi sản nghiệp, mỗi làng, mỗi tỉnh, anh em thợ thuyền và dân cày cử đại biểu,
> Thành lập ủy ban hành động khắp nơi. Liên hiệp nhau lại; Đứng lên tổng đình công hưởng ứng giai cấp vô sản Pháp!
> Đả đảo đế quốc Pháp!

Đông Dương hoàn toàn độc lập!
Tịch thâu ruộng đất của địa chủ giao lại dân cày!
Cách mạng vô sản Pháp, Đông Dương muôn năm!

Liên ủy thợ- thuyền liên-hiệp
Chánh đoàn Cộng sản quốc tế chủ nghĩa
(phải tán thành Đệ tứ Quốc tế)[110]

Nhiều truyền đơn nội dung tương tự còn xuất hiện vài đêm sau nữa trong thành phố.

Đào Hưng Long, thợ vẽ kẻ biển, bị bắt tại nhà cùng với các bạn đang làm việc. Hồ Hữu Tường bị bắt ngày 16. Tất cả đều bị mật thám tra tấn. Các luật sư của họ đệ đơn kiện bọn tra tấn. Tờ *Thư tín Đông Dương* ngày 23 tháng 6 đăng đơn ấy trong bài « Vụ phòng chưởng lý truy tố Lư Sanh Hạnh và các bị cáo khác ». Tờ *Tranh Đấu* ngày 24 cũng đăng theo.

Ngày 31 tháng 8, tòa tiểu hình kết án « tham gia vào hội kín và mưu toan phá rối trị an » Lư Sanh Hạnh và Ngô Văn Xuyết bị kêu án 18 tháng và 1 năm tù, giáo viên Trịnh Văn Lầu và thư ký Ngô Chỉnh Phến 8 tháng tù, thợ in Vạn Văn Ký, học sinh Phạm Văn Muồi và phu Võ Văn Dơn 6 tháng tù treo, thợ máy Văn Văn Ba tha bổng.

Hồ Hữu Tường và Đào Hưng Long được thả rồi vì thiếu chứng cớ.

Về phần Đảng Cộng sản Đông Dương, do Hà Huy Tập lãnh đạo bí mật khôi phục lại, sẽ theo gót Đảng Cộng sản Pháp. Trong chương trình Đảng Cộng sản Đông Dương không còn thấy nói đến đấu tranh giải phóng dân tộc cùng cải cách ruộng đất. Trong diễn văn không còn thấy có - trừ đôi chỗ còn nhấc nhở lại cho đến tháng 3 năm 1937 - những từ ngữ về đấu tranh giai cấp và đế quốc chủ nghĩa Pháp, thậm chí còn yêu cầu những tổ chức bí mật (như công hội, hội nông dân, đoàn thanh niên cộng sản) tự giải tán. Cũng như Đảng Cộng sản Pháp, Đảng Cộng sản Đông Dương thỏa thuận với chính phủ Mặt trận bình dân, chính sách Bơlum-Mutê là muốn «canh tân hệ thống ché độ thuộc địa »chứ không phải là từ bỏ sự thống trị đế quốc chủ nghĩa ở Đông Dương.

Tiến tới Đông Dương Đại Hội một « Mặt trận bình dân » thuộc địa

Chương trình của Mặt trận bình dân Pháp bao gồm việc gửi một ủy ban điều tra của nghị viện để tìm hiểu nguyện vọng các dân tộc thuộc địa. Từ cuối tháng 5, ở Sài Gòn, ngay trước khi Mari-uýs Mutê lảnh chức bộ trưởng ký vào đề án ngày 1 tháng 8, phái lập hiến đã chuẩn bị một ủy ban đón tiếp gồm những nhà tư sản có danh tiếng.

Ngày 27 tháng 5, nhóm Tranh Đấu với Nguyễn An Ninh đối chọi phái lập hiến, đưa ra ý kiến rộng rãi hơn, dự định thành lập một Đông Dương Đại Hội để tập hợp bên cạnh giới tư sản và trí thức những kẻ mà người ta luôn luôn khóa mồm không cho lên tiếng. Ngày 29 tháng 7, nhóm Tranh Đấu phát hành một lời kêu gọi, ký tên Nguyễn An Ninh, « mọi người thuộc tất cả các khuynh hướng tới triệu tập Đông Dương Đại Hội, nhằm hội thảo một tập thỉnh nguyện trình lên chính phủ mẫu quốc và nhằm thành lập một Ủy ban triệu tập Đông Dương Đại Hộ ». Các báo chí có nội dung chính trị tương tự như báo *Tranh Đấu* cũng tung ra những lời kêu gọi đó, như báo *Lao Động* (Le Travail) ở Bắc Kỳ, *Nhành Lúa* ở Trung Kỳ.

Trong một truyền đơn hướng về quảng đại quần chúng, nhóm Tranh Đấu nêu rõ hơn :

> Trong các nhà máy, các nông trường, các thành phố, các làng mạc, các bạn hãy thành lập những ủy ban hành động gồm từ 5 đến 7 người. Nhiệm vụ của các ủy ban hành động là gì? Xác định cho quần chúng hiểu rõ những nguyện vọng của họ, lựa chọn các đại biểu của mình đi dự Đông Dương Đại Hội.

Ủy ban hành động nhóm Tranh Đấu thành lập ngày 5 tháng 8 - 1936 phát hành hai tập sách hướng dẫn khác nhau: một là *Cách làm việc của một Ủy ban hành động*, của Đào Hưng Long, chỉ bảo nhất là thợ thuyền và nông dân phát biểu nguyện vọng giai cấp mình; còn tập kia tựa đề *Cho được thực hiện Đông Dương Đại Hội*, tác giả Nguyễn Văn Tạo tuyên bố tán thành việc đoàn kết dân tộc: « Những người lao động phải cùng đi chung với những nhà tư sản để đảm bảo Đông Dương Đại Hội thành công ».

Phái lập hiến cũng tán đồng ý nghĩ về một cuộc Đại Hội như thế. Ngày 13 tháng 8, tại trụ sở báo *Việt Nam* của nhóm lập hiến, 300 người tham dự bầu ra 19 thành viên Ủy ban triệu tập, chủ yếu gồm trí thức và tư sản, chỉ có hai người thuộc giới lao động (Đào Hưng Long và Nguyễn Thị Lựu). Được mở rộng vào ngày 21, ủy ban này quyết định là các đại biểu của giới cần lao không thể vượt một phần tư số người tham dự Đại Hội. Tuy nhiên ủy ban này cũng chấp nhận việc thành lập các Ủy ban hành động (dưới 20 người để được hợp pháp) do nhóm Tranh Đấu đề nghị. Bảy ban phụ trách được giao trách nhiệm tập hợp các bản thỉnh nguyện. Nguyễn An Ninh cùng một số người chịu trách nhiệm về các vấn đề hành chính, nông dân và nông nghiệp; Hồ Hữu Tường về vấn đề kinh tế tài chính; Phan Văn Hùm về vấn đề y tế và

cứu tế xã hội; Trần Văn Thạch về vấn đề học vấn và giáo dục; Tạ Thu Thâu, Đào Hưng Long và Trịnh Hưng Ngẫu về vấn đề lập pháp cho công nhân; Nguyễn Văn Tạo và 5 người lập hiến về vấn đề yêu sách chính trị.

Cuộc cổ động tuyên truyền cho Đông Dương Đại Hội phát khởi, hàng ngàn hàng ngàn truyền đơn phát rải khắp nơi. Quần chúng nhiệt tình sôi nổi dâng lên như ngọn thủy triều, và trong một trật tự đáng chú ý.

Tuy vậy, chính quyền thực dân đã hoảng sợ và báo động cho Paris; ngày 8 tháng 9, tổng trưởng bộ Thuộc địa Mutê ra lệnh cấm « tập hợp ở Sài Gòn một Đại hội gồm hàng ngàn người vì đó có thể sinh ra biến loạn ».

Ủy ban hành động, mầm mống Sôviêt nhân dân

Ủy ban hành động đột khởi nhanh như chớp nhoáng. Ngày 30 tháng 9 năm 1936, sở Mật thám ước tính phỏng 600 ở Nam Kỳ (trong đó 285 là hợp pháp, còn bao nhiêu đều bí mật). Có khoảng 200 Ủy ban hành động chịu ảnh hưởng trực tiếp của nhóm Tranh Đấu. Trong khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn, họ tổ chức những Ủy ban hành động ở Công ty xe điện Pháp, nhà máy thuôc lá COFAT, nhà máy rượu Bình Tây, trạm dầu xăng Nhà Bè, đường sắt, nhà in, trong giới xe thổ mộ Tân Sơn Nhất... Phần lớn các Ủy ban hành động tại các khu nội thành, đều là công trình của những người xu hướng Trôtski đã bị lộ mặt: Nguyễn Văn Số và Đào Hưng Long tại Cầu Ông Lãnh, Chợ Đũi, Cầu Kho, Cầu Muối, Chợ Quán; Hồ Hữu Tường và Ganofsky tại Đakao; Nguyễn Văn Cử và Nguyễn Văn Chuyến hoạt động trong giới học sinh Sài Gòn. Ở vùng nông thôn phần nhiều Uỷ ban hành động thuộc ảnh hưởng của những người cộng sản theo Stalin, riêng Cà Mau và Giá Ray (Bạc Liêu) do Trần Hải Thoại và Nguyễn Văn Đính chủ động.

Ngày 12 tháng 9, năm người lập hiến, trong đó có Lê Quang Liêm, kẻ tước đoạt ruộng đất nổi danh, tách ra khỏi phong trào, buộc tội nhóm Tranh Đấu là « xúi giục tầng lớp vô sản chống lại những người mà họ gọi là có của ». Lãnh tụ đoàn chủ tịch Ủy ban triệu tập là Nguyễn Phan Long, lập hiến, không đi theo họ, cuộc cổ động triệu tập Đại Hội vẫn tiến triển mạnh hơn.

Ngày 15, thống đốc Nam Kỳ Rivôal cấm mọi cuộc hội họp và biểu tình trong lãnh thổ Sài Gòn - Chợ Lớn, nhưng ngày 17 ông ta cho phép Ủy ban nhóm họp để soạn thảo tập đơn thỉnh nguyện.

Chính quyền thực dân nêu ra những vụ rối loạn tưởng tượng để thúc

giục bộ trưởng Thuộc địa ra lịnh đàn áp. Ngày 19, một điện tín của Mutê lộ rõ sự hoảng loạn : « Phải duy trì trật tự bằng mọi biện pháp, hợp thức và hợp pháp (nguyên văn), kể cả truy tố. Trật tự của nước Pháp phải chế ngự trên toàn Đông Dương cũng như ở những nơi khác ». Những vụ đàn áp trá hình - vì các Ủy ban hành động vẫn ở trong vòng hợp pháp - chống lại các Ủy ban hành động ngày thêm nhiều. Giới chủ sa thải những công nhân tham gia phong trào, hương chức làng và lính cảnh sát gây phiền nhiễu họ.

Tại Sài Gòn, ngày 21, Trần Văn Thạch bị kết án vì đã nói chuyện tại một cuộc họp ở Tân Định. Ngày 26, 17 nông dân trong Ủy ban hành động Bến Lức bị bắt (ngày 3 tháng 10, tòa phạt người tổ chứ 3 năm tù: Nguyễn Văn Tiếp - giáo viên bị sa thải, người trước kia, năm 1926, đã xin ở tù thế cho Nguyễn An Ninh ; ông già Nguyễn Văn Xuyến, nông dân 18 tháng tù, những người khác bị án treo. Trong các tỉnh Châu Đốc và Long Xuyên, tên cò Baze, mật thám nổi tiếng, không ngớt ruồng bắt trấn áp các Ủy ban hành động ở nông thôn.

Ngày 27, đến lượt Tạ Thu Thâu và Nguyễn An Ninh vô khám; ngày 3 tháng 10, Nguyễn Văn Tạo vô theo. Những con số tù ghi trên thẻ cây đeo nơi áo có chữ MAP (Maison d'arrêt politique = nhà giam tù chính trị) của ba người là: 3058, 3059, 3088 đã chứng tỏ là qua 5 ngày đã có tới 29 tù chính trị mới bị giam.

Ngày 30 tháng 9, Dương Bạch Mai đi Pháp. Nhiệm vụ của anh ta là báo động dân chúng Pháp về cuộc đàn áp ở Đông Dương, và kèo nài làm sao cho Mutê chấp nhận Đông Dương Đại Hội là hợp pháp công khai. Mai dành phần lớn thời giờ đi lại Đảng Cộng sản Pháp, rốt cuộc chả đạt được điều gì.

Báo *Tranh Đấu* ngày 1 tháng 10 có tiêu đề: « Những lời tuyên bố của Mari-uýs Mutê ngày càng đi ngược với những sự kiện chính trị địa phương ».

Trong Khám Lớn, ngày 26 tháng 10, Ninh, Tạo và Thâu bắt đầu tuyệt thực làm reo và viết chung một bức thư gửi Lêon Bơlum:

> Chúng tôi đang ngồi tù vì đã và đang đứng về phía Mặt trận bình dân. Những sự kiện do đó chúng tôi bị khiển trách một cách chính thức là: những bài báo của Ninh và Thâu trên tờ *Tranh Đấu* ngày 24 tháng 9 và tập sách có nhan đề « *Đông Dương Đại Hội* » của Tạo bằng chữ quốc ngữ.

Ba hôm sau, tờ *Tranh Đấu* viết:

> Trong tù, chế độ ăn ngủ của họ chẳng khác gì đối với tù thường

phạm. Cũng thùng cơm gạo lức, cũng một cái ca thiếc với đôi đũa tre. Họ ngồi xuống đất mà ăn, họ nằm xuống đất, xin lỗi! họ nằm xuống nền xi măng mà ngủ.

Ngày 2 tháng 11, người ta chở Tạo, Thâu, Ninh vô nhà thương Chợ Quán.

Ngày 3, tờ *Thư tín Đông Dương* đăng đọan văn bỉ ổi sau đây của quan biện lý thông tư các quan tòa vào năm 1931 :

> Khi sở hành chính giao cho các ông một bị cáo, các ông không cần tìm hiểu xem y có phải là thủ phạm hay không và thả y ra nếu các ông không tìm thấy bằng chứng buộc tội. Bổn phận các ông là phải giữ y lại và tìm ra những chứng cớ buộc tội người bị cáo.

Người ta biết « tìm ra chứng cớ » có ý nghĩa gì, khi biện lý cuộc dựa vào sở Mật thám để tìm được những « chứng cớ », vì mật thám có đủ phương tiện chắc chắn để lấy được những « lời thú tội đột nhiên ».

Ngày hôm sau, mồng 4, cũng tờ báo trên chủ động gửi một bức điện tín cho L. Bơlum, M. Mutê, và mười ba nhân vật khác trong đó có A. Viôlis, L. Rubô, G. Pêri, như sau:

> Xin lưu ý vụ bắt bớ các ủy viên hội đồng thành phố Thâu và Tạo, nhà báo Ninh, bị buộc tội âm mưu khuynh phúc chính phủ vì tổ chức Đại Hội, thu thập đơn yêu sách gửi ủy ban điều tra của nghị viện do Bộ trưởng công bố. Công chúng Nam Kỳ xúc động sâu sắc. Cần can thiệp cấp bách.

Ngày 5 tháng 11, Tạo, Thâu, Ninh được ra tù.

Mutê cắn răng trợn mắt nhưng vẫn do dự nhiều. Vào tháng 11 ông ta can thiệp đến Bộ trưởng Hải quân, phản đối vụ sa thải bốn công nhân Thủy binh Xưởng Ba Son vì lý do chính trị, và viết cho toàn quyền Silvêstrơ là phải để cho tự do hội họp nhằm thảo đơn thỉnh nguyện. Nhưng năm tới đây, ông ta lại cấm các ủy ban hành động.

Ngày 1 tháng giêng năm 1937, cựu bộ trưởng Giu-yste Gôđa, cấp tiến phái tả, đại biểu Văn phòng Lao động quốc tế, được giao nhiệm vụ điều tra, cập bến Sài Gòn. Hàng ngàn thợ thuyền và nhân viên biểu tình phấn khởi hô vang:« Tự do dân chủ! Tự do nghiệp đoàn! ». Qua ngày 15, khi toàn quyền Bơrêviê cập bến Sài Gòn, hàng rào cảnh sát chặn đứng làn sóng người tràn vào thành phố; hàng ngàn nông dân quanh vùng cũng muốn đề đạt những nguyện vọng của mình. Trên đường đi Hà Nội, hai sứ giả trên cũng gập những đoàn người như vậy đón tiếp.

Theo lời kêu gọi của báo *Tranh Đấu* ngày 7 tháng giêng 1937, Ủy ban triệu tập hoạt động lại dưới tên khác, Ủy ban thỉnh nguyện trung ương. Các Ủy ban hành động xuất hiện lại một thời gian ngắn. Ngày 26 tháng 2, toàn quyền Bơrêviê ra lệnh cho « những người nhóm Tranh Đấu phải ngừng mọi hoạt động chính trị nếu không sẽ bị trừng phạt ». Từ ngày 22, cảnh sát hạ tấm biển của Ủy ban thỉnh nguyện trung ương.

Ủy ban hành động bị cấm, rút lui vào bóng tối rồi tiến triển dần lập thành những chi bộ cộng sản xu hướng Stalin hoặc cộng sản theo Trôtski. Các tổ chức bí mật này sẽ làm nòng cốt phong trào rộng lớn chưa từng thấy, làn sóng bãi công cuồn cuộn lan tràn khắp năm 1937.

Dự án Ủy ban điều tra các thuộc địa do nghị viện cử ra sẽ bị chôn vùi vĩnh viễn tại Thượng nghị viện ngày 17 tháng 7 năm 1938, với một chính phủ mới Đalađiê trong đó phái hữu chiếm ưu thế. Mặt trận bình dân đã thất bại, và khẩu hiệu « bánh mì, hòa bình, tự do » không còn xuất hiện trong chương trình nghị sự nữa.

Nhưng rồi chúng ta sẽ bàn trở lại sau.

Báo Chiến sĩ (Le Militant)

Chúng ta đã thấy những người xu hướng Trôtski hoạt động hợp pháp đã buộc mình phải im tiếng về chính trị trong một mức độ nào đó, vì họ hiệp đồng lập mặt trận chung với những người theo Stalin để tái bản tờ *Tranh Đấu* vào tháng 10 năm 1934. Chúng ta cũng thấy những người xu hướng Trôtski bí mật trong Liên minh cộng sản quốc tế chủ nghĩa đã từng tự quyền phê phán như thế nào vào năm 1935, rồi sau đó toàn bộ nòng cốt của Liên minh này đã bị mật thám bắt vào tháng 6 năm 1936, trong những ngày đầu tiên của chính phủ Mặt trận bình dân.

Vào tháng 9 năm 1936, Hồ Hữu Tường công khai đứng ra phê bình, xuất bản tờ tuần báo xu hướng Trôtski đầu tiên bằng tiếng Pháp, tờ *Chiến sĩ*, một tờ báo lý luận, Đoàn Văn Trương chủ nhiệm.

Từ ngày 1 đến 22 tháng 9 năm 1936, qua bốn số báo, tờ *Chiến sĩ* kêu gọi công nhân và nông dân hãy cảnh giác đối với giai cấp tư sản, đặt lại vấn đề hợp tác với phái lập hiến trong Đại Hội, thực sự là một sự hợp tác giai cấp; tờ báo đăng những bài của Trôtski nói cách nào là một mặt trận thống nhất có hiệu quả; tờ báo tố cáo Mặt trận bình dân ở Pháp phản cách mạng, trong đó những người theo xã hội chủ nghĩa trở nên tù nhân của phái tư sản cấp tiến, họ không có khả năng ngăn cản cuộc đàn áp ở Đông Dương: mười hai người dân cày cộng sản ở Đức Hòa và bảy thành viên

của Liên minh cộng sản mới vừa bị kết án tại tòa tiểu hình ngày 6 và 31 tháng 8 - 1936.

Tờ báo nhắc lại tình thế nghiêm trọng lúc này trên thế giới: Ở spa-nhơ tướng phát xít Forăncô nổi loạn ngày 19 tháng 7 năm 1936, chống lại Mặt trận bình dân bên ấy; chính sách ngoại giao Nga lấn ép nặng nề; ở Môskơva, vụ án quái gở đầu tiên ngày 19 tháng 8, bộ máy tư pháp chính trị xử tử những người bônsơvíc kỳ cựu đã cùng Lênin huy động Cách mạng tháng Mười 1917 như Xinôviep, Kamênep và 14 người khác - khép họ vào tội khủng bố theo phái Trôtski - tổng biện lý Visensky coi họ là « lũ chó dại » và ra lịnh bắn tức khắc sau khi tuyên án.

Các đồng chí xu hướng Trôtski trong nhóm Tranh Đấu, ngở ngàn không thể hở môi.

Báo *Chiến sĩ* gây nên một tình trạng căng thẳng trong nhóm Tranh Đấu, cuối tháng chín đầu tháng 10, tình trạng này càng gay gắt sau khi Tạo, Thâu và Ninh bị bắt. Tờ báo bị cấm. (Nó sẽ tái bản ngày 23 tháng 3 tới 1 tháng 6 năm 1937, từ số 5 đến số 14). Để đối phó lại, Tường tập hợp những chiến sĩ hoạt động hợp pháp trong Nhóm Bônsơvíc-Lêninít tán thành Đệ tứ Quốc tế, thay cho nhóm Liên minh quá vãng, và giải thích lập trường của họ trong *Tạp chí nội bộ* ngày 15 tháng 11 năm 1936. Ngày 1 tháng chạp, nhóm phát hành tờ nhật báo *Thợ thuyền tranh đấu.* Trong số 2 có bài nói với thanh niên vừa nhập ngũ:

> Hỡi các bạn chiến binh! Chỉ vài ngày nữa các bạn sẽ đứng dưới cờ. Là dân thuộc địa nước Pháp, người ta sẽ tập các bạn biết sử dụng vũ khí. Đấy Lênin đã nói về vấn đề này: Hãy cầm lấy súng ống và hãy học cách sử dụng súng ống! Người vô sản phải học làm được cái đó, không phải để giết những người vô sản xứ khác bạn của mình, theo lịnh những kẻ thù của xã hội của chúng ta, mà để quay súng chống lại bọn tư sản trong xứ.
> Chúng ta đấu tranh để đòi được quyền đọc những tờ báo của thợ thuyền và để thành lập các ủy ban binh lính. Các bạn hãy tập hợp dưới lá cờ đỏ của Đệ tứ Quốc tế tiến tới nền chuyên chính vô sản.

Còn về hoạt động thành lập công hội bí mật, phái Bônsơvíc-Lêninít từ tháng 11 xuất bản tờ báo *Liên hiệp* ; dẫn tới việc tổ chức Liên ủy Thợ thuyền vào mùa xuân năm 1937.

Phong trào bãi công đột khởi từ đầu tháng 6 năm 1936

Như một tiếng dội hưởng ứng phong trào chiếm lĩnh nhà máy ở Pháp, lại thêm giá sinh hoạt mỗi ngày một tăng tại thuộc địa, phong trào thợ thuyền

Prolétaires de tous les pays, unissez-vous !

le militant

Organe de défense prolétarienne et de combat marxiste

Parait le Mardi

Rédaction-Administration : 94, Boulevard Albert 1er — SAIGON

Les trotskystes sont « frères jumeaux du fascisme » (*L'Avant-Garde*, 29 mai).

A *La Lutte*, les staliniens et les trotskystes sont « frères ».

Les staliniens seraient-ils donc « frères des frères jumeaux du fascisme » ?

DEUXIÈME ANNÉE Nº 14 — 1er JUIN 1937 — PRIX : DEUX CENTS

Une soixantaine de syndicalistes sont arrêtés

Vive la liberté syndicale !

La nouvelle de l'arrestation d'une soixantaine de syndicalistes, à Giadinh, samedi soir, se répand comme une traînée de poudre.

L'émotion est générale.

Mais ce n'est plus le sentiment de cette terreur que l'on éprouvait chaque fois que la Sûreté mit la main sur quelques conspirateurs révolutionnaires. Ce n'est plus cette panique qui envahissait la population jusqu'à empêcher les ouvriers voient déjà leurs minces conquêtes de Décembre-Janvier grignotées par la hausse des prix et par la contre-offensive du patronat. Nombreux, en effet, sont les patrons qui refusent de tenir les promesses arrachées par la grève. Plus nombreux sont ceux qui se moquent royalement du décret Moutet du 30 décembre, concernant les lois sociales en Indochine. Les ouvriers indochinois sont de-

Le contre-procès de Moscou

La commission d'Enquête sur les Procès de Moscou dont l'initiative revient aux camarades de New-York fonctionne à Paris.

Commission d'investigation qualifiée composée de Délépine (à titre personnel) président des avocats socialistes, Modigliani, avocat italien, membre de l'Exécutif de l'I.O.S. (IIe Internationale), Galtier-Boissière, écrivain, directeur du *Crapouillot*, Mme César Chabrun, présidente du comité d'aide aux prisonniers politiques, Mathé, postier révoqué par Laval ancien secrétaire du Syndicat national des P. T. T.

le point de vue du prolo...

La théorie des frères jumeaux

La politique de la « 3e période » du stalinisme (1929) est caractérisée par la théorie du « social-fascisme ». Les socialistes y sont traités de « frères jumeaux du fascisme ». Sept ans après, les stalinistes se proclament frères des socialistes. « Frères des frères jumeaux du fascisme ».

Mais le plus fort, c'est que les stalinistes locaux, en même temps qu'ils font le front unique, à *La Lutte*, avec les trotskystes, les traitent de frères jumeaux du fascisme. Mais les travailleurs indochinois savent tous que depuis quatre ans, les stalinistes et les trotskystes sont « frères » à *La Lutte*. Ils seront étonnés de voir les uns traiter les autres de « frères

Les arguments judicieux

Il est recommandé aux staliniens locaux de convaincre les constitutionnalistes « à l'aide d'arguments judicieux ».

Nous aimerions voir ces camarades à l'œuvre, car avouons-le, la besogne est vraiment difficile : comment peut-on convaincre Lê-quang-Liêm pour qu'il rende les 1,081 hectares de rizières aux paysans de Longxuyên ? et comment peut-on convaincre Trần-văn-Kha pour qu'il ne sabote plus les mouvements de masses comme il a fait contre le Congrès Indochinois ou aux dernières Elections Municipales ?

Nous croyons savoir que les staliniens locaux ne réussissent pas encore à satisfaire leurs chefs. C'est pourquoi dans le dernier numéro de l'*Avant-Garde*,

Báo le Militant (Chiến sĩ)

FONDS J.J. MARIE PARIS

Vô sản toàn các xứ tổ hiệp lại !

tranh đấu

Số 28. — Mỗi số : 4 xu — Thứ sáu 2 Juin 1939

Thơ bài và tiền gởi cho PHAN-VĂN-HÙM, Administrateur du Tranh-Đấu, 95 Rue Lagrandière — SAIGON

Khắp hoàn cầu, chỉ có ở Đông-dương là con người phải đóng thuế như thú vật. Quần chúng phản đối thuế thân, phản đối thói săn người trong lúc xét thuế.

PHÒNG THỦ ĐÔNG-DƯƠNG hay là giữ tủ sắt cho tư bổn ?

Cách mấy tháng nay, chánh phủ vay 44 triệu bạc, gọi là để «phòng thủ Đông dương».

Báo *Populaire* ngày 26 Mai đã cho chúng ta biết chánh phủ Đông dương tiêu xài số tiền ấy cách nào.

Đệ tứ quốc tế với nông-dân

(TRẢ LỜI CHO TẠP CHÍ ĐÔNG-PHƯƠNG)

Trên con đường của Lénine-Trotsky

Sau những vụ án báo chí ở Bắc

Phải tổ hiệp để đòi thủ tiêu những sắc lịnh nguy hiểm

Gần đây, nghề làm báo ở Bắc càng ngày càng bị rút hẹp và hãm dọa đủ đều. Báo chí Đông dương nhứt là báo chí ở Bắc chưa được tự do xuất bản, vẫn thường bị khủng bố, bị sức phản động thuộc địa ...

Sách báo Đệ tứ Quốc tế

và phu phen lại bắt đầu rung chuyển ở Đông Dương.

Tại miền nam Trung Kỳ, ngày 23 tháng 6, lần đầu tiên hàng trăm thợ thuyền và phu đồn điền cao su Đông Trang (cách Nha Trang 25 km) tiến hành bãi công và tuần hành tới tỉnh lỵ. Sau khi công sứ can thiệp chủ đồn điền nhượng bộ, họ trở lại làm việc.

Tại Nam Kỳ, vào tháng 8, phong trào lại nẩy sinh từ đồn điền trồng lúa: 400 công cấy ở Cần Giuộc (Chợ Lớn) mỗi ngày kiếm được 16 và 12 xu phản đối việc giảm lương xuống 12 và 10 xu; một địa chủ nhỏ đánh đập một vài công cấy và làm tổn thương một công cấy con gái 19 tuổi, bị hương chức làng trừng phạt, bắt làm mười ngày lao dịch.

Tại công trường những người thất nghiệp ở Bạc Liêu (lương công nhật là 20 xu, ban quản trị giữ lại 10 xu để nộp vào thẻ thuế thân và 2 xu cho người tuyển mộ), những người phu ngưng việc rồi kéo nhau đi tới chủ quận để khiếu nại, nhưng không được thỏa mãn điều gì cả.

Ngày 19 tháng 8, 320 phu đồn điền Misơle ở Dầu Tiếng yêu cầu thắng lợi, tên cai vũ phu bị đuổi, gạo ăn được tăng thêm chút ít. Ngày 27, phu đồn điền cao su Quảng Lợi (Thủ Dầu Một) biểu tình, đánh đập tên cai bởi hắn mà một anh cu li chích mủ tự tử, họ đòi đuổi tên cai đó.

Ngày 10 tháng 10, cũng ở Dầu Tiếng, 130 cu li chích mủ đòi đuổi một tên cai thứ hai và một tên giám thị người Âu đã đánh một người cu li đến tổn thương; bốn trong số người phản đối bị giam tại khám tối (nhà tù riêng của Misơle) trong 5 ngày. Cũng trong ngày 10 tháng 10, hàng trăm phu đồn điền Bình Trước (Biên Hòa) bãi công.

Tại Bến Củi (Tây Ninh), một người bỏ trốn khỏi Công ty Đồn điền Cao su Đông Dương bị bắt lại, bị đánh bằng roi rồi đưa đi làm với hai chân mang xích. Ban ngày anh chỉ được một bữa cơm, ban đêm bị giam khám tối. Sau một tuần lễ, ngày 1 tháng 11, anh tự treo cổ. Ngày 2, giới phu ngưng việc, đòi chấm dứt ngược đãi và đòi tăng lương. Có chính quyền can thiệp, họ được thỏa mãn đôi phần, còn tên giám thị sát nhân Sơmitz bị kết án 3 tháng tù ngày 26 tháng 12, nhưng án tù treo! Công bộc nào hưởng ưu đãi nấy.

Ngày 15 tháng 11, 400 cu li và thợ trong xưởng cưa Tân Mai (thuộc sở Kỹ nghệ và Lâm nghiệp Biên Hòa), quá khốn cùng họ bãi công chiếm xưởng. Đây là lần đầu tiên và rất hiếm có việc chiếm xưởng làm như thế. Ngày 18 chính quyền ra lệnh cấm mọi sự xâm chiếm như vậy, việc vi phạm quyền sở hữu tư bản thiêng liêng bị trừng phạt. Những người bãi công trở lại làm việc ngày 1 tháng chạp sau khi được tăng thêm 10 xu khốn khổ vào lương công nhật.

Giá gạo tăng từ 1,30 đồng lên 2,20 đồng mỗi 30 lít.

Vào tháng 11 và tháng chạp, thợ cưa Hóc Môn rồi thợ cưa Tân An đấu tranh đòi tăng lương; những xưởng nhỏ như xưởng mộc, lò gạch, xưởng xà phòng. cũng rục rịch làm reo.

Cần phải ghi chú ở đây là chính phủ Bơlum-Mutê đã ra một sắc luật ngày 20 tháng 6 buộc mở rộng ở Đông Dương những luật xã hội mới có điều tiết. Đứng trước một giới tư sản thực dân và tư sản địa phương không muốn cải cách, chính quyền địa phương không vội vã gì trong việc lập một dự án để thực thi sắc luật đó. Một ủy ban tư sản (không một đại biểu nào của giới thợ) được giao trách nhiệm nghiên cứu đề tài này. Ngày 1 tháng 9 đề xuất 15 ngày nghỉ được trả lương đối với người ăn lương tháng và 4 ngày đối với người ăn lương công nhật. Ủy ban này tránh xa về ý tưởng về một qui ước tập thể, chỉ giới hạn ở phạm vi đòi giới chủ thực hiện một mức nào đó về giờ làm việc, ấn định mức lương tối thiểu, chấm dứt tiền phạt... Về phía toàn quyền lâm thời Sylvêstrơ, sau hai lần bị Bộ Thuộc địa nhắc nhở, mới ra nghị định ngày 11 tháng 10,ấn định ngày làm việc 10 tiếng, bắt đầu từ 1 tháng 10, rồi 9 tiếng vào năm 1937, 8 tiếng vào năm 1938, hàng tuần người làm mướn được nghỉ một ngày, ít lắm là 24 tiếng liên tiếp. Những ngày nghỉ hàng năm có trả lương là 5 ngày vào năm 1937, 10 ngày vào năm 1938; cấm sử dụng phụ nữ và trẻ em làm ca đêm.

Ở các tỉnh miền Bắc vào tháng 11 năm 1936, nhiều cuộc bãi công lớn nổ ra : 20.000 thợ mỏ Cẩm Phả-Hòn Gai ngưng việc từ ngày 16 đến 28 đòi bọn cai dứt ngược đãi, đấm đá, đánh đập bằng gậy gộc, bằng roi gân bò, và đòi tăng lương từ 18 xu lên 35 xu và từ 27 lên 40 xu. Nhà máy xi măng Hải Phòng cũng đình công với những yêu sách tương tự.

Ở phía Nam, tại Sài Gòn ngày 4 tháng chạp, toàn bộ 1200 thợ và phu ở thủy binh xưởng Ba Son tiến hành bãi công. Họ mới vừa được tin những đại biểu của xưởng chế tạo thủy lôi, ngày 26 tháng 11, đưa đơn yêu sách và giám đốc hứa bảo đảm họ sẽ được thỏa mãn, họ sẽ không bị trừng phạt, nhưng sau đó họ bị phạt tiền và mất việc. Sáng ngày 4, những người bãi công đưa yêu sách đòi phải thu dụng trở lại những người bị đuổi, hủy bỏ các khoản phạt tiền, mức tối thiểu tiền lương công nhật là 1,20 đồng, giờ làm thêm được trả 150%, thi hành các đạo luật lao động được chấp thuận ở Pháp (tuần lễ 40 giờ, mỗi năm được nghỉ 15 ngày có trả lương, trả lương hưu trí) phải được áp dụng tại sở Ba Son, một xưởng tàu trực thuộc Bộ Hải quân. Bọn giám đốc chẳng những không trả lời mà còn đe dọa nữa.

Trong bức thư gửi cho bộ trưởng Mutê ngày 5, những người bãi công bày tỏ tại sao họ làm reo và họ đòi hỏi những gì, yêu cầu bộ trưởng can

thiệp cho họ được thỏa mãn « những yêu sách chính đáng » của họ : Thật là trái nhân đạo khi giám đốc Thủy binh công xưởng trả cho thợ 0,72 đồng một ngày công, và cho phu 0,45 đồng, trong khi giá thực phẩm tăng thêm 50%. Thật là một sự lỗi thời khi mà luật lao động chỉ áp dụng cho các thư ký sở Ba Son mà không áp dụng cho thợ thuyền chúng tôi.[111]

Ngày 9, hai trăm công nhân Công xưởng Hải quân (Travaux Maritimes) cùng đứng lên đấu tranh với phong trào trên. Cuộc bãi công chung này ngưng lại hôm 19 tháng 12, được thành công một nửa: tăng lương từ 6 đến 10%, nhưng 9 người thợ bị đuổi vẫn không được thâu nhận lại.

Hàng ngàn công nhân đường sắt, thợ máy, lái tàu, trưởng toa và phu phen tại các trạm ở Sài Gòn và Dĩ An ngừng làm việc. Không một chuyến tàu nào chạy kể từ ngày 15. Ngày 18, sau khi kỹ sư trưởng Gôđfơroy thỏa thuận ít nhiều trong 8 yêu sách, họ mới đi làm trở lại.

Từ ngày 7, tới phiên các lái xe điện và ô tô bãi công, số người tham gia nhanh chóng lên tới 493. Cuộc bãi công này kéo dài tới năm 1937, được anh em sở Ba Son ủng hộ (tẩy chay xe điện và ô tô khách). Các chợ làng quê quanh vùng cung cấp thực phẩm cho họ trong lúc họ không đi làm. Mặc dù Giu-yste Gôđa can thiệp, cuộc bãi công kết thúc vào tháng giêng năm 1937: 485 trong số những người bãi công bị đuổi việc, sở xe điện CFTI chỉ thu nhận lại 148, lương tăng thêm vài xu.

Sắc lệnh Bơlum-Mutê ngày 30 tháng 12 năm 1936

Để ngăn chặn phong trào bãi công bùng nổ năm ấy ở Đông Dương sắc lệnh Bơlum-Mutê đã xác nhận và nới rộng thêm sắc lệnh Sylvêstrơ ngày 10 tháng 10. Với 127 điều khoản, lần đầu tiên có qui chế hóa « lao động tự do » ở Đông Dương. Báo *Tranh Đấu* ngày 18 tháng 2 năm 1937 đã chào mừng sự « tiến bộ lớn lao » đó, dịch và in văn bản đó ra bằng chữ quốc ngữ.

Sắc lệnh đó cấm sử dụng trẻ em dưới 12 tuổi; hạn chế số thợ tập việc trong mọi xí nghiệp chỉ được chiếm một phần ba số thợ chính thức; tới 20 tuổi, thợ tập việc trở thành thợ nghề. Đàn bà có mang được quyền nghỉ việc không lương; phụ nữ cho con bú được trừ 20 phút buổi sáng và 20 phút buổi chiều không bị giảm lương. Các xí nghiệp nào có sử dụng thầu khoán phải trả lương cho những người làm công nhật của chủ thầu bỏ việc. Mức lương tối thiểu sẽ do các đại diện của giới chủ, đại biểu người bản xứ và thanh tra lao động quyết định.

Tuy thế báo *Tranh Đấu* phê phán chổ thiếu kém trong sắc lệnh như không chấp thuận quyền nghiệp đoàn, quyền bãi công, cũng không chấp nhận quyền của các đại biểu. Sắc lệnh chỉ áp dụng trong phạm vi các xí nghiệp công nghệ, thương mại và hầm mỏ (chứ không áp dụng cho các xưởng thủ công và đồn điền là nơi mà phu phen bị bóc lột nặng nề hơn giai cấp vô sản công nghiệp), nó chỉ áp dụng cho 3% trong số dân lao động mà thôi. Bãi công vẫn bị coi là một sự phạm luật, còn nghiệp đoàn vẫn còn bị kết án buộc tội lập hội kín. Chỉ có thanh tra lao động là có đủ tư cách đại diện cho thợ thuyền và nhân viên khi cần khiếu nại trước pháp luật chống đối giới chủ. Như vậy giới lao động vẫn bị đối xử như những người không đủ tư cách đối diện pháp luật.

Những qui định trên chỉ áp dụng cho công nhân công nghiệp sau khi Phòng Nông nghiệp - nghĩa là giới điền chủ thực dân hay bản địa - thỏa thuận. Điều khoản 3 cấm sử dụng « lao động cưỡng bức », « mọi công việc hay dịch vụ mà người bị buộc làm không sẵn lòng đáp ứng, ngoại trừ những công việc phải làm để trừ thuế khóa, hoặc về mặt quân dịch, hoặc phải làm để đền tội sau khi bị kết án » như khoản 2 đã định nghĩa. Diều khoản đặc biệt riêng về những việc phải làm để trừ thuế, trá hình « lao động cưỡng bức » thành « lao động sưu dịch », thế đó chế độ lao động cưỡng bức vẫn được duy trì.

Thật quá ít ỏi, những điều mà chính phủ Mặt trận bình dân chấp thuận nhầm thỏa mãn những yêu cầu của những người bị bốc lột. Thế mà giới chủ nhân người Pháp, người An Nam và người Trung Hoa tìm cách không thi hành. Để thông báo cho những người bị bóc lột được biết những quyền lợi mới, nhóm Tranh Đấu xuất bản quyển *Chế độ lao động Đông Dương*, kêu gọi mọi người tổ chức đấu tranh làm cho bản pháp qui đó không trở thành vô dụng.

Những người thợ bị sa thải vì bãi công không mấy hy vọng sở thanh tra lao động trợ giúp. Sở mật thám tiếp tục bắt những người bãi công hăng hái nhất và các tòa án vẫn tiếp tục kết án họ « cản trở quyền tự do lao động ».

Tại các xứ bảo hộ, sắc lệnh đó lại còn bị giảm bớt trong khi ban bố ra, lý do là phải tôn trọng « quyền của các trào vua chúa được Pháp bảo hộ », điều đó lại càng làm cho tình thế người làm công ăn lương càng thậm tệ hơn, nếu người ta xét tới cái chỉ dụ của vua Cao Miên thêm vào đó định phạt một năm tù mọi người nào bãi công.

Bãi công biểu tình năm 1937

Sắc lệnh Bơlum-Mutê không chấm dứt được những cuộc bãi công. Trái lại phong trào vượt lên tới đỉnh cao vào tháng giêng năm 1937, với 112 cuộc

bãi công của công nhân ở Miền Nam, nơi mà số bãi công không ngừng tiến triển từ tháng 9 năm 1936.

Hầu hết ở mọi nơi, thợ thuyền và phu phen, dưới ách bóc lột của bọn chủ không chịu tuân theo một qui chế nào, họ vùng dậy trong hoàn cảnh khốn cùng do các chiến sĩ cách mạng khuyến khích.

> Xã hội xáo động sục sôi, theo Giu-yste Gôda nhận xét, nguyên nhân sâu sắc là quần chúng càng ngày càng thêm bần cùng khốn khổ bởi giá cả sinh hoạt lên cao, thường thường giới chủ nhân không màng đến. Giá gạo và thực phẩm nhu yếu tăng thêm quá cao: 85% từ tháng 10 đến tháng chạp năm 1936.[112]

Ngày 7 tháng giêng 1937, Gôđa đàm đạo với phân bộ đảng xã hội SFIO Pháp ở Sài Gòn, công bố ý muốn ban hành ngay luật nghiệp đoàn. Toàn quyền Bơrêviê chỉ thoả thuận áp dụng luật ấy cho một mình các viên chức người Âu.

Ngày 19 và 20 tháng giêng, đứng trước một phong trào bãi công ngày thêm bồng bột, toàn quyền Bơrêviê triệu tập bốn nhà báo nhóm Tranh Đấu tới nhằm làm cho họ yên tâm, bày tỏ với họ những thiện ý về cải cách của ông ta.

Báo *Tranh Đấu* ngày 4 tháng giêng viết :

> O. Bơrêviê muốn quần chúng hãy bình tĩnh đứng yên chờ ngài bắt tay vào việc. Chúng tôi, trái lại, chúng tôi không tin mầu nhiệm nào cả, nghĩa là không tin rằng những cải cách có lợi cho quần chúng có thể thực hiện mà không cần có quần chúng can thiệp. Điều kiện chủ yếu của những cải cách, cũng như sự giải phóng giới lao động nằm trong ý chí hành động và tinh thần quyết đoán của thợ thuyền, nông dân, của toàn thể lao động.

Ngày 30 tháng giêng, toàn quyền có ý làm dịu tình hình, bèn đề nghị với Bộ trưởng Thuộc địa đàn áp gắt gao những ủy ban hành động, họ là nhân tố gây men cho phong trào bãi công.

Những cuộc bãi công tháng giêng bắt đầu ngày mồng 2, trước nhất công nhân người Hoa tại nhà máy gạo Trang Đông Á ngưng việc, liền theo đó bạn đồng nghiệp khắp nhà máy gạo ở Chợ Lớn đều làm reo. Ngày 14, 2500 phu gạo khoanh tay (5 nhà máy lớn ngưng chạy, trong đó có nhà máy gạo Viễn Đông và Nhà máy rượu Đông Dương ở Bình Tây). Ngày 20, có tới năm chục nhà máy gạo bị tê liệt.

Từ ngày 4 đến ngày 20, đình công tại Công ty ché tạo Cao su Sài Gòn; ngày 6, 150 phu đình công tại xưởng Chế tạo cơ khí Risô; ngày 11, 300 công nhân trên đội thương thuyền ở Thương cảng bỏ việc; ngày 14, đến phiên 450 công nhân nhà máy rượu Bình Tây ngừng việc; rồi từ ngày 19 đến 25, 550 công nhân của hãng thuốc lá COFAT đình công đòi những điều kiện làm việc bớt khổ sở hơn và đòi quyền nghỉ đẻ cho nữ công nhân.

Trong các cuộc bãi công, có tới một nửa số trường hợp bọn tài chủ đáp lại bằng cách đóng cửa nhà máy. Nhưng trong các nhà máy gạo của người Hoa, phu bãi công được tăng lương và không còn tùy tùng bọn tuyển mộ, chúng cắt xén quá đáng vào đồng lương của họ. Người ta sẽ thấy bọn chủ nhà máy không giữ lời cam kết, đôi khi sa thải người làm công hoặc đóng cửa nhà máy.

Ở Bắc Kỳ và cả ở Trung Kỳ, cũng có những phong trào đình công theo những yêu sách đó : vào tháng giêng và tháng 2 năm 1937, một ngàn người bãi công tại nhà máy sợi Hải Phòng, bốn ngàn người ở nhà máy sợi Nam Định, hai ngàn người ở các xưởng đóng giày Hà Nội và ngoại ô, hàng trăm người ở các xưởng thủ công, xưởng may tại Hà Nội, Hải Phòng, Huế, rồi đến các thợ làm mũ, làm rương... Luôn luôn vẫn là đòi tăng thêm vài xu vào đồng lương, nhưng cũng đòi được nghỉ hàng tuần, đòi trả lương những ngày nghỉ hợp pháp, những đều lẽ ra họ đã được quyền hưởng sau khi ban bố sắc luật lao động tháng chạp năm 1936, nhưng sắc luật đó không được thực hiện.

Vào tháng 2 và tháng 3, ba cuộc bãi công lớn ở Nam Kỳ có khá đông đảo người tham gia và được nhóm Tranh Đấu ủng hộ : 432 công nhân bến tàu vát gạo người An Nam và người Hoa, và những công nhân lái cần cẩu của Thương cảng, 400 thợ cưa hãng Đông Á ở Vĩnh Hội (từ 8 tháng 3 đến 16 tháng 4), 700 thợ dệt đàn bà ở Chợ Mới (Long Xuyên), họ đạt được mức tăng lương từ 5 đến 15% và một số người được hưởng ngày làm 9 giờ.

Phong trào lan tới các xí nghiệp nhỏ hơn, nơi dường như khó lòng áp dụng những qui chế : những người vận chuyển bánh mì ở Sài Gòn, những thợ trong các nhà dệt ở Chợ Mới trong các lò nhuộm ở khu Gò Vấp, những nhân công làm trong hãng xà phòng ở Chợ Lớn, trong các xưởng thủ công ở nông thôn, các trại cưa, lò gốm, lò đường...Một trong năm trường hợp, bọn chủ táo bạo sa thải thợ làm reo.

Mặc dù bãi công kém kết quả, lửa đấu tranh nung nấu tinh thần giới cần lao thoát ly nhẫn nhục, dẫy đầy hy vọng tương lai. Nhất là nhờ các ủy ban hành động mà mình học tập phát biểu ý kiến và tự tổ chức. Thường

thường, khi một cuộc bãi công nổ ra thì họ đã lập một ủy ban bãi công và đã chung cùng thảo tập thỉnh nguyện. Báo *Tranh Đấu* ngày 11 tháng 3 năm 1937 nêu ra một ví dụ :

> Các đại biểu công nhân ở hãng Đông Á - Pháp đến trao cho giám đốc một tập thỉnh nguyện. Yêu sách của họ không được thỏa mãn, 500 công nhân ngưng việc rời công xưởng. Họ xếp hàng tư, đi đứng trật tự trên quãng vài trăm thước rồi mới giải tán. Sau đó các đại biểu đến thanh tra lao động trình bày cuộc đối đầu giữa chủ và thợ.

Tình hình có hơi dịu lần vào tháng 3, nhưng lại bùng nổ trở lên mạnh mẽ.

Cuộc bãi công lớn ở sở Ba Son (Arsenal)

Ngày 5 tháng 4 năm 1937, 15 công nhân nồi hơi được giao nhiệm vụ sửa chữa khẩn cấp những nồi hơi chiến hạm Savotnhăn đơ Bơraza, đứng ra đòi tăng lương 15% và đòi tăng 50% số tiền lương giờ làm thêm ban ngày, 100% cho giờ làm thêm ban đêm. 5 người bị đuổi việc.

Ngày hôm sau, 850 trong số 1280 công nhân ngừng làm việc và đưa yêu sách cho thanh tra lao động, đồng như những yêu sách của anh thợ nồi hơi, và đòi thêm sở phải thu nhận lại những anh em bị sa thải. Họ thành lập một ủy ban bãi công gồm 3 người theo phái Stalin và 3 người theo xu hướng Trôtski. Ủy ban nầy huy động bốn ủy ban thường trực trong các vùng ngoại ô Thủ Thiêm, Thị Nghè, Bà Chiểu và Phú Nhuận, mở ra một qũy lạc quyên để trợ giúp anh em bãi công.

Ngày 13, thanh tra lao động triệu tập các đại biểu, nhưng việc hòa giải không đạt kết quả. Nhưng Sài Gòn lao động đang phấn khởi, các ứng viên nhóm Tranh Đấu thắng thăm trong cuộc tuyển cử hội đồng thành phố ngày 25 tháng 4, nguồn hy vọng mới tưng bừng, số tham gia bãi công lên tới 994. Ngày 10 tháng 5, cục Hải quân giải quyết cuộc đối đầu bằng cách làm thỏa mãn đôi chút : việc tăng lương sẽ được nghiên cứu cùng với thanh tra lao động; những giờ làm phụ sẽ được trả thêm từ 25% tới 50%; một món tiền bồi thường nhỏ mọn sẽ được bù cho 3 kíp thợ nồi hơi (3 x 8 giờ), 25 xu cho hai kíp làm ban ngày, 50 xu cho kíp làm ban đêm. Những thợ bị sa thải từ ngày 1 tháng 4 sẽ được thu nhận trở lại trừ những người bị coi là làm cản trở quyền tự do lao động hoặc đã đe dọa những

người thợ không bãi công. Công việc bắt đầu tiếp tục trở lại từ sáng ngày 13 tháng 5.

Cuộc bãi công cầm cự được 37 ngày nhờ anh em lao động các xí nghiệp quyên tiền cứu trợ, nhờ làng xóm vùng lân cận giúp đở lương thực, phần đông anh em bãi công có bà con ở nông thôn.[113]

Trước khi nói tới bãi công làm bại liệt đường sắt xuyên Đông Dương, ta hãy dòm qua một trong số đồn điền cao su Misơle mà mọi người đều biết ở đó người cu li bị kềm hãm dưới một chế độ nô lệ không nẻo ra. Trước đây 7 tháng, ở Dầu Tiếng, bốn anh phu chích mủ cao su bị nhốt 5 ngày trong khám tối, nhà tù riêng của đồn điền, chỉ vì họ chống cự hai thằng giám thị bạo tàn. Ngày 23 tháng 5, 1200 phu đồn điền đó, cách Sài Gòn 80 km, đình công đòi lương công nhật 40 xu, đòi có cơm ăn nước uống đầy đủ, và nhất là đòi giám thị và cai dứt đánh đập hành hạ công nhân, ngày 24, họ tiến hành về Sài Gòn. Họ kéo nhau lên đường đúng lúc thống đóc Pagies ra lịnh chặn họ lại, hứa hẹn này nọ, rồi đưa họ lên xe cam nhông của quân cảnh vệ chở họ trở về đồn điền. Chủ sở khởi thương lượng về những đòi hỏi của họ, bước đầu là lương sẽ tăng ở mức 32 xu. Thống đốc Pagies sẽ tố cáo với Bộ Thuộc địa tình cảnh cu li sở cao su « khốn cùng nhớp nhúa », cùng phô bày « tâm lý mại nô lệ da vàng » của ban giám đốc. Bản tường trình chẳng có hiệu quả chi cả, bởi vì sau đó một tháng, ngày 24 tháng 6, khi mấy người chích mủ đòi tăng lương chết đói thì các đại biểu của họ bị bắt giam!

Bọn chủ vẫn dằng dưa không thi hành sắc luật lao động tháng chạp năm 1936, chúng khinh thường các đại biểu công nhân. Vì thế lao động ở Thương Cảng bãi công ngày 21 tháng 5, bọn chủ đóng cửa Thương Cảng. Cu li vác lúa ở Nhà máy gạo Viễn Đông và hai nhà máy gạo người Hoa ở Chợ Lớn ngưng làm ngày 27 và 28 tháng 5, nhân công trong tám lò đường ở Nhị Bình bỏ việc ngày 1 tháng 7. Kết quả không đáng kể.

Đường sắt xuyên Đông Dương liệt bại

Ngày thứ Bảy mùng 3 tháng 7 năm 1937 đình công tại các công xưởng xe lửa Trường Thi (Bắc Trung Kỳ) để đòi tăng lương 30%, tuần lễ làm việc 40 giờ, trả lương ngày chủ nhật và ngày nghỉ lễ... Công sứ ở Vinh Gơraffơi can thiệp, cho bắt giam hai đại biểu công nhân. Buổi chiều, giờ tan tầm, thợ thầy kéo nhau thành đoàn tới toà công sứ đòi thả các anh em bị nhốt. Tòa công sứ cửa đóng then gài, họ ngồi trên bãi cỏ hầu như suốt đêm.

Ngày 6, trong số 985 công nhân Xưởng Trường Thi khoảng một trăm người có mặt, ban giám đốc quyết định đóng cửa xưởng trong 15 ngày kể từ ngày 8. Ngày 9, hai bên bắt đầu thương lượng hòa giải. Hai đại biểu bị bắt được thả và sẽ được thu nhận lại nếu bãi công chấm dứt. Nhưng bãi công đã lan xuống miền Nam : Ngày 10, không một chuyến tàu hỏa nào chạy qua đường Vinh, Tháp Chàm, Nha Trang, Sài Gòn. Hai nhánh đường sắt đi Đà Lạt và Mỹ Tho cũng ngưng để ủng hộ phong trào. Ở trạm Dĩ An và Sài Gòn, 881 người bãi công trong số 1192 nhân viên dân thợ. Ngày 11, bãi công toàn thể ở Đà Lạt. Bốn trong sáu số đại biểu của nhà máy xe lửa Trường Thi bị bắt; Nguyễn Văn Toan, thợ lắp máy, còn được tự do, gửi điện tín cho Bộ trưởng Mutê yêu cầu thả các bạn.

Ngày 12, một ủy ban hòa giải họp tại Sài Gòn, gồm có thanh tra lao động, hai kỹ sư và vài đại biểu công nhân. Sáu yêu sách được chấp nhận : tăng lương 15%, đi bệnh viện miễn phí và vẫn hưởng nguyên lương, bãi bỏ việc phạt do làm hỏng đồ nghề, bãi bỏ tiền khấu trừ nhà ở, thừa nhận vai trò các đại biểu, bãi bỏ loại « nhân công bấp bênh ». Nhưng hai bên không thỏa thuận được về vấn đề chính phủ nhìn nhận các nghiệp đoàn công nhân ở Đông Dương theo luật 1884 [114], hoàn toàn tự do về báo chí và thu nhận lại mấy anh thợ máy bị đuổi việc vì đã ngừng một chuyến xe lửa ngày 24 tháng 6. Bãi công đến ngày thứ mười, thống đốc Nam kỳ Pagies tỏ cùng toàn quyền Bơrêviê trong một bức điện thế nầy : « Rất tiếc không có một phần tử nào trong số những người bãi công đủ tư cách để có thể thảo luận về những yêu sách của họ. » Giọng điệu tương đối khách quan đó phải chăng có nghĩa rằng ông ta mong muốn những đại biểu của những người bãi công được thừa nhận với một qui chế hợp pháp? Nhưng Bơrêviê không nhượng bộ.

Từ ngày 15 trở đi, sở Xe lửa thu nhận hàng trăm người tuyển mộ mới, rồi cuộc bãi công bị rời rạc đi. Ngày 16, sau khi ủy ban hòa giải họp một lần nữa, các đại biểu cam kết sẽ trở lại làm việc nếu được hứa hẹn tăng lương, hàng tháng làm việc 25 ngày như các nhân viên thư ký, và các đại biểu bị bắt ở Trường Thi phải được thả. Nhưng hai công nhân Bắc Kỳ hăng hái đã bị sa thải, bãi công lại tiếp tục.

Ngày 5 tháng 8, toàn quyền Bơrêviê nhất quyết từ khước việc thừa nhận các đại biểu, việc ban hành luật về nghiệp đoàn và việc thu nhận lại những người thợ bị đuổi việc trong tháng 6.

Đường sắt liệt bại từ mồng 3 tháng 7 khởi đầu giao thông trở lại ngày 9 tháng 8. Tranh đấu bị thất bại. Hàng trăm người bãi công mất việc. Anh em lao động Hoa Kiều ở Sài Gòn đã ủng hộ những người bãi công nay bị

đuê đến trạm trung chuyển Xóm Chiếu rồi bị trục xuất trên con tàu đầu tiên nhổ neo.

Sự thất bại của công nhân đường sắt tiêu biểu thoái trào làn sóng bãi công năm 1937. Tại Nam Kỳ, lác đác đó đây vài cuộc tranh đấu vẫn còn nổ ra đòi tăng lương : trong tháng 8, khoảng 500 phu khuân vác thuộc các hãng người Hoa chuyên về vận tải thuế quan Sài Gòn nghỉ việc; cuộc đấu tranh của 60 thợ trong bốn trại cưa Long Xuyên được thắng lợi; cuộc đấu tranh của 500 thợ thuyền và phu trong các xưởng trại thành phố kết quả các anh em bị đuổi được vô làm trở lại lại ; tháng 10 ở Lái Thiêu (Thủ Dầu Một) 150 thợ cưa ngưng việc; 300 phu làm ở các công ty Sôcôny và Texacô ở Nhà Bè đình công. Vào tháng 11 phu bến tàu làm bại liệt cảng để phản đối việc bắt giữ hai người trong bọn họ, hai người nầy đã phản đối việc cảng thu nhận một nhóm công nhân vào làm để phá cuộc đình công.

Cuối 1937, Bộ trưởng Mutê ghi :

> Tôi thừa nhận phần lớn các cuộc bãi công ở Đông Dương là chính đáng, song những người cộng sản xu hướng Trôtski đã duy trì và phấn khích phong trào đó trở nên gay cấn.

Theo báo *Tranh Đấu*, từ ngày 1 tháng 8 năm 1936 tới ngày 1 tháng 2 năm 1937, ở Đông Dương nổ ra 242 cuộc bãi công thợ thuyền, 56 bãi công nông dân và công nhân nông nghiệp, 23 bãi công thương nhân và 7 bãi công nhân viên thư ký. Những cuộc bãi công này ít kết quả chỉ rỏ không còn ai tin tưởng vào những ý định cải cách của chính phủ Bơlum-Mutê, chính phủ này được toàn quyền Bơrêviê thay mặt ở Đông Dương, một vị toàn quyền kiên quyết không thỏa thuận cho giới công nhân Đông Dương một chút quyền tự trị nào.

Mặc dù vậy, với những tiếng hô « Mặt trận bình dân muôn năm! », những người cộng sản theo phái Stalin vẫn lãnh đạo lối hai chục đoàn nông dân tuần hành biểu tình trong các tỉnh Gia Định, Chợ Lớn, Mỹ Tho, để đòi bỏ thuế thân và phản đối việc qui chế hóa về thuốc lá. Mutê lo sợ dân chúng đồng lòng không nộp thuế bèn ban hành một sắc luật ngày 22 tháng 10 năm 1937, khẳng định trừng phạt từ 3 tháng đến 2 năm tù, một khoản tiền phạt từ 1000 đến 10.000 forăn.

Tổng quát

Như một làn sóng xung kích, « Tháng 6 năm 1936 » giai cấp thợ thuyền chính quốc bãi công chiếm nhà máy được thắng lợi thành công, với thái độ thiện ý của người đứng đầu chính phủ là Lêon Bơlum, người đảng xã hội, tất cả những cái đó đã làm rung chuyển đế quốc thuộc địa Pháp.

Chính phủ L. Bơlum lật đật thực hiện một vài biện pháp làm dịu tình hình. Tại Đông Dương, đạo luật ân xá ban hành ngày 27 tháng 8 đã thả ra khỏi ngục tù trên ngàn tù chính trị, chủ yếu là những người bị bắt những năm 1933 và 1935. Toàn quyền Rôbe bị cách chức ngày 9 vì hắn chống hẳn ân xá. Bộ máy thống trị thực dân vẫn nguyên vẹn, với thế lực kinh tế của nó, sở mật thám vẫn là rường cột của nó. Bọn thống trị thuộc địa trì hoãn, chúng thi hành chậm chạp đạo luật ân xá, và đồng lược bày thêm nhiều cách cưởng bách những người được ân xá, như quản thúc hoặc đôi khi vẫn lưu lại trong tù.

Hồi tháng 8 năm 1936, Mutê quyết định cử một phái đoàn nghị viện điều tra về những nguyện vọng dân chúng ở các thuộc địa. Tin ấy xúc động không những giới tư sản lập hiến mà đến cả giới thợ thuyền, phu phen và nông dân nghèo. Mọi người đều tưởng tượng sẽ có một phong trào phỏng vấn rộng rãi, một Đại Hội Đông Dương tập trung mọi nguyện vọng... Nhóm Tranh đấu tổ chức tập hợp cơ sở trong các nhà máy và trong các làng mạc để thảo luận về vấn đề ấy. Đó là nguyên nhân thành lập các ủy ban hành động, cấp bách bị cấm đã chuyển thành các ủy ban bãi công. Bởi dưới chính phủ Mặt trận bình dân ở Pháp, ở đây không có chi nhút nhích, đồng lương không theo kịp giá sinh hoạt cao, dân nghèo vẫn lầm than đói kém.

Giới thực dân phản động thúc ép, chính phủ Bơlum-Mutê không ban hành chi cả ở Đông Dương, trong những quyền tự do của chế độ cộng hòa gọi là quyền dân chủ, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập hội, biểu tình. Chính phủ Mặt trận bình dân không chấp nhận quyền thợ thuyền lập nghiệp đoàn (quyền ấy ở Pháp giai cấp tư sản đã thừa nhận cho giai cấp thợ từ năm 1884) và cũng không nhìn nhận đại biểu công nhân. Chính phủ đó chỉ nặn ra được bản luật Lao động quá thô sơ ngày 30 tháng chạp năm 1936.

Nếu cánh hữu ở nghị viên Pháp lấn áp Lêon Bơlum phải đưa đơn từ chức chính phủ của mình ngày 22 tháng 6 năm 1937, không phải vì ông ta đã ban bố một vài cải cách ít oi tại các thuộc địa (người kế tục Bơlum là Sôtăng, vẫn giữ ông Mutê ở bộ Thuộc địa). Ở Đông Dương, sở mật thám vẫn không ngừng đàn áp hoành hành : ở Nam Kỳ từ ngày 1 tháng 6 năm 1936 tới ngày 14 tháng 10 năm 1937 có tới 161 vụ án chính trị

phạm hoặc bỏ tù vì « ngăn cản quyền tự do lao động ».

Lần đầu tiên từ Bắc chí Nam, mấy trăm ngàn thợ, cu li đồng đứng ra bãi công, gây rúng động ché độ đế quốc thực dân toàn cỏi Đông Dương.

XIV
Đế quốc đàn áp mặt trận Tranh Đấu tan vở 1937

Phong trào nghiệp đoàn và chính trị hỗn loạn

Ngày 26 tháng 3 năm 1937, Đảng Cộng sản Đông Dương phát hành chỉ thị về tổ chức mới (công nhân) của Đảng : « Chúng ta muốn có những tổ chức ái hữu tương tế mạnh mẽ hơn là những công hội đỏ (hiểu là các nghiệp đoàn) theo đuổi nghiêm túc một mục đích cách mạng nhưng chỉ tập hợp một nhóm nhỏ người ».

Đấy là một bước lùi trong lúc mà hầu như ở khắp nơi những ủy ban hành động đã đặc biệt tiến hành một cách bất thường. Khá nhiều ủy ban bãi công lộ mặt trong các xí nghiệp. Phái cộng sản đối lập, xu hướng Trôtski, thâm nhập phong trào gây được niềm tin tưởng nhất là trong tầng lớp lao động thanh niên ở bốn chục nhà máy và công xưởng, trong giới công nhân bốc xếp ở cảng, trong sở thủy binh Ba Son, Xưởng pháo binh, Đường Sắt, Đường Xe điện, Công ty FACI (Lò rèn, Công xưởng, Công trường Đông Dương), Bưu điện, Hãng Đông Á, Xưởng chế tạo Cao su, Công ty Điện Nước, trong các nhà in Poctail, Acđe, Uynion, trong ba trại chữa xe ô tô lớn trong thành phố. Ở Chợ Lớn : trong giới công nhân nhà máy Rượu Đông Dương, giới cu li vác lúa gạo các nhà máy gạo Hiệp Xương, Đức Hiệp, Hàng Thái, Viễn Đông; tại các tỉnh : trong hảng vét kinh Mỹ Tho, các lò gốm, lò gạch, lò đường ở các tỉnh Gia Định, Thủ Dầu Một, Chợ Lớn... Hoạt động về nghiệp đoàn của họ lan tới trung tâm các tỉnh lỵ Mỹ Tho và Trà Vinh.

Ngay từ tháng 2, trong lúc làn sóng bãi công dân lên mạnh mẽ không thể đàn áp nổi, sở mật thám ghi : Ảnh hưởng các phần tử cách mạng theo Đệ tứ Quốc tế đã tiến triển ở Nam Kỳ, nhất là trong giới thợ thuyền khu vực Sài Gòn-Chợ Lớn. Thợ thuyền gia nhập phái xu hướng Trôtski nhiều hơn theo Đảng Cộng sản Đông Dương.

Tổ chức Liên ủy Thợ thuyền do những người Đệ tứ hoạt động bí mật thành lập, triệu tập hội họp chiều thứ Bảy ngày 29 tháng 5 ở Bình Hòa, ngoại ô phía Bắc Sài Gòn, tại nhà Bà Thạnh Thị Mậu, mẹ Nguyễn Kim Lượng, người cảm tình. Đại biểu thợ 44 xí nghiệp thảo luận về điều lệ tổ chức Liên ủy, bổng nhiên mật thám ập vào bắt đi 62 chiến sĩ trong đó những người huy động chủ yếu thuộc xu hướng Đệ tứ như Đào Hưng Long, Tạ Khắc Triêm, Võ Bửu Bính, Võ Thị Vân (bạn đời của Lư Sanh Hạnh)... Khi được thả ra, họ tiếp tục thảo luận và sẽ đứng ở vị trí trung tâm các cuộc bãi công như trước khi họ bị bắt. Ngày 22 tháng 6, theo sáng kiến của Trần Văn Thạch, 45 người trong số đó lại tập hợp và bầu ra một ủy ban sáng lập nghiệp đoàn tại số 133 phố Lagơrăndierơ.

Về phía cộng sản theo Stalin, Nguyễn Văn Tạo cũng đứng ra tổ chức một ủy ban nghiệp đoàn, tại số 34 phố Alơsasơ- Lôren từ ngày 19. Trong tuần sau, ở Hà Nội và Hải Phòng mổi nơi một ủy ban tương tự xuất hiện .

Ngày 10 tháng 7, ngày mà dân thợ Xe lửa Sài Gòn bãi công cùng công nhân đường sắt xuyên Đông Dương, sở mật thám đóng cửa trụ sở hai ủy ban nghiệp đoàn sau khi khám soát và bắt bớ các ủy viên.

Bộ trưởng Mutê ghi :

> Kết quả các cuộc bãi công cũng là tạo thuận lợi cho việc thành lập công hội thợ thuyền. Nhưng mục đích thực sự của các tổ chức ấy không phải là để bênh vực những người làm công ăn lương. Những hội mới thành lập đó nhằm tạo cho phái cộng sản xu hướng Trôtski nắm được toàn giới thợ thuyền.115

Liền theo đó, mật thám bắt bớ hàng loạt. Ngày 24 tháng 7, khi nghiệp đoàn bí mật ở Công ty chế tạo Cao su quyết định đình công đoàn kết ũng hộ cuộc chiến đấu dân thợ Xe lửa, ba anh bạn khởi xướng bị bắt. Trong nhà một anh, mật thám tóm được nhiều báo bí mật xu hướng Trôtski như tờ Liên hiệp, Tiền Quân (tên mới báo Thợ thuyền tranh đấu) cùng là tờ Quần chúng (đối lập chống Stalin từ Paris gởi về). Bảy chiến sĩ Đệ tứ liên can lọt vào lưới mật thám. Cũng trong đêm đó, như không có gì xảy ra, truyền đơn nhóm Bônsơvic-Lêninit tán thành Đệ tứ Quốc tế rải khắp vùng Sài Gòn - Chợ Lớn kêu gọi thợ thuyền hưởng ứng tổng bãi công. Nhưng người ta đã

thấy toàn quyền Bơrêviê đã hấn chìm mọi phong trào đòi tự quyết như thế nào rồi.

Rạng đông ngày 2 tháng 9 năm 1937, mật thám lại vây ráp trong giới Đệ tứ và những người cảm tình ở Sài Gòn.

Trong số đó có Tạ Khắc Triêm, cựu thư ký sở Ba Son, anh cùng chị Võ Thị Vân và Kiều Công Quế (trưởng kíp trạm xe lửa Sài Gòn), đã thừa cơ thâm nhập cuộc bãi công dân thợ đường sắt xuyên Đông Dương đang tiếp diễn, gây dựng các nhóm tán thành Đệ tứ Quốc tế ở Bắc và Trung Kỳ. (Ở Quảng Ngãi, huyện Mộ Đức và Đức Phổ, mật thám đã thu nhiều tờ báo Tranh Đấu và báo Thợ thuyền tranh đấu (Lutte Ouvrière) từ Paris chuyển về, một truyền đơn của nhóm Tranh Đấu về việc ly khai giữa phái Stalin và phái Trôtski, cùng tập sách nhan đề Vụ án M*oscou*).

Ngô Văn Xuyết cùng bị bắt hôm ấy, tập Vụ án M*oscou* anh xuất bản sau khi ra tù hôm tháng 6 bị cấm lưu hành liền sau đó. Khi mật thám khám nhà Nguyễn Văn Soi (trước đây làm thợ tập sự ở Sở Ba Son) tìm thấy bộ đồ vật in truyền đơn bằng xoa xoa và những truyền đơn, trong đó có tờ Hiệu triệu của Liên đoàn thợ thuyền Sài Gòn-Chợ Lớn.

Ngày 9 tháng 9, tòa tiểu hình xử 27 ủy viên hoạt động trong hai ủy ban sáng lập nghiệp đoàn vì tội « lập hội bất hợp pháp » : Nguyễn Văn Tạo và 6 người cộng sự, cùng với Trần Văn Thạch, Lê Văn Thử, Võ Thị Vân, Đào Hưng Long và Nguyễn Văn Cử bị kết án 2 tháng tù ngồi; Nguyễn Văn Số được tha bổng, còn các bạn anh bị án từ 15 ngày tù ngồi tới 2 tháng tù treo. Tòa thẩm án ngày 30 tháng 11, hủy phạt tù, chỉ phạt tiền : Tạo và Thạch mổi người 50 fơrăn, mấy người khác nhiều lắm là 25 fơrăn.

Lịch sử chính thức của Hà Nội khi nói về phái Đệ tứ thành lập ủy ban sáng kiến nghiệp đoàn, viết thế nầy :

Bọn thực dân lại cho Trần Văn Thạch, Nguyễn Văn Số v.v... lôi kéo một số người lập ra Ủy ban sáng kiến công hội, đặt trụ sở số nhà 133 đường Lagơrănđierơ ở Sài Gòn để chống lại Ủy ban sáng kiến nghiệp đoàn của đảng ta. Phần đông thợ thuyền đều nhận rõ bản chất phản động của Trần Văn Thạch và Nguyễn Văn Số nên không theo bọn chúng.[116]

Tác giả sách đó vu khống như thế cũng chưa đủ, anh ta chỉ thông báo án tù treo phạt Nguyễn Văn Tạo và các đồng chí anh ta, không một chữ về Trần Văn Thạch và Nguyễn Văn Số.

Ngày 18 tháng 11, tòa xử các chiến sĩ nghiệp đoàn xu hướng Đệ tứ hoặc cảm tình, bị giam từ hôm 24 tháng 7 và 2 tháng 9. Lê Văn Oánh, Dương Văn Tư, Nguyễn Văn Tiền, Nguyễn Văn Mẫn, Đoàn Văn Trương và Tạ Khắc Triêm bị kết án 1 hoặc 2 năm tù giam với 5 hoặc 10 năm biệt xứ; Nguyễn Văn Nho, Nguyễn Văn Trọng, Dương Văn Tương và Nguyễn Văn

Soi, 6 tháng tù. Qua tháng giêng năm 1938, tòa thẩm án giảm án; Trương và Tương được tha bổng.

Bước đầu ly khai, tháng 6 năm 1937

Sau khi Thâu, Ninh và Tạo bị bắt hồi tháng 9 và 10 năm 1936, trong báo Tranh Đấu phần đông trong bộ biên tập là những người xu hướng Trôtski, họ công kích thẳng tay Mặt trận Bình dân đã phá hoại Đông Dương Đại Hội, không giữ lời hứa hẹn cải cách, giảm giá đồng bạc làm quần chúng thêm bần cùng khốn khổ, bao che những vụ đàn áp địa phương, đa số viên chức phản động vẫn được duy trì địa vị; chỉ một mình toàn quyền Rôbe bị cách chức. Những người theo phái Stalin hoảng sợ trước chỉ trích Mặt trận bình dân một cách răn rỏi. Ngày 17 tháng chạp năm 1936, họ viết cho bộ biên tập lá Thư tỏ thái độ không liên minh với những người xu hướng Trôtski nữa rồi họ bắt đầu tẩy chay tờ báo Tranh Đấu.

Xem xét trên phạm vi quốc tế, mặt trận hiệp nhất giữa phái xu hướng Trôtski và phái theo Stalin trong nhóm Tranh Đáu càng tỏ ra thật là nghịch lý. Ở Môskơva những người Nga đứng về phía Trôtski đều bị lên án như rắn lục độc bỉ ổi, bị giam, bị đày, bị giết, vậy làm sao mà những người đồng xu hướng Trôtski ở Đông Dương lại thoát khỏi Stalin lên án ? Một vụ án Môskơva thứ hai gọi là « Vụ án 13 người » vừa kết thúc vào sớm ngày 1 tháng 2 năm 1937, xử bắn mười ba người, trong có Rakôpski, Piatakôp và một số đảng viên kỳ cựu đảng Bônsơvic. Họ bị lôi xuống bùn trước khi bị giết. Chưởng lý Vysenski cáo họ đã âm mưu cùng Trôtski.

Báo Chiến Sĩ lại xuất hiện

Tuy nhiên Tạ Thu Thâu và các bạn anh vẫn duy trì thống nhất què quặt với phái Stalin trong nội bộ nhóm Tranh Đấu. Vì thế mà ngày 23 tháng 3 năm 1937 Hồ Hữu Tường lại tái bản tờ Chiến Sĩ, « cơ quan bênh vực giai cấp vô sản và chiến đấu theo chủ nghĩa Kac Mac », với tiêu đề « Vô sản toàn các xứ tổ hiệp lại! ». Tờ báo nhắc lại nguyên tắc thống nhất mặt trận theo ý Trôtski: đi riêng mà đánh chung kẻ thù. Nhóm Tranh Đấu cùng Đông Dương Đại Hội đều trái hẳn nguyên tác ấy. Tờ báo tố cáo Stalin lừa dối trong vụ án mới ở Môskơva, đăng lại « Di chúc của Lênin » trong đó Lênin gọi các đồng chí đề phòng thái độ quá tàn bạo của Stalin. Có bài giải thích lại lý luận cách mạng thường trực của Trôtski.

Ngày 1 tháng 6, tờ báo vạch ra những nét lớn về chính phủ Bơlum

hoạt động trong 12 tháng qua : ngân sách 30 tỷ dự bị chiến tranh; giải tán đảng « Ngôi sao Bắc Phi »; phong tỏa Êspa-nhơ và cấm các đội Echiến sĩ tình nguyện sang bảo vệ cách mạng Êspa-nhơ. Vào tháng 3, cảnh sát do Đotmoy (phái xã hội) chỉ huy bắn quần chúng công nhân biểu tình chống bọn phản động ở Cơlisy, 5 người chết và 150 người bị thương. Cảnh vệ lưu động bắn dân thợ đình công ở Mêtlaoui và M'adilla (Bắc Phi), 21 người chết và hàng trăm người bị thương. Ở Pháp, báo chí cách mạng bị tịch thu; tại Đông Dương, bãi công bị đàn áp, phát biểu chính trị bị đe dọa...

Đảng Cộng sản Đông Dương, để phù hợp với những nghị quyết của Đại hội 7 Quốc tế Cộng sản, đứng ra vận động nhằm xoa dịu tình hình xã hội : Đảng đề xướng thành lập Mặt trận dân chủ Đông Dương, một khối tập hợp mọi giai cấp chỉ đòi những quyền tự do tư sản, không còn nói đến chủ nghĩa đế quốc Pháp, đến giải phóng dân tộc, cũng không còn gợi tịch thu ruộng đất để chia cho dân cày.[117]

Cuộc vận động này kéo dài đến tận tháng 8 năm 1939 (nghĩa là cho đến khi có hiệp ước Hitler-Stalin). Tháng 3 năm 1937, Nguyễn An Ninh bênh vực trên báo Tranh Đấu một ý tưởng tương tự, nhưng luận điệu có hơi khác đôi chút : « Một tập hợp rộng lớn của quần chúng Đông Dương chống lại phản động thuộc địa, một loại mặt trận nhân dân không phân biệt chủng tộc và giai cấp », trong đó anh mời tham gia cả hai đảng vô sản, các đại diện những tầng lớp trung lưu, những trí thức tán thành Đại Hội và cả những người Pháp lưu trú thuộc phái tả.

Tạ Thu Thâu buộc phải lên án cái khối đoàn kết đó : « Liên minh tranh đấu trên những điểm cụ thể, chúng tôi đồng ý. Đoàn kết nhập khối các giai cấp, chúng tôi không bao giờ nghĩ đến. »

Chính phủ thuộc địa đàn áp ác liệt đến mức là chỉ cần có tí báo động là « mặt trận bình dân Đông Dương » bị tan rã khi bọn tư sản tiến bộ rời khỏi mặt trận. Những phần tử tư sản này không làm cho chế độ thuộc địa hiện hành hoảng sợ. Nhưng họ lại bắt buộc chúng ta phải từ bỏ chương trình xã hội chủ nghĩa, từ bỏ triển vọng cách mạng. Nếu anh muốn có « mặt trận bình dân Đông Dương », nghĩa là nhập khối đoàn kết với những giai cấp khác, anh sẽ mất hết tự do của anh. Hỡi các bạn trí thức và các tầng lớp trung lưu, các anh chỉ tán thành thỏa ước để chiến đấu cụ thể thôi, chứ đừng tham gia các khối đoàn kết, các bạn sẽ tự do tiến thối trước cuộc đán áp của đế quốc, còn giai cấp công nhân sẽ tự do tiến lên khi các bạn cần trở mặt nhìn lại phía sau. Các bạn không thể lao vào những hoạt động riêng tư của thợ thuyền và nông dân, chính giai cấp vô sản đóng vai trò chính trong phong trào dân chủ [thực sự].

Đến đây chính là lúc chúng ta gửi lời chào từ biệt nhà cách mạng cao thượng Nguyễn An Ninh. Không tưởng vĩ đại của anh đã rời bỏ anh. Mặt trận dân chủ nhân dân Đông Dương đã thu hút anh. Anh sẽ ủng hộ sổ liên danh của phái theo Stalin trong cuộc bầu cử hội đồng quản hạt tháng 4 năm 1939. Tạ Thu Thâu vẫn giữ tình bạn với anh và ở bên cạnh anh luôn tại ngục Côn Đảo vào năm 1943 khi anh phải vượt qua ngưỡng cửa âm giới vào năm 43 tuổi.

Nhưng chúng mình hãy trở lại năm 1937.

Cuộc bầu cử mới vào hội đồng thành phố Sài Gòn, tháng 4 năm 1937.

> Tháng 2 năm 1937, Hội đồng tham chính quốc gia ở Hà Nội khẳng định hủy quyền hội đồng thành phố Nguyễn Văn Tạo, Tạ Thu Thâu và Dương Bạch Mai, cuộc tuyển cử mới cho ta thấy lần hợp tác lần cuối cùng giữa hai phái Đệ tứ (xu hướng Trôtski) và Đệ tam (xu hướng Stalin) trong một cuộc vận động chung. Chương trình của họ bao gồm cải thiện đời sống thợ thuyền, nhân viên, viên chức, tiểu thương; phổ thông đầu phiếu cả nam lẫn nữ; quyền tự do nghiệp đoàn; các quyền tự do dân chủ; quyền triệu tập Đông Dương Đại Hội; ân xá toàn bộ...
>
> Quần chúng sục sôi trong thành phố, dân thợ Sở Ba Son phát bãi công ngày 6 tháng tư. Theo sở mật thám cuộc bãi công này « đặc biệt cho thấy rõ ảnh hưởng của nhóm Tranh Đấu trong quần chúng thợ thuyền Sài Gòn. »

Ngày 21 tháng 4, tại cuộc họp về tuyển cử ở rạp hát Thành Xương do Phan Văn Hùm chủ trì, những người Pháp có chân trong đảng xã hội đứng ra ủng hộ mấy anh hội đồng thành phố bị hủy chức. Dân chúng dự thính chào mừng nhiệt liệt. Trong số 1515 phiếu bầu, Thâu được 765 phiếu, Tạo 735 và Mai được 715, ba người đắc cử, thắng phái lập hiến. Như vậy ảnh hưởng của nhóm Tranh Đấu vẫn không bị suy xuyển đối với các tầng lớp trung lưu ở Sài Gòn, mặc dù họ cổ động truyên truyền nhằm hướng bênh vực thợ thuyền rõ rệt.

Thắng lợi của họ là một sự thử thách mới đối với chính quyền thực dân. Qua tháng 5, bọn thống trị tống Thâu và Tạo vào Khám Lớn (lúc đó Thâu đang đi vận động ở miền Tây). Ngày 19, hai người bị cáo âm mưu lật đổ chế độ hiện hành căn cứ vào những bài đăng trên tờ Tranh Đấu từ ngày 9 tháng 11 năm 1936 ! Sở mật thám lại truy tầm Ninh, anh sẽ bị bắt vào ngày 5 tháng 9.

Cuộc chia rẽ

Trong khi Nguyễn Văn Tạo và Tạ Thu Thâu đồng bị giam, Gitton đầu phân bộ thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, viết cho phái Đệ tam ở Sài Gòn đang cộng sự ở báo Tranh Đấu :

> Paris, ngày 19-5-1937
>
> Chúng tôi xét rằng không thể nào tiếp tục hợp tác giữa Đảng và những người xu hướng Trôtski, theo các chỉ thị [ở Môskơva] chúng tôi đã nhận được để truyền lại các đồng chí, về thái độ đối với những người xu hướng Trôtski ở Đông Dương. Chúng tôi đã nhận được bức thư của đồng chí Văn Nguyễn cũng vẫn nói về tình hình ở Đông Dương và sự hợp tác với những người theo Trôtski. Chúng tôi sẽ chuyển bức thư trên về Nhà [Môskơva] kèm theo ý kiến riêng của chúng tôi.
>
> Bí thư, Gítton.

Thế rồi ngày 29 tháng 5, phái Đệ tam ở Sài Gòn vội tung ra tờ báo Tiền Phong (L'Avant-garde), tiếng Pháp, trên báo đó họ vang vọng theo Môskơva, coi những người xu hướng Đệ tứ Quốc tế là « anh em sinh đôi với chủ nghĩa phát xít »:

Tại Hội nghị toàn thể Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Sô, ngày 3 tháng 3 năm 1937, trong diễn văn đồng chí Stalin của chúng ta đã nhận xét rằng chủ nghĩa Trôtski không còn là một trào lưu chính trị trong giai cấp thợ thuyền nữa như bảy tám năm về trước. Chủ nghĩa Trôtski là bạn đồng minh, là tay sai của chủ nghĩa phát xít.

Tờ Chiến Sĩ phản ứng tức thời, trong số báo ngày 1 tháng 6 đăng tiêu đề « Những người theo Trôtski là anh em sinh đôi của chủ nghĩa phát xít. Ở nhóm Tranh Đấu những người theo Stalin và những người theo Trôtski là anh em. Vậy những người theo Stalin phải chăng là những người anh em của những người anh em sinh đôi của chủ nghĩa phát xít hay không ? ».

Ngày 12 tháng 6, tờ Tiền Phong đăng một bức thư của Nguyễn An Ninh công kích tờ Chiến Sĩ về vấn đề Mặt trận bình dân.

Được thả tạm thời vào ngày 7 tháng 6, Tạo đề nghị với Thâu một thỏa thuận hợp tác mới mà Tạo cho rằng còn có thể thực hiện được và rất ước mong miễn là Thâu ngưng công kích Mặt trận bình dân ở chính quốc. Hai hôm sau, Thâu trả lời cho Tạo đề nghị : Bên phía Thâu và đồng chí sẽ ngưng công kích chính phủ Bơlum-Mutê trong vòng ba tháng, sau đó nếu



Tạ Thu Thâu

như chính phủ đó vẫn khước từ ân xá, tự do chính trị, tự do nghiệp đoàn, và không thanh trừng những viên chức phản động ở đây thì sẽ tiếp tục công kích lại. Thâu vừa dứt lời, Tạo và bạn đồng đảng dứt khoát bỏ đi. Thế là việc ly khai hoàn tất và từ đây Thâu và các bạn tự do chỉ trích trong tờ Tranh Đấu.

Báo Tranh Đấu, tiếng nói của Đệ tứ Quốc tế

Thế là từ nay tờ *Tranh Đấu* có thể phô bày những bất đồng sâu sắc với Đệ tam Quốc tế. Tờ báo xuất bản dưới biểu trưng Đệ tứ Quốc tế và cách mạng thế giới (quả địa cầu có làn chớp xẹt qua).

Cuối tháng 6, dưới mục « Huấn luyện về chủ nghĩa Kac Mac theo quan điểm chúng ta », tờ báo bắt đầu đăng Lịch sử Quốc tế Cộng sản và những nghị quyết bốn Đại hội dầu tiên (từ 1919 đến 1922). Vào tháng 7, tờ báo phản ứng lại những Vụ án Môskơva, đăng toàn bài văn «Tôi tố cáo! » của Trôtski, trả lời những điều vu khống của phái Stalin. Bài nầy những người tổ chức mít ting đọc tại quảng trường đua ngựa ở Niêu Yok trước 7 ngàn thính giả ngày 9 tháng 2 năm 1937.

Nhưng cũng trong thời gian ấy, tờ báo tiếp tục tố cáo những vụ bê bối ở địa phương, những thói tàn bạo của cảnh sát, của chủ tỉnh này hay khác, những tham nhũng của địa chủ này điền chủ nọ, đưa ra ánh sáng chẳng hạn như tên cướp đất Lê Quang Liêm. Tờ báo tường thuật chi tiết về vụ tước đoạt đất lối 1500 nông dân, nạn nhân của bọn cho vay cắt họng, do Trần Văn Thạch điều tra tại các tỉnh Rạch Giá và Long Xuyên, sau khi Tạ Thu Thâu trao những đơn nông dân bị cướp đất này thỉnh nguyện thống đốc Nam Kỳ. Kết quả duy nhất là những người kêu nài bị quở đã giao thiệp với một ông « hội đồng cộng sản » rồi người ta đuổi họ ra khỏi phòng giấy.

Những người Đệ tứ xác định không hờ hững đối với các vấn đề nông thôn. Trôtski đã từng nhắc nhở vấn đề ấy là quan trọng dường nào cho những môn đệ đầu tiên ở Nam Kỳ từ năm 1930. Song bởi họ đến chậm trong môi trường nông thôn, nơi mà đảng Thanh Niên - trước khi hóa thành Cộng sản - đã hoạt động từ năm 1926, họ bị phái Dệ tam vu khống rằng họ « miệt thị nông dân ». Vả lại nhóm rất ít người, họ chỉ có thể vất vả thâm nhập vào nông thôn không ngoài một phạm vi nào đó.

Ngày 11 tháng 7 năm 1937, Ban Bí thư Đệ tứ Quốc tế xem kinh nghiệm tờ báo thuộc mặt trận thống nhất đã quá thời, khuyên nhóm Tranh Đấu nên tiếp tục xuất bản như một cơ quan tập hợp quần chúng, vừa bênh vực một cách cụ thể từng trường hợp những người bị bóc lột nhiều nhất, như cu li, thợ thuyền và dân cày, và phổ biến những mục tiêu xúc cảm (ân xá, yêu

sách kinh tế, chấm dứt những vụ bê bối về đất đai), tờ báo cũng vừa thực hành trọn quyền chỉ trích đối với xu hướng và hành động của phái Đệ tam ở địa phương. Tờ Chiến Sĩ phải xuất bản trở lại, chuyên chú về giáo dục chính trị, trình bày những vấn đề cơ bản. Để đối phó với đàn áp, mà người ta có thể lường trước là sẽ mở rộng, Ban Bí thư khuyên nên giữ lại một số tối thiểu người phụ trách bộ máy bí mật, về tổ chức, về in ấn.

Mặc dầu bị tịch thâu và bị cấm, những sách phổ thông bằng chữ quốc ngữ vẫn tiếp tục ra đời như Ngày 1 tháng 8 và nạn đế quốc chiến tranh, Vì sao ủng hộ Mặt trận bình dân Pháp ? Biện chứng pháp phổ thông của Phan Văn Hùm...

Ở Paris tờ Quần Chúng (Masses) cùng Quốc tế IV (IVe Internationale) ủng hộ nhóm Tranh Đấu. Hoàng Quang Dụ, Nguyễn Văn Tư và các bạn phát hành tờ Quần Chúng ngày 15 tháng 9 năm 1936. Họ là những người bị loại khỏi phân bộ thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp vì họ phản đối các Vụ án Môskova đầu tiên (19 tháng 8 năm 1936), và chống lại sự thoái hóa cải lương của Đệ tam Quốc tế. Những chiến sĩ cảm tình này liên hệ với nhóm Tranh Đấu, họ có thể thông tin ở Pháp về những cuộc bãi công và những vụ đàn áp ở Đông Dương dưới thời chính phủ Mặt trận bình dân.

Tờ Quốc tế IV, nguyệt san của Nhóm người Đông Dương xu hướng Trôtski ở Paris, ra đời ngày 1 tháng 10 năm 1937. Tờ báo giải thích Đệ tam Quốc tế đã chủ trương như thế nào với cái luận thuyết « chủ nghĩa xã hội trong một xứ một », phản lại chủ nghĩa quốc tế vô sản và cuộc đấu tranh giai cấp, khi Quốc tế Đệ tam buộc những đảng cộng sản phải ủng hộ chính sách sáp lại gần một số đế quốc.

Tờ Quốc Tế IV tháng 11 viết :

Đảng viên Đệ tam Quốc tế thúc đẩy quần chúng An Nam ủng hộ nhóm đế quốc « dân chủ » chống lại khối Đức-Ý-Nhật. Họ quên mất rằng cái từ dân chủ, lá cờ tam tài và bài quốc ca Macsâyde đối với người An Nam cũng tương đương như những vụ cướp bóc, ám sát, và bóc lột của đế quốc Pháp ở Đông Dương.

Cuộc đàn áp ập xuống, không phân biệt xu hướng Stalin hay Trôtski

Ngày 2 tháng 7 nạm 1937 Tạo và Thâu, bị buộc tội từ tháng 5, nay bị kết án mỗi người hai năm tù, nhưng vẫn được tự do trong thời gian kháng cáo.

Ngày 8, hôm trước cuộc bãi công Đường sắt xuyên Đông Dương ở Sài Gòn, mật thám lục soát tòa soạn báo Tranh Đấu, truy tầm Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, Phan Văn Chánh tại trụ sở Ủy ban sáng kiến nghiệp

đoàn và lùng bắt nhiều người, trong đó có Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn và Trần Văn Hiển thuộc tờ báo Tiền Phong.

Thống đốc Pagies vừa mới chấp thuận trao toàn quyền cho sở mật thám trực tiếp được tiến hành mọi sự lục soát và bắt giam khi xét thấy cần thiết.

Thâu theo chân Tạo vào tù ngày 22 tháng 7 (là ngày thứ mười ba dân thợ Đường sắt xuyên Đông Dương bỏ việc). Ngày 11 tháng 8, tòa thượng thẩm xác quyết mổi người 2 năm tù ngồi cộng thêm 10 năm biệt xứ.

Ngày 17 tháng 9, nhóm Tranh Đấu cùng nhóm Tiền Phong lại ra tòa. Các bị cáo bãi thực làm reo từ hôm 30 tháng 8. Người ta chở Thâu trên cáng từ nhà thương Chợ Quán đến tòa, còn Số quá yếu không thể ra tòa có trạng sư Vivies thay thế làm đại diện cãi cho, đòi hủy bỏ sắc luật ngày 4 tháng 10 năm 1927 « âm mưu lật đổ chính phủ bằng con đường báo chí » và khiếu nại cho đạo luật 1881 được thi hành trở lại đối với báo chí. Thâu và Tạo lại bị kêu án 2 năm tù 10 năm biệt xứ, Số, Quang, Hiển, 1 năm tù 1 năm biệt xứ.[118]

Vào tháng 11, Hội người An Nam viết báo ở Nam Kỳ thông báo với Nguyễn Thế Truyền - đang là chủ tịch Liên hiệp Thuộc địa ở Paris - về chế độ bê bối tấp nập báo chí tiếng An Nam dưới chính phủ Mặt trận bình dân. Họ thông tri rằng nhiều tờ báo không còn xuất bản, hoặc bị cấm, hoặc bị đình chỉ, như các tờ báo Thần Chung, Trung Lập, Dân Nguyện, Việt Nam, và các tạp chí Phụ Nữ Tân Văn, Phong Hóa, Ngọ Báo, Hồn Trẻ, Khỏe, Tiếng Trẻ, Nhành Lúa, Tương Lai, Nữ Lưu Tuần Báo, Thế Giới tân văn, Đuốc Nhà Nam ....

Năm 1937 chung kết với vụ án Nguyễn An Ninh. Anh bị bắt ngày 5 tháng 9 tại làng Long Hiệp (Chợ Lớn), rồi bị giải xuống Trà Vinh, ở đây quan tòa An Nam tống cho anh 5 năm tù, 5 năm biệt xứ. Anh bị cáo tham gia mít ting ban đêm trước hôm 2000 nông dân làng An Trường (Trà Vinh) biểu tình ngày 16 tháng 5. Chống án về Sài Gòn, án anh giảm xuống 2 năm. Anh cùng Tạo, Thâu và Số ngồi Khám Lớn mãi tới tháng 2 tháng 3 năm 1939 mới được thả. Thạch, Hùm, Chánh... tiếp tục tờ Tranh Đấu .trong khi Thâu vắng mặt.

Sau cuộc chia rẽ

Dư luận quần chúng xúc động khá lâu dài về vụ ly khai giữa nhóm Tranh Đấu. Tờ Tiền Phong làm cho họ choáng khi tuyên bố những người xu hướng Trôtski là anh em sinh đôi của chủ nghĩa phát xít.

Ngày 18 tháng 7 năm 1937, Honel nghị viên cộng sản ở Cơlisy tới Sài Gòn để ủng hộ tờ báo trên và tán đồng việc ly khai, vừa biện hộ Mặt trận

nhân dân Đông Dương mà phái Đệ tam đã đề xuất một năm trước đó mà không đạt kết quả. Hắn toan tính tập hợp các nhóm người Pháp thuộc đảng xã hội, phe mặt trận, phái cấp tiến, Hội nhân quyền, đảng lập hiến và cả những người dân chủ Đông Dương như Misên Mỹ (« con cọp Chợ Lách » kẻ tra tấn nông dân nổi tiếng), và tiến hành tổ chức ngày 27 tháng 8 một cuộc họp mít tinh để anh ta trình bày về « sự nghiệp của Mặt trận bình dân »; những ai phản đối, kể cả nhóm Tranh Đấu đều không được tham dự.

Cảnh sát đóng cửa rạp hát ở Tân Định, trước cửa rạp lao xao một số công chúng hỗn tạp trong đó người ta thấy có cả bọn Thập tự Lửa hỗn hào của đại tá La Rôccơ. Honel không biện hộ được cho Mặt trận bình dân. Về phần nhóm Tranh Đấu, họ đề nghị hoàn toàn khác hẳn, mục đích gặp gỡ nhau là để đòi toàn xá chính trị phạm, tự do nghiệp đoàn, quyền bãi công của thợ thuyền, ban bố khẩn cấp những quyền tự do dân chủ...

Vài ngày sau khi Honelơ tới Sài Gòn, Trần Văn Thạch viết một bài : Một nghi vấn lịch sử thợ thuyền Đông Dương : tại sao có sự chia rẽ giữa nhóm Tranh Đấu ? (báo Đuốc An Nam (*Le Flambeau d'Annam*) ngày 27 tháng 7, và báo *Tranh Đấu* ngày 22 tháng 8 năm 1937) :

Người ta biết nhóm La Lutte gồm những người xu hướng Trôtski, những người theo Stalin và một người không đảng phái là Nguyễn An Ninh. Ninh gần gũi nhóm sau hơn nhóm trước.

Từ tháng 10 năm 1934, lúc tờ La Lutte tái bản cho tới lúc Mặt trận bình dân lên chính quyền, những xu hướng khác nhau có thể dễ dàng tìm được mảnh đất thỏa thuận chống chế độ thực dân. Cho tới tháng 9 năm 1936, lập trường của nhốm La Lutte có thể tóm như sau: đợi xem hành động của chính phủ Bơlum. Chúng tôi muốn có những cải cách, chúng tôi luôn luôn đòi hỏi điều đó. Rồi tới việc tổ chức Đông Dương Đại Hội bị thất bại; Tạo, Thâu, Ninh bị vào tù. Dương Bạch Mai lên đường sang Pháp. Từ Pháp, Dương Bạch Mai viết thư máy bay về nhiều lược tỏ ý không tán thành việc công kích chính phủ. Đảng Cộng sản xét thấy điều đó là quá tệ. Người ta viết cho Mai đề nghị phải làm chi khác hơn là chạy chọt ẩn núp, phải đưa vấn đề Đông Dương ra trước công chúng Pháp, trong các mít ting, trên các báo chí. Mai chỉ viết vài bài báo rời rạc và cứ nói dông dài. Khi trở về Sài Gòn tháng giêng năm 1937, Mai tuyên bố phải ủng hộ Mặt trận bình dân, những người lãnh đạo báo Nhân Đạo (*L'Humanité*) [đảng Cộng sản Pháp] buộc làm như vậy. Đề nghị của Mai ít được hưởng ứng, các đồng chí của Mai theo phái Stalin không chán chường hưởng ứng đề nghị của Mai.

Mặt trận thống nhất giữa những người theo Stalin và những người xu hướng Trôtski tiếp tục trên cơ sở sau đây : 1. Chống đối chính phủ của Mặt

trận bình dân - 2. cáo giác những phần tử cấp tiến mặt trận thống nhất đó kéo dài cho tới cuộc tuyển cử Hội đồng thành phố (cuối tháng 4 năm 1937). Chỉ sau cuộc tuyển cử này, đảng viên Quốc tế Đệ tam mới quyết định ly khai. Chúng tôi, những người xu hướng Trôtski, chúng tôi có lòng duy trì mặt trận thống nhất, quyết nghị (mà chúng tôi đã đưa ra) chứng tỏ chúng tôi mong muốn vô cùng được thỏa thuận nhau : nhưng toan tính đó thật vô ích.

(Ở Paris), Đơlôsơ, trên báo Nhân Đạo ngày 9 tháng 7 tìm cách cứu các đồng chí của mình bằng việc kêu gọi đàn áp những người theo Trôtski : « Người cộng sản sẽ không ngần ngại tố cáo công khai những môn đệ Trôtski ở Đông Dương. Thế nhưng không có gì có thể giải thích được những vụ bắt bớ những người cộng sản như Tạo và nhà trí thức không đảng phái Nguyễn An Ninh, là những người luôn luôn đả kích chủ nghĩa Trôtski và ủng hộ Mặt trận bình dân. »

Đấy một cơn giận dữ quáng mù đã đưa bọn quan liêu thừa hành mệnh lệnh của Môskơva đi đến mức đê hèn như thế.

Honel còn ở Sài Gòn tới 12 tháng 9. Báo *Tranh Đấu* ngày 29 tháng 8 đăng bức thư của Gítton. Người thủy thủ Pháp có nhiệm vụ trao tài liệu ấy nhầm lẫn hai tên Tạo và Thâu, anh ta giao nhầm cho Thâu. Phái Đệ tam buộc tội những người Đệ tứ lấy cắp thư tín bí mật của họ là « đã trở nên một bọn lính kín tầm thường »... rồi họ cho phổ biến cái lập luận riêng của họ trong tập : « Vì sao nhóm La Lutte *chia rẽ ?* ».

Vào tháng 11, Dương Bạch Mai lao vào một vụ bịp vĩ đại trên tinh thần khuất khúc của Mặt trận dân chủ Đông Dương : anh ta tập hợp 3000 thính giả tại rạp hát Thành Xương, nói lại về những đơn « thỉnh nguyện » nhân dân Đông Dương và dự định sau đó tập hợp thành một Tập thỉnh nguyện của toàn dân để đệ trình lên Ủy ban điều tra nổi tiếng (không hề có). Làm như vậy anh ta sẽ không bị nhà lập hiến Bùi Quang Chiêu công kích. Một năm trước đó, Bùi Quang Chiêu đã tuyên bố sống sượng : « Tôi không hiểu tại sao người ta lại đi góp ý kiến của quân đầu đường xó chợ » (nói cách khác nghĩa là các ủy ban hành động cơ sở).

XV
Đảng Cộng sản Đông Dương dưới cờ Tam sắc 1938-1939

Năm 1938, người ta thường nghe câu vè dân gian *Tý hư Sửu hao Dần bất lợi*. Nạn đói tràn ngập nông thôn, năm 1936 bị hạn hán, năm 1937 nạn lụt, năm 1938 nạn sâu cắn lúa. Giá sinh hoạt vẫn ngày càng đắt đỏ. Nông dân, thợ thuyền, phu phen lâm vào cảnh khổ. Những cuộc bãi công lại lẻ tẻ nổ ra trong các xưởng thủ công, lò gạch, lò gốm, xưởng thủy tinh, xà phòng, vận chuyển đường sông, các xưởng sửa chữa...

Tại Sài Gòn-Chợ Lớn, thanh tra lao động vẫn ít nhiều đứng làm trọng tài các cuộc đối đầu giữa chủ và người làm công nhưng không hề can thiệp vào những vụ sa thải lạm quyền. Chẳng hạn như trường hợp nhà máy xay lúa Vạn Ich Nguyên chủ người Hoa hôm tháng giêng đã thô bạo đuổi 120 người phu, qua tháng 2, 400 phu khuân vác từ chối bốc dỡ những tải thóc, họ nhờ có anh em đội vận tải đường sông ủng hộ, gồm 300 chiếc thuyền bất động tại bờ ke, thế nên họ làm liệt bại hàng loạt nhà máy xay lúa to ở Chợ Lớn. Ba ngày bãi công là đủ để đạt được một mức lương tăng đáng kể.

Ở tỉnh, đôi khi các chủ tỉnh cũng muốn làm dịu tình hình, như ở Bến Tre đã thỏa thuận tăng 30% lương cho thợ cưa, còn ở Bạc Liêu, viên chủ tỉnh đã thả những phu sửa chữa đường từ Cà Mau đi Nam Căng bị bắt vì họ đình công.

Thợ thuyền, dân cày và phu vẫn tiếp tục tranh đấu đòi tăng lương, không những chống lại chủ thực dân và người Hoa bóc lột mà cũng đối đầu với chủ tư sản và điền chủ bản xứ. Thế thì lời kêu gọi của Đảng Cộng sản Đông Dương đoàn kết giai cấp trong Mặt trận Dân chủ Đông Dương dường như không ai nghe theo.

Tại vùng quê, tưởng chừng như tình hình đã êm dịu, thế mà vẫn còn vài trăm nông dân biểu tình vào tháng 8 tại tòa bố Chợ Lớn chống việc đấu thầu ruộng đất công ở Chợ Lớn và Cần Giuộc và đòi phân bố đất đai đó cho dân cày nghèo. Kết quả vài chục người bị bắt.

Vào cuối năm, tại tỉnh Bặc Liêu, nông dân đói lao vào cướp kho thóc, một cuộc nổi dẫy chất phác không đổ máu.[119]

Bộ máy đàp áp vận hành chậm chạp, không can thiệp đến mức triển khai hết cỡ dữ dội như những năm 1930-1931 nữa. Nhưng bao giờ trên bàn cân vẫn hai mức độ nặng nhẹ khác nhau! khoan hòa đối với bọn tước đoạt ruộng đất, và tàn ác đối với những nạn nhân nghèo đói. Trong khi những người cướp kho thóc bị án, có người bị tới 5 năm tù, thì tòa thượng thẩm xử một kẻ tước đoạt ruộng đất làm chết người, chỉ kết án ở mức tối thiểu : 3 năm cấm cố và 300 forăn bồi thường.

« Nước Pháp bị đe dọa tại Đông Dương »

Chế độ Hítler đe dọa ám ảnh mẫu quốc. Lêon Bơlum trở lại chính quyền ngày 17 tháng 3 năm 1938 với một chương trình phái tả, nhưng chỉ chưa đầy ba tuần lễ đã rơi, giai cấp thợ thuyền chưa có được thêm những lợi lộc mới nào. Mặt trận Bình dân không còn nữa. Ngày 9 tháng 4 Đalađiê thay thế Bơlum, cầm đầu chính quyền với một mình giai cấp tư sản, cho mãi tới khi chiến tranh bùng nổ.

Đất nước Mặt Trời Mọc tấn công Trung Hoa ngày 7 tháng 7 năm 1937. Quân Nhật chiếm đóng toàn bộ Bắc Trung Quốc từ tháng 3 năm 1938, rồi tới Quảng Châu từ tháng 10. Đảng viên cộng sản Pháp theo Stalin lên tiếng báo động trong *Tập san Bônsơvic* (Cahiers du Bolchevisme) số tháng 11-12 năm 1937. Dưới nhan đề quá lạm, « Nước Pháp bị đe dọa tại Đông Dương » Ma-nhien viết:

> Chúng ta thấy nguyên lý sau đây trong mọi cuốn sách giáo khoa ở nhà trường Nhật Bản : Liên minh Đông-Á của chúng ta cần đổi mới đời sống nhân loại. Vấn đề là phải hướng dẫn thế giới theo chiều đông phương một lần nữa. Để đi đến mục đích ấy, nước Nhật của những người dòng dõi Võ sĩ đạo và chính quyền Tướng

> quân - nghĩa là của hai đại thế tộc toàn quyền thuộc hai tập đoàn Mitsui và Mitsuibichi - đã dấn bước vào cuộc chiến tranh lớn chinh phục nước Trung Hoa. Từ đó, nước Nhật muốn tiến thêm nữa : chiếm những nước khác, đuổi người da trắng ra khỏi Châu Á - « Á Châu của người Châu Á », « Á Châu của người Nhật » -. Chúng ta phải chịu trách nhiệm trước sự thật và trước nhân dân Pháp mà nói rằng chính nước Pháp là nước đầu tiên lâm vào vòng nguy hiểm tại Đông Dương. Nước Pháp có lẽ bị tấn công trong nay mai tại Đông Dương.[120]

Sau khi Hônel qua Sài Gòn, Đảng Cộng sản Đông Dương nổ lực tuyên truyền Mặt trận dân chủ Pháp-Việt và đổi tên tờ báo chiến đấu công khai là *Tiền phong* ra *Dân Chúng* một cái tên báo vô hại.

Nối gót Tập san *Bônsơvic*, tờ *Dân Chúng* ngày 5 tháng 4 năm 1938 viết ;

> Hướng dẫn quần chúng nhân dân Đông Dương bảo vệ xứ sở của mình, làm cho họ sinh hoạt về chính trị, về xã hội và kinh tế; muốn vậy phải cho họ có những quyền tự do dân chủ cơ bản. Có như thế họ có thể dễ dàng vứt bỏ ảo vọng về công cuộc đổi mới thần kỳ dưới gót giầy ống của quân Phù Tang, và làm cho họ hài lòng cầm súng ống đứng bên cạnh người Pháp dân chủ (nguyên văn) như anh em chiến đấu chống lại chủ nghĩa phát xít của trục Berlin-Rôma-Bangkok-Tôkyô. Làm như thế không có ý nghĩa là mặc cả với đế quốc chủ nghĩa để lôi cuốn quần chúng vào cuộc chiến tranh đế quốc, theo như tờ Tranh Đấu nêu lên.

Vào tháng 5 năm 1938, chính phủ Đalađiê ra nghị định tuyển mộ 20.000 dân bản địa và tung ra một khoản công trái « phòng thủ Đông Dương » khoảng 33 triệu đồng.

Những người lập hiến Bùi Quang Chiêu và Lê Quang Liêm hô hào « Rồng Nam phun bạc ». Nguyễn Văn Tạo cùng Dương Bạch Mai hưởng ứng, động viên quần chúng đăng lính và đầu quân hàng loạt để ủng hộ « nước Pháp dân chủ chống chủ nghĩa phát xít Nhật » đang đe dọa. Trong một tờ truyền ngày 1 tháng 7, ban Trung ương giáo huấn đảng viên :

> Con mắt thèm thuồng của người Nhật đã dòm tới đảo Hải Nàm, trực tiếp đe dọa nền an ninh ở Đông Dương. Đứng trước tham vọng về lãnh thổ của bọn phát xít, Đảng Cộng sản Đông Dương tán thành những biện pháp [chính phủ] đã ban hành.[121]

Thế thì chính quyền thuộc địa trở thành một đồng minh khả dĩ của các môn đệ Stalin. Thậm chí trong Dảng Cộng sản Đông Dương một số đảng viên còn đề nghị chia nhỏ phiếu công trái 100 $ thành những tờ 10 $ và 5 $ cho dân nghèo có thể mua ! Một số đồng chí khác vẫn phản đối sự hợp tác với chính quyền thực dân và chỉ trích thái độ nhiệt thành quá đáng, bị đình chỉ công tác, như trường hợp của ba ủy viên tỉnh Cần Thơ hồi tháng 8 năm 1938. Ban Trung ương cảm thấy quần chúng chán ghét công trái bèn lên án các đồng chí tuyên truyền công trái quá nhiệt liệt, trong một tờ truyền ngày 6 tháng 8 năm 1938.

Ngày 2 tháng 10, Ban Trung ương gửi cho Xứ ủy Nam Kỳ :

> Các đồng chí đó (Ủy ban Cần Thơ) đã chất vấn chúng ta : nếu như chính quyền (thực dân) không ban hành các quyền tự do dân chủ cho chúng ta thì liệu chúng ta có phải ủng hộ họ trong cuộc chiến đấu chóng phát xít Nhật hay không? Chúng tôi trả lời : kể cả trường hợp đó, chúng ta hãy tiếp tục ủng hộ chính quyền. Nếu như chúng ta không làm thế thì lập trường của chúng ta cũng giống như lập trường của phái xu hướng Trôtski, là những người phản đối tăng cường phòng thủ đất nước.[122]

Ngày 1 tháng 4 năm 1939, tờ Dân Chúng (lúc này tờ Le *Peuple* ra bằng chữ quốc ngữ) viết: Môn đệ Trôtski tự bán mình cho Nhật Bản và chủ nghĩa phát xít : *Phái Đệ t*am hết sức lo ngại cho sự *còn mất* của nòi giống dân Việt Nam mà ủng hộ quốc phòng!

Nhóm Đệ tứ Tháng Mười xác định rõ lập trường của họ ngay từ tháng 5 năm 1938 :

> Chính sách Thời Báo của phái Đệ tam cổ xúy là hãy đứng vào hàng ngũ của chủ nghĩa đế quốc Pháp để ủng hộ xứ sở. Dân chúng xứ sở này không có tự do, không có đất đai, họ chẳng có gì mà bảo vệ cả. Chúng ta đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc Nhật cũng như chúng ta đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc Pháp; chúng ta đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc Pháp cũng như chúng ta đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc Nhật.
> Chúng tôi cổ xúy thành lập mặt trận thống nhất chống đế quốc tập hợp giai cấp vô sản Pháp, giai cấp vô sản Nhật, nhân dân các nước Triều Tiên, Đài Loan, Bắc Phi, và các thuộc địa khác. Trong thời kỳ chiến tranh, chúng ta phải đoàn kết đệ huynh giữa giai cấp vô sản cùng các dân tộc bị áp bức.[123]

Báo chí của nhóm Đệ tứ lên tiếng chống những khoản thuế khóa dự bị

chiến tranh, chống lại điều kiện sinh hoạt khốn cùng do các khoản thuế suất phục vụ chiến tranh gây ra.

Ngày 19 tháng 5 năm 1939 Phan Văn Hùm viết trên tờ *Tranh Đấu* :

> Chùng nào dân chúng còn đói nghèo khốn khổ thì họ chẳng có gì để mà bảo vệ. Người ta chỉ cho chúng ta thấy nào là ruộng vườn, đất đai, nào là nhà cửa... Nhưng một khi chúng ta đến gần những thứ đó mà nhìn thì chúng ta thấy cảnh rực rỡ, mĩ miều, của cải giàu sang, tất cả đều thuộc quyền sở hữu của giới đại tư sản. Trong mười loại thuế mới, có thuế đường và diêm, hai thứ sản phẩm tiêu thụ hàng ngày... « Phòng thủ quốc gia » ? Tại sao người ta lại dồn lên lưng của dân nghèo ?

Người ta thấy giá gạo tăng từ 5 đến 10 xu một lít, một kí lô thịt tăng từ 35 lên 70 xu; một mét vải bông từ 20 lên 40 xu. Dân chúng đắng cay châm biếm nói tới « hộp quẹt Đệ tam » khi bao diêm đã tăng từ 1 xu lên 1 xu rưỡi.

Ngày 20 tháng 5 năm 1939, trong một bức điện gửi Bộ trưởng Thuộc địa, toàn quyền Bơrêviê có lời khen lập trường của Nguyễn Văn Tạo :

Trong khi những người cộng sản theo Stalin đều đồng ý với Nguyễn Văn Tạo mà nhìn nhận rằng quyền lợi của quần chúng Việt Nam khiến họ gần gũi với nước Pháp thì những người xu hướng Trôtski do Tạ Thu Thâu dẫn đầu, không ngần ngại xúi dục dân bản địa nổi dậy nhằm lợi dụng một cuộc chiến tranh có thể nổ ra để dành tự do hoàn toàn.[123]

Thế nhưng thái độ xu hướng Tạ Thu Thâu lại đáp ứng cảm tình dân chúng. Dân chúng xưa nay ghét vụ bắt đi lính. Chiến dịch tuyển thêm 20.000 lính tập làm tăng thêm lòng thù hận đó. Những cuộc lộn xộn tại các trung tâm rút thăm, những vụ tự hủy hoại thân thể, tòa xử kêu án những người xúi dục không đi lính chứng tỏ lòng oán ghét trong dân chúng.

Vì đã ủng hộ việc « Phòng thủ Đông Dương » và nỗ lực phục vụ chiến tranh cùng với phái lập hiến mà phái Đệ tam sẽ bị thất bại trong cuộc bầu cử Hội đồng quản hạt tháng 4 năm 1939.

Báo chí chữ quốc ngữ tương đối tự do

Cuối năm 1938 sang đầu năm 1939 tại Nam Kỳ báo chí và xuất bản được nới lỏng đặc biệt : sắc luật Đalađiê ngày 30 tháng 8 năm 1938 cho báo chí chữ quốc ngữ được xuất bản không cần xin phép trước. Kiểm duyệt vắng

bóng, không thấy báo bị tịch thu, sắc luật Perriê hầu như bị lãng quên.

Những người Đệ tứ tăng gia nỗ lực vội vã vì e tự do tương đối này không kéo dài được bao lâu. Không đợi Tạ Thu Thâu ra tù, tờ *Tranh Đấu* - đến giờ là *La Lutte* toàn tiếng Pháp - từ nay ngày 9 tháng 10 năm 1938 bắt đầu ra bằng hai thứ tiếng. Báo tiếp tục bảo vệ quyền lợi thợ thuyền cùng nông dân nghèo đói đã đi cướp kho thóc trong tỉnh Bặc Liêu, Rạch Giá, Cà Mau, Sóc Trăng, đồng thời bày tỏ quan điểm đối với Môskova. Giờ đây tờ báo mang tiêu đề « Đã đến lúc phải tấn công chống chủ nghĩa Stalin trên môi trường quốc tế » (Trôtski). Mấy nhà xuất bản của nhóm này như Văn hóa Thơ xã đã cho ra tập sách của Tạ Thu Thâu : *Từ Đệ nhứt Quốc tế đến Đệ tứ Quốc tế.*

Nhóm Tháng Mười, với Hồ Hữu Tường, xuất bản tờ tuần san nghiệp đoàn *Thầy Thợ* ngày 27 tháng 10 năm 1938, được các chiến sĩ trong các cơ quan Bưu điện, Giáo dục, Công chính và Đường sắt ủng hộ. Vào tháng 9 năm 1938 lại cho tái cho tái bản tờ nguyệt san *Tháng Mười* đã vắng mặt từ các cuộc bắt bớ năm 1932. Tháng giêng năm 1939 tạp chí *Tháng Mười đ*ăng các điều lệ Đệ tứ Quốc tế, được công bố ngày 3 tháng 9 năm 1938 tại Pêri-nhy (Pháp). Qua tháng 2, đăng những luận thuyết về cách mạng thường trực áp dụng ở Đông Dương và một bản kêu gọi tất cả những chiến sĩ Đệ tứ rải rác ở Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ hợp nhất lại trong một đảng Đệ tứ Quốc tế. Nhóm Tháng Mười cho xuất bản sách chữ quốc ngữ trong bộ sách Tia Sáng như : *Quốc tế Cộng sản trong cuộc chiến tranh Tàu-Nhật, Phái Stalin và Liên bang Sô viết, Liên bang Sô viết năm 1937, Nếu không có Mặt trận bình dân, Tiến tới thành lập nghiệp đoàn, Từ chủ nghĩa Kac Mac tới chủ nghĩa hòa bình, Ai đã làm thất bại cuộc cách mạng Tàu* ?...Nhiều cuốn bị cấm.

Ngày 13 tháng giêng năm 1939, nhóm này tung ra tờ báo chiến đấu, *Tia Sáng*, nhắm tới các cuộc tuyển cử sắp tổ chức.

Các nhóm tổ chức chính trị gần gũi Đệ tứ thành hình ở Hà Nội, như nhóm Tia sáng đã đăng những bài chống chiến tranh trên tờ báo *Thời Đàm*, nhóm Chim Ưng đỏ xuất bản *Con đường thanh niên.*

Trong thời kỳ sôi nổi này, báo chí xu hướng Trôtski phát hành tại nhiều điểm : tại Bắc Kỳ có nhà sách Trương Văn Nha ở Bắc Ninh; tại Trung kỳ có các hiệu sách Vương Công ở Quảng Ngãi và ở Mỹ Liên ở Quy Nhơn; tại Nam Kỳ ở các nơi như Tân An, Bến Tre, Rạch Giá, Long Xuyên, Hà Tiên, Châu Đốc, Thủ Dầu Một, Sa Đéc, Sóc Trăng, Vũng Tàu, Biên Hòa, Tây Ninh, Bà Rịa...

Đệ tam và Đệ tứ đối đầu trong cuộc tuyển cử hội đồng quản hạt tháng 4 năm 1939

Lúc đó ở Sài Gòn người ta gọi Đệ tam những người theo Stalin và Đệ tứ những người theo Trôtski. Hai tháng trước ngày tuyển cử Hội đồng quản hạt, nhằm giáp Tết cổ truyền, ngày 16 tháng 2 năm 1939, Tạ Thu Thâu và Nguyễn Văn Tạo, ở tù gần mãn hai năm được thả. Nguyễn An Ninh được ra ngày 3 tháng 3. Nhóm Tranh Đấu-Đệ tứ Quốc tế và nhóm Dân Chúng (phái Stalin) đối thủ tại hai trong năm khu vực tuyển cử.

Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch và Phan Văn Hùm, trong khu vực Sài Gòn-Chợ Lớn, Tân An và Mỹ Tho; Trần Văn Sĩ, Nguyễn Văn Số và Phan Văn Chánh trong các tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Bà Rịa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh và Côn Đảo, họ ứng cử chống lại sổ phái tư sản lập hiến và sổ Mặt trận Dân chủ của Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn An Ninh và Dương Bạch Mai.

Nhóm Đệ tứ tập trung tuyên truyền cần thiết thành lập một « Mặt trận thợ thuyền và dân cày » chống chiến tranh, chống thành lập qũi quốc phòng, chống tăng các sắc thuế cùng là thuế cung cấp quân nhu, chống cưỡng bách tuyển mộ số lính tập bổ sung. Kể từ ngày 11 tháng 3, chừng ba chục nhà báo trong Hội nhà báo An Nam ở Nam kỳ, tập hợp do Phan Văn Hùm chủ tọa, tuyên bố hưởng ứng nhóm Đệ tứ.

Ngày 24 và 31 tháng 3, báo *Tranh Đấu-La Lutte* của nhóm Đệ tứ đăng bản chương trình tuyển cử, đề án cách mạng và một bản tuyên ngôn.

Bản Tuyên ngôn biện minh tại sao nhóm Đệ tứ tham gia cuộc tuyển cử : « Hội đồng quản hạt là một nghị viện trò hề chẳng có một quyền gì thuộc lập pháp và chỉ do một thiểu số bầu ra. Nhưng chúng ta không thể bỏ qua cơ hội đấu tranh này ». Bản Tuyên ngôn đả kích phái lập hiến là những kẻ thờ ơ với cảnh nghèo nàn, cảnh kẻ đói khát bị bóc lột, và đả kích phái Đệ tam là những kẻ thừa hưởng cuộc Cách mạng của Lênin và Trôtski nhưng đã phá hủy ngay thành quả. Bản Tuyên ngôn nhắc lại trách nhiệm các đảng viên cộng sản theo Stalin trong các cuộc đấu tranh thất bại của vô sản Đức năm 1923 và 1933, ở Êstôni năm 1924, ở Trung Quốc năm 1925-1927, ở Êspa-nhơ năm 1936-1939, tố trần các vụ án quái gở ở Môskova mà « giới lao động toàn thế giới đã nhận thức tính quái đản của trò ảo thuật ». Thế nhưng phái theo Stalin ở Đông Dương vẫn lập đi lập lại những lời vu khống do Môskova bịa ra. Họ cổ động « phòng thủ Đông Dương trong khuôn khổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và thống nhất quốc gia ẻ, phái Đệ tam toan biến những kẻ bị bóc lột ở Đông Dương trở thành vừa là công cụ vừa là nạn nhân của chính sách ngoại giao Nga.

Chương trình nhóm Đệ tứ cổ vũ thành lập một Quốc hội lập hiến Đông Dương theo lối phổ thông bầu phiếu, đòi ban hành những quyền tự do dân chủ và ân xá tù chính trị. Về mặt kinh tế xã hội, đòi tuần lễ làm 40 giờ có bảo hiểm xã hội, có trợ cấp thất nghiệp, đòi xây dựng trường học, bệnh viện, nhà ở rẻ tiền, đòi bảo hộ quyền lợi cho các tiểu viên chức, tiểu thương, tiểu thủ công, tiểu chủ; đòi hủy nợ và địa tô cho dân cày nghèo trong thời gian khủng hoảng; miễn thuế cho những nông dân có từ 5 mẫu trở xuống; phân đất công cho những người không có ruộng đất, bỏ thuế thân, bỏ thuế trâu bò, bỏ độc quyền về muối, thuốc lá và rượu, v. v.

Đề án cách mạng hướng tới xã hội chủ nghĩa quốc tế bao gồm những giai đoạn như sau: lập các Ủy ban nhà máy và Ủy ban nông dân để kiểm soát hoạt động của ngân hàng, các xí nghiệp kỷ nghệ, nông nghiệp, thương mại; sau đó quốc hữu hóa ngân hàng, kỷ nghệ nặng, các nông doanh lớn, vận tải và bưu điện, và giao cho giai cấp vô sản quản lý; phân bố đất đai của ngân hàng, Nhà Thờ và điền chủ cho nông dân nghèo; giao cho các Ủy ban nông dân nhiệm vụ triệt tiêu sự bóc lột phong kiến; chống chiến tranh, dự kiến thành lập lâu dài một Liên bang Sô viết Á Châu; thiết lập nền chuyên chính vô sản dưới hình thức một chính quyền do thợ thuyền và nông dân lãnh đạo.

Một chương trình như thế sẽ không được lòng nhiều cử tri (cử tri toàn là những người có đóng thuế), nhưng đắc cử hay không không hệ gì miễn là niềm hy vọng lớn lao được ăn sâu vào đầu óc quần chúng.

Ấp phích và truyền đơn hỗ trợ cuộc cổ động tuyển cử, tố cáo công trái và phản đối những khoản thuế mới và thuế suất để dự bị chiến tranh.

Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm và Trần Văn Thạch đắc cử mặc dù họ bị cấm họp mít ting; sổ « Mặt trận Dân chủ » của phái Đệ tam thất bại khắp nơi; những cử tri bất mãn đã quy họ là « đi theo chính quyền ».

Báo *Đông Phương* thả sức nói: ngày 31 tháng 5, lập lại bài học thuộc lòng, tờ báo lên án những người Đệ tứ là kẻ thù của giai cấp nông dân. Trôtski cổ xuý chuyên chính vô sản để trấn áp nông dân. Đệ tứ Quốc tế xúi dục nông dân chống lại giai cấp vô sản và chống lại cách mạng.[124]

Trong một tờ truyền đơn vận động tuyển cử, Đảng Cộng sản Đông Dương, lắt léo hai từ *địa chủ* để nói :

> Thâu, Hùm cổ xuý tịch thu ruộng đất và của cải của địa chủ. Hầu hết dân chúng ở xứ này chỉ sinh sống trong những thửa đất 5 mẫu hoặc 3 mẫu; nếu như người ta tịch thu của họ thì thử hỏi họ lấy gì để nuôi sống vợ con ?

Tờ *Tranh Đấu* ngày 2 tháng 6 lên tiếng thách thức ban biên tập tờ *Dân Chúng* và *Đông Phương* hãy đưa ra một tài liệu nào chứng tỏ nhóm xu hướng Trôtski có những sáng kiến kỳ lạ như thế. Rồi trong bài « Đệ tứ Quốc tế và giai cấp nông dân », những người Đệ tứ lại giải thích lập trường của họ :

> Mục đích Đệ tứ Quốc tế là lật đổ chế độ tư bản bằng cách mạng vô sản. Để đạt mục đích đó, giai cấp vô sản phải liên minh với một bộ phận của giai cấp nông dân, nghĩa là với những tiểu chủ và những nông dân nghèo.

Mặc dầu bị cấm lưu trú tại Sài Gòn, Tạ Thu Thâu vẫn được phép tham dự những phiên họp của Hội đồng thành phố và Hội đồng quản hạt. Ba anh hội đồng sổ Tranh Đấu đắc cử từ nay sẽ tiếp xúc được những tài liệu chính thức để dựa vào đó mà chống lại bộ máy cai trị thực dân. Đại Hội đồng Kinh tế đã bỏ thăm chuẩn y một khoản thu nhập phụ thêm là 10 triệu đồng cho quĩ phòng thủ quốc gia. Tờ *Tranh Đấu* cùng tờ *Tia Sáng* nhân đó tăng cường cổ động chống những khoản thuế mới và thuế suất để tăng số 10 triệu ấy, và tiếp tục tố cáo phái Đẹ tam hợp tác đồng lõa chính quyền thực dân.

Nguyễn Ái Quốc chỉ thị Đảng Cộng sản Đông Dương « thanh toán về chính trị »những người xu hướng Trôtski.»

Ngày 10 tháng 5 năm 1939, Nguyễn Ái Quốc sau này là Hồ Chí Minh, không vừa lòng khi thấy ảnh hưởng phái Đệ tứ lan rộng, liền phản ứng trước sự thất bại của Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong một bức thư - ký bí danh Line - từ Trung Quốc gửi về cho « các đồng chí thân mến » ở Bắc Kỳ, nói về « bộ mặt ghê tởm của chủ nghĩa Trôtski và của những kẻ theo xu hướng ấy ». Đó là một bức thư đầu tiên trong loạt ba « bài học » ngày càng gay gắt mà ít lâu sau đó đã được đăng trên tờ *Notre Voix* (Tiếng nói của chúng ta), tờ báo của phái Stalin ở Hà Nội. Vào tháng 7, trong một báo cáo cho Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc lại bày tỏ lòng trung thành với quan điểm của Môskơva :

> Đối với bọn xu hướng theo Trôtski, không thể liên minh cũng không thể khoan nhượng. Phải lột mặt nạ của chúng bằng mọi cách, coi chúng như tay sai của chủ nghĩa phát xít, phải tiêu diệt chúng về mặt chính trị.

Nếu ai đọc qua ba bức thư, thì hiển nhiên thơ đó kêu gọi ám sát những người theo xu hướng Trôtski. Đao thủ của Hồ Chí Minh sẽ tuân theo, họ sẽ hạ sát những người cách mạng tư tưởng theo Trôtski năm 1945, liền khi họ nắm được chính quyền.

XVI
Đàn áp và chiến tranh

Nàm 1939 đồng bạc lại mất giá - số bạc giấy lưu thông 250 triệu, nghĩa là 80 triệu hơn năm 1938 - , các sắc thuế má và thuế suất phục vụ chiến tranh gia tăng và do đó mức giá sinh hoạt cao thêm. Thợ và phu luôn luôn đòi tăng lương và đòi áp dụng qui chế lao động do chính phủ Bơlum ban hành. Ngoài những yêu sách kinh tế, mọi người thuờng xuyên đòi bọn cai và giám thị đang lộng hành bỏ thái độ vũ phu. Giới chủ Pháp, Hoa và An Nam vẫn cố cưỡng không thi hành các quyền lợi mà giới lao động đã giành được.

Ở Nam Kỳ từ đầu năm tính ra khoảng hai chục cuộc bãi công tương đối lớn : thợ giặt Sài Gòn, cu li các xưởng xà phòng Chợ Lớn, phu khuân vác trong các nhà máy gạo của người Hoa đòi tăng từ 15 đồng lên 20 đồng tiền công khuân vác một ngàn bao gạo; thợ thổi thủy tinh trong các xưởng làm ve chai, thợ cưa xẻ gổ ở Cần Thơ, Vĩnh Long, Trà Vinh, Chợ Lớn; thợ xếp chữ tại nhà in Têstơle; thợ đập đá ở Nước Ngọt... đều ngừng làm việc.

Ta dừng lại ít phút nhìn qua phu hốt rác và đổ thùng ở Sài Gòn bãi công. Đêm nào họ cũng phải đi đổ những thùng phẩn khắp thành phố. Theo báo *Tia Sáng*, ngày 18 tháng 5 năm 1939, phu sở thùng làm reo, họ đòi tăng lương 20%, hàng năm 10 ngày nghỉ có lương, khi ốm được vào bệnh viện và được trả lương, sấp đặt phòng nước tắm gội và phát xà phòng hàng tháng, không còn bắt bồi thường những mảnh kiếng đèn xe

bò của họ bị vỡ. Ngày 22, thanh tra lao động can thiệp, chủ sở thùng nhượng bộ mọi điểm trừ tăng lương. Ngày 7 tháng 7, họ lại bãi công đòi tăng lương, đòi trả tiền cho đêm bãi công đầu tiên, đòi nghỉ chủ nhật có lương và đòi công nhận các đại biểu. Quả là quá quất, và thế là 9 phu hốt rác và đổ thùng bị kêu án từ 3 đến 4 tháng tù vì « bạo động, bãi công không báo trước và xúi giục bãi công ».

Ngày 8 tháng 6, một cuộc bãi công kịch liệt hơn nổ ra ở Sở Ba Son, chỉ cần tranh đấu ngắn ngủi trong cơ sở Thủy binh này là có thể đạt được những điều đòi hỏi về tăng lương và hủy bỏ phạt bằng lối cúp tiền.

Ở Bắc Kỳ, cùng trong thời gian đó, khoảng 3000 nam nữ công nhân dệt và kéo sợi và 1000 phu bến tàu Hải Phòng bãi công.

Chính quyền thực dân trong tình trạng báo động phản công dữ dội, chủ yếu tấn công vào cơ quan đầu não phong trào chính trị. Không những báo chí và các tổ chức xu hướng Trôtski hay Stalin cũng như bất kỳ tờ báo nào có ý phê phán chính quyền; các liên hiệp bí mật của thợ thuyền và nông dân mà mật thám đã chú ý từ trước nhưng được thực dân dung túng, bấy giờ đều bị đối xử nghiêm khắc như nhau.

Trước hết ở Bắc kỳ, từ ngày 28 tháng 4 : Thái Văn Tam, Nguyễn Uyển Diễm và Bùi Duy Từ biên tập tờ *Thời Đàm* cũng xuất bản với biểu trưng của Đệ tứ Quốc tế. Tam bị kết án 5 tháng tù, mấy người kia 15 ngày tù, vì những bài báo phản đối chiến tranh đế quốc, nhất là trong số 7, họ kêu gọi thợ thuyền và nông dân nhằm mục đích trên, hãy tập hợp những « ủy ban nhân dân thống nhất trong một mặt trận đấu tranh cho cơm áo, tự do và dân chủ, những ủy ban mà khi có cơ hội thuận lợi sẽ trở thành Sôviêt, cơ sở một chính phủ công nông » (Thái Văn Tam sau nầy, thời gian chiến tranh, anh chết trong ngục ở Trung Kỳ). Ở Bắc Ninh, sách báo xu hướng Đệ tứ Quốc tế bị tịch thu.

Ở Nam Kỳ, cùng ngày cuộc bãi công nổ ra ở Sở Ba Son, mật thám đổ đi lục soát các nơi xuất bản báo chí Đệ tứ và Đệ tam, bắt Nguyễn Văn Quá quản lý tờ *Tranh Đấu*, Ganôpsky và Đào Hưng Long chủ nhiệm báo *Tia Sáng* và tạp chí *Tháng Mười*, Huỳnh Văn Thanh đứng tên báo *Dân Chúng*. Đồng thời mật thám cũng lục soát nhà Hồ Hữu Tường ở ĐaKao, sau đó ngày 10 và 14 tháng 6, khám xét hai nhà in trong thành phố và trụ sở tờ *Tranh Đấu* một lần nữa, tịch thu bản thảo tờ áp phích thông cáo chương trình tuyển cử tháng 4. Ngày hôm sau, mật thám gọi các ứng cử viên Đệ tứ trong cuộc tuyển cử hội đồng quản hạt đến sở xét hỏi về thái độ họ phản đối công việc chuẩn bị chiến tranh và phản đối lập quĩ phòng thủ Đông Dương. Tiếp theo là ba người bị bắt giam : Lê Chánh Đình ở tờ *Tia Sáng* ngày 26, rồi ngày 28 đến lượt Nguyễn Văn

Tiền, quản lý mới tờ *Tranh Đấu* và Phan Văn Hùm, người đã nhận trách nhiệm về tấm áp phích nói trên. Hùm tuyệt thực làm reo đến mức phải chở vô nhà thương Chợ Quán.

Trần Văn Thạch đánh điện tín cho Bộ trưởng Thuộc địa Manđel, cho Anđơrê Viôlis...:« Năm người quản lý báo, Phan Văn Hùm, hội đồng quản hạt, bị bắt. Chúng tôi phản đối đàn áp. »

Ngày 3 tháng 7, Văn phòng Paris bảo vệ các dân tộc thuộc địa (Marc Casati, Côlêttơ Ôđơry, R-J. Lon-ghê, Fêlixien Salâydơ, Đaniel Guêre, Rôbe Luxon, Giêra Rôsăntal, Lêon U-ét...) lên tiếng phản đối cùng Trần Văn Thạch. Chúng ta sẽ thấy Phan Văn Hùm tại vụ án xử nhóm Tranh Đấu ngày 5 tháng 10, anh tuyệt thực làm reo đòi tự do tạm thời không hieụ quả.

Cuộc đàn áp vẫn tiếp tục. Đêm 13 rạng ngày 14 tháng 7, trong khi nhóm Đệ tứ đang cho in 3000 bản tờ *Tranh Đấu* tại nhà in bà Diệp Văn Kỳ, mật thám sục đến tịch thu và bắt Phan Văn Chánh, Trần Văn Sĩ, Nguyễn Văn Nam và Cao Thượng Thinh, cộng tác viên mới.

Cũng trong đêm đó, người ta biểu tình trước dinh toàn quyền đòi ân xá tù chính trị, đòi hủy bỏ thuế thân, giảm các thứ thuế khác, tự do nghiệp đoàn và các quyền tự do dân chủ khác.

Ngày 4 tháng 8, Trần Văn Thạch, thư ký Hội người viết báo An Nam ở Nam Kỳ, chiêu tập các nhà báo, các ứng của viên trúng cử, các nhà trí thức, các đảng viên đảng Xã hội Pháp... để phản đối thái độ tàn bạo đối với báo chí sau một năm tương đối tự do xuất bản bằng bằng quốc ngữ. Ngày 27 tháng 8 họ nhóm nhau biểu tình tại khách sạn Naxion. Nguyễn Văn Sâm, lập hiến, lại lên tiếng mỉa mai sắc luật Perriê như một lưỡi gươm Đamôcơles thường xuyên treo lơ lửng trên đầu các nhà báo. Trần Văn Thạch tố cáo các vụ truy tố báo chí đang tiến hành và kêu gọi hành động cách mạng chống lại cuộc chiến tranh sắp tới.

Tờ *Tranh Đấu* bị tịch thu, các tờ báo cảm tình đón mời Tạ Thu Thâu cùng các bạn đăng bài trong tờ *Dân Mới*, *Sanh Hoạt* và *Sự Thật*. Trong khi đó nhóm BL (bônsơvic-lêninistơ) cho lưu hành bí mật tờ *Cách mạng*. Chủ nhiệm tờ *Dân Mới* là Phan Văn Thiết bị bắt rồi ngày 19 tháng 9 bị kết án 4 năm tù và bị tước quyền công dân vì tội thường lệ là « hoạt động khuynh phúc bằng con đường báo chí ».

Cuộc đàn áp cũng không tha những kẻ đã ủng hộ « phòng thủ Đông Dương »: một người viết báo *Dân Chúng*, bốn người viết tờ *Lao Động* đều bị kết án ngày 12 tháng 8, và tập sách *Phòng thủ Đông Dương* của họ bị tịch thu. Số phận trớ trêu thay.

Hiệp ước Hítler - Stalin và chiến tranh

Stalin vừa thay đổi phe phái đồng minh. Ngày 22 tháng 8 năm 1939, sứ giả Đức Quốc xã, Von Ribbentrôp tới phi trường Môskơva, ở đấy phấp phới cờ fát xít chữ vạn thập ngoặc. Liền trong đêm 23 rạng ngày 24 sứ giả ký với Môlôtôp một « hiệp ước Sô-Đức không tấn công lẫn nhau ». Thế là Hítler được rảnh tay.

Một hiệp định thư bí mật, sau này phát lộ trong vụ án Nuremberg(1945), phân chia giữa Đức và Liên Sô « những vùng ảnh hưởng tại Đông Âu », trong đó có gợi ý việc chia xẻ xứ Pôlôn.[125]

Ngày 1 tháng 9 năm 1930 quân đội quốc xã tiến vào Pôlôn. Ở Pháp và ở Đông Dương liền ban hành lệnh tổng động viên. Ngày 3, nước Pháp và nước Anh tuyên chiến với Đức. Ngày 17, quân đội Nga xâm nhập Pôlôn, một nước hầu như đã bại trận, rồi chiếm đóng miền đất phía Đông. Trôtski lên tiếng ngày 19 ở Mexicô như sau :

> Ngày nay quả là dễ hiểu các vụ án Môskơva - thủ tiêu những người bônsơvic kỳ cựu, cáo họ là hợp tác với quốc xã - chỉ là một trò hóa trang che đậy việc Stalin chuẩn bị liên minh với Hítler. Hồng quân được lệnh phải chiến thắng ở Pôlôn, thắng những kẻ mà Hítler đã đánh bại. Con sói ở điện Kơremlen đã buộc Hồng quân thi hành nhiệm vụ khốn nàn và trọng tội đó[126].

Ngày 25 tháng 9, Đảng Cộng sản bị cấm hoạt động ở Pháp. Ngày 28 toàn quyền Đông Dương hưởng ứng lệnh cấm đó, điều III của sắc lệnh đó nêu :

> Đều bị cấm lưu hành, phân phối, phát không, bán, bày ra nơi công cộng và việc lưu giữ nhằm mục đích phân phối, phát không, bán hay bày những bài viết có định kỳ hay không, những bản vẽ, và nói chung, mọi tài liệu truyền bá nhằm tuyên truyền những khẩu hiệu của Đệ tam Quốc tế và của những tổ chức có liên quan với nó.

Ngày 29, mật thám tiến hành vây ráp khắp nơi trong toàn xứ. Chỉ trong vài ngày 323 vụ lục soát; 2332 cuốn sách và 26316 ấn phẩm báo chí bị tịch thu tại nhà các chiến sĩ, trong các hiệu sách, điểm bán hàng và các nhà in [127]. Bị bắt giam 176 người, trong đó có 121 người theo phái Stalin và 55 người xu hướng Trôtski hoặc cảm tình.

Các nghị định giải tán ban ra như mưa sa : ngày 2 tháng 10 đến ngày 5, đầu là Hội các người viết báo,tiếp đó Hội ái hữu thợ giặt Bắc Kỳ, ủy

ban đại biểu công nhân khu vực Sài Gòn-Chợ Lớn... Những ngày 7 và 10 trong tháng đó, các tờ báo hằng tuần của nhóm Đệ tứ như *Tranh Đấu, Thày Thợ, Tháng Mười, Tia Sáng*; những tờ cảm tình như *Dân Mới, Sự Thật, Sinh Hoạt, Nhựt Báo, Hy Sanh* đều bị cấm. Cả đến những báo của phái Đệ tam như *Dân Chúng, Đông Phương* và những ấn phẩm khác.

Nguyễn văn Số, ho lao đang được tự do có điều kiện, bị tống trở vào khám lớn, rồi Trần Văn Thạch, Phan Văn Hoa, Hồ Hữu Tường cũng nối gót.

Nguyễn An Ninh bị bắt đầu tháng 10 năm 1939. Đến lượt Tạ Thu Thâu bị bắt ở Bangkok, cuối tháng 10, nơi anh đang chữa bệnh liệt một phần thân bên phải. Kế đó, cảnh sát ănglê giao Thâu cho mật thám Pháp. Đúng vào ngày 23 tháng 10, trong tù ba người Đệ tứ đắc cử Hội đồng quản hạt được tin cuộc bầu cử hội đồng của họ bị hủy.

Tại Phnom Pênh, khoảng hai chục người An Nam lưu trú (phần đông là người Nam Kỳ), trong đó có hai phóng viên báo *Tia sáng*, anh thợ sửa máy chữ Từ Văn Hơn và Ngô Văn Xuyết. Phần đông bị bắt ngày 4 tháng 10, tới cuối tháng bị trục xuất về Nam Kỳ. Riêng Xuyết lại bị giải về nhà tù Mỹ Tho.[128]

Đưa ra trước bồi thẩm người Ấn Độ quốc tịch Pháp - Xuyết bị hắn công kích bằng thứ ngôn ngữ hoa mỹ theo giọng chưởng lý Vysenski trong các vụ án Môskơva : « A ! trốt kít, bọn phá hoại! ». Qua tháng 11, Xuyết bị kết án 8 tháng tù vì tội « hoạt động khuynh phúc chính quyền ». Chứng cứ chỉ là một bức thư gửi cho bạn anh là Cảnh, trong có giới thiệu hai cuốn sách của Trôtski : *Cách mạng thường trực* và *Quốc tế Cộng sản sau Lênin*. Cảnh bị 6 tháng tù.

Cuộc đấu tranh chống chiến tranh tiếp tục

Những người Đệ tứ bí mật không tên tuổi vẫn tiếp tục hoạt động. Sau khi Trần Văn Sĩ bị bắt, các chiến sĩ ở Thủ Dầu Một tập hợp xung quanh anh và nhóm Quốc tế công nhân của Ngô Chỉnh Phến ở Gia Định đều gia nhập vào nhóm BL (Bônsơvic Lêninistơ), và tờ *Cách mạng* số 2 số 3 được phát hành. Bọn mật thám đặc biệt tìm mãi không ra nơi in ấn báo *Cách mạng*, nhưng chúng tịch thu được nhiều tài liệu tuyên truyền tại Cây Quéo, trong nhà của Đoàn Văn Trương, lập tức Trương bị bắt.

Ngày 10 tháng 9, những người thuộc nhóm BL phát truyền đơn cho lính tập ở Thủ Dầu Một, kêu gọi họ trở súng: « Chớ bắn vào những người bạn công nhân của mình trong hàng ngũ quân đội bên kia; hãy quay súng lại

bắn bọn đế quốc ngay trong xứ ». Họ thành lập những ủy ban từng ba người nhiệm vụ tuyên truyền ở tỉnh phản đối tuyển binh.[129]

Đấy là một vài trường hợp phản kháng tuyển mộ lính và những vụ đàn áp liên tục trong mấy tháng cuối năm 1939 :

Tháng 11, toà tiểu hình kêu án Lê Văn Tiêu và Võ văn Sai, 3 năm tù và 10 năm biệt xứ vì đã « tích cực tuyên truyền đồng bào chống Pháp, xúi giục họ khước từ nghĩa vụ và tuyên bố rằng cuộc chiến hiện tại không có liên quan gì đến người An Nam »; Lê Văn Cường ở Phú Nhuận (ngoại ô Sài Gòn) cũng bị cáo như thế đó, nhưng chỉ bị một tháng tù,« tòa chiếu cố đến những việc làm phải của bà nội Cường trước kia đã cống hiến nhiều cho địa phương »; bốn nông dân ở Tân Sơn Nhì và Bà Điểm bị án từ 8 tháng đến 2 năm tù vì đã chống đối việc bắt thăm đi lính.

Tháng chạp 1939, tòa kêu án Nguyễn Văn Tường 2 năm tù và 5 năm biệt xứ vì anh vận động thanh niên muốn đăng lính bỏ về ; và có khoảng 15 nông dân ở Phước Lai (Gia Định) bị án từ 1 đến 4 năm tù vì đã tham gia cùng 150 dân làng biểu tình phản đối mộ lính.

Các nhóm Đẹ tứ bị mất người dẫn đầu, thế nhưng « người ta vẫn tiếp tục không tham gia rút thăm đi lính ».[130] Ngày 7 tháng 11, truyền đơn phản đối đi lính rải khắp Sài Gòn - Chợ Lớn và trong tỉnh Gia Định, in bằng chữ nhà in. Lại có những truyền đơn in mực đỏ, luôn luôn vẫn chống tuyển mộ lính, xuất hiện ngày 12 tháng chạp 1939, rồi trong đêm 5 rạng ngày 6 tháng 2 năm 1940 lai tung ra tại Sài Gòn tại ngoại ô Gia Định và ở Thủ đầu Một.[131]

Tháng 11 năm 1939 nhiều tờ báo mới của nhóm Đệ tứ xuất hiện : *Tiếng Thợ, Công Nông, Cộng sản.* Trụ sở bí mật của họ bị lục soát ngày 26 tháng chạp 1939 và 23 tháng 2 năm 1940. Trong số những tài liệu mật thám tịch thu có : *Luận cương của nhóm BL, Lời kêu gọi của Ủy ban công nông chống đế quốc chống chiến tranh*, bản điều lệ của uỷ ban này và điều lệ Đệ tứ Quốc tế. Một trong bốn chiến sĩ bị bắt đang làm việc tại công ty dầu xăng Pháp-Á , một người khác làm ở Hội điện ảnh Đông Dương.

Ngày 3 tháng 4, tờ *Thư tín Đông Dương* còn ghi : « Truyền đơn như mưa rải trên các phố Forerơ Lu-i và Aras. Đó là những phần tử xu hướng Trôtski ».

Những vụ án

Những vụ xử án về « hoạt động lật đổ chính phủ » liên tục không ngưng từ hôm khởi đầu chiến tranh.

Ngày 5 tháng 9 năm 1939, bộ biên tập báo *Tia Sáng* bị kết án : Đào Hưng Long, Nguyễn văn Cương, Lê Chánh Đình, Nguyễn Văn Nam, ông

già Ganôpsky, bị án từ 2 năm tới 5 tháng tù giam, kèm theo 10 năm biệt xứ.

Ngày 13 tháng 10, đến lượt những người viết báo *Tranh Đấu* : Phan Văn Hùm, 5 năm tù; Phan Văn Chánh và Trần Văn Sĩ, 3 năm; Nguyễn Văn Quá và Nguyễn Văn Tiền, quản lý, 2 năm đồng như Trương Văn Hai, người phụng sự thường trực trụ sở của nhóm ở Mỹ Tho trong kỳ cổ động tuyển cử. Dĩ nhiên án tù vẫn kèm theo biệt xứ và tước quyền công dân như thường lệ.

Liệu năm 1940 kết thúc có bịt miệng được các nhóm chống đối hay không ?

Trong vụ án ngày 9 tháng 4 năm 1940, tòa xét xử 57 người « cộng sản » (trong đó có Nguyễn Văn Sâm, lập hiến), viên chưởng lý cố gắn ép một số bị cáo hối hận : với Phan Văn Chánh, người đã có bằng toán học ở Paris, hắn nói : Ông đã có điều kiện đạt được bằng cấp ở Pháp, thế mà ông lại muốn đuổi người Pháp ra khỏi xứ này? Rồi đến phiên Trần Văn Thạch : Người ta đã ghi là ông có những ý đồ chống đối dữ dội đối với chính phủ, có đúng thế không? Thạch trả lời : Tôi không có nói rằng không đúng như thế. Chưởng lý gặng tiếp : ông cho việc yêu cầu bãi bỏ qũy phòng thủ quốc gia không có gì là thái độ khuynh phúc chính phủ hay sao? Thạch đáp : Tôi nghĩ rằng xứ tôi quá nghèo không thể chịu nổi cái gánh nặng như thế.

Ngày 16, án quyết : Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, Hồ Hữu Tường và Phan Văn Chánh : 5, 4 và 3 năm tù; Nguyễn Văn Sâm và Võ Công Tồn : 3 và 4 năm; Nguyễn Thị Lựu và Nguyễn Thị Hai, bí danh Sóc : 3 năm. Tất cả đều bị kèm thêm biệt xứ 10 hoặc 5 năm và bị tước quyền công dân. Mấy người khác bị kêu từ 3 tháng tới 3 năm tù. Có hai chục người được tha bổng, trong đó có 14 thợ giặt. Hầu như tòa phúc thẩm chuẩn y hết các án.[132]

Ngày 24 tháng 4, tòa tiểu hình Sài Gòn ra lệnh xử kín, báo chí được rất ít tin tức về những vụ xử « cộng sản ». Tuy nhiên, ngày 23 tháng 5, vụ xử 82 phu đồn điền cao su Trảng Bom được mở công khai. Họ đã khước từ không ký kết một giao kèo mới, chỉ thế thôi, mà tòa kêu án 81 người 3 tháng tù giam. Một người phu đàn bà duy nhất bị cáo, tòa kêu án 2 tháng tù.[133] Các sản nghiệp làm việc quốc phòng đều được quyền quá đáng là giữ lại những người làm công khi giao kèo hết hạn.

Các tòa án quân sự thay phiên các tòa án dân sự, việc xử kín càng chặt chẽ, người ta chỉ được biết qua những nghị án tòa đưa ra (tuyên truyền chống đăng lính, tự hủy hoại thân thể...).

Ngày 17 tháng 6 - 1940, ở Pháp Pêten xin đình chiến, sẽ ký tại Rơthônđơ năm ngày sau. Tướng Catru - toàn quyền Đông Dương thay thế Bơrêviê từ tháng 8 năm 1939 - vừa mới cúi đầu trước Tokyo, nhận quyền

Nhật kiểm soát biên giới phía Bắc Bắc kỳ. Thế là Nhật đã đặt được bước chân đầu tiên vào Đông Dương. Ngày 25, khi bóng cờ của xứ Mặt trời Mọc phất phới trên mảnh đất địa cầu của đế quốc tam tài, đô đốc Đơcu thay thế tướng Catru.

Trong xứ đàn áp vẫn tiếp tục không ngưng. Chúng ta hãy lưu ý là vào tháng 7, năm người Đệ tứ bị bắt trong vụ lục soát báo *Tiếng Thợ* và báo *Cộng sản* đã bị kết án 3 và 5 năm tù kèm theo biệt xứ như thường lệ.

Nhiều tù chính trị cũ và mới vừa mãn hạn tù, những người xưa kia dính dáng « hội kín Nguyễn An Ninh », những chức sắc có uy tín các giáo phái chính trị Cao Đài và Hòa Hảo, hàng trăm và hàng trăm người « tình nghi » do mật tám xếp vào loại « những phần tử nguy hiểm cho an ninh công cộng », tất cả đều bị chuyển đến các trại tập trung tại Núi Bà Rá và Tà Lài (Biên Hòa) vùng rừng sâu nước độc, hoặc bị quản thúc tại các tỉnh lỵ, cảnh sát kiểm soát thường xuyên, vô phương sinh sống. Từ 1940 đến 1945, không cần xét xử, thống trị thực dân giam cầm hoặc tống vào các « đoàn lao động đặc biệt » (formations spéciales de travailleurs), tổng cộng 1757 « cộng sản » và 511 « quốc gia ». Đày đi lưu trú tại Nôtsi-Lava ở phía Bắc Mađagasca 17 người đạo Cao Đài[134], hai người Đệ tứ là Đào Hưng Long và Ngô Chỉnh Phến, cùng hai anh em Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn Thế Song, bị bắt ở Bắc Kỳ.

Thiếu ăn, lao, kiết lỵ, đối xử tàn tệ, nhiều người lưu đày bỏ mạng. Nguyễn Văn Quá, quản lý cuối cùng tờ *Tranh Đấu*, chết vì lao sau khi hết hạn ở Côn Đảo, kiệt sức đi không muốn nổi, anh tắt thở khi tới nhà. Nguyễn An Ninh - người đã nhờ Tạ Thu Thâu chuyển cho con trai anh lời cuối cùng của anh - qua đời năm 1943 vì kiệt sức. Trần Văn Sĩ cũng thế, bỏ mình trong ngục.[135]

Trong khi những người cộng sản xu hướng Trôtski bị tống xuống tàu ra Côn Đảo chung cùng những người cộng sản phái Stalin thì Trôtski bị một tên cuồng tín đao thủ của Stalin ám sát ở Mexicô. Đấy là vụ ám sát tiếp theo vụ ám sát hụt hồi tháng 5 do một họa sĩ người Mexicô : Alơfarô Sicâyrôs một kẻ cuồng tín khác.

« Tôi tin chắc Đệ tứ Quốc tế sẽ thắng lợi. Hãy tiến lên! », lời cúi cùng của Trôtski ngày 20 tháng 8 năm 1940, trong thời gian vài tiếng còn tỉnh táo, sau khi bị búa đập một loạt vào đầu (theo lời của Giôsêp Hănsen, người cộng tác thân cận hiện chứng kể lại).

Ngày 12 tháng năm 1939, một tuần lễ sau khi chiến tranh nổ ra, dường như Trôtski dự cảm sẽ bị thủ tiêu, nhận thức giới cách mạng vô sản đang bối rối trước tình trạng chiến tranh, Trôtski - trong khuôn khổ một cuộc tranh luận với các đồng chí người Mỹ (nhóm Sacman) - viết như sau :

> Cuộc chiến tranh đế quốc lần thứ hai đề cập một nhiệm vụ để tiến tới giai đoạn lịch sử cao hơn, nhưng nhiệm vụ ấy không ai giải quyết. Một lần mới nữa, chiến tranh chẳng những thử thách các chế độ tồn tại trong việc giữ vững quân bình, mà còn thử thách giai cấp vô sản có năng lực đứng lên thay thế các chế độ đó hay không. Kết quả của sự thử thách này có thể sẽ có một ý nghĩa quyết định cho chúng ta nhận định thời hiện đại là thời đại cách mạng vô sản. Nhưng, nếu trái ngược với mọi khả năng, trải qua tiến trình chiến hiện nay, hoặc liền ngay sau khi dứt chiến tranh mà không có một cuộc cách mạng tại một nước tiền tiến nào đó, nối tiếp truyền thống Cách mạng tháng Mười, và ngược lại, giai cấp vô sản thối bộ trên toàn các mặt trận và ở khắp nơi, khi đó thì chắc chắn chúng ta phải xem xét lại quan niệm của chúng ta về thời đại ngày nay và về những nguyên động lực của nó.[136]

Ngày 27 tháng 2 năm 1940, Trôtski thảo bản di chúc, trong đó có đoạn :

> Trong thời gian bốn mươi ba năm đời sống có ý thức của tôi, tôi vẫn là một người cách mạng, trong bốn mươi hai năm trong thời gian đó, tôi chiến đấu dưới ngọn cờ chủ nghĩa Kac Mac. Nếu như tôi phải làm lại từ đầu, dĩ nhiên tôi sẽ cố tránh những sai lầm này nọ, nhưng về đại thể cuộc đời tôi vẫn không thay đổi. Tôi sẽ chết như một người cách mạng vô sản, theo tư tưởng Kac Mac. Niềm tin của tôi vào nhân loại cộng sản tương lai không kém mãnh liệt chút nào, trái lại, tôi còn tin chắc hơn cả thời thanh niên của tôi. Cuôc đời sống đẹp làm sao. Mong sao những thế hệ tương lai quét sạch mọi cái ác, mọi áp bức và mọi bạo lực và sống vui đầy đủ.137

Thế nhưng áp bức và bạo lực vẫn còn dằng dặc biết bao nhiêu năm nữa: ở Đông Dương, chính quyền thực dân sau khi đàn áp ráo riết chống phá các phong trào cách mạng, những tưởng « đã lập lại trật tự » đế quốc lâu dài, nhưng đó chỉ là tĩnh lặng trước cơn bão tố.

PHẦN THỨ TƯ

DƯỚI ÁCH NHẬT BẢN CHIẾM ĐÓNG

1940-1945

XVII
Cuộc khởi nghĩa nông dân ở Nam Kỳ

Hiệp ước HItler-Stalin tháng tám 1939 biểu thị Liên Sô rời bỏ phe đế quốc « dân chủ », mà Stalin xét thấy quá yếu ớt. Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng về phía đường lối đối ngoại mới của Liên Sô, ngưng hợp tác với thực dân Pháp để « phòng thủ Đông Dương chống Nhật » và trở lại luận điệu chống đế quốc như trước năm 1935.

Ngày 6 tháng 11 năm 1939, ĐCS Đông Dương thay thế khẩu hiệu Mặt trận dân chủ bằng khẩu hiệu Mặt trận thống nhất các dân tộc Đông Dương chống đế quốc, rồi dự định cụ thể « chuẩn bị khởi nghĩa nhằm giải phóng dân tộc, để dựa vào Liên Sô, thành trì cách mạng thế giới, đấu tranh chống chiến tranh đế quốc, lật đổ đế quốc Pháp và phong kiến bản địa, dành lại độc lập cho Đông Dương và thiết lập một Liên hiệp Cộng hòa dân chủ Đông Dương. »[138] Cuộc cách mạng ruộng đất vẫn bị loại khỏi chương trình như dưới thời kỳ Mặt trận dân chủ.

Bỗng nhiên, bấy giờ ĐCS Đông Dương xem chế độ thuộc địa đã trở thành một chế độ « quân phiệt và cảnh sát », dường như từ trước đến giờ thực chất chế độ thực dân chưa hề là một nền độc tài mang cả hai tính chất cảnh sát và quân phiệt, mặc dù có đôi chút hòa dịu dưới thời Mặt trận bình dân. ĐCS Đông Dương mặc dầu bị tan vỡ nghiêm trọng khi chiến tranh nổ ra, đảng vẫn duy trì được một tiềm năng lớn ở nông thôn, thông qua mạng lưới cũ các Ủy ban hành động thành lập thời phong trào Đông Dương Đại Hội. Sự thay đổi về đường lối giúp ĐCS Đông Dương

tiếp xúc trở lại với quần chúng đã từng bị thất vọng vì chính sách trước kia của đảng là ủng hộ nỗ lực chiến tranh của đế quốc Pháp, họ vô cùng hận thù việc mộ thanh niên đi lính và đem binh lính An Nam ra khỏi xứ sở. ĐCS Đông Dương không hô hào đăng lính nữa mà từ nay vận động theo chiều hướng của quần chúng bất mãn, chống đối các loại thuế, phản đối sung công.

Đối với những người xu hướng Trôtski, trước cũng như sau hiệp ước Hitler-Stalin, cuộc xung đột giữa Đông Dương thuộc Pháp với Nhật Bản là một cuộc đế quốc chiến tranh. Thế nên đảng viên Đệ tứ Quốc tế chiến đấu chống đế quốc chiến tranh với triển vọng biến đổi đế quốc chiến tranh ra nội chiến cách mạng. Họ vẫn tuyên truyền theo hướng đó như trước nay, không thay đổi, mà họ cũng vừa kêu gọi đề phòng mọi hành động phiêu lưu, - theo lối đảng cộng sản phát khởi nông dân bạo động vũ trang trái thời cơ trong những năm 1930-1931.

Ngày 22 tháng 6 năm 1940, chính phủ mới ở Pháp do Pêten chũ trì, ký đình chiến với Đức. Đã thất bại ở nước họ, Pháp còn có thể làm gì để chống dân nổi dậy ở Đông Dương? Hai ngày trước đó, toàn quyền Catru đã cúi mình trước người Nhật khi họ bắt buộc để quân đội Nhật kiểm soát vùng biên giới Việt-Hoa chủ đích cắt nguồn tiếp viện quân Tưởng Giới Thạch. Tháng 7, Pêten cử đô đốc Đơcu - một kẻ kiên định phục vụ Pêten - làm toàn quyền thay thế tướng Catru.

Cũng trong tháng 7, Xứ ủy đảng cộng sản ở Nam Kỳ ấn định một lịch trình bạo động vũ trang, đồng lược chuẩn bị thành lập một « tư lệnh tối cao », tổ chức những « đội tự vệ » rèn luyện về chiến tranh du kích[139] và gầy dựng những ủy ban cơ sở để phát động tổng bãi công bạo động.

Ngày 22 tháng 9 năm 1940, quân Nhật tấn công Lạng Sơn, ba ngày sau, quân đội Pháp cùng lính bản xứ đầu hàng; ngày 26 lực lượng quân đội Nhật tiến vào Hải Phòng không gặp một trở lực nào rồi chiếm cứ Bắc Kỳ. Cũng trong thời gian đó, Xiêm chiếm hai mảnh đất Lào và một tỉnh Căm Bốt; từ tháng 10 nhiều cuộc xung đột bắt đầu rung chuyển bờ sông Mêkông, buộc chính phủ thuộc địa phải đưa quân ra vùng biên giới.

Cuộc bạo động

Xứ ủy Nam Kỳ quyết định phát động cuộc khởi nghĩa. Phải hành động trước khi các đảng viên trong hàng ngủ lính tập phải lên đường ra mặt trận. Cuộc khởi nghĩa được ấn định vào ngày 22 tháng 11 năm 1940 (Ban thường vụ Xứ ủy e rằng chuẩn bị vội vã sẽ đưa đến thất bại như trong những năm 1930-1931, nhưng rốt cuộc cũng đứng về phía đa số).

Xứ ủy lượng định các phương tiện đã chuẩn bị sẵn sàng, họ tiến hành công việc một cách sôi nổi nhiều tháng qua tại các tỉnh Gia Định, Tân An, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ và Long xuyên; chế tạo được vũ khí và đạn dược chuẩn bị cuộc bạo động vũ trang.

Đồng lược cùng quyết định về ngày giờ khởi nghĩa, các Tỉnh ủy nhận một bản « Tuyên ngôn của chính phủ lâm thời », chỉ rõ là sẽ lập ra không phải những Sô viết (chính quyền của giai cấp) mà là một Chính phủ nhân dân, đứng đầu Cộng hòa dân chủ Đông Dương.

Cuộc khởi nghĩa đáng lẽ phải phát khởi vào nửa đêm, một lược ở Sài Gòn và các tỉnh. Nhưng kế hoạch đã bị lộ: một ủy viên Thành ủy, Nguyễn Như Hạnh, giáo viên dạy tư, bị mật thám bắt vào hồi 11 giờ, lục thấy trong người có mang theo một bản tuyên bố kêu gọi nhân dân bị áp bức toàn Đông Dương nổi dậy chống bọn « phát xít Pháp, phát xít Nhật và quân đội Thái, chống bọn vua chúa bản xứ, để thiết lập một chính phủ cộng hòa dân chủ Đông Dương, liên quan với mặt trận kháng chiến Trung Hoa. »

Việc bắt giáo Hạnh kéo theo vụ bắt Tạ Uyên, người vượt ngục Côn Đảo, trong người có mang theo lá thư sau đây tỏ ý hơi lo ngại về tổ chức:

> Anh thầy,
>
> Chúng tôi đã làm như đã nhất định giữa chúng ta hôm nọ, tôi đề nghị có 10 ôtô để chở người, hai cái xe đậu tại phố Bình Hòa (kho chứa cao su), ba cái sẽ đỗ ở đường Bà Quẹo đi Chợ Lớn, tại bờ dốc bãi cỏ thấp mà anh đã biết, phía ngoài chợ; các xe ấy cần phải đậu tại chổ từ 11g đến 11g30; năm cái cần phải đậu tại chổ đã nhất định.
>
> Vấn đề chiến lũy
>
> Cái đó tùy những con đường lớn trong thành phố mà bày bố xây dựng lên. Chỉ có đường Gênêral Lizê và ngả tư Vécđon phải để một khoảng trống để dễ bề vận chuyển cứu cấp Khám lớn. Phải lập chiến lũy trên đường Vécđon phía trên đường Gênêral Lizê để cản ngăn pháo binh tới. Phải tổ chức một đoàn đao thủ đặng hành quyết thượng tá chỉ huy Đồn Ô Ma. Phải thiết lập chiến lũy trên đường Pêtrúys Ký (?) phía sau Đồn Ô Ma. Phải hạ sát thượng tá và trung tá tại nhà ở đường Vécđon.
>
> Xung lập chiến lũy trên đường Sasơlu Lôba để chiến đấu chống người Pháp nhà ở gần trại lính RTA bis. Khí giới đã sẵn sàng chưa ?
>
> Khẩu hiệu - Mổi nơi đều phải có những nhóm cứu tế, tốt hơn là dùng học sinh biết nói tiếng Pháp. Toàn cả khẩu hiệu trong thành đêu tùy những đồng chí quyết định. Lực lượng ta không mạnh mấy.

> Phải thận trọng và tiến hành có phương pháp.
>
> Vế thuốc độc, mình có hay không ? Nếu có thể dùng để bớt số người Pháp thì phải dùng loại nào có hiệu quả trong hai ba giờ sau.

Mật thám bắt Phan Đăng Lưu, một ủy viên Trung ương, tại gian buồng kề bên gian Tạ Uyên, trong một khách sạn ở Chợ Lớn. Cũng chiều hôm đó bắt giam Phan Nhung, thuộc Thành ủy Sài Gòn, làm đốc công trong trường Kỹ nghệ thực hành, cùng một anh lính tập tên Quí tại Đồn Ô Ma và khoảng một chục người tình nghi quanh vùng Sài Gòn - Chợ Lớn.

Bộ binh, thủy binh, hiến binh liền phát động sẵn sàng nghinh chiến. Các địa diểm trọng yếu đều có canh gác, tăng cường bảo vệ; đặc biệt những công xưởng quốc phòng FACI, sở Ba Son, sở Bưu điện, Khám Lớn. Mười hai tù chính trị trong đó có những người thuộc phái Stalin như Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai, Vũ Đình Hiếu và Bùi Văn Ngữ, và những người xu hướng Trôtski như Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, Phan Văn Hoa và Nguyễn Văn Quá, họ đang nằm điều dưỡng trong nhà thương Chợ Quán, nay lập tức họ bị tống trở về Khám Lớn. Trong tỉnh Biên Hòa, quân lính tiếp viện được chở tới các trại giam ở Núi Bà Rá và ở Tà Lài để ngừa tù nổi dậy, đồng thời tăng viện cả trạm chứa chất nổ ở Tân Mai.

Vào hồi 22 giờ đêm 22 tháng 11 năm 1940, dầu sao cuộc khởi nghĩa cũng phát động, đồng thời ở quanh phạm vi Sài Gòn - Chợ Lớn, trong các tỉnh Gia Định, Chợ Lớn, Mỹ Tho, Tân An, vùng ven Đồng Tháp Mười, nó bao trùm cả châu thổ sông Mêkông, các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ cho tới Sóc Trăng. Những người khởi nghĩa tấn công vào các cơ quan đại diện chính quyền ở Hóc Môn, Vũng Liêm, Tân Bình, bắn vào các đồn lũy quanh vành đai Sài Gòn - Chợ Lớn, đánh phá các bốt do cảnh binh An Nam đóng, đoạt súng ống. Họ thiêu đốt các nhà hội làng, nơi ban hương chức hội tề hội họp; hương chức làng và quan viên nào nổi tiếng tàn bạo đều bị hạ sát, hoặc bắt đem đi, súng ống bị tước đoạt, nhà cửa bị lửa thiêu ra tro.

Những người du kích cố ngăn chặn đường sá, kinh rạch, phá cầu, cắt đường giây thép và hủy mọi phương tiện giao thông; họ tấn công các đội lính tuần để cướp lấy vũ khí. Cuộc bạo động làm rung chuyển khắp miền Tây Nam Kỳ, cả những vùng nông dân đã từng nổi lên tranh đấu lớn lao và cũng bị đàn áp bạo tợn không kém trong những năm 1930-1931. Cuộc khởi nghĩa lan rộng tới các tỉnh Rạch Giá, Long Xuyên và Bặc Liêu từ cuối tháng 11 và chấm dứt bằng một ngọn lửa cuối cùng bùng lòa lên trong đêm 13 rạng 14 tháng chạp năm 1940, bốn chục quân khởi nghĩa tấn công đài hải đăng ở đảo Pulô Ôbi.

Cuộc đàn áp

Lệnh giới nghiêm tuyên bố. Lính tập An Nam bị giữ trong Đồn Ô Ma. Quân lính Pháp thuộc đội RIC (đội bộ binh thuộc địa) thứ 9 và 11, đội quân lê dương, không quân, cảnh binh, lính mật thám, được điều động tung ra chống đối đầu quân khởi nghĩa. Đồng Tháp Mười bị bao vây và ném bom. Nhiều làng bị cảnh sát quét liên thanh và cào sạch cả làng; các binh lính người Căm bốt hành quân tại các tỉnh phía Tây châu thổ, hiếp dâm và cướp bóc không bị trừng phạt. Cuộc khởi nghĩa bị triệt hạ bằng phương pháp đã được sử dụng mười năm trước ở Cổ Am (Bắc Kỳ) chống lại lính khố đỏ nổi dậy ở Yên Bái và ở Trung Kỳ chống lại phong trào Sô viết Nghệ Tĩnh. Tại tỉnh lỵ Trà Vinh, nơi Ngô Văn Xuyết bị quản thúc, ban đêm cảnh binh chuyên chở nông dân bị giết và bị thương chất đống trên xe cam nhông.

R. Bôsa, một chứng nhân người Pháp, không phải không có lòng tôn trọng đối với người An Nam, đã đưa ra một hình ảnh đàn áp ác liệt trong vùng phía bắc Mỹ Tho:

> Một đại đội lính lê dương, một tiểu đội lính Bắc Kỳ và một đơn vị cơ giới, toán lính thủy, đồng hành quân truy quét ráo riết, bắt những kẻ tình nghi, bắn vào những kẻ toan chống lại hoặc chạy trốn. Máy bay oanh tạc dữ dội các ổ đề kháng. Trong vòng bốn ngày, họ bị tiêu diệt, những người cầm đầu bị xử bắn.[140]

Theo con số ước tính chính thức, hơn một trăm quân khởi nghĩa bị giết trong chiến đấu, còn về phía lực lượng đàn áp độ ba chục người bị chết, trong đó có ba người Pháp. Không kể hàng ngàn dân làng không tham gia khởi nghĩa mà cũng bị tàn sát. 5848 người bị bắt giữ (số chính thức); các nhà tù chật ních, số thừa ra bị nhốt dưới các xà lan, trong những mái tôn dưới mặt trời nắng gắt, họ cứ ỉa ra chết như ruồi. « Một nạn dịch gây nhiễm gọi là bệnh thoát thư (pourriture d'hôpital) truyền nhập vào họ. Mùi xú uế lan ra tới hai ba kilômet quanh vùng »[141], một chiến sĩ Đệ tứ là Trịnh Văn Lầu bị mật thám bắt ngày 17 tháng chạp năm 1940, cũng vong mạng trong một chiếc xà lan - nhà tù đó.

J.-M. Hertrich kể lại như sau:

> Hôm đó là ngày 5 tháng 9 năm 1941, tôi rời Đông Dương trên chiếc tầu thủy cuối cùng. Bên cạnh tôi, dựa trên lan can thành tầu là một viên chỉ huy pháo binh, sĩ quan tình báo, đã mô tả lại cho tôi nghe, anh ta bị một ám ảnh nào đó, về những gì anh ta trông thấy trong nhà tù Sài Gòn:

> Từng đoàn tù nhân, đàn ông cùng đàn bà, cứ ngồi chân xỏ vào cùm, bị buộc phải tiếp tục sống như vậy để chờ xét xử, dưới làn roi và tiếng chửi của lính gác. Tôi nhớ lại những cách thức được sử dụng để làm cho những kẻ tình nghi phải nói: máy quay ma-nhê-tô nối dây vào âm hộ hoặc dương vật, cho kiến vào bộ phận sinh dục đàn bà; tôi cũng nhớ lại các phi công bạn tôi họ gớm ghiết bị sai đi ném bom hoặc xã liên thanh vào các làng ven Đồng Tháp Mười; tôi cũng nhớ lại những vụ xét xử qua loa không cần luật pháp, lập lại câu chuyện ở Yên Bái mười năm về trước.[142]

Tổng kết vụ đàn áp: trong khoảng sáu ngàn người bị bắt, có 221 bị kết án tử hình, trong đó 181 người bị bắn, 216 người bị khổ sai, và hàng ngàn người bị tù.[143]

Tạ Uyên bị tra tấn mà chết vào tháng chạp năm 1940, Phan Đăng Lưu bị bắn hồi tháng 5 năm 1941. Các chiến sĩ bị giam trước ngày khởi nghĩa như Ngyễn Văn Cừ, Võ Văn Tần - ở tù từ 17 tháng giêng và từ 21 tháng 4 năm 1940 - , Hà Huy Tập - từ 1 tháng 5 năm 1938 - , cũng trong trường hợp đó Nguyễn Thị Minh Khai, bạn đời của Lê Hồng Phong, người đàn bà duy nhất bị án tử hình, tất cả đều bị bắn (ở Hóc Môn) mặc dù đô đốc Pơlatôn, tổng trưởng bộ Thuộc địa, có can thiệp: Toàn quyền Đơcu bác bỏ đơn chống án của họ.

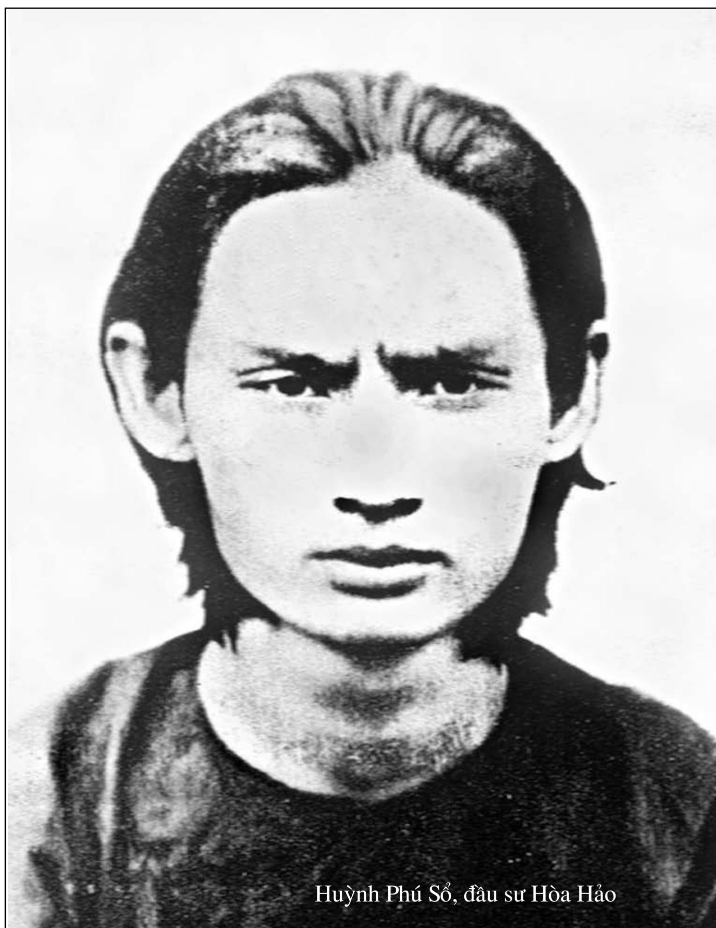
Chính quyền thực dân tổ chức giết người công khai tại các tỉnh lỵ để làm gương. Sát nhân tại Sóc Trăng và Châu Đốc, bọn thống trị khiến lính tập Cao Miên nhúng tay vào đẫm máu.

Tấn bi kịch vang dội đến thượng cấp chỉ huy chiến sĩ khởi nghĩa. Sở mật thám xác nhận tin Xứ ủy Nam Kỳ quyết định tái lập: vào tháng giêng năm 1941, Xứ ủy mới kết án tử hình cựu bí thư Xứ ủy Nam Kỳ và bí thư liên tỉnh Cần Thơ, tố cáo họ là những người trách nhiệm việc phát động một cuộc khởi nghĩa đưa đến thất bại[144]. Vụ án nội bộ trong ĐCS Đông Dương, theo chúng tôi được biết, không thấy nêu ra trong lịch sử chính thức của đảng này.

Ban Trung ương đảng Cộng sản lánh trách nhiệm cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ

Theo quyển lịch sử chính thức, *Những sự kiện lịch sử Đảng*, Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương ở Bắc Kỳ « chỉ thị cho Xứ ủy Nam Kỳ hoãn cuộc khởi nghĩa và trao nhiệm vụ đồng chí Phan Đăng Lưu truyền đạt chỉ thị của Trung ương tới Ban lãnh đạo ở Nam Kỳ ». Quyết định này không thể ghi vào văn bản nghị quyết, vì theo người

thảo bản nghị quyết - để bảo đảm bí mật (nguyên văn !)[145] Tuy nhiên những ai là « chủ tể hiện tại phải chăng họ cũng là chủ tể của quá khứ », như Giorgiơ Or-oen nói, làm sao duy trì được cái giáo lý dạy rằng ban lãnh đạo không thể sai lầm, làm thế không dắc ý họ chăng?



Huỳnh Phú Sổ, đầu sư Hòa Hảo

XVIII
Chính phủ Đơcu và Nhật bản chiếm đóng

Được đẩy lên đỉnh quyền hành ở Đông Dương, toàn quyền đô đốc Đơcu liền loại khỏi bộ máy thống trị hàng trăm viên chức theo hội Tam điểm (francs-maçons), « những tên Do thái và những kẻ có đầu óc tồi tệ », đày khổ sai những « kẻ lầm lạc mà người ta gọi là phái Đơ Gôlơ », không kiêng nể gì những người Pháp đảng viên đảng xã hội, những chiến sĩ nghiệp đoàn, những kẻ đã « công khai rao giảng về quyền bình đẳng giữa các chủng tộc cùng về điều kiện xã hội ai cũng như ai ». Người bản địa, hoặc cộng sản (xu hướng Trôtski hoặc Stalin) hoặc quốc gia không hồi cải, họ trải qua một cuộc truy lùng dữ dội không thua hồi mới tuyên bố chiến tranh ở Châu Âu.

Chính quyền Đơcu lập ra những « Binh đoàn chinh chiến » với nhiệm vụ là « cộng tác với chính quyền ». Đội quân này chẳng bao lâu đã mộ được khoảng 6000 tên thực dân ù ù cạt cạt mà người ta thường thấy chúng tự tán dương cuồn nhiệt trong những cuộc tập hợp khổng lồ, với những tiếng hô « Thưa Thống chế! Chúng tôi có mặt đây! », xung quanh những tấm chân dung thống chế Pêten đồ sộ trên nền cờ tam tài cùng những dòng chữ lớn:

Một thủ lĩnh duy nhất : Pêten
Một nhiệm vụ duy nhất : Phục tùng
Một phương châm duy nhất : Phụng sự

Đối với bọn đó thì « dân bản địa, theo định nghĩa, phải căn cơ trong địa vị thấp hèn, và tiếp tục chịu đựng mọi sưu dịch vô lượng, để người Âu được thỏa mãn nhu cầu, tiện nghi và mức sống ngày càng cao của họ »[146]. Đơcu hy vọng ở xó Á châu này làm biểu dương « lực lượng của chúng ta, của 40.000 người Pháp, đối diện 25 triệu dân Đông Dương đang dòm ngó chúng ta », mặc dù họ (6000 tên thực dân trong Binh đoàn) còn thô kệch đến đâu đi nữa, họ cũng phục vụ « lợi quyền của các chủng tộc da trắng ».[147]

Ngày 22 tháng 9 năm 1940, quân Nhật ở Quảng Châu bất ngờ tấn công đơn vị quân Pháp ở Lạng Sơn phải tháo chạy. Rồi sau cuộc đổ bộ lên Hải Phòng, quân Nhật chiếm đóng Bắc Kỳ. Ngày 26 tháng 7 năm 1941, chính phủ Visy mở hai cảng Cam Ranh và Sài Gòn cho quân Nhật. Ngày 29, thỏa hiệp « phòng thủ chung » mở toan cửa Đông Dương cho quân Nhật êm thấm tràn vào.

Chính quyền thực dân vẫn tồn tại và toàn quyền Đơcu tuyên thệ « đảm bảo an toàn hậu phương cho quân đội Nhật cùng trật tự trong nội bộ đ Đông Dương »[148]. Từ đấy xứ nầy trở thành cơ sở để cho quân Nhật di chuyển tiến về phía Xiêm, Miến Điện và Mã Lai. Đông Dương cam kết cung cấp cho Nhật gạo, ngô, than, cao su, quặng mỏ... để đổi lấy hàng dệt và những sản vật kỹ nghệ khác.

Phò trợ quân chiếm đóng mới tới, Đơcu sung công dân thợ kiến trúc các công trình chiến lược (đường sắt, trại lính, sân bay), bắt buộc trồng tria các nông sản nguyên liệu kỷ nghệ, làm băng hoại nông sản lương thực. Đơcu phụng sự quân đội Nhật, thiết lập độc quyền thu gom ngũ cốc (nhất là lúa thóc), cao su, bông, đay, chất béo, v.v. Ngoài ra còn tấp nập chu cấp quân đội Nhật vô số tiền bạc.

Nạn lạm phát, túng thiếu, tiết chế, chợ đen, đầu cơ, bổ mạnh vào đầu những người nghèo. Lương thực cùng tận ở Bắc Kỳ sau những trận giông bão tàn phá và vỡ đê. Từ cuối năm 1943, Mỹ dội bom oanh tạc đường sắt xuyên Đông Dương ngăn trở việc vận chuyển gạo từ Nam Kỳ ra Bắc Kỳ.

Phải nghĩ sao về cách đô đốc Đơcu « bảo hộ » xứ này, trong khi nạn đói đã giết chết từ một đến hai triệu người Bắc Kỳ, mà hắn vẫn cứ tích trữ lúa thóc chứa đầy kho, như sau này hắn viết:

> Trong lúc Nhật đảo chính, ngày 9 tháng 3 năm 1945, nhiều kho trữ ngũ cốc và lương thực lớn đã được thành lập để dự trù việc tái xuất khẩu sang chính quốc và đưa tới các thị trường lớn trên thế giới. Chủ yếu tôi nêu con số: khoảng 500 ngàn tonô thóc. (mỗi tonô độ 70 giạ).[149]

Đời sống thợ thuyền và dân cày

Cuộc đấu tranh của tầng lớp phu phen, thợ thuyền trở thành một cuộc đấu tranh để tồn tại, dành lấy chén cơm hàng ngày, và đòi hỏi những thứ vật dụng cần thiết vắng bóng trên thị trường như vải vóc, gạo, diêm, xà phòng.

Theo thống kê chính thức, ở Bắc Kỳ vào năm 1943-1944 nổ lên 18 cuộc bãi công (các nhà in, ngân hàng Đông Dương, nhà máy sợi Nam Định, trạm hàng không Gia Lâm sau vụ bọn Nhật giết một người đàn bà An Nam làm công ở đó). Thêm vào các cuộc đình công đôi khi còn có những vụ phản đối vô vọng của hàng ngàn dân làng, khi bà con tráng đinh của họ bị sung công, chẳng hạn như ở Thanh Hóa vào tháng 11 năm 1943. Tại Nam Kỳ, có 24 cuộc bãi công từ tháng 5-1942 đến tháng 6-1943, chủ yếu tại các đồn điền cao su ở Biên Hòa. Cũng có những phong trào tương tự xảy ra trong các sản nghiệp người Nhật, các xưởng may quần áo và đóng giầy cho quân đội, các công trường trại lính. Tại bến cảng Sài Gòn, người ta bạo dạn dám phản đối chống lính Nhật bạo tàn. Ở đồn điền Long Thành, 500 phu bãi công sau khi một anh bị một giám thị người Pháp giết vào tháng 10 năm 1943.

Sau cuộc nông dân bạo động võ trang năm 1940 bị đánh bại, phong trào chính trị công nông suy đồi thực sự. Niềm hy vọng cách mạng dường như dập tắt vì

> Bầu trời thấp nặng đè như vung úp
> Mặt đất chuyển thành một ẩm thấp hầm sâu.

Hai tầng chiếm đóng kéo theo hai tầng bóc lột khốc liệt!

Các thủ đoạn Pháp và Nhật

Hai tầng bóc lột kèm theo hai lớp dụ hoặc dân bản địa.

Toàn quyền Đơcu thực hiện chính sách đối xử trọng hậu các vua chúa từ lâu dưới quyền bảo hộ (vua Miên, vua Lào và vua An Nam); để được lòng các giai cấp hữu sản - sau khi giải tán các hội đồng do tuyển cử bầu ra, - thành lập một Hội đồng tư vấn liên bang, gồm 25 ủy viên người bản địa, « lựa chọn những kẻ trung thành với nước Pháp ». Đồng thời y đưa « giới thượng lưu bản địa tham gia chức vụ quản lý và điều hành, kể cả có thẩm quyền », với thái độ đối xử bình đẳng cùng công chức người Pháp, (một yêu sách đưa ra từ 1925). Đối với làng bút sĩ văn hào, Đơcu ban hành chính sách tự do in ấn bằng chữ quốc ngữ, từ đó báo chí sôi động tương đối, kiểm

soát bên trong. Đối với thanh niên học sinh, huy động phong trào Giáo dục, Thanh Niên và Thể thao, lập trường học, trại gặp gỡ, tổ chức các cuộc chạy đua qui mô lòa mắt, các cuộc đồng phục tuần hành, tất cả đều núp dưới bóng tôn thờ ngài « Thống chế tôn sùng », dưới phương châm « phục tùng và phụng sự ».

Một vài tờ báo định kỳ dè dặt xuất hiện nhưng không bị truy tố.

Năm 1940, hai bác sĩ Phạm Ngọc Thạch và Hồ Tá Khanh tung ra tờ tuần báo *Văn Lang* ở Sài Gòn (tờ báo mang cái tên tiền sử mảnh đất người Việt), nội dung có bài thuyết minh lịch sử đất nước theo lối chủ nghĩa duy vật sử quan, có bài trần thuật khái niệm về phòng bệnh nhiệt đới.

Ở Hà Nội năm 1941, các nhà trí thức Nguyễn Văn Tố và Đào Duy Anh cho ra đời một tạp chí nghiên cứu, không tồn tại được lâu, lấy tên là *Tri Tân*, đặt dưới danh nghĩa Khổng Tử: Ôn cố nhi tri tân. Nhóm Hàn Thuyên, do Trương Tửu nhà văn cảm tình với Trôtski chủ động, xuất bản tờ *Văn mới* và tờ *Văn mới tuổi trẻ*, xuất bản một số sách phổ biến tư tưởng Kac Mac và một tập sách minh giải *Truyện Kiều* theo hướng phê phán và duy vật.

Vào tháng 5 năm 1943, sau những trận Nhật bại chiến ở Thái Bình Dương, Đức thất thế ở Stalingrađơ, tuần báo *Thanh Nghị* mạnh dạn đến mức dám nêu lên một vài câu hỏi chính trị về tương lai xứ sở sắp tới. Vào tháng tám, ở Sài Gòn, báo *Thanh Niên* của Huỳnh Tấn Phát, kiến trúc sư, kích động « một sự canh tân dân tộc, một ý thức dân tộc », soi sáng lực lượng dân chúng, dìu dẫn họ tham gia « tạo cho xứ sở bước trên chặng đường mới của lịch sử dân tộc », thống nhất ba Kỳ thành một quốc gia tự do. Tờ báo nhấn mạnh sự cần thiết phải tiếp thu những kỹ thuật của thế kỷ 20 và đối chiếu giữa chế độ nghị viện và chế độ độc tài, trên quan điểm nhằm lựa chọn một chế độ chính trị cho một xứ Đông Dương đã giải phóng.

Một thứ « chủ nghĩa yêu nước » chuyển hóa thành một chủ nghĩa quốc gia công khai, Đơcu không thể dung túng. Báo *Thanh Niên* bị đình bản vào giữa năm 1944.

Phía người Nhật, họ toan dụ hoặc dân tình bằng hứa hẹn với các dân tộc bị thực dân áp bức ở Á Châu, rằng sẽ giúp họ thoát ách nô lệ người Âu. Đồng thời Nhật bảo trợ thực tế các giáo phái chính trị ít nhiều xu hướng đòi phục hồi lãnh thổ nước nhà, cùng che chở các nhóm lẻ tẻ theo chủ nghĩa quốc gia xuất hiện từ năm 1940.

Một khi đã được giải phóng, Đông Dương sẽ gia nhập « khối cộng đồng thịnh vượng kinh tế Đại Đông Á »; người Nhật tiến hành tuyên truyền thuyết huyền ảo ấy bằng vô tuyến truyền thanh, chiếu bóng, xuất bản nhiều tạp chí quốc ngữ như tờ *Tân Á*, bày bố triển lãm phô diễn những chiến

thắng đầu tiên của họ ở Thái Bình Dương, tổ chức những lớp học tiếng Nhật. Khi viên tướng Nhật Matsui đã về hưu ghé qua Sài Gòn hồi tháng 7 năm 1943, y long trọng tuyên bố Nhật Bản sẽ giải phóng các nước châu Á, bất kể ý chí Mỹ, Anh, Pháp.

Hiến binh Nhật (Kempeitai) đặt chân lên Đông Dương sau trận Trân châu Cảng (Pearl Harbour, 8 tháng chạp 1941). Tổ chức cảnh sát quân sự Nhật hoạt động song song với lực lượng mật thám Pháp. Lực lượng hiến binh bảo trợ các nhóm lẻ tẻ gồm những kẻ âm mưu hy vọng dựa vào thế lực của Nhật để giải phóng xứ sở : ở miền Nam có đảng Cách mạng Việt Nam thống nhất, một chi nhánh đảng Việt Nam Phục quốc; ở phía Bắc, đảng Đại Việt do nhà văn Nguyễn Tường Tam (bút danh Nhất Linh) thành lập, lại xuất hiện Đại Việt Quốc xã và Việt Nam Ái quốc Đoàn. Hiến binh Nhật hữu hiệu can thiệp ngăn ngừa Pháp động chạm bắt bớ các nhóm đảng phái này.

Giáo phái chính trị Cao Đài

Xuất hiện tại Nam Kỳ năm 1925-1926, giáo phái Cao Đài[150] là một sản phẩm của một số nhà tư sản Nam Kỳ, không chịu phụ thuộc bộ máy thực dân, toan tạo nên một lĩnh vực siêu nhiên trong đó họ sẽ chiếm ưu thế và sẽ khôi phục lại nền luân lý, đã lỗi thời của ba tôn giáo chính ở Việt Nam là đạo Phật, đạo Tiên và đạo Nhân (đạo Nho). Giáo phái nầy sẽ phục hưng các tôn giáo truyền thống tạo thành một đạo duy nhất đặt tên là đạo Cao Đài, lấy tên của đấng tối cao: Cao Đài.

Thêm vào ba ngành tôn giáo trên, đaọ Cao Đài còn gia nhập đạo Thiên Chúa (Thánh) và đạo thờ quỉ thần (Thần Đạo) vào thánh thất. Trên điện thờ, Chúa Giêsu, Mahomet, Brahma, các thi hào như Lý Thái Bạch, Victo Huygo... mỗi vị ngôi thứ khác nhau:

Người sáng lập « tôn giáo mới » này là viên cựu hội đồng quản hạt Lê Văn Trung, trước kia làm tư vấn riêng văn phòng thống đốc Cô-nhac. Ông ta nghiễm nhiên nhập phái duy linh thần bí. Hai mươi sáu người cùng ký tên vào bản tuyên bố thành lập đạo Cao Đài, bao gồm một số viên chức cao cấp người An Nam, các đốc phủ, quan phủ, quan huyện, các điền chủ và một số nhân vật thuộc giới trung lưu, tiểu viên chức, nhân viên thương mại, giáo viên, hiệu trưởng, chánh tổng, hào lý. Sau này, có thêm một số y sĩ, dược sĩ, giáo sư có mặt trong ban chức sắc của giáo phái này.

Đạo Cao Đài tổ chức mô hình bộ máy hành chính thuộc địa và đẳng cấp Thiên Chúa giáo (với một Thánh thất), nhanh chóng mộ được một số dân nông thôn, nhiều đại điền chủ và lý hào. Lãnh tụ lập hiến (Nguyễn Phan

Long...),đảng viên quốc gia (Lê Thế Vinh), hội viên cũ các hội kín (Tư Mắt), tốp nộp gia nhập đạo, hy vọng tạo cơ sở chính trụ ngay bên trong, nhằm thu phục các tầng lớp dân cày trước kia phần thì dính dáng phong trào Nguyễn An Ninh, lớp thì có chân trong đảng Thanh Niên của Nguyễn Ái Quốc rồi từ năm 1930 gia nhập đảng Cộng sản. Số người kể trên gia nhập tô điểm cộng đồng giáo phái này một mầu sắc chính trị, nội bộ lung tung xu hướng trái ngược nhau.

Mặc dù xung đột trong nội bộ, đạo Cao Đài tiếp thu được gần 35 vạn tín đồ vào khoảng năm 1932.

Nông dân nhập đạo đông đảo như thế có lẽ một vì giáo lý tôn giáo nầy hỗn dung một chiều cùng những niềm tin cổ xưa, và hai là vì tình cảnh dân cày phụ thuộc địa chủ và hào lý nông thôn cả về mặt xã hội và kinh tế.

Chiến tranh ở châu Âu, trong đạo Cao Đài họ minh giải sự thất bại của Pháp qua những bài thơ lai láng cảm tình, những thông điệp thần linh cùng sấm ngữ tiên tri rao truyền chế độ áp bức thực dân Pháp sắp tận theo số trời thiên văn đã định.

Qui pháp mà các tín đồ tiếp thụ, tương theo đạo Khổng « Tam cương », quân thần, phụ tử, phụ phu và « ngũ thường» : nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.Đạo qui « ngũ giới cấm lấy ở Phật giáo : cấm sát hại sinh linh, không tham lam, không xa hoa, cấm ác khẩu, cấm ăn thịt và uống rượu. Ngoài ra đạo qui còn có bốn đạo lệnh: phục tùng cấp trên và thú nhận lỗi lầm, làm điều thiện kể cả đối với kẻ thù mà không được cao ngạo; thái độ sòng phẳng đối với kẻ khác và đối xử ngay thẳng đối với mọi người.

Sau hết, đạo qui còn dự định trừng phạt những ai vi phạm, mức cùng là khai trừ, và nếu tín đồ thuộc hàng chức sắc thì sẽ báo cáo với chính quyền thực dân. Thế là một Nhà nước nhỏ đã thiết lập trong lòng Nhà nước thuộc địa. Năm 1933, chủ tỉnh Tây Ninh Vilmont báo cáo : Tín đồ Cao Đài khuynh hướng xem mình là một nhà nước độc lập.

Tháng 8 năm 1940 đô đốc Đơcu, toàn quyền Đông Dương, hạ lệnh đóng cửa Tòa thánh Tây Ninh, khoảng mười lăm thánh đường nhỏ ở các tỉnh và các « nhà từ thiện ». Qua tháng 7 năm 1941, Hộ pháp Phạm Công Tắc và sáu giáo chức cao cấp bị đày đi đảo Mađagascar. Tháng 9, quân đội Pháp chiếm đóng Thánh thất Tây Ninh.

Năm 1943 tháng 7, cảnh sát đặc nhiệm bắt một số tín đồ Cao Đài hăng hái nhất trong các tỉnh Thủ Dầu Một và Bặc Liêu rồi đưa vào trại tập trung. Đồng thời, mật thám kiểm thúc đe dọa các nhóm quốc gia. Họ báo động hiến binh Nhật liền ra tay bảo trợ. Ngô Đình Diệm được Nhật che chở ở Huế. Trần Trọng Kim và Dương Bá Trạc ở Hà Nội cùng Trần Văn Ân và Đặng Văn Ký ở Sài Gòn, bốn người được đưa sang tạm trú bên Singapo.

Giáo sư Cao Đài Trần Quang Vinh (cựu thơ ký Sở Nghệ thuật Cămbôt), sau khi thánh đường của ông tại Phnôm Pênh bị đóng cửa, bèn xuống Sài Gòn tái lập một ban lãnh đạo giáo phái, rồi tìm cách tập hợp tín đồ các tỉnh. Ông gia nhập đảng Phục quốc do hoàng thân Cường Để chủ trì. Tổ chức này - sau khi sáp nhập với Đại Việt và Đại Việt Quốc xã - trở thành Việt Nam Phục quốc đồng minh hội (gọi tắt là Phục quốc). Với tư cách là tùy viên dân sự trong hiến binh Nhật, ông thấy mật thám Pháp không còn rớ đến mình được nữa.

Ơn đền nghĩa trả, Trần Quang Vinh ra tay tuyển mộ nhân công cho các công xưởng hải quân Nhật ở Vĩnh Hội (Chợ Lớn). Quân Nhật tập binh phu và thợ làm lính chiến. Cho tới lúc đảo chính ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật huấn luyện được khoảng 20.000 người có sức trở thành lực lượng hỗ trợ quân đội Nhật.

và Giáo phái chính trị Hòa Hảo

Một giáo phái khác, xuất hiện năm 1939 tại miền Tây Nam Kỳ, gọi đạo Hòa Hảo (lấy tên làng của người sáng lập) một giáo phái phát triển đặc biệt nhanh chóng.[151] Huỳnh Phú Sổ, con trai của một hương chức làng, sớm cảm linh thần bí, bắt đầu thuyết giáo vào năm hai mươi tuổi, giảng truyền một thứ đạo Phật lấy việc tu hành giản dị, nhân từ thân ái và thứ tha tội lổi làm gốc, một cao vọng ép xác tu thân hạp với cảnh nghèo khó dân cày, tương hợp với việc thờ cúng ông bà tiên tổ .

Người ta gọi ông Đạo Xển, thường giả trang ăn mày, làm người bán hàng rong, người hát rong, thầy số, người tàn tật, ông truyền giáo qua các lời sấm tiên tri giữa đám đông quần chúng đang lo ngại trước tình thế sấp chiến tranh, dọc sông Cửu Long cho tới tận Bắc Kỳ. Tại Rạch Giá, ông giả điên, nên từ đó người ta gọi ông Đạo Khùng. Nổi tiếng về những quyền năng thần bí, ông dùng dược thảo, bùa chú, ám thị, chữa khỏi nhiều bệnh nhân mà mấy thầy thuốc đã chịu bó tay. Ông trừ tà tróc quỷ cứu nhiều thường dân bị ma ám.

Cảnh tượng chiến tranh thế giới bùng nổ tàn sát nhân loại lần thứ hai, làm cho người ta càng tin lời sấm tiên tri của ông nay đã đến thời tận thế giới cũ: sau giai đoạn thảm khốc trên mảnh đất đầy máu lửa, thì một đấng Minh Vương hay Phật Vương sẽ xuất hiện trên Núi Cấm (một trong bảy ngọn núi thiêng ở Châu Đốc) chủ trì thế giới tái sinh. Kẻ có tội sẽ bị nghiền nát cả thể xác lẫn hồn, trong khi người sùng tín hiền minh đạo đức từ đây được hưởng một thế giới tràn đầy hạnh phúc.

Dân nghèo quần tụ đông đảo xung quanh Đạo Xển, họ vì quá bất hạnh, khờ khạo nhập đạo để tự an uỉ trong một thế giới vô tâm vô tình (créature accablée par le malheur dans un monde sans coeur, Karl Marx).

Cuối năm 1939, ông thảo hàng loạt bài Kệ - một trong những sấm ký, đề tựa *Kệ dân của người khùng* - trong đó xen lẫn sấm ngôn tiên tri, lời than van, lời động viên khích lệ, đôi khi ám chỉ tới chính quyền thực dân.

Đạo Khùng báo trước năm Mậu Ngưu không còn người Pháp ở xứ này:

Hỏa hoạn lụt bão dịch ôn,
Chiến tranh tai họa dập dồn bốn phương.
Tai trời ách nước biển dương,
Nhựt Nguyệt đảo lộn hoang mang trên Trời.
Khói trùm mặt đất nơi nơi,
Cửa nhà cây cỏ tơi bời sạch tan.
Liền sau đến lúc an toàn,
Thái bình hòa hảo xuê xang tuyệt vời.
Từ năm Mậu Ngưu than ơi!
Ách Tây trồng cổ khổ đời từ đây.
Cuộc thế biến đổi vần xây,
Mậu Ngưu năm đến bóng Tây không còn.
Thất bát nguyệt sẽ cùng Nhật chiến chinh,
An Nam bao xiết điêu linh,
Không sao chịu nổi thế tình lệ nô
Dưới gót giầy hai nước ...[152]

Bị cấm không được ở quê nhà tại tỉnh Châu Đốc, nhà tu bị mật thám bắt vào tháng 8 năm 1940 rồi bị giữ tại bệnh viện Chợ Quán coi như bị chứng bệnh tâm thần, tại đó ông qui hóa ... thầy thuốc của mình là bác sĩ Trần Văn Tâm nhập đạo Hòa Hảo. Mười tháng sau, ông bị quản thúc tại Bặc Liêu.

Đé quốc Pháp đàn áp đánh úp nông dân Nam Kỳ khởi nghĩa hồi tháng 11 năm 1940. Trước bi kịch ấy, Đạo Xển càng thêm tự tín : Liệu người ta có lý không khi chủ trương « đấu tranh bằng sức mạnh » hơn là sử dụng « quyền lực tinh thần »?

Cho tôn giáo là liều thuốc phiện,
Ai bước vào ắt là phải nghiện,
Chẳng còn lo trang võ đấu chinh.[153]

Sau khi khởi nghĩa thất bại, nhiều dân cày thoát khỏi trận tàn sát, trước tín ngưởng không tưởng cộng sản nay quay vọng trở lại nhà tiên tri trẻ tuổi, ẩn mình trong giáo phái Hòa Hảo, giáo chủ càng thêm hài lòng tín ngưỡng thần bí của mình.

Tháng 10 năm 1942, khi mật thám Pháp toan hạ ngục Đạo Khùng, hiến binh Nhật bảo trợ ông, giáo phái còn phát triển rộng nữa, nhưng bấy giờ không còn tính chất bất bạo động mà giáo phái tuyên truyền trước đó. Các tín đồ mài dao, rèn kiếm, bàn đến việc cướp chính quyền. Họ tập luyện vũ khí trong hàng ngũ quân đội bổ sung do Nhật tuyển mộ. Bản thân thầy Đạo cũng bị lôi cuốn trong cơn lốc 1945. Vài năm sau Việt Minh ám sát Huỳnh Phú Sổ, tín đồ Hòa Hảo hoang mang, hàng Pháp sát cộng, trở thành lực lượng bổ sung quân đội Pháp đến cùng.

Đại tá Savani, chủ sở dọ thám Pháp ký chú : « Có người nhân danh giáo phái Hòa Hảo phát hành những tập văn tuyên truyền chống người Pháp và hô hào thất bại chủ nghĩa [chống đi lính, trở súng bắn lại kẻ thù ở trong xứ]. Người ta cho Phan Văn Hùm, xu hướng Trôtski, là tác giả các tập văn ấy ». Nếu thật vậy thì có lẽ Savani đọc lầm « chống người Pháp » thay vì « chống đế quốc thực dân Pháp ».



Quân Mỹ tập luyện quân Việt Minh



Võ Nguyên Giáp với Hồ Chí Minh sát cánh cố vấn Mỹ

XIX
Việt Minh
Đảng Cộng sản mặc bộ y phục mới
1941-1945

Nguyễn Ái Quốc chường mặt tại Trung Hoa năm 1938 sau một thời gian dài lưu trú tại Môskơva. Chúng ta thấy ông hoan nghênh các vụ án ở Môskơva và năm 1939, từ Quế Lâm viết thư về thuyết phục « các đồng chí thân mến » ở Hà Nội về tội lỗi ghê tởm của những kẻ xu hướng Trôtski và cần thiết phải « tiêu diệt chúng về mặt chính trị ».

Nguyễn Ái Quốc lúc đó lấy tên Hồ Quang, dược ĐCS Trung Hoa che chở an toàn, làm sĩ quan huấn luyện cho Bát Lộ Quân, trong giai đoạn liên minh Quốc-Cộng lần thứ hai chống xâm lăng Nhật Bản. Năm 1940, ông tới Vân Nam, gặp các lãnh tụ ĐCS Đông Dương vừa thoát khỏi vòng vây quét bắt bớ lớn 1939-1940, như Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt...

Trong khi ở Đông Dương người Nhật luôn trợ giúp những nhóm quốc gia người Việt, thì ở Trung Hoa Quốc dân đảng ra sức tập hợp những người Việt tản mát lánh sang hai tỉnh giáp giới Bắc Kỳ nhằm thành lập những đội quân chính trị và quân sự giúp cho Hoa quân nhập Việt để chống Nhật. Họ tin cậy nhất những người theo chủ nghĩa quốc gia như Nguyễn Hải Thần và Trương Bội Công.

Trong tỉnh Quảng Tây, khoảng 500 đảng viên Phục Quốc của Cường Để lưu vong ở đó sau khi bị thất bại trong việc thiết lập cở sở tại Bắc Kỳ nhân dịp

quân Nhật tràn vào hồi tháng 9 năm 1940; họ được sát nhập vào quân đội Quốc dân đảng.

Ở Vân Nam, những cựu đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng sống còn trốn thoát sau cuộc bạo động Yên Bái năm 1930, từ lâu rồi họ cùng những đảng viên ĐCS Đông Dương lưu vong tranh nhau huy động ảnh hưởng khoảng 2000 đồng bào sinh hoạt dọc theo đường sắt Hà Nội-Côn Minh (đường xe lửa nầy thuộc quyền tài phán của Pháp theo hiệp ước Trung-Pháp năm 1885). Họ quần tụ xung quanh Vũ Hồng Khanh dưới sự bảo trợ của Quốc dân đảng Trung Hoa. Những người cộng sản - do Nguyễn Ái Quốc bí mật chỉ huy - từ lâu rồi đã lên án họ là lực lượng được đế quốc Pháp dung dưỡng.

Chỉ riêng một nhóm nhỏ những người xu hướng Trôtski ở Côn Minh đứng ngoài hoạt động Quốc dân đảng. Họ vẫn bị những người theo chủ nghĩa Stalin bài xích và vu khống. Theo Hoàng Văn Hoan, bấy giờ bộ hạ Nguyễn Ái Quốc, nhóm ấy

> Chịu ảnh hưởng sâu sắc của Tạ Thu Thâu, tiêm nhiễm những lý luận giả danh cách mạng có thể lừa phỉnh quần chúng, nhóm xu hướng Trôtski tuyên truyền và kích động đồng bào sống lưu vong xuống đường biểu tình chống Pháp và đòi chính quyền Trung Hoa giảm thuế. Ở mọi nơi chúng ta đả kích chúng quyết liệt [hãy hiểu là vu cáo trắng trợn], vì thế nhóm theo Trôtski không thực hiện âm mưu (nguyên văn) được và chúng bị hoàn toàn cô lập.[154]

Nguyễn Ái Quốc hồi phục Việt Minh

Quốc dân đảng Trung Hoa động viên những người quốc gia lưu vong, Nguyễn Ái Quốc thấy đấy là cơ hội cho ĐCS Đông Dương xây dựng lại những lực lượng đã bị tan vở trong cuộc thực dân Pháp đàn áp năm 1939-1940. Ông giấu cái nhãn cộng sản và chấp nhận lấy tên của một nhóm quốc gia cũ: Việt Minh (viết tắt Việt Nam Độc lập Đồng minh hội) thành lập ở Nam Kinh hồi năm 1936, do hai chiến hữu cũ của Phan Bội Châu là Nguyễn Hải Thần và Hồ Học Lãm, và được Quốc dân đảng Trung Hoa thừa nhận khi thành lập. Tổ chức Việt Minh này vất vơ ít người biết tới và đã hầu như bị lãng quên.

Tháng 10 năm 1940, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Hoan cùng ba đồng chí khác của Nguyễn Ái Quốc tự mình đến Quế Lâm (Quảng Tây) để yêu cầu tướng Lý Tế Thâm tái thừa nhận cái tổ chức Việt Minh ma này. Họ tự giới thiệu như những người theo quốc gia chủ nghĩa ở

trong nước đấu tranh chống « Nhật xâm lược », như vậy họ khả năng hỗ trợ Quốc dân đảng. Lý Tế Thâm, kẻ tàn sát công nhân nổi loạn ở Quảng Châu năm 1927, niềm nở tiếp đón những người đến yêu cầu, gợi rằng y tuân phục ý nguyện cuối cùng của Tôn Dật Tiên là giúp đỡ các « dân tộc nhược tiểu bị áp bức ». Lý Tế Thâm đồng ý cho họ cư trú tại « Quân Khu 4 », nơi mà họ Lý cùng chỉ huy với Trương Phát Khuê, một tên đao phủ khác đã tàn sát Công xã Quảng Châu.

Nguyễn Ái Quốc vẫn bí ẩn, sáng kiến đặt một bữa tiệc 500 đôla Trung Hoa - do Quốc tế Cộng sản đài thọ - thết đãi bí thư của Lý Tế Thâm để « y kính nể mình và giúp mình nhiều hơn » (theo lời Hoàng Văn Hoan). Bộ hạ Nguyễn Ái Quốc được cấp giấy thông hành có đóng dấu « Hoa Nam công tác đoàn », có thể đi tới Tĩnh Tây, nơi các lãnh tụ các nhóm lưu vong tập hợp vào tháng 4 năm 1941, được các tướng lĩnh Trung Hoa bảo trợ, để gia nhập tổ chức « Việt Nam Dân tộc giải phóng Đồng minh ». Trương Bội Công đứng đầu tiểu tổ chính trị, tiếp đón nhóm đồng bào trẻ tuổi nầy.

Một tháng sau, từ ngày 10 đến 19 tháng 5, tại khu rừng biên giới ở Pác Bó (Cao Bằng), Nguyễn Ái Quốc triệu tập Trung ương ĐCS Đông Dương ra nghị quyết thành lập một Việt Minh mới với mục tiêu cấp thời là « đánh đuổi phát xít Nhật- Pháp, khôi phục nền độc lập hoàn toàn xứ Việt Nam, liên minh với các lực lượng dân chủ đang chống phát xít và xâm lược ». Mặt trận quốc gia dân tộc này lấy quốc kỳ cờ đỏ sao vàng. Khác với các nhóm quốc gia lưu vong ở Trung Hoa, mục đích cuối cùng của Mặt trận Việt Minh là « thành lập một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà », ban hành chế độ phổ thông đầu phiếu, các quyền tự do dân chủ tư sản, bình đẳng chính trị giữa nam và nữ, quyền các dân tộc ít người tự định đoạt số phận của mình.

Trong chương trình không thấy nói đến đấu tranh giai cấp và cải cách ruộng đất, vì muốn liên minh với tầng lớp tư sản và địa chủ nên không để cho họ phải e ngại. Chương trình chỉ hứa hẹn cho nông dân, « cánh tay » của cách mạng sắp tới, « tịch thu tài sản của bọn đế quốc và phản quốc, giảm địa tô và lợi tức, bỏ thuế thân và phân chia công điền và công thổ », nói trắng Việt Minh sẽ vất cho dân cày những miếng nhà giầu ăn thừa. Đối với công nhân, sẽ thực hiện ngày làm việc tám giờ, bảo hiểm xã hội và hưu trí...

Khi Hítler tung quân tấn công nước Nga ngày 22 tháng 6 năm 1941, đẩy Stalin nhập phái đế quốc « dân chủ », ĐCS Đông Dương trá hình ra Mặt trận Việt Minh, khẳng định cụ thể mục tiêu trong bản tuyên ngôn ngày 25 tháng 10: « Đoàn kết toàn cả mọi giai cấp xã hội, hợp tác với những phần tử Pháp chống phát xít, tiêu diệt chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc phát xít ». Trong một tập sách ĐCSĐD xác định hiệp nhứt cùng các lực

lượng dân chủ chống phát xít, chống xâm lược, xây dựng một nền cộng hòa dân chủ.

Từ ngày 1 tháng 8 năm 1941, Việt Minh xuất bản tờ báo tuyên truyền: *Việt Nam Độc lập.* Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng tiến hành tổ chức một mạng lưới hoạt động bí mật tại miền thượng du Bắc Kỳ, rồi từ tháng 11, gây dựng một nhóm du kích quân đầu tiên, mầm mống của « giải phóng quân » sau này.

Năm sau, trong một tờ truyền đơn ngày 10 tháng 10, Việt Minh tuyên bố « giơ bàn tay thân ái » với những người Pháp theo Đơ Gôllơ ở Đông Dương.[155]

Tổ chức Việt Minh xây dựng theo lối đẳng cấp hình pyramiđơ, trên chuyên chế dưới đồng như hệ thống ĐCS Đông Dương và tổ chức tiền thân của nó là đảng Thanh Niên. Công nhân, nông dân, phụ nữ, binh sĩ, thanh niên... không còn tập hợp trong các tổ chức công đoàn và nông hội nữa, họ quần tụ trong các « hội cứu quốc ». Hàng ngũ Mặt trận Việt Minh mở rộng tới mọi tầng lớp trong xã hội. Các tổ chức cơ sở gọi là các « tổ cứu quốc ». Tổng bộ, cơ quan lãnh đạo cao nhất chủ trì toàn bộ. Trong công văn ngày 15 tháng 11 năm 1942 Tổng bộ tuyên bố: « Cán bộ quyết định tất cả mọi sự ». Nguyễn Ái Quốc bên ngoài không chủ trì Mặt trận Việt Minh, nhưng thật sự chính mình lãnh đạo và tổ chức toàn bộ phong trào, còn Trường Chinh lãnh vai tổng bí thư ĐCS Đông Dương.

Việt Minh cần minh giải tại sao bỏ khẩu hiệu đấu tranh giai cấp. Điều đó Trường Chinh phân biện rằng phong trào đấu tranh giai cấp công nhân non nớt, chưa thật xứng đáng với vai trò lãnh đạo cách mạng của mình (Chiến tranh Thái Bình Dương và cách mạng giải phóng dân tộc Đông Dương, tháng giêng 1942).

Nguyễn Ái Quốc dịch *Lịch sử Đảng Cộng sản (bôlsêvic) Liên Sô* (theo bản chữ Tàu) để huấn luyện đảng viên cộng sản; còn đối với các người tham gia Việt Minh, ông tái dụng ngôn ngữ kích động lòng yêu nước láo khoét áp dụng thời đảng Thanh Niên những năm 20. Trong bài thơ *Lịch sử nước ta* phát hành năm 1942, ông hô hào:

> Xét trong lịch sử Việt Nam
> Dân ta vốn cũng vẻ vang anh hùng.
> Nhiều phen đánh Bắc dẹp Đông,
> Oanh oanh liệt liệt con Rồng cháu Tiên.

Đã từ lâu, Nguyễn Ái Quốc cảm ngộ ý kiến của Mao Trạch Đông (« chính quyền nơi đầu họng súng »), mưu lược thu phục chính quyền căn

cứ vào một cuộc « chiến tranh nông dân » ông gọi là « chiến tranh cách mạng ». Trước hết ông trông cậy Quốc dân đảng Trung Hoa trợ giúp để triển khai lực lượng du kích trong vùng Việt Bắc (thượng du Bắc Kỳ). Thời cơ đến, sẽ mở rộng chiến tranh du kích vào phía Nam, các hội cứu quốc vũ trang bạo động, theo gương ĐCS Trung Quốc, Việt Minh gây dựng chính quyền thống quản các vùng mới giải phóng; tiến tới thành lập một chính quyền duy nhất trong toàn quốc.

Cán bộ Việt Minh đang được đào tạo huấn luyện quân sự ở Trung Hoa. Để tránh rắt rối, Nguyễn Ái Quốc chấp nhận kế hoạch « Hoa quân nhập Việt » của Quốc dân đảng Trung Hoa. Trong một công văn ngày 21 tháng chạp năm 1941 ông minh giải chính sách thỏa thuận đó như sau:

> Rồi đây có thể Hoa quân nhập Việt đánh Nhật. Phương châm chiến thuật của chúng ta là liên minh với quân Trung Hoa đánh Nhật-Pháp theo nguyên tắc « bình đẳng tương trợ » (nguyên văn!) và làm cho quân Trung Hoa nhận rằng họ vào Đông Dương để giúp cho cách mạng Đông Dương tức là tự giúp chứ không phải vào Đông Dương để chinh phục Đông Dương.[156]

Từ mùa hè năm 1942, Trương Phát Khuê, tổng đốc quân sự tỉnh Quảng Tây, chuẩn bị hành binh nhập Việt. Y đưa lối 300 người Việt trong vùng y kiểm soát sang trại huấn luyện quân sự ở Daiken và khoảng 100 người sang trường quân sự Nam Ninh.

Sau đó trên 70 người - tương lai họ sẽ là cán bộ Việt Minh - được huấn luyện chiến tranh du kích, phá hoại và tình báo trong các trại và trường quân sự của Quốc dân đảng ở Tịnh Tây, Tian Đong, Nam Ninh, Daiken.

Tướng Trương Phát Khuê sáng kiến thành lập Việt Cách

Việt Minh hoạt động bè phái riêng rẽ thiệt hại cho nhóm Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Ái Quốc bị bắt. Theo lịch sử Đảng:

> Ngày 13 tháng 8 năm 1942, lấy tên mới là Hồ Chí Minh, đồng chí Nguyễn Ái Quốc lên đường đi Trung Quốc với danh nghĩa đại biểu Việt Nam độc lập Đồng minh và phân bộ Quốc tế phản xâm lược của Việt Nam để tranh thủ sự viện trợ của Quốc tế. Sau nửa tháng trời đi bộ, vừa đến Túc Vinh (một thị trấn thuộc huyện Tĩnh Tây, Quảng Tây, Trung

Quốc) ngày 29 tháng 8, Người bị chính quyền địa phương của bọn Tưởng Giới Thạch bắt giữ.[157]

Bốn mươi bốn năm sau, Hoàng Văn Hoan vén tấm màn che dấu mục đích chuyến đi của chủ tịch Việt Minh: Từ trước đến nay rất ít người biết, cũng có người lại nói Hồ Chủ tịch đi Trùng Khánh là cốt để gặp Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc chứ không phải đi gặp Tưởng Giới Thạch, có người biết ít nhiều cũng tránh đi không nói (tr.233).

Dẫu sao, khi Nguyễn Ái Quốc định qua mặt Trương Phát Khuê toan trực tiếp nương cậy Tưởng Giới Thạch dưới cái tên còn ít người biết là Hồ Chí Minh, lại bị bắt giải về ngục Liễu Châu. Trong khi đó, tháng 10 năm 1942, họ Trương lại tập hợp những người lãnh đạo các nhóm tổ chức người Việt thường xuyên đối nghịch nhau như Đồng minh Hội, Việt Nam Quốc dân đảng, Phục Quốc, Việt Minh và bẩy nhóm nhỏ nữa. Trương Phát Khuê áp đặt các nhóm này phải kết hợp lại dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Hải Thần nếu như họ còn muốn được giúp đỡ. Chính lúc đó các đảng cách mạng liên minh thành lập Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội, viết tắt Việt Cách. Không có đại biểu nào của Việt Minh được bầu vào Ban chấp hành. Họ Trương hứa cùng Nguyễn Hải Thần sẽ xuất cho mổi tháng 100.000 đồng tiền Trung Quốc để tổ chức ở Bắc Kỳ hoạt động phá hoại và tình báo chống quân Nhật.

Các đảng phái thành phần Việt Cách lưu trú ở Trung Quốc không có liên hệ gì mấy ở trong nước. Chỉ có một mình Việt Minh là hiện diện xuyên qua các « tổ cứu quốc » và du kích quân căn cứ giữa những vùng dân tộc thiểu số chống đối chính quyền: Thổ, Mán, Mèo, Tầy, Nùng, ẩn lánh trong các dãy núi đá vôi, nơi khu rừng sâu khấp hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn.

Cần nhắc lại hồi tháng 9 năm 1940, quân Nhật tấn công Lạng Sơn, Pháp quân thất thủ, hàng trăm nghĩa quân bản địa xung phong đồn bốt lính cảnh vệ người Việt bỏ chạy, họ chiếm đoạt vũ khí. Cuộc nổi loạn tràng lan đến đổi quân đội Pháp càn quét ba tháng trời mới tái chiếm xong các vùng ấy. Đảng viên Phục Quốc mất người chỉ huy - Trần Trung Lập - tẩu tán sang Tàu, trong khi một thanh niên người Thổ là Chu Văn Tấn còn sống sót, phát động và lãnh đạo khởi nghĩa Bắc Sơn (Cao Bằng). Từ đó, Chu Văn Tấn cùng phe đảng họ Chu đều nhập vào hàng ngũ Việt Minh. Những cán bộ Việt Minh xuất thân từ những trường quân sự Quốc dân đảng ở Quảng Tây chỉ huy họ và thành lập phần lớn các đơn vị du kích quân và các đội tự vệ trong vùng.

Như vậy chỉ có Việt Minh là có khả năng cung cấp tin tình báo đáng tin cậy cho Trương Phát Khuê. Trên danh nghĩa đó, Hồ Chí Minh, mặc dù vẫn

bị giam giữ, vẫn có thể liên lạc được với các đồng chí còn tự do, và thậm chí còn tham gia, vào tháng 3 năm 1944, một cuộc đại hội mới của Việt Cách do Trương Phát Khuê triệu tập ở Liễu châu. Tại hội nghị, ông Hồ cùng Phạm văn Đồng đại diện Việt Minh. Một lãnh tụ Đại Việt là Nguyễn Tường Tam đang bị giam giữ cũng được tham dự.

Tại đại hội, Việt Minh bị chỉ trích gay gắt vì hành động riêng rẽ và đầu óc tranh thắng, song Liên minh để giải phóng Việt Nam vẫn sống còn. Trương Phát Khuê đỡ đầu Liên minh thành lập một Chính phủ Cộng hòa Việt Nam lâm thời gồm Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Hồ Chí Minh, Bồ Xuân Luật... cùng lão Trương Bội Công chủ tịch.

Hồ Chí Minh được thả ngày 9 tháng 8 năm 1944, bèn đề nghị cùng Trương Phát Khuê cấp cho, để xây dựng hai cơ sở du kích dọc biên giới, một ngàn khẩu súng, 25.000 đồng bạc Đông Dương để chu cấp trong hai tháng đầu, và cấp riêng phần ông một giấy thông hành thường kỳ có ghi danh nghĩa là đại biểu Việt Cách có nhiệm vụ ở Việt Nam, và một khẩu súng lục tự vệ. Ông được cấp thông hành và 76.000$. Ngày 20 tháng 9, ông rời Liễu Châu cùng 18 cán bộ Việt Minh về biên giới Bắc Kỳ.

Trong bức « Thư gửi đồng bào » (tháng 10 năm 1944), Hồ chí Minh bày tỏ lòng tin tưởng « Trung Quốc sẽ tích cực giúp đỡ cuộc giải phóng dân tộc chúng ta ».[158]

Vào tháng 11, quân du kích Việt Minh tấn công các đồn bốt do quân cảnh vệ bản địa đóng tại biên giới để cướp vũ khí. Chính quyền Đơcu ra lệnh đánh trả đũa trấn áp thường dân bản địa, tố cáo họ là đồng lõa. Bọn chỉ huy Pháp xua các đội cảnh vệ bản địa và các liên đội lính chiến Bắc Kỳ triệt hạ các vùng, đốt làng, phá hủy kho thóc, bắn vào những người tình nghi. Chắc chắn trong lúc « những cuộc trả thù vô cùng tàn bạo do các đội quân phe Visy thực hiện ở Bắc Kỳ » (Santơny)[159] đến điểm cực kỳ dã man cùng những vụ xử án vội vã tiếp đó đã khích cảm J.M.Pêđrazani kể lại: « Chỉ trong hai tuần lễ, các tòa án đặc biệt (của Đơcu) kết án tử hình hàng trăm người bị tình nghi ».[160]

Cuộc đàn áp không dập tắt được ngọn lửa nổi loạn bùng cháy đỏ trời Thượng du Bắc Kỳ. Thống sứ Bắc Kỳ và Bộ chỉ huy quân sự lại chuẩn bị một cuộc chinh phạt mới nữa vào ngày 12 tháng 3 năm 1945. Nhưng họ không thực hiện được, bộ máy quân sự và hành chính của Pháp đã bị quân Nhật tiêu diệt ba ngày trước đó. Trong khi các đơn vị quân Pháp tướng Sabatiê và Alexăndri thoát khỏi quân Nhật xua đuổi chạy ùa sang Tàu thì Việt Minh thành công xây dựng vững chắc ba vùng lãnh thổ quân sự ở Lạng Sơn, Cao Bằng và Hà Giang và tổ chức một khu an toàn ở Tuyên Quang.

Hồ Chí Minh tìm sở cậy vào OSS
(Office of Strategic Service/ Phòng Chiến lược Mỹ)

Hồ Chí Minh vẫn trú ngụ tại Trung Hoa.

Theo Hoàng Văn Hoan, vào cuối 1944 (theo Đơviler ngày 29 tháng 3 năm 1945), với giấy thông hành thường trực của Quốc dân đảng Trung Hoa, Hồ Chí Minh trở lại Côn Minh, đề nghị hợp tác quân sự Việt Minh với tướng Sennô, chỉ huy không quân Mỹ tại miền Nam Trung Hoa. Ông cung cấp Sennô mọi tin tình báo có ích và hứa sắp xếp một trạm cấp cứu cho máy bay trực thăng đỗ xuống tại vùng bưng biền của Việt Minh. Du kích Việt Minh vừa cứu được một phi công Mỹ rơi xuống rừng sâu. Sennô tặng ông Hồ « 6 khẩu súng lục, 20.000 viên đạn, một số thuốc men và một ít tiền; Bác Hồ không nhận tiền nhưng tin tưởng rằng Mỹ sẽ giúp ông nhanh chóng và đầy đủ hơn ». Rồi ông Hồ đứng bên cạnh tướng Sennô để chụp ảnh.[161]

Sau cuộc vận động « ngoại giao » ấy, ông Hồ không bỏ qua một dịp nào để chán chường trưng bài tấm ảnh đó ra, tấm ảnh do viên tướng cơ quan OSS thân ái tặng. Tin chắc rằng sở cậy vào mãnh lực ngoại bang sẽ lôi kéo những kẻ lưỡng lự, ông Hồ đã dùng một trá thuật (subterfuge) tương tự để làm cho người ta tin rằng Việt Minh được Trung Quốc ưu tiên giúp đỡ, bằng cách trưng ra tại các cuộc triển lãm lưu động ở vùng Cao Bằng những tấm biểu ngữ chữ Hán có những lời ca ngợi của Trương Phát Khuê và Lý Tế Thâm tặng Liên minh giải phóng dân tộc thành lập ở Tĩnh Tây vào tháng 4 năm 1941.

Tháng 5 năm 1945, Hồ Chí Minh về hẳn Bắc Kỳ trong an toàn khu do du kích quân của Chu Văn Tấn bảo vệ. Người Mỹ lập tức tổ chức liên lạc với Việt Minh, một tổ chức phát triển mạnh, không còn lo ngại Pháp quân.

Họ cung cấp Việt Minh một số vũ khí tối tân, Colt 45, liên thanh Thompson, lựu đạn và đạn dược, cùng một số cố vấn và huấn luyện viên, một số rađio. Sau đó ít lâu ông Hồ đồng ý cho nhảy dù xuống Tổng hành dinh Việt Minh một nhóm người Mỹ do thiếu tá Thômas cầm đầu. Nhóm này tới Tân Trào ngày 16 tháng 7.

Hồ Chí Minh tìm thỏa hiệp với đế quốc Pháp
trong « đồng minh Pháp-Đông Dương »

Khi còn trong nhà tù của Trương Phát Khuê, ông Hồ lóng nghe lời tuyên bố của Đơ Gôllơ tại Algiê ngày 8 tháng chạp năm 1943 là sẽ « ban hành một qui chế chính trị mới cho nhân dân Đông Dương trong khuôn khổ tổ

chức Liên bang Khối liên hiệp Pháp ». Liên bang này không còn là một thuộc địa nữa, mà là một « Nhà nước ». Hồ Chí Minh chuẩn bị tiếp xúc những đại diện của « Nước Pháp tự do ». Hai đại biểu Việt Minh đến Côn Minh (Vân Nam) ngày 29 tháng 4 năm 1944 để gặp lãnh sự Pháp Royêrơ và đề nghị thiết lập một đ đồng minh Pháp-Đông Dương » để đưa Đông Dương đến độc lập và dân chủ hóa « trong một thời gian sớm nhất », đổi lại Việt Minh sẽ hợp tác,về cả mặt quân sự, trong cuộc đấu tranh tương lai của « Nước Pháp tự do » chống Nhật.[162] VN Quốc dân đảng và Việt Cách cáo giác cái toan tính thỏa thuận ngầm với đế quốc Pháp đó như một điều ô nhục. Vả lại thủ đoạn này Đơ Gôllơ cũng không màng đến: ngày 16 tháng 6, Đơ Gôllơ chỉ hứa để đền bồi cộng tác Việt Minh, là sẽ chỉ để cho quyền tự trị trong khuôn khổ « Khối liên hiệp Pháp tập hợp các nước thuộc Pháp ».

Ngày 6 tháng 8, dường như Việt Minh thách Đơ Gôllơ, tuyên bố sẽ lên chính quyền trong thời cơ trống rổng chính trị, biểu hiện giai đoạn kết thúc chiến tranh Thái Bình Dương, trong khi Nhật bại trận:

> Nước Đức gần bị bại, Đức bại sẽ làm cho Nhật bại theo, Nhật sẽ không kháng cự nổi cuộc tổng tấn công. Khi đó người Tàu và người Mỹ sẽ vào Đông Dương. Chúng tôi sẽ không cần phải cướp chính quyền, vì khi đó chính quyền không còn nữa. Chúng tôi sẽ thành lập chính quyền ở bất cứ nơi nào mà kẻ thù của chúng tôi, Pháp và Nhật, vắng mặt.

Ngày 10 tháng 9 năm 1944, Đơ Gôllơ thiết lập ở Paris Chính phủ Cộng hòa Pháp lâm thời. Ông ta liền quyết định thành lập một đoàn quân viễn chinh sang Viễn Đông (phải hiểu là để tái chiếm Đông Dương). ĐCS Pháp khuyến khích đường lối đó. Ngày 13 tháng 4 năm 1945, tờ *Nhân Đạo* (L'Humanité) còn viết:

> Nước Pháp cần phải tăng cường nỗ lực gửi sang Viễn Đông những lực lượng cộng tác với quân Đồng Minh và nhân dân Đông Dương để giải phóng lãnh thổ này (nguyên văn)...

Ngày 24 tháng 3 năm 1945, 15 ngày sau cuộc Nhật đảo chính thủ tiêu nền thống trị Pháp ở Đông Dương, Đơ Gôllơ xác định kế hoạch đối với Đông Dương: Đông Dương sẽ không còn là đất của Đế quốc - một từ ngữ làm gai người tổng thống Hoa Kỳ Roosevelt - mà là một thành viên của

Khối Liên hiệp Pháp, trong đó Liên bang Đông Dương sẽ dưới quyền một toàn quyền Pháp, toàn quyền sẽ lựa chọn các bộ trưởng « người Đông Dương và người Pháp cư trú tại Đông Dương ». Cái chữ chủ chốt là *độc lập* thì không thấy nói đến bao giờ.

Lời đáp của Hồ Chí Minh chuyển tới Santony, đại diện chính phũ lâm thời Pháp tại Côn Minh - do thiếu tá Thômas làm trung gian . Hồ Chí Minh chấp nhận một nền độc lập Việt Nam trì hoãn từ 5 đến 10 năm, và trong thời gian đó, một toàn quyền Đông Dương người Pháp đứng đầu Liên bang Đông Dương.[163]

Thỏa thuận cùng thủ đoạn của Việt Minh chỉ gây ảo tưởng rằng có thể liên minh với đế quốc Pháp và Đồng minh nhằm thực hiện dần dần công cuộc « giải phóng dân tộc ». Và sự giải phóng nào vậy! Phu - nô lệ trong các đồn điền cao su, thợ thuyền trong các hầm mỏ và nhà máy, tá điền trên các đồng ruộng sẽ được giải phóng chăng?

Trong khi đó những người theo phái Stalin tuyên bố không úp mở vào ngày 18 tháng 11 năm 1945, trong báo *La République* số 7, Hà Nội: « Chúng tôi, người cộng sản, với tư cách chiến sĩ tiền phong dân tộc sẵn sàng đặt lợi quyền dân tộc lên trên lợi quyền giai cấp ». Ngược lại, những người xu hướng Trôtski vẫn giữ vững một niềm tin là đảng cộng sản phải là đội tiền phong của giai cấp vô sản chứ không phải là của dân tộc và của tổ quốc.

Khi hết hạn tù đày, vào năm 1943-1944, những người Đệ tứ bị quản thúc tại bốn phương Nam Kỳ (Trần Văn Thạch và Hồ Hữu Tường ở Cần Thơ; Phan văn Hùm ở Tân Uyên; Tạ Thu Thâu ở Long Xuyên) dưới sự giám sát của cảnh sát như mọi tù chính trị sống sót ra khỏi nhà tù Côn Đảo (Trần Văn Sĩ đã bỏ xác ở đó). Riêng Hồ Hữu Tường bỏ hàng ngũ khi tuyên bố rằng mình không còn dính dáng với chủ nghĩa Kac Mac, cùng tư tưởng Trôtski sau bốn năm suy ngẫm trong tù.

Những người xu hướng Trôtski không phải là những người quốc gia chủ nghĩa. Vượt lên trên công cuộc giải phóng dân tộc, họ gắn bó một cách toàn tâm, toàn ý vào công cuộc giải phóng xã hội cho các tầng lớp phu phen, thợ thuyền và nông dân nghèo, chiếm đại đa số trong nhân dân. Họ vẫn giữ niềm tin rằng giai cấp công nhân, liên minh với nông dân nghèo, sẽ là động lực chủ yếu của phong trào cách mạng, sẽ giải phóng dân tộc thoát khỏi ách thống trị của đế quốc thực dân, và đồng thời sẽ giải phóng thợ thuyền và dân cày thoát khỏi ách áp bức bóc lột của tư sản và địa chủ trong xứ.

Sau hết họ vẫn tin chắc rằng cuộc tranh đấu đó sẽ được tầng lớp công nhân cách mạng Pháp và thế giới ủng hộ, cuộc tranh đấu đó chỉ có thể hoàn

thành được trong sự lật đổ hệ thống tư bản chủ nghĩa trên toàn thế giới và trong ý thức chân chính cộng sản. Cuộc giải phóng dân tộc mà công nhân không làm chủ xí nghiệp, nông dân không làm chủ ruộng đất, thì đối với những người bị bóc lột, chỉ là sự thay thầy đổi chủ. Cái quyền bóc lột sức lao động của kẻ khác vẫn tồn tại.

Lịch sử đã chứng tỏ rỏ rằng họ có lý

XX
Nhật đảo chính ngày 9 tháng ba 1945 và sau đó

Vào Tháng giêng năm 1945, không quân Mỹ oanh tạc từ một năm rồi, bấy giờ tăng cường ném bom chủ yếu trên đường sắt xuyên Đông Dương, dường như báo hiệu Đồng minh sắp đổ bộ ở Đông Dương. Bộ chỉ huy quân sự tối cao của Nhật liền quyết định đặt Đông Dương dưới quyền quản trị quân sự trực tiếp của Nhật.

Hiệp ước thân thiện Nhật ký với Liên Sô vào tháng tư năm 1941- Stalin để người Nhật tiếp tục chiếm hữu các nhượng địa hầm mỏ miền bắc đảo Sakhalin - hiệp ước sắp hết hạn vào tháng tư 1945. Liên Sô vừa mới ký một hiệp ước đồng minh với chính phủ Đơ Gôllơ, ngày 10 tháng chạp 1944, rất có thể sẽ bỏ thái độ trung lập đối với Nhật. Cuộc đảo chính được quyết định vào ngày 9 tháng ba.

Khi đó quân Nhật đóng ở Bắc Kỳ: 24.000, ở Trung Kỳ: 8.000 và ở Nam Kỳ: 25.000. Các lực lượng binh bộ Pháp lúc đó gồm hơn 60.000 quân, chủ yếu đóng ở miền Bắc và đã dự bị luôn luôn sẵn sàng nghinh chiến. Đôi khi binh lính đó được sử dụng trong các cuộc đàn áp, cũng như vừa rồi mới đi đánh phá du kích Việt Minh ở Việt Bắc.

Các sự kiện

Chiều ngày 9 tháng 3, lối bảy giờ, đại sứ Matsumoto buộc Đơcu chuyển giao toàn bộ lực lượng quân đội Pháp ở Đông Dương dưới quyền bộ chỉ huy tối cao quân Nhật. Đơcu không chấp nhận ngay, ông ta bị bó tay,

khắp ba Kỳ cùng một giờ, quân Nhật tấn công bất ngờ vào các trại lính, các đồn bốt, các trung tâm lớn. Toàn các tướng chỉ huy quân sự cùng tất cả thủ lãnh hành chính của Pháp bị thộp hoặc đầu hàng. Ở Lạng Sơn, các sĩ quan Pháp bị chém đầu một cách hiểm ác sau một bữa tiệc linh đình do quân Nhật thiết đãi. Ba tướng lĩnh sống sót trốn thoát cùng quân đội sang Tàu và Bắc Lào. Đó là một cuộc chạy tháo thân, nhưng trước khi chạy trốn chúng vẫn đủ thời gian giết hại những tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.

Thường dân Pháp đều bị tập hợp lại trong các trung tâm đô thị lớn có giám sát. Một số bị nhốt trong cũi tù, bị tra tấn hoặc chém đầu.

Chính quyền thực dân Pháp, thiết lập trên 80 năm qua và đã từng chống lại không mấy khó khăn những toan tính vô vọng của nhiều thế hệ, những người âm mưu lật đổ chính quyền, và những cuộc nông dân nổi loạn, thế mà chỉ trong một đêm là sụp đổ, người Nhật liền thay thế người Pháp đứng đầu bộ máy thống trị dưới danh nghĩa những kẻ đi giải phóng. Viên chỉ huy trưởng quân đội chiếm đóng Nhật Tsuchihashi thay thế Đơcu nhậm chức toàn quyền Đông Dương; ở Hà Nội và Huế, các nhà ngoại giao Tsukamoto và Yokoyama thay thế các thống sứ Pháp còn ở Sài Gòn, Minođa sung chức thống đốc Nam Kỳ. Người Nhật phong chức các quan cai trị người Việt, lựa chọn trong số viên chức cao cấp thay thế các chủ tỉnh người Pháp, qua tháng 7 lập ra Hội đồng Nam Kỳ, một cơ quan tư vấn như Hội đồng quản hạt trước kia, gồm các đại biểu giai cấp tư sản và địa chủ cùng các phe nhóm quốc gia.

Đại úy hiến binh Nhật Ichikawa cầm đầu sở mật thám Nam Kỳ.

Ngày 11, Bảo Đại dưới bóng Nhật tuyên bố: « Bắt đầu từ hôm nay, hiệp ước bảo hộ của Pháp quốc đã bị hủy bỏ, đất nước lấy lại quyền độc lập ».Nhưng ông ta nói thêm « (ông ta) sẽ tuân theo chỉ thị trong Tuyên ngôn chung của khối Đại Đông Á ». Lời tuyên bố ấy chứng tỏ, nước nhà không độc lập, mà trái ngược lại, còn lệ thuộc và tuân phục cưỡng bức. Ngày13, tới phiên vua Cao Miên, qua ngày 8 tháng tư vua Lào, cũng lần lượt tuyên bố độc lập.

Các báo chữ quốc ngữ ở ba thủ dô thả sức nói về đế quốc chủ nghĩa Pháp thất bại.

Chính phủ Bảo Đại-Trần Trọng Kim
(tháng tư - tháng tám 1945)

Từ năm 1932, hoàng đế thiếu niên Bảo Đại lên ngôi ở Huế, và trong mười sáu năm danh nghĩa ông trị vì nhưng thực ra quyền của ông chỉ bao gồm việc ban chỉ dụ công nhận các vị thần hoàng làng xã, và để tiêu rỗi tháng ngày, ông chỉ có chơi thể thao và đi săn, chính ông thở than như thế. Người Nhật tin cậy tính tình thuần phục của ông ta và để ông ta trị vì, gây khốn đốn cho phái quốc gia đảng Phục Quốc và giáo phái Cao Đài, vì họ vẫn tin tưởng hoàng thân Cường Để sẽ trở về, ông hoàng phiến loạn này đã cùng Phan Bội Châu xuất dương sang Tàu năm 1905, bị người Pháp kết án tử hình năm 1913 và ẩn náu tại Nhật từ đó.

Dù sao với Bảo Đại hay với Cường Để, nền độc lập mà Nhật vừa ban bố cho Việt Nam chỉ là « hữu danh vô thực » và tạo điều kiện « cho người Nhật kiểm soát và cai trị trên toàn cõi Đông Dương », như tướng Tsuchihashi, người đã tổ chức cuộc đảo chính ngày 9 tháng ba, đã kể lại trong Hồi Ký.[164]

Ngày 19 tháng ba, Bảo Đại giải thể các quan thượng thư triều đình để lập một nội các mới. Trước hết Bảo Đại nghĩ tới Ngô Đình Diệm, một cựu thượng thư Bộ Nội vụ, người đã có những sáng kiến khi làm thư ký Ủy ban Cải cách nhưng không thực thi gì được, chế độ Pháp bảo hộ khước loại cải cách, nên Diệm từ chức năm 1933 tránh đóng vai trò hài kịch chính quyền. Lần này cũng vậy, Diệm từ chối không tham gia vào tấn tuồng hài kịch chính quyền mới, vả lại người Nhật Tsuchihashi cũng không muốn có Diệm.

Hoàng đế đành ngả về phía một trí thức có xu hướng quốc gia không tên tuổi, đó là Trần Trọng Kim, một thanh tra trường tiểu học ở Hà Nội đã về hưu, và được người Nhật đưa từ nơi lánh thân ở Singapo về nước. Bảo Đại biết cách thuyết phục ông nhận cái nhiệm vụ khó khăn mà vô ích đó: ta không được để cho người Nhật toàn quyền cai trị, phải « tỏ ra có tầm vóc quản lý nền độc lập ». Ngày 17 tháng tư, Trần Trọng Kim trình danh sách chính phủ mới lên hoàng đế. Trong danh sách đó, ông đã tập hợp - không phải là dễ dàng gì - các nhà trí thức ba Kỳ, gồm nhiều nhà kỹ thuật hơn chính trị: bốn bác sĩ, ba luật sư, hai giáo sư và một kỹ sư.

Luật sư Phan Anh, cựu cán bộ tổ chức Thanh niên và Thể thao thời chính quyền Đơcu, làm bộ trưởng Bộ Thanh niên; ông tổ chức lại đội ngũ thanh niên theo tinh thần quốc gia, tên gọi Thanh niên tiền tuyến. Không có bộ trưởng quốc phòng, chính phủ chỉ có khoảng một trăm lính bảo an

ở Huế, khoảng năm chục ở mỗi tỉnh và độ hai chục ở mỗi huyện, tất cả hầu như thiếu trang bị: súng đạn cũ rích. Vả lại cần gì phải có một đạo binh mà rút cuộc có thể bị Nhật sử dụng làm lực lượng phụ trợ cho quân đội Nhật.

Chính phủ hoàng gia mới thành lập chấp nhận quốc kỳ cờ mầu vàng, trên nền vàng có hình quẻ Ly mầu đỏ, mầu cờ của vị nữ anh hùng thuở xưa là Triệu Ẩu khởi nghĩa chống lại ách áp bức của người Tàu; quẻ Ly - hai vạch dài nằm ngang, tượng trưng Dương khí, kẹp ở giữa một vạch đứt, tượng trưng Âm khí - biểu hiện yếu tố Lửa, « ánh sáng văn minh rọi chiếu bốn phương trời ».

Trần Trọng Kim lo lắng chủ yếu làm sao tập hợp dược toàn thể dân tộc dưới quyền cai trị của hoàng gia. Người Nhật dễ dàng chấp nhận việc chính phủ ở Huế phái một khâm sai đại thần ra Hà Nội vào tháng sáu. Thượng quan ấy chính là cựu tổng đốc Phan Kế Toại, chỉ hiện diện tượng trưng chứ không quyền hành chi cả, vì mọi công sở, cơ quan cảnh sát, đường sắt, bưu điện, kho bạc, công chính... vẫn do người Nhật chỉ huy.

Chỉ đến đầu tháng tám, Trần Trọng Kim mới được Tsuchihashi chấp nhận giao cho người Việt quyền quản trị ba thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng, đồng thời giao lại các công sở thuộc phủ toàn quyền và lãnh thổ Nam Kỳ cho hoàng triều. Ta có thể nêu phụ thêm ở đây là do Trần Trọng Kim tích cực hoạt động nên một mớ tù được thả ra, trong đó có vài chục thanh niên Việt Minh và môt số lính tập người Việt bị bắt từ cuộc đảo chính.

Trong tập hồi ký *Một cơn gió bụi*, Trần Trọng Kim chứng tỏ ông nhận thức quân đội Nhật sẽ thất bại không sao tránh khỏi, và vì thế sự nghiệp của ông mỏng manh, nếu không nói là huyền ảo, ông nhận thức trước khi quân đồng minh tới, ông không thể làm gì được khác hơn là tạo ra một « cái hằn, một cái nếp người ta không thể xóa bỏ hẳn đi được ».

Trên lĩnh vực chính trị, nhóm của ông dự định - nhưng dự định này cũng chỉ ở trong tình trạng triển vọng - việc thảo ra một hiến pháp trên cơ sở về quyền của mỗi người dân được tự do chính trị, tự do nghiệp đoàn và tự do tín ngưỡng, như Bảo Đại đã công bố ngày 8 tháng năm. Biện pháp xã hội duy nhất hữu hiệu mà chính phủ này thực hiện được là hủy bỏ thuế thân cho những người không có của cải và những người làm công ăn lương dưới 100 đồng một tháng. Bộ lương thực không hoàn bị được việc chở gạo Nam Kỳ vì đường sắt xuyên Đông Dương đã bị máy bay Mỹ ném bom không hoạt động nữa, còn thuyền bè qua biển thì bị đắm hoặc bị ăn cướp. Rồi trong khi gạo bị thu đi để phục vụ nhu cầu quân đội Nhật, nạn đói hủy hại vô số nhân dân ở Bắc.

Du kích Việt Minh từ miền thượng du tuông xuống khuyến khích dân chúng đang lâm vào cảnh chết đói phá các vựa thóc của nhà giầu và đánh chiếm các kho thóc ở nơi nào có thể, và đứng lên chống lại những lực lượng đàn áp. Chính phủ Trần Trọng Kim không có cơ sở quần chúng, cũng chẳng có một tổ chức chính trị nào nâng đỡ, đột nhiên tan vỡ. Trong cuộc trao đổi ý kiến ngày 5 tháng tám, một trong những phiên họp cuối cùng của nội các, bác sĩ Trần Đình Nam, bộ trưởng Nội vụ đàm thoại cùng Phan Anh, bộ trưởng Thanh niên (theo báo cáo của bác sĩ Hồ Tá Khanh):

> - Trong tỉnh Thanh Hóa dân phiến loạn đã tước vũ khí vệ binh, trói các lý trưởng, viên tỉnh trưởng có hỏi tôi có nên bắn hay không. Ở địa vị tôi thì anh làm thế nào?
> - Lý trưởng và tỉnh trưởng cứ việc tự giải quyết. Trong trường hợp tự vệ chính đáng thì họ cứ việc tự vệ.
> - Nếu như tôi, người chủ chốt của họ, mà còn không biết quyết định như thế nào, thì làm sao mà anh bảo tôi cứ để mặc họ tự lo liệu được? Như vậy là trốn trách nhiệm của tôi.

Bác sĩ Hồ Tá Khanh, Bộ trưởng Kinh tế lúc đó đã trù tính trao chính quyền cho Việt Minh, theo ông thì « với một chút may mắn tổ chức nầy có thể cứu vãn được nền độc lập đất nước ». Ngày 8 tháng 8 nội các thực sự giải tán. Thanh niên tiền tuyến, cũng như các đội cảnh vệ trong thành và trong tỉnh đang dần dà đi theo Việt Minh.

Trước khi rút lui, Trần Trọng Kim muốn tìm một người thay thế; nhằm mục đích đó ông phái Phan Anh ra Bắc và Hồ Tá Khanh vào Nam, với nhiệm vụ thăm giò ý kiến của « những người có đảng phái như Ngô Đình Diệm, Nguyễn Xuân Chữ, Lê Toàn, Tạ Thu Thâu, Hồ Hữu Tường, Đặng Thái Mai, là những kẻ có tiếng tăm về hoạt động chính trị[165] và để trình bày cho họ biết hết mọi tình huống » (hai sứ giả này dọc đường bị Việt Minh giữ lại).

Ngày 14 tháng tám, Trần Trọng Kim phái Nguyễn Văn Sâm, đảng viên lập hiến, làm khâm sai Nam Bộ (ông này rơi vào tay Việt Minh chiều ngày 24 khi đến Sài Gòn). Đó là hành động cuối cùng của chính phủ Trần Trọng Kim.

Ngày 23, Ủy ban Việt Minh kiểm soát thành phố Huế. Việt Minh chỉ trả cho Trần Trọng Kim 1600 đồng « tiền lương tại chức hơn một tháng »

Ở đây ta hãy ghi nhận một ác ý của Trần Văn Giàu, một người theo phái Stalin mà chúng ta sẽ thấy bắt tay vào việc ở Sài Gòn, đối với Hồ Tá Khanh

và những người xu hướng Trôtski và gian trá về mặt lịch sử. Y biết rõ Hồ Tá Khanh từ lâu vẫn là người cảm tình với phong trào cách mạng và chính y đã thuyết phục Hồ Tá Khanh tham gia nội các Trần Trọng Kim để quan sát ý đồ người Nhật. Thế nhưng y lại để những kẻ cộng sự với y viết vào lịch sử chính thức một đoạn hổn hiệp hồ lốn những điều vu khống hai mặt sau đây:

> Trong thời gian này, mặc dù không có được vai trò gì đáng kể, bọn tờ-rốt-kit cũng đã âm mưu nắm chính quyền; chúng cho Hồ Tá Khanh, một người theo xu hướng tờ-rốt-kít cộng tác với chính quyền bù nhìn thân Nhật, Huỳnh Văn Phương làm cảnh sát trưởng cho Nhật và Tạ Thu Thâu, tên trùm tờ-rốt-kít ra Huế làm cố vấn cho Chính phủ Trần Trọng Kim mong rằng sau này Chính phủ Trần Trọng Kim đổ, hắn sẽ thay thế Kim nắm lấy chính quyền.[166]

Ở Bắc Kỳ: lực lượng đảng phái quốc gia sau ngày 9 tháng ba 1945

Nhóm Đại Việt, dựa vào thế lực Nhật, triển khai tổ chức công khai sau ngày 9 tháng ba, tập hợp thanh niên theo họ vào các trung tâm huấn luyện quân sự, song song với Thanh niên tiền tuyến. Nguyễn Thế Nghiệp, trước kia trốn thoát khỏi Yên Bái, cùng nhà văn Nhượng Tống tái lập Việt Nam Quốc dân đảng, đảng nầy được QDĐ Trung Hoa đỡ nâng từ trước. Theo truyền thống âm mưu binh biến, VNQDĐ thức tỉnh nhóm lính tập được giải thoát ở Vĩnh Yên rồi lập căn cứ tại tỉnh Bắc Giang. Vào tháng năm, Đại Việt và VNQDĐ sát nhập thành Đại Việt Quốc gia Liên minh, hai đảng cùng hợp tác hoạt động, chủ yếu trong giới thanh niên.

Riêng Việt Minh có hàng ngàn hàng ngàn người gia nhập. Việt Minh đã bắt rễ tại những vùng dân tộc thiểu số. Chẳng những một số tướng binh QDĐ Trung Hoa nâng đỡ, mặc dù bọn này ít nhiều do dự. Việt Minh lại còn giao thiệp chặt chẽ với Phòng mật vụ Mỹ OSS ở Côn Minh (Vân Nam). Ảnh hưởng Việt Minh ngày càng tăng lên: khi họ hô hào nông dân đói ùa vào vựa lúa của địa chủ và phá các kho thóc của Nhật, họ ngày càng kết nạp được nhiều đảng viên. Hồ Chí Minh vào Bắc Kỳ tháng năm, trong khu an toàn ở Thái Nguyên, nơi mà OSS bí mật cung cấp đạn dược và vũ khí, cũng nơi đó các phái đoàn Mỹ nhảy dù đáp xuống vào tháng bảy, yên ổn hoàn toàn.

Cũng cần nhắc lại Việt Minh cũng thiện giao với chính phủ lâm thời Đơ Gôllơ, ông nầy phải đối phó tình hình do Nhật đảo chính gây ra, đến nỗi phải đề nghị một qui chế mới cho Đông Dương.

Vào tháng tám, khi quân Nhật thất bại, Việt Minh đã sẵn sàng tiêu diệt các đảng phái quốc gia, mọi xu hướng đối lập.

... còn ở Nam Kỳ các đảng phái và giáo phái

Tại Sài Gòn, giáo sư Hồ Văn Ngà mới vừa thành lập Việt Nam Quốc gia Độc lập Đảng. Cùng đảng Phục Quốc và các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, ông ta chào mừng cuộc đảo chính Nhật và mời mọi người mít ting vào ngày 16 tháng ba để « tỏ lòng quốc dân biết ơn quân đội Nhật đã giải phóng chúng ta thoát khỏi ách giặc Pháp ». Phục Quốc và giáo phái Cao Đài, hai tổ chức có đảng viên và tín đồ vỏ trang tham gia vào cuộc đảo chính, ra sức ca ngợi « cuộc hành quân giải phóng trong khuôn khổ khối Đại Đông Á » và kêu gọi đoàn kết theo chân nước « Đại Nhật Bản chiến thắng ».

Giáo chủ phái Hòa Hảo tuyên bố ngay: Kẻ thù giết hại cha ông chúng ta đã bị gông cùm, đồng bào hãy nỗ lực quay về phía giành độc lập cho xứ sở, hãy đoàn kết nhau trong khối quốc gia để « tránh nguy cơ nội chiến ». Ông kêu gọi lính tập đã đảo ngũ, kể cả nhân viên mật thám người bản địa hãy bỏ vũ khí xuống trong các đồn bốt của Nhật, khuyến khích kẻ cắp và trộm cướp ăn năn hối hận và hứa hẹn rằng chính quyền mới sẽ tha thứ cho họ. Trong khi chờ đợi Phật Vương xuất hiện, giáo phái này củng cố những đội bảo an riêng của họ, đảm nhiệm một chính quyền thiết thật quả nhiên trong vùng Châu Đốc, giúp đỡ dân nghèo chống lại kẻ giàu. Thống đốc Minođa lưu ý duy trì giới hạn phong trào Hòa Hảo, lo ngại họ bỏ cấy gặt gây nên thất bác mùa màng.

Nhật cấm tổ chức biểu tình ngày 16 tháng ba.

Thanh niên vận động

Tầng lớp thanh niên Việt đã tập hợp thành đội ngũ dưới thời Đơcu thì sao? Nhật mưu toan khắc phục phong trào thanh niên bỗng chốc đoạt được kết quả tại Nam Kỳ.

Ngày 15 tháng tư, tổ chức lấy tên mới, Thanh niên Tiền phong. Đám thanh niên gia nhập gồm những trai tráng ngày hôm qua, trước tượng Pêten, còn hô to « Thưa Thống chế, chúng tôi có mặt đây! », hôm nay chúng hoan hô quân đội Nhật chiến thắng, trong một cuộc tập hợp khổng lồ tổ chức tại Chợ Lớn để kỷ niệm ngày hội « Đại Đông Á ». Tại Sài gòn, bữa 25 tháng năm, Iiđa, người được Minođa chỉ định cầm đầu tổ chức này, triệu tập cán bộ phong trào (gồm có trạng sư, thầy giáo, kỹ sư, thầy thuốc) trong đó có bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, để mời họ tham gia chuyển hóa cái tổ

chức « do thực dân Pháp thành lập - nhằm đánh lạc thanh niên, hướng lãng quên nhiệm vụ yêu nước - trở thành một tổ chức mới trong đó mỗi thành viên sẽ trở nên một chiến sĩ sẵn sàng xây dựng nền độc lập dân tộc Việt Nam trong khuôn khổ khối Đại Đông Á ».

Cán bộ Thanh niên Tiền phong triển vọng trên đường tiến tới chính quyền, chiều theo bài diễn văn của Iida tán dương cái gọi là nền độc lập, họ kêu gọi thanh niên không phân biệt giai cấp xã hội, tán dương gia nhập Đại Đông Á - dù họ không nói tới cái tên. Ai không theo thì « cũng như không yêu nước. »

Được kết nạp vào Thanh niên Tiền phong là phải tuyên thệ trung thành với cấp trên, phải chấp thuận đồng phục, cách chào, cờ vàng có ngôi sao đỏ, một bài ca, Lên Đàng, ca ngợi những anh hùng chiến thắng ở Bạch Đằng và Chi Lăng ... Trong khi đó phong trào được chắc chắn xây dựng nhờ ở cách tổ chức đội ngũ hữu hiệu: mỗi nhà máy, mỗi văn phòng, mỗi công xưởng, mỗi trường học, mỗi tổ chức công cộng đều nhanh chóng tổ chức được phân ban sở tại. Đó là một phong trào động viên mọi thanh niên tráng kiện từ 13 tuổi trở lên, tại các trung tâm đô thị cho tới các miền quê xa xôi hẻo lánh, tham gia duy trì trật tự (chủ yếu được trang bị bằng tầm vông vạt nhọn), tham gia phòng vệ dân sự (dọn dẹp sau các trận bom, thu nhặt xác, cứu hộ người bị thương), giúp đỡ dân đói ở miền Bắc, thanh toán nạn mù chữ, hướng dẫn vệ sinh.

Ngày 1 tháng bảy 1945, ngày « hội thề », một tổ chức qui mô hùng tráng với 300 thanh niên tham dự ở Sài Gòn, biểu diễn trước mặt Minođa và Iiđa, dưới lá cờ quẻ Ly triều Huế. Ngày 3, Bảo Đại tiếp một đoàn đại biểu gồm 38 sinh viên có trách nhiệm huấn luyện thanh niên mới tham gia. Bảo Đại phong bác sĩ Phạm Ngọc Thạch Sư trưởng Thanh niên và đại diện cho Bộ Thanh niên ở Sài Gòn. Ngày 27, nữ bác sĩ Hồ Vĩnh Ký thành lập phân hội Phụ nữ Tiền phong, nhằm giáo dục các tầng lớp phụ nữ. Dần dà, tổ chức Thanh niên Tiền phong - mà người Nhật tâm niệm sẽ có lúc trở thành lực lượng bổ sung - sẽ tiến thành một chính quyền người Việt thiết thật.

Những người theo phái Stalin ở Nam Kỳ, mà các tổ chức quần chúng đã bị thất tán từ buổi đầu chiến tranh, họ xây dựng cơ sở thành công trong nội bộ Thanh niên Tiền phong. Họ đã thu phục được bác sĩ Thạch, lãnh tụ TNTP cùng phần đông cốt cán phong trào. Mấy người này rất cảm xúc khi họ được biết lực lượng Việt Minh bùng lên ở miền Bắc, có khả năng mở đường đi tới nền độc lập. Sở cậy vào Thanh niên Tiền phong, phái theo Stalin ở Sài Gòn loại trừ các đảng phái quốc gia ảnh hưởng lụi bại từ sau khi Nhật thất bại, rồi đến tháng tám, họ tự thành lập chính quyền trên thực tế, trước thái độ dửng dưng của quân Nhật thất bại.

Chiến sĩ xu hướng Trôtski sống sót tập hợp lại

Sau cuộc đảo chính, Nhật thiết quân luật toàn Đông Dương. Tạ Thu Thâu, thoát khỏi vòng kiểm soát hiến binh Nhật, rời Long Xuyên tới Sài Gòn. Ở đó chẳng bao lâu anh gặp Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm, Nguyễn Văn Số, Lê Văn Thử, Phan Văn Chánh... Trong một thế giới hỗn loạn nhiễu nhương, nhóm này dường thấy thời cơ đã đến, mặc dù ít người, để tự tổ chức lại thành đảng Thợ thuyền cách mạng. Họ cố gắng tiến hành liên hệ với các nhóm anh em ở Trung và Bắc Kỳ, những nhóm vẫn hoạt động trong bóng tối và không bị tê liệt hoàn toàn trong thời gian chiến tranh: Ở Hà Nội phải chăng tờ *Ngôi Sao Đỏ* tiếp tục lâu lâu xuất hiện một số, và đã tố cáo Stalin giải tán QTCS (ngày 15 tháng năm 1945) để chuộng lòng phe đồng minh? Phải tìm mọi cách liên lạc với miền Bắc để phối hợp hành động khẩn cấp trong tình thế tiến triển nhanh chóng này. Tạ Thu Thâu lãnh trách nhiệm đó.

Những cựu chiến sĩ nhóm Tranh Đấu - La Lutte lao vào công việc phục sinh các Ủy ban hành động đã bị phân tán trong những năm chiến tranh. Đó chính là nhiệm vụ đặc biệt trong vùng Sài gòn-Chợ Lớn của Lê Văn Vững và thầy giáo Nguyễn Thi Lợi, anh này là người trước kia chủ chốt bí mật thành lập nghiệp đoàn giáo viên. Hình Thái Thông bên ngoài lấy tư cách một trạng sư. hoạt động móc nối các độc giả báo *Tranh Đấu* ở miền Tây (Mỹ Tho, Cần Thơ, Trà Vinh) gần gũi nông dân. Khi tờ *Tranh Đấu* tái bản vào tháng tám, tháng chín 1945, số ấn bản lên tới 15.000 và 20.000, vì nội dung phù hợp với lòng hy vọng và với tiềm năng hành động.

Về phần nhóm Tháng Mười và Tia Sáng, các cựu đồng chí tái lập Liên minh cộng sản, với Lư Sanh Hạnh cổ động thành lập những Ủy ban nhân dân. Ngày 24 tháng 3, Liên minh phát hành hình bản tuyên ngôn sau đây:

> Sự thất bại sắp tới của quân Nhật sẽ đưa nhân dân Đông Dương vào con đường giải phóng dân tộc. Tầng lớp tư sản và phong kiến ngày nay đang phục vụ hèn hạ cho Bộ tham mưu quân đội Nhật ngày mai sẽ phục vụ phe Đế quốc đồng minh. Tầng lớp tiểu tư sản quốc gia, tính chất phiêu lưu chính trị, cũng không khả năng đưa nhân dân đến thắng lợi cách mạng. Chỉ có giai cấp thợ thuyền đấu tranh một cách độc lập dưới cờ Đệ tứ Quốc tế là có khả năng hoàn thành được nhiệm vụ tiên phong cách mạng.
>
> Những người theo phái Stalin trong Đệ tam Quốc tế đã bỏ rơi giai cấp công nhân để liên minh một cách thảm hại với bọn đế quốc

« dân chủ ». Họ đã phản bội nông dân và không còn nói đến vấn đề ruộng đất nữa. Nếu ngày nay họ đi với bọn tư bản nước ngoài thì sau này họ sẽ còn giúp cho giai cấp bóc lột trong nước đàn áp nhân dân cách mạng trong thời gian sấp tới.

Hỡi anh em thợ thuyền và dân cày! hãy tập hợp lại dưới cờ đảng Đệ tứ Quốc tế!.

Liên minh có tập đoàn chiến sĩ hăng hái nhất tại Xưởng Xe điện ở Gò Vấp. Ở đây 400 công nhân và nhân viên đã lập được một Ủy ban xí nghiệp và đòi được bọn chỉ huy quân sự Nhật không những tăng lương thêm (mức lương của họ vẫn giữ nguyên từ năm 1937) mà còn buộc phải công nhận các đại biểu của họ bầu ra, gồm các thợ cơ khí, thợ nồi hơi, thợ mộc, thợ hàn, lái xe...

Tháng bảy, một số đồng chí nhóm Tia Sáng ở miền Bắc vào, trong đó có Trần Đình Minh, nhà thơ bút danh Nguyễn Hải Âu, kiêm thợ in và xã hội học, anh tử trận trong khi cùng với công nhân Gò Vấp cầm súng chống lại quân Pháp đang tái chiếm thuộc địa. Họ thuật lại rằng sau ngày 9 tháng ba, họ cùng Nguyễn Tế Mỹ đã ra một bản Tuyên ngôn kêu gọi thợ thuyền và dân cày vùng Tứ Kỳ chuẩn bị đứng lên đấu tranh chống đế quốc, kể cả quân đồng minh lẫn quân Nhật, đồng thời tố cáo Việt Minh đi theo đường lối của Nga, ngả về phía đồng minh đế quốc, và ĐCS Đông Dương chỉ là công cụ chính sách đối ngoại của đẳng cấp quan liêu ở Môskơva; họ thành lập Vô sản thường trực cách mạng đảng và bí mật phân phát tờ báo *Việt dân Tuyến.*

Lịch sử chính thức và báo chí thuộc phái Stalin lên án hoạt động của các nhóm xu hướng Trôtski là « phản cách mạng » và huênh hoang tán dương cái gọi là « chính quyền nhân dân đã trừng phạt chúng để làm gương (hãy hiểu là ám sát) »[167]

Họ bán rao những người cộng sản đối lập là những « kẻ nguy hiểm », như Nguyễn Tế Mỹ, Chánh Đạo ở Bình Giang, Doan ở Hải Dương, Diêm ở Thanh Hà, Sinh ở Cẩm Giang, rồi Tiếp, Lương, Vinh, Sâm... Người thì bị tố cáo là tại họ mà Nhật bắt Vũ Duy Hiệu, thuộc tỉnh ủy Hải Dương, mấy người khác bị kết tội là đã gieo rắc hoang mang trong hàng ngũ chiến sĩ Việt Minh. Người ta sẽ không còn thấy dấu vết của họ đâu nữa.

Tạ Thu Thâu ra Bắc, qua Huế vào tháng năm. Cùng đi với anh có Đỗ Bá Thế, một thanh niên trẻ vừa là bạn vừa là đồng chí, một người sau này trốn thoát và sẽ kể lại cuộc hành trình. Mình có thể lần theo hai người từng ngày tiếp xúc những thanh niên có cảm tình, chủ yếu là những người chia xẻ với anh quan niệm về trù tính tương lai, đặt ra những câu hỏi nóng bỏng, và

mặc dù họ ý thức mọi bề nguy hiểm, họ cũng nhắm tới đích chung là làm sao phối hợp được hoạt động thợ thuyền ở miền Bắc và miền Nam trong một phong trào chung, đồng thời vẫn tham gia tổ chức cứu đói trong các đoàn khất thực. Các sinh viên Nguyễn Tôn Hoàn, Phan Thanh Hòa và Tuấn đã hăng hái chống tuyên truyền ái quốc ái quần lố bịch của Việt Minh, chống vu khống của Việt Minh tại các mỏ than Hòn Gai-Cẩm Phả, cho tới Tiên Yên, Móng Cái, những nơi mà các sinh viên ấy khuyến khích thợ mỏ hãy nắm lấy trong tay vận mệnh của mình.

Đỗ Bá Thế kể lại cuộc gặp gỡ tại làng Đan Phượng (Hà Đông) - địa điểm bí mật của Đảng thợ thuyền xã hội Việt Nam - với nhóm anh thợ in Lương Đức Thiệp và Khương Hữu An đang cho phát hành bí mật tờ *Chiến Đấu*, với một biểu trưng là ánh chớp cách mạng rọi chiếu địa cầu. Trong lời Đổ Bá Thế thuật có nêu những tin tức trao đổi qua lại giữa Tạ Thu Thâu với thợ thuyền vùng mỏ Nam Định, Hải Phòng, với nhiều nông dân từ Hải Dương và Thái Bình đến gập anh... Những cuộc thảo luận và các đề án vẫn được tiếp tục đưa ra mặc dù tương quan lực lượng bi đát giữa phái Stalin và nhóm cộng sản đối lập xu hướng Trôtski.[168]

Tạ Thu Thâu lên đường trở về Nam liền sau khi Nhật đầu hàng. Anh dừng lại tại Quảng Ngãi để gặp các đồng chí và chính tại đây anh bị đồ đảng Hồ Chí Minh ám sát vào tháng chín, cùng giết chết toàn cả những người có cảm tình và những chiến sĩ anh gặp gỡ. Cũng như họ đã tàn sát cả nhóm Lương Đức Thiệp vì đã tiếp Thâu ở Bắc. Khoảng đó ở Bắc Cạn họ đã tra tấn đến chết anh giáo Trần Tiến Chinh trong nhà tù Việt Minh .

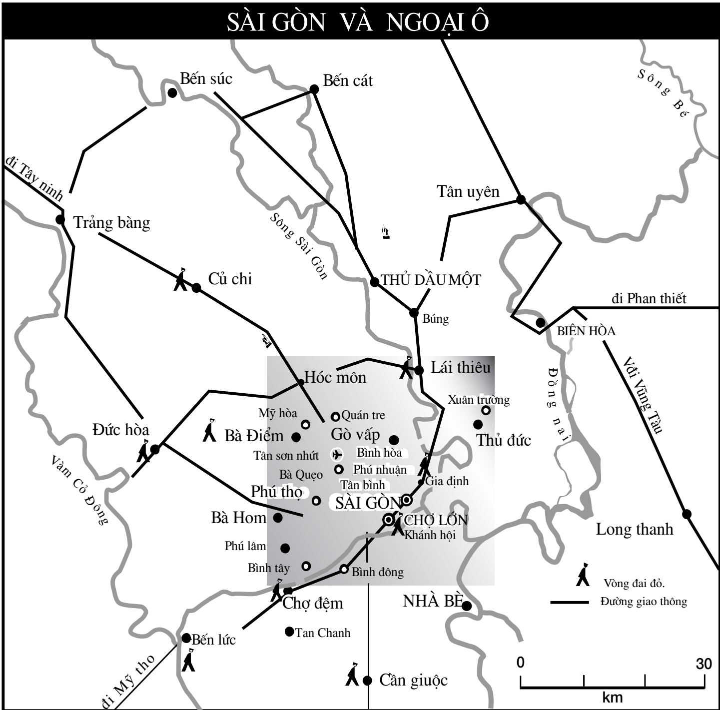
Vả lại Việt Minh không đọi đến khi nắm được chính quyền để thủ tiêu những người mà họ gọi là « bọn trôtkit phản cách mạng ». Câu chuyện sau đây chứng tỏ thái độ trơ trẽn và đắc chí của Việt Minh:

> Một hôm vào cuối tháng 6-1945, tên Ba Để, tức Nguyễn Hữu Dũng, một mình đi đò đồng (vì đồng ruộng đều ngập nước cả) từ huyện lỵ Ninh Giang về quê nó là xã Ức Tãi (Tứ Kỳ) ăn giỗ bố nó. Một đồng chí thanh niên biết tin đã tự động chèo một chiếc thuyền con đuổi theo hắn. Cả hai thuyền đều cập bến đò Ức Tãi. Tên Ba Để đi lên trước, đồng chí đó đi theo sau. Vừa đến một chỗ khuất, đồng chí đó liền nổ ba phát súng kết liễu đời tên phản động[169].

Nguyễn Hữu Dũng là một thanh niên cộng sản đối lập, đã hoạt động không tiếc sức trong các vùng Ninh Giang, Tứ Kỳ, Thanh Hà, Hải Dương.

Số phận các sinh viên đầy nhiệt tình hăng hái hoạt động trong giới thợ mỏ ở Hòn Gai-Cẩm Phả ra sao ?

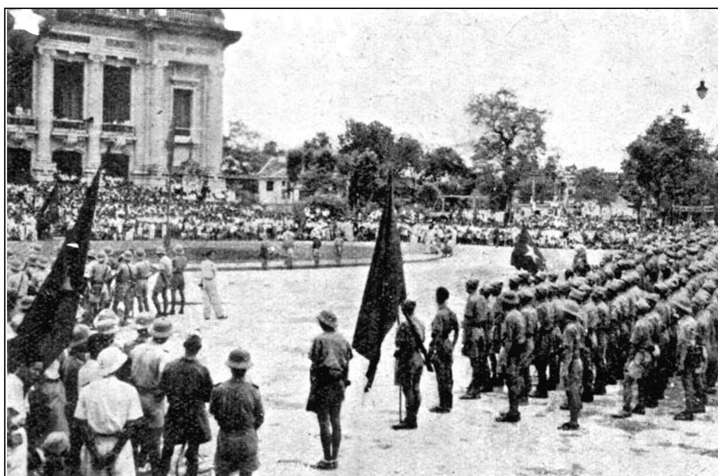
Những người xu hướng Trôtski còn sống sót tại các huyện Mỗ Đức và Đức Phổ ở Quảng Ngãi liệu có chung số phận như thế hay không sau khi Việt Minh lên cầm quyền ? Ta không thể không lo ngại.



SÀI GÒN VÀ NGOẠI Ô
Bến súc
Bến cát
Sông Bé
đi Tây ninh
Tân uyên
Trảng bàng
Sông Sài Gòn
Củ chi
THỦ DẦU MỘT
đi Phan thiết
Búng
BIÊN HÒA
Lái thiêu
Hóc môn
Xuân trường
Đồng nai
Vồi Vũng Tàu
Mỹ hòa
Quán tre
Đức hòa
Bà Điểm
Gò vấp
Thủ đức
Tân sơn nhứt
Bình hòa
Vàm Cỏ Đông
Bà Quẹo
Phú nhuận
Gia định
Tân bình
Phú thọ
SÀI GÒN
Bà Hom
CHỢ LỚN
Long thanh
Khánh hội
Phú lâm
Bình tây
Bình đông
Vòng đai đỏ.
Chợ đệm
NHÀ BÈ
Đường giao thông
Tan Chanh
Bến lức
0
30
km
đi Mỹ tho
Cần giuộc

PHẦN THỨ NĂM

CÁCH MẠNG HAY PHẢN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945



Lãnh tụ hô hào bộ đội Việt Minh trước Rạp hát thành phố Hà Nội

XXI
Việt Minh *nắm chính quyền*

Vào tháng tám năm 1945, 230.000 người Nhật bị lửa bom nguyên tử đốt thiêu trong vòng bốn ngày, tại Hiroshima ngày 6 và tại Nagasaki ngày 9. Ngày 16, hãng thông tấn Đômêi phát hành tại Hà Nội chiếu chỉ Nhật hoàng: Hirohito hạ lệnh thần dân ngưng chiến.

Từ tháng bảy, « ba ông lớn », Truman, Chươcchilơ và Stalin, họp ở Pôtsđam, quyết định cho quân Tưởng Giới Thạch chiếm Đông Dương từ phía Bắc vĩ tuyến 16, còn ở phía Nam từ vĩ tuyến 16 đóng quân của Môuntbatten, để giải giáp quân đội Nhật cùng « hồi phục trật tự và luật pháp » ở Đông Dương. Còn Đơ Gôllơ thì không quyền ăn nói trong vụ này.

Quân đội Trung Hoa nhập Bắc Kỳ ngày 28 tháng tám nhưng đến ngày 9 tháng chín mới tới Hà Nội. Đại đội Guốc Kha do tướng Gơraxêy người Anh chỉ huy tới Sài Gòn ngày 12. Trong thời gian chờ đợi, quân Nhật phải duy trì trật tự.

Hồ Chí Minh lấy chính quyền ở Hà Nội và Huế trước khi quân Trung Hoa tới

Dường như đế quốc Nhật thất bại muốn gây rắc rối cho bọn thắng trận, thế nên Bộ tham mưu Nhật không cử động trước tình thế Việt Minh dự bị bạo động vũ trang sấp vượt lên như chớp nhoáng.

Được tin Nhật thất trận, Hồ Chí Minh triệu tập Hội nghị quốc gia ở Tân Trào (Thái Nguyên). Hội nghị thành lập một Ủy ban Giải phóng dân tộc và phát lệnh Tổng khởi nghĩa nhằm thiết lập « Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa », như Việt Minh đã công bố từ tháng năm 1941. Lực lượng du kích « « Giải phóng quân » tiến về Hà Nội.

Quân đội Nhật đang chiếm đóng Đông Dương không phản ứng. Ngày 16, Nhật thả một số tù chính trị và chuyển giao nhiệm vụ toàn quyền Đông Dương cho khâm sai Phan Kế Toại, theo thỏa thuận giờ cuối cùng mà Trần Trọng Kim rốt cuộc giành được trong tay lĩnh sự Nhật Tsuchihashi.

Ngày 17, 20.000 người biểu tình tập hợp trước nhà hát lớn thành phố Hà Nội. Trên khán đài, lĩnh tụ Việt Minh hô hào quần chúng giật cờ của triều đình xuống kéo cờ Việt Minh lên. Trùng trùng cờ đỏ sao vàng phất phới khắp thành phố.

Ngày 18 « giải phóng quân » vào Hà Nội, quan khâm sai nhường chỗ cho Ủy ban Việt Minh.

Ngày 19, xe tăng Nhật Bản chạy dọc các đường phố nhưng không can thiệp ở nơi nào. Như vậy, không nổ một phát súng Việt Minh đã chiếm được hầu hết các công sở hành chính. Quân Nhật nhượng cho họ vũ khí Sở Vệ binh Đông Dương. Chỉ riêng nhà Ngân hàng Đông Dương là quân Nhật không để Việt Minh chiếm. Thế là Việt Minh đã làm chủ mọi công sở ở Hà Nội thay thế Phan Kế Toại.

Hai ngày sau, các Ủy ban Việt Minh chiếm đóng các nhà hội làng ở Bắc Kỳ, và ngay ở Hà Nội, các nhà trí thức tập họp tại Khu Đại học lấy danh nghĩa « đại biểu mọi tầng lớp dân chúng » gửi điện tín yêu cầu Bảo Đại thoái vị.

Ở Huế ngày 22, Bảo Đại yêu cầu Việt Minh lập một chính phủ mới. Hà Nội buộc Bảo Đại thoái vị trước đã, và dường như thử thách hoàng gia, bèn đem bắn Phạm Quỳnh, cựu thủ tướng chính phủ Bảo Đại, ở một nơi gần Huế. Ngày 25, hoàng đế trao ấn kiếm triều đình cho đại biểu Việt Minh và ký vào chiếu thoái vị.

Vài hôm sau, Hồ Chí Minh phong Bảo Đại chức « Cố vấn tối cao », người trước kia là hoàng đế thì nay trở thành công dân Vĩnh Thụy.

Trong thời gian đó, phái viên chính phủ Đơ Gôllơ là Santơny tới Hà Nội cùng thiếu tá Mỹ Patti, người chỉ huy cơ quan OSS. Hồ Chí Minh bí mật tới Hà Nội ngày 21, gặp Patti và giao cho Võ Nguyên Giáp tiếp xúc Santơny. Ngày 27, ông Hồ lập chính phủ lâm thời rồi ông Giáp, với tư cách Bộ trưởng, tuyên bố với Santơny bấy giờ Việt Minh làm chủ cả đất nước.

Ngày 2 tháng 9 tại Hà Nội, Hồ chí Minh tuyên bố nền Cộng hòa gọi là dân chủ xứ Việt Nam (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) và nền độc lập:

Mọi người sinh ra đều bình đẳng. Tạo hóa đã ban cho chúng ta những quyền bất khả xâm phạm, đó là quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Lời nói bất hủ này được rút ra từ bản Tuyên ngôn độc lập của Hợp chủng quốc Mỹ năm 1776.
Bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cuộc cách mạng Pháp năm 1791 cũng tuyên bố: « Mọi người sinh ra đều bình đẳng trước pháp luật ». Đó là những sự thật không thể chối cãi được. Thế nhưng hơn tám mươi năm nay, bọn thực dân Pháp, lạm dụng lá cờ của tự do, bình đẳng và bác ái, đã xâm phạm đất nước ta, đã áp bức đồng bào ta. Chúng tôi, những người trong Chính phủ lâm thời, chúng tôi tuyên bố giải phóng hoàn toàn mọi quan hệ với đế quốc Pháp, hủy bỏ mọi hiệp ước mà người Pháp đã ký về Việt Nam, xóa bỏ mọi quyền lợi mà người Pháp đã chiếm đoạt trên lãnh thổ chúng ta.Toàn thể nhân dân Việt Nam, muôn người như một, quyết đấu tranh đến cùng để chống lại mọi mưu đồ xâm lược của đế quốc Pháp.

Chế độ Cộng hòa dân chủ thợ thuyền và dân cày khởi phát hoạt động

Cùng trong lúc đó, tại Hòn Gai-Cẩm Phả (mỏ than ở Bắc Kỳ nơi tập trung đông nhất và nơi giai cấp vô sản bị bóc lột sâu sắc nhất ở Bắc Kỳ), 30.000 thợ mỏ, vẫn còn ở ngoài vòng ảnh hưởng Việt Minh, họ bầu ra những Hội đồng công nhân, để quản lý việc khai thác mỏ. Họ kiểm soát các công sở ở huyện, đường sắt, điện tín và áp dụng nguyên tắc trả lương bình quân cho mọi người ở mọi cấp bậc lao động chân tay và trí óc. Trật tự mới được duy trì mà không cần đến cảnh sát trong thời gian tồn tại của Công xã thợ thuyền ấy – từ cuối tháng 8 đến tháng 11 năm 1945 – trước thái độ người Nhật tỏ vẻ thờ ơ. Ban quản trị người Pháp đã bị loại, thợ mỏ duy trì các hoạt động kinh tế vùng mỏ, thanh toán nạn mù chữ và cố xây dựng một mức độ nào đó để bảo hiểm xã hội.

Phong trào hoạt động cô lập, quân đội chính phủ lâm thời tới bao vây khu vực. Nguyễn Bình, người chỉ huy, nói với thợ mỏ về sự cần thiết phải đoàn kết dân tộc và hứa sẽ không đá động tình trạng hiển hiện, nhưng rồi ra không như thế, vì khi có thể thì anh ta cho bắt giam các đại biểu công nhân như Lan, Hiên, Lê và một người tên S. Rồi anh ta đặt đẳng cấp cán bộ quan liêu mới thay thế các Hội đồng công nhân. Sau ba tháng nỗ lực và sáng tạo, vùng mỏ bị lùa vào khuôn khổ trật tự độc tài cảnh sát quân binh «Cộng hòa dân chủ »[170]. Dân cày hoạt động tự khởi phát cũng không phải là không đáng chú ý:

> Tại nhiều trung tâm tỉnh lỵ, trong các làng xóm, chủ yếu tại Bắc Trung Kỳ (Nghệ An, Thanh Hóa) và Bắc Kỳ (Bắc Ninh, Thái Bình), các Ủy ban nhân dân ra lệnh chia ruộng đất, tịch thu tài sản nhà giàu.[171]

Hồ Chí Minh phản ứng và thuyết phục dân cày. Nông dân vẫn đang nom nóp lo sợ nạn đói, một nạn đói chưa khắc phục, họ vẫn nhớ tới khẩu hiệu của ĐCS Đông Dương năm 1930 « ruộng đất về tay người cày », họ khước từ đoàn kết dân tộc với địa chủ và thúc giục các Ủy ban nhân dân trao đất cho họ, bởi chính họ biết sản xuất tốt hơn và mùa màng sẽ không bị đầu cơ tích trữ.

Vào tháng 11 một thông tư chính phủ gởi các tỉnh ủy nhắc lại rằng ruộng đất trồng trọt sẽ không được phân chia. Tiếp đó chỉ thị số 63 «huấn lịnh tổ chức chính quyền nhân dân » công bố sự thiết lập một hệ thống tổ chức tập trung theo hình tháp kim tự giống như tổ chức đảng Thanh Niên trước kia, không khác ĐCS Đông Dương cùng Việt Minh: Ban chấp hành mổi địa phương sẽ chịu tránh nhiệm thi hành mệnh lệnh của chính phủ và mọi cơ quan cấp trên sẽ kiểm soát các cơ quan cấp dưới trực tiếp của mình[172]. Thế đó, môn đồ Stalin gọi là một « chính phủ dân chủ ».

Miền Nam sôi sục cách mạng trước khi quân lực Anh-Ấn tới

Ngay từ ngày 16 tháng 8 - 1945 người Nhật bắt đầu rời bỏ việc cai trị trực tiếp xứ Đông Dương. Minođa phong Trần Văn Ân, người nhóm Phục Quốc, làm « chủ tịch Hội đồng Nam Kỳ », cử Khả Vạn Cân đứng đầu tổ chức Thanh niên và Thể thao, thay thế Iiđa. Một cuộc « Hội thề » qui mô lớn sẽ được triệu tập vào ngày chủ nhật trong công viên thành phố.

Cũng trong ngày 19 tháng 8, theo hiệp ước thỏa thuận giữa Tsuchihashi cùng Trần Trọng Kim, thống đốc Nam Kỳ Minođa trao quyền lại cho giáo sư Hồ Văn Ngà.

Hồ Văn Ngà, một người nhiệt tâm theo chủ nghĩa quốc gia, là một trong số sinh viên năm 1930 bị trục xuất khỏi Pháp sau cuộc biểu tình chống lại án tử hình ở Yên Bái. Là người cùng bác sĩ Phạm Ngọc Thạch sáng tạo đảng Quốc gia Độc lập ngay sau khi chính quyền Pháp sụp đổ đêm 9 tháng 3. Ông mới vừa thành lập, vào ngày 14, một « Mặt trận Quốc gia Thống nhất » gồm cả Đảng Quốc gia Độc lập cùng sáu tổ chức quốc gia khác, Thanh niên Tiền phong, Liên đoàn công chức, các giáo

phái Cao Đài (Phục Quốc), Hòa Hảo, Nhóm Trí thức và phái Phật tử Tịnh độ Cư sĩ.

Trần Văn Ân tung ra tờ nhật báo Hưng Việt ngày 1 tháng 8, đăng tải các thông cáo của Mặt trận cùng những thông tri của các nhóm phái trong Mặt trận. Ngày 16, có thông cáo của công chức:

> Liên đoàn công chức họp ngày 14 tháng 8 năm 1945 quyết nghị: hợp tác với Thanh niên Tiền phong tổ chức đội tự vệ trong mỗi công sở; hoàn toàn tín nhiệm Ban trị sự tạm thời và ủy cho ban trị sự toàn quyền hành động để đối phó với thời cuộc.

Ngày 17, Mặt trận Quốc gia Thống nhất gởi đăng bản Tuyên ngôn với chữ ký của bảy thành phần Mặt trận. (Nhóm Tranh Đấu không có mặt, không có chữ ký của họ trong đó).

Ngày 18, báo Hưng Việt đăng nghị quyết nhân viên bưu cục:

> Nhân viên sở Bưu điện, ngày 16 tháng 8 năm 1945, quyết nghị chống nạn thực dân Pháp toan trở lại... Lệnh của viên lãnh đạo ban ra , bảo phải tổng đình công chẳng hạn, sẽ được ngay toàn thể nhân viên trong sở sẽ tuân theo một cách không miễn cưỡng. Những kẻ trái lệnh sẽ chịu sự trừng trị nghiêm khắc của đội tự vệ. Quyền độc đoán của viên lãnh đạo (nguyên văn!) sẽ mãn khi chánh quyền trong sở thuộc về người Việt Nam một cách miên viễn.

Ngày 20, đăng lời kêu gọi sau đây:

> Liên đoàn công chức Nam Bộ yêu cầu tất cả công chức ở tỉnh gia nhập vào Thanh niên Tiền phong để chung sức đối phó với thời cuộc.
>
> Tổng thư ký Lý Vĩnh Khuôn.

Chính quyền Việt Minh sẽ được thiết lập chính là nhờ Thanh niên Tiền phong, một lực lượng tổ chức chỉ huy chặt chẽ và có kỷ luật nghiêm nhặc hỗ trợ quyết định (trong tháng 8 tại vùng Sài Gòn-Chợ Lớn có 200 000 người gia nhập, trong đó 120 000 ở các xí nghiệp, theo lời bác sĩ Thạch).

Ngày 20, Mặt trận Quốc gia Thống nhất triệu tập biểu tình vào ngày 21, thị oai đề phòng thực dân Pháp trở lại.

Trong thời gian đầu tiên của một chính quyền còn mới mẻ, khâm sai Hồ Văn Ngà, ngoài những biện pháp hành chính như việc cử Khả Vạn Cân, cán bộ TNTP, giữ chức thị trưởng vùng Sài Gòn-Chợ Lớn, việc hủy bỏ thuế thân và ra quyết định thả tù chính trị ở Khám lớn (53 người được thả vào ngày 21 tháng 8) cùng ở các trại giam và ngục Côn Nôn. Quyết định sau đó sẽ

được hải quân Nhật hỗ trợ (từ sau ngày 9 tháng 3, tàu binh Nhật đảm bảo tiếp tế lương thực cho Côn Đảo) chở khoảng một trăm người, không phân biệt xu hướng, cập bến ở Sài Gòn tại cột cờ Thủ Ngữ (Mât des Signaux) ngày 25 tháng 8, nhưng khi đó chính quyền đã vào tay môn đồ Stalin.

Sài Gòn ngày 21 tháng 8 năm 1945
Cuộc biểu tình Mặt trận Quốc gia Thống nhất

Lần đầu tiên kể từ năm 1926, từ sáng sớm ngày 21 tháng 8, trùng trùng điệp điệp người tràn ngập trên đại lộ Nôrôđôm, từ Sở thú tới Dinh toàn quyền, diễu hành có trật tự qua các trục lộ chính đi tới khu bình dân tại cầu ông Lãnh. Các đảng viên đảng Quốc gia Độc lập, đoàn Thanh niên Tiền phong, tín đồ giáo phái Cao Đài, bước đi dưới lá cờ quẻ Ly, tượng trưng mới của triều đình Huế, tín đồ giáo phái Hòa Hảo trưng cờ màu tía của họ; tất cả đều có những biểu ngữ có ghi: Việt Nam Độc Lập! Đánh đổ đế quốc Pháp!...

Những người xu hướng Trôtski diễu hành dưới biểu trưng của Đệ tứ Quốc tế: ánh chớp Cách mạng chói lòa quả địa cầu. Họ tham gia biểu tình với Mặt trận mà không trực thuộc vào Mặt trận, trái ngược với những lời bóng gió của những người theo phái Stalin.

Nhóm Tranh Đấu và nhóm Liên Minh không hòa lẫn nhau nhưng cùng chung những khẩu hiệu: « Vũ trang nhân dân! Lập chính quyền công nông! ». Nhưng nhóm Liên Minh dường như cấp tiến hơn với những biểu ngữ: « Ruộng đất về tay người cày! Quốc hữu hóa sản nghiệp giao lại thợ thuyền kiểm soát!, Thành lập Ủy ban Nhân dân!, Cách mạng thế giới muôn năm! ».

Cũng chính vào chiều ngày 21 tháng 8 ấy Việt Minh bắt đầu ra mắt ở Nam Kỳ. Nhiều xe có trang bị loa phóng thanh chạy khắp các phố Sài Gòn kêu vang vang: « Ủng hộ Việt Minh! Ủng hộ Việt Minh! ». Như vậy, một tổ chức hầu như không ai nghe biết đã xuất đầu lộ diện và biểu thị qua một tờ truyền đơn như một tổ chức có khả năng nhất trong việc giải phóng Việt Nam:

> Việt Minh đã từng sát cánh bên cạnh Đồng Minh, đánh Tây chống Nhật. Đối với Nga là bạn. Đối với Tàu như răng với môi. Đối với Mỹ, chủ trương thương mại, nên không có ý xâm lăng. Đối với Anh, nội các Attlee mới lên nắm chính quyền và khuynh tả. Vì vậy, bề ăn nói của chúng ta rất dễ dàng...[173]

Chính trong cái triển vọng lạc quan đó - thuần túy là phách lối - Việt Minh kêu gọi tổ chức cuộc mít ting ngày 28.

Ngày 22, thị trưởng mới Khả Vạn Cân cho kéo sập các tượng đồng biểu trưng cuộc chinh phục thuộc địa, tượng giám mục Đađơrăn trước cửa Nhà thờ Nhà nước, tượng Fơrănxi Gacniê trước Nhà hát Tây cùng tượng Rigôl đơ Giơnuôidy ngắm sông Sài Gòn ngó qua Thủ Thiêm.

Cùng ngày hôm đó, Mặt trận Quốc gia Thống nhất triệu tập cuộc họp các đại biểu của bẩy thành phần, nhưng bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, lãnh tụ Thanh niên Tiền phong không tới dự. Vài giờ sau, biểu ngữ, áp phích và truyền đơn công bố kể từ chiều ngày 22 tháng 8, tổ chức Thanh niên Tiền phong rời bỏ Mặt trận Quốc gia Thống nhất để gia nhập Mặt trận Việt Minh.

Thế là lực lượng có kỷ luật nhất và có ảnh hưởng nhất trong quần chúng, sức mạnh của MTQGTN đã bị phân liệt. Mặt trận sẽ trượt dài theo dốc đó. Qua ngày 23, tại số 14 đại lộ Satne, trụ sở Thanh niên Tiền phong, Hồ Văn Ngà lãnh tụ Mặt trận, với uy quyền của một khâm sai đại thần, chỉ đại diện cho một chính quyền đã giải nhiệm. Ông tiến hành thương lượng với Việt Minh, lấy cớ rằng để tìm cách đối phó với thời cuộc một cách có hiệu quả, ông sẵn sàng rút lui nếu có ai có khả năng hơn đứng ra đảm đương trách nhiệm thay thế ông.

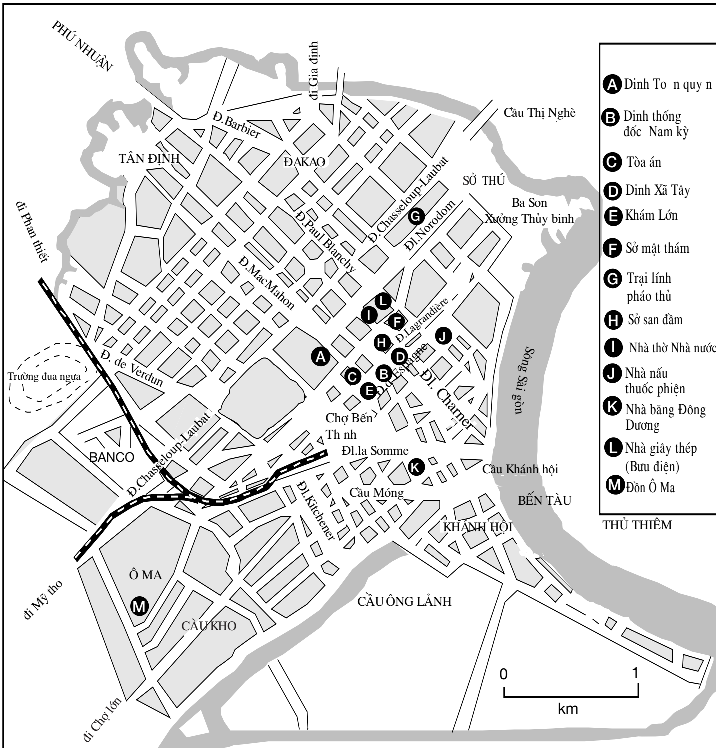
Ngày hôm sau tờ Hưng Việt đăng thông cáo như sau:

> Sau một cuộc thương thuyết giữa Mặt trận Quốc gia Thống nhất cùng đại biểu của Việt Minh, hai bên đã thỏa thuận hợp tác cùng nhau. Ba khẩu hiệu sau này: Việt Nam hoàn toàn độc lập, dưới chánh thể Cộng hòa dân chủ, chánh quyền về Việt Minh, được đại biểu MTQGTN tuyên bố sáp nhập vào Việt Minh. Những tổ chức của MTQGTN sẽ tham gia vào cuộc biểu tình ngày 25 tháng 8. (Việt Minh được tăng cường lực lượng như thế bèn tổ chức biểu tình sớm hơn dự định ba ngày).

Hồ Văn Ngà quyết định như trên phù hợp với nội dung bức điện tín số 1855GT của Bảo Đại ngày 22 tháng 8 gửi tới các quan khâm sai ở Bắc và Nam Việt Nam khuyến họ liên hệ với các đại biểu Việt Minh mà Bảo Đại đã yêu cầu lập một chính phủ mới.

Trong nội bộ ĐCS Đông Dương, từ ngày 17 người ta thảo luận về việc có thể lấy chính quyền trong thời cơ này. Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn, Bùi Công Trừng do dự, e rằng một quyết định như vậy có phải trả giá bằng một cuộc đẫm máu như tình hình năm 1940 hay không? Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch và Ngô Tấn Nhơn (đảng viên Phục Quốc liên minh với

BẢN ĐỒ SÀI GÒN 1945



Việt Minh) lảnh nhiệm vụ thăm dò ý đồ người Nhật. Thống chế Têra-uchi, chỉ huy lực lượng Đông Nam Á hứa với họ sẽ không can thiệp.

Để chắc chắn thái độ quân Nhật, Việt Minh thử lấy chính quyền ở Tân An. Trong đêm 22 rạng ngày 23 tháng 8, sau khi hỏi ý kiến của trại quân Nhật đóng ở địa phương, Việt Minh gọi tỉnh trưởng, một người Việt do Nhật chỉ định từ sau cuộc đảo chính ngày 9 tháng 3, giao văn phòng Tòa bố tỉnh cho Việt Minh. Sự việc diễn ra không đổ máu.

Yên tâm quân Nhật không ngăn cản, Việt Minh quyết định đứng lên tự xưng chính quyền thực tế ở Nam Bộ.

Chiều ngày 24, những đơn vị tự vệ Thanh niên Tiền phong cùng công chức trang bị vũ khí sơ sài, họ lặp lại kinh nghiệm ở Tân An. Lấy danh nghĩa Việt Minh, họ chiếm ngay công sở chổ họ đang làm việc – mà Nhât đã giao người Việt quản lý từ ngày 9 tháng 3. Những đội tự vệ chiếm đóng dinh Thống đốc Nam Kỳ, Kho bạc, sở Bưu điện trung ương, các bót cảnh sát, sở mật thám, trạm cứu hỏa, nhà máy điện Chợ Quán, nhà máy nước... Các nhóm vũ trang tránh đột nhập vào dinh Toàn quyền, nhà Ngân hàng Đông Dương, Kho đạn (Pyrotechnie), bến tàu, sân bay, sở Ba Son, các nơi ấy quân Nhật đóng giữ.

Ngày 25 tháng 8, Việt Minh tự tuyên bố nắm chính quyền

Trong đêm tối nông dân vùng xung quanh Sài Gòn-Chợ Lớn bắt đầu đổ vào thành phố để tham dự biểu tình ngày 25, khi đó diễn đài hí kịch đã bố trí dàn dựng xong, đó là công trình của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát (cháu của Huỳnh Văn Phương): một cột lớn bốn mặt phủ vải đỏ dựng sồ sộ trước cửa Xã Tây Sài Gòn, hướng về các góc đường rực sáng các đại lộ Satne và Bôna. Những hàng chữ lớn ghi danh sách những người dự chính quyền tự thiết lập (gouvernement de facto) Ủy ban Hành chánh Lâm thời Nam Bộ :

Chủ tịch kiêm Quân sự: Trần Văn Giàu.
Ngoại giao: Phạm Ngọc Thạch.
Nội vụ: Nguyễn Văn Tạo.
Lao động: Hoàng Đôn Vân.
Thanh tra chính trị miền Tây: Nguyễn Văn Tây.
Quốc gia tự vệ cuộc: Dương Bạch Mai.
Kinh tế: Ngô Tấn Nhơn.
Tuyên truyền và Thanh niên: Huỳnh Văn Tiểng.
Tài chính: Nguyễn Phi Oanh.

Những người thuộc phái Stalin nắm sáu vị trí then chốt trong tay; đảng viên quốc gia thuộc Mặt trận Quốc gia Thống nhất mới vừa nhượng bộ Việt Minh đều hoàn toàn bị loại trừ.

Như vậy, trong vòng một tuần lễ, từ ngày 18 đến 25 tháng 8, Hồ Chí Minh cùng phe đảng đã làm chủ cả ba Kỳ. Thời cơ Nhật đầu hàng thúc đẩy Việt Minh thăng tiến và gây hỗn loạn trong phái quốc gia đặt niềm tin vào người Nhật. Tầng lớp tư sản và điền chủ có hơi an tâm vì tư hữu tài sản không bị đụng chạm đến. Công nhân và nông dân muốn phá bỏ mọi xiềng xích vẫn chưa được báo trước họ sẽ bị chính quyền mới đến đàn áp.

Ở đây cần nói rõ Trần Văn Giàu là ai, người đứng đầu chính phủ tự tuyên bố ở Nam Bộ. Giàu sinh ở Tân An năm 1911-1912, trước có thọ giáo Tạ Thu Thâu, sang Pháp nhập Trung học Tulusơ năm 1928-1929, rồi ghi danh vào Đại học. Sau đó gia nhập đảng cộng sản Pháp. Bị trục xuất khỏi Pháp sau vụ Yên Bái, sang Môskơva học trường Stalin; tốt nghiệp trường đó năm 1932 với luận văn về « Vấn đề ruộng đất và nông dân ở Đông Dương » (bằng tiếng Pháp: La question agraire et paysanne en Indochine), thực tập một thời gian trong Hồng Quân (điều này y đã thổ lộ với tác giả năm 1936 khi cùng bị giam tại Khám lớn Sài Gòn) rồi trở về nước với nhiệm vụ tái lập Đảng Cộng sản Đông Dương. Ngày 19 tháng tư năm 1935, sau Đại hội Macao, Giàu về Sài Gòn bị bắt. Không biết anh ta khai làm sao mà bồi thẩm Trần Văn Tỷ khiến mật thám túm 167 đảng viên và cảm tình, sau đó 113 người được thả[174].

Ngày 24 tháng 6 năm 1935 tòa kết án Trần Văn Giàu 5 năm tù rồi tống ra Côn Đảo ngày 29 tháng 7.

Trong tạp chí Hòa Đồng, Hồ Hữu Tường kể lại rằng khi các đồng chí trong tù trách cứ Giàu đã quá lỡ lời, Giàu thanh minh như sau:

> Mật thám mà đánh tôi chết, thì đảng mất đi một thủ lĩnh. Tôi khai như vậy, khỏi bị đòn, các đồng chí mỗi người lãnh ít năm tù để trả giá cái mạng sống của tôi[175].

Được đưa trở về Sài Gòn thời Mặt trận Bình dân năm 1936, Giàu bị giam tại Khám lớn cho tới mãn hạn tù. Tháng 4 năm 1940, anh ta từ chối gia nhập đảng bộ Nam Kỳ lúc này đang chuẩn bị một cuộc khởi nghĩa. Sau đó ít lâu y lại bị giam tại trại Tà Lài (Biên Hòa) ở giữa rừng cách Sài Gòn 120 km, tại tả ngạn sông Đồng Nai. Giàu nói là đã vượt ngục vào năm 1941. Anh ta lại xuất hiện vào năm 1944, khi đó viên cò mật thám Đuysênơ – trưởng «phòng tình báo Nôrôđôm », thuộc mạng lưới kháng

chiến bí mật của phái Đơ Gôllơ tại miền Nam – tiếp xúc Giàu. Theo lời kể của P. Isôart:

> Theo viên mật thám chứng kiến, Trần Văn Giàu đã nhận phân phát sách báo « trong đó anh ta trình bày những lý do vì sao nhân dân Đông Dương phải tin cậy vào nước Pháp dân chủ ». Anh ta cũng sẽ thành lập những nhóm đồ đảng « để sử dụng vào những nhiệm vụ hỗ trợ cho kháng chiến (như tình báo, tiếp tế, phá hoại, giúp đỡ quân nhảy dù, trung lập hóa [thủ tiêu] các phái thân Nhật) »[176].

Trần Văn Giàu chưa hề hở môi công khai về những mối giao thiệp bí mật của mình với tên mật thám Đuysênơ cũng như vai trò mà Đuysênơ giao phó cho anh ta. Khi Becna Tastâyrơ phỏng vấn Đuysênơ để chuẩn bị một luận án về « Cuộc cách mạng tháng tám ở Nam Kỳ » (năm 1977-1978), Đuysênơ công bố có cung cấp cho Giàu vài khẩu súng lục và một máy in (duplicateur); chi tiết này không thấy gạnh trong luận án, nhưng Tastâyrơ đã thuật lại với bác sĩ Hồ Tá Khanh khi tham khảo ý kiến ông Khanh để thảo luận án đó.

Năm 1945, Trần Văn Giàu chủ động Xứ ủy ĐCS Đông Dương Nam Kỳ, thuyết phục bác sĩ Phạm Ngọc Thạch Ư lãnh tụ Thanh niên Tiền phong Ư vào Việt Minh, Thạch trở thành trợ thủ của Giàu trên đường lên chính quyền.

Cuộc biểu tình ngày 25 tháng 8 Ư 1945 tán thành chính quyền Việt Minh

Tổ chức cuộc biểu tình ngày 25 tháng 8, phái Stalin nhằm mục đích chứng tỏ đa số quần chúng tán thành chính quyền Việt Minh tự công bố là chính đáng. Việt Minh không phải không biết những cuộc tập hợp quần chúng quy mô lớn sẽ động viên khuyến khích và trù bị tinh thần bầy người. Trần Văn Giàu tập trung hô hào về niềm khát vọng chung, sâu xa và giản đơn trong lúc đó: nền độc lập của xứ sở.

Từ sáng sớm tinh mơ toàn thể bình dân Việt ở Sài Gòn, ở các xóm nhà lá xung quanh thành và ở vùng ngoại ô gần đó như Gia Định, Gò Vấp, Thị Nghè, Khánh Hội đổ dồn về trung tâm, nơi đó nông dân do chiến sĩ Đệ Tam huy động đã tới ban đêm từ những vùng nổi tiếng can trường chống đối như Bà Điểm, Hóc Môn, Đức Hòa và Chợ Đệm. Họ đổ dồn về



Cuộc biểu tình ngaỳ 21 tháng tám 1945 ở Sài Gòn



Thanh niên Tiền phong diễn hành dưới khẩu hiệu Hoan nghinh Phái bộ Đồng minh

đại lộ Nôrôđôm, sau Nhà thờ Nhà nước– một bày bố hí trò mới nữa – nơi đã dựng xong một khán đài. Thật là một quang cảnh từ trước chưa hề thấy: Trùng trùng người đông như kiến xôn xao dưới một biển cờ đỏ sao vàng Việt Minh. Không có cảnh sát can thiệp chi cả, và thế là đi cũng không còn sợ ai. Nếu như mỗi người dự biểu tình trong lòng mổi hy vọng khác nhau, nhưng tất cả đều mong muốn chấm dứt chế độ thực dân. Ai cũng sẵn sàng lao mình vào cuộc chiến đấu tương lai chập chờn không xác định.

Từ trên bực cao diễn đài, Trần Văn Giàu, súng sáu cài thắt lưng, đọc to trước quần chúng một bài diễn văn vang giọng quốc gia gần như bản Tuyên ngôn Mặt trận Quốc gia Thống nhất: kêu gọi toàn dân đoàn kết vì Tổ quốc, vì sự cải thiện đời sống, vì nền độc lập và dân chủ, trong một chế độ Cộng hòa; đó là những điều mà Hồ Văn Ngà đã phác ra trong một chế độ đế chế. Giàu nói thêm : « Ngày nay khi mà nhân dân đã công khai công nhận chúng tôi, mọi người hãy giúp chúng tôi chống lại những kẻ khiêu khích ». Y đã nhằm vào ai nếu không là những người xu hướng Đệ Tứ mà chương trình xã hội của họ mang tính chất cách mạng?

Giàu cùng vây cánh là Dương Bạch Mai đã thu nạp đảng cướp Bình Xuyên làm cảnh sát và bảo vệ – Bình Xuyên là tên một xóm hẻo lánh vùng Chợ Lớn, sào huyệt nổi tiếng của những kẻ sống ngoài « trật tự xã hội », những người vượt ngục... với thủ lĩnh là Lê Văn Viễn, tức bảy Viễn. Chúng tặng Việt Minh một số súng gươm lấy trộm của Nhật.

Đến đây, chúng ta nhớ lại thái độ cảnh giác của Forièđoric Ănghên trong tác phẩm *Chiến tranh nông dân ở Đức*:

> Khi thợ thuyền Pháp, cứ mỗi lần nổi lên làm cách mạng, viết trên các tường nhà: « Hãy tru diệt bọn kẻ cắp! » và thực tế đã bắn chết nhiều tên kẻ cắp, thì như vậy không phải là vì họ nhiệt tâm sùng bái tư hữu tài sản, mà đúng là họ nhận định rằng trước hết phải loại bỏ lũ chúng đi. Tất cả những ai lãnh đạo thợ thuyền mà sử dụng lũ vô lại để làm cảnh vệ hộ thân hoặc sở cậy vào bọn chúng, hành động như thế họ tỏ mình phản bội phong trào.

Bảy Viễn sau đó xung đột với Việt Minh rồi ngã theo quân đội viễn chinh Pháp lùng bắt Việt Minh. Bảo Đại phong tướng hắn năm 1952, chính phủ Pháp thưởng hắn ngũ đẳng Bắc đẩu bội tinh năm 1953.

Giữa cuộc biểu tình, nhóm Liên Minh, hoan hô những khẩu hiệu cấp tiến Ruộng đất cho người cày! Nhà máy về tay công nhân! khích động

Tuyên ngôn

Giờ cực kỳ nghiêm trọng sắp đến. Nước Việt-Nam phải qua giai đoạn lịch sử mới. Nước nhà còn mất cũng trong lúc này. Số mạng của dân tộc Việt-Nam đã đến giờ định đoạt. Sự định đoạt, một phần lớn ở nơi sự tuyên dương ý chí của dân tộc và sự cương quyết tranh đấu của người Việt-Nam.

Hỡi người Việt-Nam! Hỡi đồng bào!

Chắc chắn rằng chúng ta đều muốn sống: sống đời tự do, tự chủ, sống một cuộc sống chung với tất cả dân tộc khác; sống một cách bình đẳng, sống một cách mạnh mẽ để bắt tay với các nước mạnh mà kiến thiết nền hòa bình vĩnh viễn và mưu hạnh phúc chung cho nhân loại.

Muốn được sống đời đáng sống như thế, chúng ta phải tuyên dương một cách dõng mãnh ý chí dân tộc tự quyết: tuyên dương về mặt tinh thần lẫn mặt vật chất. Chúng ta sẽ cụ thể chí ấy bằng sự tranh đấu quả quyết, tranh đấu đủ phương diện, tranh đấu tới giọt máu cuối cùng để giữ vững nền độc lập tự chủ.

Mặc dầu chúng ta yêu cầu sự hiệp tác giữa các dân tộc và phản đối có bài xích ngoại bang, chúng ta vẫn cương quyết chống đế quốc chủ nghĩa xâm lăng, và nhứt định không cho ai động đến chủ quyền của người Việt-Nam ở đất nước Việt-Nam.

Vậy thì khẩu hiệu của mặt trận quốc gia thống nhứt là:

Chống đế quốc Pháp;
Chống nạn ngoại xâm;
Bảo vệ trị an;
Bài trừ phản động.

Hỡi đồng bào! Hỡi chiến sĩ cách mạng của các đoàn thể!

Hãy bắt tay nhau dưới sự chỉ huy của «MẶT-TRẬN THỐNG NHỨT» để tranh đấu cho nền độc lập của nước Việt-Nam và làm cho vạn quốc nhìn nhận chủ quyền chúng ta.

Việt-Nam Quốc-gia độc lập đảng
Thanh Niên Tiền-Phong
Nhóm Trí-Thức
Liên Đoàn Công-Chức
Tịnh-Độ Cư Sĩ
Phật Giáo Hòa-Hảo
Cao-Đài Giáo.

Tuyên ngôn Mặt trận Quốc gia thống nhứt

nhiệt tình dân chúng. Trong khi môn đồ Stalin hô vang « Tất cả chính quyền về tay Việt Minh! » thì chiến sĩ phái Liên Minh phản ứng lại «Tất cả chính quyền vào tay các Ủy ban nhân dân! » và hát bài Quốc tế ca, không hài hòa chút nào với tiếng hát bài Lên Đàng của Thanh niên Tiền phong cảm kích say sưa tầng lớp thanh niên với « chủ nghĩa anh hùng truyền thống ngàn năm của dân Việt ».

Trưa ngày 25, đứng trên bao lơn Dinh Xã Tây, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch công bố danh sách những thành viên chính phủ tự thiết lập đã yết thị hôm trước. Lại những tràng pháo tay nổ liên tục như sấm sét.

Thái độ nhóm Tranh Đấu từ tốn hơn, họ tuyên bố không hề dính dáng với nhóm Liên Minh. Chúng tôi chưa tìm được những số báo Tranh Đấu tháng 8 tháng 9 năm 1945, nhưng chúng tôi có thể tóm tắt lập trường của họ: bởi không muốn tự đứng ra ngoài một mặt trận chiến đấu chống đế quốc, họ đang cố thương lượng để ĐCS Đông Dương chấp nhận hành động chung về mặt quân sự, trong khi họ vẫn giữ độc lập về chính trị và triển vọng «cách mạng thường trực ». « Các đồng chí chúng ta quên mọi hiềm nghi đối với phái Stalin », một chiến sĩ trẻ, Ph. viết trong tờ báo cáo tựa đề « Những bước đầu của tôi tiến tới cách mạng thường trực »[177].

Trong những năm dài khói lửa chiến tranh, mọi cuộc cách mạng vô sản trên toàn thế giới đều vắng bóng, tình thế khiến nhóm Tranh Đấu giới hạn khẩu hiệu của mình vào mục tiêu trước mắt là độc lập dân tộc và cải cách ruộng đất. Họ chuẩn bị một lực lượng tự vệ trong giới thợ và khước từ sự giúp đỡ của giáo phái Cao Đài để chung cùng chiến đấu vũ trang (Cao Đài đề nghị tặng cho nhóm 900 khẩu súng và 4 khẩu đại bác 45 mm nhận được từ tay người Nhật). Nhóm Tranh Đấu cũng không giao thiệp giáo phái Hòa Hảo, tín đồ đã tổ chức lại thành Đảng Dân Xã.

Hầu như tự phát động, nhiều Ủy ban Nhân dân tự tổ chức tại vùng Sài Gòn-Chợ Lớn. Từ ngày 17, công nhân khu Phú Nhuận bầu ra đại biểu của mình và tự tuyên bố họ là « chính quyền duy nhất hợp thức của khu phố ». Khu Bàn Cờ cũng theo gương đó vào hôm sau. Như thế nơi nầy chổ nọ, mầm mống nhân dân tự quyền mọc lên, khuynh hướng chưa phân hóa; quần chúng năng động tỏ ra không sao cưỡng lại được.

Nhóm Liên Minh cố gắng kết hợp những Ủy ban đó. Họ đặt trụ sở tại 9 phố Đuycơlôs thuộc khu Tân Định, có công nhân vũ trang đứng gác, các đại biểu được triệu tập ở đó và chuẩn bị ra tuyên bố chung. Bản tuyên bố này được phát hành ngày 26 tháng 8. Các đại biểu khẳng định ý muốn giữ tính chất độc lập đối với các đảng phải chính trị; việc cần thiết một mặt trận thống nhất phản đế không được phép ngăn trở quyền tự do hành động của các tầng lớp nhân dân, do đó các đại biểu sẽ lên án mọi sự đụng chạm đến

quyền tự quyết của công nhân và nông dân, lực lượng thúc đẩy xã hội thay đổi tiến bộ.

Nông dân miền Tây dưới chính quyền Việt Minh

Tại các tỉnh, đảng phái quốc gia được Nhật ban cho ít quyền hành từ sau ngày 9 tháng 3, cũng thực thi một trò đùa như ở Sài Gòn. Trên danh nghĩa vì nền độc lập, họ nhượng quyền lại cho Việt Minh – một tổ chức đã rần rộ tuyên bố đứng về phía có lợi thế cho việc giành độc lập, phía Nga-Tàu-Anh-Mỹ. Họ giao hồ sơ sổ sách cùng các con dấu và ngân quỹ cho các Ủy ban Việt Minh thoát thai từ Thanh niên Tiền phong, là tổ chức đã huy động quảng đại quần chúng nông dân trong các cuộc biểu tình thị oai to; họ ra lệnh cho các nhân viên mật thám và vệ binh nộp vũ khí cho chính quyền mới.

Từ ngày 25 tới ngày 28 tháng 8, Dương Bạch Mai tổ chức lại bộ máy đàn áp theo kiểu mật vụ Nga, dưới cái nhãn Quốc gia Tự vệ cuộc.

Để thỏa mãn nông dân, các Ủy ban Việt Minh xử bắn một số hương chức ác ôn, vài tên cảnh sát chuyên môn tra tấn dã man và ít kẻ đầu cơ lũng đoạn. Họ buộc địa chủ giảm địa tô, nhưng họ vẫn kềm dân kính nể chế độ tư hữu tài sản.

Ở các tỉnh Mỹ Tho, Trà Vinh, Sa Đéc, Long Xuyên, Châu Đốc... nông dân không có ruộng đất nhớ lại những khẩu hiệu của ĐCS Đông Dương những năm 1930-1931, tin tưởng mình thoát khỏi cảnh nô dịch, họ không đợi lệnh của chính quyền Việt Minh, tự động tấn công vào số địa chủ quá lạm và đoạt lại tài sản. Lịch sử chính thức kể lại:

> Ở một vài nơi (tỉnh Trà Vinh) nông dân tự động chia đất, tịch thu lúa, nông cụ của địa chủ. Ta hãy khuyên họ hãy giữ gìn bình tĩnh (nguyên văn) và đợi chủ trương của trên, của chính phủ. Nông dân nghe theo họ không chia ruộng đất nữa nhưng họ niêm phong các công cụ, lúa của địa chủ.[178]

Điều này làm dân cày nghèo thất vọng.

Tại Mỹ Tho, nông dân cậy kinh lý Thu, người cảm tình nhóm Tranh Đấu, giúp họ phân chia cho hợp lý ruộng đất chiếm của địa chủ, sau đó Thu bị Việt Minh hạ ngục.

Ủy viên Nội vụ Nguyễn Văn Tạo đứng ra can thiệp, lên tiếng đe dọa những người xu hướng Đệ Tứ đang đứng về phía nông dân không có ruộng đất và những công nhật đồng quê. Trong dịp đi quan sát các tỉnh, Tạo nói:

> Kẻ nào xúi giục nông dân xâm chiếm ruộng tư sẽ bị nghiêm trị. Chưa phải lúc giải quyết vấn đề ruộng đất theo lối cách mạng cộng sản. Chính phủ của ta là một chính phủ dân chủ tư sản mặc dù cộng sản nắm chính quyền.[179]

Tạo muốn quên rằng việc tịch thu ruộng đất địa chủ để chia lại dân cày nghèo, theo luận thuyết của ĐCS Đông Dương năm 1930, là một nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân chủ tư sản phải hoàn thành trước khi chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trên thực tế Tạo đã trở lại thời kỳ đảng Thanh Niên, thực hiện « cách mạng dân tộc » (đoàn kết dân tộc để giành độc lập) trước mọi cuộc cải cách ruộng đất.

Phái Stalin điều đình với đại diện Đơ Gôllơ
Chất vấn chính quyền Việt Minh tự tuyên bố

Ta hãy nhớ lại, hai tuần lễ sau cuộc Nhật đảo chính hồi tháng 3, Đơ Gôllơ, không hề quan niệm nước Pháp có thể buông bỏ Đông Dương, ông ta ban hành một thể chế trong đó « Liên bang Đông Dương nằm trong Khối liên hiệp Pháp ». Đó là cái mà người ta gọi bản Tuyên bố ngày 24 tháng 3 năm 1945. Năm tháng sau, một viên chức cai trị thuộc địa cũ là đại tá Xêđilơ từ máy bay Anh nhảy dù xuống vùng Tây Ninh, tới Sài Gòn với tư cách đại diện « Nước Pháp mới » cùng đề nghị như trên, theo J.M. Hectrich, đề nghị ấy là một « tuyệt phẩm rụt rè, mơ hồ, thận trọng, bấp bênh, mập mờ ». Ngay cả đến chữ Độc lập cũng không thấy trong đó, còn Đơ Gôllơ vẫn còn lên tiếng « những lãnh thổ của chúng ta ».

Ngày 27 tháng 8, Xêđilơ hội kiến với Trần Văn Giàu, Nguyễn Văn Tạo và bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, nghĩa là với đại diện Việt Minh miền Nam. Cuộc điều đình bí mật này khởi đầu liền bị các đảng phái quốc gia lên án. Dù sao nó cũng đã thất bại vì cơ sở để thảo luận là không thể chấp nhận được.

Trong lúc này, Giàu cùng vây cánh còn phải đối phó với mọi tình hình khó khăn khác. Đóng trụ sở tại dinh Thống đốc Nam Kỳ, chính phủ tự xưng chuẩn bị rất chu đáo cuộc đón tiếp một «Phái bộ Đồng Minh » (thật ra là Ủ y ban kiểm soát của Đồng Minh). Bản thông báo của họ đề ngày 29 tháng 8 khuyến khích dân chúng « hợp tác với chính phủ để đón tiếp rất long trọng Phái bộ Đồng Minh (theo nguyên văn) ; mọi nhà, công hay tư, đều phải treo cờ Nga Tàu Anh Mỹ, cờ đỏ sao vàng ở giữa ».

Ngày 30 tháng 8, Trần Văn Giàu kiểm điểm năm ngày nắm chính quyền tại thị sảnh Sài Gòn. Có mặt: báo chí và các đại diện những xu hướng chính trị khác nhau.

Nhà báo Nguyễn Kỳ Nam kể lại cuộc tranh cãi kịch liệt giữa Giàu và Trần Văn Thạch (nhóm Tranh Đấu), chẳng những Giàu đáp lại một cách không phù hợp mà còn thốt lời đe dọa.

– Ai cử Lâm ủy hành chánh Nam Bộ? Thạch hỏi.

– Chúng tôi tạm thời đảm đương chính phủ trong giai đoạn này, Giàu đáp. Sau rồi chúng tôi giao lại các anh. Còn trả lời về chính trị (Giàu đặt tay lên khẩu súng lục mang bên hông), tôi sẽ gặp anh ở một nơi khác.[176]

Việt Minh thị oai lực lượng ngày 2 tháng 9 - 1945

Ngày thứ chín nắm chính quyền, Ủy ban Hành chánh Lâm thời Nam Bộ tổ chức một cuộc biểu tình để nghe Hồ Chí Minh tuyên ngôn độc lập tại Hà Nội. Giàu sấp đặt cuộc biểu tình này, toan biểu dương lực lượng vũ trang. Bởi không kiểm soát được các nhóm có súng ống xu hướng khác nhau, hôm 28 tháng 8 Giàu đã kêu gọi các nhóm ấy thống nhất trong đội « dân quân ».

Cuộc tập hợp bắt đầu 9 giờ sáng tại đại lộ Nôrôđôm, tên mới là đại lộ Cộng Hòa. Trên khán đài bày bố hôm ngày 25 nay các đại viên chức cao cấp của chính phủ thượng tọa, để duyệt khán bầy người diễu hành sau khi nghe loa phát lời tuyên ngôn của Hồ Chí Minh. Ngoài lớp lớp dân chúng biểu tình nhịp nhàng kỷ luật, còn có bốn sư đoàn « dân quân » (gọi phù phiếm bốn đoàn người ăn mặc thô sơ, đi chân không, mang súng hai lòng, kiếm, dao gâm, tầm vông vạt nhọn...), mỗi đoàn tuân lệnh ban chỉ huy riêng của mình. Trong bốn đơn vị đó chỉ có Đệ nhất sư đoàn là lực lượng Việt Minh, gồm lính cảnh vệ lưu động người bản địa – trước kia là lực lượng đàn áp – là được vũ trang đầy đủ và được huấn luyện chu đáo. Các toán bán quân sự Cao Đài tụ thành Đệ nhị sư đoàn; Nguyễn Hòa Hiệp chỉ huy Đệ tam sư đoàn. Hiệp trước kia cựu sinh viên trường Hoàng Phố, có chân trong Việt Nam Quốc Dân Đảng, tập hợp những « nghĩa dũng quân » (Giyutai) do quân Nhật tuyển mộ hồi tháng 7 và đã giải ngũ. Đệ tứ sư đoàn gồm các đội tự vệ Hòa Hảo, mạnh ai nấy tìm súng gươm tự trang bị.

Đài phát thanh bị hỏng. Đến xế 2 giờ chính Trần Văn Giàu đứng lên hô hào quần chúng, chẳng những hô hào chia vui mừng độc lập mà còn đe dọa :

> Một số người phản quốc, đương kiên cố hàng ngũ, làm hậu thuẫn cho kẻ nghịch. Chúng nó sẽ bị tòa án nhân dân trừng trị thẳng tay, những bọn gây rối hầu tìm cho phe nghịch một cơ hội xâm lăng (nguyên văn) (x. Nguyễn Kỳ Nam, tr.219-220).

Những lời đe dọa đó chắc chắn là nhằm vào nhóm Đệ Tứ, đồng thời cũng nhằm cả vào những đảng phái – Hòa Hảo, Cao Đài, VNQDĐ – chưa hoàn toàn qui phục. Nhóm Tranh Đấu cùng vài ngàn chiến sĩ và người cảm tình có mặt tại chổ, biểu dương tinh thần chính trị đối lập dưới cờ Đệ tứ Quốc tế.

Đã đến giờ diễu hành. Bên trên làn sóng người đông ngập phất phới cờ đỏ sao vàng xen lẫn với những lá cờ Đồng Minh, những biểu ngữ tiếng Anh, Welcome to our Allies! (Hoan nghênh Đồng Minh của chúng ta!), tiếng Nga, tiếng Tàu, tiếng Pháp và tiếng Việt: « Đả đảo chủ nghĩa thực dân Pháp! Thà chết hơn làm nô lệ! Việt Nam hoàn toàn độc lập! »... Một nhóm người ở trần, mình mẩy xăm đầy, giơ cao tấm biển kỳ lạ có ghi « Ban ám sát xung phong »: đấy là những « thích khách » bộ hạ Dương Bạch Mai; lực lượng chủ yếu của nhóm này: bọn cướp Bình Xuyên đóng trại tại gần cầu chữ Y, kiểm soát phía nam Sài Gòn, miền kênh rạch và hầu hết vùng Chợ Lớn.

Lối 4 giờ chiều, trong khi làn sóng người hô vang các khẩu hiệu và ca hát quanh Nhà thờ Nhà nước, chợt có tiếng súng nổ chác tai. Có lẽ những tiếng súng từ trụ sở Hội Truyền giáo (Maison des Missions) bắn ra. Đám đông hoảng hốt, ùa chạy đó đây, nhưng các đội vũ trang đã xông tới. Cha cố Tricoirơ, một giáo sĩ nhân từ bố đạo nhà tù, ngã chúi sau một phát súng lục tại giáo đường. Anh Lê Văn Long, một cựu chiến sĩ nhóm Tranh Đấu, nắm cổ áo một người Pháp lôi xuống nấc thang nhà Hội Truyền giáo giao lại cho Quốc gia tự vệ cuộc ở bót Catinat kế cận. Người Pháp đó, hôm sau Dương Bạch Mai thả ra cùng một số người Pháp khác bị bắt vì tình nghi.

Bấy giờ rải rác khắp cùng, lốp bốp súng nổ nơi này nơi khác, ở đại lộ Bôna, ở Chợ Bến Thành. Dân quân bắn trả lại cũng vu vơ không kém. Kết quả: 5 người Pháp bị chết, hàng chục người bị thương.

Yên lặng trở lại dần dần dưới cơn mưa tầm tã khi trời sụp tối.

Ảo vọng Việt Minh đối với «Đồng minh Anh » tan vỡ

Trần Văn Giầu quá tự trọng: ngày 3 tháng 9, anh ta cấm không ai được mang vũ khí, giáo mác, dao súng trên các đường phố, trừ «quân đội nhân dân » và cảnh sát Việt Minh. Nhưng mọi người ai ai cũng chỉ theo ý nghĩ của mình mà thôi.

Nhóm Liên Minh biểu tình tại Chợ Bến Thành, rải truyền đơn kêu gọi tăng cường lực lượng các Ủy ban Nhân dân, vũ trang toàn dân để chiến đấu chống lại mọi đế quốc, không phân biệt đế quốc « phát xít » hay « dân chủ ». Các đồng chí phụ trách vẫn giữ các khẩu hiệu: « Ruộng đất

về tay dân cày! Nhà máy về tay công nhân! Đông Dương hoàn toàn độc lập! ».

Báo Dân Chúng của phái Đệ Tam gọi nhóm Liên Minh là bọn Việt gian. Nguyễn Văn Lịnh tới tòa soạn phản đối cách vu khống giết người của phái Stalin.

Tướng Gơraxêy, cầm đầu Ủy ban kiểm soát của Đồng Minh chỉ tới Sài Gòn vào ngày 6 tháng 9. Các biểu ngữ đón tiếp đã chuẩn bị từ ngày 29 tháng 8, được trưng ra các phố: « Welcome to our Allies ! » (Hoan nghênh Đông minh của chúng ta !), xen lẫn những biểu ngữ thể hiện tinh thần chung «Independence or Death ! » (Độc lập hay là chết !). Sau đó Gơraxêy nói một cách thản nhiên trong một bản báo cáo: « Khi tới nơi tôi được Việt Minh hoan nghênh đón tiếp, tôi lập tức đuổi tống họ ra ».[180]

Gơraxêy trách Bộ tham mưu Nhật đã để phát triển tình thế rối ben . Lời quở liền có hiệu quả: ban chỉ huy quân đội Nhật ra lệnh chính quyền đang nhiệm phải giải tán « quân đội nhân dân », cấm mọi hoạt động chính trị gây phiến loạn – cấm đoán cho có chừng –, mọi cuộc mít tinh không xin phép trước và cấm mang cả vũ khí, kể cả dao thương giáo mác.

Trong một bản thông cáo Trần Văn Giàu tuyên bố:

> Một nhóm người không trách nhiệm kêu gọi nhân dân biểu tình trước chợ Sài Gòn đòi « võ trang quần chúng ». Nhật và Đồng Minh hay đặng, sợ sanh ra một vụ đổ máu trăm lần lớn hơn vụ đổ máu vừa qua. Nay vì bọn gây rối cố ý hay vô tình gây rối để cho ngoại quốc có cơ hội xâm phạm đến chủ quyền của chúng ta, Tổng hành dinh Nhật quyết định giải tán dân quân...
>
> Tự do dân chủ mà chúng tôi, Ủy ban Hành chánh ban hành cho quốc dân (nguyên văn), một bọn khuấy rối không trách nhiệm lợi dụng nó mà làm hại quốc dân, làm hại Tổ quốc.[182]

Phải chăng sự phô trương lực lượng vũ trang của Giàu với bốn « sư đoàn dân quân » đã khiêu khích nhóm thực dân Pháp lúc này đang bạo dạn hơn vì chúng biết có quân đội Anh sắp đến mà gây ra cuộc đổ máu, rồi vì lẽ đó mà Nhật quyết định giải tán dân quân, hơn là những lời kêu gọi võ trang quần chúng vô vọng của nhóm Liên Minh cộng sản Đệ Tứ trước Chợ Bến Thành ngày 3 tháng 9?

Cũng ngày 7 tháng 9, nhóm Tranh Đấu biết tin Tạ Thu Thâu bị bắt ở Quảng Ngãi, họ dán thông báo tin đó trước trụ sở của họ tại góc đường Garôs và Lagơrăndiero. Tin đó gây xúc động lớn tại Sài Gòn. Họ chất vấn Trần Văn Giàu về vấn đề đó.

Việt Minh miền Bắc bất đồng với Việt Minh miền Nam

Trước đó mấy hôm, có hai phái viên của Hồ Chí Minh đến Sài Gòn, Hoàng Quốc Việt (ủy viên Trung ương đảng cộng sản, kẻ đã tổ chức theo dõi Tạ Thu Thâu trong cuộc hành trình của Thâu ở Bắc) và Cao Hồng Lãnh (đại biểu Tổng bộ Việt Minh). Họ trách cứ Giàu là đã hành động ngược lại đường lối của Đảng: « Chúng tôi đang hô hào đánh Pháp đuổi Nhật; còn anh, anh lại dựa vào lực lượng của Nhật » (« Thế là tôi bị lên án là kẻ thân Nhật », Giàu thổ lộ bất mãn năm 1989 trước một nhóm người Việt tại Paris). Việt và Lãnh chỉ thị cho Giàu « giải tán » Thanh niên Tiền phong để tái lập thành Thanh niên Cứu quốc: cũng vẫn là những thủ đoạn để giữ thể diện, vẫn là những chiến thuật quanh co.

Ngày 8, họ buộc Giàu mở rộng Ủy ban Hành chánh Lâm thời Nam Bộ thành Ủy ban Nhân dân Nam Bộ, gồm thêm các đại biểu của mọi phe nhóm ở miền Nam. Đó là để chường ra bộ mặt dân chủ:

Luật sư Phạm Văn Bạch, không đảng phái, sẽ là chủ tịch Ủy ban. Một danh sách mở rộng gồm các ủy viên như Huỳnh Phú Sổ (Hòa Hảo), Phan Văn Hùm và Trần Văn Thạch (nhóm Tranh Đấu), Hồ Văn Ngà, và cả một nhân vật lập hiến là Dương Văn Giáo. (Ngày hôm sau Phan Văn Hùm nghe mình được chỉ định là dự khuyết, anh từ chối không tham gia). Hầu hết những cựu ủy viên Ban chấp hành trước đều vào Ủy ban Nhân dân Nam Bộ; chỉ có ba ủy viên mới, trong đó có ông Đạo Khùng.

Trần Văn Giàu phản đối việc chỉ định Đạo Khùng làm ủy viên chính phủ, vì Đạo Khùng mới vừa buộc tội anh ta trước mặt Hoàng Quốc Việt: « Tôi nắm những tài liệu chứng tỏ Giàu thông đồng với Pháp ».[181] Giàu cho lùng sục trụ sở Hòa Hảo tại Sài Gòn phố Misơ. Huỳnh Phú Sổ trốn thoát.

Tình hình căng thẳng giữa Việt Minh và Hòa Hảo biến thành cuộc xung đột vũ trang tại Cần Thơ, nơi mà các đệ tử Đạo Khùng muốn đứng lên đảm nhiệm và giành thế thượng phong, song họ bị Việt Minh tiêu diệt. Một số bị xử bắn: nhà thơ Nguyễn Xuân Thiếp, bí danh Việt Châu, mà Việt Minh cho là có dính dáng với Đệ Tứ; Huỳnh Phú Mậu, em của Đạo Khùng, và Trần Ngọc Hoành, con trai thủ lĩnh Hòa Hảo ở địa phương. Từ ngày 27 tháng 8, tại Châu Đốc, Việt Minh bắt khoảng 300 tín đồ Hòa Hảo (một bị hành quyết), qua ngày 30, họ nhốt những người cầm đầu chi phái tại các tỉnh.

Ngày 9, sau khi cải sửa mặt ngoài chính quyền, Trần Văn Giàu trả lời điều chất vấn của nhóm Tranh Đấu về Tạ Thu Thâu, thông báo trên báo chí:

> Việc Tạ Thu Thâu bị bắt ở Quảng Ngãi không liên quan đến Lâm ủy Hành chánh ở Nam Bộ. Ủy ban Nhân dân ở Nam Bộ được và có quyền xử Tạ Thu Thâu.

Có lẽ Thâu đã bị ám sát.

Ngày 10, Gơraxêy mời Ủy ban Nhân dân Nam Bộ dời khỏi dinh thống đốc, rồi cùng bộ tham mưu của y chiếm nơi đó. Ủy ban Nhân dân dọn về dinh Xả Tây, rồi lập một Ban liên lạc với quân Đồng minh. Trong số những người được chỉ định vào Ban đó – bốn nhân vật sẽ bị Việt Minh ám sát sau đó một tháng – đấy là Trần Văn Thạch, Phan Văn Chánh, Huỳnh Văn Phương và Bà bác sĩ Hồ Vĩnh Ký.

Nhiều đơn vị quân đội Anh-Ấn và một tiểu đội thuộc liên đội bộ binh thuộc địa RIC số 5 của Pháp lần lược đáp máy bay tới Sài Gòn từng đơn vị nhỏ. Ngày 12, Gơraxêy phái quân Guôc Kha đến chiếm đóng các trụ sở cảnh sát chủ yếu; sau đó đến lượt nhà Ngân hàng Đông Dương và Kho bạc, sân bay, các cơ sở điện, nước, trong khi đó lính Nhật giao lại cho lính Pháp quyền quản lý bến tàu, sở thủy binh Ba Son và Kho đạn.

Tại Sài Gòn, lực lượng vũ trang Việt Minh vẫn chiếm giữ dinh Xã Tây và các bót cảnh sát lân cận.

Nhóm Liên Minh và Ủy ban Dân chúng của họ phân phát một bản tuyên ngôn chống lại lập trường chính trị đoàn kết dân tộc của phái Đệ Tam, làm thiệt hại những triển vọng giải phóng thợ thuyền và nông dân. Ngày 14, Dương Bạch Mai cho bao vây trụ sở của họ, bắt các đại biểu và tịch thu vũ khí cùng một số tài liệu in ấn, máy chữ... Sau này Lư Sanh Hạnh buộc tội Dương Bạch Mai toan « thanh toán đội tiền phong giai cấp cách mạng ». Chỉ vì tình cờ mà họ đã thoát khỏi bị « tòa án nhân dân »trừng trị và thoát khỏi bàn tay ám sát của Việt Minh: người Anh sẽ kiểm soát Khám lớn sẽ giao họ cho mật thám Pháp.

Ngày 16, trong khi một chiếc tàu và 25 chiếc ghe bầu cập bến Côn Đảo để đưa các tù chính trị trở về (trong số đó có Tôn Đức Thắng, vụ ám sát ở phố Bacbiê, Phạm Văn Thiên tức Hùng, thoát tử hình năm 1933, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, thuộc ĐCS Đông Dương), thì ở Sài Gòn trong một cuộc họp báo, Ủy ban Nhân dân Nam Bộ tỏ vẻ bất bình vì chính quyền của mình bị khinh thường: những biện pháp do Ủy ban truyền ra ngày 1 tháng 9 không được ai biết đến, các cửa hàng, xưởng thợ và nhà máy do người Pháp quản lý vẫn tự ý đóng cửa hoặc hầu như không hoạt động; bọn chủ không chịu trả tiền thiệt hại cho những công nhân bị đuổi việc từ sau ngày 25 tháng 8, Ủy ban Nhân dân đe dọa sẽ quốc hữu hóa những xí nghiệp ngoan cố của Pháp: Không kết quả gì.

Ngày hôm sau, Ủy ban Nhân dân Nam Bộ kêu gọi người Việt tổng bãi công. Kẻ nào còn làm việc sẽ bị coi là Việt gian. Thế là Sài Gòn bị tê liệt! Thật tai hại cho các ông chủ thực dân: không còn có bồi bếp và người phục vụ trong các khách sạn, không còn phu xe ngoài đường phố, bến cảng vắng

tanh, giao thông ngừng trệ, nhà hàng và cửa hiệu đóng cửa vì không có công nhân người bản địa.

Tướng Gơraxêy chuẩn bị Pháp tái chiếm Đông Dương

Cũng ngày 17 tháng 9, khoảng một trăm lính Pháp từ sở thủy binh Ba Son đi hộ tống đoàn xe vận tải chở đầy súng ống đạn dược.

Ngày 19, Xêđidơ cũng họp báo tuyên bố: « Việt Minh không đại diện cho dư luận quần chúng, Việt Minh không có khả năng duy trì trật tự và ngăn cản cướp bóc. Trước hết cần phải lập lại trật tự, sau đó chúng ta sẽ thành lập một chính phủ phù hợp với bản tuyên bố ngày 24 tháng 3 ».

Ngày 20, Gơraxêy tăng cường thêm nhiều biện pháp. Y ra lệnh cấm mang vũ khí và cấm báo chí quốc ngữ, sai người đi xé các thông báo Việt Minh trên các bức tường trong thành phố và nhắc nhở rằng cảnh sát bản địa chỉ có vai trò « hỗ trợ lực lượng người Anh ». Ngày 21, y ra lệnh thiết quân luật, phá hoại và cướp bóc sẽ bị tử hình. Ngày 22, người Anh kiểm soát Khám lớn Sài Gòn, thả bọn lính Pháp nhảy dù bị Việt Minh bắt giữ tuần lễ trước đó, và giao cho mật thám Pháp – mới vừa lập lại ở bót Catinat, những người thuộc nhóm Liên Minh bị Dương Bạch Mai bắt giữ.

Gơraxêy cho phép đại tá Rivierơ tái vũ trang 1500 lính Pháp thuộc trung doàn bộ binh thuộc địa số 5, cựu tù binh chiến tranh của Nhật.

Nhóm Tranh Đấu–La Lutte kêu gọi những người không có nhiệm vụ chiến đấu hãy tản cư khỏi thành phố để tránh cuộc đụng độ sắp tới, còn những truyền đơn bướm của Ủy ban Nhân dân Nam Bộ truyền lịnh dân chúng tản cư về thôn quê và « giữ bình tĩnh vì chính phủ hy vọng sẽ thương lượng được ».

XXII
Bộ mặt « Nước Pháp Mới » tái chinh phục thuộc địa

Từ tháng 9 năm 1945, cuộc chiến tranh 30 năm đột khởi ở Sài Gòn, cuộc sát nhân vĩ đại, máu sông xương núi chỉ ngưng khi lực lượng đế quốc rời khỏi Việt Nam, quân Pháp năm 1954, quân Mỹ năm 1975.

Quân Anh-Pháp tấn công

Ngày chủ nhật 23 tháng chín 1945, vào hồi 4 giờ sáng, dựa vào lực lượng quân Guốckha, binh lính Pháp được vũ trang lại đi tái chiếm những công sở chính: Sở mật thám, Kho bạc,nhà Giây thép [Bưu điện], Dinh Xã Tây, nơi chính quyền Việt Minh đóng trụ sở tạm thời.

Về vụ đánh chiếm Dinh Xã Tây, Harôlđơ Isaac viết:

> Lính An Nam đứng gác bị hạ sát. Những người đang ở bên trong hoặc bị giết hoặc bị bắt. Sổ sách giấy tờ bị tịch thu hoặc bị tứ tán. Khoảng hai chục người An Nam bị trói đem đi. Buổi sáng hôm đó những người ngoại quốc chứng kiến cảnh đổ máu cùng cảnh người bị trói ké và đánh đập [183].

Một chứng kiến khác, ông J.M. Hectrich, kể lại những giờ tiếp theo đó:

> Vào lúc 8 giờ, đường Catinat rộ lên vui mừng thỏa thuê như điên rồ làm chúng tôi công phẫn liền. Những người kia, mới ngày hôm qua còn sợ run lên, nay chỉ nói đến việc trả thù thậm tệ đối với những

người An Nam mà họ cho rằng đã gây nên nỗi sợ hãi của họ. Người An Nam nông nỗi còn tiếp tục đi lại trên đường [Catinat]. Những công dân Pháp hùng dũng chụp bắt họ, thoi đấm họ rồi giao họ cho bọn lính săn đá trói ké họ sau khi chúng đấm đá túi bụi. Mọi sự ấy càng lúc càng thêm thô bỉ, nếu không nói là ghê tởm, và mọi phóng viên chiến sự đều tỏ ra công phẫn [184].

Tờ Tin điện Hằng ngày (*Daily Telegraph*) ngày 26 cũng bình luận như thế về sự kiện này:

Bốn giờ sáng, một thời điểm bất thường, cốt chọn để chiếm thế bất ngờ, hy vọng tránh khỏi đám đông quần chúng phát động thị oai. Tuy nhiên, vài phút sau những phát súng đầu tiên, những loạt đạn liên thanh nổ ròn tại nhiều khu phố. Súng ngừng nổ lói 6 giờ rưỡi sáng. Cuộc chiến đấu Việt Minh chống lại quân Pháp dường như chấm dứt, các công sở đã trở về tay người Pháp. Bấy giờ giải pháp vấn đề chính quyền nằm trong thủ đoạn khéo léo của người Pháp và trên tinh thần hòa giải. Trong vụ bắn nhau hồi đêm, có hai người Pháp bị giết chết và bốn người bị thương, một người An Nam bị giết và một số không rõ, có thể là vài chục người đã bị trấn áp thô bạo ít nhiều. Một bầu không khí hầm hừ sấm sét bao trùm buổi sáng hôm 23 trong lúc lính Pháp đi tuần trong thành phố tóm bắt những người còn lẵng nhẵng chần chờ và đập phá ổ khóa then chốt cửa nhà bị tình nghi chứa vũ khí. Trong Dinh Thị sảnh, lính Pháp cùng lính Phi châu cấm trại ở đấy. Tôi thấy khoảng năm chục tù nhân người An Nam ngồi chồm hổm dưới đất, cườm tay bị trói chặt người nầy khích rịt người kia. Ở sở Bưu điện, trên một trăm người An Nam cánh tay bị trói chặt quàng lên trên đầu. Thật khó mà tưởng tượng được cảnh những phụ nữ và thiếu niên có thể chịu đựng được kiểu ngồi dưới đất bị trói buộc như thế như vậy, xung quanh có lính gác, hàng nhiều giờ sau khi tiếng súng đã ngưng ở trung tâm Sài Gòn. Điều ấy, tôi đã thấy; một cung cách đối xử như vậy hoàn toàn trái ngược với lệnh của đại tá Xêđilơ và đại tá Rivierơ.

Ngày 26, ở Anh, Đảng Lao động Độc lập (Independent Labour Party) trách cứ thủ tướng Attơli về trách nhiệm của ông ta đối với sự kiện trên:

Những điện tín từ Sài Gòn báo cáo rằng quân đội Guôckha của Anh, quân đội và cảnh sát Pháp và Nhật đã được huy động để đàn áp những cuộc biểu tình chính trị, những cuộc hội họp và báo chí, và

> quân đội Pháp đã được phép lật đổ chính quyền cộng hòa của người Việt Nam. Các dân tộc ở phương Đông sẽ nghĩ là Anh Quốc và các nước Đồng Minh chống lại công cuộc giải phóng dân tộc dân chủ của họ.

Tờ Tin điện Hằng ngày ngày 8 tháng 10 sau đó có đăng lời đáp của Attơli: « Not every movement that clamed to be democratic can be accepted as such on its own statement.» (Không phải bất kỳ một phong trào nào tự xưng là dân chủ cũng được công nhận là dân chủ chỉ căn cứ nơi lời tự tuyên bố của họ).

Sài Gòn bạo động ngày 23 tháng 9 năm 1945

Hãy trở lại thời cuộc đang diễn biến.

Đêm 23 rạng ngày 24 tháng 9, người Việt chuẩn bị phản công. Trong những khu phố nghèo, người ta đốn cây, lật xe cộ, chất bàn ghế đồ đạc ra đường lập thành chiến lũy thô sơ. Phong trào đó lan rộng tới vùng ngoại ô Khánh Hội, Cầu Kho, Bàn Cờ, Phú Nhuận, Tân Định, Thị Nghè. Trụ sở cảnh sát ở bến cảng bị tấn công. Ở phía Nam, khói lửa cao ngút trời, có thể do các trạm săng đầu Nhà Bè bùng cháy.

Từ hôm qua lính săn đá và thủy thủ Pháp đi kiểm soát từng nhà một ở trung tâm thành phố và ở bến cảng để tìm ra các kho vũ khí; chúng tịch thu, chúng bắt giữ. Ủy ban Nhân dân Nam Bộ chạy lánh vào vùng Chợ Đệm tại ngoại ô ở phía Tây-Nam Chợ Lớn.

Người Việt bao vây thành phố Sài Gòn. Các khu vực phía Nam và Tây-Nam, toàn bộ Chợ Lớn, dọc theo sông Bến Nghé cho tới sông Sài Gòn nằm trong tay sáu băng nhóm Bình Xuyên, chính Bẩy Viễn chỉ huy tối cao. Ở phía Tây-Bắc, lực lượng Cao Đài trấn giữ đường đi Tây Ninh và đường lên sân bay Tân Sơn Nhất. Ở Phía Bắc, trên bờ rạch Thị Nghè, trong khu ngoại vi Tân Định và những vùng lân cận, Tân Bình, Phú Nhuận và Gia Định, chỉ huy kháng chiến Tô Ký và lãnh tụ Việt Minh Hoàng Quốc Việt. Tại khu vực phía Đông, các đội Thanh niên Tiền phong thoát khỏi cuộc tấn công của Pháp trong đêm đã tập hợp lại cùng với lực lượng dân quân.

Lối bốn giờ chiều, quân Bình Xuyên ẩn núp phục kích dọc theo sông Bến Nghé và trong khu vực Chợ Lớn bắt đầu nổ súng. Một đơn vị theo đường Vecđon tiến sâu vào nội thành, chiếm Chợ Bến Thành và từ đại lộ Bôna, chĩa súng vào trung tâm thành phố, vào phố Catinat, khách sạn Continăntal. Từ sông Bến Nghé, một đơn vị khác tiến theo đại lộ Đơ La Sômmơ về phía Chợ Bến Thành.

Vừa đến đêm họ phá nổ nhà máy nước và đốt nhà đèn [nhà máy điện]

Chợ Quán. Sài Gòn hầu như bị tắt điện nước. Việc phong tỏa thành phố tỏ ra hữu hiệu.

Trên sông Bến Nghé nhiều xác chết bập bềnh trôi theo dòng nước. Tác giả những dòng này, núp trong một chiếc thuyền tam bản đậu ở bến chờ nước ròng để rút ra khỏi thành phố, chứng kiến một cuộc săn người trên bờ sông, trong khi đạn bắn réo lõm chỏm rơi trên mặt nước như giọt nước mưa giông quanh thuyền.

Ngày 25, khoảng năm chục kiều dân Pháp, chủ yếu là đàn bà và một vài trẻ em bị bắt cóc gần Nhà thờ Nhà nước, họ bắt cóc với hy vọng phi lý và man rợ là làm mất tinh thần kẻ địch. Chỉ có độ ba chục người được tìm lại trên rạch Thị Nghè, phần đông là đàn bà và trẻ em.

Cùng ngày hôm đó, tại xóm Hêrôl thuộc ngoại vi Tân Định – xóm tiểu công chức người Pháp có vợ đầm lai hoặc An Nam cùng con cái lai ở – người ta chợt thấy chồng chất xác kiều dân Pháp chết, nam nữ lẫn lộn, không phân biệt được tuổi tác, bị cắt xẻo ghê rợn, tất cả độ hơn trăm người bị giết và mất tích. Đó là hành động của quân đạo tặc Tô Ký đã được Việt Minh tuyển mộ, và người ta đã thấy họ đi diễu hành ngày 2 tháng 9 dưới những biểu ngữ: « Ban ám sát xung phong ». Đó rõ ràng là kết quả gớm ghê rùng rợn sau mấy mươi năm người da trắng đã miệt thị « dân bản địa » (indigènes), và một số thực dân đã thốt ra là phải « lột da người An Nam để làm dép » một khi người Pháp lập xong trật tự trở lại. Cái trật tự đầy dẫy căm thù một khi đảo lộn khiến con người ngã vào hành động bạo tàn như thú vật: con người không còn là con người nữa.

Trong đêm 25, Chợ cháy ngọn lửa đe dọa trung tâm Sài Gòn. Nhiều kho chứa gạo của người Pháp ở Chợ Lớn phát hỏa.

Ngày 26, bến cảng bị tấn công mãnh liệt, kho chứa hàng dọc theo giòng sông bốc lửa. Bên kháng chiến vẫn mong đánh bại thành phố Sài Gòn bằng nạn đói và có lúc họ làm chủ tể lò thịt. Trên đường tới sân bay Tân Sơn Nhất do các đội vũ trang của Cao Đài kiểm soát, đại tá Mỹ Pêtưa Đơuây, thuộc cơ quan OSS bị giết. Y mới tới Sài Gòn ngày 2 để điều hành công việc chuyên chở lính Mỹ bị quân Nhật bắt làm tù binh chiến tranh. Người ta không tìm thấy xác y.

Ngày 27, dựa vào lực lượng Guôckha, người Pháp định phá vòng vây quanh thành phố đang đe dọa bị thiếu lương thực. Họ đốt các xóm nhà lá gần ngoại ô, nơi du kích xuất phát những cuộc tấn công ban đêm:

> Ở vùng ngoại ô, nhóm Tranh Đấu thuật lại, những người kháng chiến chủ yếu đóng ở các chốt đầu cầu, nhiều cuộc tranh phong kịch liệt diễn ra ở đó, nơi có cả những người Nhật đào ngũ gia nhập.

> Trong những trận xáp chiến đầu tiên ở Đa Kao, Bàn Cờ, Cầu Kho, Ngã Sáu, Chợ Quán, Vĩnh Hội, Cây Quéo, Gò Vấp, Khánh Hưng, Thủ Thiêm, Thị Nghè, Phú Nhuận, Gia Định, Nhà Bè, thợ thuyền và những chiến sĩ chiến đấu dưới ngọn cờ Đệ tứ Quốc tế. Nhưng những chiến binh các trận đầu tiên này đều tự đứng lên chiến đấu. Trần Văn Giàu không cho tiếp tế lương thực, vũ khí và đạn dược tới chỗ họ. Trong khu vực Thị Nghè, trong số 214 chiến binh Đệ tứ thì 210 đã tử trận. Đến ngày xáp trận thứ ba, Trần Văn Giàu cho rải truyền đơn ra lệnh tước vũ khí toàn bộ lực lượng kháng chiến của nhóm Tranh Đấu vì đã chiến đấu không có lệnh chính phủ của anh ta.[185]

Khoảng sáu chục chiến binh thuộc đoàn công binh Xe điện Gò Vấp, do nhóm Liên Minh tổ chức, tham gia bạo động vũ trang dưới sự chỉ huy của những người lãnh đạo do họ bầu ra là Trần Đình Minh và S. ngoài quyền lực của chính quyền. Họ đã khước từ cả cờ Việt Minh và cả danh hiệu Công nhân cứu quốc, họ chiến đấu dưới lá cờ đỏ, vang lên tiếng hát bài Quốc tế ca và bài Hành quân Công Nông Binh. [186]

Những ngày đầu phong tỏa Sài Gòn, đoàn công binh tác chiến ở Bà Chiểu, liên điểm mặt trận Thị Nghè phía tả, bót Tân bình bên hữu, chung vai cùng Thanh niên Tiền phong, Cộng hòa vệ binh, liên đoàn Cựu chiến binh, giải phóng quân Thủ Đức...

Ngày 29, đoàn thủy thủ Ư mà ta tưởng họ trung thành với Pháp Ư đã đánh đắm, tại quãng sông cách tổng hành dinh quân Đồng minh chưa đầy 800m, một chiếc tàu 400 tấn và hai chiếc tàu 200 tấn, một tàu kéo, rồi lật ngã một cầu phà trên sông Sài Gòn.

Thiệt hại về phía Pháp vào cuối tháng 9 ước tính là 21 người bị giết và 134 người mất tích; về phía An Nam ít nhất là 200 người bị giết, 200 bị thương và 23 bị bắt cùng với vũ khí.

Gơraxêy ra lệnh cho Tera-uchi lập lại trật tự cho quân Đồng minh:

> Toàn bộ vùng Thủ Dầu Một và Biên Hòa phải đquét sachẻ những người An Nam mang vũ khí, các chiến lũy chặn đường ở phía Đông-Bắc và Tây-Nam vùng này phải triệt hạ. Những người An Nam chống giữ chiến lũy phải tước vũ khí và bắt giữ; nếu kháng cự thì giết. Các con đường ở phía Bắc Sài Gòn phải đảm bảo tuyệt đối an toàn cho quân Đồng minh cùng cho việc chuyên trở thực phẩm cùng toàn các vật dụng cần thiết. Cách chức lập tức cùng hành quyết tử hình ngay không cần xử những người Nhật, thường dân hay là quân nhân hợp tác với người An Nam phiến loạn.[187]



Thanh niên bị bắt giữ tại sở Mật thám Pháp

Sự hợp tác nào vậy? Trưởng ban tham mưu Nhật là Numata công nhận rằng có hơn một trăm người Nhật đã đào ngũ chạy sang phía An nam và một số người Nhật khác đã bán vũ khí cho người An Nam.

Báo Tin điện Hằng ngày (Daily Telegraph) bữa 4 tháng 10 có kể lại một trận đánh coi như quân khởi nghĩa đã đem đại lực đánh trả thù chống người Nhật đàn áp: 500 người khởi nghĩa tấn công khu vực phía Bắc Sài Gòn bỏ lại 50 xác chết.

Báo Manchester Guardian ngày 27 tháng 10 cho là « thật quái gở » việc người ta sử dụng quân Nhật để « thanh toán » một số khu vực, nhưng rồi cũng nhấn mạnh về sự thiếu lực lượng của quân Đồng Minh tại chỗ để có thể duy trì trật tự.

Lực lượng không quân quan sát cho biết có thấy hàng ngàn quân khởi nghĩa tập trung trên đường Sài Gòn-Mỹ Tho, và tờ Tin điện Hằng ngày ngày 1 tháng 10 đề tựa: « Lực lượng không quân có thể nhanh chóng đánh tan cuộc khởi nghĩa ».

Trong tuần chót tháng 9, tuần lễ đẫm máu, ý nghĩ đình chiến phát sinh. Cuộc đình chiến trở thành thực sự ngày 2 tháng 10.

Đình chiến

Ngày 3 tháng 10 năm 1945, tại tổng hành dinh của Ủy hội Đồng minh, Gơraxêy, Xêđilơ, đại diên tướng Lơcơler và ba đại biểu Việt Minh là Phạm Văn Bạch, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch và Hoàng Quốc Việt tiến hành cuộc họp đầu tiên. Trong khi đó tại đường Catinat, đám đông người Pháp hân hoan ó lên nghinh đón các đoàn lính xung kích của quân đội viễn chinh đi diễu hành, trong lúc các tàu chiến đang tiếp tục thả quân đổ bộ. Không một bóng người bản địa nào, việc xảy ra ngày 23 tháng 9 còn nóng bỏng trong trí nhớ. Khi đi qua đường phố đó, Hectrich đã nhận xét một cách buồn chán: « Phải chăng chúng ta đang sống trong một Đông Dương không có người Đông Dương? ».

Cũng ngày hôm đó, nhóm Tranh Đấu phát hành tờ báo Kháng chiến tại tỉnh Chợ Lớn, lên tiếng kêu gọi dân chúng đừng ảo tưởng về thiện chí của người Pháp, phải luôn luôn sẵn sàng đấu tranh vũ trang chống lại bọn đế quốc.

Liệu Ủy ban Nhân dân Nam Bộ có còn hy vọng « tiến triển thương lượng » thành công như Trần Văn Giàu đã hứa hẹn ngày 22 tháng 9 hay không? Hai phía đều đưa ra điều kiện: Xêđilơ buộc phải thả các người bị cầm làm con tin và hoàn lại xác của đại tá Đơuây; Việt Minh đòi được công nhận nền độc lập nước Việt Nam. Sài gòn vẫn bị bao vây và sắp chết ngộp; lệnh bãi công chưa rút lại. Đàm phán thất bại...

Trong khi đó, ngày 5 tháng 10, tướng Lơcơler đến Sài Gòn, đóng trụ sở tại dinh Toàn quyền. Y tuyên bố toàn bộ hạm đội Pháp có thể huy động được sắp tới nơi, cùng xe tăng, liên thanh tự động và binh lính, đồng thời có thêm 12 000 lính Guôckha cũng sấp tới. Lơcơler nói trước là sẽ « ổn định tình hình trong vòng một tháng » !

Ngày 11, một sĩ quan Anh, một người Ấn và ba lính Guôckha rơi vào một ổ phục kích ở Thạnh Mỹ Tây, phía Đông-Bắc Sài Gòn. Cuộc đình chiến giây giưa mới một tuần lễ.

Khuya ngày 12, hàng loạt đạn súng liên thanh ầm ĩ, tiếng lựu đạn nổ vang, cùng những loạt súng cối đánh thức dân chúng đang mê giấc. Một đại đội lính Guôckha tiến vào Gia Định và Gò Vấp, vùng ngoại ô phía Đông-Bắc và Tây-Bắc Sài Gòn. Họ bắt giữ khoảng 50 người An Nam, 3 người đàn bà trong đó có một nữ y tá. Trong khi lính săn đá Pháp Binh đoàn thuộc địa số 5 đánh vô Phú Mỹ ở phía Đông thì một Liên đội khác gồm lính Anh-Ấn cố sức giải tỏa khu vực Chợ Lớn, miền nầy vẫn trong tay quân Bình Xuyên. Hàng tốp lính săn đá vô lại châm lửa đốt mấy xóm nhà lá chen chúc quanh vùng không chừa khóm nào cả.

Đoàn công binh tác chiến

Sau khi mặt trận Thị Nghè - Gia Định tan vở, đoàn công binh sở Xe điện rút về Gò Vấp, nhưng ít hôm sau phải kéo lui, trước tấn công quân Anh-Ấn-Pháp. Ở An Phú Đông, anh thợ may Hồ Văn Đức tử trận đầu tiên, anh gốc ở Mỹ Tho, đã gia nhập hàng ngũ công binh; Trần Văn Nghị, thuộc Đoàn cảm tử số 1, trong lúc đương đầu quân Anh-Ấn-Pháp (Gia Định) đồng cùng các nhóm du kích tự động, tự xưng đội Trần Cao Vân, Đào Duy Từ, Chi Lăng, đoàn Nguyễn An Ninh..., nhưng họ không ngớt ghình nhau.

Giữa tháng 11 đoàn công binh chia làm hai tốp, tốp đi bộ không vũ khí, phòng địch quân kiểm soát, tốp theo đường thủy, rút lên Lộc Giang, nơi Nguyễn Hòa Hiệp đóng binh, cận biên giới Cao Miên. (Ai cũng biết Hiệp trước kia ở tù chung một khám với Nguyễn An Ninh, có thiện cảm với Tạ Thu Thâu, thời Nhật chiếm đã chứa Trần Văn Giàu). 40 chiến sĩ thợ Xe điện Gò Vấp đi bộ không vũ khí tới Lộc Giang cô thế, buộc mình thương lượng cộng tác với Đệ tam sư đoàn, mặc dầu trong lòng ái ngại. Không phải vì Hiệp xu hướng quốc gia, chỉ vì Đệ tam sư đoàn tổ chức theo lối quân phiệt như một đạo binh tư sản, đẳng cấp, nghịch hẳn với cao vọng dân chủ công binh.

Anh em công binh tham gia phòng tuyến Việt-Cao. Những anh em còn lại, ngoài công tác chiến phòng, họ làm quen với nông dân trong vùng ấp

Truông Dầu, tổ chức hội hiệp và cố sức giải thích mục đích thợ thuyền và dân cày tranh đấu không phải chỉ « đuổi Tây », mà còn phải cổi ách tư sản bản xứ và điền chủ, thoát cảnh đói rách lầm than, không hy sinh để thay thầy đổi chủ.

Còn 13 đồng chí đi đàng sông chở súng đạn, khi tới Mỹ Hạnh, trụ sở « giải phóng quân », bị ủy ban kháng chiến sở tại bắt lại. Sau khi thảo luận cùng nhau, anh em ưng thuận cộng tác với lực lượng quân sự sở tại. Tiểu đội của họ cử anh Chín Nghé chỉ huy, vẫn chào cờ đỏ của mình. – Lúc ấy Nguyễn Bình đã vào Nam, thọ sứ mạng Hà Nội thống nhất và chỉ huy lực lượng kháng chiến khu 7. « Dân quân » cải danh là « Giải phóng quân ».

Cùng các đoàn du kích giải phóng quân sở tại, tiểu đội tác chiến tại Cầu Lớn, chống đoàn xe thiết giáp Pháp từ Bà Điểm Hóc Môn kéo tới. Ròng rã chịu đựng suốt một đêm rồi rút về ấp Bàu Tràm. Nơi đây, từ 7 giờ sáng đến 10 giờ, Bàu Tràm khói lửa, ầm ỹ bom nổ đạn mưa không ngớt mổi lượt máy bay đâm xuống oanh tạc. Chị Quý, ban cứu thương, anh Thiện, anh Đồng ngã dưới lằn mưa đạn liên thinh. Trần quốc Kiểu, Lê văn Hướng cùng sáu anh chiến sĩ trong đoàn Việt kiều lao động trong đồn điền Tây Ninh vong mạng trong các trận vừa qua.

Mỹ Hạnh thất thủ, anh em sống còn chạy về Lộc Giang, trong đó có hai chị và anh Trần văn Thanh, ban cứu thương, anh S., quần tụ cùng anh em đang tá túc trong Đệ tam sư đoàn. Đêm đánh chiếm Thốt nốt (Socnok,Cao Miên) bên kia biên giới, có đoàn Việt kiều trợ lực, đánh lui quân Miên. Rạng đông quân Pháp tiếp viện ào tới, S. với khẩu FM giữ cầu Ngã tư Thốt nốt bắn lùi hai xe thiết giáp, che chở công binh rút về căn cứ. Thanh bị địch giết bỏ thây trong một bụi tre. Hôm sau quân Pháp tấn công Lộc Giang, Đệ tam sư đoàn kéo vô Đồng Tháp Mười.

Liền sau Sài Gòn bạo động, Nguyễn Văn Lịnh, Nguyễn Văn Nam và Ngô Văn Xuyết tập họp tại nhà Xuyết ở xóm Tân Lộ, cách Thủ Đức 4 km về phía Đông, liên lạc cùng đoàn công binh Xe điện Gò Vấp thông qua đồng chí Lê Ngọc. Họ thảo một văn bản chính trị giải thích lập trường chiến đấu của nhóm Liên Minh và đoàn Công binh. Nếu bọn trinh sát của Dương Bạch Mai đến bắt họ, họ sẽ dùng vũ khí chống lại. Họ nối gót Công binh đang cùng Đệ tam sư đoàn rút lui vào Đồng Tháp Mười, theo dấu chân nghĩa quân thế kỷ trước, nơi mà các xe thiết giáp không thể lao vào.

Đây là một nơi cực kỳ nghèo đói, chúng tôi đã gặp một cặp vợ chồng chung nhau có một cái quần, bằng... bao bố, lấy từ một bao tải gạo. Thế nhưng chúng tôi vẫn được tiếp đón rất nhiệt tình. Từ sau cuộc nông dân khởi nghĩa năm 1940, để tránh bị đàn áp vì tình nghi là cộng sản, rất

nhiều bần dân miền nầy ra mặt theo đạo Cao Đài, hoặc nhập đạo Hòa Hảo lập bàn thờ Phật Thầy.

Đoàn ghe thuyền chở hằng mấy trăm lính Đệ tam sư đoàn theo kinh tiến sâu vào vùng mênh mông đầm lầy đầy ngập nước phèn. Cấm trại trên bờ kinh, đào hầm ẩn núp vừa xong, máy bay Pháp tới bay đi lượn lại. Bôm nổ vang ầm, đạn liên thinh khạc xuống như mưa bấc, nóc lá bốc lửa bừng lên, khói tỏa mịt trời. Tội nghiệp bao nhiêu dân nghèo ở đây buộc lòng tiếp quân kháng chiến trong túp lều lá của mình, thấy nhà cửa, ao cá, vườn tược, tiêu tan tro khói.

Được giao nhiệm vụ đi tìm một máy thu thanh, Xuyết bị bắt trên sông Vàm Cỏ, nơi mà thầy giáo Nguyễn Văn Trọng ở Tân An tự tôn tỉnh trưởng Việt Minh. Bị giam cùng với khoảng ba chục người « bị tình nghi » tại đình thờ thần hoàng Mỹ Phước, anh chứng kiến cuộc xét xử chóng vánh rồi đem ra bắn ba người theo đạo Thiên chúa trốn khỏi Tân An khi quân Pháp đến chiếm, họ bị tình nghi là làm gián điệp cho Pháp. Sau đó hai tên lính kín cũ được thu nhập vào công an Việt Minh, đâm ra hành động khiêu khích, bị xử tử. Ngày bắn hai tên nầy, dân làng được mời đến xem đông đảo để hoan hô « công lý » của tỉnh trưởng Trọng. Tối hôm đó, Xuyết nghe bên kia bức vách gỗ ngăn gian phòng phía sau đình, ầm ỉ những tiếng rú lên vì bị đấm đá túi bụi, lẫn lộn giọng người khóc lóc kêu oan Trời đất ơi! Trời đất ơi! Đó là một gia đình nông dân nghèo bị hai tên lính kín nói trên phao là gián điệp khi họ chèo thuyền chở khoai trở về nhà.

Xuyết tìm được một mẩu giấy, viết vội lên đó vài dòng về quá khứ của mình và mục đích của cuộc chiến đấu của anh hiện tại; nếu như đời sống của anh chấm dứt tại đây, có thể sẽ có người đọc được mảnh giấy đó và suy nghĩ. Độ ba tuần sau, anh từ giả đình Mỹ Phước, một tên cảnh sát mang súng chèo ghe chuyển anh đi xa vô trong nữa, đến một nhà thờ lợp lá ở Sông Xoài, ngọn nước từ Đồng Tháp đổ ra sông Vàm Cỏ. Nhà thờ này biến thành nơi giam tù chính trị, anh lại gặp các bạn của nhóm La Lutte, trong đó có anh kinh lý Thu ở Mỹ Tho, người đã giúp nông dân đo đạc phân chia ruộng đất. Cai tù là một tên từ Côn Đảo trở về, vũ khí đầy mình. Thật là một sự tình cờ may mắn đưa Đệ tam sư đoàn kéo đi qua đó, thế là tù nhân được phóng thích.

Đoàn công binh tự hỏi viễn đích cuộc kháng chiến, nhận thấy cần có đồng chí trở về Sài Gòn, lo việc liên lạc chánh trị, để vạch con đường tương lai. Một số đồng chí rời đoàn về châu thành, trong đó có Lê Ngọc, liên lạc viên, Lê Ký sốp phơ công binh và Nguyễn văn Hương, mười bốn tuổi, trước học nghề thợ trong xưởng Xe điện Gò Vấp. Trên đường về Sài Gòn, sau khi bị quân đội Pháp bắt giam ở Hóc Môn trong một cuộc tảo

thanh, rồi được thả ra, cả ba đồng chí đều bị Việt Minh bắt giết vu khống là « Việt gian ».

Chúng ta trở lại trận địa vùng Sài Gòn.

Tờ Tin điện Hằng ngày, bữa 15 tháng 10 năm 1945, cùng tờ Thời báo (Times) ngày 16 đưa tin về lực lượng người bản địa phản công: từ ngày 13, ba đơn vị người An Nam đã thâm nhập Sài Gòn không đạt kết quả, một từ phía Nam, một từ phía Tây-Nam và một từ phía Đông-Bắc. Họ bị đội quân Guôckha vũ trang đầy đủ đánh lùi. Những loạt đạn bắn chặn liên miên của quân Pháp đóng dọc sông Sài Gòn cản ngăn thuyền bè tiếp viện loạn quân. Mặc dù vậy, những người khởi nghĩa đã tiến vào tận khu Chợ, phóng hỏa các gian hàng. Quân Guôckha đụng độ quân kháng chiến ngay giữa trung tâm Sài Gòn và có lẽ chúng đã tóm được tổng hành dinh của người An Nam – nhưng chỉ là lời đồn đại.

Cũng ngày thứ bảy 13, vào lúc nửa đêm, lực lượng quân khởi nghĩa xuất hiện tại những thửa ruộng xung quanh sân bay Tân Sơn Nhất, nơi đang đậu những chiếc máy bay thuộc Lực lượng Không quân Anh (RAF), những chiếc Spitfires và những máy bay của Nhật. Họ đã xáp gần tới 300 thước cách tháp canh, nhưng bị đẩy lùi. Có những lực lượng khác tấn công trạm Giây thép gió [Vô tuyến điện tín] Phú Thọ, nhưng không thành công, họ không cắt đứt được liên lạc giữa lực lượng quân Đồng Minh với thế giới: gần sáng đoàn xe thiết giáp của 300 quân Guôckha, cùng hàng trăm lính Nhật bị bắt buộc phải hỗ trợ Guôckha đánh họ lùi xa tới 3 km cách đó.

Lại những cuộc hành quân càn quét của quân Pháp-Ấn tại các cánh đồng và các làng mạc, những vụ bắt bớ. Có hai sĩ quan Nhật không ăn mặc quân phục chiến đấu bên phía người An Nam đã bị xử bắn tại chỗ.

Tại cầu Bình Lợi, cách Sài Gòn 7 km về phía Đông-Bắc, lực lượng lính Guôckha và lính Pháp đụng độ với dân binh kháng chiến, hàng trăm quân khởi nghĩa bị hạ trong một trận chiến vô vọng. Tụ điểm lân cận đó bị đốt ra tro, một ngôi chùa bị đánh sập. Dân làng chạy ra khỏi những mái nhà lá bốc lửa, 800 người bị bắt và đưa về Sài Gòn xử.

Harôlđơ Isaac, có dự một phiên tòa quân sự Sai Gòn. Tới một dinh thự, cái gọi là tòa công lý, ngay trước khi vào cửa ông đã thấy bất bình vì thái độ bông lơn của viên sĩ quan Pháp đang phiên canh gác than thở với ông rằng, y chỉ tiếc một điều là Sài Gòn đã vắng bóng những cô gái An Nam xinh đẹp và hầu như anh ta xa lạ với tấm thảm kịch của những tù nhân bị lột trần và cùm xích ngồi giữa đám lính canh, lưỡi lê tuốt trần trên nòng súng:

Viên sĩ quan chỉ vào họ: Đó là những mẫu giống da vàng.
Tôi nhìn y rồi nhìn tên lính Pháp gác cạnh đó. Đó là, tôi nghĩ, những mẫu giống da trắng.

Bên trong, các bị cáo đứng đối diện các quan tòa: năm sĩ quan Pháp ngồi dưới cờ tam sắc. Ngồi ghế chánh án là đại tá Rugiê, người cao lớn, khô khan, nóng nẩy, cứ nâng lên đặt xuống đôi kính đeo mắt, miệng gầm gừ thóa mạ tù nhân, dường như tù nhân không hiểu họ muốn hỏi điều gì. Người thông ngôn tây lai, nói lại, giọng thét lên the thé gần như bị động kinh. Còn các tù nhân thì cứ nói lí nhí, khó mà nghe được. Mỗi trường hợp xét xử không tốn bao nhiêu thời giờ. Năm người tù đầu tiên mỗi người chỉ mất tám phút. Không có một chứng nhân nào, cũng chẳng có một sự đối chiếu nào. Người ta dẫn hai người trẻ tới trước tòa: Phạm Văn Tam, 18 tuổi và Trần Duy Gián, 19. Hai người bị tố cáo là đã rải truyền đơn. Họ đứng thẳng người và nói một cách rõ ràng. Trần nói tiếng Pháp rất thạo và trả lời các câu hỏi mà không cần thông ngôn. Cả hai đều nhận là thuộc vào nhóm tuyên truyền xung phong. Họ cũng nhận là đã có phát truyền đơn.

Ông chánh án nhìn chằm chằm vào họ một cách miệt thị, ông đeo kính vào rồi đọc một tờ truyền đơn: « Các đồng chí không được đánh người Anh, người Ấn, hoặc người Nhật, trừ phi họ tấn công các bạn ».
– Vậy còn đối với người Pháp thì sao ?
– Tôi không biết. Tôi chỉ được lệnh rải truyền đơn, thế thôi.
– Nhưng mầy khai mầy thuộc nhóm xung phong; có nghĩa là tác chiến phải không nào? Nếu chúng mầy không chống lại người Anh, người Ấn hay người Nhật, thì chúng mầy tác chiến chống ai ?
–Việc tôi đã làm, đó là rải truyền đơn.

Ông chưởng lý buộc tội còn vắn tắt hơn thường lệ. Các tù nhân đã chịu nhận những điều buộc tội. Rõ ràng họ là thủ phạm. Còn luật sư bênh vực, ông ta nói năng hùng hồn hơn mức bình thường. Ông ta gợi lên tuổi trẻ của phạm nhân, và ở trong tù họ sẽ gặp phải những kẻ ảnh hưởng không tốt. Khi luật sư nói xong, ông đại tá đứng dậy, các quan tòa đứng dậy[theo đại tá vào trong nghị luận]. Mười lăm phút sau, tòa nhóm lại tiếp tục. Các tù nhân đều bị kết án 5 năm tù khổ sai, trừ anh Trần 7 năm. Họ bị còng tay và dẫn đi.
– Người kế đó! đại tá Rugiê nóng nảy gọi to.

Toàn cả là những kết án nhẹ đấy, ông trạng sư giải thích nho nhỏ, vẻ hài lòng. Đối với 93 trường hợp trước đó, có 4 án tử hình và sáu mươi chín người bị từ 10 đến 13 năm khổ sai hoặc tù ngồi.[194]

Rồi đây, Hectrich thốt lên một cách chua chát, là những viên chức chính hiệu, những kẻ huênh hoang, những kẻ đầy tham vọng, những kẻ thiếu tư cách không năng lực sẽ tới xứ này. Rồi đây những quân nhân binh lính [khác nữa] sẽ tới xứ này. Rồi hai bên lại tiếp tục tiêu diệt lẫn nhau. Cuộc chiến tranh tái chinh phục đã bắt đầu.

Ngày thứ hai 15 tây tháng 10 năm 1945, người ta thấy các đơn vị mới và đông người thuộc sư đoàn thiết giáp tướng Lơcơler đổ bộ. Chiến xa và liên thanh tự động diễu hành trên đường Catinat, giữa tiến reo hò hoan hỉ của đám đông người Pháp. Buổi chiều hôm đó, một doàn xe thiết giáp tiến về Chợ Lớn. Các đường phố vắng tanh. Những phát súng nổ rải rác dọc theo sông Bến Nghé. Ngày 17, đụng độ mãnh liệt giữa một bên là những người khởi nghĩa trấn giữ cầu Thị Nghè trên rạch Thị Nghè, còn một bên là những tay súng của thủy thủ và lính săn đá Pháp muốn đánh bật họ ra.

Ngày 21, trong khi lính Guôckha càn quét vùng Phú Thọ thì quân Bình Xuyên phá hủy xong các trụ Giây thép gió thuộc trạm Sở vô tuyến điện tín trước khi rút xuống phía Nam và vô đồng Tháp Mười.

Cuộc tái chinh phục xứ này tiếp tục càng ngày càng tăng tốc lực. Ngày 23 và 25, trục Thủ Dầu Một–Biên Hòa–Sài Gòn, thành một vùng tam giác mà người ta gọi là khu then chốt, quân đội Anh–Ấn đã giải tỏa. Dân quân du kích vẫn tồn tại trong các vùng rừng bụi.

Ngày 25, đơn vị thiết giáp tiến vào Mỹ Tho, nơi Ủy ban Nam Bộ đóng trụ sở. Hectrich có ghi:

> Dòng xe thiết giáp từ từ tiến vào. Chỉ có một cây cầu bị phá hủy, nhưng đường đã bị đào thành những hố chống chiến xa. Không một tiếng súng. Chẳng có ai tấn công đoàn thiết giáp. Trái lại, hai chiếc xe jíp chạy tới nhập đoàn chúng tôi vào buổi chiều lại bị hứng loạt đạn liên thanh. Viên phó quản lái xe bị một viên đạn trúng tim chết. Đại tá Mirambô và tướng Salan vấy đầy máu. Chúng tôi đi ngang qua các làng mạc rỗng không, dân chúng hoảng sợ đã trốn đi trước đó vài giờ, vì Việt Minh cho đồn đại là quân Pháp sẽ tiến hành giết sạch.
> Buổi chiều hôm đầu tiên chúng tôi tới Tân An. Thị xã hoang vắng, mọi người đã bỏ đi. Cờ Việt Minh vẫn phấp phới. Từ Tân An đi Mỹ Tho chỉ còn khoảng 30 km. Chúng tôi lên đường lúc 7 giờ sáng. Nhưng mãi 9 giờ tối mới tới nơi, bởi dọc đường những chướng ngại và những chặng đường bị phá hủy cứ mỗi lúc một nhiều thêm.[188]

Chiếc cam nhông Sở mật thám gợi lên những ký ức u tối hung hiểm đi theo đoàn quân.

Ủy ban Nam Bộ chạy tới Cái Bè, rồi tới đảo Bến Tre, lúc này chỉ gồm toàn những người theo phái Stalin. Quân Pháp chiếm Mỹ Tho không một phát súng.

Philippơ Đơviler, tùy viên Báo chí tại ban tham mưu tướng Lơcơler, kể lại những sự kiện tiếp theo: ngày 28 đến lượt Gò Công; ngày 29 Vĩnh Long và ngày 30 Cần Thơ. Thế là con đường lúa gạo đã khai thông.

Việc tái chinh phục các trục chính và trung tâm ở phía Bắc bắt đầu. Đoàn xe thiết giáp lên đường đi Tây Ninh, nơi hành hương của giáo phái Cao Đài. Quân du kích Cao Đài, trước đó ít lâu đã tham gia bao vây Sài Gòn, hiện đã rút vào rừng sâu Tây Ninh. Ở đó họ lập những ổ phục kích, quấy nhiễu đoàn quân Lơcơler, xáp đánh quân nghịch nhiều trận kịch liệt như ở chiến trường. Mãi tới ngày 8 tháng 11 họ mới chịu hạ vũ khí.

Viện binh Pháp tiếp tục tới bằng đường biển và công cuộc tái chinh phục tiếp tục tiến hành bên ngoài Nam Kỳ, tới Buôn Mê Thuột giáp Lào rồi tới Nha Trang ở Trung Kỳ.

Vào tháng giêng năm 1946 các tỉnh lỵ miền Tây như Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá, Sa Đéc không còn khả năng kháng cự lại nữa. Mũi Cà Mau thất thủ ngày 5 tháng 2 năm 1946.

Tại Cao Lảnh (Sa Đéc) nơi mà anh em chiến binh đoàn công binh kháng chiến sở xe điện Gò Vấp sống còn xuất trận cuối cùng, Trần Đình Minh tử trận ngày 13 tháng giêng năm 1946 khi chạm trán với quân viễn chinh ở trận Mỹ Lợi.

Gơraxêy rời Sài Gòn ngày 28 tháng giêng 1946, đội quân Guôckha của y hết nhiệm vụ ngày 5 tháng 3.

Lực lượng của Việt Minh bị phân tán và thu nhỏ: những người thuộc phái Stalin, toan độc quyền chiếm lĩnh chính quyền, đã tàn sát các lãnh tụ xu hướng quốc gia cùng những chiến sĩ phái Trôtski, họ không màng hành động sát nhân của họ làm yếu lực lượng kháng chiến.

« Phải triệt ngay bọn tờ rốt xkít ! »

Báo *Cờ Gải Phóng*, cơ quan của Trung ương ĐCS Đông Dương ngày 23 tháng 10 năm 1945, đăng lời kêu gọi sát hại phái Đệ tứ với những lời biện giải sau đây:

> Ở Nam Bộ, chúng đòi võ trang quần chúng làm cho phái bộ Anh hoảng sợ [nguyên văn!]. Chúng đòi thi hành triệt để nhiệm vụ cách mạng tư sản dân chủ (nghĩa là căn bản đòi thực hành cách mạng thổ địa, chia ruộng đất cho dân cày) đặng chia rẽ Mặt trận dân tộc, làm

cho địa chủ chống lại cách mạng, và chúng chủ trương coi tất cả quân Pháp, Anh, Ấn, Nhật đều là kẻ thù như nhau.[189]

Thủ hạ Hồ Chí Minh hành động sát nhân ở Nam Kỳ

Ta hãy nhớ lại ngày 9 tháng 9 năm 1945, Trần Văn Giàu đã bắt hụt thủ lĩnh Hòa Hảo ngay sau khi ông Đạo Khùng được mời vào Ủy ban Nam Bộ. Qua ngày 14 Dương Bạch Mai đã bắt giam Lư Sanh Hạnh cùng ba chục đại biểu của Ủy ban Nhân dân do Hạnh triệu tập ở Tân Định. Ta không quên Giàu cùng nhân viên chính phủ của anh ta, sau khi rút khỏi Sài Gòn, trú tại Chợ Đêm ngày 22 tháng 9. Tại đấy, đã sai tên Hai Râu trước đó đã nốc rượu hạ sát hai lãnh tụ đảng Lập hiến Bùi Quang Chiêu và Dương Văn Giáo, cùng với Huỳnh Văn Phương, trước kia xu hướng cộng sản Tả đối lập (theo Nguyễn Khánh Hội bấy giờ mười mấy tuổi ở kế cận kể lại).

Cuối tháng 9, theo hồi ký của Trần Văn Ân, các lãnh đạo Mặt trận Quốc gia Thống nhất rút về khu Lò Gốm ở Chợ Lớn họp nhóm và thảo luận thái độ đối với Việt Minh: thiểu số (Hồ Văn Ngà, Nguyễn Văn Sâm, Trần Văn Ân, Lâm Ngọc Đường...) tán thành việc « đi riêng, đánh chung » trong khi đa số (Trần Quang Vinh, Khả Vạn Cân...) trù tính việc sát nhập lực lượng quân sự với Việt Minh. Ngay trước khi bao vây Sài Gòn, Trần Quang Vinh đã khước từ sáp nhập lính Cao Đài vào « dân quân », nhưng bấy giờ Vinh trao quyền chỉ huy cho Nguyễn Văn Thành, để Thành cùng với các đơn vị Cao Đài gia nhập Việt Minh,

Hồ Văn Ngà sau đó bị Nguyễn Văn Trấn, công an mật bắt vào tháng 10, rồi đến lượt Trần Quang Vinh. Sau ba tháng bị giam chung với Hồ Văn Ngà trong nhà giam Việt Minh, Vinh được quân Cao Đài giải thoát, còn Ngà sẽ bị giết nguội ở Kim Huy, Hòn đá bạc, Rạch Giá.

Ta hãy trở lại các đồng chí của Tạ Thu Thâu. Họ không thoát khỏi tầm con mắt thủ hạ Hồ Chí Minh ở miền Nam.

Buổi chiều ngày 23 tháng 9, ở Đa Kao (Sài Gòn), các sát thủ của Dương Bạch Mai ám sát Lê Văn Vững, thư ký Ủy ban Sài Gòn-Chợ Lớn của nhóm Tranh Đấu, trước cửa nhà ở của anh khi anh đi làm về. Vài ngày sau đến lượt anh giáo Nguyễn Thi Lợi – đồng như Lê Văn Vững người đã hoạt động cho nhóm Tranh Đấu sống lại sau khi Nhật đầu hàng – cũng bị giết ở Cần Giuộc (Chợ Lớn).

Tháng 10 ở Nam Kỳ, trong một không khí huyên náo và cuồng nhiệt, hành động bạo ác của phái Stalin tới đỉnh cao, hoặc do các sát thủ của Dương Bạch Mai tại các tỉnh Miền Đông, hoặc do bọn nha trảo của Nguyễn Văn Tây tại các tỉnh miền Tây. Ở Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Tây

Ninh, cũng như ở Mỹ Tho, Tân An và Cần Thơ, những chiến sĩ Đệ tứ và những người cảm tình đều bị thủ tiêu.

Khi lực lượng Guôckha vừa tấn công Chợ Lớn ngày 12 tháng 10, Ủy ban Nam Bộ rút về Mỹ Tho. Ở đó họ cũng tiến hành « trừng thanh » một cách có hệ thống. Luật sư Hình Thái Thông, mà ta đã thấy tham gia phục hồi hoạt động nhóm Tranh Đáu vào tháng 8, đã bị mật vụ Việt Minh bắt cùng với số đại biểu Ủy ban hành động các làng các tổng lân cận, giữa lúc anh chủ trì cuộc họp. Sau đó anh bị ám sát, người ta tìm được thi thể vào năm 1951 trong một hố chôn hàng trăm người bị hành hình, tại Quởn Long (Chợ Gạo, Mỹ Tho).

Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm, Phan Văn Chánh, Ưng Hòa, Lê Văn Thử, Nguyễn Văn Số... tập hợp ở Xuân Trường khỏi Thủ Đức ít cây số, một nhóm đồng chí chuẩn bị tác chiến. Một buổi rựng sáng lính cảnh sát của Dương Bạch Mai ở Thủ Đức đến vây bắt Thạch, Chánh và Số... chuyên họ qua Thủ Dầu Một. Trong lúc quân Guôckha công kích vào tỉnh này, thủ hạ Dương Bạch Mai đem bắn họ tại Kiến An (?) miệt Bến Súc, một lượt với khoảng ba chục người bị giam giữ khác, trong đó có Nguyễn Văn Tiền – cựu quản lý tờ Tranh Đấu, từ Côn Đảo mới về – và Ngôn, trước đây làm thợ ở Ba Son.[190]

Phan Văn Hùm cũng bị thủ tiêu một cách lạnh lùng như vậy với Nguyễn Văn Vàng, nhóm La Lutte cùng nhiều tù chính trị khác tại Sông Long Son. Cũng tại Biên Hòa, vào giữa tháng 10, Dương Bạch Mai cho xử bắn Lê Thành Long, « cựu ký giả tờ *La Lutte*, thủ lĩnh Thanh niên Tiền phong ở Vũng Tầu ».[191]

Lịch sử chính thức của Hà Nội[192] có nêu lên ba điểm không chính xác trong việc bắt bớ những người lãnh đạo nhóm La Lutte: trong quá trình tác chiến chống đế quốc không phải là họ « trốn », họ chỉ rút lui về Xuân Trường, chứ không phải Dĩ An ; trong thời gian đình chiến, họ không xuất bản tờ Độc Lập mà là tờ Kháng Chiến. Còn việc ám sát họ thì không thấy nói đến.

Thế là từ cuối tháng 9 năm 1946, trong cơn lốc của cuộc chiến đấu giành độc lập, nhóm cách mạng quốc tế chủ nghĩa cứ rụng dần đi trong những trận đánh với quân đội thực dân cùng bị thủ hạ Hồ Chí Minh ám sát.

Khi tướng cướp Bảy Viễn được biết những vụ ám sát Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương, nữ bác sĩ Nguyễn Thị Ngọc Sương cùng chồng bà là Hồ Vĩnh Ký và nhiều người khác nữa, hắn cảm thấy bị đe dọa, nên tuyệt giao với Trần Văn Giàu và tìm cách giết Giàu; nhưng khi đó Giàu được gọi ra Hà Nội.[193]

Công cuộc « bình định »

Vào năm 1930, « khủng bố trắng » là một từ ngữ phổ biến. Từ cuối 1945 tới đầu 1946, có hai tiếng thốt lên như báo động từ trong các làng mạc: « Tây tới! » và « Tây đi bố! ». Bởi khắp vùng thôn quê, những cuộc hành quân trừng phạt cứ diễn đi diễn lại như thế.

Vào một buổi sáng tháng giêng năm 1946, ngôi làng nhỏ Tăng Phú, nấp sau những hàng rào tre gai nhọn dầy đặc, cách Thủ Đức 4 km về phía Đông, bỗng thức tỉnh trong tiếng rú ghê rợn của rốckét. Những cây tre bị hất tung lên từng bụi. Rừng thôm dứa nổ tung. Dân làng hoặc chạy trốn hoặc chui xuống hầm. Những âm thanh như vậy bao giờ cũng báo hiệu lính săn đá sắp đến càn quét.

Lính tráng đã xuất hiện. Nhà ngói nhà lá đều bị lục soát lộn lạo, các cánh cửa tủ bị phanh ra, đền thờ thần hoàng làng cũng không được miễn trừ. Đàn bà con gái, trẻ em, người già bị lùa ra tập hợp tại ven đường. Những thanh thiếu niên bị bắt đều bị dẫn ra chỗ Cầu Sắt phía dưới Chợ Nhỏ bắn lập tức rồi đẩy xuống sông. Khi đêm đến có một người sống sót đi tới gò bí để nhặt xác người em trai, nhưng một quả lựu đạn giấu dưới xác chết đã nổ làm tan xác anh ta. Một nông dân vẫn không ngừng tay cuốc đất đã bị dí súng bắn chết. Một người anh ruột của tác giả trong khi chạy trốn bị một hòn đạn xuyên qua đầu gối. Những người khác nữa đã bị bắt trong khi ẩn nấp ở ruộng hoặc trong rừng và bị dẫn về đồn tại trạm Giây thép gió (vô tuyến điện tín) ở Chợ Nhỏ đầu làng, rồi bị chất đống trong một hầm sâu không ánh sáng và không khí. Sau đó nhiều người bị bắn vì tình nghi. Cách Thủ Đức 4 km về phía Tây, tại Gò Dưa, một số đầu người bị chặt và cắm vào cọc rào của đồn lính, trước cửa chợ.

Bà Giannơ Cuisiniê, được Bộ Giáo dục Quốc gia Pháp giao nhiệm vụ nghiên cứu về dân chủng ở Việt Nam, đã chứng kiến tính chất dã man tàn bạo của quân Pháp trong công cuộc « bình định ».

> Những người kháng chiến thường hành quân cách nhiều cây số (ít nhất là khoảng từ 15 đến 20 km) xa làng mà họ trú quân, thế nhưng khi trả đũa thì binh lính lại nhè vào những làng mạc gần nơi bị tấn công nhất để hoặc đốt trụi cả làng, hoặc đốt một số nhà cửa, hoặc bắt những con tin, hoặc « diệt sạch » toàn bộ nhà cửa và dân cư. tôi có được nghe một câu chuyện ở Sài Gòn, của một trung úy đội quân Lê dương kể lại cho hai người bạn của anh ta việc tham gia cuộc càn quét ở Hóc Môn, khi kết thúc câu chuyện, anh ta nói: « Chúng tao

> cũng có tổn thất, nhưng trả đũa lại chúng tao cũng đã phá hại xứng đáng: suốt dọc 6 km, không còn gì sống sót, từ gà vịt tới trâu bò, cả đàn bà trẻ con chúng tao diệt sạch (nguyên văn).»

Bà trích dẫn một số chiến tích của quân lính trong binh đoàn viễn chinh Pháp, những tháng 8, 9, và 10 năm 1946:

> Một thầy thuốc người Việt ở Mỹ Tho đã tường thuật cùng tôi những sự kiện sau đây:
> Trên con đường từ Mỹ Tho đi bến Tre, những người kháng chiến bóc ván trên một cái cầu. Lính Pháp đốt 20 nóc nhà.
> Một đoàn xe nhà binh Pháp bị đánh ở Cai Lậy – cách Mỹ Tho 30 km – 120 nóc nhà bị đốt rụi (tháng 8.1946).
> Một sĩ quan Pháp bị giết ở Bến Tre: 80 người dân bị bắt làm con tin, trong đó 5 người bị đem ra bắn (tháng 9- 1946).

Tại Chí Hòa, lực lượng kháng chiến tấn công đồn lính, sau khi đánh lùi lực lượng tấn công và sau đi càn quét, binh lính tàn sát hai chục người Việt và Tàu.

Bà mô tả những vụ hà lạm, những vụ cướp bốc, những cuộc bắt bớ chuyên quyền và những vụ bắn giết người không cần xét xử cũng như chuyện tầm thường:

> Trong những đêm 13, 14 và 15 tháng 10, lính săn đá [thuộc Liên đội bộ binh] thuộc địa cướp phá được « hiệu quả » đặc biệt tại Hóc Môn, Bà Điểm và Gò Vấp.
> Những người bị sở Mật thám bắt thường được thả ra khi có chuộc một món tiền lớn. Bất hạnh thay, việc bắt người để cho chuộc tù nhân không phải chỉ là lĩnh vực riêng tư của Mật thám. Người ta đã kể tên những viên chức và những số tiền chuộc mà họ đã thu thập được trong vài tháng hay thậm chí trong vài ngày.
> Tại Mỹ Tho, viên quản lý chợ là ông Razănti tuyên bố nhà ông ta bị bọn Nhật cướp phá nên ông ta sẽ lấy bất cứ cái gì tùy thích bất cứ gặp ở đâu, để bù lại những của cải đã mất. Người ta thấy ông ta mang ra từ nhà bác sĩ Tươi và bác sĩ Cam 3 vali đầy đồ quí giá và hai đôi ngà voi.
> Tại Cai Lậy, chủ quận là ông Bé, ông ký thác cho một người bạn của ông ở Mỹ Tho 120.000 đồng sau hai tháng tại chức ở quận ấy.

Tại Ô Môn, viên xếp bót Rêtrôsky mang về cho vợ ở Cần Thơ 30 000 đồng sau 10 ngày nhậm chức.
Tại Cái Bè (thuộc tỉnh Mỹ Tho), lối sáu chục địa chủ bị bắt và họ được thả ra sau khi trả từ 5 đến 10.000 đồng bạc.
Hai anh em ông Liêm, cũng như kẻ khác, phải trả 15.000 đồng để được thả cả hai. Ông giáo Mẫn không có số tiền chuộc mà họ đòi, ông bị bắn chết.
Tại An Hóa (Mỹ Tho), hai người Trung Hoa bị nhà binh bắt, bang hội Tầu phản đối và yêu cầu sĩ quan thả hai người bị bắt. Khi nhận được thư phản đối, viên sĩ quan hạ lệnh bắn luôn hai người bị bắt rồi bắt cả những người trong gia đình của hai người. « Nếu có ai còn lên tiếng phản đối, y nói, ta sẽ hạ lệnh bắn tất cả bọn đó. Mầy cứ việc đi báo cho cái thằng ngốc chủ tỉnh của mầy.» Ông Nhượng, bí thư của chủ tỉnh kết luận nói: « Từ một tháng nay, đấy là lần thất bại thứ bảy. Ở tỉnh tôi, tại Sa Đéc, cũng thế; ở Vỉnh Long, chổ người anh em họ tôi ở cũng vậy (tháng 9.1946).
Cũng tại An Hóa, một giáo viên tên là Hạp bị bắt và trong người có mang theo một tờ báo bí mật. Trường hợp đó phải được viên sĩ quan ở Rạch Miễu (Mỹ Tho) xem xét, viên thanh tra tiểu học can thiệp và viết thư trình bầy lời giải thích cho viên sĩ quan. Khi nhận được thư, viên sĩ quan cho bắn ngay thầy giáo Hạp (tháng 9.1946).
Ngày 19 tháng 9 năm 1946, lính lê dương đóng ở quận Mỏ Cày (tỉnh Bến Tre) trong buổi trưa đã xộc vào nhà của một sĩ phu già, 80 tuổi, là ông Dương Văn... đánh đập ông rồi bắt đi người con gái của ông là cô Dương Thị Long (30 tuổi, chưa chồng) cùng với một người trai trẻ có mặt tại đó. Hai người bị dẫn về bốt Mỏ Cày, tra khảo hai ngày liền. Cô Long được biết là bị buộc tội vì có người anh rể hoạt động ở bưng biền, vì cô đã từng tuyên truyền cách mạng trong đội ngũ lính lê dương. Cô Long cùng người bạn trai bị dẫn ra bờ sông. Cô tháo sợi dây chuyền đang đeo ở cổ ra, đưa cho tên lính lê dương và nói: « Hãy giữ lấy làm kỷ niệm một người con gái Việt Nam chết vì tổ Quốc.» Hai thi hài đó để nằm phơi cho đến hôm sau, rồi bị ném xuống sông.[195]

Như thế, dân làng mạc vô tội cứ bị giết như kiến cỏ một cách mù quáng, những cuộc hành quân trừng phạt thường trở lại đánh vào những nơi cũ. Vì họ ghê tởm, vì họ sợ hãi mà những người trẻ tuổi chạy thoát vô bưng biền.

Ở Bắc Bộ, quân Trung Hoa chiếm đóng
Hồ chí Minh ra thủ đoạn

Ngày 9 tháng 9 năm 1945, sau tuyên ngôn độc lập một tuần lễ, quân đội Trung Hoa tới Hà Nội và triển khai tới tận Đà Nẵng, vĩ tuyến 16.

Như tiến vào một nước bị chinh phục, quân Tàu gồm 18 vạn người, cùng một đoàn tùy tùng quá đông đảo gồm phu phen, đàn bà, trẻ con, đổ xô vào một xứ sở đã bị nạn đói tàn phá. Những đạo quân Vân Nam vào Bắc Kỳ theo đường Lào Kay, dọc theo thung lũng sông Hồng; còn đạo quân Quảng Tây nhập bằng đường Cao Bằng và Lạng Sơn.

Nối chân quân đội Trung Hoa, có những đội quân vũ trang của các đảng phái quốc gia người Việt: Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đồng Minh Hội. Trên đường tới Hà Nội, quân Trung Hoa hộ trợ những Ủy ban VNQDĐ thay thế những Ủy ban Việt Minh dọc theo sông Hồng, chủ yếu là các tỉnh Yên Bái, Phú Thọ, Hưng Hóa... và những Ủy ban Đồng Minh Hội ở Bắc Giang, Quảng Yên... chỗ còn lại dưới quyền kiểm soát Việt Minh là các tỉnh Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên cùng với khu an toàn của họ, vùng châu thổ và phía Bắc Trung Kỳ.

Ngày 18, tướng Lư Hán, chỉ huy tối cao quân Trung Hoa, cùng ban tham mưu tới Hà Nội bằng máy bay. Y đóng tại dinh toàn quyền, soán chổ mà phái viên của Đơ Gôllơ là Santony đang chiếm từ ba tuần lễ. Tướng Lư Hán tiếp nhận quân Nhật đầu hàng. Hồ Chí Minh thực hiện công việc thử lấy lòng họ Lư lần đầu tiên bằng cách tặng y một bộ đồ hút thuốc phiện bằng vàng khối: trong « tuần lễ vàng » ông Hồ hô hào dân chúng rộng lòng đóng góp để « mua vũ khí » đã thu thập được nhiều vàng.

Hảo ý của người Trung Hoa đối với người Việt Nam được khẳng định, kiên quyết: không một tàu Pháp nào được phép bén mảng tới vùng kiểm soát của quân Tàu và quân đội Tàu sẽ ở lại trong một thời gian cần thiết. Nhưng chẳng bao lâu chúng chán chường ra mặt bóc lột kinh tế làm cho Hà Nội mang dáng dấp một thành phố Tàu, bọn chủ ngân hàng mới lao xao, phường con buôn phì nộn bằng buôn lậu, đầu cơ tích trữ và chợ đen. Họ áp đặt giá hối đoái là 1 đồng rưỡi tiền Đông Dương ăn 1 đồng tiền Trung Hoa, thế là họ mua với giá rẻ mạt vơ vét cả sản phẩm và thực phẩm xứ này. Nạn lạm phát làm cho nạn đói tăng gấp bội, những người nghèo lâm vào cảnh chết đói.

Thủ lĩnh Đồng Minh Hội và Việt Nam Quốc Dân Đảng là Nguyễn Hải Thần và Vũ Hồng Khanh đóng tại Hà Nội – được quân Trung Hoa che chở – có đội bảo vệ vũ trang riêng. Trên hai tờ báo của họ là Liên Hiệp và Việt Nam, họ buộc tội Hồ Chí Minh đã vi phạm cuộc liên minh hình thành ở Liễu Châu tháng 3 năm 1944, và đòi được tham gia ngay

chính quyền. Hồ Chí Minh đối phó bằng cách đề nghị lập một chính phủ đoàn kết dân tộc ngay sau cuộc tổng tuyển cử vào ngày 23 tháng chạp năm 1945. Dưới chính quyền Việt Minh, cuộc tổng tuyển cử sẽ ra sao? Đồng Minh Hội và VNQDĐ đe dọa sẽ tẩy chay cuộc tổng tuyển cử, qua ngày 20 tháng 12, tờ Liên Hiệp tố cáo Quốc Hội chỉ là trò ngụy trang của Việt Minh.

Sự căng thẳng giữa Việt Minh và những đảng phái cạnh tranh diễn qua những vụ đối địch đao kiếm với những biện pháp bắt cóc, tra tấn, ám sát; họ chiêu mộ sát thủ trong tụi đạo tặc, chúng hoàn tất công việc đao búa hèn hạ đó. Những đống thây người phát hiện năm 1946 đã chứng tỏ điều ấy. Ngày 12 tháng 11, trong buổi lễ kỷ niệm ngày Tôn Dật Tiên mất, do Nguyễn Hải Thần tổ chức, 10 vệ binh Việt Minh bị các đội vũ trang của Đồng Minh Hội giết một cách công khai; qua ngày 3 tháng chạp, chính Võ Nguyên Giáp cũng bị VNQDĐ bắt cóc vài tiếng đồng hồ.

Mặt khác, Tưởng Giới Thạch cũng không muốn có một chính phủ « cộng sản » ngay sát biên giới Trung Hoa. Hồ Chí Minh cũng phải đối phó với việc đó: ngày 11 tháng 11, Đảng Cộng Sản Đông Dương tuyên cáo tự giải tán, sau đó đăng trên báo Cộng Hòa ngày 18: ĐCS Đông Dương tự tuyên bố là một « chiến sĩ tiền phong của giống nòi, sẵn sàng đặt lợi ích của Tổ Quốc lên trên lợi ích của giai cấp nhằm phá tan sự hiểu nhầm ở trong và ngoài nước. »

Bộ trang phục mới đó sẽ được minh họa ngay từ cuộc tuyển cử.

Trong những ngày 20 và 23 tháng chạp, một phái đoàn Nga Sôviêt đến tiếp xúc chính quyền Việt Minh, và có lẽ đã cho biết rằng nước Liên Sô không giúp gì được nhiều cho Việt Nam và có lẽ đã khuyên chính phủ Việt Minh nên đi vào « quỹ đạo của nước Pháp ».

Ngày 24, dưới sức ép của quân Trung Hoa, Việt Minh, Đồng Minh Hội và Việt Nam Quốc Dân Đảng thỏa thuận thành lập ngay một « chính phủ đoàn kết dân tộc » lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Nguyễn Hải Thần làm Phó chủ tịch. Chính phủ này sẽ là chính thức sau cuộc tuyển cử, khi được Quốc Hội trao quyền. Dù kết quả bầu phiếu ra sao, Hồ Chí Minh sẵn sàng thỏa thuận dành 70 ghế trong Quốc Hội cho phe đối địch, vì thế các phe nhóm này thôi không tẩy chay cuộc tuyển cử nữa.

Cuộc tổng tuyển cử diễn ra vào ngày 6 tháng giêng năm 1946, đại biểu phe Hồ Chí Minh cùng các nhóm thân hữu chiếm đa số tuyệt đối. Tại Hà Nội, Hồ Chí Minh đạt 98% phiếu bầu trên tổng số 172 765 cử tri. Chỉ có những ứng cử viên do Việt Minh thỏa thuận là có khả năng hiện diện, vì phần lớn các ứng cử viên thuộc phe chống đối trước đó hoặc đã bị thủ tiêu hoặc bị giam giữ, chiếu theo một sắc lệnh ngày 13 tháng 9 được

thảo ra theo kiểu mật vụ Nga: công an có « quyền được bắt giữ mọi cá nhân nào nguy hiểm đối với nền an ninh của nước Cộng Hòa Việt Nam ». Bảo Đại đang trú ngụ từ ba tháng nay tại Sầm Sơn, ngày 7 tháng giêng được biết mình đã được bầu làm đại biểu Thuận Hóa với 92% phiếu bầu, mà không cần ghi danh ứng cử!

Hồ Chí Minh được quần chúng công khai công nhận qua cuộc tuyển cử, tiếp tục thương lượng bí mật với Santơny: điều mà Nguyễn Hải Thần và Vũ Hồng Khanh coi như một sự đầu hàng nếu không nói là phản bội.

Vài ngày trước hôm 21 tháng giêng năm 1946, ngày Đơ Gôllơ rời chính quyền, ông ta vẫn cứ bám lấy cái giấc mơ về « những lãnh thổ hải ngoại của chúng ta », đã tuyên bố khá trắng trợn:« Chúng ta sẽ trở lại Đông Dương bởi chúng ta mạnh hơn ai cả.»[196]

Ngày 28 tháng 2, chính phủ mới ở Pháp được Tưởng Giới Thạch đồng ý rút quân Trung Hoa ra khỏi Bắc Việt Nam, với diều kiện Pháp từ bỏ các nhượng địa ở Thượng Hải, Thiên Tân, Hán Khẩu, Quảng Châu, lãnh địa Quảng Châu Loan, và bán lại cho Tàu đường sắt Vân Nam. Cuộc rút quân sẽ bắt đầu vào ngày 1 đến 15 tháng 3 năm 1946.

Hai hôm sau hạm đội Pháp hiện ở Sài Gòn – bảy tuần dương hạm, một tiểu hạm, hai hộ tống hạm, và một hàng không mẫu hạm – rầm rộ tiến lên phía Bắc với 15 000 quân.

Tại Sài Gòn, lũ săn đá ác ôn khủng bố những người Pháp nào còn chút cảm tình với người bản xứ. Trong hai ngày 2 và 3 tháng 3, bọn chúng đánh đập túi bụi người chủ bút tờ Công Lý (Justice), lục tung nhà cửa, trụ sở báo và nhà in, bởi tờ báo theo khuynh hướng xã hội này không khoan nhượng đối với bọn lính của quân đội viễn chinh mà những hành động tồi tệ vẫn không bị trừng phạt. Một chiến tích khác lại tiếp nối chiến tích đó, cũng không kém phần đáng ghi nhớ. Nhóm «Văn hóa xu hướng Kac Mac » (Groupe culturel marxiste) người Pháp tại Sài Gòn, hoạt động bán công khai, đã gửi đi một kiến nghị cho chính phủ Pháp biện hộ nền độc lập xứ Việt Nam. Một thiếu nữ Pháp trong đội Phụ nữ hỗ trợ trong Bộ Binh (AFAT), vì đã ký vào bản kiến nghị đó, bị cạo trọc, trói quặt tay ra sau lưng, buộc phải đi suốt dọc đường Catinat vào lúc sáu giờ chiều giữa hai tên lính nhảy dù tay cầm roi, một tấm biển đeo ở lưng cô gái có ghi hàng chữ: « Tôi là một trong số người đã ký vào bản kiến nghị macxit » (J.M. Hectrich).

Ngày 2 tháng 3, Hà Nội sống dưới bầu không khí sục sôi. Hồ Chí Minh triệu tập Quốc Hội và Quốc Hội đã trao quyền cho chính phủ lâm thời lúc này trở thành « Chính phủ đoàn kết dân tộc và kháng chiến ». Nguyễn Hải Thần, lĩnh tụ Đồng Minh Hội vẫn giữ chức Phó chủ tịch; hai

thủ lĩnh VNQDĐ là Vũ Hồng Khanh, đại biểu của Hội đồng Bộ trưởng, và Nguyễn Tường Tam, bộ trưởng Ngoại Giao. Nội Vụ và Quốc Phòng có hai vị bù nhìn là cựu sĩ phu Huỳnh Thúc Kháng (bị đầy ra Côn Đảo cùng với Phan Châu Trinh năm 1908) và luật sư Phan Anh, vừa mới trước đây là bộ trưởng Thanh Niên của Bảo Đại. Trên thực tế, Võ Nguyên Giáp chỉ huy công an và quân đội.

Hồ Chí Minh và nước cờ hớ của ông

Ngày 6 tháng 3. 1946, những cuộc điều đình bắt đầu từ 8 tháng nay giữa Việt Minh và « Nước Pháp Mới » trên cơ sở bản Tuyên bố ngày 24 tháng 3 năm 1945 đã đi tới một thỏa ước được hai bên ký kết, một bên là Santơny, bên kia là Hồ Chí Minh và Vũ Hồng Khanh:

> 1. Chính phủ Pháp thừa nhận nước Cộng Hòa Việt Nam là một Nhà nước tự do có chính phủ riêng, có nghị viện, quân đội và tài chính riêng, nằm trong Liên bang Đông Dương và Khối liên hiệp Pháp. Về vấn đề liên quan tới ba Kỳ, chính phủ Pháp cam kết công nhận những quyết nghị của dân chúng, sau cuộc trưng cầu dân ý.
> 2. Chính phủ Việt Nam tuyên bố sẵn sàng tiếp đón một cách thân thiện quân đội Pháp khi họ tới thay thế quân đội Trung Hoa phù hợp với những hiệp ước quốc tế.

Cũng trong buổi sáng hôm đó, tàu chiến Pháp tới Hải Phòng bị quân Trung Hoa ở cảng bắn đại bác. Quân viễn chinh chỉ được quân Trung Hoa tại địa phương thỏa thuận cho đổ bộ vào ngày hôm sau.

Ngày 7, một cuộc mít tinh lớn triệu tập tại Nhà Hát Hà Nội, Võ Nguyên Giáp cố làm dịu thái độ sửng sốt của dân chúng khi nghe tin về bản thỏa ước. Rồi tới phiên Hồ Chí Minh thốt lên: « Tôi xin thề, Hồ Chí Minh này không phải là kẻ bán nước! ». Rồi ông Hồ thúc giục Santơny tổ chức cuộc đàm phán thương lượng tiếp theo ở Paris.

Ngày 16, ông Hồ cử « cố vấn tối cao » cầm đầu một phái đoàn hữu nghị đi Trùng Khánh (thủ đô Trung Hoa Quốc gia 1937-1946), Bảo Đại được bố trí ngồi trên chiếc DC3 cùng với hơn một chục sĩ quan Tàu về Trùng Khánh, chúng mang theo những của cải chiếm được.

Chỉ riêng Bảo Đại được Tưởng Giới Thạch tiếp đón trân trọng, còn các đại biểu kia, trong đó có một số đại biểu Việt Minh, họ Tưởng dành cho một cuộc tiếp kiến ngắn ngủi tại một ngôi chùa. Tưởng Giới Thạch chỉ để cho họ có đủ thời gian đọc bức thông điệp [hữu nghị] của chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong cuốn Con Rồng An Nam (Le Dragon d'An Nam) Bảo Đại có

kể lại là Tưởng Giới Thạch có báo trước cho họ rằng Trung Hoa chỉ mong muốn tin cậy vào những nước bạn bè ở vùng biên giới của mình.

Thật là một dịp hiếm có cho Bảo Đại thoát khỏi tay thao túng của ông Hồ, vả lại ông Hồ cũng nhắn với Bảo Đại là chỉ khi nào ông mời thì hãy về nước. Trú tại Hồng Kông vào tháng 9 năm 1946, Bảo Đại còn được ông Hồ gửi cho mấy lượng vàng, do bác sĩ Phạm Ngọc Thạch mang tới. Tuy nhiên người ta sẽ thấy chẳng bao lâu Bảo Đại lại trở về với đế quốc chủ nghĩa thực dân.

« Không một phát súng nào »

Ngày 18 tháng 3- 1946 Lơcơler vào Hà Nội cùng 1000 quân và 200 chiếc xe. Ngày 27, trong một bản báo cáo cho chính phủ Pháp, ông ta viết:

> Nhờ nhân cách của ông Santơny làm đối thủ của chúng ta bất ngờ, và nhờ đó mà ta được lợi thế đàm phán. Bây giờ họ đã hoàn toàn nhận thức điều ấy. Nhờ ở những thỏa ước đó mà mặc dù có sự phản đối quyết liệt của Trung Hoa, chúng ta đã có thể tiến vào Hà Nội mà không một phát súng nào.[197]

Quân đội Pháp chiếm lĩnh mọi vị trí đóng quân tại Hà Nội, Hải Phòng, Hòn Gai, Nam Định, Huế, Đà Nẵng, Hải Dương và cả các tỉnh biên giới như Móng Cái, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lai Châu, Điện Biên Phủ.

Những thủ đoạn ngoại giao nhằm giữ Nam Kỳ trong vòng tay của Pháp đã bắt đầu từ ngày 13: Bộ trưởng thuộc địa Mutê đánh điện cho đô đốc Đacgiănliơ, Cao Ủy Pháp ở Đông Dương, nhắc nhở phải sử dụng khẩu hiệu « Nam Kỳ của người Nam Kỳ »[198] làm lợi khí chống lại việc thống nhứt ba Kỳ.

Trong khi đó, chúng tiến hành chuẩn bị quân sự để đập tan cái « Nhà nước tự do » của Cộng hòa Việt Nam. Chỉ thị số 2 của tướng Valluy, người có sứ mạng duy trì trật tự trên toàn miền Bắc, viết ngày 10 tháng 4 như sau:

> Trong mỗi vệ thú bộ đội và liền khi đặt doanh trại, viên chỉ huy quân sự phải lập một kế hoạch an toàn sơ bộ: dự định nầy phải gồm một kế hoạch hành động nhằm chiếm thành phố và cải biến đạo diễn (scénario) hành quân đơn thuần thành đạo diễn huy động đảo chính.
> Cần thiết phải tập hợp thật sớm mọi tài liệu có thể có về những tổ chức người Tàu và người Việt trong thành phố, cùng điều tra về các lãnh tụ địa phương (danh tánh, thói quen, nơi họ thường ngủ ban đêm, v.v.). Đồng thời phải lập ra những toán chuyên môn, có

thể ngụy trang để hành động (như ở Nam kỳ). Những toán này có nhiệm vụ làm liệt bại ngấm ngầm [nghĩa là thủ tiêu] các lãnh tụ và những người chủ mưu ngay khi viên chỉ huy thấy cần thiết khởi công bày bố hệ thống an toàn. Khi nào tin tức tình báo đã xác định rõ phạm vi hoạt động của các tổ chức đó và cho biết thói quen sinh hoạt của các nhân viên trong tổ chức, thì các đội xung kích đặc biệt được thành lập chuẩn bị làm liệt bại [ám sát] họ một cách bất ngờ.[199]

Từ cuộc đàm phán trò hề
đến cuộc bạo động vũ trang ngày 19 tháng chạp năm 1946

Cuộc hội nghị chuẩn bị để tiến hành thảo luận chính thức ở Paris khai mạc tại Đà Lạt ngày 16 tháng 4 và kết thúc ngày 11 tháng 5, hoàn toàn không thỏa thuận được về bất kỳ một điểm nào: người Pháp không chấp nhận việc thống nhất ba Kỳ, cũng không thừa nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có đại diện ngoại giao riêng biệt; rút cuộc họ muốn dành quyền kiểm soát hải quan và ngoại thương, làm người Việt mất nguồn thu nhập tối hậu quyết định.

Hồ Chí Minh rời Hà Nội ngày 31 tháng 5, hạ cánh tại Biaritx ngày 12 tháng 6. Mười ngày sau, ông được tiếp đón ở Paris long trọng như rước một vị chủ tịch Nhà nước.

Giữa thời gian đó, ở Sài Gòn ngày 1 tháng 6 năm 1946, Cao ủy Đacgiăn-gliơ tán trợ giới thực dân và tư sản Việt Nam công bố thành lập « Cộng hòa tự trị Nam kỳ », chọn bác sĩ Nguyễn Văn Thinh làm chủ tịch. (Sau này bị giới thực dân giồn ép đến đường cùng bất lực, Thinh tự treo cổ tại cửa sổ nhà ông ngày 10 tháng 11).

Ngày 10 tháng 6, các đơn vị quân Trung Hoa bắt đầu rời khỏi Hà Nội và ngày 26, tổng hành dinh của họ cũng rời thành phố, trao dinh toàn quyền lại cho người Pháp. Tất cả các đảng phái ó lên phản đối, kêu gọi tổng bãi công. Hà Nội bị tê liệt ngày 27, nhưng hôm sau lại trở lại yên ổn.

Theo nhịp quân Tàu rút lui, Võ Nguyên Giáp tung quân đội nối gót chiếm lĩnh lại các trung tâm và làng mạc đang nằm trong tay Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đồng Minh Hội, sau những trận đánh nhau dữ dội. Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7, công an mật của Giáp lục soát các trụ sở ở Hà Nội của hai đảng đối lập, tịch thu vũ khí và bắt hàng trăm đảng viên của hai tổ chức trên. Các thủ lĩnh của hai đảng này là Nguyễn Tường Tam, người đã khước từ ký vào thỏa hiệp ngày 6 tháng 3 nhưng có tham gia cuộc họp trù bị dằng dai ở Đà Lạt, cùng Vũ Hồng Khanh và Nguyễn Hải Thần đã thận trọng lánh lên miền núi rồi sang trú ngụ bên Trung Hoa.

Hội nghị Fontenơblô khai mạc ngày 6 tháng 7. Bầu không khí trong hội nghị có thể được tóm tắt trong câu đe dọa xuồng xã của Mac Anđơrê, trưởng đoàn đại biểu Pháp, thốt với Phạm Văn Đồng, người cầm đầu đại biểu Việt Nam: « Các ông hãy biết điều... Nếu không, nên biết rằng chúng tôi có thể quét sạch các ông trong hai ngày. » [200] Chúng vẫn khư khư thói trịch thượng ấy, vẫn hầm hừ thái độ chó má ấy.

Cái trò thương lượng – giữa con trâu và người chăn, như Nguyễn Thế Truyền đã nói năm 1926 – đã tạo cơ hội cho đế quốc Pháp rộng ngày giờ sắp đặt các phương tiện quân sự trước khi tiến hành phát huy « một hành động vũ lực nhằm tê liệt chính phủ Hà Nội về mặt chính trị và quân sự, cùng tạo thuận lợi cho việc bình định miền Nam » theo huấn lệnh của Đacgiăngliơ gửi cho Valluy ngày 12 tháng 11- 1946.

Tại Fontenơblô, cuộc đàm phán dông dài, cũng vô ích như hội nghị Đà Lạt, ngưng tập ngày 10 tháng 9. Phái đoàn Việt Nam khước từ ký vào bản « tạm ước » (modus vivendi), bỏ ngoài tai những lời mây gió hứa hẹn thương lượng một hiệp định chung chính thức, chậm nhất là trong tuần tháng giêng năm 1947.

Phạm Văn Đồng yêu cầu phía Pháp cam kết về ngày tháng và về dạng thức trưng cầu dân ý ở Nam Kỳ phải được ghi vào trong văn bản, nhưng vô ích. Phái đoàn Việt Nam thoạt bỏ hội nghị, rời Paris ngày 13, hôm sau lên tàu Pastưa tại Tulon về Hải Phòng.

Trong đêm 14 rạng ngày 15 tháng 9, Hồ Chí Minh, lòng đầy phiền não, tìm gặp Mutê và ký bản « tạm ước ». Ngày 18, ông rời Tulon lên tầu Đumont Đuyêtvilơ.

Chính trong thời gian ở Paris, Hồ Chí Minh đã nói một câu mà Đanielơ Ghêre nhắc lại: « Kẻ nào mà không đi theo đường lối tôi vạch ra sẽ bị tiêu diệt. »

Tới Hải Phòng ngày 20 tháng 10, ông Hồ đứng trước một tình thế sắp bạo biến. Từ ngày 29 tháng 8, quân Pháp đã chiếm sở Đoan và Sở Công an Việt Nam và bắt đi một số nhân viên. Từ ngày 15, người Pháp nắm trong tay quyền kiểm soát hải quan và hải phận Hải Phòng, nơi mà người Việt xuất gạo đổi lấy vũ khí của Trung Quốc.

Ngày 20 tháng 11, ngoại trừ khu phố Pháp, Hải Phòng nổi dậy chống quân Pháp chuyên đoạt quyền hành như thế. Ban đêm, các lực lượng tự vệ xây dựng chiến lũy trong các khu phố người Việt và người Tàu. Lối tám giờ rưỡi sáng, súng nổ vang trời, những phát súng cối làm rung chuyển thành phố, các xe thiết giáp phản công, lao vào các chiến lũy... Một nửa thành phố bị phá trụi dưới làn đạn phối hợp của các giàn đại pháo trên ba chiếc chiến hạm chuẩn bị cho bộ binh tiến lên:

> Những tàn phá đổ nát không chỉ do các trận tác chiến gây ra, mà trong một số trường hợp là do chỉ thị cố ý trừng phạt để cho người Việt « một bài học ». Ferandi nêu ra một bằng chứng trọng hệ. Tiểu đội của ông hành quân trên đường phố Pôl Đume: « Nhiệm vụ của chúng tôi ở đây mang tính cách một cuộc trừng phạt, đó là phóng hỏa vào những khu phố buôn bán, nơi mà Việt Minh vẫn còn hoạt động mạnh. Đại tá Đebơ đã ban chỉ thị viết tay. Nếu như, đốt một hiệu cắt tóc hay một hiệu thuốc dễ dàng bao nhiêu thì đốt cháy một cửa hàng giầy dép lại khó bấy nhiêu. Phải đốt làm nhiều lượt và sử dụng cả những quả tạc đạn cháy mới có thể thiêu hủy được cùng tận. Nhiệm vụ này là giai đoạn chuẩn bị [để tiến vào] phía trung tâm khu phố người Táu.»

« Thật đúng như cảnh tượng ở Ghecnica », viên tổng sự Hải quân Giacơ Raphael - Lâygơ phải thốt lên – gợi cảnh một thành phố xứ Êspanha đổ nát khói lửa dưới loạt bom không quân fatxit Đức năm 1936. Đô đốc Congiơ viết: « Tôi có nghe kể con số nạn nhân trong thành phố là 6000 Ai đã đếm xác trên chiến địa? Điều cơ bản trong sự việc này là lệnh bắn phá nhằm mục đích tự thú nhận là thanh toán bằng vũ khí. Ảo tưởng biết chừng nào! [201]»

Cuộc khởi nghĩa bị đánh úp lại bùng nổ trở lên ở Hà Nội vào chiều ngày 19 tháng chạp năm 1946. Hồ Chí Minh rút lên chiến khu. Đó khởi đầu một cuộc chiến tranh Ba mươi năm, gây biết bao thảm họa ghê tởm giữa cảnh tàn sát máu sông xương núi.

Rồi hiện bây giờ ?

Không nên tin chi cả !
Không nên tin cậy !
Chỉ tin cậy nơi sức lực của mình !
RET MARUT tự B. TRAVEN*

Chiến thắng của « dân tộc nhỏ bé anh hùng » – chiến thắng nào vậy? – là do cuộc chiến Đông Dương nằm trong khung cảnh chiến tranh nguội giữa hai khối đế quốc Nga-Tàu và Mỹ. Nếu không có vũ khí của Nga, và trợ giúp của Trung Hoa về cố vấn và đại bác và lương thực thì Điện Biên Phủ là điều không thể quan niệm được, cũng như sự « thất bại » của đế quốc Hoa Kỳ ở thời kỳ sau đó.

Sau « chiến thắng » này, phải chăng người Việt đã vạch rõ lời tiên đoán của Pierơ Hecbart là sai lầm : « Trong cuộc chiến đấu mơ hồ này, họ đã đắc thắng, nghĩa là họ đã loại trừ được những ông chủ ngoại quốc và chọn trong hàng ngũ của họ những ông chủ mới – và thay thầy đổi chủ » [202].

---

* Ret Marut tự Traven (1882 -1969), không ai biết gốc gát. Người xu hướng xã hội tuyệt đối tự do (socialiste libertaire), hoạt động cách mạng ở Đức 1917-1921, có chân trong Cộng hòa Hội đồng công nhân (République des Conseils ouvriers de Bavière) ở Munich tháng tư 1919. Ret Marut suýt bị hạ sát trong cuộc đàn áp đẫm máu phong trào cách mạng. Về sau trá danh ẩn thân trong nhiều xứ châu Âu, nhiều trước tác dưới bút danh B.Traven nổi tiếng khắp thế giới. Qua đời ở Mexico.

Không thế, họ còn chứng minh điều Hecbart tiên đoán là đúng, mà thậm chí họ không có quyền chọn lựa những ông chủ mới của họ.

Còn đối với chủ nghĩa anh hùng mà hiểu ngầm là sự tự do chọn lựa cá nhân, nó có quan hệ gì đến cái « dân tộc nhỏ bé » đưa tới chỗ chết hàng lớp bất tận tại Điện Biên Phủ? Người ta liên tưởng đến câu nói của Isaac Babel ghi trong cuốn *Nhật ký năm 1920* của mình : « những kẻ khốn khổ đó thật đáng thương, không còn là những con người nữa mà là hàng hàng lớp lớp ».

Quả thực, đảng của Hồ Chí Minh đã giành được thắng lợi trong chiến tranh, nhưng nhân dân Việt Nam phải chăng là đã giành được cái chi khác hơn là cái ách nô dịch, như câu nói của La Boétie.

Hằng hà sa số nông dân đã hy sanh đưa đảng theo xu hướng Stalin lên nắm chính quyền, đã tự buộc mình đóng góp khủng khiếp về số người chết và đau khổ, để rồi rút cuộc bị đẳng cấp quan liêu quốc gia sắp sếp thành đội ngũ nô lệ, như một lực lượng cần thiết trong quá trình tích lũy nguyên thủy nền tư bản Nhà nước quan liêu, phục vụ lợi quyền riêng một tầng lớp người lũng đoạn kiểu mới.

Còn đối với nền « độc lập dân tộc » thì trên thực tế là một sự lệ thuộc: trở thành một vệ tinh của đế quốc giả danh sôviết, đất nước này đã bị gia nhập vào cuộc đối đầu của hai quốc gia lớn theo chế độ Đảng-Nhà nước « cộng sản » để giành quyền bá chủ ở Đông Nam Á : quân đội « cộng sản » đông đúc của xứ này, được Nga viện trợ, đã đánh đuổi Pol Pot « cộng sản » do Tàu bảo trợ, và chiếm đóng xứ Khơme trong mươi năm (1979-1989).

Đẳng cấp quan liêu Việt Nam, cái đẳng cấp mới này (hay giai cấp hoặc quả đầu chính thể) thống quản chế độ tự gọi là « Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam », xuất thân từ « tầng lớp trung lưu có học » trở thành chủ tể một hệ thống Đảng–Nhà nước có tôn ti trật tự, họ chỉ là một lớp người thay thế tầng lớp tư sản và địa chủ trước kia trong công việc bóc lột vô sản và nông dân, một «đẳng cấp đặc quyền đặc lợi chủ yếu theo dõi mục đích cao lương lớn chức» [203].

Ngày nay giai cấp thợ thuyền vẫn còn thiểu số, đẳng cấp quan liêu mới sử dụng quyền độc đoán đối với người sản xuất, là những người chưa bao giờ có quyền sở hữu tập thể về các phương tiện sản xuất, cũng chẳng có thời giờ rảnh rang để suy nghĩ, không được quyền quyết định, quyền phát biểu ý kiến riêng, cũng không có quyền bãi công. Trật tự quan liêu với bộ máy đàn áp công an – quân đội, ngự trị trên tình trạng đói nghèo và bất công xã hội, càng ngày càng thêm hiển hiện.

Trong hồi ký *Đêm giữa ban ngày*, nhà văn Vũ Thư Hiên viết :

> Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đã thành công rực rở trong sự thay thế những ông chủ da trắng bằng những ông chủ da vàng. Cái khác là cách cai trị của những ông chủ mới tinh tế hơn những ông chủ củ nhiều.
>
> Mọi sự bóc lột, đè nén giờ đây được tiến hành trong tiến kèn hoan hỉ ngợi ca cuộc đời mới, trong cờ xí rợp trời, trong ánh lấp lánh của vàng mạ phủ lên mọi tối tâm, tủi nhục, tiếng rièu đao phủ chìm nghim trong khúc quân hành, và đám đông bị mê mẩn bởi những lời cổ vũ hùng hồn rầm rập kéo nhau đi tới miền đất hứa ở tít mù tầm mắt không nhận thấy máu đồng bào nhơm nhớp dưới chân mình.[204]

Từ tháng 3 năm 1956, sau khi Khơrutxôp báo cáo về những tội ác của Stalin, một vài thi sĩ văn nhân, bạo dạn lên tiếng để phá vỡ tình trạng đồng tình ngoài mặt. Họ công kích bọn « cập rằng văn chương và nghệ thuật », trong văn từ xuất bản, họ mạnh bạo đòi hỏi quyền tự do dân chủ, phản đối chế độ kiểm soát nhân dân bằng cách tập họp thành từng đơn vị gồm hộ khẩu tự phải kiểm soát lẫn nhau. (Chế độ nầy đã thực hiện thời Tần Thủy Hoàng 221-206 tr. Giêsu). Họ chỉ trích lạm quyền, độc đoán và hà lạm trong cuộc cải cách điền địa đương tiến hành, những điều ấy làm dân chúng đang nổi lên phản đối hàng loạt... Chính quyền thấy mình bị trào lộng bỉ khinh bèn bóp ngộp cuộc vận động Trăm hoa đua nở mùa xuân và mùa hạ: Ngày 15 tháng chạp năm 1956, Hồ Chí Minh ký sắc lệnh cấm mọi việc in ấn phát hành sách báo đối lập, những kẻ phạm sẽ bị phạt tù có thể đưa đến khổ sai chung thân[205].

Vào tháng 11 năm 1956 nông dân nổi loạn nghiêm trọng ở Nghệ An làm rung động trật tự quan liêu, nguyên nhân cải cách ruộng đất bất công do quyết định độc đoán: 15.000 người vô tội bị hành hình –theo báo cáo của bộ Công an năm 1956, tìm lại được trong kho lưu trữ ở Hà Nội năm 1961– vậy tính cứ trung bình mỗi làng có 5 người bị hành hình, trong số 3.014 làng có cải cách ruộng đất. Ước tính tổng số người bị chết bắn lên tới khoảng bốn năm vạn. Số nông dân bị bắt giam hoặc lưu đầy chắc chắn là vượt quá số lượng trên[206].

Năm 1975, sau khi bộ đội đất Bắc nhập Sài Gòn, chủ tể Hà Nội tổ chức Nam bộ theo thể chế « xã hội chủ nghĩa » đã thiết lập ở Bắc từ 1954. Dân chúng quần tụ thành khóm đơn vị hộ khẩu, buộc phải kiểm soát lẫn nhau. Đổ Mười cầm đầu tập đoàn gồm cán bộ bộ đội cùng công an từ Hà

Nội vào cấp tốc phát động chiến dịch cải tạo tư bản mại bản kết xù (ám danh « chính sách X1») tịch thâu tài sản bọn Tàu chủ thầu lúa gạo, hóa chất, thiết sắt..., tập thể hóa sản nghiệp kỷ nghệ, thương mại, thủ công của tư bản bản xứ nhóp nhen phát triển thời Mỹ, giao các cán bộ phần đông ở Bắc vào quản lý. Bất khả năng tổ chức sinh sản, tham nhũng, hà lạm, tước đoạt của công, gây nên một tình thế kinh tế hổn loạn ở Nam bộ gần hai mươi năm. Ai cũng còn nhớ Hoa kiều bôn tẩu hằng ngàn, thuyền nhân vượt biển vô số kể từ thuở đó.

Dân thợ, dân cày, cu li sống bằng hai cánh tay, tận cùng khốn khổ. Bốn chữ tăt XHCN (Xã hội chủ nghĩa), người ta đọc Xếp hàng cả ngày, tưởng tượng đến hàng người trước sở Bưu điện đợi lãnh những gói y dược, vật thực, áo quần của bà con tị nạn ở Âu châu, Mỹ châu gởi về,. số gói hạn chế ghi trong một quyển sổ tay.

Năm 1976, khởi cải tạo tư sản nông thôn, phân chia ruộng đất quốc hữu hóa cho dân cày nghèo và dân không có đất. Cán bộ thừa cơ giành lấy cho mình hoặc cho bà con những mảnh đất tốt, những thửa ruộng phì nhiêu, trở nên lớp cường hào mới ở nông thôn. Hai năm sau, chính quyền quan liêu bắt đầu tập thể hóa nông thôn, cưởng bách dân cày nộp miếng đất khoảnh ruộng của họ, trâu bò, cày bừa vào hợp tác xã để tham gia tập đoàn sản xuất, và công cuộc cải tạo phải hoàn tất năm 1980 trong toàn Nam bộ.

Dân cày trái ý trở thành công nhật, làm lụng theo lịnh cán bộ chỉ huy, kiểm soát hợp tác xã. Ban thơ lại quản trị quá đông, gồm người trong đảng, hoặc thuộc tổ chức thanh niên, phụ nử... cùng đang nhiệm ủy ban nhân dân làng, vô số kẻ ăn bám quỷ hợp tác xã, họ tự túc phần lớn sản phẩm.

Dân cày bực tức, làm thịt trâu bò, sau đó nhiều nơi đàn bà phải thay trâu kéo cày. Lúa gạo sản xuất kém cỏi, nạn đói đe dọa.

Ngày 21 tháng chạp năm 1986, báo *Nhân Dân*, cơ quan của Đảng Cộng sản, đăng tải lời tuyên bố của Dương Quang Đông, một đảng viên ở miền Nam tham gia từ năm 1930:

> Từ mười một năm nay, đảng tỏ ra không có khả năng cung cấp cho dân một hạt gạo nào, một miếng thịt nào, một giọt nước mắm nào; và cũng không có khả năng ổn định về giá cả. Dân khổ quá. Biện pháp tốt nhất là đảng nên để cho dân được tự do sản xuất, tự do sinh sống, tự do học hành.

Qua 1986-1987, nông dân được lấy đất lại, tự cày cấy rồi trả địa tô

cùng thuế điền thổ. Ruộng đất thuộc về Nhà nước cho nông dân thuê dài hạn và được quyền chuyển sang lại cho con cháu.

Tháng tám 1988, 300 nông dân vùng châu thổ sông Cửu Long lên tận Sài Gòn biểu tình ba ngày để phản đối bọn cường hào tước đoạt, khiếu nại những vụ ngang tàng bắt bớ cùng đòi quyền tự do ra khỏi hợp tác xã cùng tập đoàn sản xuất.

Cũng lúc đó, 30 người đánh cá biển ở mũi Cà mau lên Sài Gòn, phản đối hợp tác hóa cưỡng bức. Lối sáu chục người chài xã Chí Công bị buộc nộp ghe máy của họ vào hợp tác xã tham gia chài cá tập thể. Người ta sung công ghe những ai không khứng. Một vài người cứng đầu bị bỏ tù, ghe của họ bị đoạt. Một anh chài cương ngạnh bị nhốt tám tháng trong trại giam ở Phan thiết vì tội chống hợp tác hóa, v.v. Dân chài báo tới Trung ương đảng ngoài Bắc. Hà Nội phái người đến tận nơi điều tra. Khi họ quay lưng, tên Nguyễn Hoàng Thái Vinh, phó chủ tịch huyện Tuy Phong nói với dân chài: Các người kiện lên trung ương thì cũng như mèo quào vách đất! (*Nhân Dân* 1-10-1988).

Tình cảnh cùng quẫn ngoài xã hội đã đến mức làm cho công cuộc phê bình nội bộ trong đảng phải bộc lộ ra bên ngoài.

Năm 1989, Lê Quang Đạo, ủy viên trung ương Đảng, và là chủ tịch quốc hội, tuyên bố:

> Nền chuyên chính của Đảng thay vào nền chuyên chính của toàn dân lao động; kết quả là hình thành một chế độ độc tài dựa trên những đặc quyền đặc lợi, một chế độ có nhiều bất công trong xã hội thúc đẩy người dân nổi loạn [207].

Thế thì Đảng–Nhà nước, tự gọi xã hội chủ nghĩa, trong tay một tầng lớp người lũng đoạn kiểu mới, là bộ máy thống trị và chế ngự nô dịch giai cấp vô sản và nông dân. Những người bị áp bức toan tự giải phóng chỉ phải công kích đẳng cấp quan liêu ấy, hiện diện khấp cùng, phải thủ tiêu bộ máy Nhà nước ấy. Không khi nào một bộ máy Nhả nước tự nó băng hoại, tự giải tán quân đội, cảnh sát mật thám, tự phá ngục tù, hủy luật pháp, chính thể chế định của nó. Hôm qua như ngày hôm nay, Nhà nước là lợi khí thuần túy của một giai cấp thống quản chế ngự một giai cấp khác, không thể khác được. « Ngày nào Nhà nước còn tồn tại thì chế độ nô lệ vẫn còn tồn tại » (Kac Mac).

Cuối năm 1991, Bùi Tín, chủ bút báo *Nhân Dân*, cơ quan chính quyền, có nhiệm vụ sang Paris vào tháng 11, đã đoạn tuyệt với chính phủ Hà Nội. Y là người đã chứng kiến cuộc khủng hoảng về chính trị và kinh tế trong xứ:

> Hiện tình của đất nước làm cho mỗi người dân phải lo lắng. Thói tục quan liêu, tính vô trách nhiệm, tính ích kỷ, sự thái hóa biến chất, tình trạng gian lận lan rộng dưới một chế độ cửa quyền của những kẻ đặc quyền đặc lợi.
> Cái ăn sâu cắm rễ nặng nề trong Đảng Cộng sản Việt Nam đó là chủ nghĩa Stalin và chủ nghĩa Mao, vừa mang tính chất phong kiến vừa mang tính chất nông dân, duy tâm, gia trưởng và độc đoán, rất bảo thủ và thái hóa, hoàn toàn xa lạ với tư tưởng dân chủ.[208] (Tư tưởng dân chủ nào vậy? NV).

Gần đây vào tháng 10 năm 1991, Bảo Ninh xuất bản ở Hà Nội quyển Nỗi buồn chiến tranh: anh khêu gợi tấm thảm kịch ghê tởm anh đã sống từ năm 1959 đến 1975 trong tiểu đoàn 27 cho đến lúc lấy Sài Gòn, lúc ấy chỉ còn sống sót mười người trong số năm trăm.

> Những người được sống vẫn sống song những khát vọng nồng cháy từng là cứu cánh của cả một thời, từng soi rọi cho chúng tôi dùng lịch sử, thiên chức và vận hội của thế hệ mình, rủi thay đã không thành ngay hiện thực cùng với thắng lợi của cuộc kháng chiến như chúng tôi đã hằng tưởng. Đến bây giờ, lúc này đây, bạn hãy xem thực chất quanh ta có gì khác hơn ngoài cuộc sống tầm thường và thô bạo của thời hậu chiến? Nền hòa bình này... Hừ hình như tôi thấy các mặt nạ người ta đeo trong những năm trước rơi hết. Mặt thật bầy ra gớm chết. Bao nhiêu xương máu đã đổ ra...

Nếu người kể chuyện không phỉ báng cuộc chiến tranh, nghĩ rằng « không chiến tranh thì không có hòa bình », trước « nạn đào ngũ lan rộng khấp trung đoàn,... làm ruỗng nhiều trung đội, không thể chấn giữ, ngăn bắt nổi », anh cũng không thóa mạ người bạn đào ngũ, người này chống quan niệm anh hùng, và bài giải thái dộ của mình trước khi bỏ chiến.

> Tôi không sợ chết, nhưng cứ bắn mãi giết mãi thế này thì chết hoại tính người. Anh còn nhớ trên Plây-cu năm 72 không, có nhớ cảnh thây người la liệt trong khu gia binh không? Máu tới bụng chân lội lõm bõm ...Mình vào đây làm gì khi để mẹ già ở nhà cơ cực, không nơi nương tựa, ngày đêm than khóc nhớ con. Mẹ tôi cứ van tôi tìm cách mà trốn... Bao thằng khốn nạn ung dung hưởng lộc

chiến tranh chỉ con cái nông dân là dứt lòng ra đi bỏ lại đằng sau cảnh mẹ già màn trời chiếu đất... Thắng hay thua, kết thúc mau hay kết thúc chậm, với tôi chẳng nghĩa lý gì nữa. Sát, thì tôi đã sát quá nhiều rồi... Còn nhục? Cả đời đi đánh nhau, thú thực, tôi chả thấy cái trò này là vinh.

Viện trợ của Nga (dầu hỏa, thép, phân bón, vải vóc...) cạn kiệt, viện trợ của Tàu chỉ có được nếu chịu phục tùng. Đẳng cấp quan liêu kêu cứu với tư bản nước ngoài, ban bố chính sách « đổi mới », « kinh tế thị trường, theo định hướng xã hội chủ nghĩa », để hiệp tác với bọn đầu tư ngoại quốc và chia lợi tức với chúng. Xứ sở « độc lập » đón tiếp đế quốc chủ nghĩa kinh tế, trở thành một thị trường mênh mông cho sản phẩm kỷ nghệ đế quốc, một bầu chứa đông đảo nhân công rẻ tiền và nguồn nguyên liệu dồi dào.

Các cựu đế quốc Pháp Nhật Mỹ mang tiền trở lại, bọn lý tài Nam Hàn, Đài Loan, Ma Lai, Hong Kong... ào đến đầu tư, câu kết với đẳng cấp quan liêu trong xứ những hợp đồng joint venture, mục đích một bên nhằm bóc lột nhân công rẻ mạt, còn bên kia, Đảng-Nhà nước kích động quá trình công nghiệp hóa theo con đường tư bản chủ nghĩa, cơ sở chế độ tư bản Nhà nước quan liêu. « Người ta không chinh phục nữa, người ta bóc lột. Người ta đánh đuổi binh lính, đối với bọn con buôn thì không thế ». (On ne conquiert plus aujourd'hui, on exploite. On repousse des soldats, pas des marchands. Roland Dorgelès).[209]

Trong Nam, từ cuối tháng chạp 1992, thợ thuyền tự động bãi công chống đối bọn chủ Nam Hàn, Đài loan, chẳng những để đòi tăng đồng lương quá kém bớt giờ làm, cùng để kháng cự trừng phạt bạo tàn hạ nhục. Bọn chủ miệt thị thể chế ngày làm 8 giờ, khinh thường hiệp đồng ký kết với quan liêu. Cả vài trăm cuộc đình công tự động ào ạt lung tung khoảng 1995-1996.

Khởi đầu hợp đồng cùng bọn tư bản Đài Loan, khu công nghiệp Tân Thuận (Sài Gòn 1991) được xây dựng theo chỉ thị của chúng để làm mẩu kêu cầu ngoại quốc đầu tư, với nhiều triển vọng bóc lột nhân công rẻ tiền. Chủ tịch khu đại diện Đảng-Nhà nước cũng vừa là người trong ban chỉ huy Tổng công đoàn Lao động thành phố Hồ Chí Minh. Đến 1997, hoặc hợp đồng tư bản, hoặc chỉ kiến thiết với vốn ngoại quốc đầu tư, trong toàn xứ mọc lên từ Bắc chí Nam 41 khu công nghiệp tương đương, bóc lột 350 000 công nhân. Khu Đà Lạt hiệp đồng với tư bản Ma Lay, Khu Hải Phòng, Nomura-Haiphong Industrial, dưới quyền tư bản tài chính Nhật.

Năm 1997, trên 2 000 công nhân làm reo trong các khu công nghiệp.[210]

Bộ luật lao động mới ban hành năm 1995 thừa nhận quyền bãi công. Nhưng các xí nghiệp ngoại quốc chỉ thực hiện những điều khoản về kỷ luật cùng về đàn áp nhân công. Vả lại, Bộ Lao động cùng Tổng liên đoàn Lao động cho là phi pháp những cuộc tự động đình công.Trước khi bãi công dân thợ phải tùy đại biểu liên đoàn ưng thuận, sau khi họ can thiệp thương lượng thầm kín với bọn chủ. Và bãi công thế nào không làm ngưng trệ các sản nghiệp nhà nước. Lê Văn Hồng, phó chù tịch Tổng liên đoàn Lao động ở Sài Gòn nói với phóng viên báo *Libération* (Paris 17-5-1996) « Thợ có nhiều yêu sách đòi hỏi, song những người đầu tư họ cũng có quyền của họ. Vì quyền lợi của đôi bên, mổi bên phải nhượng bộ. Với một số lương tháng tối thiểu là 35 đôla, Việt Nam cũng đã không cạnh tranh nổi với Tàu hoặc Miến Điện kia mà ! »

Cứu thân mình chỉ tay mình thôi!

*

Tình thế nông dân có gì đổi mới ?

Khoảng Tết năm Con Trâu 1997, độ 500 nông dân hai làng Uy Nổ và Kim Nổ gần Cổ Loa kháng cự đoàn xe bulldozers Nam Hàn Daewoo xâm nhập vào cánh đồng trồng bấp toan dọn dẹp để bày bố một sân đánh banh golf. Phần đông cựu kháng chiến, họ cầm dao gậy cùng là cung nổ, lấy câm xe đạp nhúng thuốc độc làm tên. Họ thiêu hủy một tractơ và hai bulldozers. Cảnh sát đàn áp bằng dùi cui và hơi độc làm chảy nước mắt. (Dường như một số cảnh sát chối từ đàn áp, gốc rể họ ở nông thôn). Rốt cuộc phía cảnh sát một vài người chết.

Tháng 5-1997, ở Thái Bình,3000 nông dân ở 33 xã kéo đến trung tâm tỉnh lỵ biểu tình chống tăng thuế, chống cán bộ sở tại tham nhũng xa hoa. Năm ba người vong mạng trong các cuộc biểu tình tháng năm tháng sáu; Qua tháng 8, vùng nầy sôi nổi lại. Đương đầu hàng trăm lính cảnh sát do Hà Nội xua đến đàn áp, dân biểu tình giết hai con chó cảnh sát, đốt nhà một cán bộ. Trong 52 xã, dân làng lật đổ chính quyền sở tại và tự quản lý việc làng. Báo *Nhân Dân* ngày 8-9-1997 nhìn nhận rằng 128 làng phản đối tăng thuế.

*

Dù đứng trước bất kỳ vấn đề gì mà ta phải đối chiếu, từ nay chúng ta đều biết rằng cái gọi là « chủ nghĩa cộng sản », ở Việt Nam cũng như ở Liên Sô, Trung Quốc và các nước cùng phe, chỉ là một chế độ ngụy tạo bạo ác và buồn chán, một chế độ tư bản nhà nước quan liêu, một loại ngáo ộp về chính trị–kinh tế phục vụ quyền lợi cho một đẳng cấp quan liêu tham lam và trắng trợn. Chúng dùng những lời hô hào xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa giả trá để che đậy những xiềng xích nô dịch mới trói buộc vô sản nông dân.

Hơn hai ngàn năm trăm năm trước, Lão Tử trong *Đạo Đức Kinh* đã lên tiếng phản đối tính chất hư giả của ngôn ngữ người đồng thời như sau:
« Danh khả danh, phi thường danh » (những từ ngữ thường dùng không diễn đạt được sự thực) và Khổng Tử, trong *Luận Ngữ*, đã căn dặn đệ tử phải « sửa cho đúng cái tên gọi » (Chính danh), để loại bỏ những từ ngữ mập mờ lừa phỉnh. Ngôn ngữ chính trị ngày nay thật đầy dẫy những bóng gió phỉnh phờ. Không biết do một sự sai lạc nào mà một số sử gia lại sử dụng cái cụm từ « chủ nghĩa cộng sản quốc gia » áp dụng cho cái chế độ bất công và buồn tẻ do Hồ Chí Minh xây dựng nên?

Chưa có một nơi nào trên thế giới và trong thế kỷ này đã tìm ra con đường thực thi cái « lý thuyết không tưởng » của Kac Mac, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho mỗi người được khai tâm phát triển và mở mang một xã hội hợp lý toàn thế giới, không giai cấp, không có chủ nghĩa tư bản, không có chế độ làm mướn và do đó không có người bóc lột người, không còn Nhà nước và cũng chẳng có những mâu thuẫn đối kháng giữa các quốc gia. Chủ nghĩa quốc gia độc đoán, dẫy đầy áp bức, vu khống và ám sát theo lối Stalin, chỉ làm bại hoại chân tướng lý thuyết Kac Mac, làm cho người ta hiểu sai lạc đi.

Các chế độ tự xưng xã hội chủ nghĩa nào có gì tương tợ với một xã hội đại đồng như Kac Mac khái niệm

> một sự hiệp đồng trong đó sự tự do phát triển của mỗi người là điều kiện cho sự tự do phát triển của mọi người », một sự tập hợp những con người tự do lao động với những tư liệu sản xuất chung và, theo một kế hoạch được thảo luận chung, dồn những nỗ lực cá nhân tạo thành một lực lượng sản xuất xã hội duy nhất. Tổng sản phẩm của những người lao động hợp nhất lại thành một sản phẩm xã hội. Một phần của sản phẩm xã hội được tái sử dụng làm tư liệu sản xuất và mang tính chất xã hội, còn phần khác để tiêu thụ, và do đó, phải được phân phối đều cho mọi người. Phương thức

> sản xuất sẽ thay đổi tùy theo cơ chế tổ chức sản xuất của xã hội và trình độ phát triển lịch sử của những người lao động. Chẳng hạn, chỉ để so sánh với sự sản xuất có tính chất buôn bán, phần được chia cho mỗi người lao động là tùy theo thời gian lao động của người đó, như vậy thời gian lao động đóng một vai trò kép. Một mặt, sự phân phối thời gian lao động trong xã hội điều chỉnh mối tương quan chính xác những chức năng khác nhau vào những nhu cầu khác nhau; mặt khác, nó dùng để đo cái phần cá nhân mỗi người sản xuất đóng góp vào công việc làm chung, và đồng thời để tính cái phần mà cá nhân đó được hưởng trong bộ phần sản phẩm chung dành cho tiêu thụ. Mối quan hệ xã hội giữa người và người trong công cuộc của họ sản xuất và đối với những sản phẩm hữu ích do lao động làm ra, ở đây vẫn đơn giản và rõ ràng trong lãnh vực sản xuất cũng như trong việc phân phối [211].

Hai chữ « không tưởng » trên đây có ý nghĩa những triển vọng biến đổi xã hội chưa thực hiện được chứ không phải không thể thực hiện. Và chỉ thực hiện được khi nào giai cấp nô lệ ngày nay không quên lời tiên tri của Kac Mac: «Ngày nào Nhà nước còn tồn tại thì chế độ nô lệ vẫn còn tồn tại» [212].

Bức tường Beclin sụp đổ, chính thể được gọi là Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Sô viết tan vỡ. Hạng trí thức tôi tớ tư bản tự do (capitalisme libéral) múa bút ó lên: chủ nghĩa cộng sản đã chết! Các chế độ tư bản nhà nước quan liêu bên kia bức màng sắt tục gọi « xã hội chủ nghĩa thực hiện » (socialisme réel) « thực sự không có gì là xã hội chủ nghĩa cả » [213] đừng nói chi đến cộng sản chủ nghĩa. Rồi bầy chó giữ nhà tư bản tiếp tục ào ạt công bố Kac Mac tắt thở lần thứ hai! « Nếu tôi muốn cải chính tất cả mọi điều mà người ta đã nói và viết về tôi, thì tôi phải thu dụng hai mươi người thơ ký », Kac Mac đã viết như thế trong tờ *Chicago Tribune*, ngày 5 tháng giêng 1879.

*

Trở lại xứ Việt, Hồ Chí Minh, người luôn luôn bao giờ cũng xưng mình môn đệ Kac Mac, thật ra trước sau chỉ theo những chỉ thị của bộ máy quan liêu ở Môskova, con đường do thầy Stalin vạch ra, thậm chí cả trong từng chi tiết khốn nàn hèn mọn.

Trong những năm 40, Hồ đã để cho mọi người gọi mình « Bác Hồ » (không phải là một ông chú ông bác nào, mà là anh của bố), đã ký « Bác

Hồ » trong những tờ truyền đơn gửi cho nông dân và binh lính, cái tên gọi khéo léo đó, trong một xã hội theo truyền thống nho giáo đã tỏa ánh hào quang như của một vị thần hộ mệnh.

Nắm chính quyền ở Hà Nội năm 55 tuổi, Hồ tự xưng « Cha Hồ ». Trong tiểu sử tự viết nhưng ký tên là Trần Dân Tiên *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, một tác phẩm tự sùng bái vô song, ta đọc:

> Chủ tịch Hồ Chí Minh không muốn nhắc lại thân thế của mình (tr.5). Một người như Hồ Chủ Tịch của chúng ta, với đức khiêm tốn nhường ấy và đương lúc bề bộn bao nhiêu công việc, làm sao có thể kể lại cho tôi nghe bình sinh của Người được? Hồ Chủ Tịch sinh năm 1890. Quê người ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (Trung bộ) (tr.8). Chúng ta còn có những người yêu nước anh dũng và vĩ đại khác. Chúng ta có Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, và những người khác nữa. Nhưng chỉ có Hồ Chủ Tịch của chúng ta đã hoàn thành sự nghiệp mà các tiền bối chưa hoàn thành (tr.139) Chủ tịch trở thành « Cha Hồ » của dân tộc Việt Nam (tr.113). Nhân dân gọi Chủ Tịch là Cha Già dân tộc, vì Hồ Chủ Tịch là người con trung thành nhất của Tổ Quốc Việt Nam (tr.142)[214].

Trong di chúc, vị Cha già của Dân tộc, mất ngày 2 tháng 9 năm 1969, có khuyên là đừng nên làm tang lễ linh đình:

> Tôi yêu cầu thi hài của tôi được đốt đi, tức là «hỏa táng». Tro thì chia làm ba phần, bỏ vào ba cái hộp, một hộp cho miền Trung, một hộp cho miền Nam. Đồng bào mỗi miền nên trọn một quả đồi để mà chôn hộp tro đó. Trên mả không nên có bia đá, tượng đồng, mà nên xây một ngôi nhà giản đơn, rộng rãi, mát mẻ, để những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi.
>
> Nên có kế hoạch trồng cây trên và chung quanh đồi. Ai đến thăm thì trồng một vài cây làm kỷ niệm. Việc chăm sóc nên giao phó cho các bậc phụ lão [215].

Đối với việc sùng bái thánh cốt, những người già sẽ dành chút thời gian còn lại của đời mình để trông nom ngọn đồi!

Sau khi Hồ Chí Minh chết, đẳng cấp quan liêu Hà Nội đã tiến hành ướp xác. Như vậy tiếp theo sự sùng bái cá nhân là sự sùng bái xác ướp của họ Hồ trong lăng. Sinh thời, Stalin đã mưu mô khung cảnh như thế đối với

Lênin (người ta tưởng tượng Lênin có thể tỏ thái độ trào phúng đến mức nào đối với sáng kiến đó); ngày nay, ở Moskơva vấn đề trở nên quyết liệt là phải chấm dứt cái hình thức sùng mộ quá đáng đó. Còn ngày mai, đối với xác ướp ở Hà Nội sẽ ra sao?

*

Một ngày kia, dầu sao đi nữa, thế giới bị bóc lột và bị áp bức, mà giác ngộ thì họ sẽ quét sạch mọi bất bình xã hội, như hai câu thơ của Phan Văn Hùm khêu gợi:

Chừng nào thiên hạ hay mình khổ,
Muôn việc lôi thôi tức khắc thành.

Đó cũng là hy vọng thâm tim của chúng ta.

Xã hội sẽ biến đổi khi nào những kẻ khốn cùng mới trên mặt đất sẽ cùng nhau ca bài Quốc tế (l'Internationale) mà những người đàn anh của họ đã hát lên:

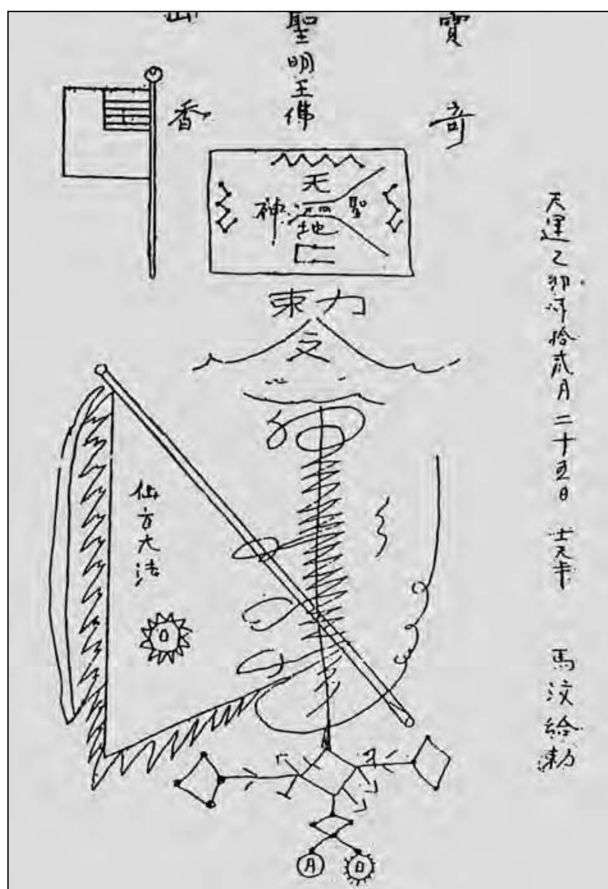
Không đấng cứu thế nào cứu mình đâu,
Không Trời, không chúa, cũng không lãnh tụ,
Người sản xuất, cứu thân mình chỉ tay mình thôi.
Quyết định cùng chung giải phóng...

và họ sẽ tự thấy « dọc ngang nào biết trên đầu có ai » một khi họ hiểu rằng:

> Kẻ mà người ta đã tung lên địa vị cao trọng, vì kẻ ấy mà các người can đảm đi chinh chiến, vì thân thế vĩ đại của kẻ ấy mà các người không từ khước đem thân vào chỗ chết, kẻ chế ngự các người nhiều thế chỉ có hai con mắt, chỉ có hai bàn tay, chỉ có một thân hình, và không có chi khác hơn một người thường nếu không thế thì kẻ ấy chỉ nhờ nơi các người giúp phương tiện cho kẻ ấy sát hại các người; lấy mắt ai để kẻ ấy do thám các người, nếu không phải là con mắt của các người cho kẻ ấy dùng? tại sao kẻ ấy có nhiều tay thế để đánh đập các người nếu kẻ ấy không dùng ngay tay của các người? những chân dẫm đạp thành lũy các người, kẻ ấy lấy chân ở đâu nếu không phải chính là chân các người? mọi quyền hành của kẻ ấy chế ngự các người thì cũng do nơi các

người. Thế nào kẻ ấy dám chà đạp các người nếu kẻ ấy không thông đồng với các người? kẻ ấy làm gì được các người nếu các người không phải là kẻ chứa đồ trộm cho bọn trộm cướp đó của các người? nếu các người không đồng lõa với kẻ sát nhân giết các người và nếu các người tự phản phúc lấy mình.

La Boétie [216]



Cờ Thiên Địa Hội

PHỤ CHÚ

Chữ viết tắt*:*
AN- Archives Nationales, Paris.
AOM- Archives Outremer, Aix-en-Provence.
BDIC- Bibliothèque de Documentation Internationale Contemporaine.
CHEAM- Centre des Hautes Etudes de l'Afrique et de l'Asie moderne.

Chương I

1. Văn Thân, sĩ phu có danh tiếng
Phong trào văn thân nổi dậy năm 1864 (chống Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ và chống những người theo đạo Thiên chúa đã phụ lực Pháp) và cuộc sĩ phu bạo động năm 1874 (sau khi Forănxi Gacniê đột chiếm Hà Nội).
Sĩ phu là những người biết đọc và viết chữ nho (chữ Tàu), biết nghi lễ, thông thạo kinh điển Khổng học (về luân lý, chính trị, triết học và cựu sử, và họ được tôn trọng hơn hết trong tứ dân: sĩ, nông, công, thương. Trong làng họ là giáo thọ, hương chức, thầy thuốc, thầy bói khoa..., làm trung gian giữa chính quyền và dân dốt, họ bài giải cho dân tất cả những quyết định về hành chính. Chính trong nhóm người này các kỳ thi được tuyển mộ ra làm quan, họ là rường cột đẳng cấp quan chế Nhà nước « phong kiến ».
Cần vương (Giúp nhà vua) là phong trào bạo động toàn Trung Kỳ do quan phụ chính vua Hàm Nghi phát khởi ngày 13 tháng 7 năm 1885, nhân danh nhà vua, sau khi thành Huế bị quân của tướng Đơ Cuôcxy chiếm và vua Hàm Nghi thoát thân. Các quan trung thành cùng nhà vua lần lần bãi chiến sau khi nhà vua Hàm Nghi bị bắt vào tháng 11 năm 1888, nhưng mãi đến lúc Phan Đình Phùng tử trận năm 1896 thì phong trào cần vương mới chấm dứt.

2. Sau khi bố chết vào năm 1900, Phan Bội Châu mới thấy mình được chấm dứt những nghĩa vụ của người con một trong gia đình; ông liền bôn tẩu từ Bắc chí Nam để « động viên tinh thần » và tìm cách liên lạc với những « con người dũng cảm », kể cả những người theo đạo Gia Tô, nhằm bước đầu xây dựng nền móng cho một đội quân vũ trang khởi nghĩa có khả năng chiến thắng cuối cùng. Vào năm 1905, Nhật thắng Nga, một nước châu Âu, đã kích thích thêm niềm hy vọng.
Vào năm 1906, Phan Bội Châu ra Bắc Kỳ tìm sự giúp đỡ của một thủ lĩnh có uy tín là Đề Thám, mà thực dân gọi là tướng cướp, đồng bào lại xem là nhà yêu nước.

Chính quyền thực dân phải chấp nhận cho Đề Thám tự quản trị một khu vực ở Yên Thế và có quyền lập một đội quân cảnh vệ riêng, để đổi lấy sự yên ổn dọc con đường xe lửa Hà Nội-Lạng Sơn. Tuy còn đang ở trong tình trạng phải qui thuận, ông Thám cũng hứa với Phan Bội Châu là sẽ « chuyển sang hành động nếu Bắc Kỳ nổi dậy ». Ông bị liên quan trong vụ âm mưu đầu độc trại lính Pháp ở Hà Nội tháng 6 năm 1908 – thất bại và tiếp đó là 19 án tử hình và một cuộc săn người thực sự diễn ra – tuy ông không bị bắt nhưng trở thành một người trơ trọi, một con người mà toàn quyền Pôl Đume đã nói « Đề Thám không phải là một tướng cướp mà là một thủ lĩnh nghĩa quân đã mở chiến dịch cầm cự với chúng ta từ mười năm nay ». Khi nắm quyền chấp chính ở Đông Dương, chính Albe Sarô đã khước từ sự qui hàng của con người bị truy nã này. Rốt cùng, Hoàng Hoa Thám bị địch mưu mô ám sát vào tháng hai năm 1913, từ trần khoảng 55 tuổi.

Đối với Phan Bội Châu, những năm 1908–1910 là « thời kỳ tuyệt vọng nhất » trong đời người từ mười năm nay: bất lực trong việc hỗ trợ hữu hiệu cho phong trào trong nước, bởi không chuyển được vũ khí về nước vì rất khó mua ở Nhật, là những năm tháng mà ông nhận được những « tin khủng khiếp », lính tập nổi dậy ở Nghệ Tĩnh không thành công, những người bạn tốt nhất của ông bị bắt hoặc bị chết, tình trạng bi đát của Đề Thám, những cuộc thảm sát nông dân không có vũ khí ở Nghệ An, những vụ lưu đầy tù ngục, những trường học bị đóng cửa. Việc hiện đại hóa xứ sở, với triển vọng khởi nghĩa toàn quốc về lâu dài đã tỏ ra là không thể được; lúc ấy Phan Bội Châu đi theo xu hướng bạo động khủng bố (Phan Bội Châu, *Tự phán*, California 1987, tr.66 vt).

3. Chương trình của Hội, in ở Nhật năm 1907, bị tịch thu tại nhà Gilbert Trần Chánh Chiếu khi mật thám bắt ông vào tháng 10 năm 1908. (Georges Coulet, *Les Sociétés secrètes en terre d'Annam* [Hội kín ở đất An Nam], Sài Gòn 1926, tr.288 vt).

4. Phong trào Đông Du. Trong thời gian từ 1906 đến 1908, có khoảng 200 du học sinh sang Nhật, trong đó ở Nam Kỳ độ một trăm, ở Trung Kỳ khoảng năm chục và ở Bắc Kỳ khoảng bốn chục người. Sau hiệp ước Pháp-Nhật (10-7-1907) Phan Bội Châu bị trục xuất khỏi Nhật (8-3-1909), các du học sinh buộc phải giải tán. (Phan Bội Châu, *Tự phán*, tr.114 vt) .

5. Văn bản bằng chữ Hán, do E. Huber dịch, *Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême–Orient*, Hà Nội 1907, tr. 145 vt.

6. Bộ luật Gia Long (Hoàng đế Gia Long 1802-1819) được biết dưới cái tên Bộ luật Càn Long (Hoàng đế Trung Hoa 1736-1795) được triều đình Huế duy trì ở Việt Nam cho tới hết thời kỳ đô hộ của Pháp. « Những hình phạt thân thể, cái chết dần mòn, xử treo cổ và cả một kho dụng cụ tra tấn coi như những phương tiện để tra hỏi đều được ghi vào luật hình của người Việt, và nước Pháp từ khi chinh phục, đã dung dưỡng một cách khoan nhượng (theo nguyên văn) toàn bộ những tập tục đó, những thứ không xứng với nền đạo đức và văn minh của người Pháp » (G. Michel. *Tờ buộc tội đọc trước tòa đại hình Sài Gòn, ngày 11-11-1913*, vụ Phan Xích Long và ném bom ở Sài Gòn).

7. Mười ba năm sau khi thành lập Hội Duy tân, ở Hà Nội chỉ mới có 8 thương gia người Việt đối với 64 thương gia người Âu, 72 người Trung Hoa và 4 Ấn Độ; ở Hải Phòng, chỉ có 17 đối với 113 người ngoại quốc. (Georges Bouđarel, *Phan Bội Châu et la société vietnamienne de son époque* [PBC và xã hội Việt Nam thời ông], trong France-Asie/Asia 199, Paris 1969, tr.160).

8. Ngày 26-4-1913, tại khách sạn Hà Nội, anh thợ máy Nguyễn Văn Tuy ném một quả bom giết chết các thiếu tá Mongrăn và Sapuy; trước đó, ngày 13 đã có vụ anh tài xế Phạm Văn Trang mưu sát tuần phủ Thái Bình. Hội đồng đề hình Bắc Kỳ họp ngày 5 tháng 9-1913 đã kết án tử hình vắng mặt Phan Bội Châu và các đồng chí trong Hội: Cường Để, Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Bá Trác, Nguyễn Quỳnh Chi, thợ cơ khí Nguyễn Văn Tuy. Bảy người khác bị chém ngày 24-9-1913 trước nhà tù Hà Nội.

9. Trích dẫn trong Thu Trang, *Những hoạt động của Phan Chu Trinh tại Pháp 1911-1925,* Paris 1983, tr. 46-48.

Cho tới lúc ông mất vào năm 1926, Phan Chu Trinh không ngừng tố cáo việc bắt buộc tiêu thụ rượu và việc để mặc tự do hút thuốc phiện (một sở quan do Pôl Đume lập ra năm 1899) và vẫn không thay đổi dưới thời kỳ Mặt trận Bình dân với Bộ trưởng Thuộc địa Marius Mutê, thuộc Đảng Xã hội. Ông Mutê trước đó mới chỉ là nghị sĩ, đã lên tiếng bênh vực Phan Chu Trinh mà ông gọi là một người bạn. Ông Bộ trưởng này không phải là không biết những tai hại của hai thứ thuốc độc kia và cái « chính sách chụp mồi » (politique de proie) của chủ nghĩa thực dân, như tài liệu sau đây xác nhận :

> Số 3702 Võ Giàng ngày 17 tháng 9 năm 1935
> Quan tri huyện Võ Giàng hân hạnh thông báo cho các ông chánh tổng, xã trưởng và 13 ông trưởng khóm được biết việc sau đây: Qua văn thư số 313D ngày 13-9-1935 ông Tổng đốc cho biết là để tiêu thụ được thường xuyên hàng tháng lượng rượu do thượng cấp ấn định, mỗi làng phải dự trù một khoản tiền để mua lượng rượu đó; số tiền đó có thể trích ở công quỹ đối với những làng có ký gửi tại những Nông phố Ngân hàng; còn đối với những làng khác thì được phép lấy ra từ khoản tiền chuộc lại tiệc khao hoặc bán phẩm hàm để được cấp rượu.

Giuten Gôda do bộ trưởng Mutê phái đi diều tra ở Đông Dương năm 1937 báo cáo:

> Chính ở thuộc địa thuốc phiện được công khai tiêu thụ. Họ đã thu được lợi lớn. Hút thuốc phiện gây tác hại cho tới các loại người lao động hèn kém nhất. Các tiệm hút bình dân được phép mở công khai là những nơi nhớp nhúa, những hang ổ nhầy nhụa bẩn thỉu, bốc lên mùi hôi thối. Để vơ vét cho ngân sách người ta đã bán ở đây sự đồi trụy cho những con người mà lẽ ra vì sống trong điều kiện khốn khổ phải được bảo vệ tránh cho khỏi bị quyến rũ nghiện ngập.
> Cái cảnh những người nghiện kiệt sức, đau đớn khi cơn nghiện quật vào thân xác yếu ớt của họ, làm cho đầu óc của họ trống rỗng, cái cảnh đó

thật là bi thảm trong các xóm nghèo(AOM PA 2803).
Trong năm 1938, thu nhập thường xuyên của ngân sách Đông Dương lên tới 91.207.510 đồng, trong đó khoảng 1/7 là do bán 53 tấn rưỡi thuốc phiện (12.367.647 đồng), khoảng 1/13 là do thu thuế tiêu thụ 36 triệu rưỡi lít rượu quê (6.854.859 đồng) do 51 nhà máy rượu chế biến. (*Báo cáo tại Đại Hội đồng Kinh tế lý tài và Hội đồng chính phủ,* Hà Nội 1939).

10. Việc thả Phan Chu Trinh là nhờ ở Jules Roux, sĩ quan, cựu phái viên chính phủ ở Bắc Kỳ (1904-1909), sau đó thế chân ủy viên chính phủ (1910-1913) tại Tòa án binh thứ nhất ở Paris. Được giao nhiệm vụ điều tra trường hợp của Phan Chu Trinh, ngày 20-2-1915 Jules Roux đã can thiệp cùng chưởng lý Carong. « Ông ta, một con người mà thậm chí tôi phải phí bốn tháng trời để tìm hiểu tư tưởng trong lúc tôi lãnh sứ mạng chính thức gần gũi ông vào năm 1911, nay ta bỏ rơi ông ta trong lúc ông ta gặp thêm một hồi vận bĩ, thì nghĩ cũng có hơi thấp thỏi nhác hèn ».
Ông chưởng lý Carong nói tại sao tha Phan Chu Trinh và Phan Văn Trường là đúng lẽ phải, theo báo cáo của ông ngày 28 tháng 6 như sau: « Không tìm thấy một hành động chuẩn bị nào nhằm thực thi một âm mưu đối với hai phạm nhân nói trên. [Ta không nên] lầm lạc tạo nên một vụ án để buộc tội về khuynh hướng của người ta (procès de tendance) » (AOM, Slotfom III, 29).
Giữa Phan Chu Trinh và Jules Roux đã nảy sinh mối tình bạn hữu. Sau khi được tha, Trinh bầy tỏ tâm trạng bi quan của mình với Jules Roux trong một lá thư gửi cho J.Roux, đối với chính quyền thực dân: « Than ôi! Tôi chẳng còn hy vọng chút nào, những ước vọng của tôi đều tiêu tan » (Thu Trang, sđd. tr.81).

11. Daniel Hémery, *Ho Chi Minh, de l'Indochine au Viet Nam*, Paris 1991, tr. 42.

12. Mưu đồ của Đỗ Cơ Quang, hội viên của Hội Duy Tân của Phan Bội Châu, trù liệu cùng với các nhân viên Sở Hỏa Xa Vân Nam và lính tập ở Hà Nội rốt cuộc bị thất bại đẫm máu vào năm 1914.
Một năm sau vụ Đỗ Cơ Quang thất bại, vài chục người do Nguyễn Hải Thần và Hoàng Trọng Mậu, cũng trong Hội Duy tân, chỉ đạo tiến đánh đồn Tà Lùng (thuộc tỉnh Lạng Sơn) cũng bị thất bại vì thiếu phối hợp với bên trong. Hoàng Trọng Mậu bị bắt ở Hồng Kông ít lâu sau đó, bị giao trả cho Pháp rồi bị chém đầu ở Hà Nội.
Vào cuối năm 1914, 400 người Mán ở thượng lưu sông Hồng bất mãn với thực dân bắt họ nô dịch. Họ tin tưởng vào quyền năng thần bí của Trương Nhi Keo « chúa Mán và cũng là ông Hoàng của các Thần linh », họ dùng súng bắn đá tấn công các đồn tiền tiêu do lính tập người Việt đóng. Kết quả: 80 người bị chết trong chiến đấu, vua Mán bị bắt. Năm 1915, có nhiều nhóm loạn dân cảm mộ một thầy phù thủy nổi danh tấn công các đồn lính cảnh vệ người bản xứ quanh các vị trí của người Pháp ở Phú Thọ. (G. Coulet, sđđ, tr.18-19).
Năm 1916, ở Trung Kỳ Hội Duy tân của Phan Bội Châu nổi dậy : một cuộc bạo động non vào tháng 5, những người âm mưu phân phát chương trình về các quyền tự do dân chủ và cải cách thuế khóa; họ dựa vào sự hỗ trợ không chắc chắn của người Đức và tin tưởng nơi ông vua trẻ Duy Tân (16 tuổi), ông này tham gia bị bắt và lưu đày. Cuộc bạo động bị đàn áp tàn nhẫn: 16 người bị chém.

Ngày 24 tháng giêng năm 1916, tại Nam Kỳ, khoảng 150 đến 200 nông dân ở tỉnh Biên Hòa, vũ trang bằng liềm hái và vài khẩu súng, tấn công các nhà hội làng, nơi mà hương chức đang thu nạp những người« tình nguyện đi lính »; tù nhân khám Biên Hòa nổi dậy cướp súng lính gác rồi đi theo dân nổi loạn; bị lính tuần đuổi theo, tất cả biến hết vào rừng. Phong trào phiến loạn sôi nổi khắp trong 13 tỉnh (trong số 20 tỉnh) ở Nam Kỳ, sau cùng vào tháng hai, nổ lên cuộc đánh phá Khám lớn Sài Gòn trong đêm 14 rạng ngày 15 tháng 2 năm 1916, dân binh là những nông dân gia nhập hội kín Nghĩa Hòa, trong mình họ đeo bùa, họ tin đeo bùa thì đạn bắn không lủng, gươm đâm không phủng; họ toan giải thoát « Hoàng đế Phan Xích Long », bị giam từ năm 1913; họ sấp chiếm dinh thống đốc. Rất nhiều người bị đạn bắn gục. Ngày 21, 172 người bị xử tại Tòa án binh: 38 người bị xử bắn, những người khác bị đưa ra Côn Đảo. Tổng kết toàn năm 1440 nông dân chống đối hoặc bị tình nghi là có tư tưởng phiến loạn bị kết tội trong 70 « vụ âm mưu, hội kín, ám sát ». (G.Coulet, sđđ. tr.333,343).

Ngày 31 tháng 8 năm 1917, tại Bắc Kỳ, binh lính người Việt ở Thái Nguyên do Lương Ngọc Quyến khuyến khích đứng lên chống lại công sứ Đaclơ, tính bạo ngược đã làm cho dân chúng sợ hãi từ tám năm qua. Theo một báo cáo chính thức, từ 1 tháng giêng đến 31 tháng 8 năm 1917 có tới 660 tù nhân bị chết trong trại giam lao ở địa phương. Mọi lá đơn kêu ca phàn nàn gửi lên cho thượng cấp về những đòn tra tấn của Đaclơ đối với tù nhân và binh lính đều vô ích. Binh lính An Nam cướp lấy súng đạn, phá kho bạc, giết các viên chức người Pháp, giải thoát tù nhân rồi cùng nhau trốn vào rừng. Cuộc săn đuổi những người nổi dậy kéo dài hơn sáu tháng, hàng trăm người bị kết án tử hình hoặc tù giam. Đaclơ bị xử nộp phạt 200 forăng! « Nhà chức trách đã ban đặc ân cho y được giải chức để vào phục vụ cho Công ty Rượu Đông Dương nổi tiếng, một cơ quan đã chính thức tán thành việc áp dụng chế độ bắt buộc người bản xứ tiêu thụ rượu » (báo *Ami du Peuple* [Bạn dân] 14-9-1928).

13. Ngày 8 tháng giêng năm 1918, Wilson trong thông điệp gửi đến Hội nghị, đưa ra 14 điểm nổi tiếng. Điểm 5 liên quan tới qui chế các vấn đề thuộc địa, là phải làm sao để « quyền lợi của dân chúng (thuộc địa) cân bằng với những đòi hỏi công bằng của chính phủ đương sự để xác định về pháp quyền ». Ta hãy nhắc lại rằng ở Châu Âu lúc đó vấn đề dân tộc tự quyết đang nổi lên trong các chương trình nghị sự; Nga và Áo-Hung thực sự là những « Nhà nước của các Dân tộc » chứ không phải là những Nhà nước dân tộc (ở Nga có từ 25 tới 30 triệu dân là dị chủng); ngày 14 tháng 8 năm 1914, quận công Nicôla hứa sẽ khôi phục lại dân tộc Pôlôn « dưới uy quyền Nga hoàng », đúng vậy, nhưng Pôlôn có tôn giáo, ngôn ngữ và bộ máy hành chính riêng.
    Trong giới xã hội-dân chủ, vấn đề đó đã được bàn cãi từ trước khi chiến tranh nổ ra. Ngày 15 tháng 11 năm 1917 một sắc lệnh của chính phủ Ủy viên Nhân dân đã công bố quyền tự quyết của các dân tộc ở Nga và cả quyền lập ra Nhà nước độc lập. Ngày 5 tháng giêng năm 1918, Lloyd George, trong một bài diễn văn đọc trước các đại biểu các Công Đoàn, đã khẳng định mục đích của Đại Anh Quốc là đi đến chỗ giải quyết vấn đề lãnh thổ trên cơ sở quyền các dân tộc tự quyết.

14. Edouard Dolléans, *Histoire du mouvement ouvrier 1871-1936* (Lịch sử phong trào công nhân 1871-1936), Paris 1946, II tr. 282.

15. Nguyễn Ái Quốc, không hề là một nhà thơ, đã đặt những yêu sách thành một bài văn vần, Việt Nam yêu cầu ca, gửi cho đồng bào, kết luận bằng một lời hô hào, kêu gọi « nhân dân Pháp ưa chuộng công bằng » « chớ nên ngoảnh mặt đi »; ông nhắc lại sự hỗ trợ của người Việt đối với nước Pháp trong chiến tranh 1914-1918:

Việt Nam xưa cũng oai thiêng,
Mà nay đứng dưới thuộc quyền Lang sa
Lòng thành tỏ nỗi xót xa,
Dám xin Đại quốc coi qua chút nào.
(16 câu lục bát kể 8 điều yêu cầu...)
Việt Nam ta vốn một lòng,
Năm năm vẫn chịu trong vòng một vai.
Mấy mươi vạn chở sang Âu
giúp sức tùng chinh.
Người làm thợ kẻ làm binh,
Trong vòng nước lửa bỏ mình biết bao.
Máu nhuộm thấm khắp hào đất Pháp,
Xương chôn tràn dải cát Banh Kăn...
Biết bao thảm khổ nhọc nhằn,
Mà ta đã chút nỉ nằn chi nao!
Gian nan hiểm trở một lòng,
Cũng vì mong chút lẽ công trong đời.
Nay Đại Pháp gặp thời khánh hạ,
Nhân chúc mừng khắp cả đông dân,
Người vui chắc đã mười phân,
Nỡ nào ta lại mắc thân tôi đòi!
Người thì phải yêu nòi yêu nước,
Xem người Âu mà bắt chước bấy người Âu.
Người người ta cũng là người,
Người ta được chục mình mười mới hay.
Đồng tâm xin thấu tình cho.

Ký tên: Nguyễn Ái Quốc
56, rue Monsieur-le-Prince, Paris-6e.

Yêu cầu ca được đánh máy ra nhiều bản đề ngày 16-6-1919, và gửi cho nhiều tờ báo ở Đông Dương.

16 . D. Hémery, *L' immigration vietnamienne en France, de 1926 à 1930* (Người Việt di cư sang Pháp từ năm 1926 tới 1930), trong Le mouvement social (Phong trào xã hội) số 90, Paris 1975, tr.11.

17. Luận thuyết của Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ II, Môskơva tháng 7-1920.

Môskơva và những người cộng sản Pháp sẽ ủng hộ nền độc lập của nhân dân Việt Nam, cho tới khi ký hiệp ước Laval-Stalin tháng 5-1935, ta thấy lãnh tụ điện Koremlen sở cậy vào Nhà nước đế quốc Pháp, không còn ngó ngàn đến dân thuộc địa nữa và bỏ rơi công nhân Pháp.

18. *Đông Pháp Thời báo*, 23-3-1927.

19. Thu Trang, sđđ. tr. 135.

20. Về thuế máu này, trong chiến tranh 1914-1918, 887.400 dân các thuộc địa bị chuyên chở sang Pháp, trong đó có 80.000 dân Đông Dương; 350.000 người bị đưa đi làm việc trong các nhà máy quốc phòng. Theo điều tra năm 1918, trong số 36.715 người lao động Đông Dương, 25.236 người mù chữ. Tới ngày 1 tháng 7 năm 1919, số lao động Đông Dương ở Pháp còn 60.000 người; đến ngày 1 tháng 6 năm 1920 còn 19.000 người, trong thời gian đó đã có 41.000 người được trở về nước. (AOM, « Ghi chú về vựng tập Slotfom »). Bốn năm ở Pháp làm cho những người này ít nhiều thay đổi tánh tình; trở về làng, dưới con mắt hương hào thì những phu phen và lính tráng này là những phần tử làm đảo lộn trật tự và truyền thống. Năm 1931, Nguyễn Khoa Kỳ, tổng đốc ở Vinh, tuyên bố: Ngày nay, làng xã là nơi hỗn loạn vô chính phủ. Lính tráng từ Pháp trở về cùng những thanh niên ra khỏi trường học hiện đại đả kích uy quyền hào lý (AOM NF 363).

Về tên ký dưới bài văn phúng thích này, Nguyễn Ái Quốc (trở thành Hồ Chí Minh) đã tự kể lại là mình « không viết thạo tiếng Pháp nên đã nhờ Phan Văn Trường viết thay. Chính là ông Nguyễn (Ái Quốc) đã ký dưới các bài đó ». (Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, Hà Nội 1958, tr.35).

Hồ Hữu Tường kể lại:« Linh hồn của nhóm Ngũ Long này là Phan Chu Trinh. Khi viết báo chống thực dân, thì ý kiến thường do cụ Tây Hồ xướng ra, Nguyễn Thế Truyền, Phan Văn Trường và Nguyễn An Ninh thảo thành tiếng Pháp, và giao cho Tất Thành đem giao cho nhà báo với một bút hiệu chung.Về bút hiệu này, có một giai thoại kể ra buồn cười. Lúc ban đầu, các cụ chọn bút hiệu là Nguyễn Ố Pháp. Nghĩa là thằng Nguyễn ghét người Pháp. Tên này được độc giả Pháp hoan nghênh lắm, vì giọng nói dí dỏm đặc biệt của người Việt, lại thêm câu văn của Ninh và Truyền gọt giũa nên có duyên. Độc giả gửi thư đến nhà báo hỏi Nguyễn Ố Pháp là ai và tên ấy có nghĩa là gì? Các cụ buộc lòng phải dịch cho ngay tình. Các bạn phản đối cái tên cực đoan và dễ ghét, mà tiếng Pháp gọi là sô vanh (chauvin) và đề nghị đổi đi. Từ đó, bút hiệu Nguyễn Ố Pháp bị đổi là Nguyễn Ái Quốc. Về sau bốn vị kia tách ra, tên Nguyễn Ái Quốc còn lại riêng cho Hồ Chí Minh. » (Hồ Hữu Tường, *41 năm làm báo, Hồi ký*, Paris 1984, tr.18-19).

21. *Việt Nam Hồn*, số 7, tháng 7-1926 - AN F7 13409.

22. *La Nation Annamite* Số 2, tháng 8-1927.

Chương II

23. Léon Werth, *Cochinchine* (Nam Kỳ), Paris 1926, tr.52.
Bản chữ quốc ngữ trong Phương Lan, *Nhà cách mạng Nguyễn An Ninh*, Sàigon 1970, tr.12-33.

24. ntr. tr.160.
25. ntr. tr.162.
26. ntr. tr.35.

27. Đó là tại khách sạn Victoria trên đảo Sa Diện. Phạm Hồng Thái bị chết đuối tại sông Châu Giang khi chạy trốn. Hai tháng sau, Phan Bội Châu trở lại Quảng Châu « để dựng bia trên tấm mộ của người anh hùng ». Phạm Hồng Thái (31 tuổi) là hội viên Tâm Tâm Xã, một tổ chức có những người sáng lập chủ yếu là Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Lâm Đức Thụ, Lê Hồng Phong, một năm sau tổ chức này trở thành trụ cột của đảng Thanh Niên của Nguyễn Ái Quốc. Một giảng viên tại trường quân sự Hoàng Phố đã giúp Tâm Tâm Xã chế bom (Phan Bội Châu, sđđ. tr.211 vt).

28. Việc giáo dục đại chúng ở Đông Dương chỉ được chính phủ thuộc địa ban hành từng giọt, các số liệu sau đây ở Nam Kỳ chứng minh. Năm 1904, có 6.700 học sinh với 64 giáo viên người Pháp có bằng tú tài hoặc bằng trung học; 121 giáo viên bản xứ và 27 giáo viên các tỉnh; 20 năm sau có 72.809 học sinh (62.603 nam sinh và 10.206 nữ sinh) với 125 giáo viên người Pháp và 371 giáo viên bản xứ. 9/10 trẻ em trong độ tuổi đi học không được nhập trường vì không có lớp. Toàn quyền Mecle đã thú nhận vào năm 1924 là trong số hai triệu trẻ em trong độ tuổi đi học, các trường công chỉ đủ chỗ cho 200.000. (G.Garros, sđđ. tr.168).
Tú tài bản xứ không được Đại học Pháp công nhận. Người Pháp chỉ mở các trường Cao đẳng ở Hà Nội. Tại Sài Gòn trường trung học Sacxơlu-Lôba chia làm hai bộ phận: phân hiệu Âu chỉ nhận trẻ em Pháp và một số con cái viên chức, tư sản và địa chủ người Việt, trong khi phân hiệu bản xứ nhận vào học những con cái có khả năng của các gia đình người Việt: Phân hiệu Âu được tiếp nhận nền giáo dục trung học để thi tú tài chính quốc; phân hiệu kia sẽ thi tú tài bản xứ hoặc bằng trung học để có thể trở thành thư ký, thông ngôn hay giáo học, hoặc được nhận vào làm những công việc cấp thấp trong bộ máy hành chính thuộc địa và những chức vụ trong các xí nghiệp của Pháp. Lớp thanh niên bản xứ thuộc các gia đình giàu có muốn tiếp tục theo học tại Pháp, phải được phép của toàn quyền phê chuẩn vào sổ đại học (nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921). Phải kèm theo đơn 11 giấy chứng nhận chính thức (nghị định ngày 1-12-1924) (Xem D. Hémery, *L'émigration vietnamienne,* tr.5).

29. Georges Garros, *Forceries humaines*, Paris 1926, tr.179.

30. *Đông Pháp Thời báo*, 25 tháng ba - 15 tháng tư 1925.

31. Trung Kỳ và Bắc Kỳ, xứ bảo hộ chứ không phải thuộc địa, dưới quyền cai trị của các quan lại do triều đình Huế bổ nhiệm, theo các điều luật Gia Long; bên cạnh

bộ máy cai trị bản xứ có các ông sứ Pháp kiểm soát. Chính quyền thực dân Pháp thành lập Viện Dân biểu năm 1920, tại hai xứ bảo hộ này, đấy là loại hội đồng tư vấn bản xứ; việc bầu cử do các cử tri có đóng thuế đủ mức (địa chủ, hào lý, tư sản). Tổ chức này có ngăn trở phần nào chế độ độc đoán của triều đình nhưng chẳng có lợi ích gì đối với quần chúng. Sau này Raymond Poncarê, trong báo *Excelsior*, có viết: « Các hội đồng bản xứ được mệnh danh một cách long trọng là Viện Dân biểu, chỉ tồn tại về mặt hình thức ». (L. Roubaud, sđđ. tr.268).

32. Phan Chu Trinh, *Đạo đức và Luân lý Á Châu và Âu Châu*, Saigon 1926.

33. *Quân chủ và dân chủ*, Hanoi 1926.

34. *Việt Nam Hồn*, số 2, tháng 2 năm 1926.

35. ntr. số 6, tháng 6-1926.

Chương III

36. L. Sabatiê, công sứ ở Đắc Lắc, đã kể lại trong *Le Serment du Darlac* (Lời thề ở Đắc Lắc, Hanoi 1930):«Trong giai đoạn phồn thịnh tiếp sau cuộc thế chiến 1914-1918, các nhà tư bản tìm cách đầu tư. Sự phì nhiêu của đất đỏ được công nhận, và những đồn điền rộng lớn bao phủ miền đất đỏ Nam Kỳ. Thêm nữa, đất vùng Tây Nguyên hầu như toàn bộ đều là một thứ đất đỏ như vậy. Những kẻ thăm dò đã quyết định giành lấy mảnh đất ở Pleiku, thuộc phía Bắc Đắc Lắc, nơi mà chính phủ đã nhường lại cho họ vô số đất mà không màng gì đến quyền lợi và tương lai của người bản xứ ».
   Sabatiê nhắc nhở dân miền núi rằng bổn phận đầu tiên của họ là phải giữ gìn đất đai của họ, khai khẩn hợp lý, không được nhượng lại « cái lưng của tổ tiên ». Những kẻ xin chuyển nhượng và những người có khả năng đầu tư đã tiến hành mãnh liệt tiến công chống lại Sabatiê; chính quyền đề nghị ông bớt khăng khăng trong việc chấp thuận chuyển nhượng đất cho bọn ấy. Ông biện giải hành động của ông lên khâm sứ ở Huế bằng cách nhắc lại việc bọn khám sát chiếm đoạt nhiều vùng đất đai tốt của dân Giarai ở Kontum và người Việt ở Trung và Bắc Kỳ. Vào tháng 3-1926 Sabatiê được lệnh rời khỏi Đắc Lắc và không được trở lại đó nữa. Sự thất bại của Sabatiê cũng là sự thất bại của dân miền núi: đất đai sở hữu của cha ông mấy đời để lại trở thành mồi ngon cho bọn kinh doanh đồn điền lớn.

37. Diễn văn đọc ngày 14-4-1856 nhân dịp kỷ niệm châu niên tờ *The People Paper* (Maximilien Rubel, *Marx, critique du marxisme* [Mac phê phán chủ nghĩa Mac], Paris 1974, tr.441).

38. Đánh đập, giam hãm, bỏ đói, « thái độ chủ nô của những tên chủ tá người Âu » (lời biện lý Đuyporê) đã gây căm hờn trong lòng phu phen đồn điền, oán hận xuối họ

nổi dậy chống trả vì bởi họ không thể hủy giao kèo, hoặc chạy trốn mà không sao thoát được, tình cảnh ấy khiến họ huạc tự tử hoặc giết người. Trong tập tiếng Pháp *Giai cấp vô sản tại các đồn điền cao su miền Nam Việt Nam, 1927-1937*, (Paris 1975) Pierơ Bơrôsơ đã kể lại diễn biến ngày 26 tháng 9 năm 1927, vụ mưu sát giám thị Môntêil khét tiếng tàn bạo, tại đồn điền Misơlen ở Phú Riềng, do những người phu đông mưu đã thề sống chết có nhau. Trong số 100 phu, có 70 người bị bỏ tù, những người khác bị chết dần trong rừng sâu hoặc vì chống lại bọn đao phủ của họ, hoặc bị thú dữ ăn thịt hoặc bị chết đói.

Tờ *Đuốc Nhà Nam* ngày 26-3-1929 kể lại là những phu được xét hỏi tại vụ án đều công bố là họ đã bị giám thị Môntêil đánh đập thâm tím bằng roi vọt, đá bằng đế giầy, chứng cớ thật hiển nhiên. Trong số phu nổi dậy ba người bị bắn chết, sáu hoặc bảy người khác bị thương nặng. Trần Duy Tú, người cầm cốt bị xử tử, mấy người khác bị khổ sai chung thân.

Tờ trình của ông Đơlamarrơ

Ông Đơlamarrơ, thanh tra chính trị, điều tra trong sở cao su Mimôt, ngày 27-28 tháng ba 1928. Sở nầy ở Cao Miên gần ranh bắc Nam Bộ, culi toàn là người Bắc. Theo đây dịch qua những đoạn chính trong tờ trình chính thức:

Chủ sở nói với tôi về giở làm, 5 giờ rưỡi điểm danh, 6 giờ khởi đi, làm đến 11 giờ ngưng ăn cơm, 12 giờ rưỡi làm lại đến 5 giờ chiều.

Nhiều người culi khai rằng họ thức dậy 3 giờ khuya, 4 giờ tựu tập. Số người độ một ngàn, chắc chắn không thể khởi hành trước 4 giờ rưỡi; trưa ngưng thật 1 giờ rưỡi, nhưng họ nói chạng vạng tối mới được trở về trại.

Theo lời ông chủ sở, tính ra 10 giờ lao động, từ 5 giờ rưỡi sáng tới 5 giờ chiều. Chổ làm xa 5 hay 6 kilômét, người culi kể cả giờ làm cùng giờ đi tất cả 11 giờ hay 11 giờ rưỡi.

Tiền công, tiền chận lại, tiền cúp phạt

Giao kèo ba năm, tiền công đàn ông 40 xu một ngày, đàn bà 30 xu, ngày nghỉ không có lương. Trong số đó người ta chận lại tiền gạo, tiền cho mượn trước, tiền cúp phạt, người culi chỉ lảnh được 3 đồng bạc mổi 15 ngày làm, hoặc 4 đồng nếu đã huờn xong tiền mượn trước (người ta thấy độ một năm mới trả xong). Với số ấy làm sao người culi có thể mua thêm đồ ăn uống, hoặc áo quần cùng những món đồ dùng cần thiết ?

Mổi người culi cần thức ăn trung bình dưỡng độ 3000 calori. Với phần gạo ăn hằng ngày 600 gơram mổi người chỉ được 2300 calori, thiếu 700 calori. Song người culi không phải là cái máy nghề nông hể đổ gạo vào là chạy được. Người thiếu ăn dễ vướng bịnh, nhứt là rét rừng, dễ thất chí, giám thị đốc xuất không màng bị đánh đập. Trước mắt các êkíp chỉ có ba giải pháp: đào tẩu, nổi loạn hoặc chết mòn vì bịnh hoạn. Tháng hai vừa qua, 280 người culi đào tẩu trốn thoát.

Nhà ở

Culi ở trong mười cái nhà dài lớn, vách bằng tre đương, nóc lợp lá hoặc bằng thiết tôl dợn sóng (tôle ondulée). Nhà cất hai hàng song song nhau, mổi bên năm cái, ở giữa chừa một khoảng đất trống rộng rãi. Mổi nhà có thể chứa lối trăm người. Bên

trong, dài theo chiều mổi vách ngăn một cái sập giường bằng tre đương, mấy người culi cũng dùng những phẹn tre mà sấp xếp thành những căn phòng nho nhỏ.
Nóc nhà không đủ kín mít; nóc lợp lá dừa không đủ dày nên có một vài chổ dột. Nóc lợp thiết tôl, chổ hai mái nhà ráp lại trên nóc, không có miếng tôl xấp lại che kín, để hở ra một khoảng trống rộng cở bàn tay, nước mưa lớn tuôn vào ở đó. Hơn nữa, nhà cất ngay trên mặt đất, nước mưa trên nổng tràn vào nhà biến nền đất ra bùn lầy, tôi tin chắc như vậy khi tôi viếng đồn trại nầy ngày 26 buổi sáng sau một cơn mưa lớn. Chỉ đấp nền nhà thêm chút ít và đào mương xung quanh khóm nhà cho nước chảy là xong. Xung quanh khóm nhà, thật dơ bẩn: vô số ruồi muỗi.

Nước uống và tắm rửa
Toàn thể culi đều kêu gào thiếu nước. Trước cửa mổi cái nhà lớn, về nước uống dự bị chỉ có một cái thùng thiết một chứa nước. Sớm mai culi đi chở nước về; buổi chiều, sau khi đi làm về, họ phải đi chở nước cần thiết. Họ về tối quá, sau số giờ làm đăng đẳng, thì họ do dự đi xuống đồi rồi gánh nước leo lên cái dốc 65 thước.
Thiếu nước, muốn tắm rửa, họ phải xuống đến mội nước ở chân đồi, thế nên họ ở dơ, nhiều người đầy ghẻ chốc, chí rận trên đầu cùng khấp thân thể. Trong các vùng truyền bịnh rét rừng, những người khởi vướng mà tắm nước lã thì tức khắc phát sốt rét: culi họ cho là bị nước độc nên không tắm nữa? Ngoài ra, những trường hợp bịnh ỉa chảy mà tôi đã chứng kiến ở Mimôt, nước mội dưới chân đồi phải chăng bị nhiễm vì culi không có nhà tiêu, họ ỉa xuống những lổ đào dọc theo đường triền đi xuống mội.

Hành hạ, trừng phạt đánh đập
Culi than trách bị dần dật bạo tàn ngược đãi đăc biệt nhất là giám thị Verhelst cùng bọn cai dưới quyền của y. Ngày 21 tháng ba, sau khi điểm danh khoảng 4 giờ rưỡi 5 giờ, lối mươi hai người culi trốn đi bị bắt lại, bị bắt nằm sấp dài trước mặt những người culi tề tựu, rồi theo lịnh d'Ursel chủ sở, bọn cai và giám thị đánh mổi người 20 roi cá đuối. Sự việc nầy ông d'Ursel nhìn nhận trong khi ông khai với tôi ngày 28 tháng 3. Chính Verhelst nói lại với tôi, culi họ không có cho tôi biết trong khi diều tra.
Đêm sau cuộc hành hạ nầy, ba người culi, người Băc trốn đi. Chỉ một mình Lê văn Tạo số 649, bị bắt lại liền. Tạo nguyên quán làng Cu Thông, huyện Cầu Giang (Hải Dương) ,33 tuổi, cố thân để gởi tiền về nuôi vợ và ba đứa con ở lại ngoài Băc. 11 giờ đêm, Verhelst ra lịnh dựa lưng Tạo vào một cây cột ở hàng ba, hai tay còng tréo sau cây cột, để người culi đứng như thế suốt đêm. Sáng mai, 22 mars, trời chưa sáng, Verhelst dẫn Tạo hai tay còng ra trước đám culi tề tựu để điểm danh dưới ánh đèn dầu lửa. Y ra lịnh tên cai êkip của Tạo nắm chơn còn một người nữa nắm tay dở Tạo lên khỏi mặt đất, quần bị tuột đi, Verhelst tự tay đánh 26 đòn bằng roi cặt bò, những dấu toét thịt chảy mủ khi tôi khám người culi ngày 27 tháng 3. *Lê văn Tạo sau khi bị đánh liền bị tống đi làm không băng bó.*

Verhelst đánh đòn
ba người đàn bà -một người có thai
Ngày 23 tháng 3, gần cuối ngày, tại sở làm xa làng Đông độ 2 kilômét rưỡi, thùng

nước do một người culi gánh bằng thùng thiết đem đến cho người làm uống, nước đã hết. Vài người trong đám người làm ở đây khát nước, bỏ làm để đi uống nước. Dọc đường, họ gặp Verhelst đàng kia đi lại, họ bị y bắt dẫn trở lại sở làm. Sau khi điều tra, y thả những người có xin phép đi uống, rồi giữ lại 3 người đàn bà, Nguyễn thị Tương số 9, 21 tuổi, vợ tên cai Nguyễn Văn, hiện đang học y tá ở nhà thương Kompong Cham; Nguyễn thị Liên số 1021, góa chồng, 30 tuổi, có bầu 6 tháng; Nguyễn thị Nhơn, 36 tuổi, mẹ 3 đứa trẻ, và tên trai trẻ Nguyễn văn Ty, số 312, 19 tuổi.
Verhelst ra dấu bảo họ nằm sấp xuống đất, rồi với một con roi mây lớn bằn ngón tay cái chổ tay cầm có vấn giây thép, y đánh trên mổng đít rồi tới trên bấp đùi ba người đàn bà mổi người 10 roi. Nguyễn văn Ty bị 20 roi. Verhelst khai rằng y chỉ đánh mổi người đàn bà 3 roi, còn Ty 10 roi. Song theo y sĩ khám sát thì mổi người đàn bà thật ra bị ít nhất là 10 roi, còn Nguyễn văn Ty 20 roi, có một chổ da bị toét lằng dài 5 phân, ngang 2 phạn rưỡi. Trần văn Chi số 281, là người gánh nước cùng tên cai Nguyễn văn Bút, số 288, chứng kiến việc đánh đập ấy nhận chắc số roi mà mấy người tố cáo đã khai. Bốn người bị đánh quả quyết Verhelst đã dùng cái đầu roi có vấn giây thép mà đánh họ. Sự nầy, người gánh nước Trần văn Chi chứng thực (Báo *La Résurrection* số 1, Paris tháng chạp 1928).

39. K. Marx và F. Engels, *Lời nói đầu bản tiếng Nga Tuyên ngôn Cộng sản*, 1882.

40. E. Dolléans, sđđ tr.337, theo bản báo cáo ghi tốc ký về Đại hội Đệ tam Quốc tế Cộng sản, lần thứ hai, tr.21-45, Pêtrogơrad 1921.

41. Quan niệm về đảng công-nông xuất phát từ Stalin khi y nói với những người cộng sản ở Phương Đông và Viễn Đông trong *Các vấn đề về chủ nghĩa Lênin* , Môskơva, 1924.

42. Alfred Rosmer (1877-1964), trước giặc 1914-1918, vận động nghiệp đoàn cách mạng. Bạn thân của Trôtski, chống chiến tranh. Trở thành đảng viên cộng sản sau Hội nghị ở Tours, chủ bút báo Humanité từ đầu năm 1922. Qua 1924 vì đối lập, bị khai trừ khỏi ĐCS và Đệ Tam Quốc tế. Năm 1929, xuất bản tờ *La Vérité* (Sự thật), cơ quan Liên minh cộng sản (Đối lập. Chính tại nhà A.Rosmer ở Périgny, năm 1939, các đồng chí nhóm Đại hội thành lập Đệ tứ Quốc tế. Trước tác: *Le mouvement ouvrier pendant la guerre de 1914-1918* (Phong trào thợ thuyền trong trận chiến tranh 1914-1918); *Moscou sous Lénine* (Môskơva dưới thời Lênin).

43. Maurice Paz (1896-1985), luật sư thuộc đảng xã hội, thuộc ĐCS Pháp sau Đại hội Tua 1920; nhập phái đối lập 1923. Qua năm 1927, sáng lập nhóm « Contre le courant » (Chống trào lưu), rồi trở lại Đảng Xã hội năm 1931.

Chương IV

44. Louis Marty, *Contribution à l'histoire des mouvements politiques en Indochine française* (Góp vào lịch sử các phong trào chính trị ở Đông Dương thuộc Pháp), Hanoi 1930-1935, Tập I, tiếng Pháp.

45. AOM NF 332.

46. *Tạp chí Cộng sản*, Hanoi, tháng 2-1983, tr 40.

47. *Dân ước* là bản dịch những chương I đến chương V của Quyển I *Le Contrat social* của J.J. Rousseau, mở đầu bằng nhận xét cay đắng: « Con người sinh ra là tự do, nhưng ở mọi nơi họ đều bị cùm xích ». Nguyễn An Ninh kết thúc bản dịch này bằng lời diễn đạt hy vọng sẽ có người tiếp tục dịch ra.

48. AOM Slotfom III 48.

49. *Đuốc Nhà Nam* số 71, 26-3-1929.

50. ntr. số 94,14 - 5- 1929.

51. Do Tôn Dật Tiên đặt ra nhằm giành chính quyền bằng quân sự. Nguyên tắc đầu tiên, Dân tộc, nhấn mạnh sự cần thiết phải chấm dứt những nhượng bộ liên tiếp của triều đình Mãn Thanh đối với yêu sách của ngoại quốc trong chiến tranh Nha phiến và những nhượng bộ khác cho nước ngoài. Nguyên tắc Dân quyền là một giai đoạn quá độ trong đó quần chúng khốn khổ và thất học sẽ được giáo dục và hướng dẫn dần dần họ tham gia chính quyền, không cần phải bạo động cách mạng. Nguyên tắc thư ba, Dân sinh, liên quan tới kinh tế, dự kiến và « hạn chế tư bản » (việc bóc lột công nhân phải được giới hạn) và « bình quyền về đất đai » (Cách nào cho những chủ đất từ trước đến giờ khỏi bị thiệt thòi).

52. L Marty, sđđ. Q.II

Chương V

53. Hội nghị Đảng Bônsơvic lần thứ 13, tháng giêng 1924, lên án Trôtski về luận thuyết cần thiết phải có một luồng tư tưởng mới trong đảng. Trôtski bị loại ra khỏi Bộ chính trị trong năm 1924. Phái Đối lập tổ chức năm 1925 nhằm phản đối ý kiến của Stalin đưa ra dự định có thể thiết lập xã hội chủ nghĩa trong một xứ một. Năm 1927, khi Trôtski chỉ trích việc đưa đảng Cộng sản Tàu phụ thuộc vào Quốc dân đảng, liền bị loại ra khỏi ban Trung ương rồi bị khai trừ ra khỏi đảng. Cuối cùng, năm 1928, Trôtski bị đày đến Alma-Ata, thủ đô xứ Kazăctăn rồi bị trục xuất khỏi nước Liên Sô ngày 20 tháng giêng năm 1929.

54. Harold Isaacs, *La tragédie de la Révolution chinoise 1925-1927* (Bi kịch của cuộc cách mạng Trung Hoa 1925-1927), Paris 1979, tr.79.

55. *Nghiên cứu lịch sử*, số 132, Hanoi 1970, dẫn trong cuốn Huỳnh Kim Khánh, *Vietnamese Communism* (chủ nghĩa cộng sản Việt Nam) 1925-1945, Cornell University Press 1982, tr. 66.

56. 208 số ra ngày 21 tháng 6 năm 1925 cho tới tháng 5 năm 1930. Không có bản gốc, chúng tôi phải sử dụng bản dịch của mật thám Pháp (AOM Slotfom V, 16).

57. Nhà Nguyên và nhà Minh do Nguyễn Ái Quốc nêu ra là hai triều đại Trung Hoa thời kỳ 1206-1368 và 1368-1548. Một bia đá của người Chàm ghi khắc, xuất thổ ở Biên Hòa (Nam Kỳ) còn ghi rõ kỷ niệm về người Việt tước đoạt người Chàm: « Trong số con dân người Chàm, vị đứng đầu trưởng lão đã phải nuốt nước mắt vì người Việt sai khiến họ. Nhục nhã thay xứ sở của chúng ta! Con dân người Việt điều khiển người Chàm như khiến trâu! ». (Antoine Cabaton, *L'inscription Chàm de Bien Hoa*, trong BEFEO, Hanoi 1904).

58. Tờ khẩu cung « *Déclarations dernières de Nguyen Dinh Tu* » (Những lời khai cuối cùng của Nguyễn Đình Tú) tại sở mật thám Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 9 năm 1929 (AOM, NF335 d2690). - Xem thêm L. Roubaud, *Viet-Nam, la tragédie indochinoisse*, Paris 1931, tr. 56-89.

59. Trường sĩ quan Lục quân này do Tưởng Giới Thạch lãnh đạo, sau thời gian ở Nga từ tháng 7 năm 1923 để nghiên cứu những phương pháp chiến tranh của Hồng Quân. Chu An Lai, người của ĐCS Trung Hoa, phụ trách chính trị của trường. Học sinh bước đầu được nghe giảng về chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Dật Tiên.
Theo báo *Tempo*, vào đầu năm 1925, có hai giảng viên Nga và mười giáo viên Trung Hoa dạy ở đó; khóa học kéo dài tám tháng đối với học sinh thường xuyên, và 5 tháng đối với học sinh là công nhân và nông dân. Bôrôdin phụ trách các bài giảng về những vấn đề xã hội. Vào ngày 1 tháng giêng 1925, trường có 570 sinh viên, trong đó có 5 người Triều Tiên và 3 người Việt, và có 150 học viên là nông dân và công nhân Tàu. Mỗi tháng trường tiêu tốn 30.000 đôla, hai phần ba số đó do Nga cung cấp (AN F7 13409). Vào tháng 4 năm 1928 đã có hàng trăm học sinh Việt Nam. một số do Nguyễn Hải Thần, bạn chiến đấu của Phan Bội Châu, giới thiệu; khi ra trường họ là thiếu úy và được sung vào các đơn vị quân đội Trung Hoa (AOM Slotfom III, 115). Lâm Đức Thụ, Lê Hồng Sơn, Lê Quang Đạt, thuộc đảng Thanh Niên, đã từng dạy ở đó trước khi Tưởng Giới Thạch ra lệnh lùng bắt cộng sản (L.Roubaud, sđd. tr.64).

60. Mạng lưới liên lạc đặt ở Móng Cái, tỉnh địa đầu, Hoàng Hữu An là chủ một cửa hiệu, làm trạm vượt biên giới cho những người lưu vong; tại Hải Phòng, vợ Lâm Đức Thụ trông coi một hiệu sách; tại Hà Nội là quán ăn Thuận An, phố Hàng Bông, là hiệu Hợp Thành phố Hàng Đào, là khách sạn Phúc Lợi gần ga; tại Huế có cửa hiệu Ngô Nhu; tại Phnôm Pênh có cửa hàng tạp hóa Hợp Thành do Nguyễn Công Truyền người bà con của Lâm Đức Thụ quản lý (*L'Ami du Peuple* [Bạn Dân] ngày 3 tháng 5 năm 1930, AN F7 13406).

61. H. Isaacs, sđđ. tr.98.

62. ntr. tr.105.

63. ntr. tr.331.

Chương VI

64. AOM 7F55; *L'Echo annamite, La Dépêche d'Indochine, L' Impartial*, ngày 17, 18 và 19 tháng 7 năm 1930.

65. *Thanh Niên*, 23-9-1929.

66. L. Roubaud, sđđ. tr.99. Người ta ngỡ ngàng vì cái tên ký dưới là Việt Nam Cộng sản Đảng, một tên gọi chỉ có từ sau Hội nghị hợp nhất ở Hồng Kông ngày 3-2-1930. Có lẽ Roubaud nhầm với An Nam Cộng Sản Đảng hay Đông Dương Cộng Sản Đảng chăng?

67. AOM Slotfom III 48.

68. *Bôn-sê-vic* số 5, tháng 12 năm 1934, do D. Hémery dẫn trong *Révolutionnaires vietnamiens...* tr.53.

Chương VII

69. AN F7 13167 và L.Roubaud, sđđ. tr.17.

70. L.Roubaud, sđđ. tr.143-144.

71. Andrée Viollis, *Indochine S.O.S*, Paris 1935, tr. 204.

72. L. Roubaud, sđđ. tr.12.

73. Vào năm 1929, một nhóm đồng chí đối lập với ĐCS Pháp cùng Quốc tế Đệ tam , tập hợp quanh Alforêđơ Rôsmer, Raymônd Môliniê, Pierơ Navilơ, Giêra Rôxăntal, Pierơ Forănc... Ngày 15-8, họ cho ra mắt tờ tuần báo *La Vérité* (Sự thật) và tuyên bố trong số 1: Mọi xu hướng tư tưởng khác nhau trong phái tả cộng sản đều có thể trình bày trong cột báo. Vào tháng 4 năm 1930, Liên minh có từ 200 đến 300 chiến hữu. (Theo Jean-Jacques Marie, *Le Trotskysme*, Paris 1977).

Chương VIII

74. Chương trình hành động của ĐCS Đông Dương năm 1932 chữ quốc ngữ được bí mật lưu hành dưới hình thưc một tập mỏng khổ nhỏ, *Chuyện tình non*. (Xem bản dịch tiếng Pháp đăng trên tạp chí *Partisans* số 48, Paris 1969, tr. 56-69).

75. L. Trotski, *La révolution permanente* (Cách mạng thường trực), Paris 1964, tr. 228 vt.

76. Thư viện tư liệu quốc tế hiện đại, B.D.I.C. Nanterre, F*455.

77. Chính văn tiếng Anh, trong *International Socialist Review*, New York, tháng 9 - 1973, do Sophie Moen dịch ra tiếng Pháp.

Chương IX

78. Ban Hội tề là cơ quan hành chánh làng xã dưới triều đại cũ, có quyền tự quản lớn đối với chánh quyền trung ương. Ban Hội tề gồm khoảng hơn mười hương chức, được tuyển chọn trong số những người có học, giàu có và/ hoặc có đạo đức, họ là cơ sở hành chính của chính quyền thực dân ở nông thôn. Sau đây là những chức sắc chủ yếu:

Hương Cả: người nhiều tuổi và giàu có nhất trong làng, đứng đầu ban Hội tề.

Hương Chủ: người phó của Hương Cả.

Hương Giáo: phụ trách giảng giải về lễ nghi, tập quán.

Hương Sư: một người có học vấn cao nhất, làm cố vấn trong những công việc khó khăn phức tạp và giữ gìn thuần phong mỹ tục.

Hương Trưởng: tương tự như Hương Sư nhưng kém vai vế.

Hương Chánh: cố vấn về tư pháp và có kinh nghiệm của làng xã, xuất thân từ Hương Thân hay Hương Hào.

Hương Thân: phụ trách giấy tờ sổ sách, có khả năng giải thích các công văn giấy tờ của cấp trên.

Hương Hào: phụ trách về an ninh.

Hương Quản: phụ trách cảnh sát chung trong làng.

Hương Lễ: trong coi về lễ nghi tế tự.

Xã Trưởng, hay Thôn Trưởng, hay Lý Trưởng: người do ban Hội tề đề cử và được chính quyền chấp nhận, cùng với Hương Thân và Hương Hào lập ra sổ danh bộ và sổ thuế bộ. Cả ba người trên chịu trách nhiệm về mặt hợp pháp hóa giấy tờ văn bản. Phải qua chức xã trưởng này trong vài năm mới có thể chiếm địa vị cao hơn.

Hương Bộ hay Thủ Bộ: giữ các giấy tờ lưu trữ của làng.

Biện Lại: thư ký do làng đài thọ để giúp việc cho các vị hương chức.

Các chức sắc nhỏ hơn như những ông Trùm, ông Trưởng, làm những nhiệm vụ như chạy giấy tờ, văn thư, v.v... (Xem G.Coulet, sđđ.).

Ban hương chức họp tại đình làng - một ngôi nhà làm bằng gạch lợp ngói đối với những làng khá giả, hoặc một ngôi nhà lá đối với những làng nghèo - và xử những vụ vi phạm nhỏ. Hình phạt bị đánh đòn, người bị phạt, bị bắt nằm sấp và đánh ngay tại sân nhà làng.

79 . Giới địa chủ hợp thành một tầng lớp hữu sản ở nông thôn, số người rất ít, lại chiếm giữ phần lớn ruộng đất nhưng lại không tự tay cày cấy mà thuê tá điền; họ sống nhờ vào địa tô và cho vay nặng lãi.

Nông dân giàu hay phú nông là những chủ điền đất nhỏ, họ tham gia cùng với công nhân nông nghiệp khai thác đất đai của họ; Trung nông là những người tự tay cày cấy ruộng đất, không thuê nhân công; Bần nông hay cố nông là những người chỉ có

chút ít ruộng đất không đủ để nuôi sống gia đình và phải đi làm thuê như hàng triệu người không ruộng đất.
Theo Y. Henry, *L'économie agricole de l'Indochine* (Kinh tế nông nghiệp ở Đông Dương), Hanoi 1932, tại Trung Nam Kỳ và Tây Nam Kỳ, diện tích ruộng đất canh tác năm 1930 có tới 2.400.000 hecta, thuộc 255.000 địa chủ. Loại địa chủ có từ 50 ha trở lên – 2,5% trong toàn số người có ruộng đất – chiếm 45% diện tích nói trên. Trung nông và bần nông (những nông dân có từ 5 ha ruộng đất trở xuống)–71,7% trong toàn số người có ruộng đất – chỉ làm chủ 12,5% diện tích trên.
Số diện tích còn lại (42,5% - trừ 2,5% diện tích thuộc công điền công thổ) thuộc về phú nông (có từ 5 đến 10 ha) và địa chủ nhỏ (từ 10 đến 50 ha).
Tận miền tây Nam Kỳ là nơi có nhiều đại điền trang, mênh mông cò bay thẳng cánh. Trần Trinh Huy, con cháu của nhà đại phú Trần Trinh Trạch, đã khoanh vùng để làm sân bay cho máy bay riêng của mình tại vùng Cà Mau. (P.Brocheux, Những đại điền chủ ở miền Tây Nam Kỳ, trong *Tradition et révolution au Vietnam* [Truyền thống và cách mạng ở Việt Nam], Paris 1971, tr.147).
Ở Bắc Kỳ, ngoài 37% diện tích ruộng đất do địa chủ nắm giữ, 1.200.000 ha đất cày và trồng trỉa bị chia nhỏ đến cùng cực. Chỉ riêng tỉnh Bắc Ninh đã có tới một triệu rưởi mảnh ruộng (mỗi ha có tới 14 mảnh). Trong tỉnh Thái Bình, 253 địa chủ lớn chiếm giữ 24.280 ha (trong đó 14.280 ha ghi danh trong địa bạ tên những chủ đất cũ bị tước đoạt và trở thành tá điền trong các điền trang), trong khi 122.000 gia đình nông dân nghèo chỉ có tổng số là 21.960 ha, mỗi nhân khẩu có chưa tới 0,36 ha.
Ở Trung Kỳ, đất đai cũng bị chia nhỏ như ở Bắc Kỳ, nhất là tại miền Bắc và Trung, nơi mà 65% số gia đình không có được 50 are (1/2 ha) ruộng đất để sống, buộc phải đi làm thuê như những nông dân ở Bắc Kỳ. (Ch. Robequain, *L'Indochine française*, Paris 1935, tr. 109). « Người nông dân Trung Kỳ luôn luôn là một nông nô của một chúa đất lớn hay nhỏ » (L. Roubaud, sđđ. tr.189). Địa chủ chiếm 24,6% diện tích canh tác.
Trong cả ba Xứ đều có một hình thức sở hữu tập thể theo truyền thống. Làng xóm nào cũng có công điền, công thổ: 20% đất đai ở Bắc Kỳ, 26% ở Trung Kỳ và 2,5% ở Nam Kỳ vào thời Pháp thuộc. Các vua Gia Long và Minh Mạng đã ấn định chặt chẽ quyền hưởng dụng những công điền công thổ qua những chỉ dụ năm 1803-1804 và 1840 như sau: công điền công thổ phải được chia « đều » qua từng thời kỳ cho các dân làng để cày cấy, không được chuyển nhượng và chỉ có thể đem cho thuê trong một thời hạn rất ngắn trong trường hợp « cần kíp » để phục vụ lợi ích công. Một chiếu chỉ của Minh Mạng là giảm nhẹ tình cảnh của nông dân nghèo là buộc các nông dân giàu phải tặng 3/10 đất đai của họ cho làng xã (lệnh này bị toàn quyền Pháp bãi bỏ năm 1897). Chính quyền thuộc địa đã không lưu ý tới tính chất xã hội của cái thể chế này là « tài sản tập thể (nhằm) tránh cho cá nhân khỏi rơi vào tình cảnh khốn khổ tuyệt vọng » (Schreiner, *Institutions annamites* [Những thể chế của người Việt], II, 289, do Edgar Mathieu trích dẫn trong *La propriété foncière et ses modalités en droit annamite* [Sở hữu ruộng đất và những thể thức về luật của người Việt], Paris 1909, p.76), làm cho ruộng đất công thường trở thành mồi ngon cho các hào lý và điền chủ lớn sau cuộc chinh phục. « Tại sao chỉ còn lại có 2,5% đất công ở Nam Kỳ, trong khi mà trước cuộc chinh phục của chúng ta ở miền Tây Nam Kỳ, các làng xã sở hữu đất đai của họ, làng xã là chủ toàn bộ tại một số vùng lân cận với

Cao Miên? » (Jobbé Duval, *La Commune annamite*, tr. 42, do E.Mathieu trích dẫn, sđđ. tr. 75.) Rồi trong thời kỳ thuộc địa, đất công được đem cho thuê theo kiểu đấu thầu, vì thế người nghèo không với tới được.

Sau đây là tình cảnh của tá điền tại Nam Kỳ trong những năm ba mươi: «Tá điền bị chủ đất bóc lột nặng nề. Quả thực là tá điền đã quen với việc vay trước chủ đất về thóc để ăn hoặc để làm giống (với lãi suất 100% trong mười tháng đối với những khoản vay nhỏ), vay tiền để trả công cho những lao động phụ (với lãi suất khoảng 5% mỗi tháng; nếu trả bằng thóc thì lãi suất còn nặng hơn), mượn trâu (phải trả từ 10 đến 25 giạ lúa – mỗi giạ khoảng 40 lít thóc), và để thuê nhà. (Như thế chủ đất) sẽ lấy trước một phần mùa màng trên 40%, có khi tới 70%. Tá điền nào không van nài xin những khoản cho vay trước như thế sẽ bị đối xử tệ và có cơ bị đuổi việc. Phần lớn tá điền thuê vào khoảng 5 ha ruộng, với diện tích đó mà chỉ giữ lại được có 30% lúa gặt mùa thì thật khó mà nuôi sống bản thân và gia đình. Do đó tá điền đành phải vay trước chủ đất; và vì anh ta không thể trả được bằng tiền hay bằng thóc nên phải lấy sức lao động bù vào hoặc phải mắc nợ nặng hơn. Từ đó, anh ta trở thành một nông nô trong tay chủ đất, sai bảo làm việc theo ý muốn và mức độ độc đoán của chủ đất chỉ dừng lại khi thấy tá điền bị dồn tới chỗ phải bỏ trốn. Những tá điền nào chỉ thuê một hai hecta ruộng thì phải đi làm mướn thêm, như đi đốn củi, v.v. » (P.Gourou, *L'utilisation du sol en Indochine française* (Việc sử dụng đất đai ở Đông Dương thuộc Pháp), Paris 1940, tr. 282).

Thêm vào đó, những ngày lễ tết ở nhà gia chủ, theo tập tục « cống lễ », tá điền phải đến giúp việc và mang đồ lễ tới.

Việc cho vay nặng lãi đã gặm nhấm xã hội Việt Nam ở mọi cấp độ; nó sản sinh ra một chế độ nô lệ vì nợ thực sự. Ta hãy mượn một số chi tiết của Gourou. Người cố nông không có ruộng đất mà đi vay 1 đồng thì thường phải trả bằng 10 ngày công, mà đáng lẽ ra 10 ngày lao động đó anh ta kiếm được 2 đồng rưỡi. Anh ta cũng có thể trả nợ chủ bằng cách sai một hay vài đứa con đến làm việc tại nhà chủ. Theo lối cho vay « bạc góp », một món vay 10 đồng thì hàng ngày phải trả 0$40 trong vòng ba mươi ngày, như vậy làm cho chủ nợ lợi thêm 2 đồng, do vậy lãi suất hàng năm là 240%. Còn lối « vay bạc ngày, vay cắt cổ » thì 1 đồng bạc vay buổi sáng buổi chiều phải trả lãi 0$10, nghĩa là với lãi suất hàng năm là 3.650%.

Nếu một tiểu chủ ở nông thôn muốn vay 100$ trả bằng thóc thì trong vòng ba năm, mỗi năm phải trả từ 80 đến 100 giạ thóc (mỗi giạ giá 1$ vào năm 1937). Những khoản vay lớn có bảo đảm bằng động sản hay khoản bảo chứng thường là do người Sét-ti (Chàvà Ấn Độ) và người Tàu đảm đương).

Chính là bằng cho vay lãi, chiếm đoạt và lũng đoạn ít nhiều có sự đồng lõa của chính quyền thực dân mà các địa chủ cứ mở rộng thêm đất đai làm hại tầng lớp tiểu nông. Ta hãy dẫn ra đây một mưu toan tước đoạt trong vụ Đồng Nọc Nạn ở Nam Kỳ (Phong Thạnh, Bạc Liêu) khởi đầu ngày 16 tháng 2 năm 1928, với việc giết hại bốn thanh niên nông dân và một nữ thanh niên, là anh chị em, do hai lính Pháp cùng với những lính dõng người Việt tới để tịch biên lúa thóc hoa lợi của họ. Gia đình phản ứng lại bằng dao búa và một lính Pháp bị thương đã chết ngày hôm sau, do đó có vụ án. Vụ bê bối này gây xúc động lớn trong dư luận người bản xứ và vào tháng 8, tòa thượng thẩm Sài Gòn đã phải thả những nông dân bị cưỡng đoạt. Một Bài Vè Nọc Nạn đã được lưu

truyền để ghi nhớ năm nạn nhân đã lấy cái chết của mình chống lại sự bất công. (AOM NF 1586, 2397, *La Tribune Indochinoise,* 17 tháng 8 năm 1928).

80. *La Dépêche d'Indochine*, 27 -5-1930.

81 . ntr., 24-6-1930. Sau đây là điều khoản 91 bộ luật hình có thay đổi theo sắc lệnh ngày 4-10-1927 qui định những hoạt động gọi là « âm mưu lật đổ » (manoeuvres subversives): Điều khoản 91 của bộ luật hình tại Đông Dương được bổ sung bằng những qui định sau đây: Những hoạt động hay hành vi có tính chất gây nguy hại cho an ninh công cộng hoặc gây rối loạn nghiêm trọng về chính trị, gây hận thù đối với chính quyền Pháp hoặc chính quyền được nước Pháp bảo hộ, gây phạm luật lệ của xứ sở, đều bị đưa ra tòa tiểu hình xét xử và phạt tù từ 1 đến 5 năm. Ngoài ra các phạm nhân sẽ có thể bị tước toàn bộ hay một phần những quyền nêu trong điều 42. Từ đó điều khoản 91 ghê tởm này được áp dụng không những đàn áp dân biểu tình, cùng những chiến sĩ chính trị mà còn tù đày cả các nhà viết báo.

82. Luật đặc biệt áp dụng đối với người bản xứ ở thuộc địa, *Code de l'Indigénat* (giảng trong Trường Thuộc địa đào tạo các quan cai trị tương lai) « hạn định hình phạt người bản xứ ở mức 15 ngày tù và 100 forăn tiền phạt » về 16 vi phạm, trong đó có điều không nộp thuế và không chịu làm sưu dịch (E.Osenna, *L' Exposition coloniale*, Paris 1988, p 49). Luật ấy ban hành tại Nam Kỳ theo sắc lệnh ngày 25-5-1881 và sắc lệnh ngày 31-5-1892, là một «chế độ đặc biệt» giao cho các quan chủ tỉnh «những quyền xử phạt rộng rãi», mà thông thường thuộc quyền các quan tòa. Các chủ tỉnh có thể ghép tội bất kỳ người Việt nào 5 ngày tù và 15 forăn tiền phạt chỉ vì chậm nộp thuế thân.
Trên mặt giấy, chế độ nầy đã bị hủy bỏ ở Nam Kỳ theo sắc lệnh ngày 6 tháng giêng năm 1903, nhưng Bộ trưởng thuộc địa Alơbe Sarô báo cáo tổng thống Cộng hòa ngày 13-9-1932, rằng «các quan chủ tỉnh, ngoài phạm vi lãnh thổ thành phố Saigon, vẫn tạm thời giữ quyền áp dụng để hình phạt người Việt không phải công dân Pháp và những người châu Á đã đồng lõa với họ» (*Journal officiel* (Công báo) ngày 17-9-1932). Và cái tạm thời của ông Sarô vẫn tồn tại cho tới khi chế độ thống trị của người Pháp chấm dứt.

83. *La Dépêche d'Indochine*, 7-10-1930.

84. ntr. 22-10-1930. Mặc dù số lượng không đông đảo, giai cấp vô sản vừa mới thức tỉnh đã bắt đầu làm cho xã hội thực dân lo lắng. Theo Thống kê Đông Dương năm 1928, các xí nghiệp người Pháp đã thuê khoảng 22 vạn người làm công ăn lương –86.000 người trong các ngành kỹ nghệ, vận tải, thương mại; 81.000 người trong các đồn điền cao su và các đồn điền nông nghiệp khác; và 53.000 người trong các hầm mỏ – (trong đó có 19.000 người Việt). Đó là chưa kể những số chưa thống kê được trong giới thợ thuyền, phu phen và đầy tớ, v.v. làm việc trong các xưởng công nghệ và thủ công của người Tàu và người bản xứ. Ở đồng ruộng, hàng triệu công nhật tức là vô sản nông nghiệp phân tán, thức tỉnh chính trị đã lôi cuốn nông dân nghèo đứng lên đấu tranh cùng họ trong phong trào 1930-1931.

85. ntr. , 5-1-1931.

86. D.Hémery, *Révolutionnaires vietnamiens...* sđđ. tr.55.

87. AOM 7F 35.

88. *Báo cáo của Ủy ban điều tra những sự biến ở Bắc Trung Kỳ*, AOM NF 332.

89. A. Viollis, sđđ. tr. 68.

90. *La Dépêche d'Indochine*, 3-6-1931.

91. A. Viollis, sđđ. tr. 131.

92. ntr. tr. 150-151.

93. AOM NF 2827, do P.Brocheux dẫn trong *Histoire de l'Asie du Sud-Est* (Lịch sử Đông Nam Á), Lille 1981, tr. 257-258.

94. AOM NF 332.

95. ntr. NF 333.

96. A. Viollis, sđđ. tr. 56.

97 Hoàng Văn Hoan, *Giọt nước trong biển cả*, Bắc Kinh 1986, tr.69.

98. AOM, Slotfom III 59.

99. *Etudes vietnamiennes* số 59, Hanoi 1979, tr. 101.

Chương X

100. Bằng chữ quốc ngữ trong báo *Tranh Đấu*, 9-2-1939.

Chương XI

101. L.Marty, sđđ. IV 29.

102. *La Dépêche d'Indochine*, 1-5-1933.

103.A:Viollis, sđđ. tr.185.

104. *L' Opinion* , 4-5-1933.

105. *La Dépêche d'Indochine*, 2-2-1933.

106. AOM 1036.

Chương XII

107. Ba chục năm sau cuộc đàn áp khủng khiếp tiếp theo Công Xã Paris năm 1871, các lực lượng thợ thuyền tập hợp lại trong tổ chức CGT (Tổng Liên đoàn Lao động). Trong Đại hội lần III tại Amiens năm 1906, những nguyên tắc chủ nghĩa công đoàn cách mạng, hình thành từ năm 1902, đã khẳng định trong một bản quyết nghị nổi tiếng gọi là *Hiến chương Amiens*, và đây là những điều chủ yếu:« Yêu sách hàng ngày chỉ là một mặt của sự nghiệp công đoàn; nó song song cho việc chuẩn bị giải phóng hoàn toàn giai cấp vô sản. Chiến thuật là hành động trực tiếp (nghĩa là không qua nghị viện) với đỉnh cao là tổng bãi công. Trong tương lai (sau cách mạng), công đoàn sẽ là các nhóm sản xuất và phân phối, cơ sở để tổ chức lại xã hội. Công đoàn tuyên bố không dính dáng gì đến mọi đảng chính trị và các phái triết học. Công đoàn cách mạng chủ nghĩa cũng tự biểu thị như một hệ thống toàn vẹn, đối diện các tổ chức khác, xu hướng xã hội và vô chính phủ. Chỉ tổ chức này là duy nhất có khả năng đảm bảo quyền lợi cho giai cấp công nhân ngày nay và cũng là tổ chức duy nhất có khả năng hướng dẫn giai cấp công nhân trong tương lai đi tới hoàn toàn giải phóng cho mình. Thế nên về mặt hình thức nó mang tính chất đối lập với mọi đảng phái. Lập trường này của công đoàn chủ nghĩa cách mạng đã được duy trì và khẳng định trong mọi trường hợp cho mãi tới cuộc chiến tranh (1914-1918)» (Alfred Rosmer, *Le mouvement ouvrier pendant la guerre, de l'union sacrée à Zimmerwald* (Phong trào công nhân trong thời gian chiến tranh, từ liên minh thần thánh cho tới Zimmerwald), Paris 1936, tr.21-22).

108. *L' Impartial,* 18-9-1933.

109. D.Hémery, *Révolutionnaires vietnamiens ...*, sđd, tr.76.

Chương XIII

110. *La Dépêche d' Indochine*, 13-6-1936, có in chụp bản chữ quốc ngữ của tờ truyền đơn.

111. AN PA28 c2.

112. ntr. -

113. Thư của toàn quyền Pagès gửi cho Moutet ngày 28-5-1937, AN PA28 c3.

114. Tại Pháp, sau Đế chế thứ Hai, những Văn phòng công nhân không có qui chế chính trị được tự do mở. Sau Công xã Paris thất bại, thợ thuyền bị đàn áp khủng khiếp thì tổ chức đó không còn nữa. Thiers đã viết về ngày 22 tháng 5 năm 1871 như sau: « Mặt đất dẫy đầy xác thợ thuyền; cảnh tượng khủng khiếp đó sẽ là những bài học.»

Tuy nhiên, phong trào tự vệ của công nhân lại nảy sinh theo nhịp độ công nghiệp hóa trong xứ. Vào năm 1876 và 1878, đại hội ở Paris rồi ở Lyon hàng trăm đại biểu các địa phương tập hợp bàn về những vấn đề kinh tế và nghiệp đoàn (người ta đã đề khởi ngày làm 8 giờ).

Các chính phủ định khuất phục phong trào bằng cách hợp pháp hóa. Chính quyền sẽ cho phép nghiệp đoàn hoạt động nếu các nghiệp đoàn công bố tên và địa chỉ của các đoàn viên. Nhiều cuộc tranh luận dông dài, kết thúc bằng đạo luật ngày 21 tháng 3 năm 1884: « từ nay các nghiệp đoàn có thể được thành lập tự do, không cần xin phép chính phủ, với những điều kiện sau đây: trình qui chế và ghi danh những người lãnh đạo và quản lý ». (Những người trong ban quản trị phải là người Pháp có quyền công dân, các nghiệp đoàn có thể có các động sản cần thiết để hội họp, có thư viện, lớp dạy học về nghề nghiệp). Giới lao động bàn cãi rất gay go đạo luật này. trong năm đó đại hội công nhân ở Lyon lên án là « cái bẫy giăng ra để gài người lao động ».

Vào tháng ba năm 1937, toàn quyền Đông Dương nghiên cứu đạo luật trên nhằm áp dụng tại thuộc địa. Ngày 17 tháng 6, tờ *Tranh đấu* chào mừng và cho biết đề án thảo ra từ đạo luật đó. Ngày 21, toàn quyền Bơrêviê công bố chống lại « việc bàu cử những đại biểu công nhân thường trực vì họ rất có thể nhanh chóng trở thành những kẻ kích động khuấy rối bên trong nhà máy». Ông ta đã chấm dứt cuộc đình công của ngành đường sắt xuyên Đông Dương bằng cách cấm các đại biểu.

Chương XIV

115. AOM Slotfom III 59.

116. *Giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ 1936-1939*, Hanoi 1975, tr 292.

117.*Tóm tắt lịch sử Đảng Lao Động Việt Nam 1930-1975*, bản chữ Pháp, Hanoi 1976, tr. 20 vt.

118. Xem 81. Điều khoản 91 của bộ luật hình trừng phạt « những vụ toan tính, âm mưu và những vi phạm chống lại chính quyền Nhà nước và sự toàn vẹn lãnh thổ quốc gia ». Theo sáng kiến của toàn quyền Varen, Bộ trưởng Thuộc địa Periê bổ sung bằng hai sắc lệnh ngày 4-10-1927 để đàn áp ở Đông Dương, trong đó « những điều khoản được áp dụng đối với dân bản xứ và người Á châu thuộc quyền tài phán của Pháp ». Sắc luật thứ hai đặc biệt để trừng phạt «đại tội và thường tội vi phạm trong báo chí hoặc qua các phương tiện in ấn », khẳng định ở điều 13:

« Việc sản xuất, lưu trữ, in ấn, rao bán , phân phối, trưng bầy hoặc chiếu hình vẽ, khắc họa, tranh, biểu hiện, hình ảnh, ảnh chụp, bài viết, bài in, phim ảnh, kính ảnh có chiếu sáng, có thể chạm tới sự bất tôn trọng chính quyền Pháp ở Đông Dương và các chính quyền bản xứ do Pháp bảo hộ, sẽ bị phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm và một món tiền phạt từ 100 đến 3000 fơrăn hoặc một trong hai hình phạt trên. Phạm thượng đối với quan toàn quyền, đối với các vương hầu được bảo hộ, thê thiếp của họ, bề trên của họ, con cái của họ, các hậu và các thế tử tức vị, đều bị phạt theo những hình phạt trên.»
(*La Dépêche d'Indochine*, 18 tháng 9 năm 1937).

Chương XV

119. Vùng Phước long (Rạch Giá), ngày 3 tháag 9 - 1938, khoảng 1500 dân cư làng Vĩnh Phú, Vinh Lợi, Vĩnh Quới, Mỹ Quới, phần đông là đàn bà và trẻ con kéo nhau dến quận Phươc Long xin cầu cứu than đói và không tìm được việc làm. Chủ quận Trinh phát cho người nầy 5 xu, người kia 10 xu, nhận 64 người đàn ông để vét mương gần bên chợ trả 0,60$ một ngày. Qua mấy ngày sau, 700 người được tạm thâu 0,57$ một ngày, còn 500 người khác không được nhận. Ngày 10, ông Trinh đuổi hết 700 người rồi cáo bịnh khóa cửa văn phòng...
Nông dân miền Tây tột mức cùng khổ, náo động nhiều nơi như ở Cổ Cò, Phong Thạnh, tỉnh Sóc Trăng - Bặc Liêu. Ở Cổ Cò, độ một trăm dân đói, phần đông là người Khome, đàn bà và kỳ lão, kéo đến đồn điền Lê văn Châu toan khai vựa lúa.
Ở Bặc Liêu, trong một tuần lễ, dân nghèo chiếm lối mươi vựa thóc. Ngày 15 tháng 9, bốn chục tá điền của Dương Khanh kéo đến quận để cáo tên nầy đã thâu đoạt hết lúa mùa của họ. Nhưng chủ quận Giá Ray, quan chức nào dám đá động đến quyền tài sản tư hữu thần thánh. Qua ngày 6 tháng 10, tên đại điền chủ Dương Khanh xám mặt trước cảnh 300 dân đói già có trẻ có, lao nhao đàn bà trẻ con, ùng đến khai vựa thóc của y khuân ráo 500 giạ lúa chứa ở đó.

Giữa thị xã Cà Mau, 500 nông dân đói biểu tình ngày 4 tháng 10 kêu cứu, bị lính táo bạo giải tán, nhiều chiếc xuồng bị đắm, nhiều nông dân bị thương. Đại biểu của họ bị bắt. Nhiều người buôn bán động lòng mua cả thúng bánh mì phân phát cho dân đói. Một bà điền chủ bố thí độ một trăm đồng bạc.
Ngày 7 tháng 10, lính giải tán 400 nông dân ở Rạch Rang, và bắt 45 người trong khi họ khai vựa lúa của Lý Chiêu. Ở Long Tron, 300 dân đói kéo đến vựa lúa của xã Thiêng, nhưng bị lính giải tán. Tại Cái Cung, 400 nông dân mở vựa lúa của bà Nguyễn Xon... Từ 6 tới 8 tháng 10, nông dân Phước Long (Rạch Giá) thu hồi lúa trong các đồn điền người Pháp Savary, Hoareau, Caussin, Fernand Godara.
(*La Dépêche d'Indochine*, 19, 28/ 9 và 8, 11/10-1938)
Liền theo đó, tòa án Rạch Giá nhóm ngày 12 tháng 10, kêu án 45 nông dân Phong Phú từ 1 đến 2 năm tù, về tội « phạm quyền tư hữu tài sản », 27 người 1 năm tù, 3 người 8 tháng và 3 người 8 tháng. Cũng tòa án ấy kêu án 41 anh dân cày Mỹ Hội từ

2 tới 6 tháng tù. (*Tranh đấu,* 22 tháng chạp 1938).
Phóng viên báo Tranh đấu cùng ba nhà báo khác ở Sài Gòn đến diều tra trong vùng đều bị bắt giam ở Bặc Liêu từ tháng 10, họ bãi thực làm reo đến tháng giêng 1939 mới được thả.

120. Jacob Moneta, *Le PCF et la question coloniale 1920-1965* (ĐCS Pháp và vấn đề thuộc địa 1920-1965), Paris 1971, tr.130.

121. AOM Slotfom III 59.

122. ntr. III 29: Trích dẫn bản chữ quốc ngữ *Thay lời anh bạn Bắc Giang đáp lại phái Stalin*, kèm theo bức thư của toàn quyền Bơrêviê gửi cho Bộ trưởng Thuộc địa ngày 18-5-1938.

123. AOM NF 330.

124 . Sự cáo buộc vô lý. Trôtski quan tâm tới vấn đề nông dân từ năm 1919. Vào tháng 2 năm 1920, khi còn đấu tranh trong nội bộ đảng cộng sản, Trôtski đã đề nghị với Ban trung ương nên hủy bỏ chế độ trưng thu lương thực thừa mà người nông dân cảm thấy như một sự áp bức và làm cho họ không muốn sản xuất thêm quá mức nhu cầu của gia đình, do đó phương hại tới cơ sở của chính sách lương thực của đất nước. Sau đó người ta thay thế chế độ trưng thu bằng một chế độ hợp lý hơn, không thô bạo, đó là thuế lũy tiến, dù rằng có tính tỷ lệ theo số thu hoạch nông nghiệp cũng làm lợi cho nông dân hơn và khuyến khích họ mở rộng việc trồng trọt và chăn nuôi. Đồng thời người ta cũng chú ý cung cấp cho mỗi một đơn vị sản xuất những sản phẩm công nghiệp hữu dụng tương đương với số sản phẩm lương thực mà nông dân giao. Một năm sau, Lênin cũng đưa ra đề nghị tương tự tại Bộ chính trị và Ban trung ương bắt tay vào nghiên cứu, nhưng ngày 3 tháng 3 năm 1921 nổ ra cuộc lính thủy nổi dậy ở Cơronstadt. Từ nhiều tuần Pêtrôgơrad« không được tiếp tế lương thực nữa.

Chương XVI

125. Trong khi quân Đức chiếm phía Tây Pôlôn thì cũng trong tháng 9 ấy quân Nga thu phục miền Đông. Nếu như quân đội Hitler nhập Paris ngày 14 tháng 6 năm 1940, thì ngày 15 binh lực Stalin xâm chiếm các nước vùng Bantic, và từ đầu tháng 7, vào Bêxơarabi.
Kèm theo hiệp ước đó là ba thỏa ước về kinh tế ký ngày 4-10-1939, 10-2-1940 và 10-1-1941. Theo thỏa ước thứ nhất, Nga sẽ cung cấp cho Đức nguyên liệu và cho sử dụng đường sắt để vận chuyển hàng hóa tới các nước Rumani, Iran, Afghanistan và Viễn Đông. Theo thỏa ước thứ hai, Nga đảm bảo cung cấp 9.000.000 tấn dầu mỏ, 100.000 tấn bông, 500.000 tấn quạng sắt, 300.000 tấn sắt vụn, 2.400 kilô bạch kim, manganese ...
Tám ngày sau đó, báo *Pravda* (Sự Thật) viết rằng tất cả các thỏa ước giữa Đức và

Nga « phù hợp hoàn toàn quyền lợi dân chúng toàn các xứ »! Dự án thứ ba trù liệu cho năm sau, cung cấp cho Đức 5 triệu tấn lúa mì và cho Đức sử dụng các đoàn tầu ...

126. *La Dépêche d'Indochine*, 20-9-1939.

127. AOM NF 1820. Báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ gửi Toàn quyền ngày 30-11-1939.

128. AOM 7F26. *Notes mensuelles sur les activités subversives en Cochinchine, oct. et nov. 1939* (Ghi chú hàng tháng về những hoạt động khuynh phúc ở Nam Kỳ, tháng 10 và 12 năm 1939, tài liệu Sở mật thám).

129. *Điện Tín*, 31-10-1939.

130. AOM NF 1820. Báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ đd.

131. AOM 7F26, *Ghi chú hàng tháng* ..., tháng 12-1939 và tháng 3-1940 (Tài liệu Sở mật thám).

132. *La Dépêche d'Indochine*, 10,11, và 17-4-1940.

133. ntr. 24-5-1940.

134. Những con số dẫn ra bao gồm 5.848 dân làng khả nghi hoặc những người bạo động bị bắt (con số chính thức), sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tháng 11-1940. AOM 7F 27.

135. Hồ Hữu Tường bị giam ở Côn Nôn từ 1940 đến 1944 kể lại:
«Trong khám nhốt tôi, lúc ấy cũng nhốt Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Tạo, Lê Doãn, có một anh thợ rèn, người gốc Biên Hòa, tên là anh Soái, có biệt tài thuộc lòng chữ một bộ *Phong Thần* và *Tây Du*. Cả khám nằm thin thít, mà nghe anh đọc lại truyện. Thú vị nhất là mổi lần có một vị tiên xuất trận, thì anh ngâm bài thi với một giọng ông đồ ở nhà quê, nghe rất mùi tai.
Chuyện đọc truyện khởi từ khám của tôi. Sau lan tràn tất cả khám. Một hôm, có ai báo cáo gian không biết, nói rằng tụi chánh trị mổi đêm tổ chức diễn thuyết có thằng Tây gác dan, mà anh em thường gọi là thằng Tây quần rình...Tại sao chúng tôi gọi thằng Tây đó là Tây quần? Bởi vì khi ra ăn cơm nó buộc ai nấy phải cởi trần truồng như nhộng vì nó muốn kiểm soát khi vào khám, chẳng ai lén giấu theo một cục sỏi nhỏ, hay một cái lá rụng, một cọng cỏ để xỉa răng. Hễ ai lơ đểnh, mà trước khi đi ra, còn mang cái quần đùi, thì nó đè đánh một trăm roi liền... Hôm ấy, thằng Tây quần rình bên khám của Dương Bạch Mai nghe thấy ai nấy nằm im thín thít mà nghe một tiếng nói thao thao, nó đề quyết là đương diễn thuyết chánh trị, mở cửa vô, kéo ra từng người, đánh mổi người năm mươi cây củi đòn lớn, rồi làm báo

cáo buộc tội tất cả các khám đương tổ chức chuẩn bị phá khám vượt ngục. Kết quả là đám chúng tôi bị biệt giam luôn hai năm, sau bị còng cẳng chín mươi ngày. Và kết quả tai hại nhứt là sau chuyến còng cẳng đó là một cuộc truyền nhiễm bịnh ỉa chảy tràn lan, báo hại số anh em chánh trị thuần túy hơn sáu trăm, mà chết liệt sạp, chỉ tồn còn một trăm hai mươi lăm mạng.» (Hồ Hữu Tường, *Hồi ký*, Paris 1984, tr.152).

Dưới đây là lời chứng năm 1946 của thiếu tá Têsêyrơ, trước kia cai quản banh Côn Nôn, khai trước Ban điều tra về những trách nhiệm ở Đông Dương:

« [Dưới chánh phủ Đơcu] có 5000 tù ở ngục Côn Nôn. Trong tháng tôi mới đến, thì có 172 người chết, trội hơn chút ít số trung bình người chết trong một năm trước kia. Những tù chánh trị khổ sở vô cùng, chịu đựng ít nổi hơn thường phạm vặm vở hơn họ. Khám banh 3 dành riêng cho họ, sức chứa mổi gian khám là 20 hoặc 30 người, tôi thấy trong đó đến 110, 120, 130 người. Một y sĩ người Đông Dương khai với tôi rằng có khi một buổi sáng, ông thấy 5 xác chết trong banh tù chánh trị. Nhựng người tù chánh trị không chịu nổi chê độ ăn uống, họ thuộc trình độ cao hơn người thường phạm, họ là điền chủ, kỷ sư, đốc tơ. Lúc ấy có độ 1500 đến 2000 tù chánh trị. Khi tôi đến, vấn đề quan trọng hơn hết là vấn đề tù chết, nhứt là tù chánh trị. Họ vong mạng một cách liệt sạp. Họ bị nhốt chen chúc trong những gian khám nhơ nhớp bẩn thỉu. Họ không được đi ra ngoài, đó thì các ông thấy, về phương diện vệ sanh! Họ có một cái thùng bằng gổ, người ta xối ụp nước vào đó. 390 người bịnh ỉa chảy trong banh tù chánh trị chỉ có một cái gáo để múc ngay nước ấy; chỉ một người bịnh ỉa chãy rớ vào nước không trong sạch ấy thì đủ làm cho nó truyền nhiễm. Rồi sáng mai, luôn luôn chúng ta có thêm số người chết » (G. Chaffard, *Les deux guerres du Vietnam*, Paris 1969, tr.115)

136. L.Trotski, *The USSR in war* (Liên Sô tác chiến), trong Defense of Marxism (Bảo vệ chủ nghĩa Mac), New York 1942, tr.14.

137. Pierre Broué, *Trotski*, Paris 1988, p 947.

Chương XVII

138. AOM 7F 27: *Notes sur l'activité des intrigues politiques de tendances subversives dans les milieux indigènes de Cochinchine pendant les mois de novembre et décembre 1940* (Ghi chú về những hoạt động của các âm mưu chính trị có xu hướng khuynh phúc chánh phủ của người bản xứ ở Nam Kỳ trong tháng 11 và tháng chạp năm 1940).
139. Các đội tự vệ ở khu vực cơ sở là: tiểu đội gồm 5 người; 3 tiểu đội họp thành trung đội; 3 trung đội thành một đại đội, 3 đại đội thành một đội khu (135 người) và toàn thể các đội khu trực thuộc tổng đội. Tổng chỉ huy tự vệ của khu vực. (Xem L.Marty, sđđ. IV tr. 83).

140. Bouchar, *Rafales sur l'Indochine* (Những trận cuồng phong thổi Đông Dương), Paris 1946, p 71.

141. Philippe Franchini, *Continental Saigon* (Nhà hàng Continental ở Sài Gòn) Paris 1977, tr.112.

142. Jean-Marie Hertrich, *Độc Lập*! Paris 1946, tr. 22.

143. Paul Isoart, *Indochine française 1940-1945* (Đông Dương thuộc Pháp 1940-1945), Paris 1982, tr.13.

144. Xứ Ủy nhanh chóng tổ chức lại, triệu tập một cuộc họp quan trọng vào ngày 21 và 22 tháng giêng năm 1941. Xứ ủy khởi phát hành tờ báo bí mật *Giải phóng* sót 1, rồi một nghị quyết lên án những kẻ « chịu trách nhiệm » về sự thất bại của cuộc khởi nghĩa. Xứ ủy kết án tử hình hai người, trong số đó bí thư cựu xứ ủy và bí thư liên tỉnh Cần Thơ, tuyên bố khai trừ khỏi đảng ba ủy viên xứ ủy và một ủy viên tỉnh ủy Sóc Trăng. (AOM 7F 27, *Ghi chú những hoạt động ...*, tháng 2 năm 1941).
Bí thư xứ ủy bị kết án tử hình là Lê Văn Khương tức Mười Đen. Bản án không hành quyết được vì mật thám đã bắn chết Khương trong một cuộc lục soát ngày 14 tháng 5. (AOM 7F 27 ntr. tháng 6 năm 1941).

145. Sđđ. tr. 493 đến 495.

Chương XVIII

146. Amiral Decoux, *A la barre de l'Indochine* (Cầm lái thuyền Đông Dương), Paris 1949, tr. 404.

147. ntr. tr. 188.

148. ntr. tr. 232.

149. ntr. tr. 149 và 162.

150. Yane Werner, *The Caodai, The Politics of a Vietnamese syncretic religious movement* (Đạo Cao Đài, Hoạt động chính trị của một tôn giáo hỗn hợp ở Việt Nam), Cornell University 1976; A.M.Savani, *Le Caodaisme* (Đạo Cao Đài), 1966, C.H.E.A.M., Paris; Lalaurette (thanh tra chính trị) và Vilmont (tỉnh trưởng Tây Ninh), *Le Caođaïsme*, 1932-1933 (AOM).

151. A M. Savani, *Notes sur le Phật Giáo Hòa Hảo*, 1966, C.H.E.A.M., Paris.

152. ntr. tr.11. Chúng tôi không tìm được nguyên văn nên mô dịch theo bài dịch tiếng Pháp.

153. Đức Huỳnh Giáo Chủ (Huỳnh Phú Sổ), *Sâm Giảng*, *Khuyến Thiện,* Sài Gòn 1948, tr 4.

Chương XIX

154. Hoàng Văn Hoan, sđđ. tr. 127.

155. Ph.Devillers, *Histoire du Vietnam de 1940 à 1952*, Paris 1952, tr. 110.

156. *Những sự kiện lịch sử Đảng*, Hanoi 1976, tr. 540-541.

157. ntr. tr. 355.

158. ntr. tr. 586.

159. Ph.Devillers, *Paris-Saigon-Hanoi, les archives de la guerre 1944-1947*, Paris 1988, tr. 59.

160. J.-M. Pedrazzani. *La France en Indochine, de Catroux à Sainteny* (Nước Pháp ở Đông Dương từ thời Catroux đến Sainteny), Paris 1972, tr. 111.

161. Hoàng Văn Hoan, sđd., tr. 246.

162. Ph. Devillers, *Paris-Saigon-Hanoi*, tr.39 vt.

163. ntr. tr. 63.

Chương XX

164. Trích dẫn do Masaya Shiraishi, La présence japonaise en Indochine (Người Nhật hiện diện ở Đông Dương), trong *L'Indochine française 1940-1945*, tr. 231.

165. Trần Trọng Kim, *Một cơn gió bụi,* Saigon 1969, tr. 91.

166. *Cách mạng Tháng Tám*, Hanoi 1960, II tr. 220-221.

167. *Tạp chí Cộng sản*, 2-1983, Hanoi, tr. 50.

168. Bà Phương Lan, *Nhà cách mạng Tạ Thu Thâu*, 1906-1945, Saigon 1974, tr. 392 vt.

169. *Cách mạng Tháng Tám*, tr. 243.

Chương XXI

170. N.Van, *Un procès de Moscou dans le maquis de Ho Chi Minh* (Một vụ án Môskova tại bưng biền Hồ Chí Minh), BDIC F445.

171. Ph. Devillers, *Histoire du Vietnam* ... tr.181 vt.

172. *Quyết chiến*, Huế, 3 tháng chạp năm 1945, trích dẫn do Ph. Devillers, sđđ. tr. 184.

173. Nguyễn Kỳ Nam, *Hồi Ký,* Saigon 1964, tr. 51.

174. AOM Slotfom III 54.

175. Do Bà Phương Lan dẫn trong *Nhà cách mạng Tạ Thu Thâu*, *1906-1945*, tr. 251-252.

176. Paul Isoart, *Indochine française 1940-1945*, sđd. tr.39.
Nguyễn văn Trấn, thủ hạ Trần văn Giàu, *Viết cho mẹ& Quốc hội*, California 1995, tr.106) thuật lại bửa y cùng Giàu gập gở tên cò mật thám Duchêne :« Nhà số 19 đường Jean Duclos. Tôi vừa đi vào thì thấy Sáu [Trần văn Giàu] ngồi gần cửa. Bên tay trái của anh Sáu là chủ nhà. Một thằng Tây quen, Sauteray thư ký của bộ phận SFIO là đảng xã hội ở Sài Gòn. Bên phải của ông Sáu...! Trời ơi, nó là thằng Duchêne, thanh tra chánh trị của bót lính kín bót Catinat. Tôi lần lượt bắt tay hai thằng Tây, và ngồi xuống ghế trống. Thằng Duchêne dường như thấy tôi có gì lúng túng bèn nói với tôi: Bấy lâu bọn nó tìm chẳng tháy anh. Và nay sự tìm bắt đối với anh tôi đã cắt rồi.»

177. BDIC, Arch. SU F 445.

178. *Cách mạng Tháng Tám*, sđđ. II tr. 279.

179. *Tin Điện*, Saigon 12-2-1946.

180. *Journal of the Royal Central Asian Society*, July-Oct.1953, vol. XI, p.213: báo cáo của tướng Gracey.

181. Có lẽ nói về « hồ sơ Trần Văn Giàu » do Huỳnh Văn Phương tìm thấy trong sở mật thám và Huỳnh Phú Sổ có nhận được một bản in chụp (xem: Tiểu sử Huỳnh Văn Phương về đề tài này, A.M.Savani kể lại trong cuốn *Notes sur le Phật Giáo Hòa Hảo*, tr. 18: « Trần Văn Giàu không ưa Huỳnh Phú Sổ, là người không phải không biết vụ Giàu [bí mật] giao thiệp với người Pháp từ năm 1942 đến năm 1945 (Khi nắm được chính quyền, Trần Văn Giầu đã cho bắt 35 tín đồ Hòa Hảo, trong đó có Lương Trọng Tường)».

182. Nguyễn Kỳ Nam, sđđ, tr. 225.

Chương XXII

183. Harold R. Isaacs, *No Peace for Asia* (Không có Hòa bình cho Châu Á), Massachusetts, 1967, tr. 153.

184. J.-M. Hertrich, sđđ. tr. 79.

185. *Rapport du groupe La Lutte*, avril 1948 (Báo cáo của nhóm Tranh Đấu, tháng 4-1948), BDIC, Arch. SU F 455.

186. *Đoàn công binh kháng chiến*, bản sao, Paris 1947.

187. *The Daily Telegraph* (Tin Diện Hàng Ngày), 1-10-1945.

188. J.-M. Hertrich, sđđ. tr. 165-166.

189. Dẫn trong *Tạp chí Cộng sản*, 2-1983, Hanoi, tr. 50.

190. Ngày 1-12-1946, những người sống sót như Phan Hiếu Kinh và Ứng Hòa cho tái bản tờ *Tranh Đấu*, « cơ quan vô sản Việt Nam »; trên đó họ cho đăng bản *Tuyên ngôn cộng sản*, và nói tới các « đồng chí bị mất tích » trong đó có Ngôn trước làm thợ sở Ba Son và Nguyễn Văn Tiền, cựu quản lý tờ *Tranh Đấu,* hai người từ Côn Đảo về, nhưng không tố cáo những kẻ ám sát; họ thông báo Ngô Chính Phến và Đào Hưng Long từ Madagascar trở về. Tờ tuần báo này sau vài số bị chính phủ tự trị Nam Kỳ Lê Văn Hoạch cấm.

191. Georges Chaffard, *Les deux guerres du Vietnam,* sđd.tr. 111.

192. *Cách mạng Tháng Tám*, III tr. 319.

193. Ph. Devillers, *Histoire du Vietnam*, sđd. tr. 166.

194. H. Isaacs, sđđ. tr. 137-140.

195. Fonds G.Bloch.CERMTRI, Centre d'étude, de recherche sur les mouvements trotskiste et révolutionnaire internationaux, Paris.

196. Ph.Devillers, *Paris-Saigon-Hanoi*, Paris 1988, tr. 119.

197. ntr. tr. 156.

198. ntr. tr.167.

199. ntr. tr. 179.
200. ntr. tr. 212.

201. G.Chaffard, sđđ, tr 49.

Rồi hiện bây giờ ?

202. Pierre Herbart (1904-1974), *Ligne de force*, Paris 1958, tr.26. Nhà báo vừa là nhà văn, người Pháp, đã tháp tùng Andrée Viollis sang Đông Dương năm 1931. Trong quyển tiểu truyện nầy có ghi ký ức về chánh sách điên rồ của chế độ thuộc địa Pháp, nạn dân đói, cuộc đàn áp dẫm máu thuở ấy (« Tout ne fut que démence, famine, sang »).

203. G. Boudarel, *La bureaucratie au Vietnam* (Đẳng cấp quan liêu ở Việt Nam), Paris 1983, tr. 32.

204. Vũ Thư Hiên là con Vũ Đình Huỳnh cựu thơ ký của Hồ Chí Minh. Cũng như cha, anh bị bắt năm 1967 – theo « pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng ngày 30-10-1967 » – suy định tội « chống đảng và xu hướng xét lại (revisionnisme) », anh bị hạ ngục không xét xử đến năm 1976, sau chín năm mới được thả ra. Quyển hồi ký *Đêm giữa ban ngày* (California 1997) của anh « là cái nhìn từ phía người trong cuộc, những hành động phi nhân của những vua chúa mới, một ánh sáng soi rọi vào một thời kỳ cai trị của Đảng cộng sản, một số mặt ít người biết đến của xã hội Việt Nam ».

205. Phong trào *Trăm hoa đua nở* khởi đầu mùa xuân 1956, với tập sách *Giai Phẩm 1956*, trong có bài « Ông bình vôi » của Lê Đạt:

Những kiếp người sống lâu trăm tuổi,
Y như một cái bình vôi,
Càng sống càng tồi,
Càng sống càng bé lại.

Ai ai cũng hiểu bài này ám chỉ « Cha già dân tộc » (Hồ Chí Minh tự xưng mình). Trần Dần viết một bài thơ dài đăng trong đó, bị bắt vì không tôn trọng « Người », trong ngục anh cắt họng toan tự tử. Tập *Giai Phẩm* bị tịch thu, Lê Đạt bị tống đi lao động cải tạo nhiều năm trong xưởng chế thép trên Thái Nguyên.
Họ đi ngược dòng, chống bè phái lãnh đạo « cập rằng văn nghệ » như Tố Hữu, mà đây là một sáng tác bất hủ:

Hoan hô Hồ Chí Minh
Cây hải đăng vô sản,
Bão táp chẳng rung rinh
Lửa trường kỳ cách mạng
Hoan hô Sít-ta-lin
Đời đời cây đại thọ
Rợp bóng mát hòa bình.
Giết, giết nữa, bàn tay không phút nghỉ,
Cho ruộng đồng lúa tốt, thuế mau xong,
Cho Đảng bền lâu cùng rập bước chung lòng
Thờ Mao chủ tịch, thờ Sít-ta-lin...bất diệt.

Qua mùa thu, Trăm hoa đua nở, tờ *Nhân Văn* xuất bản ngày 20 tháng 9 năm 1956, rồi kế tiếp ra đời *Đất mới, Trăm hoa, Nói thật*, ngay các báo chính thức cũng hó hé phê bình chỉ trích Đảng-Nhà nước. Báo *Nhân Văn* ra được 6 số bị đình bản ngày 11 tháng 12. Bọn cầm bút tôi tớ chính quyền tận cùng thóa mạ phong trào đòi tự do, rồi qua đầu năm 1958, 476 nhà văn chống đối bị cáo là « phá hoại mặt trận lý tưởng của Đảng », bị tập họp chỉnh huấn, kiểm thảo, tự chỉ trích, tự tố cáo đến mức tỏ vẻ ăn năn « thú tội » công khai. Nhiều người bị tống nạp vào các trại lao động cải tạo miền rừng sâu nước độc ở Việt Bắc, hoặc gởi đi nông trường gần biên giới Lào, nhiều người khác « học tập lao động » trong các hợp tác xã hay các sản nghiệp khác.
Phương pháp chỉnh huấn theo lối người Tầu, ép buộc phải « thú tội» cho đến nỗi có người phải tự tử. Ở tòa báo *Cứu quốc*, một thanh niên vô rừng thắt cổ, một thanh niên khác nuốt lưỡi dao cạo tự sát, anh này sau khi chết còn bị khai trừ khỏi đảng. (xem Tô Hoài, *Cát bụi chân ai, Hồi ký*, USA 1993, tr.113). Trần Đức Thảo, giáo sư đại học Hà Nội bị buộc « thú tội » xét lại (revisionnisme) rồi bắt đi chăn bò. Phan Khôi, 73 tuổi, Trương Tửu cảm tình Trôtski, hai nhà văn nổi tiếng không chịu « thú tội », họ không bị tù, nhưng Khôi bị an trí tại Chiêm Hoa (Tuyên Quang) còn Trương Tửu bị đuổi khỏi Đại học, vợ ông bị cấm buôn bán để sống.
Sau cùng, tháng giêng năm 1960, mấy người chủ chốt báo *Nhân Văn* bị kết án như sau: Nguyễn Hữu Đang (trước kia là thứ trưởng tuyên truyền của Hồ Chí Minh) và nữ sĩ Thụy An (Lưu Thị Yến) bị hạ ngục từ 1958 vì không chịu « thú tội » , mỗi người 15 năm tù, Minh Đức (Trần Thiếu Bảo) chủ nhà in, 10 năm tù, Phan Tai và Nguyễn Chi 6 và 5 năm tù về tội làm « gián điệp »! (Xem Hoàng Văn Chi *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, Sài Gòn 1959; *Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm trước tòa án dư luận,* Hà Nội 1959; Hoàng Ngọc Thành *Tiểu thuyết miền Bắc*), Georges Boudarel, *Dissidences intellectuelles au Vietnam, l'affaire Nhân Văn - Giai Phẩm*, Paris 1989).

206. Ngày 19 tháng chạp năm 1952, Hồ Chí Minh phát động cuộc cải cách ruộng đất, đã ghi trong chương trình ĐCS Đông Dương trên 20 năm về trước và đã bị xóa bỏ từ khi thành lập Việt Minh năm 1941: tịch thu ruộng đất địa chủ chia lại cho dân cày. Có điều mới là việc thủ tiêu giai cấp địa chủ theo lối Mao Trạch Đông.
Chính bọn cố vấn Tàu sang chỉ huy thực hiện những phương pháp đã ứng dụng bên Tàu (trong điều lệ ĐCS Việt Nam từ tháng chạp năm 1951 có ghi cơ sở chính sách của đảng là hệ thống tư tưởng Mao Trạch Đông). Trước khi bị đưa ra trước tòa án nhân dân đặc biệt, người điền chủ bị « tố khổ », những nông dân nghèo, những công nhựt, những người tôi tớ kể ra những điều khốn khổ họ bị chủ hành hạ từ bấy lâu, người bị tố bị buộc phải sám hối. Nếu người điền chủ cao lớn thì người ta đào một cái lỗ để đứng dưới cho công chúng đứng trên ngó xuống, lên án tử thì người chủ điền liền bị bắn tức khắc, đất đai, trâu bò và tài sản khác đều bị tịch thu. Những người bị án tù thì sẽ bị tống đi cải tạo. Ở miền Bắc rất hiếm đại điền chủ, những người bị kết án bị khép vào đại điền chủ, thường là những tiểu chủ, phú nông, cho đến hạng trung bần nông, không đất cũng không khỏi khi họ bị tố cáo đã cộng sự phò tá địa chủ. Nông gia theo Thiên chúa giáo cùng nông dân thuộc dân tộc thiểu số cũng bị đàn áp. Nhiều vụ tra tấn, bắn giết không cần xử. Giới

chống đối phát giác, làm cho chính quyền giả bộ quan tâm.
Đảng gửi vào làng những cán bộ đã sang Tàu rèn luyện chuyên môn cải cách ruộng đất, chúng càn quét những cán bộ cũ có cội rễ trong nông thôn, cả gia đình họ, kẻ thì bị tù kẻ bị giết. Nhiều địa chủ trước kia có giúp « cách mạng » cũng không được dung tha, như trường hợp bà Nguyễn Thị Nam có tài sản ở huyện Đồng Hỷ tỉnh Thái Nguyên, trước kia có rước bí mật các lãnh tụ cộng sản như Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng; hai con bà làm võ quan Việt Minh. Bọn cố vấn Tàu nhất định nên án xử bắn bà. Hoàng Quốc Việt là chủ tịch cải cách ruộng đất báo cáo vụ này cùng Hồ chí Minh, nhưng Hồ làm ngơ, bà Nam vong mạng (Xem Vũ Thư Hiên, *Đêm giữa ban ngày,* tr.221 vt).
Cuộc cải cách ruộng đất chấm dứt khoảng giữa năm 1956. Dân chúng xao động cho đến đỗi ngày 18 tháng 8 năm 1956, Hồ Chí Minh tự nhìn nhận cán bộ phân đẳng sai lầm và bất công đối với những địa chủ đã có công giúp kháng chiến chống đế quốc. Ngày 29 tháng 10 năm 1956, Võ Nguyên Giáp chỉ trích chính phủ nhưng đổ lỗi cho cán bộ, trách họ không biết thực hành con đường « đúng » của Đảng và Nhà nước. Chính ngày 13 tháng 11 năm 1956, nông dân nổi loạn chống bộ đội từ huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An, ổ Sô viết nông dân Nghệ Tĩnh 26 năm về trước.

207. *Đại đoàn kết*, 8-12-1989.

208. Thành Tín, *Hoa Xuyên tuyết*, California 1991, tr. 162.

209. Roland Dorgelès, *Sur la Route mandarine*, Paris 1925.

210. Trong vùng Sài Gòn, năm công ty Nam Hàn và Đài Loan sinh sản giày dép áo quần cho hiệu US Nike Inc. ở Mỹ, bóc lột 24 000 thợ, phần đông đàn bà trẻ từ 18 đến 25 tuổi. Ở xưởng Nam Hàn San Yang ở Củ Chi (6000 lao động) có êkip làm từ 5 giờ sáng đến 2 giờ xế, nghĩ nửa giờ ăn cơm ở căntin. Khi bị buộc làm thêm giờ thì phải làm đến 4 giờ chiều. Vậy ngày làm từ 9 đến 11 giờ với số lương 40 đôla hằng tháng, cao hơn số trung bình trong toàn quốc (1997).Tuần lễ làm 6 ngày, song khi chủ buộc thì phải làm thêm giờ có trả lương.
Trong giờ làm, theo báo *Vietnam Labour Watch*, thợ chỉ được đi tiểu tiện một lần cùng đi uống nước hai lần. Hành hạ thân thể, cưỡng bức đàn bà, chửi bới nhân công không phải là việc hiếm có. Có khi bọn giám thị lấy băng keo bịt miệng thợ đàn bà để họ không thể hép môi trong giờ làm. Đám nô lệ ở San Yang không biết tin ở Djakarta xứ Inđônêsi, 10 000 người làm ở sản nghiệp PT Antaya Anoka, cũng sinh sản cho hiệu US Nike, làm reo, đập phá tung văn phòng chủ sở cùng thiêu hủy hai chiếc xe ôtô. Họ được tăng lương; (*Le Monde*, 24-6-1997). Theo tin AFP ở Hà Nội, tháng 4 -1997, 3000 thợ đình công trong một xưởng giày Nike ở Nam Bộ đòi tăng lương cùng cải thiện điều kiện làm việc. Đấy là một cuộc bãi công lớn lao nổ lên lần thứ nhất trong lịch sử xứ nầy.
Ở xí nghiệp Pou Chen Vietnam Enterprise Ltd., bọn chủ Đài Loan bị truy tố: 56 người thợ đàn bà bị phạt buộc phải chạy vòng quanh xưởng chỉ vì họ mang giày không đúng thể lệ. Mười hai người đuối sức phải chở vào nhà thương.

Tại xưởng Ree Yong, chủ Đại Hàn, làm sac du hành bằng da giả gần trường bay Tân Sơn Nhứt, 617 thợ đàn bà gốc gát vùng châu thổ sông Cửu Long, họ phải làm suốt 12 giờ liên tiếp ngày thứ hai, thứ tư và thứ sáu,với số lương tháng 35 đôla, lương tối thiểu trong các sản nghiệp ngoại quốc. Cận ngày Têt (tháng 2 -1996), chủ buộc làm thêm giờ, toàn thể thợ bãi công chiếm xưởng gài cửa ở bên trong. Mặc dầu bộ Lao động và Tổng liên đoàn can thiệp, bọn chủ lùi bước họ mới làm trở lại.
Ở khu công nghiệp Tân Thuận, ngày 24 tháng 6 -1997, nhân công xưởng chế giày Delphi Co. cùng 200 ở xưởng làm găng tay Toan My Co. hè nhau ngưng việc. Sớm mai ngày 24 tháng 6, tới giờ đổi phiên 200 thợ thuộc da xưởng Delphi Co. kéo nhau bỏ việc, phản đối bọn giám thị Đài Loan hành phạt nhục mạ, chửi mắng cùng bị chúng buộc sấp hàng đợi nhiều lần ngoài mưa. Thợ đòi dứt giờ làm trội. Mấy tháng trước, bọn giám đốc buộc họ làm thêm 4 giờ khi hết phiên của họ mà không trả thêm tiền. Ai không chịu làm thêm chúng phạt 20 000 đồng (US$1.80) mổi ngày, hơn tiền công một ngày làm. Ai bị bắt đi tiểu tiện hoặc nghĩ ngơi thì mổi lần, bị cúp 50 000 đồng (US$4.50) thế thì tới cuối tháng họ bị bớt tới phân nửa số tiền công. Còn thợ xưởng Toan My ngưng việc đòi trả lương còn thiếu và mở đàm phán về cách thức trả lương. Phân bộ Tổng công đoàn vừa thành lập ở thành phố Hồ Chí Minh can thiệp. Bọn chủ nhận qua tháng sau sẻ trả tiền lương còn thiếu trong tháng 6, theo thể chế mới. Rốt cuộc thể chế trả lương mới bọn chủ khẳng định không thương lượng với thợ.
Chưa đầy một tuần sau, ngày 30 tháng 6, ở khu Linh Trung - khu công nghiệp lớn hạng nhì ở Việt Nam - 600 thợ xưởng Giai Man Co. khởi đình công từ 5 giờ sáng đến 4 giờ chiều, đòi bớt giờ làm mổi phiên, cải thiện điều kiện lao động thợ đàn bà, sấp đặt vệ sinh cùng tránh tai nạn lao động, chủ và giám thị dứt ngược đãi. Sáng ngày sau, 1 tháng 7, thợ trở lại làm, mặc dầu mọi vấn đề vẫn không được giải quyết. Sau cuộc đình công, họ cũng chưa tự đoàn kết nhau thành nghiệp đoàn, như họ đã trù tính từ hôm tháng tư.
Cũng ở khu Linh Trung, ngày 16 tháng 10-1997, ở xưởng giày Dae Yun Co. thuộc Nam Hàn, 930 thợ đình công hai ngày, phản đối việc chủ không trả tiền số thặng dư sinh sản trong tháng 9. Mổi tháng theo giao kèo, số sinh sản thặng dư, chủ phải trả tùy theo số tiền công mổi người lảnh được hằng tháng. Họ chỉ lãnh được mổi người phân nửa thôi, mổi người mất 112 800 đồng (US$10.25). Bữa 14 tháng 10, giới trách nhiệm Tổng công đoàn Lao động thành phố Hô Chí Minh đã thương lượng với bọn chủ, nhưng vô hiệu quả, thế nên hai ngày sau dân thợ tự động bãi công. Qua ngày 17 tháng 10, tên chủ Kwak Dae Hoon hâm đuổi thợ, họ trở lại làm.
Cũng trong ngày ở đây dứt đình công, thì ở khu Tân Thuận 80 thợ ngưng việc đòi trả tiền công ở xưởng Kasvina Co. Ltd. Bọn chủ Nam Hàn nói đang túng ngặt, hứa thợ trở vô làm rồi sẻ trả sau. Quan liêu cầm quyền ở vùng nầy cùng Tổng công đoàn can thiệp chấm dứt cuộc tranh đấu, cho rằng dân thợ trái phép bãi công. Tuy vụ nầy không quan trọng mấy nhưng xảy ra ở khu Tân Thuận là quan hệ lắm vì là khu công nghiệp hóa theo lối tư bản chủ nghĩa quan trọng nhất.
Trong những bài diển văn chính thức, người ta thường nhấn mạnh về kỷ luật công nghiệp. Kỷ luật theo quân đội. Ở khu Tân Định An, độ 2 000 thợ lao động trong xưởng giày Nam Cuong, một xưởng hột điều cùng hảng DaewooVietnam Electronics Co., một tốp đông thợ đàn bà mặc đồng phục xanh và vàng đang tập

lính, đi theo nhịp một hai một hai, do một người lính chỉ huy hô lên. Ở vùng Sông Bé, một số đông gái quê làm thợ trong công xưởng, sống chung nhau, đồng chịu đựng kỷ luật công nghiệp gắt gao, nhưng họ rất thông cảm và gắn bó nhau. Đây là lời tường thuật của nhà kinh tế học Thành Lưu, trong báo *Vietnam Economic Review*, no.3/4, 1997, tr.43.
(Gerard Greenfield thông tin 22-12-1997, theo *Saigon Times Weekly* 20-7-1996, tr.25; *Thời Báo Kinh tế Sài Gòn* 20-2-1997, tr.8-11*; Lao Động* 26/6 , 3/8, 30/8, 6/9, 21/10 -1997 *; Người Lao Động* 2/7, 18/10-1997) ,

211. Karl Marx, *Le Capital*, Oeuvres I, La Pléiade, Paris, tr. 613.

212. ntr. III tr. 409.

213. Maximilien Rubel, *Le socialisme réellement inexistant* (một chế độ xã hội chủ nghĩa thật sự không có chi là xã hội chủ nghĩa cả) báo *Le Monde*, 17-9-1986.

214- Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch,* Hanoi 1969.

215- *Chroniques Vietnamiennes*, No. 6 -7, Paris 1989.

216.La Boétie (1530-1563). *De la servitude volontaire ou le Contr'un* (Luận về sự tự nguyện làm nô lệ hay là về sự Chống một kẻ kia), bản do Nadia Gontarbert trình bày, Paris 1993, tr. 87. Tác giả căn cứ nơi ý nghĩ rằng nhân dân tùng phục nô lệ làm thế lực cho bọn bạo tàn chuyên chế.



Xuất quân bảo thân phù
Bùa hộ mạng binh sĩ Thiên Địa Hội

TÊN NGƯỜI

D

Đ

E

F

G

H

I

J

K

L

U

V

W

Y

Z

PHỤ LỤC

NHỮNG MẨU ĐỜI

Tiểu sử một số nhà cách mạng



Phan Văn Hùm (1902-1945)

Sinh ngày 9 tháng 4 năm 1902 tại An Thạnh (Thủ Dầu Một), con nhà tiểu chủ trí thức theo đạo Phật, đỗ sơ học năm 1922 và tốt nghiệp trường Sacxơlu-Lôba (Sài Gòn). Khởi dạy học ở Sóc Trăng năm 1923. Sau đó anh được nhận vào trường Công chính Hà Nội năm 1924, tốt nghiệp năm 1925, anh làm đốc công Trường tiền từ 1926 đến 1928. Ở Huế, nữ học sinh trường Đồng Khánh bãi khóa nhân vụ đám tang Phan Chu Trinh, anh và trường tiền Tệ, bạn anh, đem họ về trọ trong nhà. Bà Trần Thị Như Mân, bạn đời Đào Duy Anh, nhắc nhở sự nầy trong quyển *Sống với tình thương.* Vì lai vãng viếng thăm nhà cách mạng lão thành Phan Bội Châu, lúc đó đang bị giam lỏng ở Huế, anh bị buộc phải thôi việc và phải bồi thường phí tổn học tập.

Về Sài Gòn, anh trở thành người bạn và môn đệ của Nguyễn An Ninh, cùng với Ninh, đi xe đạp khắp miền quê để « thức tỉnh » nông dân. Bị vào tù lần đầu sau cuộc ấu đả với tên lính vệ là cai Nên ở Bến Lức hồi cuối tháng 9 năm 1928. Sau khi ra tù, anh viết quyển *Ngồi tù Khám lớn*, tố cáo chế độ nhà tù tàn tệ và phô bày những phương pháp tra tấn dã man của mật thám và lên tiếng bảo vệ Nguyễn An Ninh bị ghép vào tội hội kín. Sách được giới thanh niên rất hâm mộ liền bị cấm.

Xã hội này nay lắm bất bình,
Kêu sao cho thấu, hỡi Trời xanh?
Xây lầu mà ở chòi tranh nát,
Dệt lụa lại không mảnh áo lành,
Kẻ trí lường công người dốt nát,
Đứa ngu thêm sức bọn khôn lanh.
Chừng nào thiên hạ hay mình khổ,
Muôn việc lôi thôi tức khắc thành.

Đấy là một trong trong những vần thơ Phan Văn Hùm thời kỳ đó.

Tháng 7-1929, tòa kết án anh 4 tháng tù treo, qua mùng 3 tháng 9 anh đáp tàu sang Pháp. *Một bầu thế giới mênh mông, Dành riêng cho kẻ bềnh bồng phiêu lưu.* Phải

chăng hai câu thơ của Nguyễn An Ninh đã khêu gợi lòng anh ra đi lưu li bốn năm trên đất Pháp.

Tại Tuluxơ, anh có mặt trong Ủy ban sinh viên An Nam đấu tranh chống đàn áp cuộc khởi nghĩa Yên Bái tháng 2 năm 1930. Anh lên Paris tham dự cuộc biểu tình ngày 22 tháng 5 trước điện Elysê. Anh trốn thoát cảnh sát lùng bắt, chạy sang Bengit. Bên ấy, cùng Hồ Hữu Tường chuẩn bị ra một số tờ báo. Báo *Tiền Quân* ra được một số duy nhất phát biểu công việc chuẩn bị cho cuộc Đại hội lâm thời những người cách mạng An Nam xuất dương. Tiêu đề tờ báo: *Không có lý luận cách mạng, không có phong trào cách mạng* (Lênin).

Trở lại Paris vào tháng 7, anh ngả theo tư tưởng của phái cộng sản Tả đối lập và gia nhập Nhóm người Đông Dương của Liên Minh Cộng sản. Nguyên là giáo viên tiếng Việt tại trường trung học Tuluxơ, anh bị đuổi vì tuyên truyền chủ nghĩa quốc gia. Sau đó anh lại trở lên Paris ghi danh học cử nhân triết học tại đại học Sorbonne, đồng thời vẫn không bỏ những hoạt động đấu tranh (cuối năm 1930 đến 1933); anh tham gia vào phân ban Pháp của Liên minh phản đế và công tác trong Ủy ban đòi ân xá cho người Đông Dương.

Trở về Sài Gòn tháng 7-1933, anh gặp lại Tạ Thu Thâu và Hồ Hữu Tường, làm chủ bút tạp chí văn học *Đồng Nai*, tờ nầy bị cấm đầu năm 1934. Anh dạy tiếng Việt và giảng văn học tại trường trung học Paul Doumer. Giữa 1935 anh bị đuổi khỏi trường vì đã tổ chức thầy giáo bãi khóa.

Anh tham gia vào mặt trận hiệp nhất La Lutte. Sau khi mặt trận tan vỡ năm 1937, anh tiếp tục với Tạ Thu Thâu viết bài trên báo *Tranh Đấu-La Lutte*, trở thành cơ quan của Đệ tứ Quốc tế.

Được bầu vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ tháng 4 năm 1939, qua cuối tháng 6 anh bị bắt rồi bị kêu án 5 năm tù và 10 năm biệt xứ ngày 15 tháng 10, về việc cổ động phản đối công trái và đảm phụ quốc phòng. (Theo thường lệ, đối với tù chính trị bị kết án tù từ 3 năm trở lên sẽ bị đưa ra Côn Đảo).

Mãn tù, bị phù thũng từ trong ngục, anh bị quản thúc tại Tân Uyên (Biên Hòa). Sau cuộc Nhật đảo chính anh xuống Sài Gòn và được bác sĩ Hồ Tá Khanh chữa chạy. Anh hoạt động cùng anh em trong nhóm Tranh Đấu, giữa các biến cố tháng 8 năm 1945.

Hồ Chí Minh phái người vào Nam hạ bệ Trần Văn Giàu, cải tổ Ủy ban hành chánh lâm thời Nam Bộ, phong trạng sư Phạm Văn Bạch chủ tịch chính quyền Việt Minh. Hội nghị mở rộng Ủy ban nhân dân Nam Bộ, mời các xu hướng chính trị khác tham gia. Ngày 10 tháng 9 năm 1945, nghe đâu người ta dự kiến mời Phan Văn Hùm nhưng anh từ chối.

Giữa phong trào chống quân Pháp tái chiếm thuộc địa, Dương Bạch Mai bắt giam Phan Văn Hùm tại vùng Biên Hòa vào tháng 10 năm 1945. Anh cùng một số tù chính trị khác toàn là người An Nam đều bị giết tại Song Lòng Son (trên đường xe lửa chặng giữa ga Phan Thiết và Tour Cham), thi thể xô xuống sông.

Buổi tối trước khi dời đi khỏi Biên Hòa, anh đối khẩu cuối cùng với Dương Bạch Mai (cả hai đều có chân trong nhóm La Lutte và đồng bị đày ra Côn Đảo năm 1940). Mai nói: « Ở Côn Nôn, tôi biết anh đã từng đưa lưng cho ngục tốt đánh để che chở kẻ khác, nhưng bây giờ là cách mạng... ». Hùm trả lời:« Nếu anh muốn giết tôi thì cứ giết ngay tại đây, cần gì phải dời đi chỗ khác làm gì? »

Theo một môn đệ của Stalin như Dương Bạch Mai, cần phải thủ tiêu mất tích tác giả quyển *Ngồi tù Khám Lớn,* nhà văn cách mạng đã kích thích thanh niên đột khởi một

thời. Chuyện trên đây là do một người đồng bị giam với Phan Văn Hùm được sống sót, thầy giáo Trương Minh Hải, người gốc ở Cù lao Phố, thuật lại cho Trần Nguơn Phiêu hiện làm y sĩ ở Texas.
Tác phẩm chính: *Ngồi tù Khám lớn*, Sài Gòn 1929; Dương Linh, *Mấy đường tơ* (tập thơ); *Sa đà du tử* (Nhật ký, cảm tưởng về du hành và sống ở Pháp) đăng báo *Thần chung*; *Biện chứng pháp phổ thông*, Sài Gòn 1936; Nguyễn Phi Hoanh, *Tolstoi*, Sài Gòn 1939; *Phật giáo triết học* Hà Nội 1942; *Vương Dương Minh, Thân thế và học thuyết*, Hà Nội 1944.

Tạ Thu Thâu (1906-1945)
Ngày 20 tháng 5 năm 1939, ba tháng rưỡi trước khi nổ ra cuộc chiến tranh, toàn quyền Đông Dương Giulơ Borêviê đã dành tới bốn trang điện báo gửi cho Bộ trưởng Thuộc địa Giogiơ Mănđel để báo cáo về Tạ Thu Thâu. Y so sánh thái độ Nguyễn Văn Tạo, người cộng sản thuộc phái Stalin « có thái độ trung thành với nước Pháp trong trường hợp có chiến tranh, thái độ phù hợp với Đảng cộng sản Pháp », trong khi đó những người cộng sản xu hướng Trôtski, dưới sự lãnh đạo của Tạ Thu Thâu » dự kiến
« lợi dụng cơ hội chiến tranh có thể xảy ra để giải phóng hoàn toàn xứ sở » và « một khi Tạ Thu Thâu được tha thì hắn sẽ tiếp tục khuấy động phong trào gây ly tán về đạo đức, chính trị và kinh tế ».
Tạ Thu Thâu bị hao mòn sức lực thanh niên trong bàn tay bọn cai ngục Pháp. Khi ra tù vào tháng 2-1939 anh hầu như bị tê liệt. Sau bốn năm trong banh Côn Đảo, rồi mười tháng sau khi ra khỏi ngục, thủ hạ Hồ Chí Minh hạ sát anh ở Quảng Ngãi năm 1945.
Mẹ anh mất vì bị lao khi anh 11 tuổi; anh giúp cha để nuôi 6 miệng ăn. Học hết lớp ba, anh phải làm lon-ton ở sở Trường tiền, cuối lớp nhì, đi dạy học cho trẻ con trong gia đình một hương chức để kiếm 5 đồng bạc. Năm 14 tuổi thi đỗ vào trường Trung học Xacxơlu-Lôba; năm 17 tuổi được cấp học bổng. Chính trong bầu không khí giới thanh niên học sinh hướng về tinh thần quốc gia sôi sục khấp nơi, anh tốt nghiệp trung học. Về sau, anh thuật lại:
Chúng tôi sống những ngày nặng nề đầy lo âu về mặt trí thức trong một bầu không khí rừng rực vì sự căng thẳng cùng cực cứ mỗi lúc một tăng giữa chính quyền và người dân bản xứ. Trong giờ học chúng tôi lén đọc báo cấm, giờ chơi chúng tôi họp kín. Chúng tôi chỉ có hai tư tưởng: ám sát cá nhân và lập một đạo binh ở bên Tầu để giành lại nền độc lập nước nhà.
Đầu năm 1926, lực lượng của chúng tôi tụ tập lại thành Đảng Jeune Annam (Annam Trẻ).
Đám tang Phan Chu Trinh hồi háng tư 1926, Tạ Thu Thâu cùng đồng chí diễu hành dưới tấm biểu ngữ « Cách mạng An Nam muôn năm! », và vụ bắt giam Nguyễn An Ninh, – nhà cách mạng vô chính phủ-lãng mạn – đã khởi phát một phong trào học trò bãi khóa, rời bỏ nhà trường, nhân viên nhà băng Đông Dương cùng thợ sở Ba Son (xưởng Thủy binh) bãi công cũng như phong trào thanh niên sang Pháp du học.
Năm 21 tuổi, Thâu ở Paris, nhập ban khoa học trường Đại học. Thoạt đầu anh hoạt động trong Đảng An Nam Độc lập (PAI) rồi anh cầm đầu nhóm nầy sau khi Nguyễn Thế Truyền, người sáng lập đảng trở về Sài Gòn năm 1926. Đồng thời cùng Huỳnh Văn Phương viết báo *La Résurrection* (Phục Hưng), một tờ báo ra hàng tháng, nhưng bị tịch thu ngay khi phát hành.

Vào tháng giêng năm 1929, tiếp sau một cuộc đụng độ giữa nhóm « Thanh niên Yêu nước » (cực hữu) của Taittinger với những người Việt chịu ảnh hưởng đảng PAI, Tạ Thu Thâu lên tiếng phản đối báo *Nhân Đạo* (Humanité), cơ quan ĐCS Pháp vì trong bài tường thuật báo nầy có ác ý, anh phản đối vì thái độ bất can thiệp đối với những người Việt bị bắt trong buổi họp đó và phản đối luôn « bọn lãnh lương ở phân ban thuộc địa của ĐCS Pháp » – ám chỉ những người Việt trong phân ban thuộc địa của ĐCS Pháp do Nguyễn Văn Tạo cầm đầu – đã hành động chia rẽ hàng ngũ đảng PAI. Tờ truyền đơn của anh kết thúc như sau: « Trong tình cảnh nô lệ thái quá của chúng tôi, chúng tôi kêu gọi những người bị áp bức trên các thuộc địa: Hãy đoàn kết lại chống chủ nghĩa đế quốc Âu châu dù trắng hay đỏ, nếu các bạn muốn có một chỗ đứng vững dưới ánh mặt trời.» (Chủ ý: Thâu chỉ sử dụng từ chủ nghĩa đế quốc theo nghĩa chính trị, chứ không theo nghĩa chủ nghĩa đế quốc tư bản, giai đoạn cuối cùng của tư bản chủ nghĩa như Lênin định nghĩa). Tháng 3 năm 1929, anh bảo vệ đảng PAI trước tòa án quận Seinơ, nhưng thất bại; tòa án công bố giải tán đảng PAI.
Từ ngày 20 đến 30 tháng 7 năm 1929, anh tham dự Đại hội lần 2 của Liên minh chống đế quốc họp tại Forănfo (xứ Đức). Tại Paris anh gặp gỡ các nhân vật tả phái như Fêlixien Salâydơ, Forănxi Giuôcđe, Đaniel Ghêre cùng Alforêđ Rôsme, người đã giới thiệu anh vào Tả đối lập Pháp (xu hướng Trôtski).
Sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái (tháng 2 năm 1930) Tạ Thu Thâu phân tích nguyên nhân phong trào quốc gia thất bại. Rồi viết một loạt bài trong báo *Sự Thật* (La Vérité), cơ quan của phái Tả đối lập (tháng 4, 5 và 6 năm 1930) trình bầy tư tưởng chính trị của mình đối với cuộc cách mạng ở Đông Dương.
Đối với anh sự lưỡng phân không còn là độc lập hay nô lệ, mà là chủ nghĩa quốc gia hay chủ nghĩa xã hội, nghĩa là để cho giai cấp tiểu tư sản trí thức nắm quyền hay là giải phóng cho giai cấp vô sản và nông dân nghèo.
Ké đến sinh viên, lao động An Nam biểu tình trước điện Êlysê (Paris) ngày 22 tháng 5 năm 1930 để phản đối những án tử hình sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái. Tạ Thu Thâu bị bắt cùng 18 đồng bào trẻ tuổi rồi bị tống xuống tàu trục xuất khỏi nước Pháp ngày 30 tháng 5. Về tới Sài Gòn ngày 24 tháng 6, Thâu và các bạn được phái Stalin đón tiếp bằng vô số truyền đơn vu khống là những người phản cách mạng.
Để sống, Thâu đi dạy học tại các trường tư, nhưng thường mất việc vì mật thám can thiệp. Vợ anh là Nguyễn Thị Ánh phải buôn bán chiếu để nuôi gia đình.
Phong trào nông dân 1930-1931 thất bại nặng nề, đồng chí trong hàng ngũ đảng Cộng sản Đông Dương ở Nghệ An cùng Nam Kỳ đem ra xem xét phê phán Quốc tế Cộng sản đã chỉ thị phiêu lưu, kết liểu đảng bị thủ tiêu, vô số nông dân bị tàn sát vô triển vọng. Tạ Thu Thâu, Phan Văn Chánh và Huỳnh Văn Phương thỏa thuận với Hồ Hữu Tường cùng Đào Hưng Long, thành lập nhóm cộng sản Tả đối lập vào tháng 11 năm 1931.
Tháng 4 năm 1932, nhóm Tả Đối Lập phân liệt sau cuộc tranh luận nên hay không nên gia nhập vào ĐCS Đông Dương. Tạ Thu Thâu phát hành tờ báo chiến đấu *Vô Sản.* Anh bị bắt ngày 6 tháng 8 năm 1932 rồi qua cuối tháng giêng 1933 được tại ngoại hầu tra. Ra tù, anh tham gia nhóm La Lutte (Tranh đấu).
Nhóm nầy thành lập do Nguyễn An Ninh sáng kiến, nhằm tham dự cuộc tuyển cử hội đồng thành phố Sài Gòn cuối tháng tư 1933. Đấy là cuộc hiệp nhất đầu tiên giữa đám chiến sĩ « công khai » chiến đấu chống chế độ thực dân, gồm cộng sản xu hướng Trôtski (Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương, Phan Văn Chánh), xu hướng Stalin (Nguyễn Văn

Tạo), hoặc quốc gia dân tộc chủ nghĩa (Trần Văn Thạch, Lê Văn Thử)... tất cả đều xem Ninh như một người đàn anh.

Họ đưa ra một Sổ Lao động tranh cử, phát hành tờ *La Lutte* ngày 24 tháng 4 năm 1933 làm cơ quan công bố chương trình binh vực thợ thuyền, nông dân, tiểu thương. Tạ Thu Thâu viết báo *La Lutte* cùng đứng ra ăn nói trên diễn đàn trong các cuộc hội họp. Hai người đắc cử Nguyễn Văn Tạo và Trần Văn Thạch xáo động hội đồng thành phố một thời, ba tháng sau thì bị hủy chức.

Tờ báo thôi xuất bản sau cuộc tuyển cử. Tạ Thu Thâu tổ chức những cuộc nói chuyện về lý luận biện chứng pháp trước đông đảo học sinh, thơ ký cùng thợ thuyền tại Nhà hội khuyến học (Maison d'enseignement mutuel), viết bài trong tờ *Đồng Nai*, tạp chí văn học có xu hướng xã hội do Phan Văn Hùm chủ trương, và dịch sang quốc ngữ cuốn *Principes élémentaires de philosophie* (Những nguyên lý cơ bản của triết học) của Politzer.

Qua năm sau, mặt trận liên kết thứ hai thành lập lại do Nguyễn An Ninh và Gabơriel Pêri, đảng viên ĐCS Pháp chủ động: báo *La Lutte* tái bản ngày 4 tháng 10-1934. Các đồng chí xu hướng Trôtski sẻ không dùng tờ báo để chỉ trích Liên Sô cùng những người phái Stalin, còn những người phái Stalin sẽ thôi chỉ trích xu hướng Trôtski. Với tờ *La Lutte* họ chuẩn bị tuyên truyền trong cuộc tuyển cử tháng 3 năm 1935 vào Hội đồng quản hạt, nhưng tranh cử không thành công. Qua tháng 5, Tạ Thu Thâu, cùng bạn là Trần Văn Thạch với hai người phái Stalin là Dương Bạch Mai và Nguyễn Văn Tạo được đắc cử vào Hội đồng thành phố Sài Gòn, chuyến nầy cũng như chuyến trước, họ cũng sẽ bị hủy chức sau một thời gian hoạt động bênh vực dân nghèo đề kháng bọn hội đồng tư sàn và thực dân Pháp.

Bị truy tố về « hoạt động gây lật đổ chính phủ bằng con đường báo chí », ngày 27 tháng 6 Thâu bị kết án treo hai năm tù; sau đó anh bị bắt giam ngày 26 tháng chạp, vì ủng hộ phu đánh xe thổ mộ đình công, nhưng hôm sau được thả. Ngày 18 tháng 3, báo *La Lutte* ra tòa lần thứ nhất, Thâu bị xử nộp phạt 500 forăn.

Giữa năm 1936, chính phủ Mặt trận Bình dân thành lập ở Pháp. Phong trào thợ thuyền Pháp đình công chiếm xưởng nổ ra lan rộng, chấn động tới Đông Dương.

Nhóm *La Lutte* cùng các lãnh tụ lập hiến chuẩn bị triệu tập Đông Dương Đại hội, một thứ Mặt trận Bình dân ở Đông Dương, kêu gọi nhân dân thành lập những Ủy ban hành động nhằm mục đích tỉnh ngộ quần chúng hiểu rõ những nguyện vọng của mình, để chỉ định những đại biểu đi dự Đông Dương Đại hội. Đại hội này sẽ chuyển giao những thỉnh nguyện của quần chúng cho một Ủy ban điều tra của nghị viện Pháp do chính phủ Blum dự kiến, nhưng ủy ban nầy sẽ chẳng bao giờ tới Đông Dương.

Xu hướng chính trị ôn hòa của Thâu đã bị chỉ trích ngay từ tháng 9, sau vụ án Môskơva lần thứ nhất, trên báo *Chiến sĩ* (Le Militant) của Hồ Hữu Tường, một tờ tuần báo tiếng Pháp đầu tiên xu hướng Trôtski, ra công khai.

Các lãnh tụ phái Lập hiến, đã từng cùng nhóm La Lutte khởi xướng cuộc Đông Dương Đại hội, mau chóng rút khỏi phong trào. Kế đó Thâu bị bắt cùng với Ninh với Tạo tháng 9 và 10-1936. Bị giam theo chế độ thường phạm (mặc dù có nhiều cuộc tuyệt thực dài ngày mang lại một số cải thiện như không bị bắt buộc phải mặc áo tù xanh, có bảng đen, có sách vở, nhưng chế độ của tù chính trị không bao giờ có trong suốt thời kỳ thực dân), họ được thả đầu tháng 11 sau mười một ngày tuyệt thực và phản đối.

Những cuộc bãi công lớn đã nổ ra từ ngày 26 tháng 11 năm 1936. Chính phủ Bơlum vẫn chưa có một biện pháp nào để cho công việc làm của người bản xứ bớt vô nhân đạo hơn; ngay trong nhóm La Lutte, Thâu cũng đã phê phán không nể nang Mặt trận Bình dân đã quên những lời hứa hẹn cải cách ở các thuộc địa; những người thuộc phái Stalin liền đoạn tuyệt với Thâu bằng một lá thư công khai ngày 17 tháng chạp 1936.

Tháng 4 năm 1937, cuộc tuyển cử vào Hội đồng thành phố Sài Gòn tập hợp lần cuối hai người trúng cử là Thâu và Tạo. Cuối tháng 5, theo chỉ thị của Môskơva chuyển qua ĐCS Pháp, phái Stalin rời bỏ nhóm La Lutte và ra tờ báo *L'Avant-garde* (Tiên Phong), trên đó họ gọi những người xu hướng Trôtski là «anh em sinh đôi của chủ nghĩa phát xít». Lúc đó Thâu và Tạo đang ở trong tù và chỉ được tự do tạm ngày 7 tháng 6. Đầu tháng 7, anh bị kêu án 2 năm tù, nhưng vẫn được ở ngoài trong khi chống án.

Báo *La Lutte* tiếp tục xuất bản, bấy giờ trở thành cơ quan xu hướng Đệ tứ Quốc tế.

Dân thợ sở hỏa xa đình công, Thâu liền bị tống vào ngục. Từ 30 tháng 8 anh bắt đầu tuyệt thực. Ngày 17 tháng 9, người ta phải khiêng anh đến trước tòa án Sài Gòn, Thâu bị kết án hai năm tù với 10 năm biệt xứ.

Đến 16 tháng 2 năm 1939, giáp Tết Nguyên đán anh mới được thả ra. Vẫn bị biệt xứ, anh tiếp tục viết tờ *Tranh Đấu* - báo *La Lutte* xuất bản bằng chữ quốc ngữ bắt đầu từ tháng 10 năm 1938 - và kêu gọi các chiến hữu tập hợp lại trong một đảng Đệ tứ Quốc tế. Quốc tế mới vừa chính thức thành lập vào tháng 9 năm 1938 tại Pêri-nhy, gần Paris.

Tạ Thu Thâu được bầu vào Hội đồng quản hạt tháng 4 năm 1939 cùng với hai chiến hữu là Trần Văn Thạch và Phan Văn Hùm. Cuộc tuyển cử nầy chỉ có cử tri hữu sản có quyền bỏ thăm. Họ bào cử những ứng cử viên cộng sản Đệ tứ là để phản đối chính sách phòng thủ Đông Dương, trong lúc phái cộng sản Đệ tam bắt tay phái phú hào lập hiến hổ trợ tăng cường quân lực Pháp để « phòng thủ nước Pháp ở Đông Dương », tán đồng công trái, thuế má, đảm phụ quốc phòng làm các lớp tư sản bản xứ bất mãn, dân chúng thêm nghiên nghèo.

Ảnh hưởng nhóm Đệ tứ vang dội. Trong khi ấy từ Trung Quốc Nguyễn Ái Quốc đẩy tòan những chiến sĩ xu hướng Trôtski vào tử lộ thông qua ba bức thư gửi cho « các đồng chí thân mến » ở Hà Nội trong tháng 6 và tháng 7 năm 1939, ký tên P.C.Line, trong đó Nguyễn Ái Quốc đả kích dữ dội các lãnh tụ xu hướng Trôtski ở Tàu, cho họ là tay sai đế quốc Nhật, rồi khẳng định rằng « *bọn trôtskit chẳng những là kẻ thù chủ nghĩa cộng sản, chính chúng là bọn phản bội và gián điệp đê hèn...Bọn trôtskit Tàu (cũng như bọn trôtskit toàn các xứ) chỉ là một lũ vô loại gây tai hại, lũ chó săn của chủ nghĩa fát xít Nhật (và chủ nghĩa fát xít quốc tế)* » (nguyên văn) (xem Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, III tr.97-100).

Mươi ngày trước khi cuộc tàn sát toàn cầu nổ lên, toàn quyền Bơrêviê tìm được dịp để rũ bỏ Thâu bằng cách cho phép anh rời bỏ xứ sở để đi xứ ngoài chữa bệnh. Ngày 23 tháng 8, Tạ Thu Thâu sang Thái Lan.

Bị bắt tại Singapo ngày 10-10-1939 anh bị giải về Sài Gòn. Qua tháng tư 1940, anh bị kết án 5 năm tù, 10 năm biệt xứ và 10 năm bị tước quyền công dân rồi đày đi Côn Đảo cho tới tháng 10 năm 1944.

«Sau thời gian thụ hình gian khổ, anh bị quản thúc tại Long Xuyên. Trong một bức thơ viết cho một người bạn thời niên thiếu [bà Phương Lan]:

Về ở quản thúc tại châu thành Long Xuyên, chổ mà một phần tư thế kỷ trươc kia anh sống một cách vô lự. Hai mươi bốn năm đã qua... cậu nhỏ kia gãy cánh trở về. Ở ngoài

đảo, nhờ truyền ngôn, anh học được một số thi và trọn bộ *Kim Vân Kiều*. Bây giờ có sách, anh muốn ôn lại cho rõ chữ và rõ nghĩa.»

Từ khá lâu bị tách biệt với bên ngoài, Thâu nóng vội tìm hiểu tình hình: lấy cớ đi chữa bệnh, anh được phép tới Sài Gòn trong thời gian ngắn. Một người quen biết cũ, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch - người vừa có liên hệ mật thiết với Iida, thủ lĩnh cơ quan văn hóa Nhật, vừa có tiếp xúc bí mật với Việt Minh. Thạch giới thiệu anh với Hà Huy Giáp mà anh đã biết thời nhóm Jeune Annam (Annam Trẻ) và bấy giờ là người được ĐCS Đông Dương cử vào Sài Gòn để hướng dẫn phái Stalin trong Nam theo đường lối Việt Minh. Anh cũng gặp Hồ Văn Ngà, người cổ vũ Đảng Quốc gia Độc lập và Huỳnh Phú Sổ, đầu sư giáo phái Hòa Hảo vì vấn đề thống nhất phong trào mà tham gia vào phong trào Việt Minh, nhưng không phải là không e ngại về Việt Minh toan nắm bá quyền.

Đối với Thâu, dựa dẫm vào thế lực của các nước phương Tây hoặc nước Nhật để giành lại độc lập là điều không chắc chắn và chẳng có triển vọng gì giải phóng cho công nhân và nông dân nghèo. Phải thành lập lại một đảng công nhân và bất chấp các phong trào của phái quốc gia và phái theo Stalin. Đó chính là điều anh phác ra cùng với những người trong nhóm La Lutte trước kia khi họ gặp nhau ở Sài Gòn sau ngày 9 tháng 3 năm 1945, ngày Nhật đảo chính Pháp.

Cuối tháng 4, Thâu bí mật ra Bắc; chính lúc đó nạn đói hoành hành ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Ngày 14 tháng 5, nhật báo *Sài Gòn* đăng lời của anh kêu gọi giúp đỡ, ở Huế gởi về:đTình cảnh nguy cho đến đổi, nếu được tôi yêu cầu anh em ở Nam kỳ, mổi người ăn vừa đủ sống thôi. Còn dư ra gôm lại gởi ra đây tức thì. Nếu ở Nam kỳ hành động chậm trong một tháng rưỡi nữa, 50% dân chúng miền Bắc (Bắc kỳ và Bắc Trung kỳ) sẽ bị chết một cách thê thảm không bút nào tả được.

Ở Bắc Kỳ anh may mắn gặp gỡ các đồng chí chủ trương tờ báo *Chiến đấu*, xu hướng Đệ tứ, nhất là Lương Đức Thiệp, liên lạc cùng nhiều thanh niên rời bỏ việc học hành để lao mình trong phong trào làm thức tỉnh ý thức chính trị của tầng lớp nghèo khổ nhất mà họ muốn giải thoát khỏi sự tuân phục mù quáng để mạnh dạn tự do tranh đấu và tự quyết định. Anh cùng họ tham dự những cuộc hội họp thợ mỏ tổ chức bí mật tại các vùng mỏ và các cuộc họp tại Nam Định và Hải Phòng, cũng như những cuộc họp bí mật của nông dân ở Hải Dương và Thái Bình. Đối với vấn đề mà họ lo lắng khi nghe những lời dối trá của Việt Minh khắp nơi gán cho họ là những phần tử đi ngược lợi quyền công nhân.

Bom nguyên tử thiêu hủy Hirôsihma và Nagasaki ngày 6 và 9 tháng tám 1945, Hồ Chí Minh kêu gọi tổng khởi nghĩa. Tạ Thu Thâu lên đường trở về Nam. Đến Huế, để đánh lạc hướng mật thám Việt Minh, anh chia tay với người bạn trẻ tuổi đã dấn thân là Đỗ Bá Thế. (Theo lời chị Ánh, Tạ Thu Thâu bị tê liệt tay phải nhờ Thế sát cánh viết giúp cho anh. Thế thoát chết, về sau tường thuật cuộc Bắc du cùng Tạ Thu Thâu trong quyển *Thím Bảy Giỏi*).

Những gì tiếp sau đó, thiên hạ kể lại khác nhau, không ai biết đích xác nơi Thâu bị Việt Minh bắt, nhưng đều cùng nói là ở Quảng Ngãi. Một ngày đầu tháng 9 năm 1945, ở Mỹ Khê trên cánh đồng dương liễu giáp bờ biển, khi tên Tư Ty ra lệnh bắn Thâu, dường như các vệ quân lưởng lự. Kẻ vất xát những người bị hạ sát - cả một nhóm anh em cảm tình Tạ Thu Thâu, trong đó có Hồ Đắc Di - xuống chung một hố đã chôn riêng « anh ấy ». Thế nên về sau có nấm mộ Tạ Thu Thâu.

Sau này người ta biết được là Hà Tôn Thắng, vùng Sầm Sơn và Lương Đức Thiệp ở Đan Phượng đã nhiệt tình tiếp đón Tạ Thu Thâu, đều đã bị « làm cỏ » cùng cả gia đình và

bạn bè của họ. Người ta không còn thấy dấu vết gì những thanh niên đất Bắc mà chúng tôi đã gợi.
Đaniel Guêrin chất vấn Hồ Chí Minh về vụ ám sát Tạ Thu Thâu khi Hồ sang Paris năm 1946, thì Hồ trả lời: «Tất cả những ai không đi theo đường lối do tôi đã vạch ra sẽ bị diệt ».
Chết rồi mà không khỏi thóa mạ. Bọn Ngô Đình Diệm đặt tên Tạ Thu Thâu một đường phố Sài Gòn bên hông chợ Bến Thành. Chúng toan lợi dụng cảm tình dân chúng đối với nhà cách mạng, để chống đối Hồ Chí Minh. Khỏi phải nói, sau 1975, tên ấy không lâu bị xóa đi, nhưng người Sài Gòn vẫn cứ gọi đó là đường Tạ Thu Thâu.

*

Lịch sừ thường hay phù hợp với diễn văn của kẻ thắng trận, và trong số những sử gia có thiên hướng về Việt Nam, đã có không ít người vội chạy mau đến cứu trợ sự chiến thắng (voler au secours de la victoire), tâm trí họ bị mây khói thời đại ám mờ đi. « Tôi chỉ tin những chuyện mà các nhân chứng có thể bị người cắt họng », đó là câu nói của Pascal mà Jean Chesneaux đã dẫn ra - thật buồn cười làm sao! - khi mà hai mươi năm sau những vụ án quái gở ở Môskơva và ngay trước lúc có báo cáo mật của Khơrutxôp về những tội ác của Stalin, vẫn còn viết trong cuốn *Contribution à l'histoire de la nation vietnamienne* (Góp vào lịch sử dân tộc Việt Nam), Paris 1955, tr. 220:
«Vào năm 1937-1938, những người lãnh đạo trốtskít [cộng sản xu hướng Trốtski] như Tạ Thu Thâu, đứt giao thiệp với những người cộng sản [xu hướng Stalin]. Bị giảm thiểu thành một phái nhỏ, lạc khỏi con đường lớn mà sức ép của dư luận đã một thời buộc họ phải dấn thân, chẳng bao lâu họ đã bị suy thái hoàn toàn, thậm chí *trở thành những tay sai trực tiếp của người Nhật năm 1944-1945.* »(Chúng tôi nhấn chữ xiên. N.V.)
Một sai lầm kép hay một sự vu khống kép? Sự tuyệt giao giữa hai xu hướng cộng sản hiệp nhất trong nhóm La Lutte năm 1937 là hành động của những người thuộc phái Stalin, cũng đã tung ra luận điệu vu khống trắng trợn về « bọn trốtskit, tay sai của Nhật ». Khi sự thật đang mang giầy sửa soạn đi ra thì lời dối trá đã đi khắp một vòng quanh trái đất: mười hai năm sau, nhà sử học Mỹ J.Buttinger lập lại lời Chesneaux khẳng định mà chẳng bàn luận gì:« Tạ Thu Thâu, người mà Chesneaux đã buộc tội trở thành tay sai của người Nhật trong thời gian 1944-1945, đã bị Việt Minh thủ tiêu vào năm 1946. »
Sự vu khống đó, cái vết máu trí tuệ (tache de sang intellectuelle, từ ngữ của Lautréamont), đã được rửa sạch chăng khi, vào năm 1987, Chesneaux cuối cùng đã phải rút lui ý kiến khi có một trong số độc giả đả động tới:« Hiển nhiên, cái câu về những người trốtskit Việt Nam làm tay sai cho Nhật (Trong cuốn *Contribution*, p 220) đã mang dấu ấn của bầu không khí Stalin trong ĐCS Pháp những năm 1952-1953. Tôi xin vui lòng rút lui ý kiến đó ».
Còn về phần đẳng cấp quan liêu Đảng-Nhà nước ở Việt Nam, vào năm 1983 vẫn còn lúng túng thêm bớt bản soạn cũ, họ viết trong *Tạp chí Cộng sản* số 2, tr. 59:
Sau cuộc đảo chính Nhật lật đổ Pháp, một số (trốtskit) đã trở thành tay sai của đế quốc Pháp; một số khác đã công khai làm gián điệp cho Nhật; Tạ Thu Thâu, lãnh tụ của Đệ tứ

Quốc tế ở Việt Nam, đã cộng tác với nhóm Tân Việt Nam, một tổ chức thân Nhật do Nhật bảo trợ định nắm lấy chính quyền trước Việt Minh.
Qua 1987, ở miền Nam nhóm « những người kháng chiến cũ » thuộc phái Stalin lại đồng ca những điệp khúc đó: « Sau cuộc đảo chính Nhật hất cẳng Pháp, bọn trốtskit càng giương cao ngọn cờ thân Nhật » (Hà Huy Giáp).
Như thế là gần nửa thế kỷ qua, cuộc đời của những thanh niên cách mạng xu hướng Trôtski ở Đông Dương đã bị chặt đứt. Tiếng nói của họ vĩnh viễn rơi vào im lặng. Và trong khi mà ở Liên Sô, ánh sáng bắt đầu le lói soi rọi vào những vụ án mang tính chất quỉ ma phù thủy những năm ba mươi và những vụ vu khống tồn tại dai dẳng, thì cái bản sao, cái sự dối trá kiểu Stalin ở xứ Việt vẫn cứ tiếp diễn.



Phan Văn Chánh (1906-1945)
Người gốc Bình Trước (Biên Hòa), thuộc gia đình trung lưu - cha làm thư ký trong bộ máy chính quyền - anh học tại trường trung học SacxơluLôba, sang Pháp ngày 25 tháng 9 năm 1925 và ghi danh học khoa Y Dược tại Paris.
Anh cộng tác với báo *Báo của sinh viên An Nam* (Journal des Etudiants annamites) do Trần Văn Thạch chủ trương, tham gia Đảng An Nam Độc lập cùng Tạ Thu Thâu rồi cùng Thâu nhập vào Phái Tả đối lập năm 1930. Bị trục xuất khỏi Pháp tháng 5 năm 1930.
Tại Sài Gòn, anh dạy học trường tư và tham gia thành lập phái Tả đối lập. Vào năm 1932, để thức tỉnh ý thức giới cần lao, cùng Huỳnh Văn Phương bí mật xuất bản một số sách, trong đó có những cuốn chữ Pháp dịch sang chữ quốc ngữ như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, *Chủ nghĩa xã hội không tưởng và chủ nghĩa xã hội khoa học*... Bị bắt ngày 8 tháng 8-1932, bị kêu án 4 năm tù treo ngày 1 tháng 5-1933, ra tù anh tham gia nhóm La Lutte. Bị bắt ngày 13 tháng 7-1939, qua tháng 3 - 1940 anh bị kết án 3 năm tù, 5 năm biệt xứ và 10 năm tước quyền công dân rồi bị đưa ra Côn Đảo.Vẫn hoạt động trong nhóm Tranh Đấu giữa các biến cố năm 1945. Lọt vào tay bọn sát thủ của Trần Văn Giàu, anh bị bắn vào tháng 10 trong bưng biền Thủ Dầu Một.

Huỳnh Văn Phương (1906-1945)
Xuất thân từ một gia đình giầu có, sang Pháp năm 1927 sau khi học trung học Sacxơlu-Lôba ở Sài Gòn. Học ba năm Luật tại Paris, gia nhập Đảng An Nam Độc lập, viết báo *La Résurrection* (Phục Hưng), « cơ quan thanh niên cách mạng An nam », sau đó cuối 1929, cùng Tạ Thu Thâu và Phan Văn Chánh tập hợp trong Phái Tả đối lập Đông Dương. Anh là tác giả bài *La mise en valeur de l'Indochine et la bourgeoisie annamite* (Công cuộc khai thác Đông Dương và giai cấp tư sản An Nam) đăng trong tạp chí *Lutte de classes* (Đấu tranh giai cấp tháng 4-1930). Bị trục xuất hồi tháng 5-1930 đồng lược với Thâu, anh là một người trong số sáng lập phái Tả đối lập ở Sài Gòn.
Năm 1933, anh cộng tác nhóm La Lutte cùng viết trong tạp chí *Đồng Nai*, một tạp chí văn học. Từ đó tới 1936 anh vẫn hoạt động trong nhóm La Lutte. Tuy nhiên, năm 1935 anh tự động ủng hộ hai ứng cử viên Lập hiến vào Hội đồng quản hạt là Dương Văn Giáo, trên tờ

báo tư sản *Đồng Thanh* và Huỳnh Ngọc Nhuận, qua một tờ truyền đơn ở Bạc Liêu. Từ đó Tạ Thu Thâu coi anh như một « vi trùng dịch hạch trong phong trào lao động ».
Năm 1936, Phương rời Sài Gòn ra Bắc Kỳ, ở đó hoàn tất khóa học về Luật trong khi cộng tác với báo *Le Travail* (Lao Động) - tương tự như *La Lutte* ở Sài Gòn - rồi với báo *Progrès social* (Tiến bộ xã hội). Nhóm Tia Sáng, xu hướng Trôtski ở Bắc, lên án anh như một kẻ trung phái, rồi coi anh như một kẻ phản bội khi anh thảo diễn văn chính trị cho Phạm Lê Bổng, người phái bảo hoàng. Trở về Sài Gòn làm luật sư, đến cuối 1939 chính quyền thực dân không động chạm gì đến anh trong cuộc đàn áp lúc thế giới chiến tranh khởi đầu.
Sau cuộc đảo chính Nhật ngày 9-3-1945, nhóm Trí thức tập hợp xung quanh Huỳnh Văn Phương tham gia Mặt trận Quốc gia Thống nhất của Hồ Văn Ngà. Sau khi Nhật trao quyền Nam Kỳ cho Hồ Văn Ngà, Ngà phong Hồ Vĩnh Ký cùng Huỳnh Văn Phương chỉ huy sở mật thám Nam Kỳ. (Thế mà Trần Văn Giàu sẽ viết trong cuốn sách *Lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam*: « Bọn trốtskit đã kiểm soát cơ quan mật thám và cảnh sát từ ngày 9 tháng 3 ». Sự thật, tên đại tá Nhật Ichikawa (tiếng Việt Nhất Xuyên) kiểm soát sở mật thám Sài Gòn sau ngây đảo chính (xem báo *Sài Gòn* ngày 1-6-1945). Ở đó Phương phát hiện một tập hồ sơ bí mật về Trần Văn Giàu có liên lạc với mật thám Pháp, bèn chụp những chứng cứ đó thành bốn bản, đưa cho Hồ Vĩnh Ký, Đạo Khùng thủ lĩnh Hòa Hảo, và Dương Văn Giáo lãnh tụ Lập hiến. Giáo và Phương sẽ bị đao thủ của Trần Văn Giàu hạ sát, còn hai người kia cũng cấp vong mạng trong tay Việt Minh.
Theo lời bác sĩ Hồ Tá Khanh, một người cùng bị giam chung với Huỳnh Văn Phương ở Chợ Đệm là dược sĩ Thái Văn Hiệp ở Đakao (Sài Gòn), đã tận mắt thấy đao thủ lôi thây Phương dẫm máu.



Trần Văn Thạch (1903-1945)
Sinh tại Chợ Lớn, trong một gia đình trung lưu, đỗ tú tài năm 1925 tại trường trung học Sacxơlu-Lôba. Tại Pháp vào tháng 5 năm 1926, chuẩn bị để lấy bằng cử nhân triết học ở Tuluxơ, rồi lên nhập Văn khoa đại học Paris.
Ngày 15-3-1927 anh sáng lập tờ báo *Journal des Etudiants annamites* (Tờ báo của sinh viên An Nam) và trên báo đó, ngày 15 tháng chạp, anh viết « Một giấc mơ kỳ lạ » (Un rêve singulier), một kiểu dự đoán chính trị trong đó anh mường tượng thành phố Sài Gòn trước ngày độc lập, với một đảng tư sản và một đảng công nhân đối lập. « Chương trình hành động tốt nhất mà chúng ta có thể chấp nhận được là chương trình gồm cả giải pháp cho vấn đề xã hội và giải pháp cho vấn đề dân tộc », đó là lời tuyên bố của anh nói với một nhà tư sản kiến thức không hẹp hòi.
Tháng giêng 1928, trong một bài báo khác, anh phản đối những người theo chủ nghĩa quốc gia bảo thủ. Trong tập san của « Liên Minh chống áp bức của thực dân và đế quốc chủ nghĩa », anh viết bài phản đối « bọn cai trị chúng ta, chúng mong muốn một cách đê nhục là đào luyện chúng ta như thế nào đó để mãi mãi chúng ta trở thành một con người chỉ biết tuân phục...»

Gặp Tạ Thu Thâu trong đảng An Nam độc lập, anh khẳng định mục đích học hành ở nước ngoài phải nhằm giải phóng xứ sở. Tháng giêng 1929, trên *Báo của sinh viên An Nam* anh nhấn mạnh tầm quan trọng của sự đoàn kết giữa trí thức và lao động. Vào tháng 5, khi anh chủ trì Hội tương tế Đông Dương ở Paris, anh phản đối bộ Thuộc địa về các vụ trục xuất người An Nam.

Trở về Sài Gòn tháng giêng năm 1930, Trần Văn Thạch dấn thân vào thời cuộc sắp bị cuộc khởi nghĩa Yên Bái cùng phong trào nông dân đảo lộn sâu sắc, tiếp theo là cuộc đàn áp đẫm máu năm 1930-1931. Anh kiếm sống bằng cách đi dạy văn học trong các trường tư, rồi tham gia nhóm La Lutte, cùng các bạn « từ Pháp trở về » quần tụ xung quanh Nguyễn An Ninh để công khai đương đầu chính quyền thực dân. Trong các cuộc tuyển cử vào Hội đồng thành phố, tháng 4-tháng 5 năm 1933 tại Sài Gòn, anh đứng tên trong sổ Lao động của nhóm La Lutte đưa ra bênh vực một chương trình đòi cải cách: đòi quyền bãi công, ngày làm 8 giờ. Anh được trúng cử cùng Nguyễn Văn Tạo, phái Stalin, nhưng chính quyền thực dân không thể dung túng hai « ông hội đồng cộng sản », hủy chức họ trong vài tháng sau.

Trong phong trào Đông Dương Đại Hội 1936, anh công tác trong Ủy ban hành động của nhóm La Lutte. Năm 1937, anh đi điều tra vụ điền chủ chiếm đoạt đất đai nông dân ở Rạch Giá. Sau khi báo *La Lutte* đăng bản báo về những cuộc bê bối ấy và sau khi Tạ Thu Thâu chuyển đơn khiếu nại của nông dân đến thống đốc Nam kỳ, chính quyền phải cho mở cuộc điều tra.

Tháng 6-1937, khi Nguyễn Văn Tạo cùng bè bạn xu hướng Stalin, thừa mạng lịnh Moskơva dứt cộng tác với xu hướng Trôtski, nhóm La Lutte tan rả, Trần Văn Thạch đứng về phía các đồng chí Tạ Thu Thâu. Qua tháng 9, anh bị kết án hai tháng tù về tội hoạt động nghiệp đoàn. Trong cuộc tuyển cử Hội đồng quản hạt tháng 4 năm 1939, anh được đắc cử cùng Tạ Thu Thâu và Phan Văn Hùm, nhưng qua tháng 10 anh bị hủy chức trong lúc bị giam trong Khám lớn

Tháng 4 năm 1940, trước tòa, khi anh bị trách cứ về tội kích động chống lại ngân sách quốc phòng, anh nói xứ sở anh dân quá nghèo làm sao chịu đựng nổi. Tòa kêu án 4 năm tù, 10 năm biệt xứ và tước quyền công dân, anh bị đầy ra Côn Đảo.

Trở về đất liền năm 1944, anh sống quản thúc ở Cần Thơ. Sau ngày 9 tháng 3 năm 1945, chính quyền Pháp bị quân Nhật lật đổ, anh cùng các đồng chí trong nhóm La Lutte tổ chức Đảng thợ thuyền cách mạng, rồi cho tái bản tờ *Tranh Đấu* khi Nhật đầu hàng.

Ngày 23 tháng 9-1945 Sài Gòn nổi dậy bạo động chống quân đội Pháp tái chiếm thành phố. Nhóm Tranh Đấu, sau khi chịu tổn thất nặng nề ở mặt trận Tân Bình, các chiến sĩ còn sống sót rút về Thủ Đức, đóng ở Xuân Trường. Nơi đây, một hôm khuya, công an của Trần Văn Giàu ùa đến vây bắt cả nhóm.

Ngay trước khi quân đội Anh-Ấn tiến vào Thủ Dầu Một ngày 23 tháng 10-1945, bọn ngục tốt Việt Minh tại bưng biền miệc Bến Súc liền hạ sát tất cả những người bị cầm tù. Khi sắp bị bắn, Trần Văn Thạch trao chiếc đồng hồ túi của mình cho một thanh niên gát ngục, trước là học trò cũ của anh, nhờ đưa lại cho em anh. Bà bác sĩ Nguyễn Ngọc Sương, vợ Hồ Vĩnh Ký- người khởi xướng phong trào Phụ nữ Tiền phong - và chồng bà cũng bị bắn đồng loạt độ ba mươi người, bà nói với tên cầm súng: « Hãy nhằm đúng tim tôi mà bắn!» (một người ở vùng đó thuật với tác giả).

Nguyễn Văn Số (1905-1945)
Sinh ngày 6 tháng 10 năm 1905 tại Chợ Lớn trong một gia đình nghèo, là môn đệ hăng hái của Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Số bị đuổi ra khỏi trường Sư phạm Sài Gòn năm 1926 vì hoạt động chính trị. Anh đi làm bồy tàu, có trú một thời gian tại Macsâydơ rồi trở về Sài Gòn vào năm 1928. Anh làm việc trong một nhà in và dạy học trong một trường tư.
Có chân trong nhóm La Lutte, anh được dự cử trong các cuộc tuyển cử năm 1933, 1935 và 1939. Bị bắt vào tháng 7 năm 1937 vì lập hội bất hợp pháp (Ủy ban khởi phát nghiệp đoàn), bị giam tại Khám lớn Sài Gòn, anh tuyệt thực tháng 9 anh được thả. Bị lao nặng, anh lại bị bắt và kết án ngày 10 tháng 11 năm 1937 một năm tù và 10 năm biệt xứ vì hoạt động « lật đổ chính quyền ». Lại bị bắt vào tháng 9 năm 1939, anh bị đày ra Côn Đảo.
Giữa biến cố năm 1945, mặc dầu sức khỏe tiều tụy anh vẫn chung lưng đâu cật với anh em nhóm Tranh Đấu. Anh là một trong số người bị Việt Minh ám sát trong vùng bưng biền Thủ Dầu Một hồi tháng 10 năm 1945.



Trần văn Sĩ (1907-1941)
Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1907 tại Tân Thạnh Đông (Gia Định), sau khi học xong ở Hà Nội, anh làm đốc công Trường tiền, rồi sang Pháp ngày 22 tháng 7 năm 1929.
Ở Paris cùng Nguyễn Văn Lịnh, từ năm 1931, khích động nhóm Cộng sản tả phái Đông Dương, tự coi có nhiệm vụ sửa chữa « những sai lầm của ĐCS Đông Dương, hướng theo tinh thần Phái tả Đối lập xu hướng Trôtski ở Nga ». Ở Paris, anh cùng Maurice Nadeau công tác chung trong chi bộ tả Đối lập Pháp ở.quận 13.
Từ tháng 2 năm 1932, nhóm này trình bầy trên một tờ báo in rônêô, sau đó đặt tên *Đuốc Vô Sản*, những luận thuyết của Phái tả Đối lập về cách mạng Đông Dương, và sau đó bị những người An Nam trong phân ban thuộc địa của ĐCS Pháp công kích dữ dội. Rốt cuộc vào tháng 10 năm 1933, khi nhận thấy không thể được chấp nhận như bộ phận đối lập trong ĐCS Đông Dương, nhóm này trình bầy với ban Thư ký Quốc tế ý định thành lập một đảng cộng sản mới. Năm 1935, Trần Văn Sĩ đứng trong hàng ngủ những người khởi xướng việc thành lập phân bộ Đệ tứ Quốc tế ở Đông Dương.
Trở về Nam Kỳ năm 1937, Sĩ tham gia nhóm La Lutte, bấy giờ đã trở thành cơ quan xu hướng Trôtski, sát cánh Tạ Thu Thâu. Năm 1939 trong cuộc tuyển cử Hội đồng quản hạt tháng 4, anh đứng tên trong sổ Đệ tứ Quốc tế. Bị bắt ngày 13 tháng 7 vì đã « phản đối việc thành lập một quỹ quốc phòng và đề nghị đem khoản tiền đó để làm việc công ích », anh bị kết án ba năm tù. Sau đó chết tại Côn Đảo.



Hồ hữu Tường (1910-1980)

Xuất thân trong một gia đình tá điền, Hồ Hữu Tường bị đuổi ra khỏi trường trung học Cần Thơ năm 1926; sang Pháp và ít lâu sau đỗ tú tài, bắt đầu toán học ở Đại học Macsâydơ và mãn khóa ở Lyon. Tháng 5 năm 1930, Tường gặp Tạ Thu Thâu tại Paris trong cuộc biểu tình của người An Nam đòi thả những người khởi nghĩa ở Yên Bái bị kết án tử hình. Thoát khỏi bị bắt, trốn sang Bơruxelơ với Phan Văn Hùm, hai người phát hành tờ *Tiền Quân*, rồi họ trở lại Paris ít lâu sau khi Tạ Thu Thâu bị trục xuất. Họ tập hợp lại quanh nhóm Naville, Moliniê và Fơrank, một nhóm người Đông Dương phân bộ Liên minh Cộng sản (Đối lập), gồm có Nguyễn Văn Lịnh, Trần Văn Sĩ, La Văn Rớt, Nguyễn Văn Nhi, Nguyễn Văn Nam, Nguyễn Văn Cử. Cùng các chiến hữu thảo ra một bản *Tuyên bố của Phái tả Đối lập Đông Dương* gửi cho Trôtski, nhưng hình như cốt để nói với đồng bào đang sôi sục về chính trị trong không khí sôi nổi đấu tranh của nông dân trong xứ.

Trở về Sài Gòn đầu năm 1931, anh dạy toán trong các trường tư. Tháng 5 anh gặp Đào Hưng Long, người đã tách ra khỏi đảng Cộng sản sau khi Sôviết Nghệ Tĩnh thất bại, rồi gầy dựng nhóm Liên minh Cộng sản đoàn ở Bạc liêu, Tường mời họ tham gia Phái tả Đối lập.

Tháng 8-1931 anh cùng Đào Hưng Long bắt đầu in ra tờ tạp chí *Tháng Mười*, in xoa xoa, khổ bỏ tuối. Qua tháng 11 tất cả những người cộng sản đối lập tập hợp trong Phái tả Đối lập. Tháng 4 năm 1932, trong khi Tạ Thu Thâu xuất bản tờ *Vô Sản*, Tường tiếp tục tạp chí Tháng Mười. Tháng 11 Tường bị bắt rồi bị kết án 3 năm tù treo trong vụ xử 21 người cộng sản xu hướng Trôtski, ngày 1 tháng 5-1933 ở Sài Gòn.

Có chân trong nhóm La Lutte từ lúc đầu. Năm 1935, bí mật tán trợ Lư Sanh Hạnh gầy dựng « Chánh đoàn cộng sản quốc tế chủ nghĩa, phái tán thành Đệ tứ Quốc tế », chính anh đã viết - trong tạp chí *Cách mạng thường trực* của nhóm nầy - lý luận xây dựng một « đảng quần chúng », đối lập đảng CS Đông Dương gồm những người cách mạng chuyên nghiệp chỉ biết tuân phục.

Tháng 9 năm 1936, Tường tách ra khỏi nhóm La Lutte, xuất bản tờ *Le Militant* (Chiến sĩ), tố cáo chính trị đàn áp thường xuyên của Mặt trận Bình dân, mà báo *La Lutte* phê bình một cách rụt rè, và ra mặt công kích chủ nghĩa Stalin.

Tháng 9-1938, lợi dụng quyền tự do tương đối về xuất bản báo chí bằng chữ quốc ngữ, Hồ Hữu Tường và Đào Hưng Long liền xuất bản tờ báo chiến đấu *Thày Thợ* và cho tái bản tạp chí lý luận *Tháng mười*, đăng điều lệ của Đệ tứ Quốc tế, giải thích lý luận của cách mạng thường trực áp dụng cho Đông Dương và kêu gọi tất cả các đồng chí từ Bắc tới Nam hãy đoàn kết lại để xây dựng một đảng theo Đệ tứ Quốc tế.

Hồ Hữu Tường bị bắt từ đầu chiến tranh cuối 1939 và bị đầy ra Côn Đảo. Sau khi được tự do vào năm 1944, Tường công bố với các bạn cũ:« Tôi trở về con đường dân tộc, tôi cho rằng việc giai cấp vô sản giải phóng nhân loại là một huyền thoại lớn của thế kỷ 19 và tiềm năng cách mạng của giai cấp vô sản ở châu Âu và Bắc Mỹ là một huyền thoại lớn của thế kỷ 20 ».

Sau ngày Nhật đảo chính tháng 3 -1945, Hồ Hữu Tường đi ra Bắc. Ngày 27 tháng 8, người ta thấy tên Hồ Hữu Tường dưới tờ điện tín Ủy ban Nhân dân Cách mạng Bắc Bộ gửi khấn Bảo Đại thoái vị, bên cạnh hai gương mặt quan trọng của Việt Minh là Nguyễn Văn Huyên và Nguyễn Xiển:

Trở lại Nam Kỳ sau khi đất nước bị phân chia (1954), Hồ Hữu Tường làm cố vấn cho tướng cướp Bẩy Viễn rồi bị Ngô Đình Diệm kết án tử hình vào năm 1957. Nhờ Nehru và Albert Camus can thiệp, anh thoát chết rồi bị đưa ra Côn Đảo. Sau khi Diệm bị đổ, anh trở thành dân biểu đối lập thời Nguyễn Văn Thiệu.
Năm 1977, hai năm sau ngày quân đội miền Bắc tiến vào Sàigon, anh bị giam trong « trại lao động cải tạo ». Khi quá kiệt sức được thả ra khỏi trại, anh chết gục trước thềm nhà mình ngày 26 tháng 6 năm 1980.
Bốn năm sau, ở Paris xuất hiện tập tự sự ngắn của Hồ Hữu Tường: *41 năm làm báo, Hồi Ký* .



Đào Hưng Long (1905 - ...)
Gốc ở Long Trì (Rạch Giá), gia nhập Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội năm 1926. Qua năm 1929 trong khi phân liệt anh thuộc cánh cộng sản theo Ngô Gia Tự và trở thành đặc ủy miền Tây Nam Kỳ của ĐCS Đông Dương.
Phong trào nông dân 1930-1931, Sô viết Nghệ Tĩnh thất bại, anh phê phán đường lối của đảng, cho rằng đảng rơi vào chủ nghĩa phiêu lưu, mang tính chất công-nông mà đoàn lãnh đạo phần lớn xuất thân từ trí thức và nông dân. Đầu năm 1931, anh thành lập ở Bặc Liêu nhóm Liên minh cộng sản đoàn, tổ chức một « ban mạo hiểm » có nhiệm vụ làm tiền cho đảng. It tháng sau, Hồ Hữu Tường, kéo Long nhập Phái tả Đối lập. Bị bắt ngày 24 tháng 10 năm 1932, anh bị kết án 1 năm tù rồi đưa đi làm khổ sai đập đá miền núi Châu Đốc. Ở đó anh lôi cuốn tù thường phạm làm reo, tuyệt thực phản đối công việc lao dịch. Chủ ngục đàn áp bạo tợn cuộc đấu tranh này, tống anh trở về Khám lớn Saigon.
Đào Hưng Long sinh sống tại Saigon với nghề vẽ biển hiệu. Năm 1936, thời kỳ Mặt trận Bình dân, anh tham gia phong trào Đong Dương Đại hội, viết cuốn *Phương pháp làm việc của một Ủy ban hành động*. Năm 1937, bị kết án hai tháng tù vì vận động nghiệp đoàn. Cuối 1938, cùng Hồ Hữu Tường xuất bản tờ báo công khai bằng chữ quốc ngữ *Thày Thợ* rồi viết trong báo *Tia Sáng* từ tháng giêng 1939. Đồng bị cáo phản đối chiến tranh, công trái và thuế đảm phụ phòng thủ Đông Dương như các đồng chí *Tia Sáng* , anh bị kết án 2 năm tù, 10 năm biệt xứ ngày 2 tháng 10-1939. Trong lúc chiến tranh, anh bị giam trong các trại Tà Lài và Bà Rá, rồi đầy sang Mađagasca, chỉ trở lại xứ nhà vào năm 1947. Đào Hưng Long lặng bỏ đường lối đấu tranh giai cấp và từ ấy theo Hồ Hữu Tường trên con đường chủ nghĩa dân tộc trung lập.



Lư Sanh Hạnh (1912-1982)
Sinh tại Bến Tre trong một gia đình trung lưu, học trung học ở Mỹ Tho. Năm 1932, là một ủy viên cộng sản có uy tín trong thành ủy Sài Gòn, anh định tổ chức lại đảng trên một cơ sở có phê phán, cho ra tờ *Lao Công*. Bị bắt ngày 9 tháng 10-1932 rồi bị kết án 15 tháng tù, anh bị tống đi Vũng Tàu đẩy xe rùa chở đá sỏi. Anh lôi cuốn tù thường phạm cùng đồng khổ sai bãi công. Bọn ngục tốt giam anh vào hầm tối, anh tuyệt thực dài ngày, rốt

cuộc chúng trả anh về Khám lớn Sài Gòn.
Anh bán hết gia sản, làm thợ cắt tóc lưu động để tuyên truyền rồi làm phóng viên cho báo *Đuốc Nhà Nam* của phái Lập hiến. Tháng 7 năm 1935, anh bí mật thành lập « Chánh đoàn cộng sản quốc tế chủ nghĩa (phái tán thành Đệ tứ Quốc tế) ». Sau đó một năm cả nhóm bị hạ ngục khi Chánh đoàn này kêu gọi tổng bãi công hồi tháng 6-1936. Hạnh bị kết án 18 tháng tù. Tháng giêng năm 1939 anh cộng tác với tờ *Tia Sáng*. Anh trốn thoát lưới mật thám hồi tháng 9 năm 1939, ẩn thân miền Tây Nam Kỳ trong mấy năm chiến tranh.
Cuối 1944 Lư Sanh Hạnh trở lại Sài Gòn bí mật xây dựng Liên minh Cộng sản, Đệ tứ Quốc tế. Sau khi Nhật đầu hàng, Liên minh vận động thành lập những Ủy ban nhân dân, một chính quyền dân chúng phôi thai, phân tranh lưỡng quyền với chính phủ tự tuyên bố của Trần Văn Giàu. Ngày 14 tháng 9 năm 1945, khoảng ba chục đại biểu các Ủy ban nhân dân tụ họp tại trụ sở cùng với Lư Sanh Hạnh, công an Việt Minh ập tới, tước vũ khí và bắt họ giam lại. Ngày 22 tháng 9, người Anh làm chủ Khám lớn, dịp tình cờ mà Hạnh và các chiến hữu thoát khỏi tay sát thủ của Việt Minh.
Sang Pháp năm 1947, anh viết bài trong tạp chí *Quatrième Internationale* (Đệ tứ Quốc tế) dưới bút danh Lucien. Trở về xứ năm 1954, Lư Sanh Hạnh chết vì bệnh lao ở Sài Gòn ngày 2 tháng 11 năm 1982.



Nguyễn Văn Lịnh (1909-1951)
Sinh tại Bến Súc (Thủ Dầu Một), Nguyễn Văn Lịnh sang Pháp năm 1926, học trung học Misơlê ở Vănvơ, rồi theo khoa Văn tại đại học Paris. Cùng Trần Văn Sĩ, anh khởi xướng nhóm Cộng sản Tả phái Đông Dương tại Pháp từ 1931.
Trở về Nam Kỳ vào đầu cuộc chiến tranh, anh dậy học trường tư tại Cần Thơ. Anh gia nhập Liên minh Cộng sản Quốc tế chủ nghĩa ở Sài Gòn tháng 8 năm 1945, phụ trách huấn luyện chính trị công nhân xe điện Gò Vấp và giữ liên lạc giữa các chiến hữu ở bưng biền và thành phố.
Tháng giêng năm 1950, ba người lãnh đạo Liên minh Cộng sản Trung hoa (vào năm 1948 nhóm ấy có 380 đảng viên công nhân và sinh viên) là Peng Shuzi cùng vợ là Cheng Bilan, và Liu Jialang đến gặp anh em ở Sài Gòn. Vài tháng sau, họ cùng Nguyễn Văn Lịnh và Liu Khánh Thịnh được người mời tới tham dự một cuộc họp bí mật tại một vùng quân quản của Việt Minh ở Biên Hòa để thảo luận vấn đề phái Đệ tứ tham gia kháng chiến. Lịnh, Thịnh và Liu Jialang bị sa bẫy ngày 13 tháng 5 - 1950. Họ mất tích từ ấy. Một thời gian sau đài truyền thanh bưng biền của Việt Minh truyền báo kết tội họ là « tay sai của đế quốc Pháp ».

Trần đình Minh, tự Nguyễn hải Âu (1912-1946)
Thi sĩ Nguyễn Hải Âu là tác giả cuốn tiểu thuyết nói về một người con gái nghèo, xấu và câm và khi được yêu thì nói được và nở sắc đẹp. Có lẽ là biểu tượng cho những kẻ nô lệ được sống một cuộc đời đích thực nhờ ở cuộc cách mạng xã hội. Anh cũng viết về kinh tế: *Kinh tế học phổ thông* (Hà Nội, 1944), *Kinh tế thế giới 1929-1934* (Hà Nội, 1945). Anh đã bỏ nghề dạy học để làm thợ in tại nhà in Lê Văn Tân ở Hà Nội, nơi in tờ

báo bí mật *Cờ Đỏ* năm 1944-1945. Anh đến Sài Gòn vào tháng 7 năm 1945, chung hoạt động cùng các đồng chí ở đây. Được đoàn công binh xưởng xe điện Gò Vấp cử ra lãnh đạo cùng với Nguyễn Văn Thương trong cuộc khởi nghĩa ở Sài Gòn hồi tháng 9-1945. Anh chết tại mặt trận Mỹ Lợi gần Cao Lãnh (Sađéc) ngày 13 tháng giêng 1946, dưới làn đạn của đội quân bổ xung bản xứ trong quân đội Pháp giả trang làm du kích. Dân làng Mỹ Tây đã xây cho anh một ngôi mộ.

Lương Đức Thiệp (- 1945)
Người quê ở Thanh Hóa, đã sáng lập Đảng thợ thuyền xã hội Việt Bắc và xuất bản tờ *Chiến Đấu,* có Tạ Thu Thâu cộng sự năm 1945 lúc Thâu ngụ ở Bắc Kỳ. Anh bị đuổi khỏi trường Carô thành chung Nam Định sau cuộc bãi khóa phản đối giáo sư tây « Pôl mũi đỏ » lão chửi học trò đồ đểu, con lợn, giống An Nam bẩn thỉu. Mùa thu năm 1930, Lương Đức Thiệp toan trốn đi ngoại quốc. Anh bị bắt tại Băngkoc, điệu về Thanh Hóa, sau một năm tù, anh bị quản thúc tại quê quán.
Anh bị đao thủ của Hồ Chí Minh ám sát năm 1945, nhà văn Tô Hoài khêu gợi trong quyển hồi ký *Cát bụi chân ai* (Californie, 1993).

Lê Quang Lương tự Bích Khê (1915-1946)
Thầy giáo vừa là nhà thi sĩ dân mến, người quê Thu Xà (Tư Nghĩa, Quảng Nam). Cha có chân trong phong trào Đông du. Anh đã dịch quyển *Retour de l'URSS* (Đi Liên Sô về) của Anđơrê Giđơ. Anh chết năm 1945, sau đó dân chúng vì mến trọng anh nên họ đặt tên con đường từ bến xe đò đến cửa thành phía Đông là đường Bích Khê, mặc dầu trong địa đồ chính thức thành Quảng Ngãi không có tên con đường ấy.
Mộ anh bị bỏ hoang, đầy cỏ rậm, như anh đã tiên cảm trong mấy vần thơ trong bài Nấm Mồ:

Đầy cỏ xanh xao mấy lớp phủ,
Trên mồ con quạ đứng yêm hơi.

Năm 1991, gia đình muốn di táng anh về Thu Xà sinh quán của anh.Tên Bốn, thơ ký Ủy ban nhân dân làng, không cho phép, đưa ra những lẽ này: anh chết vì bệnh lao, hài cốt có thể sang độc trong làng; ngoài ra anh là « trốtkit », « theo các nhà cách mạng trưởng thành, chủ nghĩa trốtkit thực là phản động » (Trần Đang điều tra, đăng trong báo *Lao Động*, báo Tổng công đoàn lao động Việt Nam ngày 20-1-1994).



Edgar Ganofsky (1880-1943)
Người Pháp, gốc ở đảo Rê-u-nion, là một giáo viên bị thải hồi vì chính trị, luôn luôn chống đối chính quyền (xem tờ báo của ông *La voix libre* {Tiếng nói tự do}1923-1932), một người xu hướng chủ nghĩa tự do tuyệt đối, sống thanh đạm theo lối người An Nam trong một căn phố nghèo ở Đakao. Toàn tâm toàn ý chống thực dân chủ nghĩa, ông nhận làm quản lý công không cho báo *La Lutte.* Vào năm 1939, ký tên quản lý tờ *Tia Sáng*, ông bị kết án 1 năm tù và 5 năm biệt xứ hồi tháng 9-1939. Qua tháng 6 -1940 án của ông đổi thành 3 năm tù và 10 năm biệt xứ, bị quản thúc ở Cần Thơ, ông chết trong tình trạng khốn cùng năm 1943.

LỜI CÁM ƠN

Hận tư tâm hữu sở bất tận,
bỉ một thế nhi văn thái bất
biểu ư hậu dã.

Tư Mã Thiên

Hận thâm tâm có điều không
được hả lòng, nhục nhằn
thay cùng đời mà văn chương
lượm lặt không thể nêu tỏ đời sau.

Tác giả tận lòng cảm ơn tất cả các bạn đây đó đã giup về chuyển ngữ, cùng tài liệu và hình ảnh. Nhờ nhà xuất bản đã tận tâm giúp quyển sách ra đời mà tác giả khỏi nổi ân hận như nhà họ Tư Mã ngày xưa.

L'INSOMNIAQUE éditeur
63, rue de Saint-Manđé
93200 Montreuil
France

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NĂM
CÁCH MẠNG HAY PHẢN CÁCH MẠNG THÁNG 8 NĂM 1945

LỜI CÁM ƠN

Hận tư tâm hữu sở bất tận,
bỉ một thế nhi văn thái bất
biểu ư hậu dã.

Tư Mã Thiên

恨私心有所不盡
鄙沒世而文采不
表於後也。司馬遷

Hận thâm tâm có điều không
được hả lòng, nhục nhằn
thay cùng đời mà văn chương
lượm lặt không thể nêu tỏ đời sau.

Tác giả tận lòng cảm ơn tất cả các bạn đây đó đã giup về chuyển ngữ, cùng tài liệu và hình ảnh. Nhờ nhà xuất bản đã tận tâm giúp quyển sách ra đời mà tác giả khỏi nổi ân hận như nhà họ Tư Mã ngày xưa.

L'INSOMNIAQUE éditeur
63, rue de Saint-Mandé
93200 Montreuil
France

Địa chỉ mua sách ở Mỹ :
XXXXXX

In xong ngày ...... tháng 1999
tại nhà in ..... ờ Huston, cho nhà xuất bản L'insomniaque

